

Quốc Sử Quán Triều Nguyễn

**Quốc Triều Chánh Biên
Toát Yếu**

要撮編正朝國

Chủ biên: Cao Xuân Dục

Thế Kỷ 20
(1908)

| | | |
|--|------------------------------------|------------|
| Tựa sách: | Quốc Triều Chính Biên Toát Yếu | Năm |
| Soạn giả: | Tổng tài Quốc Sử Quán Cao Xuân Dục | 1908 |
| Dịch giả: | Quốc Sử Quán Triều Nguyễn | 1925 |
| Nhà xuất bản: | Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam | 1972 |
| Chuyển sang ấn bản điện tử bởi: | Lê Bắc, Doãn Vượng, Công Đệ | 2001 |
| Điều hợp: | Lê Bắc - bacle@hotmail.com | 2001 |

QUỐC TRIỀU CHÍNH BIÊN TOÁT YẾU

Miếu Hiệu Liệt Thánh

Hưng Tổ Hiếu Khương Hoàng Đế

(phụ chép)

Khi Ngài 28 tuổi, chiếu thứ tự được lập, sau bị quyền thần Trương phúc Loan hiếp chế, Ngài phiền lo mà băng, thọ 33 tuổi.

I. Thế Tổ Cao Hoàng Đế (1778-1820)

Năm Mậu Tuất (năm thứ 39 hiệu Cảnh Hưng nhà Lê : năm thứ 43 hiệu Càn Long nhà Thanh bên Tàu : 1778), Ngài mới 17 tuổi, đóng ở Sài gòn, các quan tôn Ngài làm Nguyên Soái, quyền coi việc nước.

Năm Canh Tí (năm thứ 41 hiệu Cảnh Hưng nhà Lê : năm thứ 45 hiệu Càn Long nhà Thanh : 1780), Ngài 19 tuổi, lên ngôi Vương.

Năm Nhâm Tuất (năm thứ 7 hiệu Gia Khánh nhà Thanh : 1802) Ngài 41 tuổi mới lên ngôi Hoàng Đế, kỷ nguyên Gia Long, ở ngôi 18 năm, thọ 58 tuổi.

II. Thánh Tổ Nhon Hoàng Đế (1820-1841)

Năm Canh Thìn (năm thứ 25 hiệu Gia Khánh nhà Thanh : 1820), Ngài 30 tuổi, nối ngôi, kỷ nguyên Minh Mạng, ở ngôi 21 năm, thọ 50 tuổi.

III. Hiến Tổ Chương Hoàng Đế (1841-1848)

Năm Tân Sửu (năm thứ 21 hiệu Đạo Quang nhà Thanh : 1841), Ngài 35 tuổi, nối ngôi, kỷ nguyên Thiệu Trị, ở ngôi 7 năm, thọ 41 tuổi.

IV. Dực Tôn Anh Hoàng Đế (1848-1884)

Năm Mậu Thân (năm thứ 28 hiệu Đạo Quang nhà Thanh : 1848), Ngài 18 tuổi, nối ngôi, kỷ nguyên Tự Đức, ở ngôi 36 năm, thọ 55 tuổi.

Cung Tôn Huệ Hoàng Đế (1884)

(Phụ chép)

Khi Ngài 32 tuổi, Đình thần phụng di chiếu lập lên, cư tang mới được 3 ngày, bị bỏ, đến triều Thành Thái mới truy tôn.

Phế Đế (1884)

(Phụ chép)

Nguyên phong Lăng Quốc Công ; khi Ngài 37 tuổi thời Tự Quân là Đức Cung Huệ bị bỏ, Đình thần rước Ngài nối ngôi, nghị định năm sau sẽ đặt niên hiệu Hiệp Hòa, nhưng nối ngôi mới được 4 tháng 10 ngày, bị thí, việc ấy cũng đương trong năm Tự Đức thứ 36.

V. Giản Tôn Nghị Hoàng Đế (1884-1885)

Năm Giáp Thân (năm thứ 10 hiệu Quang Tự nhà Thanh : 1884) , Ngài 15 tuổi, nối ngôi, kỷ nguyên Kiến Phúc, ở ngôi 1 năm, thọ 16 tuổi.

Xuất Đế (1885)

(Phụ chép)

Năm Ất Dậu (năm thứ 11 hiệu Quang Tự nhà Thanh : 1885), Ngài 14 tuổi, nối ngôi, kỷ nguyên Hàm Nghi, ở ngôi 11 tháng (từ tháng 6 năm Giáp Thân đến tháng 5 năm Ất Dậu), rồi cũng bá thiên¹.

VI. Cảnh Tôn Thuần Hoàng Đế (1886-1888)

Năm Bính Tuất (năm thứ 12 hiệu Quang Tự nhà Thanh : 1886), Ngài 22 tuổi, nối ngôi, kỷ nguyên Đồng Khánh, ở ngôi 3 năm, thọ 25 tuổi.

Lời Phụ Chú: Sách này biên chép khởi từ năm Nhâm Tuất là năm thứ 1 hiệu Gia Long, đức Thế Tổ lên ngôi Hoàng Đế, cho đến năm Mậu Tý là năm Đồng Khánh thứ 3, cộng 87 năm.

Nếu kể từ năm Mậu Tuất, đức Thế Tổ nhiếp chính² cho đến năm Mậu Tý, cộng được 111 năm.

Thống kê từ năm Mậu Ngọ, đức Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế³ vào trấn Thuận Hóa cho đến năm Đồng Khánh thứ 3, cộng được 331 năm.

¹ Bá thiên: nghĩa là qua nước khác.

² 1777: năm Nguyễn Vương lên ngôi ở Gia Định.

³ Nguyễn Hoàng

QUỐC TRIỀU CHÍNH BIÊN TOÁT YẾU

Quyển thứ I

Đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế

Niên hiệu Gia Long

Tên húy Ngài là:

- Bên tả chữ **Nhật**, bên hữu chữ **Viện**¹
- Bên tả chữ **Nhật**, bên hữu chữ **Anh**²
- Bên tả chữ **Thái**, bên hữu chữ **Trọng**³

Ngài sinh năm Nhâm Ngọ, 17 tuổi lên ngôi vương tại Gia Định được 22 năm. Đến lúc Ngài lấy được kinh đô Huế, thiên hạ định rồi, Ngài lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Gia Long; ở ngôi 18 năm, hưởng thọ 58 tuổi, lăng Ngài là lăng Thiên Thọ.

Ngài là con thứ ba đức Hưng Tổ Hiếu Khương Hoàng Đế. Khi đức Hưng Tổ băng, Ngài mới 4 tuổi. Ngài lớn lên, thông minh đã sẵn; Năm Giáp Ngọ quân Trịnh tới xâm, Ngài theo đức Duệ Tôn vào tỉnh Quảng Nam. Mùa xuân năm Ất Vị vào Gia Định. Đức Duệ Tôn cho ngài làm Chương Sứ Tướng Tá Dực Quân. Ngài tính liệu việc binh giỏi lắm, các tướng tá ai cũng phục tùng.

Ngài đi theo đức Duệ Tôn, một ngày kia bỗng nghe giặc tới, đức Duệ Tôn đưa ngực dục Ngài trước, Ngài bất đắc dĩ phải thọ mạng, đi một chặp, dừng ngựa mà chờ, rồi thời giặc đi chỗ khác; đức Duệ Tôn đi tới, Ngài đó rước bên đàng, đức Duệ Tôn nói rằng: "Cháu có lòng tốt, trời cũng biết cho".

Mùa đông năm Bính Thân, Ngài qua xứ Tam Phụ (thuộc tỉnh Định Tường) chiêu tập binh Đông Sơn; Tây Sơn chiếm Sài Gòn (thuộc tỉnh Gia Định), đức Duệ Tôn vào Đàng Giang (thuộc tỉnh Định Tường), Ngài đem binh Đông Sơn ứng tiếp, hầu đức Duệ Tôn qua Cần Thơ (thuộc tỉnh An Giang), rồi qua Long Xuyên (thuộc tỉnh Hà Tiên); đức Duệ Tôn tuấn nạn⁴.

Ngài muốn nhân ban đêm qua biển để tránh giặc, có cá sấu đón ngang trước thuyền ba lần, rồi Ngài không đi; sáng ngày dò biết đêm ấy có thuyền giặc đón đàng trước.

Ngài ra cù lao Thổ Châu; đem binh Long Xuyên đến Sa Đéc (thuộc An Giang). Chương dinh Đỗ Thành Nhơn cùng thuộc tướng là chánh đội Lê Văn Duân cử hiệp quân nghĩa đóng ở Tam Phụ, chạy giấy cho các đạo là bọn Nguyễn Văn Hoảng, Tăng Phúc Khuông, Tống Phúc Lương đều đem binh hội, ba quân đều mặc đồ trắng, từ đó quân thanh lừng lẫy. Tháng 11, đánh phá giặc ở dinh Long Hồ, lấy được Sài Gòn.

¹ Thành chữ **Noãn**.

² Thành chữ **Ánh**

³ Thành chữ **Chủng**

⁴ Tuấn nạn là vì nước mà bỏ mình.

Mậu Tuất năm đầu (năm thứ 39 Cảnh Hưng nhà Lê, 1778) mùa xuân, tháng giêng, Ngài trú tất ở Sài Gòn. Ông Đỗ Thành Nhơn cùng với các tướng tôn Ngài làm Đại Nguyên Soái, quyền coi việc nước (bấy giờ Ngài mới 17 tuổi).

Tháng 3, sai Đỗ Thành Nhơn giữ Sài Gòn, Ngài đóng ở Lật Giang, kéo cờ "Tam quân tư mạng"¹ để sai khiến các tướng sĩ. Mùa hạ, tháng 5, ông Lê Văn Duân đánh phá được giặc luôn, rồi tới lấy Bình Thuận.

Tháng 6, sai Lưu Phước Trưng sang nước Xiêm. Nguyên lúc ấy tỉnh Long Xuyên thất thủ, Mạc Thiên Tứ, Tôn Thất Xuân sang Xiêm cầu cứu, vua Xiêm hậu đãi, lưu các ông ở lại, nay Ngài lấy lại thành Gia Định, sai Sứ qua Xiêm thông hiếu và hỏi tin tức bọn Thiên Tứ cho luôn.

Năm ấy Nguyễn Văn Nhạc tự xưng là Hoàng Đế, đặt ngụy hiệu² là Thái Đức.

Năm Kỷ Hợi (1779) thứ II, người ở tỉnh Sơn Nam Hạ (tức là tỉnh Nam Định) là Trần Xuân Trạch, Nguyễn Kim Phẩm tụ đảng ở ngoài biển hơn 300 người vào Gia Định ứng nghĩa theo Ngài. Ngài cho làm chức Tả Hữu Chi Chưởng Cơ, mấy người khác cũng phong chức cả. Hai người ấy có biết võ nghệ, Ngài sai tập quân các dinh.

Tháng 6, sai Đỗ Thành Nhơn, và Hồ Văn Lân đem quân đánh nước Chân Lạp (Cao Man), lập con Nặc Tôn là Nặc Ân làm vua, rồi cho Văn Lân ở lại bảo hộ.

Tháng 11, duyệt xem đồ bản các dinh trong Gia Định, chia giới hạn ba dinh³ cho liên tiếp với nhau: 1° dinh Tổng Biên, lãnh 1 huyện (Phúc Long), 4 tổng (Tân Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An); 2° dinh Phiên Trấn, lãnh 1 huyện (Tân Bình), 4 tổng (Bình Dương, Tân Long, Phước Lộc, Bình Thuận); 3° dinh Long Hồ đổi làm Hoảng Trấn, lãnh 1 châu (Định Viễn), 3 tổng (Bình An, Bình Dương, Tân An). Đạo Trường Đồn là chỗ đất quan yếu ở trong ba dinh, cho nên đặt tên dinh Trường Đồn (tức là tỉnh Định Hưng, Kiến Hòa) đặt quan Lưu Thủ Cơ⁴ Bộ, Ký Lục để coi việc chính trị các dinh. Khi bản triều mới khai sáng trong Nam Kỳ, đất Nam Định phần nhiều là Cao Miên lầy rừng rậm, mộ dân vô ở đó, cho tùy tiện lập ấp, khai khẩn được bao nhiêu chỉ tính đại số, không kể tốt xấu; lập trường Cửu Khố⁵ để thu thuế, thuế thân nhiều ít cũng không cân bằng nhau. Đến bây giờ mới chia giới hạn các dinh, bãi trường Cửu Khố, khiến các dinh phải chăm chú các lệ thuế điền thổ cũ mà thu cho cân.

Năm Canh Tý thứ I (1780) (năm ấy Ngài mới lên ngôi vương, cho nên lại chép năm đầu, tức là năm thứ 41 hiệu Cảnh Hưng nhà Lê). Tháng giêng, lên ngôi vương ở Sài Gòn, văn thơ ban xuống gọi là "chi", truyền sai gọi là "chỉ sai", bữa thời dùng cái bữa khắc chín chữ "Đại Việt Quốc Nguyễn Chúa Vĩnh Trân Chi Bửu" (Đức Hiếu Minh chế ra để làm truyền Quốc bửu) nhưng còn dùng niên hiệu nhà Lê, các quan đình thần dâng biểu chươg gọi là "bẩm".

Ngài xét công dục dới: Đỗ Thanh Nhơn làm Ngoại Hữu Phụ Chánh Thượng Tướng Công, bọn Tống Phúc Khuông, Tống Phúc Lương, Nguyễn Đình Thuyên, Trần Đại Thế và các tướng sĩ đều được thăng cả.

Tháng 3 ngày Tân Tỵ, bà Nguyễn Phi Tống thị sanh ông Hoàng tử Cảnh "bà Nguyễn Phi là con gái ông Tống Phúc Khuông. Nguyên trước người ở làng Bùi Xá, thuộc huyện Tống Sơn, theo đức Thái Tổ vào Nam, ở làng An Quán, tỉnh Quảng Nam; bà Phi theo ông Tống Phúc Khuông vào Gia Định, Ngài đem lễ tới cưới".

Tháng 4, sai Đỗ Thành Nhơn đánh phủ Trà Vinh "thuộc tỉnh Vĩnh Long", bắt được tướng là Oác Nha Suất, chiêu phủ mấy tên du đảng; phủ Trà Vinh yên được.

¹ Tam quân tư mạng nghĩa là có quyền phép coi việc ba quân.

² Ngụy hiệu là hiệu của người tiếm ngôi vua tự đặt ra.

³ Dinh tức là Tỉnh.

⁴ Chữ cơ vì biết chữ a vào giữa phạm húy cho nên đổi ra chữ cơ.

⁵ Cửu khố trường là tên kho.

Tháng 7, sai các đội quân làm thuyền binh "tùng trên thời gác giáo mác, hai bên gài tre, lính thủy ở dưới để mà chèo thuyền, lính bộ ở trên để mà xung trận"; cho nên đi đàng biển thuận lợi mà thủy sư lại càng thêm giỏi.

Năm Tân Sửu thứ II (1781), tháng giêng, Đỗ Thành Nhơn có tội, phải giết, các tướng hiệu theo Nhơn thời tha cả; vì Nhơn có công mà sanh kiêu tứ, cho nên phải tội.

Tháng 10, nước Xiêm La sai tướng là Chắt Tri và Sô Si (hai anh em) xâm nước Chân Lạp, vua Chân Lạp là Nặc Ân tâu với Ngải.

Năm Nhâm Dần thứ III (1782), tháng giêng, sai Chưởng Cơ Nguyên Hữu Thụy cùng với Hồ Văn Lân đem thuyền binh vào cứu Chân Lạp. Khi ấy vua Xiêm La là Trịnh Quốc Anh có bệnh điên, giam vợ con Chắt Tri, Sô Ri; bọn Chắt Tri giận quá, sai người tới hội ước với ông Thụy để đánh vua Xiêm, Thụy nghe lời. Hôm sau Thụy đi với 10 tên lính hầu vào trong trại quân Xiêm, bọn Chắt Tri tiếp đãi rất hậu; uống rượu đã say rồi bẻ tên cung mà thề, Thụy cho Chắt Tri ba món đồ quý là: dao, cờ và gươm; rồi về. Gặp lúc nước Xiêm nổi giặc, Trịnh Quốc Anh nghe có việc biến, vào chùa đi trốn. Chắt Tri về thành Vọng Các (tức là Bàng Cốc bây giờ, kinh đô nước Xiêm), sai người giết Trịnh Quốc Anh, tự lập làm vua, gọi là vua phật, phong cho em là Sô Si làm vua thứ hai, cháu là Ma Lặc làm vua thứ ba. Mấy người dân nước ta khi trước bị Trịnh Quốc Anh đày, bây giờ tha cho về thành Vọng Các, cấp phát tiền gạo cho mà tiêu dùng. Thụy về tâu việc ấy với Ngải, Ngải khiển đem quân về.

Tháng 3, Nhạc, Huệ vào đánh cửa Cần Thơ, Ngải sai Tổng Phúc Thiêm đem binh thủy bày trận ở sông Thất Kỳ, giặc nhưn thẳng thế xông tới, quân ta phải lui. Chánh Cơ là Mạn Hòe (người Đại Pháp) đi tàu tây, hết sức chống cự, giặc bỏ lửa đốt tàu, ông Mạn Hòe chết; (tặng chức hiệu Nghĩa phụ quốc Thượng tướng quân). Ngải khi nghe tin, lập tức đem binh thuyền ứng tiếp, gặp giặc ở sông Tam Kỳ, Ngải ngự áo nhung, nón chiến, đứng đầu thuyền truyền quân lính đánh cho gấp, Ngải cầm súng điều thương bắn lại thuyền giặc, mà sai quân lính vừa đánh vừa lui.

Ngải vào Tam Phụ, giặc lại chiếm lấy Sài Gòn. (Ngải bắn súng điều thương hay lắm, bắn đâu trúng đó, triều Minh Mạng phong khẩu súng ấy tên là Võ công lương khí¹ rồi tống tâng khẩu súng ấy vào áo nhung nón chiến ở trong điện).

Tháng 4, quan Tiết Chế tỉnh Bình Thuận là Tôn Thất Đủ đem bọn Trần Xuân Trạch, Trần Văn Tự và đạo quân Hòa Nghĩa là Trần Công Chương vào cứu, chém hộ giá giặc Phạm Ngạn tại cầu Tham Lương. Văn Nhạc nghĩ rằng: đạo quân Hòa Nghĩa đều là người Tàu; rồi bắt hơn 10.000 người Tàu ở Gia Định không kể binh dân hay là người thương mại, đều giết hết cả, bỏ thân đầy sông, không ai giám uống nước.

Ngải ngự vào Hà Tiên, đi thuyền ra biển, đêm tối quá, không biết đàng đi, tự hồ có vật chi đội dưới đáy thuyền, mờ sáng mới biết là một bãi rạn. Các người tùng thần ai cũng sợ hãi, Ngải dục đi cho mau, một chập bãi rạn đi hết, rồi thuyền ngự ra cù lao Phú Quốc.

Tháng 8, quân mình lấy thành Gia Định. Từ khi thua trận tại cửa Cần Thơ, thời Ngải ngự ra ngoài; ông Châu Văn Tiếp đem binh vào cứu, kéo cờ viết 4 chữ: "Lương Sơn Tá Quốc" cùng với thiếu phó Tôn Thất Mân (con thứ 5 đức Hưng Tổ). Sai các tướng đi mỗi người mỗi đạo, Văn Tiếp đem quân lính tốt mà ứng tiếp. Giặc đem hết binh mà chống cự, các đạo binh ta ra đánh, giặc thua chạy về Quy Nhơn; Văn Tiếp lấy được Sài Gòn, sai người ra cù lao Phú Quốc tâu việc thắng trận, mà Tiếp tự đem quân ra rước Ngải, Ngải nghe tin mừng quá; ngự về đến sông Tứ Kỳ, Tiếp lay bên đàng khóc rằng: "Ai ngờ hôm nay lại được trông thấy Chúa Thượng, ấy là phước nhà!". Ngải ngự về Sài Gòn. Ngải thường lo Tây Sơn năm nào cũng vào xâm lược. Dụ rằng: "Tuy bây giờ giặc bị thua, đến mùa xuân chắc lại vào cướp, chi bằng thông hiếu với Xiêm để nhờ khi hoãn cấp". Khiến làm hoa vàng hoa bạc, giao cho bọn Phúc Điển đem qua làm lễ giao hiếu.

Tháng 11, Chức Tham Quân họ Trịnh là Nguyễn Hữu Chính về theo Tây Sơn. Chính người Đông Hải, tỉnh Nghệ An thuộc tướng của Hoàng Tổ Lý; binh họ Trịnh giết Tổ Lý, Chính muốn mượn thế Tây

¹ Võ công lương khí là đồ khí giới về việc võ.

Sơn để trừ kiêu bịnh họ Trịnh, rồi vượt biển theo Nhạc, Nhạc trọng tài Chinh, cho làm Đô đốc. Chinh ngày đêm bày mưu cho Tây Sơn, đến nỗi làm rối Bắc Hà.

Năm Quý Mão thứ IV (1738) Nguyễn Văn Lữ, Nguyễn Văn Huệ vào cướp, Ngài ngự qua Tam Phụ, các tôi đi theo chỉ có bọn Nguyễn Kim Phẩm và năm sáu người mà thôi.

Ngài ngự qua sông Lật, binh giặc theo sau, nước sông chảy mạnh quá, không có đò qua sông; Ngài thường tập lợi nước, cho nên Ngài lợi qua được. Đến sông Đàng, thời sông ấy nhiều cá sấu, không lợi qua được. Có một con trâu nằm bên bờ sông, Ngài cỡi trâu mà qua, nhưng nước lên chảy mạnh quá, trâu chìm xuống nước, có cá sấu đỡ trâu lên. Rồi Ngài bơi vào bờ Mỹ Tho, thâu thập ghe thuyền, phụng đức Vương Mẫu và cung quyền ra trú ở Phú Quốc.

Tháng 6, Ngài trú ở Phú Quốc, tướng giặc là Phab Bá Thuận kéo binh đến. Ngài ngự ra Côn Lôn, giặc bắt bọn Tôn Thất Cốc; và muốn dỗ ông đi theo, nhưng ông mắng rằng: "Thà làm quý Đông Phố, không làm tôi Tây Sơn" rồi bị hại cả.

Tháng 7, Huệ nghe Ngài ở Côn Lôn, đem hết lính thủy vây ba vòng; tự nhiên giông tố nổi lên, mây kéo tối tăm, đến nỗi không thấy thuyền và người, sóng biển to quá, thuyền giặc chìm hết nhiều lắm; lúc bấy giờ thuyền ngự ra khỏi được, đậu tại cù lao Cổ Cốt, rồi trở về Phú Quốc. Quân lương hết cả, quân lính phải kiếm rau khoai mà ăn; có một người thương phụ ở Hà Tiên là Thị Uyển dâng một ghe gạo. Ngài khen lắm.

Ngài sai người mời ông Bách Đa Lộc tại Chân Bôn (tên đất nước Xiêm). Ông người nước Pháp, thường qua lại giảng đạo ở Chân Lạp, Gia Định; đã vào yết kiến xin hiệu dụng, Ngài lấy lễ khách mà đãi; đến lúc này đòi vào; Ngài dụ rằng: "bây giờ giặc Tây Sơn chưa dẹp được, bốn phương chưa được yên ổn, khi ở Thổ Châu, khi ra Phú Quốc, chỗ ở chưa an, vận nước đương lúc gian truân, người cũng biết rõ; người có thể về bên Đại Pháp nhờ quý quốc đem quân sang giúp ta được không?. Ông Bách Đa Lộc xin đi, tâu xin ban cho cái gì làm tin. Ngài nói rằng: "các nước giao hiếu với nhau, đem con làm tin; con ta là Cảnh mới 4 tuổi, vừa rời tay mẹ; ta giao Cảnh cho người, nhờ người trông nom cho; núi sông cách trở, đường xá khó đi, như có biển cỡ gì thời người bảo hộ Cảnh mà tránh". Ông Bách Đa Lộc lạy, xin thọ mạng. Ngài và bà Phi lau nước mắt đưa ông Hoàng Tử Cảnh qua Pháp, sai bọn Phó huệ úy Phạm Văn Nhơn, Chánh cơ Nguyễn Văn Liêm đi theo. Lúa ông Cảnh đi rồi, Ngài ban cho bà Phi nửa thoi vàng (1 thoi là 20 lượng) mà nói rằng: "con ta đi rồi, ta cũng sẽ đi, bà phải ở đây phụng thờ Đức Mẹ, chưa biết gặp nhau lúc nào và ở chỗ nào, vậy lấy vàng này mà làm tin!".

Ngài ra cửa biển Ma Ly thám tình thế giặc, gặp thuyền giặc hơn 20 chiếc vọt tới vây sát thuyền ngự, thuyền ngự kéo buồm chạy về phía đông, lên đèn ngoài biển bảy ngày đêm, trong thuyền hết nước, quân lính đều khát, Ngài lấy làm lo, ngửa mặt lên trời khẩn rằng: "Như tôi có mạng làm vua, xin cho thuyền ghé vào trong bờ để cứu tánh mạng mấy người trong thuyền trong thuyền! Nếu không, thời thuyền chìm xuống biển, tôi cũng cam tâm"! Rồi thời gió lặng sóng im, đứng trước thuyền ngó thấy mặt nước tự nhiên chia ra dòng trắng dòng đen, thấy một vùng nước trong, trong thuyền có một người múc uống nước nếm thấy ngọt, liền la to lên rằng: "Nước ngọt! Nước ngọt! Lúc bấy giờ ai cũng giành nhau mà uống; Ngài mừng, khiến múc 4, 5 chum; rồi nước mặn lại y như trước. Khi thuyền giặc đã lui rồi, thuyền ngự lại trở về Phú Quốc. Bà Quốc Mẫu nghe tin Ngài về, mừng quá; Ngài thuật lại những tình trạng khổ sở khi ở biển, bà Quốc Mẫu than rằng: "con đi khắp chân trời mặt biển, nhiều lúc gian nan; nhưng ở núi thời gặp gió lớn, ở biển thời gặp nước ngọt, coi đó cũng đủ biết ý trời, con đừng lấy gian hiểm mà ngã lòng!". Ngài lạy tạ rằng: "xin vâng lời mẹ dạy". Ngài tuy còn dưỡng hối** mà gió núi nước ngọt, ứng nhiều điềm tốt, thức giả ai cũng biết có mạng làm vua.

Thuyền ngự đến cửa biển Đốc Công gặp thuyền giặc, bắt được tướng giặc là Quán Nguyệt, sai đem thanh gươm Quy y mà chém, (Thanh gươm ấy nguyên là bửu kiếm Tiên triều, khi nào giết người, thời trước đêm ấy gươm đã thoát ra khỏi bao; Ngài ghét thanh gươm ấy ưa giết, đem dâng cửa Phật, cho nên gọi là gươm Quy y). Khi trước Nguyệt ở Long Xuyên, tàn hại dân lắm; nay nghe Nguyệt bị giết, ai cũng lấy làm sướng.

Tháng 8, thuyền ngự đậu ở hòn Chung, rồi qua đậu hòn Thổ Châu.

Năm Giáp Thìn thứ V (1784) tháng 2, Ngài ngự sang Xiêm. Nguyên trước khi bị thua ở tại sông Ngưu Chử, Châu Văn Tiếp sang Xiêm xin binh, vua Xiêm nhận lời, bảo Tiếp đi đàng núi mà về; rồi sai tướng Xiêm là Thát Xỉ Đa đem binh thủy qua Hà Tiên, tiếng là qua cứu, kỳ thiệt ám chúc rước Ngài qua Xiêm; Tiếp cũng có mặt biểu, sai người đi theo binh Xiêm về tâu; Ngài được biểu mừng lắm, liền vào Long Xuyên để hội với tướng Xiêm, tướng Xiêm cố xin Ngài sang Xiêm, Ngài bắt đắc dĩ phải theo, nhưng trước sai Chánh cơ Ngô Công Quý hầu bà Quốc Mẫn và cung quyến dời qua ở Thổ Châu.

Tháng 3, Ngài đến thành Vọng Các, vua Xiêm đón rước cực kỳ lễ phép, Ngài tự nghĩ buồn bực không biết chừng nào. Vua Xiêm nói rằng: "Chiêu Nam cốc (nghĩa là vua nhà trời nước Nam Việt) sợ hay sao?"- Ngài nói rằng: "không phải sợ, nhà nước tôi trải đời truyền nối hơn 2.000 năm, bây giờ quốc vận trung suy, tôi thời ít đức không tài, không giữ gìn cơ nghiệp được, vì thế mà buồn; nghĩ muốn trả thù, bắt giặc Tây Sơn làm thịt mà ăn, trái dỏ aùn mà nếm, dầu chết cũng cam tâm, có sợ gì đâu". Vua Xiêm nghe nói, cho là khàng khái; nhờn hỏi việc nước; nói chưa xong lời, thời thấy Châu Văn Tiếp ở ngoài đi vào, tới trước Ngài ôm đầu gối quỳ mà khóc mãi. Vua Xiêm cảm động, nói với quần thần Xiêm rằng: "Chiêu Nam cốc có người tôi như vậy, coi đó là biết ý trời". Bèn chịu giúp binh để lo việc khôi phục. Vua thứ hai Xiêm nhờn nói: "Năm trước có giảng hòa với ông Nguyễn Hữu Thụy đã ước thệ rằng: hoạn nạn phải giúp nhau, bây giờ xin giúp sức". Rồi đem cờ, dao, gươm của ông Thụy tặng cho lúc trước để làm tin, hẹn ngày cử binh.

Cho Mạc Tử Sanh làm Chánh cơ. Nguyên Mạc Thiên Tứ bị hại bên Xiêm, chỉ có con thứ là Sanh, Toán, Thiêm, và cháu là Công Bính, Công Du, Công Thê, Công Tài vì tuổi nhỏ khỏi bị hại; bây giờ tới chỗ Hành Tại bái yết, Ngài nghĩ con cháu công thần, bèn cho Sanh làm Chánh cơ theo hầu.

Tháng 6, Ngài từ Xiêm đem binh về Gia Định, vua Xiêm sai cháu là Chiêu Tăng, Chiêu Sương đem 20.000 lính thủy, 300 chiếc thuyền chiến giúp Ngài.

Tháng 7, quan quân lấy được đạo Kiển Giang, lại phá quân Đô đốc giặc là Nguyễn Hóa ở Trấn Giang, kéo thẳng đến các xứ Ba Thắc, Trà Ôn, Môn Thiết, Sa Đéc, chia quân đóng giữ.

Cho Mạc Tử Sanh làm Tham tướng trấn Hà Tiên, quản lý việc binh dân.

Tháng 11, Thái giám Lê Văn Duyệt, Đội trưởng Nguyễn Văn Khiêm bái yết ở Hành Tại. Khi trước trận đánh tại Đồng Tuyên, Văn Khiêm, Văn Duyệt theo Ngài không kịp, bị giặc bắt, bây giờ mới trốn về.

Ngài nghĩ rằng binh Xiêm tàn bạo quá, dân ta đều than oán, muốn lui quân về.

Tháng 12, Nhạc nghe báo tin nguy cấp, sai Huệ đem thuyền binh vào Sài Gòn, Nhạc thời đem binh mạnh phục tại sông Sầm Giang và sông Xuy Miệt, mà dụ Xiêm ra đánh; tướng Xiêm là Chiêu Tăng, Chiêu Sương không biết địa lý, lại quen thẳng trận luôn, liền kéo quân xuống thẳng Mỹ Tho, gặp quân phục binh chặn đánh, quân Xiêm thua, theo đàng núi Chân Lạp chạy về; Ngài sai Mạc Tử Sanh và Chánh cơ Trung sang Xiêm báo tin.

Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Liêm, và ông Bách Đa Lộc đem Hoàng Tử Cảnh sang Đại Tây Dương; đi đến Tiểu Tây Dương, thời nghe nước Đại Pháp có việc; rồi ở lại thành Bông Đi Sê Ri (thuộc về Án Độ).

Năm Ất Tỵ thứ VI (1785), tháng giêng, Ngài trú tất ở Thổ Châu.

Tháng 4, Ngài qua Xiêm đến thành Vọng Các, vua Xiêm hỏi sự trạng bị thua, Ngài nói hết chuyện Tăng, Sương tàn bạo, dân đều ta thán, cho nên thua. Xiêm vương giận lắm, muốn chém Tăng, Sương, Ngài lại hòa giải rằng: "hai tướng vẫn có tội, nhưng việc nên cùng không, cũng là tại trời, sẽ chờ cơ hội thôi! Xin tha cho bọn ấy". Xiêm vương mới nguôi giận.

Tháng 5, Lê Văn Duân đem 600 người bái yết ở Hành Tại, các tướng sĩ cũng tìm đàng theo đến, ngày càng thêm đông.

Ngài khiến tướng sĩ chuyên làm việc đồn điền để cho đủ quân lương, lại khiến làm thuyền chiến ở ngoài cù lao, hoặc lén về Gia Định mộ thêm quân nghĩa đồng để tính việc khôi phục.

Năm Bính Ngọ thứ VII (1786) tháng 2, có ba toán quân Diến Điện xâm đất Sài Nặc nước Xiêm, Xiêm vương đi đánh, xin Ngài định mưu kế cho, Ngài nói: "Từ Diến Điện đến đây đàng đi ngàn dặm, vận tải quân lương, công tình cũng đã khó nhọc, tôi giúp sức cho, đánh cho gấp thời chắc được". Xiêm vương lập tức tấn binh, Ngài đem quân đánh giúp Xiêm, sai Lê Văn Duân, Nguyễn Văn Thành đi trước, lấy ống hỏa hổ xỏ lửa ra đánh, binh Diến Điện sợ chạy, chết nhiều lắm, bắt sống đến 500 người. Khi trở về, vua Xiêm đem vàng lụa làm lễ tạ. Vua Xiêm lại muốn giúp binh để khôi phục Gia Định. Ngài bàn với các tướng; Nguyễn Văn Thành tâu rằng: "Xưa vua Thiệu Kương chỉ có một toán binh còn khôi phục được nhà Hạ, ta nên dưỡng sức chờ thời, việc còn làm được, chớ nên đem giặc vào trong nước". Ngài cho là phải, không dùng binh Xiêm nữa.

Tháng 5, Nguyễn Văn Huệ đánh Phú Xuân, quân họ Trịnh bị thua, Nguyễn Huệ đuổi ra đến Quảng Bình, tướng Trịnh chạy trốn.

Tháng 6, Hữu Chinh đem quân Tây Sơn đi đàng biển ra thẳng An Nam Đô Thành (tức Hà Nội).

Ông Bách Đa Lộc đem Hoàng Tử Cảnh qua Đại Pháp, Phạm Văn Nhơn, Nguyễn Văn Liêm, Hồ Văn Nghị đem biểu về tâu nơi Hành Tại thành Vọng Các rồi ở lại hầu Ngài.

Tháng 7, vua nhà Lê bằng, con là Duy Kỳ nổi ngôi đặt niên hiệu Chiêu Thống, Huệ đã phá được Bắc Hà, muốn về Huế tự lập làm vua, bèn kể tội Nhạc, đem quân vây thành Quy Nhơn, rồi anh em lại giảng hòa với nhau, Huệ chiếm giữ từ phủ Thăng, phủ Điện trở ra, đóng ở Phú Xuân, tự xưng là Bắc Bình Vương. Từ đó Tây Sơn sanh ra nổi loạn, không rảnh mà mưu xâm Nam Kỳ nữa.

Năm Đinh Vị thứ VIII (1787) tháng giêng, (năm thứ 1 Chiêu Thống nhà Lê) Ngài trú tất ở Vọng Các.

Ngài nước Ba Tu Kê là An Tôn Lợi đem quốc thư và vài tây, sủng điệu thương dâng ở Hành Tại; nói rằng: "ông Hoàng Tử có xin giúp binh, bây giờ đã sắm đủ 56 chiếc tàu binh, đậu ở thành Cô Á để giúp Ngài". Lại đem lễ vật cho Xiêm mà xin rước Ngài về. Vua Xiêm thấy Ba Tu Kê giúp binh, ý không bằng lòng; Ngài mật dụ An Tôn Lợi cáo về.

Tháng 2, Giám quân Tống Phúc Đạm bá yết ở Hành Tại, nhơn tâu: "anh em Tây Sơn tự làm hại nhau, Đặng Văn Trấn đã đem hết quân về cứu Quy Nhơn; bây giờ Gia Định đồn nhược có thể lấy được". Ngài lấy làm phải.

Nhạc sai Nguyễn Văn Lữ giữ thành Gia Định, ngụ xưng Đông Định Vương.

Tháng 7, Ngài ở Xiêm về, đóng tại hòn Trúc Dự. Từ năm Giáp Thìn bị thua về sau, biết Xiêm không giúp nổi, nếu giúp cũng vô ích, nên Ngài quyết kế trở về, liên nhơn ban đêm để thơ tạ ở chỗ Hành Tại, rước bà Quốc Mẫu và cung quyến xuống thuyền, sai quân chèo đi gấp lắm. Thuyền ngự về đến hòn Cổ Cốt. Hà Văn Hi (người tỉnh Tứ Xuyên nước Tàu theo đảng Bạch Liên Giáo, tự xưng Thiên Địa Hội, ăn cướp các tỉnh Vân, Việt, khi trước ở cù lao Côn Lôn đã có ý muốn theo Ngài, đến bây giờ đem binh thuyền phụ theo, Ngài cho làm Tuần Hải đô đốc đại tướng quân, 10 người thuộc hạ cũng cho làm chức Tổng binh, Phi kỵ úy.

Tháng 5, Ngài cấm các tướng không được dung túng quân lính lấy của và bắt con gái ở dân gian, ai mà phạm tội thời chém, quản suất cũng bị tội lây. Có quan Điều khiển là Hương, Chánh đội là Lan nhiều hại dân; việc ấy phát giác ra, bắt chém ngay, rao cho chúng biết.

Ngài nghĩ rằng: quan quân xứ Thuận Hóa nhiều người bị Tây Sơn bức hiếp phải theo, hoặc sợ có đưa trốn xuống dân gian, không cho ai dung nạp; bèn sắc dân Gia Định: ai mà thu dưỡng được một người lính Thuận Hóa, thời tha thứ cho một nửa binh diêu; thu dưỡng được hai người, thời tha cả thuế thân; ba người trở lên, lượng cho ưu hưởng.

Lại dụ quan quân Thuận Hóa rằng: "Xưa Đức Thái Tổ ta gây dựng cơ nghiệp ở cõi Nam, hơn 200 năm, thần dân trong ngoài đều là xích tử triều đình; mà xứ Thuận Hóa lại là chỗ Tôn miếu Xã Tắc Liệt Thánh ta ở đó; nên chi ta coi dân xứ ấy cũng như tình cốt nhục; khi ta còn nhỏ, gặp lúc gian nan, ở ngụ nước láng giềng, thường muốn dựng lại cơ đồ đem về đất cũ. Bây giờ trời còn giúp nhà Hán, người chưa quên nhà Đường, binh triều vừa tới, quân giặc đã tan. Tây Sơn lại bắt dân Thuận Hóa hãm dưới binh đao,

đến nỗi thân chất đầy nội, máu chảy thành sông. Và lại chúng mầy đều là thần tử, đội ơn nhà nước cũng nhiều, con em mà đánh lại cha anh, tưởng chúng mầy không nở làm như vậy đâu; chẳng qua là bức vì quên thời, nên chúng mầy phải bỏ bà con cha mẹ, đến đất khách quê người, tới lui đều khó! Ta nghĩ ra thương xót lắm! Vì thế ta đã hạ lệnh thân dưỡng, để cho có chỗ nương thân; chúng mầy phải đầu ngọc các làng cho mau, chờ khi nào ta lấy được Sài Gòn, ai muốn ở lại thời ở, hoặc muốn về quê nhà cũng được. Nếu không như vậy, thời sợ e chỗ chiến trường chúng mầy không tránh khỏi, rồi ra lửa cháy núi Côn, ngọc tan mà đá cũng tan, phàn nàn không kịp được".

Tháng 7, Ngài đóng ở Tam Phụ gặp Tôn Thất Hội, Võ Tánh đem quân vây Đốc chiến giặc là Lê Văn Minh ở đồn Ngũ Kiều, Ngài đem binh thủy giáp đánh, rồi bỏ lửa đốt trại, giặc sợ bỏ chạy, bắt sống được nhiều lắm.

Nguyễn Văn Nghĩa đánh phá được giặc tại Đồng Nai.

Tháng 8 ngày Đinh Dậu, lấy lại thành Gia Định, cấm quân không được cướp của dân; bỏ các phép dữ Tây Sơn, hiểu dụ như dân làm ăn như thường. Lúc ấy như dân đem dâng những tiền, lúa, ván, gỗ và đồ đồng để trợ quân nhu.

Nước sông Ngưu Chử, trong được ba ngày, (nước sông ấy vẫn đục, không khi nào trong, bây giờ tự nhiên mà trong, ấy là điềm trời sanh vua thánh).

Đặt sở công đồng, để làm chỗ văn võ hội nghị, có chỉ dụ thời gọi rằng "công đồng", ấn khắc bốn chữ: "Thiên Ngôn Doãn Hiệp".

Cho Nguyễn Văn Thành làm Trung Quân dinh Tiền chi Hiệu Uùy khâm sai tổng nhung chánh cơ. Thành người làng Bác Vọng, huyện Phong Điền, tánh trí trọng và nhiều mưu lược; lúc trẻ đi đánh giặc với cha là Chánh đội Nguyễn Văn Hiền, Hiền chết tại trận, Đức Duệ Tôn cho Thành làm Chánh đội; từ lúc Sài Gòn thất thủ, Thành lén ẩn ngoài dân gian; năm Giáp Thìn ngự giá ở Xiêm về, lại theo Ngài đi đánh giặc, đến đây mới được phong chức ấy.

Thái Bảo giặc Phạm Văn Sâm chiếm giữ Ba Thắc, Ngài khiến chia quân đóng ở các cửa biển, đón hàng giặc chạy; để Tôn Thất Hội ở lại coi tướng sĩ dinh Vĩnh Trấn và điều bắt bình các đạo đi đánh.

Sai Nguyễn Văn Nhơn sang Xiêm báo tiếp¹.

Tháng 9, bọn Nguyễn Văn Nhơn, Trương Phúc Giáo qua Phú Quốc rước bà Quốc Mẫu và cung quyết về Gia Định.

Định lệ cấm không được đại khổng và viết khổng².

Tháng 10, định lệ cấm đánh bạc.

Lê chúa là Duy Kỳ nhờ quân Tàu lấy lại được An Nam Đô thành.

Nguyễn Văn Huệ tự xưng là Hoàng Đế, đặt ngụy hiệu là Quang Trung.

Làm thùng bỏ thơ. Ngài nghĩ rằng: dân gian làm thơ nặc danh, là chuốc tội lỗi cho người, bèn đặt một cái thùng bỏ thơ ở dưới cửa khuyết, để cho ai có việc vì oan uổng muốn kêu thời làm đơn bỏ vào thùng ấy. Dụ rằng: "pháp luật là phép chung trong thiên hạ, không phải riêng một người, không nên theo lời nói vô căn cứ mà bắt lỗi người ta, từ rày về sau, không kể quan hay dân, hoặc có điều oan uổng và bị người ta hãm hại, thời cho viết lên, họ quê quán vào đơn bỏ vô trong thùng; Triều đình sẽ xét việc quả gian hay là ngay, để thân oan khuất. Như còn thói quen cũ nói bậy cho người mắc lừa, phát giác ra thời trọng trị".

Năm Kỷ Dậu thứ X (1789) (năm ấy nhà Lê mất nước), tháng giêng, thường các Tướng sĩ đóng ở Ba Thắc.

¹ Báo tiếp là báo việc đánh được giặc.

² Đại khổng là kêu đơn thế; viết khổng là bỏ qua nha môn này tới kêu nha môn khác.

Tha thuế thiếu cho dân. Nguyên lúc mới lấy lại Sài Gòn, lương gạo, đồng, thiếc và gỗ, chiếu theo số định năm Đinh Vị mà bắt dân nạp, dân đi trốn nhiều quá, không nạp đủ thuế; nay tiết Xuân thu làm ơn tha cho dân.

Nguyễn Văn Huệ đánh quân Tàu ở huyện Thanh Trì, quân Tàu thua, tướng Tàu là Tôn Sĩ Nghị chạy về Điền Châu, vua Lê cũng chạy qua Tàu.

Tướng giặc Phạm Văn Sâm ở Ba Thắc, đem thuyền binh muốn vượt biển về Quy Nhơn. Ngài sai Lê Văn Duân, Tôn Thất Hội, Võ Tánh, Nguyễn Văn Trương nhóm binh đánh tại Hồ Châu, giặc thua chạy tan, Sâm lại lui về Ba Thắc.

Định lệ thuế cảng để thu thuế các thuyền buôn Tàu: phạm hóa hạng trong thuyền buôn mà quan hệ dùng về việc binh, như kẽm, sắt đồ đồng, diêm, lưu huỳnh, các thứ đồ ấy phải nạp cho nhà nước. Nhà nước trả tiền cho; như đem những thứ ấy mua bán riêng, thời có tội.

Nguyễn Hoàng Đức ở Xiêm về Gia Định. Đức người huyện Kiến Hưng, dinh Trấn Định, sức mạnh hơn người, người ta khen là hổ tướng. Ngài thường dục ngựa tránh giặc, ngựa sa xuống lầy, Đức phò Ngài lên bờ, rồi kéo ngựa lên khỏi chỗ lầy, giặc không theo kịp. Lại có một hôm Đức đi hầu thuyền ngự, Ngài ở trong thuyền mệt lắm, gối về Đức mà nằm, Đức suốt đêm không ngủ, lấy tay đuổi muỗi để Ngài nằm yên, Ngài khen Đức cũng như tô nhà Nguyễn giảng bức chiên che cho vua Nguyễn lúc đêm tuyết¹. Sau Đức bị giặc bắt, giặc biết sức mạnh, muốn dùng, mà Đức không chịu. Sau lại theo tướng Nhạc, là Nguyễn Duệ ra đóng Nghệ An. Duệ là tướng Nhạc cho nên Huệ không ưa dùng; Đức khuyên Duệ lén về Quy Nhơn mà hiệp với Nhạc, để mình nhơn tiện lại về Bản triều. Đi hơn một tháng, có một đêm, Đức tránh đi đàng khác, theo đàng Lạc Hoàn, qua nước Vạn Tượng, đàng đi khuất khúc, quân sĩ hết lương, (đã hai ngày rồi hết lương, chỉ hái lá cây mà ăn, bỗng trông thấy một bầy chim đậu trên ngành cây, không biết chừng nào, chạy lại chụp bắt, thời đều là là cây hóa ra, đã thành hai cánh, mà mình với đầu còn dính vào ngành cây, ăn ngon lắm, nhờ đó mà khỏi đói; ai cũng cho là trời báo cho người trung nghĩa.). Các nơi nghe tiếng Đức, đều cấp lương cho đi sang đến Xiêm, vua Xiêm thấy Đức trung nghĩa, kính trọng lắm. Lúc Ngài lấy được Gia Định, nghe Đức còn ở bên Xiêm, sai người nói với vua Xiêm mượn thuyền chiến đưa quân Đức về, vua Xiêm cấp cho 50 chiếc thuyền và lưu huỳnh, diêm, đồ súng ống. Đức về đến Gia Định, vào yết kiến, Ngài ủy lạo, phong Trung Dinh Giám Quân Cường Cơ.

Thái bảo giặc Phạm Văn Sâm đầu hàng. Gia Định đều dẹp yên.

Cho những phủ binh giữ các đồn bảo tại dinh Phiên Trấn đều về nhà làm ruộng. Dụ rằng: 'Lúc trước bờ cõi chưa yên, việc quân đương gấp, chia binh đóng giữ, khó nhọc đã lâu. Nay oai thanh xa khắp, đàng nghịch đã yên, giặc đã không núp lén núi rừng, quân nên được vui vầy nhà cửa. Vậy tinh binh các đồn lũy ở lại phòng giữ, còn bao nhiêu phủ binh đều tha cho về'.

Tháng 4, nước Xiêm đại hạn, đói lắm, sai thuyền đến nước ta xin đong gạo, Ngài cho hơn 8.800 phương gạo (được 200 xe Xiêm).

Cấm thuyền buôn các nước ngoài không được chở các đồ cấm như lúa, gạo, kỳ nam, trầm hương, ngà voi và sừng tê.

Tháng 5, nghị định thuyền người Tàu chở sắt, gang, lưu huỳnh, chì sang nước ta, thời nhà nước mua. Nhưng tùy nhiều ít chia hạng mà tha thuế nhập cảng cho chở gạo về nước Tàu. Từ đó người buôn vui việc buôn bán; các đồ binh khí cũng được dồi dào.

Tháng 5 nhuận, cấm đạo phù thủy và đồng bóng, cấm con hát không được trước vào sở lính.

Tháng 6, Hoàng Tử Cảnh ở Pháp về. Nguyên trước lúc ông Bách Đa Lộc đem Hoàng Tử qua cầu cứu bên nước Pháp, hơn hai năm mới tới nước, vua Đại Pháp dùng lễ quốc vương mà tiếp đãi Hoàng Tử Cảnh; nhơn nước Pháp có việc, vua Đại Pháp sai Nguyễn Văn Thắng, Nguyễn Văn Chấn theo ông Bách

¹ Vua Nguyễn Thái Tổ thua trận, gặp lúc trời xuống tuyết nhiều lắm, vua Thái Tổ nằm trong đám cỏ rậm, bầy tôi là Mộc Ba Lê và Bác Nhĩ Mộc giảng bức chiên che Ngài từ tối đến sáng không rời một bước.

Đa Lộc đưa Hoàng Tử về. Về đến nơi, Ngài mừng lắm, ông Thăng, ông Chấn đều xin ở lại làm tôi, Ngài đều cho làm chức Chánh đội và cho hơn 1.000 quan tiền (Thăng, Chấn đều là tên Ngài đặt).

Mới đặt quan Điền Toán¹, cho bọn Hàn Lâm Chế Cáo là Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định, Ngô Tùng Châu, Hoàng Minh Khánh, cả thầy 12 người kiêm việc Điền Toán, đi các dinh Phiên Trấn, Vĩnh Trấn, Trấn Định đốc sức dân chăm việc làm ruộng. Theo sổ đinh kể từ hạng Phủ binh cho đến hạng cùng cổ đều khiến chăm làm ruộng, tên nào không làm ruộng, phải cấp làm lính phủ binh; đến lúc đập lúa rồi, thời xét số lúa được bao nhiêu, giả như một người cày ruộng sâm mà được 100 thúng lúa (mỗi thúng 42 bát, cày ruộng cao mà được 70 thúng trở lên, phu binh thời tha một năm khỏi đi đánh giặc, dân thời tha một năm khỏi đi làm việc quan; nếu lúa không đúng số ấy, lệ không được tha. Lại mộ dân ngoại tịch làm lính cày ruộng, thuộc về quan Điền Toán cấp ruộng hoang cho cày, như thiếu ngư canh, điền khí thời quan cho mượn tiền mua, chờ khi có lúa, nạp lúa trả lại.

Sai các dinh lựa quân chiến tâm². Dụ rằng: "tướng quý hồ có mưu, quân quý hồ sức mạnh. Cho nên ba người đồng sức, gầy dựng nhà Tây Châu; hăm tám tướng giúp công, trung hưng nghiệp Đông Hán; đều lấy võ dũng làm công vậy. Bao nhiêu binh đã vào sổ chiến tâm, hậu cấp lương tiền, phải theo quyền phép dinh Trung quân, gia công luyện tập".

Hàng tướng Phạm Văn Sâm ám thông với Nguyễn Văn Huệ phải giết.

Tháng 11, sai các tướng lập trận. Ngài nghe Nguyễn Đình Đắc biết binh pháp, sai Đắc đem phép bố trận luyện tập cho lính. Ngài nghĩ quân lính đi theo đánh giặc đã lâu, ai cũng muốn nghỉ, bây giờ chia ra làm ba phiên, mỗi tháng đổi một lần, một phiên ứng trực, hai phiên về nhà.

Khiến dinh Trấn Biên hòa mãi đàng cát, phòng khi đổi binh khí cho người Thái Tây.

Tháng 12, truy lục công đánh giặc. Dụ rằng: "thượng để trả công là phép thường nhà nước; tướng sĩ các dinh vất vả trăm trận, thiệt là khó nhọc; xưa nay dầu đến trâu, ngựa còn không ai nở quên công, huống chi công tướng sĩ! Vậy bấy lâu ai có quân công, sống cho gia phong, thác cho truy tặng để báo đáp công lao".

Năm Canh Tuất thứ XI (1790), nước Tam Hoạt sai sứ thần là Giáp Tất Đơn, Điền Hoà sang dâng đồ binh khí. Khi về, Ngài ban cho Quốc trưởng nước ấy một cái tàn vàng, 10.000 cân gạo.

Xây thành đất trấn Gia Định. Ngài nghĩ đồn cũ ở làng Tân Khai còn hẹp, bàn đắp ruộng thêm.

Nguyễn Văn Huệ xưng tên là Nguyễn Quang Bình cầu phong với Tàu, sai người giả thế mình qua châu, vua Tàu ban cấp hậu lẫm. Huệ lấy làm đặc sách, càng thêm kiêu ngạo.

Tháng 4, sai Chương tiền quân Lê Văn Duân đem lính thủy, lính bộ hơn 6.000 người vào lấy Bình Thuận, nhưng sai Tiền Phong dinh Võ Tánh và phó tướng Nguyễn Văn Thành đem binh thuyền đi trước, quan quân tới lấy Phan Rí, rồi thu phục Bình Thuận.

Tháng 7, Ngài nghĩ rằng: đương mùa gió bắc vận tải không tiện, chi bằng nghỉ quân để chờ lần sau, bèn dụ các tướng rút quân về.

Sai Chánh Cơ Nguyễn Đình Đắc ra xem tình thế ngoài Bắc Hà Ngài nghe quân Tàu thua Tây Sơn, đã không dám đánh, lại phong cho Tây Sơn, cho nên sai Đình Đắc ra thám tin tức nhà vua Lê, nhưn đó mà chiêu dụ mấy người hào kiệt ngoài Bắc.

Tháng 10 mới đặt sở Đồn điền, dụ các quan văn rằng: "phép trị nước trước hết phải tính cho đủ ăn; bốn dinh trong Gia Định, đất ruộng rộng lắm, bấy lâu nay binh cách chưa rồi, đói khát luôn luôn, đến nổi ruộng vườn bỏ hoang, dân chưa chăm nghề cày ruộng; nên chi của Nhà nước lương quân lính, chưa được đầy đủ. Vậy khiến các đội túc trực dinh Trung quân và quân các vệ thuyền, khẩn ruộng tại Thảo Mộc Câu gọi là trại Đồn Điền. Nhà nước cấp ngư canh điền khí, và lúa giống, đậu, bắp; hễ gặt hái xong rồi đem nạp vào kho; cho Tiền Dực Hiệu Chánh Cơ Nguyễn Bình coi việc ấy"! Lại sai văn, võ các nha mộ

¹ Điền Toán là quan coi về sự cày cấy làm ruộng.

² Chiến tâm quân là lính hết lòng đánh giặc.

dân lập đội Đồn điền, mỗi năm mỗi người nộp 6斛 lúa, dân có ai mộ được 10 người trở lên cho làm quản trại, trừ tên trong sổ làng.

Làm lại phép duyệt tuyển. Quốc sơ thời 3 năm duyệt một lần gọi là tiểu điển; 6 năm duyệt một lần gọi là đại điển; hễ dân đình đến 18 tuổi phải tăng tục vào, già và có tật thời thải. Đến đây lại theo phép cũ.

Tháng 12, Ngài ngự các Triều Dương, ban lịch năm sau cho các quan. Từ đó dùng làm lệ thường.

Năm Tân Hợi thứ XII (1791), tháng giêng, lấy ngày 15 tháng ấy là ngày "thánh đàn"¹ làm tiết Vạn Thọ.

Ngài nghĩ rằng các dinh thu thuế, lại điển và hào lý thường nhiều tệ sách nhiễu, xâm khi, bèn hạ lệnh nghiêm cấm.

Tiền quân Lê Văn Duân phải tội, tự sát. Ngài nghĩ Duân có công, không nỡ giết, cách chức quan; Duân lấy làm hổ thẹn, tức giận, uống thuốc chết. Ngài lấy làm tiếc lắm, cho tám tên lính của Duân ở giữ mã và thêm 2 tên mộ phu; Duân còn mẹ già Ngài sai thuộc tướng Duân bảo dưỡng trọn đời, con là Chánh đã lớn, cũng tha thuế dân. Duân người huyện Kiến Hưng, dinh Trấn Định, sức khoẻ mạnh, đánh giặc giỏi, theo Ngài nhiều lúc khó nhọc, lấy lại được Gia Định, quân công nhiều lắm.

Khiến dân các dinh lãnh trưng ruộng đất hoang; định 3 năm mới thu thuế, hạn đầu đơn lãnh trưng trong 20 ngày mà thôi, ngoại hạn thời cho quân cày, dân không được giành nữa.

Người nước Ba Tu Kê là Châu Gi Nô Nhi sang thông thương, Ngài nhơn gửi thư cho Quốc trưởng mua đồ binh khí (20.000 súng điểu thương, 2.000 súng gang, 2.000 đạn).

Tháng 4, ngày Đinh Mão, bà nhị Phi Trần Thị (tức là đức Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu, con gái ông Trần Hưng Đạt) sanh Hoàng Tử thứ 4 (tức là Đức Thánh Tổ).

Lập nhà thờ Hiến Trung, bàn định lệ tặng cho tướng sĩ tử trận ở Mỹ Lung và Ba Thắc như Lê Phúc Cảnh, Hoàng Văn Trung, cộng hơn 600 người.

Xử sĩ ở làng Thai Dương, huyện Hương Trà là Huỳnh Quang làm bài ca Hoài Nam: trước kể công Liệt Thánh mở mang khó nhọc, nhơn ân ra khắp thiên hạ, sau kể tội quyền thần², căm giận ngự tặc; lời ca bằng tiếng Nôm, cực kỳ bi tráng, Ngài truyền đọc trong đám quân lính, ai nghe cũng chảy nước mắt. Ngài ban rằng: "xưa nhơn tâm nhớ nhà Hán, mà vua Quang Võ trung hưng; nhơn tâm nhà Đường mà vua Túc Tôn tái tạo; nay nhơn tình như vậy, thời dẹp giặc cũng không khó gì".

Mở khoa thi, lấy trúng cách là Nguyễn Đình Quát cộng 12 người.

Năm Nhâm Tý thứ XIII (1792), tháng giêng, làm thuyền hiệu Huỳnh Long và thuyền hiệu Xích Nhạn.

Ngài quyết ý đánh giặc: đến mùa gió nam, đem quân đi đánh, gió thuận ra đi, gió trái trở về; khi đi thời quân lính nhóm họp đầy đủ, về thời cho lính ở nhà; đến nỗi quân giặc phải lo giữ chỗ này, chống chỗ khác, không biết tính bề nào.

Tháng 3, nước Xiêm đem thư xin giúp binh đi đặng thượng đạo đánh Tây Sơn.

Nguyễn Văn Nhạc làm thuyền binh nhiều lắm, đậu ở cửa Thi Nại toan vào xâm cướp. Ngài muốn đi đánh trước, để áp chế giặc; gặp lúc gió nam, thuyền ngự ra cửa Cần Thơ, đi thẳng cửa Diên Úc, biết cửa Thi Nại không phòng bị, liền sai quân lên bộ phóng hỏa đốt trại giặc, quan quân tiếp tới, giặc sợ bỏ chạy, lấy được thuyền và khí giới nhiều lắm.

Ngài ở cửa Thi Nại, khiến rút quân về. Từ khi đem quân đi đánh cho đến ngày thắng trận, chỉ trong 40 ngày mà thôi, người ta cho là thần binh.

¹ Ngày Thánh đàn là ngày sinh nhật vua.

² Quyền thần là Trương Phúc Loan.

Tháng 7, Nguyễn Văn Huệ chết; con là Quang Toàn nối ngôi, ngụy hiệu là Cảnh Thạnh năm thứ 1 Toàn còn nhỏ tuổi, công việc giao cho Bùi Đắc Tuyên, từ đó thế giặc suy lãn.

Năm Quý Sửu thứ XIV (1793), tháng 3, ngày Giáp Dần, lập Hoàng Tử Cảnh làm Đông cung (14 tuổi), ban ấn Đông Cung, phong chức Nguyên Soái, lãnh Tả quân dinh; dinh ở gọi là "Soái phủ", giấy tờ đưa xuống gọi là "giáo", Ngài nghĩa Đông cung tuổi còn trẻ, muốn kiểm kê hiền sư phó để giúp Đông cung, bèn làm nhà Thái Học, đặt một quan Phụ đạo, hai quan Thị giảng, cho Hàn lâm chế cáo là Trịnh Hoài Đức, Lê Quang Định làm chức Đông cung Thị giảng.

Ngài ra đánh Quy Nhơn, giao Đông cung giữ thành Gia Định. Sai Tôn Thất Hội đem các đạo quân bộ đánh Phan Rí; Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Hoàng Đức cũng đi theo; thuyền ngự ra cửa biển Cần Thơ, sai Nguyễn Văn Trương đem quân thủy ra trước, Võ Tánh hộ giá.

Tháng 5, thuyền ngự đến cửa Phan Rang, sai Đô đốc Nguyễn Kế Nhuận đánh đồn Mai Lang, giặc trông chừng chạy trốn, quan quân tới đóng ở cửa Nha Trang, lấy lại phủ Diên Khánh.

Thuyền ngự tới đóng vụng Hòn Khói, giặc theo bỏ chạy, đến cửa quân đầu hàng; thân phục phủ Bình Khương.

Tôn Thất Hội đem quân bộ đánh lấy phủ Bình Thuận. Ngài sai người đi dục Hội tấn binh cho mau để hội với quân thủy.

Thuyền ngự đến cửa Xuân Đài, sai Võ Tánh đánh đồn La Hai, Tham đốc giặc là Phạm Văn Diêm thua chạy; thân phục phủ Phú Yên.

Thuyền ngự đóng tại cửa Thi Nai. Nguyễn Văn Nhạc sai con là Văn Bửu (ngụy xưng Tiểu triều) đem binh và voi ra đánh; gặp bọn Tôn Thất Hội đem lính bộ đi xuyên trên núi Hà Nhao, đèo Cù Mông, chia ra hai ngã giáp lại. Bửu làm thêm đồn ải từ núi Thỏ cho đến núi Đô để kháng cự quan quân; Ngài mật dụ Tôn Thất Hội, Nguyễn Văn Thành phải đi đêm qua núi Kỳ Sơn hội với Võ Tánh mà đánh sau lưng đồn giặc, binh tượng giặc giẫm đạp nhau mà chết, Văn Bửu và Đào Văn Hồ chạy về Quy Nhơn. Từ đó quan quân thủy bộ đều được thông cả.

Quan quân và dân Quảng Nghĩa dâng biểu xin theo đánh giặc. Ngài dụ rằng: "Đời nào cũng có người trung nghĩa, chúng mày chán người Mãng, nhớ họ Lưu¹, lòng ấy đáng khen; bây giờ vương sự vào thẳng Quy Nhơn, đất ấy đã lược binh rồi, bốn mặt thành bọc rồi; Nhạc ở trong thành cũng như hồ Côn Dương nước ngập, Vương Mãng còn ngồi trông sao Đẩu; ta sẽ sai đem một toán quân, tới cứu phủ mày, để bớt thế giặc mà thỏa lòng dân. Chúng mày phải đồng tâm giúp sức, nghe quân Võ Tánh đến, ra mà đi theo. Quan quân thời trở giáo mà đánh mặt sau, dân thời đốn cây mà làm binh khí; một là đền ơn cho đất nước, hai là rửa giận cho cha anh; đồng mà có nghĩa, ắt cũng thành công, chúng mày phải gắng!".

Sai Tôn Thất Hội, Võ Tánh, Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Văn Thành đem các đạo binh tới ngoài thành Quy Nhơn, làm rào lũy mà vây thành.

Ngài muốn dùng phép Thái Tây thả diều đốt lửa, đốt thành Quy Nhơn; nhưng Ngài lại nghĩ rằng: nhơn dân bị hiếp theo giặc phần nhiều, đốt thành vạ lây đến dân, không nỡ làm như vậy. Ngài sắc cho quân không được đốt lửa gấp, để cho dân ra.

Tháng 8, quân ta bọc thành Quy Nhơn đã lâu, Nhạc khuân bức quá, sai người ra Phú Xuân cáo cấp với Nguyễn Quang Toàn đem quân vào cứu.

Ngài sai Nguyễn Văn Thành thống lãnh các vệ, Nguyễn Kế Nhuận, Nguyễn Công Thái đều theo Thành sai bắt. Dụ rằng: "Công việc đánh và giữ trong Quảng Nghĩa, giao quyền cho người, phải làm sao mà ngoài thời ngăn quân giặc, trong thời yên nhơn dân, mới xứng trách đại tướng mà ta đã ủy thác cho người". Lại dụ rằng: "Hàng tướng cũng nhiều, chỉ có Nguyễn Công Thái là người trọng hậu, thạo giỏi việc binh, phải đãi tử tế, không nên coi như người thường".

¹ Vương Mãng là giặc nhà Hán, chán Mãng nhớ Lưu nghĩa là bỏ Vương Mãng mà theo vua Quang Võ; ví cũng như bây giờ dân bỏ Tây Sơn mà nhớ Hoàng Triều.

Tháng 9, Ngài nghĩ quân ta vây thành Quy Nhơn, mà hai mặt đều là giặc, lại gặp mùa mưa, liền sai các tướng rút quân về. Ngài ngự về Diên Khánh. Ngài xét đồn Hoa Bông là chỗ đất hình thăng, đánh hay là giữ cũng được, bèn khiến đắp thành; vừa một tháng đắp gọi là thành Diên Khánh (tức là tỉnh Khánh Hòa).

Nguyễn Văn Nhạc chết.

Tháng 10, đòi Nguyễn Văn Thành về giữ thành Diên Khánh, Nguyễn Hoàng Đức giữ dinh Bình Khương; Ngài đem quân về Gia Định.

Tháng 11, cho Thái giám Lê Văn Duyệt làm chức thuộc nội vệ úy. Duyệt người huyện Chương Nghĩa, tỉnh Quảng Nghĩa, sanh ra là người giám; lúc làm chức Thái giám, có đem binh đánh giặc, người mạnh dữ mà đánh giỏi, có công từng chinh, nên phong cho chức ấy.

Sai Chánh đội Quang Nói Ve, Đội trưởng Ba Đờ Chê (đều người Đại Pháp) qua thành Cô Á và Ma La Kha để mua binh khí.

Sai Đông cung Nguyễn Soái Cảnh quận công giữ Diên Khánh, cho ông Bách Đa Lộc và các quan Thị học theo hầu, khiến phó tướng Phạm Văn Nhơn, Giám quân Tổng Phúc Khê đều theo sai bắt.

Năm Giáp Dần thứ XV (1749), tháng 2, sửa lại Văn Miếu dinh Trấn Biên. Lúc trước đức Hiếu Minh Hoàng Đế làm ra, bây giờ sai Lễ bộ Nguyễn Đô coi việc ấy; ở giữa thời đền Đại Thành, cửa Đại Thành phía tây có Dục Thánh Từ, tả có cửa Kim Thanh; hữu có cửa Ngọc Chấn; phía trước thời làm các Khuê Văn để treo chuông trống; đặt 50 tên lễ sanh, 50 tên miếu phụ.

Thống lãnh Thanh Hoá thượng đạo là Hà Công Thái dâng biểu xin theo, Ngài khiến chiêu tập quân nghĩa đồng để ứng theo Vương Sư.

Tháng 3, Quang Toản sai tướng là bọn Nguyễn Văn Hưng đem lính thủy, lính bộ vào Quy Nhơn.

Nguyễn Văn Hưng đem 40.000 quân bộ vào lấy Phú Yên.

Trần Quang Diệu đem quân thủy vào cửa Nha Trang vây thành Diên Khánh, Đông cung chia quân chống giữ, để chờ quân cứu viện. Ngài đem quân thủy đi đánh, thuyền đến cửa Diên Úc, giặc nghe đại binh đã đến, giải vây thành Diên Khánh, quân thủy chạy về Quy Nhơn, quân bộ lui ra Phú Yên. Ngài nghe tin, dụ Nguyễn Văn Thành giao quân cho Đông cung để chống cự với giặc, còn Thành phải giữ thành Diên Khánh.

Tháng 5, thuyền ngự đến cửa Thi Nại, Tôn Thất Hội đánh lấy được đồn Tiều Cơ, đồn Mai Hương; Nguyễn Đình Đắc đuổi giặc đến núi Tam Tòa, bắt quân giặc được hơn 800 người.

Tháng 6, Ngài nghĩ rằng: thủy binh giặc còn giữ chỗ hiểm, chưa có thể phá được, mà lại gió mạnh sóng lớn, thuyền không đậu được, sai Tôn Thất Hội đem thuyền về đậu cửa Xuân Đài, mật dụ Đông cung rút quân về ở đồn Tân Thị chờ ngự giá, Nguyễn Văn Thành đem quân đóng đồn La Hai để phòng giặc.

Tháng 8, Ngài nghĩ rằng: Đông cung ở ngoài đã lâu, sai ông đem tướng sĩ Dinh Tả quân về Gia Định.

Tháng 9, Ngài kéo quân về Gia Định, để Hậu quân Võ Tánh giữ thành Diên Khánh.

Cho Đặng Trần Thường làm quan Tham Tri Bộ Lại. Thường người huyện Chương Đức (nay về Hà Nội), tỉnh Sơn Nam Thương, đậu sanh đồ nhà Lê, gặp loạn nên phải giấu tài, Thường có chí lớn, cùng với người huyện Thanh Oai là Nguyễn Bá Xuyên theo Nguyễn Đình Đắc vào cửa Cần Thơ. Đắc đem bài biểu của Thường dâng lên, Ngài khen lắm, dục vào yết kiến; Ngài hỏi sự thể ngoài Bắc Hà, Thường tâu việc chi cũng xứng chỉ cả; trận đánh ở cửa Thi Nại, Thường cũng từng quân bày mưu chước, đến đây cho làm chức ấy. Nguyễn Bá Xuyên cũng được làm Chánh Đội, phụng chỉ ra Bắc Hà chiêu dụ mấy người hào kiệt.

Năm Ất Mão (1795), tháng giêng, Trần Quang Diệu đánh thành Diên Khánh.

Ngài mật dụ Võ Tánh rằng: "Năm ngoái ta đem quân về Diên Khánh, sửa đồn bảo, trữ lương hướng người đã biết trước rằng đến tiết gió bão, giặc hẳn kéo quân vào đánh, mà người xin giữ một

mặt, nên ta giao thành ấy cho người; bây giờ quả thiệt như vậy, nay quân thủy quân bộ đã định ngày ra đi, người nên khuyến khích tướng sĩ đồng tâm giúp sức, chờ khi nào quân thủy đến cửa Cù Huân sẽ lừa thế đánh, một trận chắc chắn thành công được".

Tháng 3, Ngài đem thuyền binh ra cứu thành Diên Khánh, lưu Đông cung Cảnh giữ thành Gia Định.

Tháng 5, đang lúc ban đêm, Võ Tánh đem quân mở cửa thành, đốt bốn sở tại giặc, quân giặc bỏ chạy, bao nhiêu đồ khí giới bị quân ta lấy hết. Tánh chia quân chiếm đất ấy lập đồn phòng giữ.

Ngài nghe Tư Khẩu giặc là Võ Văn Dũng giết cha con Thái sư Bùi Đắc Tuyên và Ngô Văn Sở, Ngài dạy các tướng rằng: "giặc chém giết nhau, có thể thừa cơ được".

Tháng 6, Ngài khiến các quân lập đồn điền liên tiếp nhau, giặc không dám phạm; từ đó quân giặc đầu hàng nhiều lắm, Trần Quang Diệu thế cô, mật báo Lê Trung Mưu chạy thoát. Ngài dụ bọn Trương Phúc Luật phải giữ cho kỹ.

Ngài dục Tôn Thất Hội lập tức đem quân hội tiểu.

Tháng 7, quân giặc chiếm giữ núi Kho, quân ta đêm qua sông Ngự Tường, phóng hỏa đốt trại; Ngài đem đại binh tiếp đến, tiếng quân reo ầm trời, gió thổi lửa cháy, đốt hết 12 cái đồn giặc, Trần Quang Diệu giải vây chạy trốn; Ngài khiến Nguyễn Văn Thành đem quân đuổi theo. Ngài đem thuyền quân tới Chũ Châu, Trần Quang Diệu chạy vào Quy Nhơn.

Võ Văn Dũng đã giết Bùi Đắc Tuyên, lại nghĩ Trần Quang Diệu, Lê Trung đều là bè đảng với Tuyên, Dũng sai Nguyễn Văn Huân vào Quy Nhơn giết Diệu, việc làm không xong, chạy về Thuận Hóa; Diệu cũng đem quân đuổi theo. Đi đến nơi, Nguyễn Quang Toàn giải hòa, cho Diệu làm Thiếu Phó, Huân làm Thiếu Bảo, Dũng làm Tư đồ, Nguyễn Văn Danh làm Tư Mã; gọi là tứ trụ. Từ đó bọn giặc thường giết nhau, Quang Toàn không kiềm chế được.

Tháng 8, tu bổ thành Diên Khánh, làm thêm kho lức; dụ các tướng rút quân về, giao Tôn Thất Hội giữ thành ấy.

Tháng 9, Ngài ngự về Gia Định, ban yến cho tướng sĩ, tùy theo công trạng phong thưởng.

Năm Bính Thìn thứ XVIII (1796), tháng giêng, cho Nguyễn Tấn Lượng, Nguyễn Văn Thụy làm Chanh phó sứ sang Xiêm. Truyền bắt trạm đệ trà và bánh ra Diên Khánh; và dụ Tôn Thất Hội rằng: "ấy là lòng thành ta ban cho quân lính, người phải phân phát cho tướng sĩ, để cho ai cũng đội ơn vua".

Tháng 6, chở tiền gạo ở Gia Định, Bình Thuận, ra trữ tại Diên Khánh.

Đòi Tôn Thất Hội về, sai Nguyễn Hoàng Đức giữ thành Diên Khánh, phó tướng Nguyễn Văn Lượng đem binh đi theo, Tán lý Đặng Trần Thường hiệp tán việc quân.

Tháng 11, cho Tổng Hữu Xuân làm Khâm sai chiêu thảo sứ, sai ra mật thám Quy Nhơn, Thuận Hóa và mộ nghĩa binh đánh giặc.

Tháng 12, làm Thái miếu¹ Ngài thân ngự bái yết.

Đúc tiền "Gia Hưng thông bửu".

Các đội Tiểu sai, Tiểu hầu thường sai lính ra ngoài dân lường gặt kiếm tiền, Đông cung dâng số tiền hết tình lệ, Ngài sai xét việc ấy mà nghiêm trị.

Năm Đinh Tỵ thứ XVIII (1797), tháng giêng, như tiết Vạn thọ, ban áo cho các quan.

Ngài thường bàn việc binh với Lê Văn Duyệt, Duyệt như nói: "Nguyễn Văn Thành có mưu mà ít dũng cảm, Tống Viết Phúc dũng cảm mà ít mưu; chỉ có Tôn Thất Hội đủ cả trí dũng, thiệt là tướng giỏi, Ngài cho là phải".

¹ Thái miếu là miếu thờ đức Thái Tổ trở xuống.

Tháng 4, Ngài sai đem thuyền binh đánh Quy Nhơn, Đông cung Cảnh đi theo, sai Tôn Thất Hội giữ thành Gia Định.

Thuyền ngự đến cửa biển Cù Huân, đòi Hữu quan Nguyễn Hoàng Đức theo Ngài đi đánh, giao phó tướng Nguyễn Văn Khánh giữ Diên Khánh.

Ngài nghĩ rằng thành Quy Nhơn hiện có trọng binh ở đó, thế chưa đánh được; Ngài đem hơn 100 chiếc thuyền chiến ra cửa Đà Nẵng (ở tỉnh Quảng Nam), sai Đông cung đem binh Tả quân vào cửa biển Đại Chiêm đánh lấy Chiêm dinh (tức là dinh Quảng Nam), đòi Võ Tánh ở Phú Yên đem quân ra hội chiến. Đông cung đến Chiêm dinh, Võ Tánh đóng ở Hà Thân, thanh thế mạnh mẽ.

Tháng 6, cho Võ Nguyên Lượng làm Khâm sai chiêu thảo sứ. Lượng người huyện Đông Thành tỉnh Nghệ An, lúc vào Gia Định làm chức Nạp Ngôn; bây giờ làm Khâm sai để chiêu dụ mấy người hào kiệt ngoài Hà Bắc; giặc thám dò được, bắt Lượng giết ngay, vợ là Hoàng Thị Hân xin về để xem tình thế giặc, cũng bị hại.

Tháng 7, Ngài nghĩ rằng: đại binh xông vào đất hiểm, đồ quân nhu không đủ; liền truyền dụ các tướng rút quân về, lưu Nguyễn Văn Thành giữ Diên Khánh, Đặng Trần Thường cũng ở đó bàn định việc quân.

Tháng 9, sai Trần Phúc Chất đem quốc thư sang Xiêm để báo việc binh; lại nói với Xiêm rằng: "Có nghe nước Diển Điện thuê binh thủy Hồng Mao để đánh Xiêm, quả như vậy, ta sẽ đem quân thủy đón đàng mà đánh". Người Xiêm phúc thư cảm tạ, dâng 100.000 cân diêm; trong tờ nói rằng: "như ngày sau đi đánh giặc, binh khí có thiếu cái gì, thời Xiêm xin giúp. Lại xin phái người nào quen việc, hội với lính bộ nước Xiêm, theo đàng thượng đạo đi băng qua nước Vạn Tượng để lấy tỉnh Nghệ An, một là ngăn đón quân ở ngoài Hà Bắc vào, hai là đánh mặt sau Thuận Hóa; quân nhu đã có các mọi cung cấp, mình không phải lo". Ngài vẫn muốn giao thông với Vạn Tượng, bây giờ được thư Xiêm, Ngài mừng lắm.

Tháng 12, lập nhà thờ Tinh Trung trên núi Hà La ở thành Diên Khánh (tế 250 người tướng sĩ chết trận, núi ấy ở phía bắc cửa Cù Huân).

Năm Mậu Ngọ thứ XIX (1798), tháng 12, Diển Điện đánh Xiêm, Xiêm sai sứ sang xin quân cứu viện, Ngài sai Hữu quân Nguyễn Hoàng Đức, Chưởng cơ Nguyễn Văn Trương đem 7.000 lính thủy 100 chiếc thuyền chiến sang cứu, quân đi tới Côn Lôn, thời Xiêm đã đánh được Diển Điện rồi, liền rút quân về.

Tháng 4, cho Lễ bộ Ngô Tùng Châu và Nguyễn Thái Nguyên phụ đạo Đông cung. Tùng Châu học hành thuần chánh, hết lòng can răn, Đông cung lễ trọng lắm.

Tháng 5, Diên Khánh lưu trấn là Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường dâng sớ tâu rằng: "Đánh những người giao hiếu với giặc¹ mà cầu cứu với nước khác, là chước vạn toàn; từ lúc Tàu thua Tây Sơn đến bây giờ, hờn giận lắm, còn đương chờ dịp trả thù. Nay vua Gia Khánh nước Tàu mới nối ngôi, công việc sắp đặt, không phải như đời Kiến Long; quân ta từ khi thắng trận tại cửa Đà Nẵng đến giờ, bắt sống giặc Tàu Ô cũng nhiều, chúng tôi muốn nhơn việc ấy tính việc khác, dâng biểu tâu với vua Tàu và nạp vài chiếc thuyền Tàu Ô, để làm mỗi hiến khoản² cho Tàu, chắc là vua Tàu ứng nhận. Như được vào yết kiến vua Tàu, sẽ tùy nghi mà cải lễ; một lễ làm cho Tàu ghét mà kết oán với Tây Sơn, một lễ thời hỏi thăm vua nhà Lê, để tiềm thông tin tức, xin với vua Tàu, có lễ nào vua Tàu làm thịnh mà không hỏi. Nhưng chức sứ thần ít người làm được, tôi xin cử Đông cung Thị Học là Ngô Nhơn Tĩnh, Vĩnh Trấn Ký Lục là Phạm Thuận đều có tri thủ, có học vấn, không đến nỗi làm nhục mạng vua". Ngài cho là phải.

Tháng 6, cho Ngô Nhơn Tĩnh làm Bình Bộ Tham Tri, đem quốc thư sang Quảng Đông, hỏi thăm tin tức nhà Lê, Tĩnh đến thời vua Lê đã mất rồi, lập tức trở về.

¹ Tôn Tử nói rằng: phép dùng binh phải đánh người giao hiếu với giặc.

² Hiến khoản là tò lòng thành.

Tháng 10, đòi Nguyễn Văn Thành, Đặng Trần Thường về, sai Đông cung giữ Diên Khánh; cho ông Bách Đa Lộc, Tống Viết Phúc, Nguyễn Công Thái theo hầu Đông cung.

Cho Hàn Lâm Đặng Đức Siêu làm Trung Quân Tham Mưu, ông Siêu văn học uyên súc, nhơn loạn ở ẩn, Tây Sơn đòi không đến; Ngài nghĩ Siêu là cự thần, mật sai đòi, đến bây giờ lên vào Gia Định, bày mưu chước đánh Tây Sơn; Ngài khen, liền phong cho chức ấy.

Tiểu Triều Nguyễn Văn Bửu dâng biểu xin đầu hàng, quân ta chưa đến, Quang Toản bắt giết Tiểu Triều. Tánh Quang Toản hay nghi, lại giết Thiệu Bảo Nguyễn Văn Huấn; lúc ấy các tướng ai cũng có ý bỏ Tây Sơn mà về theo Ngài.

Tháng 11, Bình Tây Đại Tướng Quân là Tôn Thất Hội mất. Ông Hội hai lần hộ giá, công trạng nhiều, tánh nghiêm trang, giữ gìn phép tắc, các tướng ai cũng kính sợ; ông mất, Ngài thương tiếc lắm, tặng chức Nguyên Phụ Công Thần, Đặc Tấn Thượng Trụ Quốc chưởng Dinh (Minh Mạng thứ 5, cho tòng tự Thái Miếu, năm thứ 42, phong Lưỡng Giang Quận Công).

Năm Kỷ Vị thứ XX (1799), tháng 2, sai Nguyễn Văn Thụy, Lưu Phúc Tường sung chức Chánh Phó Sứ, đem quốc thư sang nước Xiêm, nói với Xiêm đem quân lính Chơn Lạp, Vạn Tường đi xuyên đàng thượng đạo xuống tỉnh Nghệ An để trợ thanh thế cho mình. Vua Xiêm bằng lòng.

Tháng 3, ban 30 điều quân chánh, rồi định lại bốn điều.

Ngài ra đánh Quy Nhơn, lưu Hoàng Tử Hy giữ thành Gia Định, bọn Nguyễn Văn Nhơn ở hầu, giữ gìn thành quách, sai quân chở lương, chẳng hề thiếu thốn.

Tháng 4, thuyền ngự vào thẳng cửa Thi Nai, sai Hậu Quân Võ Tánh, Hữu quân Nguyễn Hoàng Đức đem quân đóng ở Phú Trung; lại sai các vệ thần sách qua sông Kiền Dương đánh giặc tại đồn cũ, hai trận đánh đều được cả, quân ta thừa thắng tới đóng ở làng Trúc Khê.

Đại Đô Đốc giặc là Lê Chắt đầu hàng. Chắt người huyện Phù Ly, tỉnh Bình Định, trong đảng giặc Chắt thời đánh giỏi hơn hết. Ngài phủ ủy thâm dùng, cho theo Võ Tánh sai phái; bọn tướng giặc là Võ Đình Giai, Nguyễn Văn Điểm cũng ra đầu hàng, Ngài khiến bọn hàng tướng chiêu tập lính cũ để đi đánh giặc.

Nguyễn Văn Thành đánh phá đồn Hội An, Tham đốc Phạm Văn Điem đầu hàng; thâm phục dinh Phú Yên; báo tin đến, Ngài dục tấn binh ứng tiếp với Võ Tánh.

Tháng 5, quân ta đến gần thành Quy Nhơn; Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng đi đến tỉnh Quảng Nghĩa, nghe quân ta giữ tại xứ Tân Quan, đều bỏ thuyền lên bộ, kéo đi hơn 20.000 quân, Diệu ở ngoài đèo Bến Đá giả làm thanh thế, Dũng đem quân đi xuống Chung Xá mưu lên đánh quân ta; ban đêm đi qua khe, có một con nai trong rừng nhảy ra, quân đạo tiền ngó thấy la lên: "Nai ! Nai!" quân sau vội vàng cũng la rằng "đồng nai"¹ giặc sợ bỏ chạy, sập xuống hầm hố nhiều lắm; Tống Viết Phúc biết giặc kinh sợ, đem vài trăm quân ra đuổi, giặc thua chạy, bắt được quân giặc và khí giới nhiều lắm; báo tin thắng trận, Ngài khen, thưởng 3.000 quan tiền.

Võ Tánh đánh phá quan Thái Phủ giặc là Lê Văn Ứng(đón đàng mà đánh ở xứ Kha Đáo lấy hết binh tượng).

Quân ta lấy lại thành Quy Nhơn, Văn Ứng đã thua, trong thành hết lương, Tổng quản là bọn Lê Văn Thanh đầu hàng, Ngài đổi tên là thành Bình Định.

Tháng 7, Ngài đóng ở Bình Định, sai sứ sang Xiêm báo tiệp.

Nguyễn Quang Toản đem lính Thuận Hoá vào cứu. đóng tại sông Trà Khúc, thường dục các tướng tới xâm. Trần Viết Kiệt nói rằng: "bây giờ trái gió, đánh t2hủy không được"; bọn Trần Quang Diệu, Võ Văn Dũng xin Quang Toản về Thuận Hóa, Quang Toản trở về, Diệu, Dũng cũng về Quảng Nam, giao Nguyễn Văn Giáp giữ Trà Khúc.

¹ Nghĩa là giặc tượng quân ở Đồng Nai.

Tháng 9, Ngài ngự về, giao Võ Tánh, Ngô Tùng Châu giữ Bình Định.

Ông Bách Đa Lộc mất; ông tham dự việc quan, đem Đông cung sang Đại Pháp, hết lòng bảo hộ, Ngài khiến Đông cung đãi ông như Quan sự; lúc ấy ông theo đánh Quy Nhơn, rồi mất tại cửa Thi Nại, tặng chức Thái Tử Thái Phó Bi Nhu Quận Công, thụy hiệu là Trung Ý, đem về táng tại Gia Định.

Ngài ngự về Gia Định, đi ngang qua tỉnh Phú Yên, tha thuế thiếu cho dân.

Cho Nguyễn Văn Tánh, Đặng Trần Thường lưu trấn thành Diên Khánh.

Tháng 10, ngự đến Gia Định, cho lính về nhà nghỉ.

Tháng 11, giặc toan vào lấy Bình Định, Trần Quang Diệu đem quân bộ, Võ Văn Dũng đem quân thủy, định tháng 12 kéo quân vào Bình Định.

Ngài nghỉ Diên Khánh là chỗ xung yếu, dụ lưu trấn Nguyễn Văn Tánh, Đặng Trần Thường phải phòng giữ cho nghiêm; lại sai Nguyễn Văn Trương đem thuyền binh ở Thi Nại trở vào cửa Cù Huân, để hiệp sức mà giữ thành Diên Khánh.

Năm Canh Thân thứ XXI (1800), tháng giêng, Diệu và Dũng đem quân đến gần thành, thường gheo đánh, ông Tánh đóng cửa thành không cho quân ra, Diệu nói với Dũng rằng: "Tánh không ưng đánh, muốn làm cho Nguyễn Văn Tánh mỗi một"; rồi đắp lũy chung quanh thành để vây bọc quân Nguyễn Văn Tánh và giữ gìn cho lâu.

Ngài nghỉ nước Hồng Mao quen nghề thủy chiến, khiến thuyền trưởng Chánh đội là Ba La Gi nhóm các thuyền buôn, sắm sửa đồ khí giới để theo Ngài sai phái.

Sai Chánh Đội Nguyễn Văn Chấn coi chiếc tàu Phụng Phi, Nguyễn Văn Thăng coi tàu Long Phi, Lê Văn Lăng coi tàu Bằng Phi, theo đạo Trung quân sai phái đánh giặc.

Thượng Đạo Tướng Quân Nguyễn Văn Thụy ở Vạn Tượng về mật tâu việc binh; Ngài sai đi hội với Vạn Tượng đánh lấy tỉnh Nghệ.

Tháng 4, Phiên Thần tỉnh Thanh Hóa là Chánh Thống Lãnh Hà Công Thái dâng biểu xin cử hiệp thổ tù các mán theo Nguyễn Văn Thụy đi đánh giặc.

Ngài đem quân cứu Bình Định, lưu Đông cung giữ Gia Định.

Tháng 4 nhuận, thuyền ngự đến cửa Cù Huân, sai Hoàng Tử Hy lưu trấn Diên Khánh, thân dụ tướng sĩ các dinh thủy bộ.

Tháng 5, Nguyễn Văn Thành kéo quân đến cửa Xuân Đài, khiến Lê Chặt, Nguyễn Đình Đắc, Trương Tấn Bửu chia làm ba đạo đều kéo tới một lần, đánh phá giặc, lấy đồn Hội An.

Tháng 6, Tướng quân Nguyễn Văn Thụy, Điển quân Lưu Phúc Tường đem quân mình và quân Vạn Tượng đánh đảng giặc ở Nghệ An. Quân Thượng đạo ở Thanh Hóa là Hà Công Thái, thổ ty ở Hưng Hóa là Phan Bá Phụng đều khởi binh, các xứ Bắc Hà cũng đều khởi quân theo cả, khi ấy quân giặc chống cự rất là mỗi một.

Thuyền ngự đóng tại cửa Cù Mông, chia lập đồn trại, đối lũy với giặc.

Tháng 7, Phó thống lãnh giặc là tên Thụy đem 150 chiếc thuyền lương ở Bắc Hà, Thuận Hóa, Quảng Nam vào đậu cửa Đề Gi (Bình Định), quân Nguyễn Văn Tánh dò biết; Ngài đem thuyền binh giữ cửa Thi Nại, lại sai Nguyễn Văn Trương, Tống Phúc Lương đem thuyền binh đón đánh, Thụy bỏ thuyền lên bộ mà chạy, quân Nguyễn Văn Tánh bắt được hơn 30.000 vuông gạo và thuốc, đạn, binh khí cũng nhiều.

Tháng 9, Ngài đóng tại Hòn Năn (trong cửa Cù Mông).

Tháng 10, Võ Tánh sai người dâng biểu ở chỗ Hành tại¹. Ngài lại sai người lên vào thành hỏi thăm, quân lính đều cảm kích, xin ra sức đánh giặc.

Tháng 11, Nguyễn Văn Thành bắt người mường đem đảng, biết rằng đi đảng tắt phía Tây Nam thời đánh mặt sau đồn giặc, liền vẽ địa hình dâng biểu xin thêm binh; Ngài xem biểu, mừng nói rằng: "Giặc ở trong con mắt ta thấy rõ rồi". Sai Tống Viết Phúc, Lê Văn Duyệt đem quân đến Gò Thị theo tiết chế ông Thành; Thành sai Duyệt giữ đồn làm chánh binh, còn mình đem quân các đạo làm kỳ binh², đêm đi đảng tắt, qua núi Bột Khê, như lúc trời mưa đi quanh ra sau đồn giặc, bỏ lửa đốt đồn, ước với ông Duyệt hai đầu đánh lại, giặc thua bỏ chạy, Đô đốc Thu đem quân đầu hàng; quân ta lấy được voi, ngựa, súng và binh khí nhiều lắm. Báo tiếp, Ngài khen lắm. Trận ấy ông Thành, ông Duyệt đều cầm cờ tướng chỉ biểu quân lính, Thành hay uống rượu, lúc gần ra trận, cầm hồ rót rượu, rót cho Duyệt một chén mà nói rằng: "uống rượu để thêm sức mạnh". Ông Duyệt nói: "Ai tánh hay sợ mới uống rượu để cho thêm sức mạnh, còn như tôi thời trước mắt coi không trận dữ, cần chi phải uống rượu". Thành có ý thẹn, từ đó giận Duyệt.

Năm Tân Dậu thứ XXII (1801), tháng giêng, quân thủy ta đánh giặc ở cửa Thi Nại. Nguyên trước khi Võ Văn Dũng đem hai chiếc thuyền hiệu Định Quốc và hơn 100 chiếc thuyền chiến, đậu ngang cửa biển; lại lập hai đồn bên cửa biển: bên tả tại Nhạn Châu, bên hữu tại núi Tam Tòa; hai đồn ấy đều đặt súng lớn để chống cự quân ta. Đến bây giờ các đạo quân ta đều sắm đồ hỏa công đủ hết; canh ba đêm 16, Ngài sai Nguyễn Văn Trương chèo thuyền nhỏ lên vào nơi Hồ Cơ đốt đồn thủy giặc; Võ Di Nguy đem mấy chiếc thuyền lớn xông tới, Văn Duyệt theo sau; Nguy bị đạn chết, Duyệt không ngó đến, càng gắng sức đánh, từ giờ Dần đến giờ Thân đốt phá hết thuyền giặc; ai cũng khen trận ấy là "Võ công đệ nhất". (Di Nguy người huyện Phú Vang; Minh Mạng năm đầu được tòng sự Thế Miếu; năm thứ 12, được phong Bình Giang quận công).

Ngài trú tất tại cửa Thi Nại, sai báo tiếp cho Gia Định, Phú Yên, Bình Khương, Bình Thuận đều biết; lại sai quan trấn Gia Định làm thơ báo với nước Xiêm, nước Lạp.

Tháng 2, lựa thêm lính Gia Định, thúc thành đội ngũ, đem đi quân thứ đánh giặc; sai Nguyễn Văn Trương đem lính thủy ra đánh Quảng Nam, Quảng Nghĩa.

Đông cung Nguyễn Soái Quận Công Cảnh mất. Lúc Đông cung ở Đại Pháp về, thường đi theo đánh giặc; bây giờ giữ thành Gia Định, lên đậu mà mất, mới 22 tuổi; Ngài thương tiếc lắm (năm Gia Long thứ 4, truy thụy là Anh Duệ Hoàng Thái Tử, lập tẩm viện ở xã Vỹ Dạ).

Tháng 3, Nguyễn Văn Trương lấy lại dinh Quảng Nam.

Tháng 4, Hoàng Tử Hy mất, đem về táng tại Gia Định.

Quân ta giữ thành Bình Định gần hết lương; bọn Diêu, Dõng vây càng nghiêm ngặt. Ngài truyền các tướng rằng: "thà là mất thành Bình Định, không thà mất tướng giỏi ta!". Liền sai người lặn nước đưa thơ dụ Võ Tánh bỏ thành chạy ra hội với đại quân; Tánh xin chịu chết giữ thành, tâu rằng: "lúc này binh tướng giỏi Tây Sơn đều ở Bình Định, Phú Xuân chắc là bỏ trống, nên thừa hư ra đánh lấy Phú Xuân, được Phú Xuân cũng đủ thường một mạng tôi!". Ngài than thở hồi lâu, rồi sai Thành đem các đạo binh kháng cự với Diêu, Dõng; mà Ngài đem thuyền binh ra Phú Xuân.

Tháng 5, ngày Bính Tý, đại binh vào cửa Tư Hiền, Lê Văn Duyệt, Lê Chất đánh phá giặc ở núi Quy Sơn (tức là núi Linh Thái).

Ngày Đinh Sửu, Ngài đốc các đạo quân tới sông Trường Hà, Lê Văn Duyệt bắt được Nguyễn Văn Tri và đô đốc Phan Văn Sách, giặc đầu hàng hơn 500 người; đại binh kéo thẳng vào cửa Duyên Hải.

Ngày Mậu Dần, thân phục Kinh Đô. Giặc nghe đại binh đến, bỏ chạy cả, lấy được hết thảy thuyền và khí giới; đại binh kéo thẳng vào Phú Xuân, Quang Toàn đem đồ quý báu bỏ thành chạy ra Bắc; Ngài

¹ Hành tại là nơi vua đóng quân ở đó.

² Chánh binh là quân ra trước trận cho giặc thấy; kỳ binh thời đi lén đảng khác, hoặc núp đánh đảng sau không cho giặc biết.

ngự vào thành coi khắp các cung khuyết, lấy được 13 cái ngự ấn, 33 bản ngự sách; niêm phong kho tàng, tịch biên tiền của, cấm quân không được nhiễu hại, để cho yên dân.

Sai Lê Chất đem binh bộ đuổi Nguyễn Quang Toàn, Nguyễn Văn Trương đem lính thủy ra sông Gianh để đón đàng giặc chạy. Phạm Văn Nhon giữ cửa biển Duyên Hải¹, Phan Văn Triệu, Tống Phúc Châu giữ Tả Trạch nguyên và tam ải.

Sai Điển quân Lưu Phúc Tường đem bộ hạ đi đàng Cam, đưa thơ cho Vạn Tượng và các mường, bảo chúng nó giữ chỗ hiểm yếu, phòng quân giặc chạy trốn.

Thanh Hóa Thống Lĩnh Hà Công Thái sai người dâng biểu tâu việc binh, Ngài dụ rằng: "ta nay thu phục Kinh đô, đã sai Lưu Phúc Tường hội với Vạn Tượng đánh Nghệ An; mày nên đem bộ hạ đánh Thanh Hóa; chờ ta sắp đặt xong việc, sẽ ra lấy Bắc Hà để thống nhất thiên hạ, mày phải gắng đó".

Sai Trương Công Vỹ chiêu dụ hào kiệt ngoài Bắc. Phó Vệ Úy Nguyễn Đình Hoảng cũng xin tới tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ chiêu tập nghĩa binh; Ngài bằng lòng cho.

Nội hầu giặc là Lê Văn Lợi, Thượng thơ giặc là Hồ Văn Diệu đều xin hàng, Ngài cho theo sai phái. Nguyễn Văn Thành và Đặng Trần Thường mật tâu rằng: "từ Tây Sơn khởi loạn đến giờ, bọn ấy nhờ đó mà được giàu sang, mấy người trung nghĩa ở Thuận Hóa, Bắc Hà phải khuất thân làm lính, để cho bọn ấy sai khiến, thường có ý trông vương sư đến, để đổi lối cũ. Bây giờ lại cho bọn ấy coi quân, nghiêm nhiên làm quan ở trên người ta, e thiên hạ mất lòng trông cậy; nếu sợ đánh giặc còn nhiều, không dung bọn ấy e những đứa khác ngờ không dám tới, thời xin tha bọn ấy đừng giết cũng được, không nên cho giữ binh quyền". Cho xử sĩ Nghệ An là Nguyễn Thiếp về nhà. Thiếp người làng Nguyệt Úc, huyện La Sơn, đậu hương cống (là cử nhon) làm tri huyện Thanh Chương, bỏ quan về nhà; lúc nhà Lê mất, Quang Toàn mời ra ở Phú Xuân. Bây giờ vào bái yết xin về, Ngài dụ rằng: "Tuổi người đã nhiều, lại có đức độ, người ta vẫn kính phục lắm; từ rày người về nhà, nên dạy cho được nhiều học trò giỏi để giúp nhà nước, thế mới không phụ lòng ta trọng người hiền"; rồi sai quan đưa về.

Sai Lê Văn Duyệt đem quân bộ vào Quảng Nam, Tống Việt Phúc đem quân thủy, chia đàng vô cứu Bình Định; Lê Chất đem quân tả đồn và lính hai vệ Chấn Võ, Tê Võ, theo tiết chế ông Duyệt. Ngài lại truyền Nguyễn Văn Thành sắm sửa binh mã để đợi.

Lê Văn Duyệt và Lê Chất đánh viện binh giặc tại Cao Đồi, bắt được bọn Đô đốc Lê Văn An, báo tin thẳng trận. Ngài sai giải mấy tên bắt được về Kinh, chỉ có tên nào là người Thuận Hóa và người Bắc Hà thời cho nhập vào đội ngũ vào Quảng Nam đánh giặc.

Thành Bình Định lương hết; Đại tướng quân Quận Công Võ Tánh, Lê Bộ Ngộ Tùng Châu đều tuần tiết. Khi quân giặc vây thành, ông Tánh tùy thế chống cự, nhờ tướng sĩ hết lòng đánh giặc, lớn nhỏ hơn mười trận, không hề thua. Đến bây giờ lương hết, quân lính phải làm thịt voi ngựa mà ăn, cũng không có ý làm phản. Ông Tánh lo rằng: nếu thành bị phá, quân lính không khỏi bị hại, liền sai quân kiểm củi khô chất đầy dưới lầu bát giác, toan đốt mình tự tử. Sáng sớm mai Tùng Châu tới hỏi Tánh định mưu kế gì, Tánh chỉ lầu bát giác nói rằng; "kế tôi ở đó". Tùng Châu nói: "Tướng quân hay liều mình với nước, tôi lại không hay hết trung với vua sao?". Tùng Châu uống thuốc độc chết, Tánh liệng táng cực kỳ tử tế; rồi để thuốc súng dưới lầu, mặc Triều phục lên lầu ngồi, gậy tàn thuốc xuống, mình đốt lấy mình, Chánh Cơ Nguyễn Tấn Huyền cũng nhảy vào lửa mà chết. Giặc kéo quân vào thành, cũng không làm hại đến các tướng sĩ trong thành; rồi các tướng sĩ ta đều lén trở về, không ai theo giặc (Nền Bát giác lầu ở trong thành, khi nhà nước đại định rồi, lập đền thờ hai ông ở đó; năm Gia Long thứ 5, hai ông được tòng tự Thái Miếu; năm Minh Mạng thứ 5 đổi qua tòng tự Thế Miếu; năm thứ 12, ông Tánh được phong Hoài Quốc Công, Tùng Châu được phong Ninh Hòa Quận Công).

Ngài nghe Võ Tánh và Tùng Châu tử tiết, khóc mãi không thôi, Ngài nói rằng: "Hoàn tiết như vậy, dẫu Trương Tuần, Hứa Viễn nhà Đàng cũng không hơn được". Truyền sắc trấn Gia Định châu cấp gia quyến, lại nghĩ Nguyễn Tấn Huyền cũng đồng tử tiết, cũng sai quan tỉnh Quảng Nghĩa hỏi thăm mẹ và vợ con, ban cấp rất hậu.

¹ Năm Gia Long thứ 12 đổi tên là cửa Thuận An.

Nguyễn Quang Toàn chạy ra Bắc thành, đổi niên hiệu là Bửu Hưng, sai người sang Tàu xin viện binh, Tàu không cho, Diêu, Dỗng đã giữ thành Bình Định, toan đắp lũy ngang ở Vân Khê để đón đàng quân ta chở lương qua cửa Thi Nại, nó lại sai Tham đốc Phạm Văn Diêm giữ tỉnh Phú Yên để ngăn trở quân ta. Nguyễn Văn Thành dâng sớ xin phái Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Đức Xuyên đánh phá Phú Yên, để thông với Tam Lãnh; Ngài sai Tổng Phúc Lương đi thuyền chiến ra biển vào Tam Lãnh hội với Nguyễn Văn Tánh đánh giặc. Quân Tống Viết Phúc, Lê Văn Duyệt, Lê Chất đến Quảng Nghĩa đánh giặc ở đồn Trà Khúc, bắt sống quân giặc hơn 3.000 người, tâu việc thắng trận. Ngài truyền giải tướng giặc là Nguyễn Khôn, Hồ Tự về Kinh, còn lính giặc thời nhập vào các vệ để thêm số lính cho nhiều.

Đòi các hậu vệ quân về Kinh, lưu Nguyễn Văn Tồn ở quân thứ đánh giặc. Lúc trước thành Bình Định hãm, Tồn bị giặc bắt, Tồn giả đồ hết sức giúp giặc đánh mình, quân mình kêu mà Tồn không ngó, giặc lấy làm tin; đến bây giờ lén trốn về. Có người hỏi Tồn rằng: "khi đi theo giặc sao mà đánh dữ thế?". Tồn nói: "như không làm cho quân ta bị thương, thời giặc không tin; nó đã không tin làm sao đem hết quân lính mà về được?". Ai cũng phục là có trí.

Cho Giám quân Nguyễn Văn Trương làm Khâm sai Chưởng Trung Quân Đại Tướng Quận Công. Tánh ông ấy rất trọng hậu, chẳng hay giết người. Khi trước có một trận quân ta bị thua, lội qua sông mà chạy, giặc xúm nhau đâm quân ta; lúc ấy Trương còn làm tướng giặc, không cho giặc giết quân ta, nói rằng; "nơn khi nguy cấp mà giết người, ấy là bất nơn". Giặc trở lui; Ngài khen rằng; "làm tướng có nơn như Trương là ít lắm". Khi về theo Ngài, lập nên công lớn, ai cũng khen là phúc tướng.

Đồng Lý giặc là Nguyễn Văn Thận đem lính giữ dinh Hà Trung; Nguyễn Văn Trương dâng sớ xin thừa cơ ra đánh, Ngài dụ rằng: "Tướng quân là trụ thạch lão thần, Nhà nước ỷ trọng lắm; ngày nào đem quân ra đánh, phải chia thủy bộ hai đạo, kéo qua Thanh, Nghệ, hội với binh thượng đạo, để bắt cho hết đàng giặc; nay mai bắt được Diêu, Dỗng, ta sẽ sai các tướng ra lấy Thăng Long để yên định Hà Bắc". Ngài lại nghĩa rằng: Tham tán phải có quan văn, phải cần người nào thuộc tất địa thế và dân tình ngoài Bắc mới làm chức Tham tán được; liền đòi Đặng Trần Thường, Nguyễn Trí Hòa về Kinh hầu chỉ.

Huyện thừa ở Nghệ An là Hoàng Thạch Phòng, sanh đồ là Phạm Kiến Tích xin đi đánh giặc, Ngài cho Phòng làm Chánh Cơ, Tích làm Chánh đội, khiến đem lính Hưng Nghĩa theo Nguyễn Văn Trương sai phái.

Sai Giám thành Nguyễn Văn Yên đo lũy Trấn Ninh (tức là lũy Đồng Hới) từ núi Đâu Mâu đến cửa Nhật Lệ, xem xét tình thế, rồi vẽ địa đồ dâng lên Ngài xem. Lũy ấy dài 1120 trượng.

Tháng 7, phong cho Nguyễn Văn Thành làm Khâm sai Chưởng Tiền quân, Bình Tây Đại Tướng Quân, điều bát chư đạo bộ binh Quận Công; cho Lê Văn Duyệt làm Thần Sách quân chưởng tả dinh đô thống chế, Quận Công. Ngài dụ rằng: "Người với Duyệt nên ở cùng nhau cho có đạo nghĩa, có thành thiệt, không nên lấy khí thế, tài danh làm cao thấp, đồng tâm lo việc, để cho thành công; mới gọi là tôi của Xã tắc, báu của nước nhà; người phải nghĩ cho kỹ".

Cho Ngô Đức Toàn làm chức Hà Bắc Chiêu Phủ Sứ, sai đem đạo quân mình đi với Chánh Vệ Nguyễn Đình Hiệu vượt biển ra đến Biện Sơn, Phó vệ Nguyễn Đình Hoảng, Thống binh Hoàng Văn Quý và mấy người hào mục ra theo cũng nhiều. Rồi chiêu tập nghĩa binh và quân Tàu Ô, ước chừng hơn 400 người, 20 chiếc thuyền, đánh lấy được hơn 300 người. Nghe báo tiếp, Ngài dụ lập đồn trại cho kiên cố để chờ vương sự. Đắp đàng quan từ Phú Xuân đến Đồng Hới.

Tháng 8, sai Thị Thơ Viện làm sách Cương Mục Chánh Biên Tiên Biên để tấn lãm. Ngài ưng xem sách, tuy ở trong quân, thường lấy sách vở làm vui, thường đòi văn thần vào giảng sách, nửa đêm mới thôi.

Tán Lý Đặng Trần Thường đến Kinh, đòi vào yết kiến, rồi sai ra đồn Đồng Hới hiệp với Nguyễn Văn Trương tham tán việc quân.

Ngày Đinh Hợi nước sông Hương Giang trong. Từ khi loạn năm Giáp Ngọ, nước sông đục luôn; đến bây giờ thâm phục Kinh Đô, nước lại trong hơn khi trước; ai cũng cho là triệu thái bình.

Tháng 10, Nguyễn Văn Trương và Phạm Như Đăng dâng sớ tâu: "lính Nam chưa thuộc đảng biển ngoài Bắc, xin mộ thêm mấy đội lính thuyền ở Lý Hòa, lập thành đội Hòa Hải, để phòng sai bát". Ngài cho.

Ngài dụ bọn Nguyễn Văn Trương rằng: "Cách dùng binh phải dự phòng trước. Nay quân đóng ở Thi Nai, lính giỏi lương nhiều, lại được Nguyễn Văn Thành đêm ngày chăm lo, làm việc chắc là vạn toàn, không nghi ngại gì; quân thứ ở núi Thanh Hào, thời có Lê Văn Duyệt và Lê Chất giữ gìn nghiêm nhặt, nếu giặc muốn đánh đảng trước hoặc đảng sau, cũng không làm chi được; ta chỉ lo việc ngoài Bắc Hà mà thôi. Người phải phủ úy tướng sĩ, việc gì cũng nên chính bị, để giữ vững phía Bắc cho ta".

Nguyễn Văn Thành đánh đồn Chi Lự, đuổi giặc đến sông Tân An, phá luôn hơn 20 đồn.

Lê Văn Duyệt, Lê Chất đánh phá giặc tại núi Phong Yêu.

Ngài sợ các tướng ra trận giết bậy, truyền dụ rằng: "phủ Quy Nhơn là dân cũ của ta, từ Tây Sơn tụ hội ở đó, hiếp dân phải theo, nhưng dân còn giữ được bốn tánh, chưa mất lương tâm; kịp khi ta duyệt binh năm Quý Sửu, vây thành năm Aát Vĩ, dân đều hết sức theo ta, khiến giữ trong thành đã hơn một năm, trải nếm đủ mùi cay đắng; chim lồng cá chậu, không đảng bay nhảy cho thoát. Bây giờ Tây Sơn lại thả người già, lựa người mạnh, bắt lương dân theo vòng tên đạn, thế dân không biết làm sao được, tình rất nên thương. Từ rày về sau gặp quân giặc, mà chư tướng giết tại trận thời không kể; như bắt sống giữa trận, không cần phải tra xét gì, hễ người Quảng Nghĩa trở ra thời cho lưu dụng; người Quy Nhơn trở vào thời cấp tiền gạo cho về; ấy là nghĩa phải đánh mà nhơn nên thương vậy. Nếu ai cố ý giết càn, sẽ theo phép quân trị tội".

Nguyễn Quang Toàn đem quân thủy quân bộ hơn 30.000 người vào xâm, để làm thanh thế cho Diêu, Dống ở Quy Nhơn; vợ Diêu là Bùi Thị Xuân cũng đem 5.000 quân theo Quang Toàn đến dinh Hà Trung.

Ngài bàn định việc thân chinh¹, ngày Aát Vĩ, Ngự giá từ Kinh sư ra đi, ngày Nhâm Dần trú tất ở Đồng Hới, sắc chư tướng giữ các đồn cho nghiêm.

Tháng 12, Tổng Phúc Lương đem binh thuyền đến cửa Nhật Lệ.

Năm Nhâm Tuất thứ XXIII (1802), tháng giêng (tháng 5 năm ấy về sau, là Gia Long nguyên niên), Ngài trú tất ở Đồng Hới; tỉnh Quảng Nam dâng trái Nam Trân, Ngài ban cấp cho các tướng sĩ.

Nguyễn Quang Toàn sai Nguyễn Quang Thùy và Tổng quản Siêu xâm lũy Trấn Ninh, Tư Lệ Đình Công Tuyết, Đô đốc Nguyễn Văn Kiên xâm núi Đâu Mâu, thiếu úy Đặng Văn Đăng và Đô đốc tên Lực kết đảng với 100 chiếc Tàu Ô, bày thủy trận ngoài cửa Nhật Lệ.

Ngài sai Nguyễn Văn Trương đem thủy binh ra biển kháng ngự, Phạm Văn Nhơn và Đặng Trần Thường đem bộ binh chia đảng chống cự, quân giặc kéo đến hết núi Đâu Mâu, trèo lên như kiến; vợ Diêu là Bùi Thị Xuân cỡi voi cầm quân liều đánh, từ sớm đến trưa, chưa chịu lui quân; nhờ có gió đông bắc, Nguyễn Văn Trương đốc thủy binh phá tan thuyền giặc ngoài biển, lấy được 20 chiếc thuyền; bộ binh giặc nghe tin, sợ bỏ chạy, Quang Toàn chạy ra Đông Cao (thuộc huyện Bồ Trạch), Nguyễn Văn Kiên đem quân tới hàng.

Ngài biết thuyền lương giặc đậu ở sông Gianh, sai Tổng Phúc Lương, Nguyễn Văn Vân đón đánh, lấy hết thuyền lương, đuổi giặc đến hang Tiên Cốc, bắt được Thượng thư Nguyễn Thế Trực, Đô đốc Trần Văn Mô.

Ngài sai các đạo biên số binh mã và binh khí mà lấy được của giặc, dâng lên Ngài biết. Trận này giặc bị phá tan hết thảy; Hoàng triều khôi phục giang sơn, thế dễ như chẻ tre.

Ngài ngự về, sai Tổng Phúc Lương, Đặng Trần Thường giữ sông Gianh, Nguyễn Văn Trương giữ xứ Đồng Hới, Hoàng Văn Diễm giữ cửa Ròn. Lại sai Lê Văn Duyệt đánh thành Bình Định, Duyệt phá tan giặc ở núi Lộ Bôi, bắt được Đô Đốc Châu Hữu My đem về Kinh sư.

¹ Thân chinh là vua tự đem quân ra đánh giặc.

Ngài sai giải bọn Trần Văn Mô ra nơi quân thứ cho giặc biết, giặc trông thấy mất hồn.

Tháng 3, quân ta thâu phục thành Bình Định. Lúc ấy ba đạo quân ta xông vào, thế cấp quá, bọn Diêu, Dống kéo quân bỏ thành chạy trốn. Nghe báo tiếp, Ngài mừng lắm; truyền Quảng Nam và Cam Lộ đều phải phái binh phòng giữ chỗ nguyên đầu để đón đảng giặc chạy; lại đưa thơ cho Xiêm La và Vạn Tượng biết.

Lê Văn Duyệt bắt Đô Đốc Trần Đại Cự đem về Kinh. Ngài truyền tha, rồi đòi hỏi rằng: "đảng Diêu còn nhiều, tại sao không đánh mà chạy?" - tâu rằng: "binh Diêu ngoài còn mạnh mà trong yếu, nên phải bỏ đồn mà chạy trốn, chỉ cầu cho sống mà thôi, không có mưu kế chi đâu". Ngài cho là phải, ban cho một cái áo. Lúc ấy bắt sống được tướng giặc, đều tha tội cả, nhưng sai hàng tướng Lê Đình Chính giám quản; rồi bổ làm quân túc trực, đêm ngày châu hầu chung quanh; mấy người có lòng nghi sợ, bấy giờ mới an tâm.

Đúc 5 cái Quốc Bửu; một cái khắc chữ "thảo tội an dân chi bửu", một cái khắc "sắc chính vạn dân bửu"; một cái khắc chữ "mạng đức chi bửu"; một cái khắc chữ "chế cáo chi bửu"; một cái khắc chữ "quốc gia tính bửu". Lại đúc "công đồng chi ấn", "chư quân chi ấn".

Truyền sắc rút quân thủy, quân bộ ở Bình Định về, giao Nguyễn Văn Thành giữ thành ấy để phủ tập cư dân, kiểm chế đảng giặc.

Cải phủ Gia Định làm trấn; sai Hoàng Việt Tồn rước đức Quốc mẫu về Kinh. Lúc Ngài đương đi đánh giặc, đức Quốc mẫu ở lại Gia Định; nay thâu phục Bình Định rồi, sai người rước về.

Giảm sưu thuế cho trấn Gia Định. Dụ rằng: "Từ khi Quốc vận trung vi, Tây Sơn dấy loạn, ta phụng Quốc mẫu ở Gia Định, thần dân xứ ấy ai cũng đồng tâm tôn kính; nay rước Từ giá về Kinh, vậy nên suy ơn cho thoả lòng dân; từ năm Quý Hợi về sau, các hạng sưu thuế cho trong ba phần giảm một".

Tháng 4, đặng Hoàng thành.

Các quan dân biểu xin Ngài lên ngôi Hoàng đế, cải niên hiệu. Dụ rằng: "Lúc mới thâu phục Gia Định, đã lên ngôi vương, như tâm tôn ta đã lâu. Nay tuy rằng khôi phục Kinh đô cũ, mà quốc tặc chưa từ, thời việc đặng tôn¹ chưa nên bàn vội. Nhưng vương giả đổi họ chịu mạng trời làm vua, phải nên đổi cũ theo mới, có năm phải có hiệu, đổi niên hiệu là phải; các người nên bàn mà làm".

Lục các công thần tử trận hơn 500 người, đều truy phong tước khác nhau.

¹ Đặng tôn là lên ngôi Hoàng đế.

QUỐC TRIỀU CHÍNH BIÊN TOÁT YẾU

Quyển thứ II

Thế Tổ Cao Hoàng Đế

Năm Nhâm Tuất, Gia Long thứ 1 (1802), tháng 5, ngày mồng 1 Canh Ngọ, lập đàn tại xã An Ninh, hiệp tế trời đất, cáo việc đặt niên hiệu. Ngày Tân Vị, kính cáo Liệt Thánh; lễ rồi, Ngài ngự trên đền, cho quần thần làm lễ tế triều hạ, đặt niên hiệu Gia Long, đại xá trong nước, ban ân điển 6 điều. Từ lúc ấy, cáo, dụ, mạng, lệnh đều dùng chữ "chiếu"; chương sở dùng chữ "tấu".

Ngài dùng các quan bàn việc thông sứ qua Tàu, cho Trịnh Hoài Đức làm Thượng thư bộ Hộ sung Chánh sứ, Ngô Nhơn Tĩnh làm Hữu Tham Tri Bộ Binh, Hoàng Ngọc Uẩn làm Hữu Tham Tri Bộ Hình đều sung Phó sứ qua Tàu; sai đem quốc thư, phẩm vật, sách ấn Tàu phong cho Tây Sơn và giải giặc Tàu Ô là bọn Mạc Quan Phò, Lương Văn Canh, Phan Văn Tài đi hai chiếc thuyền hiệu Bạch Yến và hiệu Huyền Hạc vào cửa ải Hồ Môn tỉnh Quảng Đông, giao thư cho Tổng đốc Quảng Đông là Giác La Cát chuyển đệ. Vua Tàu vẫn ghét Tây Sơn vô đạo, lại chiêu nạp bọn Mạc Quan Phò, làm ngạnh trở ngoài biển đã lâu ngày; lúc ấy được tin, mừng lắm, liền sai quan tỉnh Quảng Đông giết Mạc Quan Phò, Văn Canh và Văn Tài; lưu bọn Trịnh Hoài Đức ở trong tỉnh thành, cung cấp hậu lương.

Ngài toan cử binh ra đánh ngoài Bắc, truyền dụ Bắc Hà quân dân cả thảy 5 điều.

Ngài duyệt thủy binh, bộ binh, thần sức 8 điều quân chánh.

Sai Nguyễn Văn Trương lãnh thủy binh, Lê Văn Duyệt, Lê Chất lãnh bộ binh đi trước.

Sai Quốc Thúc Quận Công Tôn Thất Thăng, Đô thống Nguyễn Văn Khiêm, Tham Tri Nguyễn Đăng Hựu ở giữ Kinh, cho phép tùy tiện làm việc.

Ngài giá từ Kinh sư ra đi, ông Hoàng Tử thứ 4 theo hầu.

Tháng 6, ngày Canh Tý, ngự trú tất tại dinh Hà Trung.

Thủy binh ta vào cửa biển Hội Thống đánh phá Đồng Lý giặc là Nguyễn Văn Thận, bộ binh ta ra đến Nghệ An, bắt được con Nhạc là Lân, thừa thắng đi thẳng đến đồn Tiên Lý (thuộc phủ Diễn Châu), Đô đốc Ý đem quân ra hàng; cả tỉnh Nghệ An không còn tên giặc nào kháng cự vương sư.

Ngày Quý Mão, trú tất ở trấn Nghệ An, Thiếu úy giặc là Đặng Văn Đăng, Đô đốc Đào Văn Hồ đem 7 con voi đến hàng ở Hành tại. Quân tiên đạo ra lấy Thanh Hóa, bắt được con Nguyễn Văn Huệ là Đô đốc trấn Nguyễn Quang Bàn, Đồng lý Nguyễn Văn Thận và quân sĩ. Phó đô thống chế Võ Doãn Văn lại bắt được Trần Quang Diệu ở thượng đạo Nghệ An.

Ngày Canh Tuất, Ngự giá từ tỉnh Nghệ An ra đi, sai Đặng Trần Thường ở lại giữ đó.

Đánh thuế đình, thuế điền, thuế cửa biển, thuế dò và thuế sản vật, để cấp quân lương.

Ngày Quý Sửu, Ngự giá đến Thanh Hóa, xem tình thế núi sông, đòi mấy người hương lão làng Bồ Vệ hỏi việc miếu nhà Lê; tôn tộc nhà Lê đem trà rượu ra bái tạ, Ngài ủy dụ rồi cho lui.

Người xã Ngọ Xá (thuộc huyện Nông Cống) là Phạm Ngọc Phát, Phạm Ngọc Thụy bắt Võ Văn Dống và ba người bộ hạ, giải đến Hành tại, Ngài truyền đóng xiềng nghiêm giam.

Khoan binh, điều, tô thuế cho tỉnh Thanh. Dụ rằng: "Thanh Hóa là chỗ "Thang Mộc Ấp¹, phải nên phủ dưỡng nơi căn bản trước, vậy chuẩn khoan thuế cho dân".

Ngày Bính Thìn, Ngự giá đến Thanh Hóa ngoại trấn², phát tiền kho cho quân lính; rồi sai Phạm Văn Nhon ở lại giữ đó.

Ngày Đinh Tỵ, Ngự giá đến Sơn Nam Thượng Trấn (tỉnh Hà Nội bây giờ) sai Phó tướng Nguyễn Đình Đắc ở lại giữ đó.

Ngày Canh Thân, Ngự giá đến thành Thăng Long (thành phố Hà Nội bây giờ) Nguyễn Quang Toàn bỏ thành chạy cùng với em là bọn Quang Thụy qua sông Nhị Hà, đến sông Xương Giang (thuộc Bắc Ninh) trú trong chùa Thọ Xương, dân toan bắt, Quang Thụy thắt cổ chết, Quang Toàn và Quang Duy, Quang Thiệu, Văn Dụng, Văn Tứ đều bị dân bắt, bỏ củi đem nạt tại thành Thăng Long. Khi ấy mới dẹp hết giặc Tây Sơn, nhất thống cả Trung Kỳ, Bắc Kỳ và Nam Kỳ. Ngài trú tất ở Thăng Long, ngự đền Kính Thiên, các quan làm lễ triều hạ.

Bổ cáo trong ngoài biết rằng Bắc Hà đã đại định rồi.

Bàn việc sai các quan văn võ làm quan các trấn ngoài Bắc; mỗi trấn đặt một quan Trấn thủ, một quan Hiệp Trấn, một quan Tham Tán.

Đòi Nguyễn Văn Thành đến Hành tại. Thành tuy ở trong cung mà thông sách vở và hiểu phép chính trị, cho nên đòi đến.

Tháng 7, ban ấn đồng cho các trấn từ Nghệ An ra Bắc. Đòi Đặng Trần Thường đến Hành tại, cho Hoàng Văn Toàn làm Trấn thủ Nghệ An.

Dụ cựu thần nhà Lê và bọn Hương cống, học trò rằng: "Lâu nay ngụy tặc trái đạo cương thường, vận hội suy đốn; nhiều người ở ẩn, không chịu ra làm ngụy quan, giữ đức dấu tài, để chờ minh chúa. Nay đảng giặc đã bình, việc binh điển đã xong, buổi này là buổi dấy điều giáo hóa và sửa việc chánh trị, nhen tài ở đời, lẽ nào cả đời bạn cùng cây cỏ? Vậy nên chuyển báo với nhau đến nơi Hành tại, trình Tiên quân Nguyễn Văn Thành; Lễ Bộ Đặng Đức Siêu, Tán Lý Đặng Trần Thường, Tham Tri Phạm Như Đăng, Học sĩ Nguyễn Huân đem vào yết kiến; Trẫm sẽ xét lời nói, thử công việc, tùy tài bổ dụng; để cho người hiền kẻ tài có chức vị, hiệp ý bày mưu, giúp nên chánh đạo". Từ đó các người ẩn dật ở ngoài Bắc đều ra hiệu dụng nhiều lắm.

Lục các quan trung nghĩa ở ngoài Bắc Hà. Lúc trước có ai tuấn nghĩa bỏ mình, nay cho con cháu đem việc tâu lên; Ngài sẽ lượng cho tuất điển.

Khiến lựa con cháu họ Trịnh để coi việc tế tự.

Tha thuế mùa Hạ cho Bắc thành, Nghệ An, Thanh Hóa ngoại trấn. Ngài nghĩ võ công mới định, dân chưa khỏi cực, cho nên tha thuế mùa Hạ; như làng nào đã nạt rồi, thời cho khấu trừ thuế mùa Đông. Chỉ có dân Hải Dương bị tàn hại quá, thuế mùa Đông cũng tha luôn.

Quan trấn Hải Dương tâu rằng: "Văn miếu nguyên trước có 40 mẫu tự điền, xin tha thuế để cúng việc tế tự". Ngài cho.

Ngài thân yết miếu vua Lê Thái Tổ.

Tổng Phúc Lương và bọn Nguyễn Văn Vân phá tan giặc Tàu ở châu Vạn Ninh, chém và bắt sống được nhiều lắm. Ngài sai quan tỉnh An Quảng đem những tên bắt được trả cho Tàu.

Ngài nghĩ rằng: giặc Tây Sơn đã dẹp yên rồi, liền đưa thơ cho Lương Quảng Tổng đốc nước Tàu hỏi việc bang giao; sai Thiêm sự Lê Chánh Lược, Trần Minh Nghĩa quan Nam Quan chờ Tàu trả lời.

¹ Thang Mộc Ấp là quê hương của vua.

² Thanh Hóa ngoại trấn tức nay là tỉnh Ninh Bình.

Truyền lập miếu Công thần ở Bình Định và Phú Yên. Bình Định 2 miếu; một miếu ở trong thành đàng trước lầu bát giác, thờ Võ Tánh, Ngô Tùng Châu, và 260 người tử trận; một miếu ở cửa Thi Nại núi Độc Sơn, thờ Võ Di Nguy, Tống Việt Phúc và 619 người lính tử trận tại tỉnh Quảng Nghĩa; Phú Yên; lập miếu ở hòn Na cửa Cù Mông, thờ Mai Đức Nghi và 526 người tử trận ở Gò Thị.

Con cháu Lê, Trịnh, văn võ cựu thần nhà Lê và bọn quan MƯỜNG dâng biểu xin Ngài lên ngôi Hoàng Đế, Ngài còn chưa chịu.

Nguyễn Văn Thành dâng 10 quyển Trinh Quán Chánh Yếu¹. Ngài ham coi sách sử xưa, thường khen vua Văn Hoàng nhà Đường làm cho nước thanh trị, phép chánh trị, đáng xem. Cho nên Thành dâng sách ấy.

Sắc đình thần tham chước hình luật đời Hồng Đức nhà Lê định làm 15 điều luật lệ nói về việc từ tụng.

Định phép giản binh: Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Nam Dương-Sơn Nam Hạ và Thanh Hóa ngoại, cứ 7 suất đình lựa một tên lính; Tuyên, Hưng, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Yên thời cứ 10 suất đình lựa một tên lính; còn thành Thăng Long thời nhiều tạp dịch, tha cho khỏi cấp lính giản.

Tháng 9, phong cho con cháu nhà Lê là Lê Duy Hoán làm Diên Tự Công, cấp 1.016 tên từ phụ, 10.000 mẫu tự điền, lại tha binh điều và thuế thân cho con cháu nhà Lê; cấp 500 mẫu tự điền cho họ Trịnh, khiến Trịnh Tư coi việc tế tự, lại tha binh điều thuế thân cho 240 người con cháu họ Trịnh.

Cho con cháu mấy ông Khai quốc công thần và Trung hưng công thần nhà Lê đều được dự vào hàng Nhiêu Ấm².

Đặt Đốc học các trấn Bắc thành.

Ngài toan ngự về Phú Xuân, cho Văn Thành làm Tổng trấn, ban cho sắc ấn, trong ngoài 10 trấn thuộc về Bắc thành, đều thuộc quyền ông kiêm quản, lại đặt 3 tào (Hộ, Binh, Hình) ở Bắc thành cho Hộ Bộ Nguyễn Văn Khiêm, Binh bộ Đặng Trần Thường, Hình bộ Phạm Như Đăng, theo quan Tổng trấn mà coi việc 3 tào ấy.

Ngài ngự giá từ thành Thăng Long về, dụ Nguyễn Văn Thành rằng: "Việc Bắc thành này giao cho người, người phải gắng sức". Thành lạy tạ mạng.

Tháng 10, mồng 1 ngày Kỷ Hợi, Ngài ngự tới Thanh Hóa yết lăng miếu ở Thiên Tôn Sơn³. Ngày Quý Sửu đến Kinh sư. Ngày Đinh Mão thân yết Thái Miếu, rồi vào Từ cung⁴ làm lễ khánh an⁵.

Mở mỏ vàng, mỏ bạc, mỏ kẽm, mỏ đồng ở tỉnh Tuyên Quang và Hưng Hóa; khiến Thổ mục là ma Doãn Điền, Hoàng Phong Bút, Cầm Nhơn coi việc ấy, định năm sau sẽ đánh thuế.

Gia Định đói lắm, sai quan trấn phát gạo kho cho dân mượn.

Tháng 11, cáo việc Võ thành⁶, ngày Quý Dậu tế Trời, Đất, Thần Kỳ; ngày Giáp Tuất đem tù cáo trước Thái Miếu, rồi đem anh em Nguyễn Quang Toàn và bọn Diêu xử trị hết phép.

Ban thưởng cho các quân thủy và quân bộ, hậu cấp lương tiền cho các công thần về hưu và các công thần Vọng Các; xét những người theo Ngài từ năm Mậu Thân trở xuống, năm Canh Thân trở lên, chia làm ba hạng, tùy hạng phân cấp.

¹ Trinh quán chánh yếu là sách vua Văn Hoàng nhà Đường làm ra.

² Nhiêu Ấm là tha việc quan và đi lính.

³ Thiên Tôn là núi Triệu Tường lăng đức Triệu tổ ở đó (huyện Tống Sơn tỉnh Thanh Hóa).

⁴ Từ cung là cung đức Quốc mẫu ở.

⁵ Khánh an là lễ chúc mừng bình an.

⁶ Võ thành là việc đánh giặc đã thành công rồi.

Cho Tham tri Lê Quang Định làm Thượng Thư Bộ Binh sung chức Chánh sứ, Thiêm sự Lê Chánh Lộ và Đông Các Học Sĩ Nguyễn Gia Cát sung chức Giáp Aát Phó Sứ, sai qua sứ Tàu. Nguyên lúc ấy được Bắc thành rồi, ta đã đưa thơ cho Tổng đốc Lương Quảng nhờ chuyển đạt việc ban giao với vua Tàu; vua nhà Thanh sai phúc thơ rằng: "Nước ta đã thống nhất toàn hạt An Nam, nên làm biểu sai sứ sang cầu phong; còn sứ bộ trước là bọn Trịnh Hoài Đức thời phải sang tỉnh Quảng Tây ở chờ sứ cầu phong đến, rồi sẽ vào Yên Kinh¹ một lần cho luôn". Bọn Chánh Lộ tâu lên, Ngài sai Quang Định đem quốc thư và phẩm vật sang Tàu xin phong, lại xin đổi quốc hiệu là nước Nam Việt.

Sắc quan Bắc thành sửa sang Hàng cung và Sứ quán².

Giảm thuế ruộng cho tỉnh Gia Định, giảm 5 năm thuế thân cho Bình Thuận, Bình Hòa, 10 phần giảm 2 phần.

Bắc thành tâu: "Các trấn ẩn lậu ruộng đất và đất bãi cát nhiều quá, xin cho dân cứ thiệt khai trưng cho hết, xã nào còn ẩn lậu, thời xin cho xã gần đó nhận trưng". Ngài y theo lời tâu.

Tháng 12, quan Bắc thành tâu rằng: "Bắc Hà bị loạn đã lâu, dân xiêu tán nhiều lắm, lâu nay như có làng nào thiếu lính, thời quan quân lại trách cứ làng gần một bên phải cấp cho đủ, vậy nên những làng gần thường cày chiếm ruộng đất của mấy làng xiêu lưu; xin trừ tộ ấy". Ngài sắc quan địa phương lập giới hạn cho phân minh, chia cấp ruộng cho dân canh trưng mà tha thuế.

Năm Quý Hợi thứ II (1803), tháng giêng, sắc thủy quân tập chèo thuyền, Ngài ngự xem. Từ lúc ấy hể đến đầu năm thời đem quân ra tập (đến năm Minh Mạng thứ X, đổi làm lễ tế cò).

Đúc 9 khẩu súng đồng (đặt tên là: xuân, hạ, thu, đông, kim, thủy, mộc, hỏa, thổ). Khi đúc xong rồi, làm bài minh để ghi cho nhớ (năm Gia Long XV Ngài mạng danh là "thần oai vô địch thượng tướng quân").

Làm phép duyệt tuyển từ Quảng Bình trở vào. Dụ rằng: "phép duyệt tuyển là thải người già mà đem người mạnh thể vào và để cho phân biệt dân nào là trù mật, dân nào điều hao. Nhà nước đã có phép cũ rồi. Bọn mầy phải giữ phép công bằng để cho xứng công việc ta đã ủy thác".

Đắp đàn ở xã An Ninh, hiệp tế Trời Đất; sai bộ Lễ xét lễ tế Giao, chăm chức mà làm.

Bài lễ làm chay. Xưa nay cứ mỗi năm đến tiết xuân thời lập đàn làm chay, đến bây giờ Ngài truyền rằng: "làm chay vô vị quá, việc hủ lậu nên bỏ".

Đắp thành Thăng Long.

Sắc các trấn lập Văn Miếu.

Tháng 2, giải ngục Thượng Thư Ngô Nhậm, Phan Huy Ích, Nguyễn Gia Phan đem về Bắc thành. Quan Bắc thành tâu rằng: "Ngục quan ra thú thời tha, đã có minh chiếu rồi, xin tha cho bọn Ngô Nhậm khỏi giết, nhưng phải đánh đòn để cho biết xấu". Truyền chỉ đem bọn ấy đến trường học phủ Phụng Thiên, kể tội mà đánh; Nhậm bị đánh chết.

Định phép đánh thuế tô và thuế dung. Ban chiếu rằng: "Không phải trốn thuế mà nhà mới đủ, cũng không phải lấy thuế nặng mà nước mới giàu. Từ đức Thái Vương ta gầy cơ nghiệp đến bây giờ, phép thu thuế không nặng cũng không nhẹ; ruộng thời có ba bậc, dinh thời có chánh hộ và khách hộ khác nhau; bởi vì đất có chỗ xấu, chỗ tốt không đồng, dân có nhà giàu nhà nghèo không cân; nên phải tùy hạng đánh thuế. Lúc trước Tây Sơn dấy loạn, bỏ hết phép cũ, nó cho là dân gian ít ruộng nhất đẳng, nhị đẳng, mà ruộng tam đẳng thời nhiều, nên không chia hạng, cứ thu mỗi mẫu 35 thăng lúa làm thường, còn như thuế thân cũng kông chi người chánh người ngụ, bắt nạp một hạng. Lúc ấy đánh thuế nặng quá, dân bị hại đã gần vài mươi năm rồi. Trẫm khôi phục dư đồ, thiên hạ nhất thống; đã biết các việc hại dân, nên phải bỏ hết tộ đoan. Vậy truyền Đình thần định thuế lại cho nhẹ, để dân gian biết ngạch thuế chánh cung, Nhà nước có ngạch thuế nhất định; từ rày về sau dùng làm phép thường".

¹ Yên Kinh là Kinh đô nhà Thanh nước Tàu, tức Bắc Kinh.

² Sứ quán là chỗ tiếp sứ Tàu.

Giảm thuế điền năm ấy cho các trấn từ Nghệ An trở ra Bắc thành, thời mỗi mẫu giảm 5 bát lúa; còn 6 trấn phía ngoài Bắc thành thời mỗi mẫu giảm 2 bát rưỡi.

Tháng 3, đắp Kinh thành lại. Ngài sai Giám thành Nguyễn Văn Yển tiêu đạt bốn bề thành Phú Xuân, làm cho rộng thêm; rồi Ngài thân chế kiểu xây thành, ban ra bắt quân lính làm.

Quan Bắc thành là Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Khiêm, Đặng Trần Thường, Phạm Như Đăng dâng sớ tâu: "Làm như chánh, trước phải chia ruộng cho dân và định bổng lộc các quan; bởi vì phép chia ruộng làm thành, thời quan mới có lộc, mà dân cũng mới có của, không lo hào cường chiếm đoạt. Nhưng chúng tôi xin trước hãy hạ chiếu dụ cho dân biết rằng: bây giờ đổi cũ làm mới, cũng muốn ích lợi cho dân; lại xin giảm thuế điền thuế thân làm ơn cho dân, khiến dân ai cũng đẹp lòng, rồi sẽ thi hành phép chia ruộng. Chúng tôi có điều trần 3 việc sau này xin lượng Thánh xét: 10 sửa sổ ruộng cho tiện quân cấp; 20 xét sổ đinh cho biết số dân; 30 lựa người hiền tài bổ quan". Ngài hạ chiếu rằng: "Các người điều trần cũng phải, nhưng việc binh mới xong, việc nước đang gấp, triều đình định làm việc gì phải có thứ tự mới được; ta sẽ làm dần dần".

Tháng 4, định lệ cấm những trâu thuế ngoài Bắc thành. Vì quan Bắc thành có tâu rằng: "Lâu nay trường trâu thuế thường có mấy tên Nha lại làm gian, thời dân bị hại, mà thuế Nhà nước vẫn thiếu; xin ban lệ cấm rõ ràng để bỏ lệ cũ. Chúng tôi xin mỗi năm Đông, Hạ hai kỳ trâu thuế, hạn trong hai tháng trâu cho rỗi; dân nạp thuế thời cho 20 ngày làm một kỳ, cấm bọn lại dịch không được trâu quá lệ và không được sách nhiễu dân; nếu mấy tên coi kho còn dám làm gian, nhận riêng thuế dân và thác cỏ khác không chịu trâu liền cho dân, thời sẽ trị tội". Ngài y theo lời tâu.

Nước Nam Chường xin làm tô nước ta. Nguyên lúc trước tatrấn Hưng Hóa dịch thơ Nam Chường rằng: "Nam Chường ước với Vạn Tượng cử binh đánh Man Hãn để chiêu dụ 12 châu thuộc về Hưng Hóa hiệp sức với chúng nó". Bắc thành tâu rằng: "Nam Chường ở xa cách nước ta, còn Vạn Tượng thần phục bốn triều, không nên theo lời dịch mà sanh sự; xin sai quan trấn Hưng Hóa cho người dò thám và đưa thơ qua Nam Chường tỏ oai đức Triều đình, để xem nó động tĩnh thế nào". Ngài y theo. Đến bây giờ Nam Chường sai tên Nại Khai đem thơ xin đi đàng Châu Ninh Biên vào cống; Ngài hạ chiếu truyền Bắc thành hậu đãi sứ Nam Chường và viết thơ trả lời cho vua nước nó rằng: "cho như lời nó xin".

Lê Văn Duyệt phá tan mọi Đá Vách. Ngài hạ chiếu khen thưởng.

Tháng 5, định lệ các quan Đình thần hiệp nghị: Võ từ Phó tướng sắp lên, Văn từ Tham tri sắp lên, hễ ngày 1, ngày 8, ngày 15, ngày 23, phải hội tại Hữu Vu¹; phạm việc gì chưa quyết đoán, phải thương đồng xử quyết cho xong, còn như sự quan trọng cũng nên châm chước bàn định, rồi sẽ tâu lên, để Ngài định đoán.

Định điều lệ cấm mua bán công điền, công thổ. Phép cũ thời công điền, công thổ quân cấp cho dân; ai mà dám đem bán tư thời phải tội; thiệt là lợi ích cho dân lắm. Từ khi gặp loạn Tây Sơn, phép cũ bỏ hết, dân gian thường đổi ruộng công làm ruộng tư, hoặc nhưn việc công mà cho mượn ruộng đất công để làm công tiêu trong làng, thời hạn cho 3 năm, quá hạn thời trọng trị; có ai phát giác được thiệt trạng thời thường cho cày một mẫu ruộng nhất đẳng ba năm, hết hạn giao lại cho dân.

Các quan Bắc thành tâu: "Nước sông Nhĩ Hà chảy mạnh quá, đàng đê vỡ nhiều lắm, xin thuê dân đắp lại để phòng nước lụt mùa Thu". Ngài y cho.

Quan coi việc Hộ ngoài Bắc thành là Nguyễn Văn Khiêm vào châu, nhưn tâu: "bạc đời Tây Sơn đúc có pha trộn kẽm và thiếc nhiều lắm; vậy nên phân lượng không đủ; bây giờ đúc bạc xin phải khắc chữ làm tin". Ngài cho là phải, sắc Nhà đố² ở Bắc thành là Trần Bình Phủ làm dấu "Trung bình", phạm dính vàng dính bạc của công hay của tư có in dấu Trung bình mới được thông dụng, ai làm đồ gian sẽ phải trị tội.

¹ Hữu Vu là nhà bên hữu điện Cần Chánh.

² Nhà đố là sở đúc bạc, dính bạc nén.

Tháng 6, nước Hồng Mao sai sứ tới dâng đồ phương vật, xin lập phố buôn ở núi Trà Sơn tỉnh Quảng Nam. Ngài sắc trả đồ lại và bảo họ trở về, đến sau quan Hội Thương Trọng¹ hai ba lần đem thơ sang xin. Ngài cũng không cho.

Tháng 7, Bắc thành lụt, vỡ đàng đê. Ngài sắc các quan Bắc thành phải thân hành phát chẩn; lại phải khám xét lú ruộng tổn thương hết mấy phần, tâu lên Ngài biết.

Tháng 8, thân phụ ông Duyệt là Lê Văn Toại vào châu, Ngài hỏi rằng: "Duyệt có mấy người em?- Tâu rằng: 5 người. - Ngài hỏi: đã có con chưa? - Tâu rằng: em Duyệt là Phong có 2 đứa con, đứa đầu tên là Yên, Duyệt nhận làm con thừa tự. -Ngài nói: con anh em như con mình, Duyệt có người thừa tự rồi!". -Ngài nhân nói chuyện cũ hồi lâu, rồi ban khăn áo cho ông Toại về (Em Duyệt là Văn Phong có võ công, mất tại năm Minh Mạng thứ 5, tặng Thiệu Bảo, thụy là Tráng Nghi).

Ngài bàn việc ngự Bắc Tuần. Lúc ấy nước Tàu sai quan Án sát tỉnh Quảng Tây là Tề Bồ Sum sang tuyên phong.

Ngài ngự đến tỉnh Quảng Bình, xét thấy châu Bồ Chánh đói, truyền phát gạo kho cho dân.

Ngự giá đến địa đầu tỉnh Nghệ, trú tất trong Hành cung Hà Trung, sắc cho dân sở tại đắp đàng quan, mỗi 15.000 trượng cấp cho 10.000 phương gạo.

Truyền phát chẩn cho dân tỉnh Nghệ, lại cho thuế biệt nạp năm ấy trong 10 phần hoãn 5 phần.

Truyền sắc các dân xã từ Nghệ An ra Bắc ai có điều gì oan uổng cho đến Hành tại mà tâu, cấm mấy tên điều hoạt, ức chế mấy tên hào cường và cấm đặt các danh sắc riêng, như là Thông huyện, Thông xứ.

Ngài trú tất ở Hành cung tỉnh Nghệ. Người huyện Nghi Xuân là Nguyễn Công Trứ dâng 10 việc điều trần, Ngài giao cho bộ Lại xét rồi tâu lên.

Đổi thuế biệt nạp gỗ lim cho tỉnh Nghệ. Lệ cũ thời 24 xã thôn chịu thuế biệt nạp gỗ lim, mỗi năm mỗi người nạp một phiến ván lim dài 30 thước. Đến bây giờ dân kêu thuế nặng xin giảm; Ngài định lại cho nạp cả cây gỗ lim và trước còn thiếu thuế ván lim bao nhiêu, bây giờ tha hết.

Ngự giá từ tỉnh Nghệ An ra trú tất ở Hành cung tỉnh Thanh, sai Đặng Đức Siêu yết cáo Nguyễn Miếu², đổi làng Gia Miếu ngoại trang làm Quý Hương, huyện Tống Sơn làm Quý Huyện, cho dân thuộc hạt canh giữ Nguyễn Miếu.

Tháng 10, ngày Canh Ngọ, thuyền ngự từ Lương Giang ngự ra, ngày Quý Dậu lên núi Dục Thúy (thuộc tỉnh Ninh Bình) ngự xem hình thế. Truyền đem huyện Vọng Đình và huyện Đại An ở trấn Sơn Nam Hạ cho thuộc về trấn Thanh Hóa ngoại.

Ngày Đinh Sửu, Ngự giá đến Hành cung Thăng Long; cho quan, lại, sĩ, thứ Bắc thành đều được phép điều trần lợi hại về việc đàng đê. Ngài ban chiếu chỉ rằng: "Làm điều lợi bỏ điều hại là việc chánh trị nên làm trước nhất, xét việc đời xưa mà tham với việc đời nay, chẳng qua lẽ thời thôi. Các huyện ở gần sông này lúc trước đắp đê phòng nước lụt, nhân tuần đã lâu, mỗi khi gặp nước lụt thời đê lại vỡ, đến nổi đồng lúa và nhơn vật cũng bị hại. Chúng mày hoặc sanh ở chỗ này, hoặc làm quan đất này, địa thế nhơn tình cũng đã hiểu rõ. Vậy thời đàng đê nên đắp hay là nên phá? Lợi hay là hại?. Cho phép điều trần ý kiến; nói ra mà dùng được, thời sẽ có thưởng".

Ngài ngự sang Thanh Trúc (thuộc về huyện Thanh Trì) xem đàng đê. Quan và dân dâng sớ, hoặc người nói nên đắp, hoặc người nói nên phá, phân vân chưa định. Ngài sai bộ Hộ Nguyễn Văn Khiêm đi khám mấy con đàng đê, phải xem chỗ nào nước chảy quanh co và thủy thế phân hiệp thế nào, vẽ đồ dâng lên.

¹ Hội Thương Trọng là tên quan nước Hồng Mao.

² Nguyễn miếu là miếu thờ đức Triệu Tổ ở núi Triệu Tường thuộc về tỉnh Thanh.

Mở cuộc đúc tiền ở Bắc thành, cho Chánh cơ Nguyễn Văn An làm giám đốc, Lê Duy Đạt làm phó. Cho mấy tên thợ kiếm đồng riêng làm lò, y theo thức tiền mới mà đúc, cấm không được đúc tư và đúc trộm; tiền mỏng hay là pha chế nhiều thời sẽ bị trị tội. Ngài truyền các quan rằng: "bây giờ đúc tiền mà giá đồng cao, vì dân ham lợi mua sỉ hết đồng, nên chi giá cao, muốn cấm tệ ấy, phải xét đến gốc mới đặng, Trẫm nghĩ rằng mua đồng ở dân thời giá đồng cao, thâu đồng ở quan thời giá đồng rẻ, ấy là lẽ tất nhiên". Liền sắc cho từ rà về sau ai có đồng đỏ, đồng linh tinh, cho đem bán tại sở đúc tiền, không được mua bán riêng. Lại sai Giám đốc xét mấy tên chủ lò đúc ở sở công, nếu không có tư bản thời cho lãnh tiền công mua đồng, đúc thành tiền nạp vào kho, được lãnh tiền ngoại phụ.

Tháng 11, đặt miếu phu để coi sóc trong đền Lịch Đại đế vương ngạch miếu phu ấy l ấy về dân sở tại.

Sai các quan trấn từ Nghệ An ra Bắc, phải xét tình thế ở trấn ly, vẽ đồ dâng lên Ngài xem.

Tháng 12, tên Chiêu Nội¹ ở Trấn Ninh xin làm tô nước ta, đem bộ hạ chạy sang xứ Trà Lân (tức là phủ Tương Dương; lúc ấy tên Xà Cương tranh lập, Nội là con Chiêu Xanh, thấy vậy không phục cho nên chạy qua nước ta). Truyền chỉ quan trấn Nghệ An phát gạo cho.

Năm Giáp Tý thứ III (1804), tháng giêng, Ngài trú tất ở Hành cung Thăng Long.

Sứ Tàu là Tề Bồ Sâm đến cửa Nam Quan. Lúc trước Ngài sai bọn Lê Quang Định sang cầu phong, lại xin đổi quốc hiệu. Trong quốc thư nói: "Mấy đời trước mở đất Viêm Giao, càng ngày càng rộng, gồm cả nước Việt Thường và nước Chân Lạp, đặt quốc hiệu là Nam Việt, truyền nối hơn 200 năm. Nay tôi lấy hết cõi Nam, có toàn cả đất Việt, nên theo hiệu cũ để chánh quốc danh". Vua Tàu nghĩ rằng hiệu Nam Việt cũng giống như Việt Đông, Việt Tây (là Quảng Đông, Quảng Tây bây giờ) ý không ưng cho. Ngài đưa thơ bài bác hai ba lần; lại nói: nếu không cho đổi quốc hiệu, thời không thọ phong, vua Tàu sợ mất lòng nước ta, mới cho đặt hiệu Việt Nam. Trong thư Tàu trả lời rằng: "Lúc trước có đất Việt Thường, đã xưng là nước Nam Việt; nay lại có toàn cõi đất An Nam, xét ra cho kỹ, thời nên gồm cả đất đai mở mang trước sau mà đặt danh hiệu tốt. Vậy thời định lấy chữ "Việt" để trên, nghĩa là tỏ nước ta giữ đất cũ mà nối nghiệp trước; lấy chữ "Nam" đặt dưới, nghĩa là tỏ nước ta mở cõi Nam Giao mà chịu quyền mạng mới², như thế thời danh xưng chánh đại, nghĩa chữ tốt lành, so với hai đất Việt nước Tàu khác nhau xa lắm". Lúc ấy vua Tàu sai Bồ Sâm đem cáo sắc và Quốc ấn sang tuyên phong, lại cho gấm đoạn và các phẩm vật, Ngài nghe tin, cho Trương Tấn Bửu, Đặng Trần Thường sung chức quan thượng hầu mạng sứ, lại sai đình thần lựa người đẹp tiếp sứ.

Ngày Quý Mão, Ngài ngự cửa Châu Tước³ Hoàng Thân và các quan theo sứ Tàu vào đền Kính Thiên làm lễ tuyên phong; lễ rồi, đãi sứ uống trà; Sâm trở về, Ngài sai quan hậu mạng hộ tống ra cửa ải.

Cho Lê Bá Phẩm sung chức Chánh sứ, Trần Minh Nghĩa và Nguyễn Đăng Độ sung chức Giáp Át phó sứ, đem thơ và phẩm vật sang tạ vua Tàu (200 lượng vàng, 1.000 lượng bạc, lụa và the mỗi thứ 100 cây, 2 cái sừng tê ngừ, ngà voi và quế tốt mỗi thứ 100 cân). Lại dâng 2 lễ cống năm Quý Hợi và năm Át Sửu luôn.

Ngày Tân Hợi, Ngài từ Thăng Long ngự về.

Ngày Ất Mão, ngự về tỉnh Thanh, yết Nguyễn miếu.

Truyền chiếu các trấn ngoài Bắc Hà làm sổ điền. Chiếu rằng: "Ruộng thời theo sổ mà định ngạch, thuế thời tùy ruộng mà chia hạng; nếu sổ không định thời thuế không cân, không phải ý Tiên vương chia điền thổ và định cống phú như thế đâu. Các người phải biểu dân khai ruộng thu, ruộng hạ được mấy mẫu, sào, thước, tấc, tọa lạc ở nơi nào, kê khai cho thiệt để biên vào sổ".

¹ Mường phủ Tương, phủ Quỳnh tỉnh Nghệ thường gọi mấy tên đầu mục là Chiêu.

² Quyền mạng là mạng trời.

³ Cửa Châu Tước, đền Kính Thiên nguyên ở trong thành Hà Nội, đời nhà Lê làm ra.

Định điều lệ trong hương đảng, ban cho các xã dân ngoài Bắc Hà. Chiếu rằng: "nhiều làng nhóm lại thành ra một nước, từ làng rồi mới đến nước; vậy nên Vương chánh phải lấy sự dạy dân thành phong tục tốt làm trước. Lâu nay việc dạy trễ nải, việc chánh suy đồi, cho nên trong làng không có tục tốt, theo thói đã lâu, lại càng bại hoại lắm, như là khi yến ả, lễ cưới hỏi, việc táng tế, việc thờ thần phật, đều làm phá phép và tiếm lễ; mấy tên hào mục nhờn đó làm hại dân cùng, đến nỗi dân phải phiêu lưu là vì có ấy. Bây giờ phải châm chước sửa lại, bớt những điều thái quá, cho hiệp đạo trung bằng, để làm lệ thường trong hương đảng. Ấy là ý ta muốn trừ bỏ điều lệ mà dặt dân lên đường văn minh đó. Những sự lễ tang tế thờ thần, phụng phật đều có điều cấm rõ ràng".

Khiến Chiêu Nội về Trấn Ninh. Vì Vạn Tượng đưa thơ qua nói rằng: "Người Thổ không chịu theo Xà Cương mà muốn lập Chiêu Nội" cho nên Ngài sai quan trấn Nghệ An cấp lương cho Chiêu Nội.

Tháng 2, ngày Mậu Thìn, ngự về Kinh sư. Ngài yết Thái miếu rồi vào Từ cung làm lễ khánh an. Đặt hiệu nước là Việt Nam, lấy việc ấy cáo Thái miếu.

Đúc ấn 6 Bộ¹.

Tháng 3, từ Quảng Bình trở vào Nam trời đại hạn, truyền chỉ giảm thuế năm ấy.

Sai quan Bắc thành chế cân, thước, thăng, hộc, phương; đều khắc chữ làm tin.

Nước Lữ Tống đói, xin đong gạo Gia Định, Ngài cho đong 500.000 cân gạo.

Dời miếu nhà Lê vào Thanh Hóa. Nguyên miếu trước ở Thăng Long; bây giờ con cháu Lê xin dời về làng Bồ Vệ². Ngài truyền quan trấn Thanh Hóa bắt dân làm miếu lại; rồi cho 100 dân làng Bồ Vệ làm miếu phu.

Ban chương trình về việc học cho các dinh, các trấn. Sai Tham tri Nguyễn Thế Trực, Quốc tử giám Nguyễn Việt Ứng lựa thể thức mới về kinh nghĩa, văn sách, ban cho các trấn.

Cấp cho Thái úy quốc công Võ Tánh 200 từ phu và 300 mẫu điền, cho con là Võ Khánh coi việc tế tự.

Tháng 4, xây Cung thành và Hoàng thành, giao cho Ngài Văn Trương, Lê Chất coi việc ấy.

Sắc cầu các hiệu sách còn cất ở dân gian. Con Lê Quý Đôn là Lê Duy Thanh (Đôn người làng Diên Hà, đậu Bảng nhả đời Lê, học rộng lắm, làm nhiều sách) đem dâng 6 quyển Tạng lục và 2 quyển Quần thư khảo bộn của Đôn làm ra.

Định lệ quân cấp công điền, công thổ (vì mấy tên hào cường chiếm đoạt phần ruộng của dân, vậy nên định từ nhất phẩm cho đến cửu phẩm và cô nhi, quả phụ phần ruộng có khác nhau cả).

Sai Lê Văn Duyệt, Lê Quang Định thúc binh dân Quảng Nghĩa làm cơ Thập kiên, dùng người Thổ trước để phòng ngự giặc Mọi.

Tháng 6, sắc bộ Lễ bàn định về việc 1015 người tử tiết được dự tế trong đền Hiến trung, giao ra các quan trấn chế bàn vị mà thờ.

Dời thành tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ. Khi Ngài ngự Bắc tuần, xem địa thế, lựa xã Thọ Hạc thuộc huyện Đông Sơn làm tỉnh lỵ Thanh Hóa; xã An Trường làm tỉnh lỵ Nghệ An; bây giờ truyền chỉ bắt dân làm dinh xây thành, dời tỉnh lỵ tới đó (thành tỉnh Thanh nguyên trước ở làng Dương Xá, thành tỉnh Nghệ An nguyên trước ở làng Dũng Quyết).

Tháng 8, quan tài vua Lê Chiêu Thống ở Tàu về, Ngài sai quan Bắc thành sửa sang quan tài, cấp tiền gạo cho lính hộ tống về táng tại tỉnh Thanh; quan tài các người vong thân đưa về, cũng truyền phát tiền vải cấp cho gia quyến.

¹ 6 Bộ: Lại, Hộ, Lê, Binh, Hình, Công.

² Bồ Vệ thuộc về huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tình biểu Cung nhưn vua Lê là bà Nguyễn Thị Kim. Bà Thị Kim là người huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, nghe quan tài vua Lê ở Tàu về, ba ra đưa, khóc thương lắm, rồi uống thuốc độc tự tử. Ngài sắc cho bức diển; dựng bia đá ở trong làng, trong bia có khắc 10 chữ rằng: "Khâm tử an trinh tuấn tiết Nguyễn Thị chi môn", nghĩa là: ban cho Nguyễn Thị Kim là người an trinh tử tiết theo vua Lê; lại cho 2 người mộ phu, 20 mẫu ruộng, giao họ Lê coi việc tế tự.

Tháng 11, Ngài nghĩ rằng: Gia Định là nơi hệ trọng miền Nam Kỳ, sai quan tỉnh phải trữ lúa thuế vào kho cho nhiều, nhưng mỗi năm chở về dưng 1.000 phượng lúa ngự.

Tháng 12, truyền dụ rằng: "Các trấn đều đã đặt học thần, chỉ Quy Nhơn chưa có, nay phải lựa người mà bổ, dạy cho được nhiều học trò giỏi để chấn chỉnh văn phong". Bèn cho Đặng Đức Huy làm Đốc học Quy Nhơn, kiêm coi việc khóa hạch học trò Quảng Nghĩa và Phú Yên.

Cấp 50 tên tử phụ, 75 mẫu tự điền cho con nuôi con Lẽ bộ thượng thư Ngô Tùng Châu là Tùng Quang giám thủ việc tế tự.

Quản tâu Phi long là Nguyễn Văn Thăng dưng 1 quyển toán tây và một quyển Thiên chỉ minh yếu luận.

Cấp tự điền cho Đinh Bạt Biểu (Thanh Hóa Chiêu thảo sứ), và Võ Nguyên Lượng (Nghệ An Chiêu thảo sứ). Lại cấp riêng tự điền 10 mẫu cho vợ ông Lượng là Hoàng Thị Hân.

Năm Ất Sửu thứ IV (1805), tháng giêng, định lệ thuế chánh hộ, khách hộ từ Quảng Bình đến Phú Yên. Chiếu rằng: "Từ khi loạn đến bây giờ, dân các địa phương đi xiêu tán khắp các nơi, mấy tên phụ hộ chịu thuế cũng như người chánh hộ, mà xã dân sợ tại lại cho là khách hộ, thế là trái nghĩa: đều ở đất vua, đều làm dân vua. Nay thiên hạ đã định rồi, sổ đinh nên phải sửa lại; phạm mấy tên ở ngụ mà đã biên vào sổ tuyển năm Quý Hợi, thời cho làm chánh hộ, ruộng đất khấu phần ngạch thuế thân thuế dung, cũng như lệ chánh hộ; còn mấy tên mới ngụ từ năm Giáp Tý về sau, thời theo lệ khách hộ mà nạp thuế".

Định lệ khám báo lúa ruộng bị tổn thương: Hễ gặp năm đại hạn, nước lụt, hoàng trùng, thời khi chưa tới mùa gặt, phụ huyện phải thân hành đi khám, quan tỉnh cũng phải ủy người tới khám, hạn trong 10 ngày, làm sách tâu tổn thương hết mấy phần cho thiệt, Ngài sẽ lượng giảm thuế cho dân. Như báo không thiệt và giấu thiên tai không báo, thời tội đồng nhau.

Tháng 2, đòi cựu thần nhà Lê là bọn Lê Duy An, Trịnh Hiến, Lý Bình Đạo, Nguyễn Hữu Cung về Kinh. Bọn ấy theo vua Lê quan Tàu đã 16 năm, lắm lúc cực khổ, Ngài khen là có nghĩa, đòi vào yết kiến, cho ngồi, Ngài hỏi thăm và hậu đãi; rồi cho Hiến và Bình Đạo làm Thị trung học sĩ, Cung làm Chánh cơ.

Tháng 4, đắp Kinh thành; bắt lính Kinh và binh dân các tỉnh làm việc, ban cấp tiền gạo rất hậu, tên nào có bệnh thời cho thuốc.

Định trình hạn thu thuế: từ Quảng Bình đến Bình Thuận mỗi năm thu 1 lần, tháng 4 khởi thu, tháng 7 hết hạn; từ Nghệ An đến Thanh Hóa ngoại mỗi năm thu hai lần, thuế mùa hạ thu từ tháng 4 đến tháng 6 hết hạn; thuế mùa đông thu từ tháng 10 đến tháng 11 hết hạn; lại sắc cho mấy người đốc trưng không được thu ngoài lệ, trái phép thời có tội.

Tháng 5, định lệ lãnh trưng đất ruộng cho mấy tên lưu dân mới phục hồi từ Nghệ An trở ra Bắc. Chiếu rằng: "Dân các địa phương khổ vì Tây Sơn hà khắc đã lâu, nay việc binh mới xong, chưa kịp vỗ yên dân, dân đi lưu tán chưa về làng cho hết, tình cũng nên thương! Bây giờ định rằng: dân nào lưu tán từ năm Nhân Tuất về trước mà diển thổ đã cho quân lính nhận canh rồi, thời nay không cho lính cày nữa, phải để cho nó mà chờ lưu dân trở về cho nó cày, lại tha thuế và tha kén lính; nếu từ năm nay đến năm Đinh Mão lưu dân chưa về, thời diển thổ ấy cho dân làng khác ai xin lãnh trưng trước thời được, nhưng hễ năm nay vào sổ nhận trưng thời sang năm phải nạp thuế và đi lính; còn dân nào lưu tán từ năm Quý Hợi về sau, thời diển thổ hãy cho quan quân cày, chờ khi nào dân về sẽ cấp lại, đến như sự nạp thuế và lính cũng phải chờ qua năm sau khởi hành; không được theo lệ tha cò 3 năm".

Tháng 6, giảm biệt nạp sản vật¹ cho Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Nghĩa và Bình Định. Chiếu rằng: "xây đắp Kinh thành, dân hạng biệt nạp cũng ra làm việc. Vậy cho ngạch thuế năm nay 10 phần giảm 5, để tỏ ơn trên dồi dào, không ai không dự".

Tháng 7, truyền chỉ các quan địa phương mỗi năm đến tháng 4 phải làm sổ Chấp bằng quan lại binh đinh, cuối năm phải làm sổ Đinh điền tiêu tổng, mỗi sổ làm một bản giáp và một và bản ất, y kỳ hạn đệ về Bộ duyệt (sổ chấp bằng thuộc về Bộ binh, sổ tiêu tổng thuộc về Bộ hộ).

Ngài bàn việc dân với các quan rằng: "Từ Gia Định đến Kinh, đàng sá xa xôi, từ năm về sau như có mấm mùa, cho quan tỉnh phát lúa kho chẩn cấp cho dân, rồi sẽ tâu lên".

Tháng 8, truy thụy Đông cung nguyên soái quận công Cảnh làm Anh duệ Hoàng Thái Tử, lập tẩm viên tại xã Vỹ Dạ.

Cấp mộ phu, tự điền cho các ông quốc sơ công thần (Tôn Thất Khê, Tôn Thất Thiệp, Đào Duy Từ, Nguyễn Hữu Dật, Nguyễn Hữu Cảnh, đều là thượng đẳng công thần. Triều đình cho mỗi ông một tên cháu ấm thọ đội trưởng, cấp 6 tên mộ phu, 15 mẫu tử điền nhất đẳng, nhị đẳng, tam đẳng).

Sắc Bộ Hình phải xét những án còn đòi tích lại cho đặng mau xong.

Khiến các quan bàn định luật lệnh.

Tháng 9, đình thần xin lập Thái tử, Ngài dụ rằng: "Hoàng tử, Hoàng tôn còn nhỏ, ta đương giao cho Sư phó dạy biểu cho đặng thành đức, rồi sẽ lựa người hiền lập làm Thái tử, cũng chưa lấy gì làm muộn".

Tháng 10, sắc các trấn thông sức cho dân gian biết rằng: Vay nợ hạn cho một vốn một lời mà thôi, nếu người cho vay trái phép và người vay gạt nợ đều có tội.

Tháng 12, cho công thần tòng tự Thái miếu (Tôn Thất 7 người, công thần 6 người).

Năm Bính Dần thứ V (1806), tháng giêng, các quan lại xin Ngài lên ngôi Hoàng Đế. Ngài y theo, sắc Bộ Lễ lựa ngày đức sách vàng.

Tháng 2, lập đàn Nam Giao.

Tháng 3, lập đàn Xã Tắc. Định lệ hể đến ngày Mậu tháng 2 và tháng 8 thời tế Xã Tắc².

Tháng 4, truyền lựa các hệ Tôn Thất từ 8 tuổi trở lên, 12 tuổi trở xuống, ai mà chăm học, cho gia cấp lương vào trường Quốc Tử Giám học tập.

Định phẩm phục các quan văn, võ.

Ngài nghe các quan phủ, huyện bị dân kiện thời quan trên thường bắt giam lại mà hỏi, nên Ngài dụ rằng: "Phủ, huyện có chức trách trị xã dân, nếu bị dân kiện chưa phân biệt việc nhẹ, việc nặng mà đã gông cùm, làm cho nhục, vậy thời làm sao biểu suất lại dân được? Từ nay phủ, huyện như có bị kiện, quan trên đòi lên chất vấn mà thôi, hể tình lý nhẹ thời phát lạc cho rồi, tình lý nặng thời tâu tham, không được gông trói. Nếu việc phải đòi đến, thời cấm người đi đòi không được ý thế lăng mạ".

Tháng 5, ngày Ất V, Ngài lên ngôi Hoàng Đế ở điện Thái Hòa; chuộng sắc vàng, hạ chiếu cáo khắp trong ngoài đều biết và ban 8 điều ân xá.

Định ngày triều: ngày sóc, ngày vọng thiết đại triều tại điện Thái Hòa; ngày 5, ngày 10, 22, 25 thiết thường triều tại điện Cần Chánh.

Bàn đổi sổ thường hành¹ các trấn ngoài Bắc thành. Khi trước Ngài muốn làm lại sổ đinh, có bàn hỏi cựu thần nhà Lê là Nguyễn Đàng, Đàng tâu chưa có thể làm được. Đặng Trần Thường vào chầu,

¹ Sản thuế: như thuế gỗ, thuế quế, thuế đường, thuế tơ, thuế sắt v.v...

² Tế thần Thái xã và thần Thái tắc. Trong sách Lễ thư Trần Thi nói rằng: "xã tắc thần lớn trong 5 thổ thần, 5 thổ thần không có thể tế hết, cho nên tế thần Xã; Tắc là quý hơn trong ngũ cốc, ngũ cốc không có thể tế hết, cho nên tế thần Tắc. Tắc mà không có Xã thời không sinh trưởng được, Xã mà không có Tắc thời không thành hiệu gì, cho nên hiệp tế Xã, Tắc là vì công lợi ngang nhau".

Ngài lại hỏi Thường, Thường tâu rằng: "Thánh như trị dân, chỉ có thể khiến nó noi theo khi việc đã thành hiệu, không có thể cùng nó bàn định khi việc mới khởi đầu; phong tục phải đổi dần dần, ấy là cội gốc trong việc chánh trị". Ngài cho là phải.

Tháng 6, truy tôn huy hiệu các Liệt Thánh và Đế Hậu.

Tháng 7, cải định lệ tha thuế cho lưu dân phục hồi từ Nghệ ra Bắc. Chiếu rằng: "Trong sổ lưu dân mới về đó, hễ dân nào lưu tán từ Nhâm Tuất về trước, thời tha thuế 3 năm; dân nào lưu tán từ năm Quý Hợi về sau, thời không được theo lệ ấy; vẫn trước ta đã định lệ như vậy. Nhưng lại nghĩ dân khổ vì Tây Sơn hà khắc, đến nỗi điêu hao; lại gặp tai biến nước lụt, đại hạn, dân phải phiêu lưu, thiệt là thể bất đắc dĩ! Vậy cho từ năm nay về trước bao nhiêu lưu dân đã thành ngạch, phải chiêu dụ chúng nó về nhà làm ăn; như về tại năm Ất Sửu hoặc năm Bính Dần thời thuế từ năm ấy đến năm Kỷ Ty đều cho tha cả; như đến năm Đinh Mão mới về, cũng tha thuế từ năm Đinh Mão đến năm Kỷ Ty; chớ không cần nệ theo niên hạn mà năm ngoái đã định".

Tháng 8, Xiêm La sai sứ sang dâng 3 chiếc thuyền chiến, quan trấn Gia Định tâu lên, Ngài sai sứ Xiêm về Kinh chiêm bái, rồi cấp tiền cho về.

Tháng 9, định lệ thử lúa nạp thuế: lấy một thăng lúa đổ vào nước, lúa nổi hạn trong 2 thước² mà thôi, hễ quá 2 thước thời không thu, lúa ướt cũng không thu; còn lúa thử trả lại cho dân.

Tháng 11, tha thuế thiếu cho lưu dân ngoài Bắc, khiến quan sở tại phải phủ úy chúng nó.

Làm xong sách Nhất thống địa dư chí. Lúc trước Ngài giao cho Binh bộ thượng thư Lê Quang Định tra xét sách sổ trong nước, từ Kinh sư phía Nam đến Hà Tiên, phía Bắc đến Lạng Sơn, bao nhiêu núi sông hiểm gò, đàng xá xa gần, giới hạn, nguồn sông, cửa biển, cho đến cầu sông, chợ, phố, phong tục, thổ sản, phải biên chép cho hết, đóng 10 quyển. Nay sách ấy thành rồi, Quang Định dâng lên Ngài xem.

Năm Đinh Mão thứ VI (1807), tháng giêng, mới bói ngày tế Giao, Khâm thiên giám phải lựa tâu 3 ngày tốt trong tháng 2; trung tuần tháng giêng Ngài sai quan sát bói trong 3 ngày ấy lựa một ngày tốt hơn (dùng tiền bạch kim thần giao, bói được một chữ sấp, một chữ ngửa là tốt): trước khi tế Giao 3 ngày và ngày chánh lễ, cấm không được làm việc hình và giết trâu bò bán thịt; từ rày định làm lệ thường.

Mấy người công thần ngày trước hầu Ngài qua Vọng Các, đến nay hoặc người chết trận, hoặc người chết bệnh, Ngài truyền chia làm 5 hạng, tùy hạng mà cấp mộ phu và tiền gạo cho vợ con, nếu con đã lớn thời cho ấm thợ một chức nhàn tản.

Tháng 2, sắc quân Bắc thành lựa hơn 100 người thợ trong các công xưởng đưa vào Kinh làm việc.

Truyền làm thêm 100 chiếc thuyền chiến.

Định lệ thi hương, thi hội (tháng 10 năm nay thi hương, năm sau thi hội, nhưng vì người văn học còn ít, rồi lại bàn định việc thi hội).

Quan trấn Nghệ tâu rằng: "Dân biệt nạp gỗ lim cũng có nạp long hiệp cốt, nhưng không ý thức, xin tâu giá tiền cho tiện dân Ngài cho.

Ngày Tân Mão, tế Nam Giao, thăng phối đức Thái tổ Gia Dũ hoàng đế³. Lễ rồi, ngự về, lại cáo trong Thái miếu như trước.

¹ Sổ đình nhà Lê thời người sanh thêm không kể, người chết rồi cũng không trừ, cho nên gọi là sổ thường hành.

² Trong một thăng chia làm 10 cáp, 1 cáp chia làm 10 thước, đem thử một thăng lúa mà chỉ có hai thước lúa nổi, thời biết lúa ấy trong 100 phần chỉ có hai phần lúa xẹp.

³ Thăng phối nghĩa là rước đức Thái tổ phối hưởng cùng Trời, Đất.

Truyền 5 trấn phía trong Bắc thành và phủ Hoài Đức sửa lại sổ đinh: hễ đinh khẩu từ 18 tuổi trở lên, 59 tuổi trở xuống cho vào hạng thiết nạp.

Tháng 6, gặp lễ Thánh tuần khánh tiết đức Hoàng thái hậu, mỗi trấn một ông quan văn, và một ông quan võ về chúc mừng. Con cháu Lê, Trịnh cũng xin về Kinh châu khánh tiết. Ngài cho.

Định phép thi hương: trúng 4 trường gọi là Hương cống, trúng 3 trường gọi là Sanh đồ, đều tha thuế thân; nhưng Hương cống được ban áo, mào và ăn yến, gọi là Lộc minh yến.

Tháng 9, nước Chân Lạp tới xin thọ phong, Ngài phong Nặc Chân làm Cao Man quốc vương, định lệ 3 năm cống một lần, bắt đầu từ năm nay.

Tháng 10 mới mở khoa thi Hương, từ Nghệ An trở ra Bắc, lấy đậu Hương cống tất cả được 62 người.

Năm Mậu Thìn thứ VII (1808), tháng giêng, Ngài nghĩ trấn Gia Định địa thế rộng quá, giao đình thần bàn việc sửa sang để cho vững vàng bờ cõi. Rồi đổi Gia Định trấn làm Gia Định thành, Phiên trấn dinh làm Phiên An trấn, Trấn Biên dinh làm Biên Hòa trấn, Trấn Vĩnh dinh làm Vĩnh Thanh trấn, Trấn Định dinh làm Định Tường trấn.

Lại sai Lê Văn Duyệt đánh giặc mọi. Lúc ấy mọi khổ vì Phó quản cơ Lê Quốc Huy nhiều hại quá, cho nên làm phản, Duyệt xét được việc ấy, bắt Quốc Huy tâu xin chém, quân mọi liền ra đầu hàng.

Tháng 2, làm lại Văn miếu. Miếu cũ ở làng Long Hồ chật hẹp quá, bây giờ dời về làm tại xã An Ninh, để miếu cũ làm Khải thánh từ.

Tháng 5, Quảng Đức, Bình Định, Phú Yên đại hạn, ruộng tổn thương nhiều; các quan dinh đem bản án khám tâu lên, Đình thần bàn rằng: "trong 10 phần tổn 4 phần xin cho giảm thuế 2 phần, tổn 5 phần giảm thuế 3 phần, tổn 6 phần giảm thuế 4 phần, tổn 7 phần giảm thuế 5 phần, tổn 8 phần giảm thuế 6 phần, tổn 9 phần giảm thuế 7 phần, nếu tổn thương hết, thời xin tha cả". Ngài cho tổn 7 trở lên cũng tha thuế hết thảy, còn thời y như lời đề nghị.

Các trộm cướp ngoài Bắc thành đã được bình rồi. Quan Tổng trấn xét các đạo quan quân đánh giặc trước sau hơn 30 trận, chia công trạng làm 4 hạng, làm sách tâu lên. Ngài thưởng 30.000 quan tiền, khiến quan Tổng trấn tùy hạng cấp phát, còn mà ai chết tại trận thời theo lệ cấp tiền tuất¹. Quan Tổng trấn lại tâu rằng: "Khi giặc khởi loạn, trong tỉnh Sơn Nam Hạ có 4 xã Cổ Tiết, Đồng Kỳ, An Vị, Lệ Bửu; trong tỉnh Hải Dương có 6 tổng: Cổ Trai, Kỳ Vỹ, Cẩm Khê, Phú Khê, Kinh Khê, Tử Đồi; hoặc có người thám tình thể giặc mà báo quan, hoặc có người đem lúa để giúp quân, đều có lòng hiếu nghĩa; xin gia ân thưởng để khuyên người khác". Ngài cho là phải. Lúc trước mấy bọn trộm cướp ngoài Bắc thành giả danh tôn nhà Lê, ngu dân mắc lầm cũng nhiều, Nguyễn Văn Thành sai Trần Hựu làm khúc "điểm mẽ" bằng tiếng nôm để hiểu thị cho dân, dân Bắc thành lại làm bài hát "tố khuất", trong bài ấy nói quan lại tham nhũng, đến nỗi sanh ra trộm cướp, ông Thành lại sai quan sở tại đi khắp hiểu dụ, dân tình mới an.

Tháng 6 nhuận, Ngài truyền từ nay về sau, hễ ngày sóc, ngày vọng tháng nhuận đều tha thiết triều.

Ngài ngự xem đào sông Dương Xuân, thưởng tiền cho biên binh.

Tháng 7, đắp đập Hà Trữ (thuộc huyện Phú Lộc), bởi vì đất ruộng gần biển, nước mặn thường trào vào ruộng, nên đắp đập để giữ, các nhà làm ruộng đều lấy làm tiện lợi.

Tháng 9, quan trấn Nghệ tâu rằng: "Trong kho những muối và cây mây còn chứa để nhiều, từ rày cho dân nạp tiền hay là vải, để thay các hạng thuế ấy". Ngài cho y.

Quan dinh Quảng Nam tâu rằng: "Dân nguồn Hữu bang, lệ cũ mỗi năm nạp 1.000 cân dầu rái; nay xin theo như lệ nguồn Ô Gia mỗi 100 cân nạp thuế 5 quan tiền". Ngài cho.

¹ Chết tại trận, hoặc đương làm quan mà chết, thời nhà nước có cấp tiền gọi là tiền tuất.

Tháng 10, sắc cho Hương cống được bổ Tri huyện. Lại đem những ý chỉ triều đình dùng người truyền dụ cho biết, khiến cho ai nấy đều giữ phép quan, trọng danh phận. Nhưng ban cho phẩm phục, sai lính đưa đến lỵ sở. Từ đó chức huyện lại càng được trọng lắm.

Chuẩn định cho các nha coi việc hình: từ nay về sau, phạm trọng án mà phủ, huyện kết nghĩa rồi, quan địa phương xét lại, bộ Hình thẩm duyệt, nếu ý kiến khác nhau đều cho tâu lên, Ngài sẽ xét; còn án nào tình tội hơi nhẹ, thời cho sở tại nha môn xử đoán mau phát lạc cho rồi, không được làm lỗi thời phiến dân.

Tháng 11, trấn Nghệ đỏi, quan trấn xin hoãn những việc bắt linh đào, xét tạp tụng và hỏi nợ tư. Ngài cho y cả, lại cho hoãn thuế ruộng thuế thân năm ấy.

Bộ Lễ tâu rằng: "Lâu nay hể qua đầu năm thời khai bửu¹ duyệt binh; đến cuối năm thời yết lạng, lập tế², hạp bửu³; đều phải lựa ngày tốt; nay xin định ngày nào cho rõ". Ngài chuẩn định ngày 7 tháng giêng khai bửu, duyệt binh, ngày 13 tháng 12 yết lạng; ngày 24 lập tế, ngày 25 hạp bửu. Kể từ năm sau (Kỷ Ty) làm đầu.

Năm Kỷ Ty thứ VIII (1809), tháng giêng, đặt nha Bắc thành đề chánh, cho Hộ bộ Đặng Trần Thường làm Tổng lý, tham tri Nguyễn Khắc Thiệu làm Tham lý. Nguyên khi trước Đề chánh thuộc về tào hộ, quan Tổng trấn nghĩ rằng việc nào hộ nhiều quá, thế không kiêm có cho biết, tâu xin đặt quan coi việc Đề chánh, nên Ngài cho Thường và Thiệu lãnh chức ấy.

Lập miếu vua Lê Thánh Tôn. Dụ rằng: "Vua Thánh Tôn phá Chiêm Thành, mở đất đến Phú Yên, đem dân vào ở, công khai thác từ đó làm đầu; lúc trước tế trong miếu các Đế vương đời xưa, là nhớ công đức Ngài vậy. Nay nên lập miếu làm nơi sùng tự, cho 18 tên dân làng Phú Xuân làm miếu phu, hể đến ngày Nhâm mùa xuân, mùa thu, sai quan đến tế".

Bắc thành tâu: "Văm miếu ngoài Bắc, từ đời nhà Lê trở lên thời Sĩ Vương, Châu An đều được tưng tự, bây giờ xin định thế nào?". Đình thần bàn rằng: Châu An, Sĩ Vương chưa được tưng tự Văn miếu ở Kinh, các trấn nên theo như Kinh sư mới phải. Ngài y. Lại khiến bộ Lễ kê cứu việc tế tự, thời Châu An, Sĩ Vương đều đã có nhà thờ, bèn truyền chỉ chuẩn cho dân sở tại 61 điều tên miếu diêu coi việc tế tự hai ông ấy.

Lập miếu Đô Thành Hoàng ở bên hữu Kinh thành (Chánh vị thờ Đô Thành Hoàng, bên tả thờ các vị Thành Hoàng từ núi Hoàng Sơn trở vô, bên hữu thờ các vị Thành Hoàng từ Nghệ An trở ra), cho 15 tên dân Phú Xuân làm miếu phu.

Tháng 3, cho Tham tri bộ lại Nguyễn Hữu Thận làm Chánh sứ, sang Tàu dâng hai lễ cống năm Đinh Mão và năm Kỷ Ty.

Tháng 4, đấng đàng quan các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận và Khánh Hòa. Ngài nghĩ đàng cũ quanh co, khiến Nguyễn Hoàng Đức, Lê Chất giăng dây cho thẳng, bắt dân sửa lại; nhưng hoãn việc trưng binh, đình việc tạp tụng; chỗ nào có mồ mả thời cấp tiền cho dân dời đi chỗ khác, và trồng cây hai bên đàng.

Phạm Như Đăng vào châu, dâng sớ nói hết việc lợi hại ngoài dân, xin theo phép tuần thú ngày xưa, nhưn việc ấy mà xét địa phương, xem phong tục, dấy việc lợi, bỏ việc hại, để làm cho sĩ dân tai nghe mắt thấy oai nghi trên Triều đình, dốc chí bền lòng trung nghĩa với Nhà nước, khiến trong thiên hạ ai cũng biết lượng Thánh Hoàng thương dân trong ngoài như một. Đăng đã tâu việc ấy rồi, lại nhưn điều trần 12 việc: 1⁰ mở tòa Kinh diên⁴ để giảng sách; 2⁰ mở khoa thi để lựa nhưn tài; 3⁰ bàn việc hình ngục; 4⁰ xử trọng án; 5⁰ đặt Đô sát viện ngự sử xét việc ngoài Bắc thành; 6⁰ cấp ruộng lương cho lính giản

¹ Ấn vua gọi là bửu, khai bửu là đóng ấn.

² Lạp tế là tế về tiết tháng Chạp.

³ Hạp bửu là niêm ấn lại.

⁴ Kinh Diên là nơi Hoàng Đế đọc sách.

ngoài Bắc; 7⁰ lựa nghĩa binh; 8⁰ trọng dân lực; 9⁰ trưng tô thuế; 10⁰ khám xét lưu dân; 11⁰ chiêu tập lưu dân; 12⁰ nghiêm phòng các bến tàu và các cửa ải. Số dâng lên, Ngài khen lắm.

Rước Tử cung¹ đức Duệ Tôn hoàng đế ở Gia Định về. Ngài toan ngự vào Quảng Nam đi đón, cho nên truyền dụ dân Quảng Nam rằng: "Quảng Nam gần Kinh đô, Triều đình cho là quận chân tay², từ lúc khôi phục Kinh thành đến bây giờ, ta chưa đi tuần hành, nên dân tình u uẩn, chưa biết cho hết; nay Tử cung đức Duệ Tôn ở Gia Định về, ta sẽ đem các quan đi rước; vậy nên sai quan Đại thần đi trước vào xứ chúng mây, dân có điều gì oan uổng, cho làm đơn kêu, Đại thần sẽ duyệt tâu lên, để cho biết rõ tình ngoài dân gian. Khi nào ta ngự tới, quan quân và dân không được dâng đồ chi hết".

Tháng 6, ninh thổ Tử cung đức Duệ Tôn tại lăng Trường Thiệu (ở núi La Khê).

Định trình hạn nộp thuế sản vật ngoài Bắc thành: mỗi năm 2 hạn, từ tháng 2 đến tháng 6 làm một hạn, tháng 7 đến tháng 12 làm một hạn. Lại cấp mộc triệu cho Tổng trưởng và Xã trưởng để làm việc quan lấy đó mà chất nghiệm.

Tháng 7, ba huyện thuộc về Quảng Trị thường có hổ hoạn, truyền chỉ đem 200 dân làng Phú Bài và làng Thủy Ba ra đó bắt cọp.

Tháng 8, định điều lệ thuế buôn Hà Tiên, Xiêm La, Hạ Châu.

Tháng 9, ban điều lệ Đê chánh ra Bắc thành. Ngài lưu ý về việc phòng giữ nước lụt, nên khi trước đã truyền chỉ quan Tổng trấn tham chước việc cũ tâu lên, rồi lại sai Đình thần phúc nghị; nay mới định thành điều lệ ban ra thi hành.

Bắc thành bị bão, nước biển tràn lên, Hai Dương, An Quảng và Sơn Nam Hạ lại càng hại lắm; quan Tổng trấn tâu lên và xin phái người khám sát sẽ bàn việc chấn cấp. Ngài xuống chiếu rằng: "Chờ khám rồi mới phát chẩn, lấy gì mà cứu cấp nạn cho dân!". Bèn sai Đặng Trần Thường, Phạm Như Đăng xét tai nạn nhẹ nặng thế nào, truyền quan trấn sở tại phải đem lúa kho phát chẩn cho mau.

Tháng 11, định điều lệ trị tội kẻ cướp: phạm hai lần ăn cướp đều lấy được của, hoặc trong hai lần chỉ có một lần lấy được của, thế là cố phạm, cho quan trấn lập tức đem chánh pháp rồi sẽ tâu lên, nếu hai lần đều chưa lấy được của và mới ăn cướp một lần mà lấy được của, thời phải tâu lên chờ chỉ.

Mới đặt Thượng thư 6 Bộ: Lê Quang Định làm Thượng thư bộ Hộ, Trần Văn Trạc Thượng thư bộ Lại, Đặng Đức Siêu Thượng thư bộ Lễ, Đặng Trần Thường Thượng thư bộ Binh, Nguyễn Tử Châu Thượng thư bộ Hình, Trần Văn Thái Thượng thư bộ Công; còn Phạm Như Đăng làm Thượng thư bộ Hình nhưng lãnh việc tào hình Bắc thành.

Tháng 12, quan Trấn thủ Hà Tiên là Mạc Tử Thiêm mất. Tự khi Mạc Tử Thiêm dâng đất Hà Tiên đến bây giờ, triều đình nhớ đến công lao, cho con cháu đời đời làm trấn thủ Hà Tiên. Đến khi Thiêm mất rồi, con là Công Tài, Công Thê còn nhỏ, cháu là Công Du vì tội bắt vợ hầu Thống chế Phạm Văn Triệu bán cho người Xiêm, bị giao đình nghị; Ngài bèn truyền chỉ Chánh đội Ngô Y Nghiêm, Tham luận Lê Tấn Giảng quyền lãnh trấn Hà Tiên; Âm thọ Công thê làm Chánh đội để coi việc tế tự và cho 53 tên mộ phu. Ngài lại truyền quan Tổng trấn Gia Định đem việc Công Du báo với Xiêm, Xiêm xin tha tội Công Du, mà cho tập chức Trấn thủ, Ngài không cho, truyền bộ Lại viết thư trả lời cho Xiêm, Xiêm tiếp được thư, không dám xin nữa.

Giảm thuế điền mùa thu cho 5 trấn phía trong Bắc thành. Vì các trấn ấy bị đại hạn hoặc bị gió bão, nên giao bộ Hộ chiếu lệ tổn thương mà giảm thuế điền.

Năm Canh Ngọ thứ IX (1810), tháng giêng, dân Bắc thành đói. Khi trước quan Tổng trấn báo đại hạn và nước lụt, Ngài truyền đình việc bắt lính và tạp tụng, bãi việc làm sâu; lại giao quan Tổng trấn bàn

¹ Tử cung là quan tài.

² Quận chân tay nghĩa là gần Kinh thành.

việc cứu hoang¹. Nguyễn Văn Thành dâng sớ xin cho dân vay hoặc phát chẩn để cứu dân đương lúc tai biến; lại xin cấm không được lựa tiền tốt, xấu, để cho thông dụng. Ngài y cho.

Định ngôi thứ các công thần: 4 người Khai quốc công thần; 114 người Trung tiết, công thần; 258 người Trung hưng công thần.

Tháng 2, đắp đập Kim Đồi và đập An Xuân, vì nước biển hay trào vào ruộng.

Lập lại ngạch lính cũ trong Gia Định, tha thuế thân cũng như mấy người đương ở lính. Dụ rằng: "lính cũ Gia Định, đi trận khó nhọc đã lâu, nay tuy về làm dân, mà có việc lại ra làm lính, không nên đãi chún nó như hạng dân mới phải".

Tháng 3, phát chẩn thêm cho dân đói Bắc thành 50.000 phượng lúa. Quang Tổng trấn lại tâu: "Cửa sông Thiên Đức ngăn lấp, hay bị nước ngập; đàng đi sứ qua tỉnh Lạng Sơn, thời thú rừng rậm rạp, xin bắt dân đói đào sông dọn đàng, mỗi ngày phát cơm cho ăn". Ngài y cho.

Đặt thêm lính trạm từ Quảng Bình đến Bình Thuận, mỗi trạm 100 tên, tha khỏi đi lính giản, khỏi làm việc quan và tha thuế thân, cũng như quân hạng.

Nguyễn Văn Thành ở Bắc thành vào chầu, nơn có tang mẹ, xin táng ở Bắc Hòa. Ngài ban rằng: "con cáo lúc chết, trở đầu vào gò, thế là lễ vậy. Tổ quán của khanh ở Bắc Vọng phủ Triệu Phong, sao mà không táng ở đó?". Văn Thành lạy xin thọ mạng.

Tháng 4, Nguyễn Hữu Thận ở Tàu về, dâng một quyển Đại lịch tượng khảo thành thơ và tâu rằng: "lịch vạn toàn nước ta và sách Đại Thanh thời hiến bên Tàu, đều theo lịch đại thống nhà Minh², hơn 300 năm chưa hề sửa lại, càng lâu lại càng sai lầm; đời Khương Hy nước Tàu, mới tham dùng phép lịch Thái Tây, làm ra quyển lịch này, mà sách này tuy xét sổ tinh tường hơn sách Đại thống, phép tam tuyến bát giác lại tinh xảo lắm. Xin giao học trò Khâm thiên theo lịch này để khảo cứu làm phép lịch, thời biết đúng độ số trời mà nhằm tiết hậu". Ngài cho là phải.

Tháng 5, Ngài nghĩ các trấn ngoài Bắc, năm nào cũng đói, truyền chỉ hoãn thi Hương năm này. Từ đó rồi cứ 6 năm thi một khoa.

Định thuế người Tàu mua gỗ lim. Lúc trước cấm người Tàu mua gỗ lim, có một tên thuyền trưởng Quảng Đông vào cửa Hội (Nghệ An) xin buôn bán, quan trấn tâu lên, Ngài truyền chỉ cho thông thương không cấm, nhưng tăng thuế xấp hai; sừng tê, ngà voi thời 20 phần đánh thuế một, gỗ lim 10 phần đánh thuế một.

Giặc Tàu ô trốn ngoài biển thuộc hạt phủ Cao, phủ Liêm, phủ Quỳnh và phủ Lô (đều về hải phận Tàu); quan Khâm Châu đưa thơ qua Bắc thành xin nhờ đem quân đón đánh. Việc tâu lên, Ngài sai Nguyễn Văn Hạnh đem binh thuyền đến Châu Vạn Ninh, đảng giặc tới xin đầu hàng quân ta; Ngài truyền quan Bắc thành đem quân giặc giao cho quan Khâm châu.

Tháng 6, Trung quân Nguyễn Văn Trương mất, Văn Trương là Khai quốc nguyên huân, tặng chức Thái bảo, Thụy Trung đồng, ban cho một cái quan tài gỗ giáng hương và 1.000 quan tiền. Ngày táng ông Trương, Ngài ngự thuyền rồng đi đưa tại sông Hương Giang. Lại cấp cho 10 tên mộ phu (năm Minh Mạng thứ 5 cho tòng tự Thái miếu, phong Đoàn Hùng quận công).

Tha tạp thuế cho trấn Hà Tiên. Lúc trước Hà Tiên không có ngạch thuế, Mạc Tử Thiêm mới thu thuế mổ heo, thuế nha phiến và thuế cờ bạc; Ngô Y Nhiễm lại chia thuyền buôn làm 3 hạng mà đánh thuế. Đến lúc Tổng Phúc Ngoại ở Xiêm về, tâu nói tệt đánh thuế trong Hà Tiên, Ngài liền xuống chiếu tha hết các thuế, dân vui mừng lắm.

¹ Cứu hoang là cứu dân khi mất mùa.

² Minh là tên nước Tàu.

Lựa thêm 600 lính huyện Tống Sơn bổ vào vệ Thị nội Tín oai, để làm việc trong Nguyên miếu¹ hoặc đòi về Kinh châu chực.

Tháng 8, ban thước Kinh đặc điền cho các trấn trong ngoài. Thước ấy nhà Lê chế ra, dân gian thường dùng đã lâu. Đến năm Gia Long thứ 5, mới dùng thước trung bình; thước trung bình này hơi dài, vì thế số ruộng sai nhiều. Ngài sai tìm thước Kinh, tìm được tại dân làng Cổ Linh, huyện Gia Lâm; rồi theo thước chế ra thước đồng, ban cho các dinh trấn. Mấy sở ruộng công, ruộng tư trước đã đo đạc bằng thước trung bình rồi, thời nay phải làm sổ để lại mà tra cứu; từ nay về sau, nếu có việc tranh địa phận, cáo giác ẩn lậu điền thổ và báo khai khẩn ruộng đất, đều phải dùng thước Kinh mà đo.

Ban sắc thần. Bộ Lễ bàn nên gia tặng cho Đế vương và Hậu phi ngày xưa. Ngài truyền rằng: "lich đại Đế vương đã định danh vị rồi, nếu lại ban tặng thêm thiệt là trần độc quá. Truyền các xã dân cứ thờ như cũ; còn như thần Thượng đẳng, Trung đẳng, Hạ đẳng thời gia tặng ban sắc".

Tháng 9, khiến các trấn trong Gia Định phải lập hương binh; lại sai quan Tổng trấn làm đồ khí giới chế thuốc súng và giữ gạo lương để phòng binh nhu. Vì lúc ấy Chân Lạp cùng Xiêm hiềm khích với nhau, Gia Định gần thành Nam Vang, phải phòng giữ trước.

Tháng 10, sai Đô thống chế Lê Văn Phong, Nguyễn Văn Trí, Chương cơ Nguyễn Văn Giám đem quân tuần phòng ngoài bờ cõi; xuống chiếu truyền quan trấn Gia Định là Nguyễn Văn Nhơn chia ba đạo quân đến phòng giữ xứ Tân Châu, như Chân Lạp có việc gì, phải tới thành La Bích mà cứu.

Nguyễn Văn Thành tâu 4 điều phong sự: 1^o thuộc lại các địa phương, lệ định thường cho dân ngoại tịch, nên nhiều tên không có căn cước, hay bỏ việc trốn về; xin từ nay mà khuyết thuộc lại, không kể tội nội tịch, ngoại tịch, hễ ai có sản nghiệp mới được bổ; 2^o mỏ đồng ngoài Bắc thành, thời xứ Tự Long nhiều hơn, từ khi cấm không được lấy đồng Tự Long đến bây giờ, dân thường thiếu tiền; xin khai khoản ấy lấy đồng để cho của nhiều, dùng đủ, cũng là một cách sanh tài; 3^o thuế lệ cửa ải, bến tàu đã định ngạch rồi, nhưng tôi có nghe sở tại lạm thu nhiều; xin thân mình điều cấm, đừng cho làm hại mấy người buôn bán; 4^o năm trấn phía trong Bắc thành đã bỏ sổ thường hành rồi, còn 6 trấn phía ngoài và trấn Thanh, trấn Nghệ chưa bỏ sổ thường hành; nay xin sửa lại cho y như một. Sớ dâng lên, Ngài giao Đình thần bàn, để mà thi hành.

Định lệ canh trưng, ruộng đất lậu: hễ điền thổ đã cày mà chưa nạp thuế, thời cứ kể năm phát giác làm đầu, biên vào sổ mà khởi trưng, lại phải xét lậu một năm hay là hai ba năm, tính năm truy thu tô thuế, như lậu bốn, năm năm trở lên, cũng chỉ lấy ba năm làm hạn. Còn điền thổ ẩn lậu đó, ai trưng trước thời được nhận trưng, nếu không có ai trưng, thời điền thổ tư giao cho chủ, điền thổ công giao cho dân, theo lệ canh trưng.

Tháng 12, khai mỏ kẽm tại xã An Lăng trấn Hải Dương.

Năm Tân Vị thứ X (1811), tháng giêng, khiến Đình thần soạn định luật lệ, cho Nguyễn Văn Thành sung chức Tổng tài (đến khi bộ luật làm rồi; cả thảy 398 điều, 22 quyển).

Bãi hương binh Gia Định cho về cày ruộng.

Tháng 2, dân Bắc thành trốn thuế nhiều lắm, quan Tổng trấn cho là vì phủ, huyện không hết lòng thôi đốc, xin giam trị tội. Ngài truyền rằng: "huyện lệnh là quan thầy dân, làm nhục phủ, huyện không phải phép, thời dân quan chiêm sao đặng?". Ngài không cho.

Mới đắp đê An Lăng thuộc trấn Sơn Tây.

Đòi Mạc Công Du, Mạc Công Tài về Kinh, cho con cháu bọn ấy cả thảy 50 người dự hạng miễn diều.

Khi trước Nặc Chân giận Xiêm, nhưng ý có nước ta bảo hộ; đến khi nghe sứ Xiêm sang nước ta, Nặc Chân tưởng rằng ta giao hiếu với Xiêm, sợ lắm; Ngài khiến Đình thần làm thơ đưa cho Nặc Chân, trong thơ kể hết những lời sứ Xiêm vấn đáp với ta, để cho Nặc Chân an tâm. Lại gặp lúc Xiêm có tang

¹ Nguyên miếu là miếu Triệu Vương ở làng Quý Hương, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Phật Vương, Ngài dụ Chân phải sai sứ sang Xiêm hội táng, kết nghĩa giao hiếu; Chân được thơ mừng lắm, dâng biểu trần tạ.

Tháng 3, sai Chưởng cơ Tống Phúc Ngoạn sung chức Chánh sứ sang Xiêm, Ngài sai bộ Lại làm thơ đưa qua Xiêm nói việc khu xử nước Chân Lạp. Sứ Xiêm cũng xin về nước, Ngài ban thưởng hậu lắm, cho về luôn với sứ ta.

Quan trấn Nghệ An tâu rằng: "châu Trà Lân và châu Quy Hiệp ở về thượng du, khi có việc quan, báo tin tức gì, phải tất do đàng ấy, xin đặt mỗi châu một quan trấn thủ coi việc thu thuế và báo tin tức cho mau". Ngài cho y.

Tháng 4, Quảng Đức Cơ bộ là Lý Gia Du giám đốc sở đúc tiền ngoài Bắc thành và coi các mỏ đồng, mỏ kẽm, Gia Du tâu rằng: "nhà Lê lập ba sở đúc tiền, thường đúc luôn luôn, cho nên thừa tiền tiêu, đến đời Tây Sơn đúc không phải phép, tiền mỗi ngày một ít, giá lúa hạ mà dân chịu đói, lụa vải rẻ mà dân chịu rét; nay nhờ có Thánh minh soi xét, cho mở trường đúc tiền, cho dân được phép đúc tiền kẽm, nhưng mấy người đúc tiền, nhà giàu thì ít, tay không thời nhiều, mua đồng, mua kẽm, nhà giàu phần nhiều mua được giá hạ, mấy người tay không phải mua giá cao. Và lại lấy tiền mới đổi tiền cũ, thời lúc thu lúc phát, mấy tên tư lại thường hay sách nhiễu; vì có ấy cho nên người ta không dám đúc tiền. Xin từ nay về sau, hễ mua bán đồng, kẽm, thời quan định giá, để cho vật giá không đến nỗi cao hạ; đã đúc thành tiền, cho đem ra tiêu dùng. Như thế thời người ta giành nhau mà đúc, tiền càng thêm nhiều". Ngài y cho, kiến lập thêm sở đúc tiền, sức cho dân biết rằng: ai có đồng, kẽm, phải nộp cho Nhà nước, sẽ theo quan giá trả tiền, cấm không được mua bán riêng.

Tháng 5, Đặng Trần Thường, Nguyễn Gia Cát có tội, bắt giam trong ngục. Vì lúc ấy Thanh, Nghệ, Bắc thành có dâng sự tích bách thần, trong số ấy có đem làm Trịnh Tướng, Hoàng Ngũ Phúc cũng dự vào, Ngài giao xuống đình nghị rồi Thường và Cát đều phải án giam hậu.

Tháng 6, bàn làm Quốc triều thiết lục, đòi Phạm Thích, Nguyễn Đàng, Trần Toàn làm Biên tu sử; và hạ chiếu cầu những sự tích cũ. Lại ban chiếu cho các trấn từ Quảng Bình trở vào phải tìm kiếm việc cũ từ năm Quý Tỵ trở xuống, năm Nhâm Tuất trở lên; hễ có quan hệ việc nước mà đã biên chép thành sách rồi, cho đem tới quan Sở tại mà nộp; mấy người kỳ lão mà có ai nhớ việc cũ, thời quan sở tại phải mời đến mà hỏi, rồi biên chép cho kỹ, tâu lên ngự lãm. Ngài sẽ xét xem trong lời nói như có thể chép vào sử được, thời sẽ ban thưởng, nếu có việc gì phạm đến kỳ hựu cũng không làm tội.

Bàn làm sách sử nhà Lê; chiếu cho các trấn Bắc thành rằng: "Ai mà tâu lục sự tích nhà Lê và Tây Sơn, thời đem sách dâng lên". Tự đó ai có sách cất trong nhà, đều đem ra dâng.

Định chương trình xét công các phủ, huyện. Ngài nghĩa rằng: phủ, huyện là chức thân dân, phải phân biệt kẻ hay người dở; hay thời tăng, dở thời giáng, để cho biết khuyên biết sợ. Bèn định lệ ba năm xét một lần, hai lần xét làm một khóa, kể từ năm Gia Long thứ 7 làm đầu; các thượng ty địa phương phải thông tính công việc phủ, huyện trong 3 năm, ai mà xử các án đều nhằm tình lý là bậc thượng khảo; ai mà trong 10 phần xử nhằm được 8, 9 phần cũng là bậc thượng khảo; trong 10 phần xử nhằm được 6, 7 phần là bậc trung khảo; còn ai xử đoán phải ít sai nhiều và tuy rằng phải nhiều mà có sai một cái án thất nhập¹ là bậc rớt; đều phải phân biệt tâu lên để chờ chỉ. Từ năm nay về sau, hễ đến cuối năm phải kê biên các án đã xử đoán rồi để đến hạng 3 năm sẽ xét công; chỉ có người nào chánh trị xuất sắc, thời cho đem lên tâu ngay, không kể niên khóa.

Tháng 7, Hiệp trấn trấn Nghệ An là Ngô Nhon Tĩnh vào châu. Tĩnh thường dâng sớ về Kinh tâu các việc ngoài dân, Ngài cho. Khi vào châu, Nhon Tĩnh tâu hết tình trạng điều háo trấn Nghệ, lại xin hoãn thu tiền lúa lưu khiếm từ năm Nhâm Thân trở lên; và sản thuế biệt nộp như là vải trắng, dầu, nếu chưa nộp đủ, thời xin cho nộp tiền. Ngài cho y. Nhon Tĩnh đã ở Kinh hơn một tháng, rồi lại về tỉnh.

Tháng 8, Kinh sư bị bão (gió từ giờ Vị đến giờ Sửu), nước lên hơn ngày thường 8 thước, nhà cửa hư nhiều. Ngày truyền đội Tiểu sai hội đồng với quan dinh Quảng Đức, đi ra các huyện khám xét tình trạng tâu lên. Bao nhiêu thuyền chở thuyền buôn bị chìm, đều cấp tiền tuất. Các hạt Trị, Bình, Nam, Ngãi

¹ Thất nhập là tội nhẹ làm nặng.

cũng có bị bão. Ngài sắc cho các dinh ấy như có thiếu thuế và binh dinh nào tử, đều cho hoãn trưng một năm; các việc tạp diêu, tạp tụng, thổ mộc mà không cần lằm, đều cho bãi hết.

Cửa Tư Dung lở (lở rộng đến 27 thước, sâu 7 thước).

Cho Quản đạo Kiên Giang Trương Phúc Giáo làm Trấn thủ Hà Tiên, Định Tường Ký lục Bùi Đức Mân làm hiệp trấn. Ngài nghĩ rằng: Hà Tiên là một chỗ quan yếu, hai người ấy biết rõ biên tình, cho nên Ngài bổ qua trấn ấy. Bọn Phúc Giáo đến trấn chánh sự khoan giản, không làm phiền nhiễu; chỉnh đốn trại quân, chiêu tập lưu dân, lập trường học, khai ruộng hoang, sửa sang phố chợ, phân biệt người Nam, người Tàu, người Cao Man và người Đờ Bà, người nước nào thời ở chỗ nấy; thành một nơi đô hội lớn trong Nam Kỳ.

Tháng 9, ngày Bính Tuất, đức Hoàng thái hậu se. Trước khi ấy có sao chổi mọc, đức Hoàng thái hậu buồn, dạy rằng: "Sao chổi mọc ra đó, nên ứng vào mình ta!". Đến bây giờ đức Thái hậu se, buổi mai buổi chiều Ngài thường hầu luôn. Ngày Kỷ Sửu đức Hoàng thái hậu băng, thọ 74 tuổi. Đình thần xin từ tam phẩm sấp lên đều phục một năm. Ngài cho phục 3 tháng; Công chúa hạ giá rồi thời để phục kém Hoàng nữ một bậc; Ngài phục trong 3 năm tại trong cung; lệ triều hội tháng ấy đều tha hết; Ngài chỉ ngự tiền điện xem việc quốc chánh.

Tháng 10, Bình Định, Phú Yên lụt to, trại lính và nhà cửa dân gian đều trôi mất hết, cũng có người chết đuối. Ngài sai vệ úy Tôn Thất Bình, tham tri Nguyễn Hữu Thân đi vào phát chẩn. Vào tới nơi thời quan trấn Bình Định là Vương Văn Học đã đem muối gạo phát chẩn rồi. Ngài khen lằm.

Truyền các địa phương phát chẩn không nên chờ báo, nhưng mất mùa và diên hòa tổn thương thời tâu trước.

Tháng 11, Ngài bàn dân tình và lại tộ với các quan. Dụ rằng: "thương trâu trước phải trừ loài hại trâu, thương dân trước phải trị kẻ hại dân". Sắc các địa phương đến khi thu thuế, quan dinh quan trấn phải có một người ngồi trâu, để nghiêm cấm mấy tên coi kho không được lưu nan yêu sách; ai mà làm hại dân, thời giết không tha.

Quan Bắc thành tâu rằng: "các chỗ quan, tân, thuộc về Cao Bằng, Thái Nguyên, đời đời nhà Lê đã định sở rồi. Từ khi Tây Sơn đặt thêm nhiều sở tại để thu thuế cho nhiều, người buôn lấy làm khổ lằm". Ngài giao đình nghị, hể Tây Sơn đặt thêm sở nào thời bớt hết. Từ đó người buôn mới khỏi cực.

Tháng 12, Võ Trinh dâng lên các thể lệ làm sử. Ngài cho Nguyễn Văn Thành sung chức Tổng tài, Phạm Như Đăng làm phó Tổng tài. Nguyễn Văn Thành dâng sách Võ bị chí và sách Tứ di loại chí, Ngài đều giao Thị thư viện tâu cất.

Nước Vạn Tượng sai Sứ sang cống; nhơn đưa 30 tên lính đào về nước ta. Ngài hạ chiếu khen Vạn Tượng có lòng thành thiết.

Năm Nhâm Thân thứ XI (1812), tháng giêng, thân định điều lệ cấm không được chở lậu và mua tư những đồ đồng, kẽm.

Cho Tham tri bộ Hộ Nguyễn Hữu Thận kiêm quản việc toà Khâm thiên giám; Thận tinh thiên văn và lịch học; lúc sang sứ Tàu, học được phép làm lịch lại càng thêm tinh. Ngài thườn bàn thiên văn với Thận, khen lằm.

Tháng 3, em Nặc Chân (vua Chân Lạp) là Nặc Nguyên đem lính Xiêm sang cướp thành La Bích, Nặc Chân bỏ thành chạy sang Nam Vang, dâng biểu xin viện binh, Ngài dụ rằng: "Anh em chúng mày không hòa với nhau, để nổi sanh điều lo lắng, ta đang nghĩ xử trí để làm cho yên Nhà nước này, mày cũng phải tự cường để yên dân mày, hể nhơn tâm yên, thời mày sẽ có ngày về nước".

Tháng 5, xuống chiếu năm sau là năm Quý Dậu sẽ mở khoa thi hương, cấp lương nhật trình cho học trò đi thi.

Tháng 6, mấy tên mật thám ở Gia Định đều nói Diên Điện đánh Xiêm, Xiêm phải rút binh về; Nguyễn Văn Nhơn tâu lên Ngài biết, Xiêm sai bọn Sạ Trật đem dâng đồ hương liệu và dâng thơ nói rằng: "Anh em Nặc Chân không hòa hiệp, nên phải sai trọng thần sang giữ, ấy là muốn cho anh em nó khỏi

tranh nhau, chớ nước Xiêm tôi không có ý gì". Đòi Sứ Xiêm vào, Ngài quả rằng: "nước mây vô cớ đem quân sang đóng đất Chân Lạp, làm cho Nặc Chân phải chạy; Chân Lạp đời đời thần phục nước ta, nếu có việc gì, ta cũng phải cứu. Mây về nói với vua mây rằng: Nặc Chân rồi cũng trở về, vua mây chớ dối ta, mà cũng đừng làm lo cho Nặc Chân, thế mới phải nghĩa hậu nước láng giềng, thương nước nhỏ mọn".

Sai các dinh trấn, phải lựa trong các tổng người nào học giỏi mà tuổi hơn 50, cho làm chức Tổng giáo để dạy lớp sơ học. Bắc thành xin cử mấy người 40 tuổi, Ngài y cho.

Nguyễn Văn Thành tâu 4 điều phong sự: 1^o xin lập Thái tử và phong tước cho các Hoàng tử để định nhơn tâm; 2^o xin Ngài ngự lãm sách luật rồi khắc ban ra cho rõ phép nước; 3^o xin lựa nho thần sung bổ Sứ cuộc; 4^o xin chế phục các nước phiên quốc để yên bờ cõi. Ngài đều khen phải.

Đòi Nguyễn Văn Nhon về, cho Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn Gia Định. Trương Tấn Bửu làm phó Tổng trấn. Duyệt vào châu xin đi, Ngài ban dụ sang công việc trong Nam Kỳ. Duyệt đến Gia Định, rõ lập điều cấm, cho nên không có trộm cướp, dân được yên ổn. Duyệt và Ngô Nhon Tĩnh, Trương Tấn Bửu dâng sớ tâu: "khi trước có việc biên phòng, nên phải mộ thêm hương binh, ấy là quyền tạm một lúc, không phải thành lệ. Nhưng nhon tình nghi sợ, thường hay giấu giếm cho nhau, tập thành thói quen, xin phải trừ tệ ấy. Và chẳng, đội trời đạp đất, ai cũng dâng vua; trong thiên Châu Quang có nói rằng: mỗi hạng dân phải cho ở phân biệt; đều là trọng việc dân chánh. Xin truyền cho sở tại biết rằng mấy tên đình đã đến tuổi, phải biên vào sổ, ai có tình nguyện bổ sung số quân các nha các cơ và các đội thuyền, thời quan Thượng ty các sở ấy phải cứu xét biên tên vào sổ cho khỏi ghi lậu và xét trá mạo cho dẽ". Ngài cho là phải.

Tháng 9, tha lệ cống năm ấy cho nước Chân Lạp, chờ vua nước ấy về nước rồi sẽ theo lệ cống.

Tháng 10, trời không mưa đã lâu, Ngài lo lắng, truyền cho hoãn trưng thuế thiếu một năm cho các địa phương; lại khiến hình nha xét những tù phạm, thân kẻ oan uổng và hạ chiếu cầu trực ngôn. Mới hạ chiếu ngày Đinh Vị, mà ngày Canh Tuất trời mưa.

Định lệ thanh tra các trấn. Ngài nghĩ tiền lúa thâu vào phát ra, thiệt là quan hệ quốc khóa lắm, để lâu ngày thời khó xét. Giao cho bộ Hộ chức định điều lệ, 3 năm một khóa, sai quan sát hạch. Bốn dinh thuộc về Trực Kỳ và Quảng Nghĩa, Thanh Hóa, Nghệ An, Thanh Bình thời cứ năm Thìn, năm Tuất, năm Sửu, năm Vị là khóa thanh tra; mà kể từ năm Giáp Tuất làm khóa đầu; bốn trấn Gia Định, Bình Thuận, Bình Hòa, Phú Yên, Bình Định thời cứ năm Dần, năm Thân, năm Tỵ, năm Hợi là khóa Thanh tra, mà kể từ năm Thân này làm khóa đầu; các trấn Bắc thành thời cứ năm Tỵ, năm Ngọ, năm Mão, năm Dậu là khóa Thanh tra, mà kể từ năm Quý Dậu làm khóa đầu.

Định điều lệ về các sở quan, tân ngoài Bắc thành và Thanh Nghệ .

Mới đúc thứ bạc đánh nặng một lượng để phòng khi gặp số lẻ thâu vào phát ra cho tiện; ban cho thiên hạ tiêu dùng.

Định giá vàng ngoài Bắc thành; một lượng vàng giá 10 lượng bạc; vàng của dân đổi lấy vàng công, phải nạp một quan tiền đóng dấu.

Tháng 11, Ngài truyền rằng: "Từ nay về sau, phàm các quan dinh trong ngoài và thợ các sở, có việc về Kinh, hoặc đổi ban về, hoặc sai đi việc quan, thời bộ Công, bộ Binh phải cấp tiền thẻ "Yêu bài". Lại khiến từ dinh Quảng Đức trở vào Gia Định, trở ra Bắc thành, mỗi dinh trấn phải lập một sở "Dưỡng tế", nếu lính và thợ đi đàng có bệnh hoạn gì, xét trong mình nó có Yêu bài, thời cho vào sở Dưỡng tế thâu dưỡng, hễ tên nào chết, thời cấp tiền vải chôn cất".

Tháng 12, định điều lệ thôi khoa.

Năm Quý Dậu thứ XII (1813), tha thuế thiếu cho các trấn: Từ năm Gia Long thứ 7 trở lên, dân các trấn nạp thuế còn thiếu tiền, lúa hoặc thổ sản gì, nay đều tha cả. Nhưng ai có lấy của công hoặc mấy người giữ kho lấy của kho thời không tha.

Truyền các quan trấn thủ¹ phải đo cửa biển, chỗ nào sâu, cạn, rộng, hẹp, mỗi năm đến mùa xuân, mùa đông vẽ bản đồ dâng lên, bộ Công phải đem đồ bản ấy giao cho các đội lính thủy, để cho biết đàng thủy chỗ nào hiểm, chỗ nào không.

Tháng 2, làm đài Điện Hải và đồn An Hải ở cửa Đà Nẵng, giao cho Nguyễn Văn Thành coi việc ấy, lưu 500 quân phòng giữ.

Định lệ thu thuế, giao bộ Hộ bàn định thi hành: một quan tiền nạp 6 đồng "khán tiền"², một lượng bạc nạp một đồng khán tiền, nếu thu quá lệ sẽ theo luật trị tội.

Đổi tên cửa Nhuyễn Hải làm cửa Thuận An, lập đài Trấn Hải (chỗ ấy bãi cát quanh co, cạn, hẹp, thuyền không đi được; từ khi đổi tên Thuận An đến bây giờ, ghe thuyền dễ đi, thật ích lợi cho muôn đời).

Cho tha hoặc giảm thuế ruộng năm nay.

Truyền chiếu cho Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt và Hiệp trấn Ngô Nhơn Tĩnh đem 13.000 lính thủy đưa Nặc Chân về nước Cao Man. Xiêm cũng sai bọn Phi Nhã, Ma Kha và A Mặc làm Sứ Xiêm đem quân đưa theo. Nặc Chân vào thành La Bích, Duyệt sai quan Cao Man là Cao La Hâm đem 500 quân phòng giữ, Duyệt truyền hiệu lệnh cấm quân cướp phá, bày oai tín vỗ dân làm ăn, Cao Man nhờ được yên ổn. Nguyên trước Nặc Chân chạy về với ta, Xiêm giận lắm, ý muốn lấy thành Bắc Tâm Bôn phong cho Nặc Nguyên; đến khi nghe Nặc Chân trở về, nước Xiêm bề ngoài thời giả dạng hòa hiếu, sai Sứ sang hội với quân ta đưa Nặc Chân về; mà bề trong thời sắp đặt việc quân, muốn thừa cơ đánh để thư cơn giận. Đến đây Duyệt đem quân đến, Xiêm không dám lộ mưa ra; nhưng quân Xiêm còn đóng ở Long Úc chưa về, muốn đưa Nặc Nguyên về mà cũng chưa được. Duyệt tâu rằng: "Xiêm muốn lấy Chân Lạp, phải lấy Nặc Nguyên làm mồi, ta muốn che đỡ Gia Định, phải cho Nặc Chân làm tôi; ta nạp Nặc Chân thời người Xiêm mất lợi nhiều lắm. Chưa chắc người Xiêm khỏi sanh mưu khác, cũng chưa chắc Phiên Vương (tức là Nặc Chân) khỏi có việc lo. Bây giờ quân ta ở đó lâu, thời quân mệt mà tổn của, rút quân về hết, thời Phiên vương đơn nhược, không có người phòng giữ. Và lại thành La Bích nhỏ, thế không giữ được; xin đắp thành Nam Vang cho Phiên vương ở, đắp thành lô Yêm để trữ lương, hễ đắp thành xong rồi, sẽ lưu binh bảo hộ Chân Lạp, đại binh thời rút về Gia Định, để xem động tĩnh thế nào. Như vậy thời sẽ thuận nghịch rõ ràng, hình lao dật phân minh, muốn đánh thời đánh, muốn hòa thời hòa, thế là ta được chức hơn vậy". Ngài cho là phải, truyền ông Duyệt đem quân thủy giữ sông Xà Nẵng, đem quân bộ đóng các chỗ quan yếu, mà viết thư trách vua Xiêm rằng: "Xiêm vương cũng muốn Nặc Chân, Nặc Nguyên (Nặc Chân là anh Nặc Nguyên) người lòng thù oán, trọn nghĩa anh em; nay Chân đã về Chân Lạp, cố sao Xiêm chưa rút quân về? Cứu tai nạn thương lân quốc, làm như đức mà thỏa lòng người, ấy là đạo đời xưa đó. Nếu trước làm như đức mà sau gây thù oán, kéo quân sang đóng Chân Lạp, chẳng là trái lẽ hay sao? Huống chi Nặc Nguyên phản anh mà giữ nước, tội không kể xiết; nước ta và vua Xiêm bỏ qua không làm tội, cũng nghĩ là Nặc Nguyên đương còn tính con trẻ, muốn cho đổi lỗi mà thôi. Bây giờ Nặc Chân đã biểu vua Xiêm khoan thứ là đức, Nặc Nguyên lẽ nào không nghĩ nước ta tha tội là ơn hay sao? Cố sao đến nỗi u mê như thế! Thử nghĩ rằng thẳng giặc mà thiên hạ ai cũng muốn giết, lại có nước nào dung cho nó trốn hay sao?". Xiêm tiếp được thư rồi sai tướng Xiêm rút quân ở Bắc Tâm Bôn về, lại sai Nặc Nguyên viết thư tạ Nặc Chân; nhưng mà Nguyên cũng chưa về Chân Lạp. Ngài nghĩ rằng: Phiên quốc mới yên, kho tàng thiếu thốn, cho Nặc Chân 3.500 lượng bạc, 5.000 quan tiền, 10.000 hộ lúa. Nặc Chân sai người đem biểu trần tạ.

Quân ta xây thành Nam Vang và thành Lô Yêm. Làm đài An Biên, trên đài có một cái nhà gọi là Nhu Viễn Đàng, để cho Phiên vương vọng bái.

Sửa nhà thờ Khai quốc công thần Nguyễn Hữu Cảnh (nhà thờ ở Nam Vang, xưa Hữu Cảnh làm Kinh lược Chân Lạp, đóng quân ở đó; khi mất rồi, người Chân Lạp lập đền thờ, gọi là đền thờ Lễ Công).

Tha thuế thân năm ấy cho Hương binh Gia Định đóng ở La Bích.

¹ Trấn thủ là chức quan giữ các cửa biển.

² Khán tiền là tiền phụ.

Chế cân thiên bình và cân trung bình: cân thiên bình để cân sắt, đồng, chì, thiếc; cân trung bình để cân vàng, bạc.

Tháng 6, giặc Thổ ở Nghệ An ăn cướp các huyện. Tổng trấn Hoàng Viêt Toàn đem quân đánh, lại viết thư cho Vạn Tượng đón đảng phòng giữ, quan quân bắt được giặc nhiều lắm.

Tháng 7, mới mở khoa thi hương từ Quảng Bình trở vào Nam Kỳ.

Làm xong thành Nam Vang và thành Lô Yêm. Truyền sắc Lê Văn Duyệt đem quân về, giao Nguyễn Văn Thụy lãnh 1.000 quân giữ thành Nam Vang để bảo hộ Chân Lạp.

Tháng 8, Chân Lạp dân 88 voi, Ngài nghĩ nước Chân Lạp mới khôi phục, khiến quan Gia Định phát bạc kho trả cho Chân Lạp.

Tháng 9, tha tử tội cho Đặng Trần Thường và Nguyễn Gia Cát. Ngài xét sổ thu thẩm¹, nghĩ hai ông ấy có công, truyền tha tội, nhưng tước ngạch làm quan, mà phải ở Kinh.

Cho Trần Đàng làm Tham tri bộ Binh cùng với Nguyễn Văn Thụy lãnh chức bảo hộ Chân Lạp. Dụ rằng: "nước Chân Lạp mới định, như dân chưa yên; người nên thể đức ý Triều đình, chớ nên mưu lợi, chớ dung quân giặc, chớ hiếp nạt dân Mường, cũng chớ nhiều hoại ngoài biên phương. Người nên kính vâng mạng ta".

Tháng 10, Chân Lạp sai Sứ sang tạ. Đình thần bàn rằng: "triều phục Phiên vương nên theo triều phục bậc trên nhất phẩm". Bèn chế áo mắng bào sắc đỏ và mào đai, ban cho Phiên vương.

Khiến Gia Định nhả đất Chân Lạp, làm 3 con đảng quan: một đảng từ sông Cam Bà đến khe Răng xứ Quang Hóa, một đảng từ thành Lô Yêm đến Chế Lăng, bắt dân Chân Lạp làm, mỗi 4.000 trượng làm một trạm, mỗi trạm đặt 50 tên lính trạm để chạy công văn.

Tháng 11, có một người học trò Bắc thành tâu rằng: "xứ Trấn Ninh và xứ Ninh Biên đất rộng quá, tiếp giáp nước Xiêm, nước Lạp, xin sai quan đại thần phòng giữ ở đó, để xem xét tình thế hai nước, nếu Xiêm và Chân Lạp có việc gì, thời mình hội với Diến Điện hai bề đánh lại, thế là dùng người Mọi mà đánh người Mọi". Ngài truyền dụ rằng: "Xiêm giao hiếu với ta đã lâu, còn Chân Lạp là Phiên thần nước ta không nên sanh sự". Bèn truyền chỉ ủy lạo người học trò ấy cho về.

Tháng 12, Ngài cùng Đình thần bàn việc bổng lộc quan văn, quan võ, chằm chức theo sách Tấn thân lục nước Tàu mà làm. Dụ rằng: "Khi trước ta nghĩ bổng lộc chỉ có một thăng một đấu mà thôi, phụng sự cha mẹ, nuôi vợ con, cũng nhờ vào đó, nên ta đã không nỡ lòng đoạt bổng, ai có lỗi thời đánh đòn hoặc quả trách; làm vậy tuy có lòng lễ tất thần hạ, mà không phải lệ đãi thần hạ như thế. Vua Thái tổ nhà Tống không đánh người trước điện bệ, không khinh mắng bực công khanh. Nay nên theo từng bậc cấp bổng; hễ ai có tội cho cứ theo lệ phạt bổng; tình mà có lễ, phép mà có ơn, thế mới là phải".

Năm Giáp Tuất thứ XIII (1814), tháng giêng, Ngài lưu ý cho học, bảo quan Thị thần rằng: "nhà học hiệu là chỗ chức người anh tài, ta muốn theo phép xưa, lập trường học, dạy học trò, để sau dùng giúp việc Nhà nước".

Tháng 2, Hoàng hậu Tống Thị băng hà! Nguyên trước Hoàng tử thứ 4 mới 3 tuổi, Ngài khiến Hoàng hậu nuôi làm con, Bà đòi văn khế, Ngài sai Lê Văn Duyệt, viết một tờ giao cho Bà. Đến bây giờ gặp việc tang bà Hoàng hậu, Đình thần bàn cho Hoàng tôn Đán (con Đông cung Cảnh tức là Mỹ Đàng) chủ việc tế tự. Ngài dụ rằng: "Hoàng tử thứ 4 đã làm con Hoàng hậu, chủ tự là phải, không nên nệ lễ "đích tôn thừa trọng". Nguyễn Văn Thành nói: "Vậy thời trong văn tế khó xưng hô lắm". Ngài dạy rằng: "Con vâng mạng cha mà tế mẹ, danh chính ngôn thuận, việc gì mà không được". Lúc ấy bàn định mới xong. Thành có ý bất bình.

Tháng 3, từ Thanh, Nghệ ra Bắc có bệnh dịch. Truyền chỉ lập đàn tế.

¹ Hễ đến mùa thu, bộ Hình phải làm sách viết tên mấy người phải tội chế dâng lên, Ngài xét lại, tha hay làm tội tự quyền Ngài định.

Vì mưa nắng trái tiết, Ngài truyền chỉ giảm thuế ruộng năm này cho các trấn. Gia Định giá gạo cao, truyền chỉ số lúa năm nay đáng tải về Kinh, thời cho cứ để lại Gia Định, để cấp phát cho đủ.

Làm Thọ Lăng ở Thọ Sơn thuộc làng Định Môn, Ngài muốn theo cách hiệp lăng đời xưa, khiến Tổng Phúc Lương, Phạm Như Đăng lãnh chức Sơn Lăng sứ, sai đi xem các núi với Lê Duy Thanh; bói đến 7 lần, thời làm lăng tại Thọ Sơn tốt hơn; lại khiến Hoàng tử thứ 4 bói một lần nữa, bói được quẻ Dự, lời Chiêm rằng: "Đại cát hanh" nghĩa là rất tốt và rất hanh thông. Bèn bắt quân dân làm, gọi là lăng Thiên Thọ, phong núi ấy làm Thiên Sơn.

Tháng 4, đào sông An Cựu để chứa nước khi hạn, tháo nước khi lụt (tức là sông Lợi Nông, ở phía Nam sông Hương Giang, đến xã Thần Phù, giáp phá Hà Trung).

Lựa lính Gia Định, quan Tổng nghĩ tâu rằng: "Gia Định là nơi quan trọng xứ Nam Kỳ, tâu xin kén lính để phòng giữ bờ cõi. Ngài chuẩn cho theo sổ sách tuyển năm Quý Dậu, 8 đình lấy một, chia làm 5 ban, một ban ở, 4 ban về nhà, hễ đến tháng 3 và tháng 11, phải tới trấn tập võ 1 tháng, rồi sẽ cho về. Dự rằng: "Gia Định là nơi trung hưng, ngày xưa chỉ có một đám đất và một toán quân mà khôi phục đất cũ; nay đã đại định rồi, cũng muốn cho dân nghỉ. Nhưng ta nghĩ nhà nước tuy đã yên rồi, cũng không nên quên việc phòng giữ, huống chi Gia Định tiếp giáp biên phương, phải phòng bị mới khỏi lo. Nay chuẩn y theo lời Đình thần, kén lính thúc thành cơ đội. Chúng mày sanh trưởng ở chỗ ấy, biết rõ thủy thổ, không việc thời chia phiên luyện tập, có việc thời hết sức chống giữ, dùng người xứ mây mà giữ giữ đất mây, không như lính giã các xứ thường phải đi xa đâu. Chúng mày phải để ý ta, dân lo làm ăn, lính vui làm việc, chớ nên kinh sợ".

Tháng 5, bọn Nguyễn Văn Thụy lãnh chúa Bảo hộ Chân Lạp, việc gì cũng chuyên quyết mà làm, không hề bàn với Phiên vương, Phiên vương cũng chịu bó tay, như tình nghi sợ. Ngài ban chiếu cho Thụy rằng: "phàm việc Chân Lạp giao cho Phiên vương với Phiên liêu xử đoán, không được hiệp chế; chỉ có chương số và công văn thời bọn Người phải tường duyệt tham chước rồi sẽ phát đệ về, để cho hiệp sự thể mà thôi".

Tháng 6, bãi thuế đánh bạc cho xứ Long Xuyên, Kiên Giang và Trà Vang. Ngài nghĩ rằng: cờ bạc sanh ra trộm cướp, cho nên truyền bỏ thuế ấy; hễ ai mở sòng bạc sẽ có tội.

Xiêm sai Sứ sang dâng phẩm vật và tâu rằng: "Triều đình hậu đãi Chân Lạp, vua nước tôi cảm ơn lắm. Nhưng Nặc Chân vốn là phiên phụ với nước tôi, nếu Chân không sang châu nước tôi, thời nước tôi cũng không cho Nặc Nguyên về". Nguyễn Văn Thành biết ý trong thơ có hơi bất hòa, cất hỏi sứ Xiêm. Lê Văn Duyệt cũng có một cái mật thư tin cho Nguyễn Đức Xuyên; Xuyên tâu lên, Ngài dụ rằng: "Xiêm La nếu có nói gì, không lấy làm điều, ta thường giao hiếu với Phật vương trước, tình nghĩa với cha mà lại đánh con, lân quốc coi mình ra gì; vả lại giặc mới vừa yên, ai cũng muốn nghỉ, ta không ưng làm nhọc tướng sĩ xông pha trong vòng tên đạn; được một nước Chân Lạp mà để cho lo cho đời sau, thời không làm, người phải tỏ ý ta cho Duyệt biết". Sứ Xiêm ở lại hơn một tháng, tiếp đãi hậu lắm. Khi Sứ Xiêm về, Ngài tặng hảo Phật vương hơn 40 lượng vàng, 500 lượng bạc; cho vua thứ hai 20 lượng vàng, 100 lượng bạc.

Tháng 7, Ngài dụ bộ Lại rằng: "Muốn cho tôi trung, phải cầu trong những người con hiếu: Phủ huyện có tang cha mẹ chờ tâu chuẩn đến tuần nhật, mới được về nhà liệu tang, thời e có đau lòng hiếu lắm! Từ nay về sau, phủ huyện có tang cha mẹ, quan trên phải phái người quyền nhiếp ngay để cho về chịu tang, rồi sẽ tâu lên ta biết".

Ngài nghe lính giã Thanh, Nghệ, Bắc thành, dân sợ tại có cấp thêm ruộng lương và tiền diêm tương, lại ước niên hạn ở lính. Dụ rằng: "phụ thêm tiền để nuôi lính, lệ đã cấm rồi, ấy cũng là muốn bớt tổn cho dân; nay tình nguyện phụ cấp, không phải yêu sách đâu, nên theo lòng dân. Còn như tư ước cùng nhau mà thế tên này, đổi tên khác và lính có ý sách nhiễu dân, thời cứ như lệ cũ".

Tháng 8, định thêm điều lệ "thiết đạo". Ngài nghĩ trong luật thiết đạo, tính tang làm tội chưa có thể làm cho đứa gian phải sợ; giao Đình thần định thêm: phạm ăn trộm ba lần trở lên, mà lấy được của,

thời không kể đã chạm chữ vào mặt hay chưa, cũng không cần tính tang nhiều ít, đều làm tội tích phi¹ ăn trộm ba lần, phải 60 trượng, đờ một năm; bốn năm lần trở lên, thời cứ tính mà làm tội nặng thêm; đến tám lần thời bị trượng 100, đày 3.000 dặm; tội chỉ đến trượng lưu mà thôi, nhưng đều phải chạm chữ vào mặt; như hai lần thích chữ mà phạm một lần nữa, thời phải tội "giáo giam hậu".

Tháng 11, giảm thuế cho các nguồn thuộc về Gia Định.

Ngài truyền chém tên Quản cơ Nguyễn Văn Khánh ngoài Bắc thành; vì phát giác rằng Khánh lấy tiền của lính. Dụ quan Bắc thành rằng: "binh là nanh vuốt nhà nước, tướng là đầu mục quân lính, ngày bình nhật mà có lòng yêu nhau, gặp khi có việc, mới có thể giúp nhau. Khánh tham lam quá phạm phải tội chết, không có lẽ tha được; Quản quân chúng mầy xem đó là gương; từ nay về sau, như có việc công tác, cho chi cấp tiền công, ai nhơn việc công mà góp riêng, thời theo phép quân trị tội, mà quan thương ty cũng can liên".

Năm Ất Hợi thứ XIV (1815), tháng giêng, Bắc thành tâu: "Lâu nay ngạch thuế cửa ải, bến tàu phải nộp toàn bạc, mấy tên lãnh trưng không ưng đều xin giảm giá, tính ra thời giảm hơn 80.000 quan". Ngài dụ rằng: "Nhà nước không thiếu chi của, không nên so tính với dân". Truyền cho giảm giá.

Tháng 2, Ngài nghĩ các quan tòng vong² nhà Lê hết lòng trung nghĩa, truyền chỉ quan Bắc thành hỏi thăm và ban cấp tiền gạo cho gia quyến.

Truyền chỉ các phủ, huyện trữ tiền ân tuất mỗi nhà 50 quan, để cấp cho mấy người đi đàng mang bệnh mà chết.

Tháng 3, ninh thổ tử cung đức Hoàng hậu tại phía hữu huyện cung lãng Thiên Thọ.

Tháng 6, đúc bạc đĩnh trung bình để phát số lẻ cho tiện (mỗi đĩnh nặng 5 đồng cân, hai mặt có dấu in, một mặt in 4 chữ: "Gia Long niên tạo", một mặt in 6 chữ: "Trung bình ngân phiếu ngũ tiền", mỗi đĩnh giá 4 quan tiền).

Định lệ các cửa Hoàng thành tối đóng sớm mở, đều phát hai tiếng súng.

Tháng 8, ban Quốc triều luật lệ cho các trấn. Luật ấy tham chước phép cũ bốn triều, luật lệ đời Hồng Đức nhà Lê và điều lệ nước Tàu, cả thay 22 quyển, từ nay xử kiện và làm án đều theo luật ấy.

Tháng 9, Chưởng hữu quân quận công Phạm Văn Nhơn mất. Ngài khiến Nguyễn Văn Thành trị việc tang; y theo lệ năm thứ 23 đời nhà Hồng Võ nhà Minh, đình triều 4 ngày (trước 3 ngày và 1 ngày chôn), cho 4.000 quan tiền, tặng Thái bảo, thụ Trung hiến. Công thần mất mà bãi triều từ đây là lần đầu (Văn Nhơn người huyện Tống Sơn, năm Minh Mạng thứ 5 cho tòng tự Thái miếu, phong Tiên Hưng quận công).

Tháng 10, Ngài dụ các quan rằng: "Việc hình ngục quan hệ tính mạng dân; nên Kinh Thư có nói: thăm năm lần để xét tình lý; Nguyệt Lệnh có nói: phúc ba lần để cho công bằng. Từ nay có trọng án, bộ Hình trước hết xét đoán, đình thần sẽ hội đồng duyệt nghị, văn từ Tham tri lên đến Thượng thư, võ từ Phó thống chế lên đến Chưởng quân, cứ thứ tự mà bàn trước, dẫu bàn giống nhau hay là khác nhau thể nào đều phải tâu lên, chờ ta đoán định. Việc gì ta giao đình nghị và dân tâu đơn giao xuống, cũng đều theo như cách ấy". Lại dụ bộ Hình rằng: "Trong khi xử án, ta và nhơn có giận việc gì xử đoán nặng, các người phải cứ phép nói thẳng, nếu không nói thời các người cũng có lỗi".

Tháng 11, cho Thái bảo quận công Nguyễn Văn Trương liệt tự trong miếu Trung hưng công thần.

Ngài bảo Tham tri Nguyễn Hữu Thận rằng: "khảo xét công trạng các huyện lệnh rất khó, thôi khoa thiếu thuế, tội nên phân xử thế nào?". Thận tâu rằng: "ngạch thuế trong hạt, xin chia làm 10 thành, thiếu một thành trở lên, theo phép trị tội; như thiếu không đầy một thành thời xin tha". Ngài cho là phải.

¹ Tích phi là làm giặc nhiều lần.

² Tòng vong là theo vua qua nước khác.

Tháng 12, sửa cống nước huyện Nam Xương. Huyện ấy có 7 tổng, bốn mặt đều giáp sông; quan Tổng trấn tâu rằng: "Trong 7 tổng ấy ruộng mùa thu một nửa, ruộng mùa hạ một nửa, đàng đê giữ được nước ngoài, mùa hạ tiện mà mùa thu không tiện; chi bằng làm cống thời chứa nước tháo nước đều tiện lợi cả hai mùa; vậy xin cho phép sửa cống nước". Ngài y cho; và truyền phát 6.000 quan tiền kho làm việc ấy.

Năm Bính Tý thứ XV (1816), tháng giêng, Bắc thành không mưa đã lâu, Ngài lo lắng, truyền chỉ bao nhiêu thuế thời tha cho, và hoãn việc bắt lính, việc tạp tụng.

Đắp đôn Châu Đốc. Ngài nghĩ rằng: Châu Đốc là trọng trấn cõi Nam, phải đắp mà phòng giữ. Dụ Phiên Vương Nặc Chân rằng: "Nước mây giữ gìn phiên phong, một lòng kính thuận, triều đình đã hết lòng chiếu cố; bây giờ có việc xây thành, không phải làm phiên dân đâu, ấy là có muốn giữ trấn Hà Tiên để làm nơi tiếp ứng cho thành Nam Vang của mây đó". Lại truyền chỉ quan Tổng trấn phải sai người biên công trình cho rõ, 10 ngày tâu một lần. Dụ rằng: "Bất đắc dĩ phải đắp lũy xây thành, mà một lần công tác động đến binh dân; chúng người nên hết lòng sửa sang, chớ nên quá hạn đến nỗi làm hại việc nông".

Tháng 12, từ Quảng Trị đến Bình Hòa giá gạo cao lắm. Ngài truyền các địa phương cho dân mượn lúa, nhưng phải xét mỗi tên chủ ngạch thuế phải nộp lúa bao nhiêu, thời cho mượn một nửa. Tỉnh Quảng Trị tâu: "Triều đình cứu dân trong lúc đói khát, thế là rất may. Nhưng cho mượn mà còn tính số thuế ruộng làm hạn, thời người có ruộng được mượn mà người không ruộng chưa được nhờ ơn triều đình". Ngài ban rằng: "Dân có người giàu, người nghèo không đều nhau, có lẽ nào làm đều cho được; nhưng cho mượn nhiều thời giá gạo rẻ, người không ruộng cũng được nhờ".

Tháng 3, thiết triều trong điện Cần Chánh, cho các quan ngồi, đòi Thượng thư bộ Lại Trịnh Hoài Đức đến trước giương ngự viết chữ "lập ông Hoàng tử thứ tư làm Hoàng thái tử", truyền cho các quan biết. Ngài dụ rằng: "Cha truyền con nối, là đạo xưa nay; từ đời nhà Hán, đời Đường trở xuống, không mấy đời mà không theo như vậy. Hoặc có người nói "đích tôn thừa trọng", ta thiết không hiểu là nghĩa gì; chỉ có vua Thái tổ đời Minh nghe lầm lời nói Lưu Tam Ngô, bỏ con là Yên Vương mà lập đích tôn là Doãn Mẫn đến nỗi gây việc họa loạn. Và lại biết con có ai bằng cha, nếu Minh thái tổ quả cho Yên Vương là người hiền, thời đương lúc triều hội đại định, phát lời minh dụ, cho làm Thái tử, tự mình nói ra, ai lại không làm theo; làm như vậy, thời loạn từ đâu mà sanh được". Các quan ai cũng vui lòng kính phục.

Ban chiếu hoặc tha hoặc giảm thuế thân và thuế ruộng các trấn từ Quảng Bình trở vào phía Nam. Chiếu rằng: "Mấy năm nay dân làm việc khó nhọc, lại gặp mất mùa, ta rất thương lắm, nên khoan miễn cho dân. Kể từ năm Gia Long Nhâm Tuất trở lên, từ Quảng Bình đến Gia Định, còn thiếu tiền, thiếu lúa, thiếu thuế sản bao nhiêu; và năm Quý Dậu, năm Giáp Tuất còn thiếu thuế chánh cung bao nhiêu, đều tha cả; Quảng Đức (Thừa Thiên), Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Bình Hòa thời thuế thân và thuế điền năm nay trong 10 phần giảm 5 phần; Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận trong 10 phần giảm 2 phần, thuế thân thời 10 phần giảm 4 phần".

Bọn Bùi Đức Mân, Nguyễn Kim Đồi ở Xiêm về. Vì có Nặc Nguyên ở thành Phủ Lật, ngày trước Xiêm giặc Nặc Chân lắm; vua thứ hai nói với Phật vương rằng: "Nặc Chân ý có Nam triều mà khi dễ mình, nếu mình đánh Nặc Chân thời Nam triều phải cứu, nhưn đó đánh cả hai bên, có lẽ thư được lòng mình tức giận". Phật vương không chịu, nói rằng: "Tự mình gây ra hiểm thù, thế là không phải hạnh phúc; nếu người muốn làm việc ấy, ta xin nhường nước cho người". Vua thứ hai liền thôi. Cách vài tháng, người Xiêm kinh sợ tưởng rằng quân ta sẽ tới đánh; Phật vương sợ lắm, khiến làm thuyền chiến và sửa đôn ải để phòng giữ, lại nghi mấy người An Nam sang buôn bán bên Xiêm có ý thăm dò tình hình đều bắt giam hết. Khi Đức Mân đến, Phật vương hỏi rằng: "Việc binh ở thành Phủ Lật, Nguyễn Văn Thụy có biết không?. Mân nói rằng: "Không" - Phật vương lặng thinh. Phật vương lại hỏi: Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt ở đâu? (Thành, Duyệt là tướng giỏi, Duyệt làm Tổng trấn Gia Định, ai cũng nghe tiếng, người Xiêm sợ lắm, hễ Sứ qua ta, thời nó cứ hỏi thăm ông Duyệt). Đức Mân nói công việc Thành, Duyệt với Phật vương; Phật vương tiếp đãi hậu lắm; lại tha mấy người bị giam. Đến đây Đức Mân về tàu, Ngài không muốn sanh sự, khiến Nặc Chân thông sứ với Xiêm. Dụ rằng: "Nước mây thần phục nước Xiêm đã lâu, bây giờ tuy chưa giao hiếu, cũng nên sai Sứ sang như lúc trước, không nên trước hậu mà sau bạc". Khi ấy Chân Lạp mới giao thông với Xiêm.

Tháng 4, thâu ấn Chương trung quân của Nguyễn Văn Thành, giam con Thành là Nguyễn Văn Thuyên vào ngục. Nguyên có người tình Thanh là Nguyễn Trương Hiệu làm gia khách Nguyễn Văn Thuyên, Thuyên có làm một bài thơ giao cho Hiệu đem ra Thanh mời bọn Nguyễn Đức Khuê, thờ rằng: Văn đạo Ái Châu đa toán kiệt, hư hoài trắc tịch dục cầu ty; Vô tâm cửa bảo Kinh sơn phác, thiện tướng phương tri Ký bắc kỳ; U cốc hữu hương thiên lý viễn, Cao cương minh phụng cửu cao tri; Thử hồi nhược đặc sơn trung tế, tá ngả kinh luân chuyển hóa kỳ. Nghĩa là: "Đồn rằng Châu Ái lắm anh tài, trống chiếu, lòng riêng những đợi hoài; Ngọc phát non Kinh nào giấu mãi, Ngựa kỳ nội ký mấy người hay; Lan sang hang thắm hương ngàn dặm, Phụng đậu gò cao tiếng khắp nơi; trong núi có ai là Tế tướng, ra tay giúp đỡ chuyển cơ trời". Hiệu đem thơ nói với Lê Văn Duyệt, Duyệt cho lời thơ có ý bội nghịch, cùng với Phạm Đăng Hưng tâu lên Ngài biết. Ngài khiến bắt Thuyên bỏ ngục; các quan xin làm tội Thành, Ngài truyền: "Thành vốn có tội, nhưng phải tồn thể diện cho Đại thần mới phải", khiến thâu ấn, cho về nhà.

Tháng 5, đúc ấn bạc cho Hoàng thái tử, khắc 4 chữ: "Đông triều thị tín".

Định thứ tự bài ban khi làm lễ triều hạ.

Ngài bàn việc chánh trị với các quan, như nói đến chuyện dân gian hay sùng phụng dân từ. Thống chế Hoàng Công Lý tâu rằng: "dân trong Kinh thành cũng hay tin chuộng đạo ngoài, thường thói còi và đánh thanh la; xin thần định luật điều nghiêm cấm". Ngài cho là phải.

Mọi Đá Vách ở Quảng Nghĩa lại nhiều hại ngoài biên, Trấn thủ Phan Tấn Hoàng đánh bị thua. Ngài nghe tin, khiến Lê Văn Duyệt đem quân tới đánh; Phó đô thống Nguyễn Văn Trí, Vệ úy Phan Văn Tuyên, Nguyễn Văn Trượng đều theo đạo quân ông Duyệt. Duyệt đến thời các mọi hay chạy trốn cả. Ngài truyền chỉ lưu bọn Văn Trí, Văn Trượng ở lại phòng giữ, đòi Duyệt về.

Tha thuế mùa đông từ Nghệ An ra Bắc. Khi ấy mùa xuân ít mưa, lúa mất; truyền chỉ cho thuế mùa đông thời trấn Nghệ, trấn Thanh 10 phần giảm 5, Thanh Bình 10 phần giảm 4, Bắc thành 10 phần giảm 3.

Tháng 7, ban áo mũ thường triều cho các quan nước Chân Lạp. Khi trước quan nước Lạp thấy triều phục cho vua nó, nó đều lấy làm tốt lắm, muốn theo y phục nước ta; đình thần bàn: "Phẩm phục quan nước Lạp từ thập phẩm đến thất phẩm theo như phẩm phục quan tam phẩm nước ta trở xuống; còn từ lục phẩm trở xuống thời không được ban phẩm phục" (Cao Man lấy thập phẩm làm bậc nhất, cửa phẩm làm bậc nhì, v.v...). Ngài khiến chế 23 bộ áo mũ thập phẩm và cửa phẩm, ban cho 23 người; lại cho 4 bộ áo mũ bát phẩm, thất phẩm để làm thức. Vua Chân Lạp lạy tạ ở nhà Nhu Viễn. Từ đó y phục, khí tụng Cao Man theo cách nước ta phần nhiều, đồ mọi biến đổi lần lần.

Cho các quan phủ, huyện, ở Kinh bổ ra, được bắt trạm và lãnh tiền lộ phí: Tri phủ 15 quan, Tri huyện 10 quan.

Phạm Đăng Hưng xin đặt xã thương¹ để chẩn cấp trong khi mất mùa. Ngài truyền rằng: "Ta đã nghĩ rồi, cách làm xã thương thiệt khó lắm; nếu chủ thủ không đáng người, e lại làm hại dân, chi bằng đánh thuế chánh cung cho phải, trữ tiền lúa cho nhiều, gặp năm mất mùa thời phát chẩn, hay là cho mượn, thế cũng là một chức hay". Ngài lại thường truyền Đăng Hưng rằng: "ngày xưa chia ruộng, lập sản nghiệp cho dân, làm như thế cũng phải; nhưng mấy đứa du thủ du thực, tuy có ruộng cũng không chăm làm, rồi cũng bán cho người khác; bây giờ muốn ức chế nhà giàu, lấy ruộng mà quân phân cho dân, chẳng qua là làm nhiều dân mà thôi; ta đã nghĩ kỹ, việc ấy thế không làm được.

Tháng 9, cấm các thuyền buôn không được chở lúa, gạo bán cho các nước ngoài, ai phạm cấm lệ thời chiếu theo luật "lén đi sang nước khác" và luật "trái phép mà xuống tàu" để trị tội, của trong thuyền thời nạp vào kho, quan sở tại biết mà tha đi thời tội cũng đồng như thế.

Quan Bảo hộ Chân Lạp là Nguyễn Văn Thụy xin từ chức. Ngài cho Chương cơ Lưu Phúc Tường sang thế. Ngài nghĩ rằng việc bảo hộ là một chức trọng ở ngoài bờ cõi, cho Tường làm thống chế và cấp ấn "bảo hộ" bằng đồng cho trọng quyền.

¹ Mỗi xã làm một cái nhà trữ lúa gọi là xã thương.

Phát tiền Gia Long thông bửu.

Tháng 10, Chân Lạp dâng biểu xin cứ mỗi năm sai Sứ sang châu. Ngài truyền các quan rằng: "Ta coi thiên hạ như một nhà, đâu cũng thương cả, trong ngoài như một; nay Chân Lạp có lòng hướng mộ, nên y theo lời nó xin; nhưng hành lý qua lại đón rước rất phiền, ta không muốn làm nhọc dân. Gia Định mỗi năm lệ có thuyền tải về Kinh, như đó mà hộ tống Sứ Chân Lạp cho luôn; vậy thời trong không làm nhọc dân mình, ngoài khỏi mất lòng người nước xa. Nay nên truyền cho Lai sứ biết rằng: mỗi năm phải theo thuyền tải Gia Định mà về Kinh". Chân Lạp mỗi năm sai Sứ sang châu một lần, từ đó là đầu (phẩm vật sang dâng là: 2 cái sừng tê, 1 cặp ngà voi, 10 bình sơn đen, đầu khấu, sa nhơn, sáp vàng, cánh kiến, và trần hoàng mỗi thứ 50 cân).

Ngài nghe quân dân trong Gia Định thường hay chiếm đất ruộng của người Cao Man và người Cao Man cũng vào trong các nhà làm đẫy tớ. Ban chiếu cho quan Tổng trấn Gia Định rằng: "Cao Man đời nào cũng thần phục nước ta, một tấc đất, một tên dân đều nhờ ơn Triều đình; nay dân mình chiếm lấy ruộng Cao Man bao nhiêu, các nhà làm việc chứa người Cao Man bao nhiêu, đều phải trả lại cho nước nó cả".

Gạo ở Quảng Đức, Quảng Nam mất quá, Ngài truyền phát 40.000 hộ lúa kho bớt giá bán cho dân, giá bạc ngoài dân hạ hơn giá bạc nhà nước, nếu dân đem bạc mua lúa kho cũng cho tính theo bạc quan giá. Ngài truyền quan lưu thủ Quảng Đức là Nguyễn Huy rằng: "Dân gian kém ăn, ta rất thương lắm, thà là bớt của nhà nước để thêm cho dân; mà nên thể lòng ta, cho dân được nhờ, đừng cho mấy tên hào cường như việc ấy mà chuyên làm lợi riêng chúng nó".

Ngài truyền các quan rằng: "Lúc nhà nước mới khai sáng, các việc mới sắp đặt, cho nên pháp luật chưa được kỹ càng. Lệ định: ai phải tội giết người thời tịch ký gia sản và nạp 30 quan tiền mai táng, cấp cho người bà con, chẳng qua quyền tạm một buổi để các nhà tra án làm việc cho dễ mà thôi. Nay luật lệ đã định: hễ giết người thời phải tội, không có lệ nạp tiền mai táng và tịch ký gia tài; nhưng lỡ lầm mà đến nỗi giết người, thời cho nạp bạc chuộc tội; như vậy tuy là nhẹ nặng khác nhau, nhưng cũng có điều lý. Mấy lâu nay quan hữu ty chỉ theo luật lệ cũ, trái luật lệ mới, từ rày các nhà tra án phải theo luật mới mà làm".

Đặng Trần Thường có tội bị giết. Thường được tha ở Kinh, nguyên vì khi trước Thường làm quan ở Bắc thành có giấu thuế đầm ao và thuế đình điền, Lê Chất phát giác việc ấy, lại bị bắt giam trong ngục; Thường uống rượu nói càn, có ý hờn giận. Đình thần xét án, ai cũng nói rằng: tội Thường nên giết. Liên xử tội giảo¹, tịch biên gia tài.

Tháng 11, có người phát giác rằng: Diên tự công Lê Duy Hoán mưu làm phản, bắt giam trong ngục.

Cho Trịnh Hoài Đức làm hiệp trấn Gia Định, sai Lê Đăng Dinh sang thành Nam Vang theo quan Bảo hộ Lưu Phúc Tường coi việc giấy mực.

Định lại điều lệ thanh tra. Lúc trước quan Khâm sai thanh tra thường hay sách nhiễu về việc cung đốn, Ngài biết rõ các tệ ấy; từ khi Lê Viết Nghĩa bị tội, Ngài truyền bộ Hộ phải tùy theo đàng sá xa hay gần, công việc nhiều hay là ít, định làm trình hạn, gia cấp nguyệt bổng.

Nghe An đói, giảm thuế năm ấy, lại phát 30.000 hộ lúa kho, giảm giá cho dân mua.

Tháng 12, Trấn thủ Hải Dương Trần Công Hiến mất. Công Hiến ở trấn thường cùng với Đốc học Nguyễn Thế Trung và học trò trong hạt thâu góp các sách sử và thi văn các nhà văn học xưa, khắc thành bản in, gọi là "Hải học đàng".

Ngài xem địa đồ xứ Châu Đốc, truyền các quan thị rằng: "Xứ này nếu mở đàng lũy thông với Hà Tiên, thời nông thương đều lợi cả; ngày sau dân ở càng đông, đất mở càng rộng, sẽ thành một trấn to". Ngài lại nghĩ rằng dân Cao Man mới theo, nếu bây giờ bắt làm việc quan khó nhọc, e chúng nó kinh sợ không yên. Rồi như vì có Nguyễn Văn Nhơn tâu can, Ngài liền bãi đào sông trong xứ Châu Đốc.

¹ Giảo là thắt cổ.

Năm Đinh Vị thứ XVI (1817), tháng giêng, vua Chân Lạp là Nặc Chân xin đi tuần trong nước, để thám xét dân tình, Bảo hộ Lưu Phúc Trương tâu lên, Ngài dụ rằng: "Đi tuần trong nước mà xem xét phong tục; cũng là việc cần, y theo lời vua Chân Lạp xin, nhưng khi đi phải có quân hộ vệ cho đông, phòng có việc gì bất trắc".

Cấm dân ta không được lãnh mua các chỗ thủy lợi¹ của Chân Lạp.

Ngài nghĩ rằng: xứ Châu Đốc đất tốt, mà người ít, có nghe quan An phủ Chân Lạp là Diệp Hội (người Tàu làm quan bên Chân Lạp) là người mẫn cán, xử việc gì dân cũng bằng lòng; liền cho Diệp Hội làm Cai phủ Châu Đốc, khiến chiêu tập người ta, người Thổ, người Tàu vào đó cho đông, để có biết nghề trồng cây, nuôi các thứ súc vật, buôn bán hay làm nghề gốm, cho tùy nghề nghiệp mà làm; người nào thiếu vốn thời Nhà nước cho vay. Lại truyền dụ quan Tổng trấn Gia Định rằng: "dân mới phủ tập, nên dạy làm các việc lợi ích, khiến dân đều an cư lập nghiệp; chờ các việc thành rồi sẽ tâu lên".

Quảng Nam có hoàng trùng; Quảng Trị, Quảng Bình và Nghệ An thời giá gạo mắc quá. Truyền chỉ khiến quan trấn phát lúa kho, thân hành phát chẩn cho dân.

Cho Quảng Bình Ký lục Hồ Công Thuận làm Căn Chánh điện học sĩ sung Chánh sứ, Lạng Sơn Tham hiệp Nguyễn Huy Trinh làm Giáp phó sứ, Hàn Lâm viện Phạm Huy Trực làm Ất phó sứ sai qua đi sứ nước Tàu.

Tháng 3, truyền các địa phương đày các tên tù phạm tội bị lưu vào trong Bình Hòa, Tham Độc². Ngài bảo bộ Hình rằng: "Đất xứ ấy tốt lắm, lúc xưa vẫn có dân ở, cày ruộng làm ăn; sau khi binh hỏa rồi, dân vật điêu hao, chỗ ấy thành ra đất hoang; bây giờ đem người vô ở đó, cũng là một cách nuôi dân". Lại truyền chỉ quan trấn rằng: "Để tù phạm đã thắp vào đó, thời phải mở gông, mở xiềng cho chúng nó, cấp trâu bò và đồ làm ruộng, để chúng nó khai khẩn ruộng đất làm lấy mà ăn; nếu có tên nào bỏ trốn, thời tha tội cho người coi tù".

Người xã Thôi Ngôi thuộc trấn Sơn Nam hạ giác ruộng tâu xin trưng. Xét ra thời ruộng ấy đã có người cày rồi mà xã trưởng thu thuế không nạp. Ngài bảo bộ Hộ rằng: "ruộng ấy không nên xử theo lệ; "ai trưng trước thời được lãnh ruộng"". Liền truyền sắc giao ruộng lại cho chủ, nhưng phải truy thu thuế 3 năm trước; xã trưởng bị trưng 100, lại cứ mỗi mẫu bắt chủ ruộng và xã trưởng phải nạp 3 quan tiền để thưởng cho người cáo giác. Nhưng truyền cho các trấn, dinh biết rằng: từ rày mà có án lậu điền, đều chiếu theo lệ ấy mà làm.

Tháng 4, Ngài bảo các quan rằng: "Đất trong Gia Định rất tốt, Liệt thánh mở mang bờ cõi, chưa được một trăm năm, mà lính mạnh của giàu; ta đem lính đánh Tây Sơn, một trăm người địch được một vạn người; vài trăm năm nữa càng giàu mạnh thêm, cũng chưa biết chừng". Lại bảo rằng: "Địa thế Châu Đốc, Hà Tiên cũng không kém Bắc thành".

Khiến lục dụng con cháu các công thần mà ngày trước theo Ngài qua Vọng Các. Nguyễn Văn Trương, Hà Hỷ Văn đều có công lớn, cũng cho dự vào hàng Vọng Các công thần.

Các địa phương ít mưa mất mùa; truyền chỉ giảm bớt thuế mùa hạ năm ấy.

Tháng 5, Nguyễn Văn Thành tử tử. Lúc ấy giam Thành và mấy người con ở trong trại quân Thị trung; đình thần tra án rồi, Thành ra nói với Thị trung Thống chế là Hoàng Công Lý rằng: "Án xong rồi, vua khiến tôi phải chết, nếu không chết thời không phải là tôi trung". Liền uống thuốc chết ở trại quân. Có người đem bài biểu trần tình lên Ngài xem; Ngài khóc rất thương, khiến một chánh đội Trung quân và 30 tên lính coi việc tang, ban 500 quan tiền, cho lại áo mả³; lại ban thêm 3 cây găm, 10 cây vải, 40 cây lụa; mấy người con bị giam đều được tha cả.

Lê Duy Hoán, Nguyễn Văn Thuyên có tội phải giết.

¹ Thủy lợi là các chỗ đánh cá kiếm lợi.

² Tam Độc là Ba Ngòi, thuộc về tỉnh Khánh Hòa.

³ Khi trước ông Thành can án, Triều đình thân áo mả, nên bây giờ cho lại.

Nước sông Ngưu Chử (ở Gia Định) đương đục trở nên trong. Khi trước khôi phục Gia Định rồi, nước sông ấy đã trong một lần, đến bây giờ mới lập Thái tử, nước sông lại trong, người ta cho là điềm thánh.

Tháng 6, vua Chân Lạp là Nặc Chân viết thư cho quan Tổng trấn Gia Định, xin qua Gia Định hỏi việc chánh. Quan Tổng trấn phúc thư rằng: "Chánh sự Phiên quốc, nên thương bàn với quan Bảo hộ, hưởng chi biển trong nước mới yên, lòng dân mới phục, chưa nên đi xa". Quan Tổng trấn đem việc ấy tâu lên, Ngài ban chiếu rằng: "Phiên vương muốn qua Gia Định hỏi việc chánh, mầy lại lấy điều thần dân hệ thuộc mà cản trở không cho đi, lý thời phải đó. Nhưng Phiên vương xưa nay làm việc cô tức, nên nhờn lúc nó qua mà chần tác dạy biểu cho nó, khiến nó biết siêng lo việc chánh, thời phải hơn. Nay mầy phải phúc thư cho nó qua Gia Định. Nếu Phiên vương đến thành Gia Định, mầy nên đem mấy điều ích lợi về việc đào sông Châu Đốc, hiểu dụ cho nó, khiến nó phải trừ nghĩ trước; hễ tiếp được chiếu văn, thời bắt quân dân đào ngay cho mau thành".

Khiển Hữu Tham tri bộ Công Nguyễn Đức Huyền, Tả Tham tri Đoàn Viết Nguyên làm sách Duyên Hải lục, Nam đến Hà Tiên, Bắc đến Yên Quảng, các cửa biển sâu hay là cạn, đàng sá xa hay là gần, đều chép vào sách (bộ sách ấy có 2 quyển; chép cả thảy 4 dinh, 15 trấn, 143 cửa biển, dài 5.902 dặm, mỗi dặm 540 trường).

Thuyền sứ Xiêm sang Tàu, thuyền tấp vào cửa Đà Nẵng (Tourane), rồi lại bị lửa cháy hết. Ngài nghe việc ấy, truyền rằng; "thuyền sứ bị cháy, cũng như thuyền buôn bị nạn". Khiển quan dinh Quảng Nam cấp 200 phương gạo.

Chân Lạp sai Sứ sang châu. Ngài truyền dụ rằng: "Ta sẽ đào sông Châu Đốc thông với Hà Tiên, tuy là lợi cho nước mầy, nhưng cũng lợi chung cho mấy người đi cày và mấy người đi buôn nữa. Về nói vua mầy phải hiểu ý ấy mới được".

Định phẩm cấp tập ấm cho con cháu mấy ông Vọng Các công thần có bảy bậc.

Bộ Hộ tâu rằng: năm Gia Long thứ chính định lệ rằng; ; hễ có phát giác việc lậu đất ruộng, tuy rằng lậu đã lâu năm mà truy thu thuế cũng lấy 3 năm làm hạn. Trong luật "trốn thuế lậu ruộng" lại nói rằng: cứ tính năm mà truy nạp. So luật với lệ thời không giống nhau". Ngài nói: "luật như vậy thời nặng quá, nên theo lệ mà làm".

Tháng 8, Chân Lạp đói, xin sang Gia Định đong lúa. Ngài cho đến các xứ Long Hồ, Sa Địch đong 10.000 hộ lúa.

Cho Tả quân phó tướng, Nguyễn Văn Xuân quyền lãnh việc Bảo hộ Chân Lạp, vì Lưu Phúc tường sách nhiễu, bắt về Gia Định trị tội.

Đặt thêm điều lệ lậu đình và khai gian dân đình đào tử, xã trưởng ẩn lậu khai gian và xã dân hoặc biết rõ đều lỗi xã trưởng, hoặc đồng mưu với xã trưởng, đều hạn trong một tháng phải thú giác, trái phép thời theo luật trị tội.

Tháng 9, cho Lễ bộ Thiêm sự Ngô Văn Duyệt làm Chánh sứ, Hàn lâm Trương Quagn Khải làm Phó sứ qua sứ nước Xiêm. Vì Xiêm có tang vua thứ hai, sai Long An Nổ, Lạc Phu Thích tới báo tang, nên ta sai sứ qua điếu và tặng hào (tặng cho Phật vương 300 cây lụa trắng, thao trắng và 300 cây vải trắng; điếu vua thứ hai 300 cân sếp vàng, 100 cây vải trắng, 300 cân đường phổi và đường phèn, 2.000 cân đường cát). Đến khi Sứ ta về, Xiêm đưa thư, trần tạ và đem các đồ phẩm vật.

Tháng 10, Ngài nghỉ huyện Quỳnh Lưu, huyện Đông Thành thuộc về Nghệ An rừng rậm liên tiếp nhau, giặc thường ra vào chỗ ấy, truyền quan trấn lập đồn Hoàng Mai, đồn Khe Nước Lạnh để mà phòng giữ.

Tháng 11, đào sông Tam Khê. Sông ấy cách trấn Vĩnh Thanh đến 214 dặm (từ phía Tây 4 dặm rưỡi chảy qua sông Tam Kỳ, rồi hiệp với sông Cần Đăng; phía Tây Nam 59 dặm chảy qua sông Lạc Dục; từ phía ấy qua phía Nam 57 dặm rưỡi đến khe Song). Ngài nghỉ chỗ ấy gần Chân Lạp, địa thế rậm rạp lắm, đàng thủy đi qua Kiên Giang thời bùn và cỏ, thuyền không đi được, Ngài khiến trấn thủ Nguyễn Văn Thụy sửa sang đàng sông, bắt dân mình và dân Cao Man 1.500 người phát tiền gạo cho, khiến nhờn

đàng cũ mà đào cho rộng, hơn một thảng mới xong (rộng 10 trượng, sâu 18 trượng), lợi ích cho dân lắm. Ngài khen công ông Thụy, đặt tên sông là Thụy Hà; phía đông có núi Lạp cũng gọi là Thụy Sơn; cấm dăng không được chặt cây.

Từ Nghệ An ra Bắc; lúa mùa thu mất hết nhiều. Truyền chỉ tha thuế mùa đông năm ấy. Nghệ An 10 phần tha 1 phần, Thanh Hóa, Thanh Bình 10 phần tha 3 phần, Bắc thành 10 phần tha 5 phần.

Hạn cho mồ mả ngoài dân gian, tả, hữu hai bên cách nhau 7 thước 5 tấc, phía trước 9 thước, phía sau cũng 9 thước.

Tàu Đại Pháp vào cửa Đà Nẵng đem thư nói với Nguyễn Văn Thắng rằng: "Quốc vương đã về nước rồi, truyền kéo cờ đi khắp các cửa biển, để cho các nước biết; xin đem phẩm vật vào Kinh chiêm yết". Ngài nghĩ rằng không có quốc thư, bèn không cho thâm nhận; nhưng khiến quan dinh Quảng Nam tiếp đãi rất hậu, rồi đưa tàu ấy ra. Ngài lại sắc quan Tấn thủ Đà Nẵng rằng: "Nếu tàu Đại Pháp có kéo cờ và phát 12 tiếng súng mừng, thời trên đài Điện Hải cũng phát 21 tiếng súng. Từ nay về sau như tàu nước khác vào cửa biển ta, dẫu nó phát súng nhiều nữa, mình chỉ phát 3 tiếng làm hiệu mà thôi".

Tháng 12, khiến quan Bắc thành lựa một người con cháu nhà Lê để coi việc tế tự.

Truyền các địa phương từ Quảng Bình trở vô Nam Kỳ phải tiêu dùng tiền kẽm.

Năm Mậu Dần thứ XVII (1818), tháng giêng, hoãn thuế thiếu cho lưu dân Bắc thành mới phục hồi.

Định lệ tuyển bổ ti thuộc: ai giỏi thời cử, ai dở thời bỏ, không kể tư cách.

Tháng 2, truyền chỉ trong trấn Gia Định bao nhiêu dân cày ruộng cao, ruộng thấp và cày đồn điền cho phụ nạp vỏ gai và được tha thuế thân.

Tháng 3, giặc Thổ ở trấn Nghệ nổi lên, Tôn Thất Bình đem quân đóng đồn Tiên Lý, giặc ra thú và bị bắt cả thảy hơn 170 người. Ngài truyền chỉ cho quan trấn rằng: "trong những tên ra thú, tên nào phục tội thiệt tình thời tha; còn tên nào có tình lý khác, theo luật trị tội, tâu lên chờ ta xử đoán".

Tháng 5, Nghệ An bị lụt. Quan trấn xét rằng: Những nơi trong 10 phần tổn 2 phần, 3 phần, lệ không tha thuế. Ngài ban chiếu rằng: "Trấn này trong hai năm nay đã mất mùa lại có tật dịch, vậy ta cho thuế mùa hạ trong 10 phần tha 3 phần".

Tháng 6, sông Kiến Đăng lở (thuộc về tỉnh Định Tường), ruộng lở xuống sông nhiều lắm, dân xiêu tán cũng nhiều, quan trấn và phủ, huyện sai thuộc lại ra khám, rồi tâu việc ấy lên. Ngài quở rằng: "tới khám tai thương, không phải phần việc thuộc lại, quan địa phương vâng mạng vua tuyên đức hóa cho dân, như thế có phải hay không?". Ngài truyền dụ quở trách nhưn sắc các địa phương rằng: "hễ có thủy, hạn, tai thương, thời quan trấn và phủ, huyện cứ thứ tự tới nơi khám xét, không được khinh úy thuộc lại. Truyền chép lời sắc này để làm lệ thường".

Tháng 7, giặc Thổ ở Thanh Hóa cướp ngoài thành phủ Tĩnh Gia, quan phủ là Nguyễn Khoa Thường đóng cửa mà giữ. Quan tâu rằng: Thường có bệnh; Ngài ban rằng: "người Giả Phục nhà Hán buộc chỗ bị thương mà ra trận, người Hàn Hoảng nhà Đàng có bệnh mà ngồi xe đánh giặc, mấy người danh tướng đời xưa không phải là không có bệnh; Thường nếu có bệnh, cứ sao khi trước không xin từ chức quan?". Truyền giải về Kinh, giao bộ Hình nghị tội.

Tháng 8, Chân Lạp sai Sứ sang cống, xin thông thương như ngày trước. Ngài y cho.

Tháng 9, đến kỳ thu thuế. Phan Tấn Quý phạm tội tham tang, phải án giảo hậu¹, đình thần bàn xin hoãn quyết. Ngài truyền rằng: "Tấn Quý làm chức ti mục² mà lấy của dân, tang số nhiều lắm, tội không tha được". Truyền phải thắt cổ và thông báo cho các trấn biết.

¹ Giảo hậu là phải tội thắt cổ, nhưng chưa làm tội liền.

² Ti mục là quan thủ hiến các tỉnh.

Tháng 11, tu bổ đồn Châu Đốc. Vì nước lụt lở đồn, nên phải sửa lại mà phải binh đóng giữ. Ngài nghĩ rằng: phía sau đồn nhiều đất hoang, khiến quan trấn Vĩnh Thanh chiêu tập người Tàu, người Chân Lạp, người Đờ Bà cho ở đó, lập phố, lập chợ, khai khẩn ruộng hoang, cấm dân ta không được nhiều hạn.

Tháng 12, Trần Chấn, Nguyễn Hữu Nhơn từ tỉnh Quảng Đông về. Ngài hỏi tình thế nước Tàu - tâu rằng: "Các tỉnh đều yên, nhưng tháng 4, năm nay ở Yên Kinh gió bão to lắm, đến nổi đá lăn, cát bay, trời đất tối tăm, chỉ có việc ấy lạ mà thôi".

Năm Kỷ Mão thứ XVIII (1819), tháng giêng, đào sông từ thành Phiên An thông đến sông Mã Trường. Khiến Phó tổng trấn Hoàng Công Lý đem 10.000 dân, cấp tiền gạo cho đào sông. Đào xong rồi, Ngài đặt tên sông là An Thông. Đào sông đã thông, thuyền bè qua lại đêm ngày luôn luôn; chỗ ấy thành một chỗ đô hội lợi ích cho dân lắm.

Khiến Hữu quân Lê Văn Duyệt kinh lược trấn Thanh, trấn Nghệ. Ngài nghĩ rằng: hai trấn ấy năm nào cũng mất mùa, lưu dân tụ nhau trộm cướp, quan sở tại không kiềm chế được; nên khiến ông Duyệt ra đó tùy nghi xử đoán cho xong, nhưng việc lớn phải tâu lên Ngài biết. Dụ dân hai trấn ấy rằng: "Người Thanh Hóa thời hiếu nghĩa, thiết là ấp thang mộc của nhà nước; người Nghệ An thời tục phát dân thuần, cũng là quận chân tay của ta đó. Lâu nay thủy hạn và đói khát luôn luôn, tuy rằng triều đình đã điều tế nhiều cách, thường ban ân xá; mà năm nào dân cũng mắc tai nạn, chưa được yên ổn, đến nỗi tiểu nhân nhóm nhau mà ăn cướp, làm rối thôn dân, ta cũng thương lắm. Nên chi sai quan Kinh lược đại thần ra mà kiểm xét quan lại, yên ủy như dân, yên tập mấy tên lưu tán, xử đoán các việc oan uổng; ai mà về theo Triều đình thời tha tội, hoặc xin ra hiệu lực thời được thưởng, ấy là ý ta muốn dạy bảo khuyên ngăn để cho dân đều được sanh dưỡng an toàn mà thôi".

Đào vũng Cù Úc (thuộc tỉnh Định Tường) thông vào sông Mỹ Tho, Ngài mạng danh là sông "Bảo Định".

Tháng 2, Lê Văn Duyệt ra đến Nghệ An, bọn trộm cướp nghe tiếng bỏ chạy. Duyệt dâng sớ tâu: "Nghệ An điều hóa quá, xin tha thuế và bãi việc quan, lại phải lựa quan trấn để an tập dân". Ngài y cho.

Lưu Phúc Tường, Lê Đắc Tân, Trần Bá Bảo có tội bị giết. Dụ quan dân Vĩnh Thanh rằng: "Trấn này tiếp giáp biên phương, làm phiên ly cho nhà nước; đương khi khởi binh đánh giặc, trấn này là một chỗ chiến trường; ta trọng việc yên dân, cho nên không dám khinh suất dùng người dờ; lâu nay mấy người ty mục, ta đều lựa kỹ càng lắm. Ai ngờ bọn Phúc Tường riêng bỏ phép công, không kể luật nước, tội chún nó nặng hơn điều trong luật đã định; không ngờ gian tham đến như thế! Ta nghĩ trấn này gặp mấy người quan lại độc dữ, lấy làm thương lắm! Bây giờ tiền dân có thể trả được, mà điều khổ dân khó cứu cho lại; sức quân có thể thư được, mà lòng giận chúng khôn giải cho nguôi; việc đã đến như thế, chỉ có tỏ phép nước để nghiêm quan trường, giết đứa gian tham để cho yên lòng dân mà thôi. Nay bọn Phúc Tường đã chịu tội chết chém, ta cũng đã sai quan Tổng trấn tịch ký gia tài trả lại cho dân; ta cùng dân chúng này giữ pháp công nhà nước, chưa hề tha đứa gian để làm hại dân bao giờ; vậy nên báo cáo cho dân chúng này đều hiểu ý ta".

Tháng 3, Lê Văn Duyệt đến Thanh Hóa dâng sớ nói việc tật khổ ngoài dân; Ngài khiến tha thuế thiếu trấn Thanh và Ninh Bình.

Tháng 4, xứ Quảng Nam đại hạn. Truyền chỉ tha thuế ruộng năm ấy.

Tháng 4 nhuận, huyện Quỳnh Lưu (thuộc Nghệ An) đất sập (giờ Mão ngày ấy, trời đương trong lặng, tự nhiên ở giữa thanh không có một tiếng như sấm, đất ruộng sập xuống sâu lắm, nước mặn phun lên; chỗ đất sập thời bề ngang 60 thước, sâu 6 thước).

Tháng 5, truyền trấn Nghệ An, Thanh Hóa, Thanh Bình làm sổ đinh. Vì ông Duyệt tâu rằng: sổ đinh trấn Nghệ bớt số nhiều quá (nguyên sổ thường hành là 130.000 đinh số, năm trước dân đi lưu tán các nơi nhiều lắm, hiện nay đinh chỉ còn 100.000; nên Triều đình bàn giảm cho 20.000). Ngài hạ chiếu rằng: "Sửa lại sổ đinh, là ý Triều đình muốn biết số dân nhiều hay ít mà thôi, chớ không phải bắt thêm cho nhiều đinh đâu; nhưng Nghệ An là một trấn lớn, cơ sao điều hóa như thế? Ấy là dân thường có thói trốn tránh mà quan lại thời không chịu hết sức làm việc. Vậy nên hết lòng coi ngó, mới xứng ý ta".

Tháng 6, xây lầu Phú Văn.

Cho Khoách Tất Công, Khoách Tất Tại làm chức Phòng ngự thêm sự. Tất Công, Tất Tại đều là con Khoách Tất Tự, đi quân thứ với Lê Văn Duyệt, ông Duyệt xin cho làm quan (khiến quản xã Sơn Âm, xã Chân Lạp, xã Trường Môn và xã Bằng Lương, phòng giữ đồn Chi Nê).

Tháng 9, tha thuế thân cho cháu ông Xử sĩ Võ Trường Toản là Võ Tài Đồng. Toản văn học uấn tạc; đương lúc loạn Tây Sơn, ở ẩn Gia Định dạy học trò; bọn Ngô Tùng Châu và Trịnh Hoài Đức đều là học trò ông Toản; lúc Ngài ở Gia Định nghe tiếng Toản, Ngài khen lắm; nay Toản đã mất rồi, cho nên tha thuế thân cho Võ Tài Đồng.

Đào sông Châu Đốc thông với Hà Tiên, gọi là sông Vĩnh Tế. Ngài nghĩ trấn Vĩnh Thanh, trấn Hà Tiên gần nước Chân Lạp mà không có đàng thủy, qua lại không tiện. Lúc ấy có quan Chiêu thủy Chân Lạp là Đông Phò sang châu, Ngài đòi vào hỏi việc đào sông, tâu rằng: "nếu đào sông ấy thời ích lợi cho dân Chân Lạp lắm, Phiên vương cũng muốn mà không dám xin". Ngài vui lòng, liền truyền dụ dân Vĩnh Thanh rằng: "Công trình đào sông ấy rất khó, việc Nhà nước và cách phòng giữ bờ cõi quan hệ rất lớn. Chúng mày tuy là khó nhọc một lần, mà ích lợi cho muôn đời ngày sau; dân mày phải báo cáo cho nhau biết, chớ nên sợ nhọc".

Đòi Trần Văn Tuân ở Chân Lạp về Gia Định, nhưng lãnh việc tào Hình. Ngài dụ các quan rằng: "Vì Phiên vương nên phải đặt quan Bảo hộ nước Chân Lạp. Nay Nặc Chân không nghĩ đến điều lo về sau, hay sanh nghi ngại; nếu cưỡng bức quá thời e sanh biến loạn, lưu quan Bảo hộ ở lại thời tổn oai Triều đình; chi bằng bãi chức Bảo hộ để Phiên vương giữ nó thời tiện hơn. Nếu sau nó có xin, sẽ phái quan sang bảo hộ; vậy thời trọng thể thống Triều đình mà tỏ được ân oai". Bèn đòi Tuân về, lưu một đội quân tam ngự đóng lại thành Nam Vang.

Đòi Lê Văn Duyệt về Kinh, Duyệt vào châu. Ngài hỏi thăm một hồi lâu, Duyệt tâu rằng: "Chúng tôi ra đi đó cũng nhờ thiên oai miếu toán, may mà hai trấn đều được ninh thiếp; chỉ có ngoài dân gian khi trước thường lậu đất ruộng, mới rồi đây biên thêm vào sổ đánh theo thuế công, thuế nặng dân lấy làm khổ, xin sửa sổ điền lại, cho bằng lòng dân". Ngài cho.

Tháng 11, cho con cháu các tội Vọng Các công thần được tập ấm.

Tháng 12, trong đạo Phú Yên nghe trên trời có tiếng như sấm. Ngày Ất Hợi, Ngài mệt lắm, đòi Hoàng thái tử và các ông Hoàng tử vào; đại thần là bọn Lê Văn Duyệt, Phạm Đăng Hưng đều thọ di chiếu¹ khiến Lê Văn Duyệt kiêm coi quân 5 dinh Thần sách. Ngày Đinh Vị Ngài băng!

Bài Sử thần kính bàn - Ngài vừa trung hưng vừa sáng nghiệp, công đức cao dày; từ đời Hồng Bàng đến nay, chưa có vị đế vương nào sánh kịp. Lúc mới khai quốc, Ngài truyền xây thành quách, sửa lăng tẩm, lập nền Nam Giao, dựng nhà Tôn miếu, đắp nền Xã Tắc, định phẩm tước và chế bổng lộc, mở khoa thi mà lựa người tài, dấy lê nhạc, lập trường học, sửa pháp độ, ban luật điều, phong con cháu Lê, Trịnh, thương dòng dõi công thần, khước lễ cống hiến bên Thái Tây, nghiêm việc phòng bị nước Xiêm La, bảo hộ Chân Lạp, thương yêu Vạn Tượng; thiệt là oai vang phương xa, nhưn khắp nước nhỏ, quy mô rộng rãi sâu xa biết chừng nào!

¹ Di chiếu là tờ chiếu di chúc của Hoàng Đế trong khi Ngài gần mất.

QUỐC TRIỀU CHÍNH BIÊN TOÁT YẾU

Quyển thứ III

Thánh Tổ Nhơn Hoàng Đế

Niên Hiệu Minh Mạng

Hai tên húy Ngài viết bằng chữ Hán:

- Bên tả chữ, bên hữu chữ.
- Bên tả chữ, bên hữu chữ.

Ngài là con thứ tư đức Thế tổ; đức Thuận Thiên Cao Hoàng hậu họ Trần sinh Ngài trong năm Tân Hợi. Khi trước đức Cao Hoàng hậu chiêm bao thấy thần dân cho một cái ấn ngọc, đỏ như mặt trời, rồi sinh ra Ngài. Năm Gia Long thứ 15, đức Thế tổ lập Ngài làm Hoàng thái tử, ở điện Thanh Hòa; đến khi 30 tuổi nối ngôi, trị vì được 21 năm, hưởng thọ được 51 tuổi; lăng Ngài là Hiếu lăng.

Năm Canh Thìn thứ 1 (1820), tháng giêng, Ngài lên nối ngôi ở điện Thái Hòa, đặt niên hiệu Minh Mạng, ra ơn đại xá, ban ân chiếu cả thảy 16 điều.

Cho nước Chân Lạp tờ sắc thơ và hàng lụa; lại khiến chế đồ y phục trắng đem ban cấp tại nhà Nhu Viễn.

Ngài minh thận việc chánh trị; phàm những chương sớ trong ngoài, Ngài đều xem hết, việc thường thời diện dụ cho các nha, nghị chỉ phê phát; còn việc quan trọng thời phần nhiều tự Ngài nghị soạn lời chỉ, hoặc giao bản thảo, hoặc châu phê. Những tờ chỉ dụ Triều đình mới chó châu bản¹ từ đây là đầu.

Truyền bộ Hộ làm sách tổng cộng tiền lương, xét sổ tiêu lúa thâu và lúa phát, còn lại được bao nhiêu, làm ra hai bản sổ: một bản dâng lên sở Kinh diên, một bản dâng để Ngài xem rồi ban ra.

Quan Thống quản đồn Oai Viễn Nguyễn Văn Tôn mất, Ngài truyền dụ bộ Lễ rằng: "Nguyễn Văn Tôn tuy là người nước khác, nhưng hết sức làm tôi, thờ đức Tiên đế đã lâu, một lòng trung nghĩa, thiết nên thương tiếc!". Truyền quan tuyên lời dụ, Ngài cho ân tế một lần; và cho hai cây gấm Tàu, 20 cây vải, 200 quan tiền (sau đến năm Minh Mạng thứ 9, Tôn lại được tặng hàm Thống chế. Đức Thánh tổ bảo bộ Lễ rằng: "người Tôn tánh vốn trung đồng, như người Kim Mật Đê nhà Hán bên Tàu, khi trận đánh ở tỉnh Bình Định bị Tây Sơn bắt, thế mà đem quân về hết, thiết là mạnh và khôn").

Khiến Bùi Đức Mân qua nước Xiêm báo việc Quốc tang; vua Xiêm hỏi rằng: "Tục nước tôi điếu tang, lấy bố thí làm hậu; nay muốn sai Sứ đem vàng làm phước, có nên không? - Đức Mân tâu rằng: cũng chẳng hại gì". Khi trở về, Ngài ban quở, giao cho bộ Hình định tội. Trịnh Hoài Đức và Phạm Đăng Hưng tâu xin, Mân mới được tha.

Tháng 2, tha thuế điền, thổ cho lưu dân làng Nga My về huyện Nông Cống tỉnh Thanh Hóa. Từ đó về sau, ruộng đất của lưu dân bỏ hoang, mà quan sở tại làm sổ dâng lên, đều tha thuế cả. Dân làng

¹ Châu bản: là bản chữ son, bởi vì Hoàng Đế viết bằng son.

An Vân và làng Đốc Sơ về huyện Hương Trà dinh Quảng Đức (Huế) xin tha việc quan 2 tháng, để đào mương lấy nước tưới ruộng. Ngài khiến quan sở tại khám thiết sẽ cho.

Khiến các cửa biển dự chứa tiền gạo để cấp cho kẻ bị nạn gió bão, nhưng phải xét kẻ bị nạn đó đi việc công hay việc tư, mà tùy cấp nhiều hay ít; nếu đi việc công, thời từ Đội trưởng trở lên gia cấp tiền gạo xấp hai.

Khiến quan Thiêm sự Hoàng Quốc Bảo, quan Thị hàn Hoàng Sư Đỉnh và quan Nội hàn Lê Bá Tú đến Quảng Trị phát lúa kho ra bán. Nguyên trước dân Quảng Trị điêu hạo lắm, bọn Quốc Bảo phụng phái đi xét hỏi, rồi đem tình dân khổ sở tâu lên, Ngài mới khiến phát lúa kho giảm giá mà bán (mỗi hộ lúa giá 8 tiền; bình dân thời bán cho mỗi tên một hộ, còn kẻ quan, quả, cô độc thời bán cho nửa hộ); và đòi quan Ký lục (tức là quan Án sát bây giờ) Lê Đồng Lý quở rằng: "bọn mầy làm quan trị dân, mà để cho dân đến như thế, là mầy vỗ nuôi trái đạo; nhưng mầy làm việc quan chưa được mấy ngày, nay hãy tha cho, phải về hội đồng với Lưu thủ Bùi Văn Thái phái viên làm cho thỏa đáng, khiến dân được đội ơn cả, để chuộc điều lỗi mầy trước. Còn Cai bộ Nguyễn Cư Toán không tài trị dân, phải giải chức ngay về Kinh chờ chỉ". Lại giao cho Đình thần bàn, phàm những dân trong dinh hạt lưu tán, thời tha việc quan, hoãn nạp thuế, để thư việc gấp cho dân.

Ngày Tân Sửu tế Trời, Đất ở đàn Nam Giao; xong rồi, mưa như đổ nước. Khi trước trong Kinh kỳ ít mưa, Ngài định tế giao rồi thời cầu mưa, mà bây giờ mưa liên, người ta cho là tinh thành Ngài cảm động đến trời.

Mới đúc tiền đồng và tiền kẽm nặng 6 phân, hiệu Minh Mạng thông bửu; khiến đưa kiểu tiền tra cuộc Bửu tuyền ngoài Bắc thành theo kiểu ấy mà đúc và lệ định lệ tiền công thợ với giá vật liệu.

Tháng 3, bãi thuế điều đình (là theo thuế đánh chim) trong tỉnh Hà Tiên. Ngài dạy rằng: "Tiểu dân theo lợi, chăm nghề đánh bẫy chim, hại sanh vật nhiều, ta thiết không nỡ, vậy cho bãi thuế ấy".

Định lệ cho kẻ phạm tội cướp ra thú: hạng cho tới cuối tháng 6 năm nay, tên nào xin ra thú thời tha; nếu quá hạn thời cứ luật phân biệt làm hai hạng: 1⁰ nên cho thú; 2⁰ không nên cho thú; để có chúng biết sợ.

Tháng 4, khiến bộ Hộ mỗi tháng cấp tiền gạo cho các thợ; thợ nào chế khí dụng tinh xảo thời thưởng hậu hơn.

Tháng 5, đòi các Hương cống khoa Kỷ Mão tới Kinh, bổ làm Hành tẩu 6 Bộ để học tập việc chánh, mỗi người mỗi tháng cấp tiền 2 quan, gạo 2 lượng; khiến Nguyễn Hữu Thiện lựa người nào học hạnh thuần cần, sung chức Trực học để dạy Hoàng tử; Thiện đem Trương Đăng Quế, Doãn Văn Xuân và Ngô Hữu Vĩ cử lên. Ngài cho.

Xuống chiếu cầu sách cũ. Trịnh Hoài Đức dâng 3 quyển [Gia Định thông chí](#) và [Bột di ngư văn thảo](#) của nhà Minh; Hoàng Công Quảng Đức là Cung Văn Hy dâng 7 quyển Khai quốc công nghiệp điển chí; người trấn Thanh Hóa là Nguyễn Đình Chính dâng 34 quyển Minh lương khai cáo lục; người dinh Quảng Nghĩa là Võ Văn Biều dâng 1 quyển Cổ sự biên lục. Ngài tùy bậc thưởng cho bạc và lụa.

Mới định lệ thuế đình trấn Thanh Hóa, Nghệ An và Thanh Bình (là Ninh Bình). Khi trước 3 trấn ấy chỉ cứ số người trong sổ thường hành mà nạp thuế; đến đây số đình xong rồi, mới định lệ thuế cũng như các trấn ngoài Bắc thành (thiết nạp dân hạng tráng từ 20 tuổi trở lên, mỗi năm nạp tiền dung 1 quan tiền, tiền mãn 1 tiền, cước mễ 2 bát; còn 18 tuổi thời một năm nạp tiền dung 5 tiền 30 đồng, tiền mãn 30 đồng, cước mễ 1 bát, còn dân biệt nạp cũng thế; con các quan viên từ chánh tứ đến lục phẩm và các hạng người lâu nay được nạp thuế nhẹ, thời bây giờ cũng nạp như tráng hạng vậy; chức sắc, con các quan từ tòng tam phẩm trở lên, Hương cống, Sanh đồ, Cai hạp, Thủ hạp, tại gia nhiều thân, nhiều ấm, tẩn thân khoa mục nhà Lê, lính giản các quân, dinh, vệ, đội, lính giáo phường các quân cơ vệ đội, nội giá, lính kho, lính trạm, đều là hạng tiêu sai cho tha thuế).

Bộ Hộ tâu các án lậu đình điền ngoài Bắc thành, xin thôi thu thuế lệ. Ngài giao cho Đình thần bàn, phàm tứ sáng mông một tháng giêng năm thứ 1 hiệu Minh Mạng về trước mà phát giác ra thời không kể; còn từ tháng giêng về sau phát giác ra mới cho thôi thu; lưu dân và tù phạm tha về, đem vào sổ đình, thời tha thuế thân năm ấy.

Tháng 6, lập Quốc sử quán.

Tha thuế điền, thổ bị lở cho làng An Lăng về huyện Nam Xang trấn Sơn Nam (là tỉnh Nam Hà). Về sau hễ địa phương nào có tâu ruộng đất bị lở, thời tha thuế cả.

Cấm những người coi quân không được xâm khắc quân sĩ, phạm mỗi tháng cấp lương lính và khi được ơn vua cho mà giám khắc giảm đi, với lại nhưn việc để dùng dăng, đều phải tội nặng.

Tháng 7, lập miếu Khai quốc công thần và miếu Trung tiết công thần bên tả miếu Trung hưng công thần.

Các trấn phía Nam và phía Bắc đều tâu có bệnh dịch. Ngài xuống chiếu cầu lời nói trực, quan Thiêm sự bộ Lễ là Nguyễn Đăng Tuân tâu 6 điều: (1⁰ lập viện ngự sử, 2⁰ đặt quan Thái phỏng sứ; 3⁰ bớt những quan dư; 4⁰ lập nhà học các châu, huyện; 5⁰ mở ân khoa; 6⁰ ban ân lập đàn tế cô hồn).

Lại định điều cấm thuốc nha phiến.

Nước Chân Lạp có thầy tu tên là Kế làm loạn, xâm cướp đạo Quang Hóa, Quang Phong và Thuận Thành (thuộc trấn Phiên An). Quan trấn Phiên An là Đào Quang Lý đánh không được, giặc càng hung dữ, cướp phá khắp nơi; khi Lê Văn Duyệt đến, sai Hoàng Công Lý đem quân đi đánh và tư cho nước Chân Lạp thêm binh giúp sức, giặc thua chạy, Lý đem quân về.

Tháng 9, giặc Kế nước Chân Lạp tức bức thành Nam Vang (thành Chân Lạp), nước ấy đưa thơ cáo cấp. Lê Văn Duyệt sai quân Thống chế là Nguyễn Văn Trí đem quân cứu viện.

Định lệ quan viên được thuyền thặng phải có người dẫn vào yết kiến.

Tháng 10, Nguyễn Văn Trí đánh giết giặc Kế ở đất Ba Tầm Lai (về phủ Thần Thu); báo tiếp, Ngài mừng, bảo các quan rằng: "thầy tu làm loạn gần đến thành Nam Vang, may có Lê Văn Duyệt vừa đến, sai tướng phá tan; không thể thời thành Nam Vang mất, như làm hư hại rào dậu ta, thời thành Gia Định e có sự nguy hiểm". Lê Chất tâu rằng: "thầy tu ấy cũng là giặc mạnh, khi trước Lê Văn Duyệt sợ phiền lượng Thánh nghĩ, nên không dám nói sự giặc to lớn đó thôi".

Vua Chân Lạp là Nặc Chân lấy vì có tên Kế làm loạn, tự đến thành Gia Định tạ tội. Ngài sai sứ đem tờ chiếu ủy dụ rằng: "Nước nhà người mới yên, lòng người còn đang trông mong, không nài sao được, ta cũng xét tình cho, không trách gì; trong các quan nước nhà người, trừ ra những tên: Tham, Dích, Tây, Kế, Luyện, Na, và Côn (mấy tên ấy theo giặc) phén không nên tha, còn đều là tôi con thuộc quốc của Triều đình cả, nên dung cho, đừng ngờ sợ gì, phải thêm dốc lòng kính thuận, vỗ yên nhân dân, sửa chức cống của nhà người cho thỏa ý ta thương yêu bảo hộ".

Tháng 11, quan Trấn thủ Phiên An là Đào Quang Lý làm quan trái phép, quan Tổng trấn Gia Định tra ra tình trạng tâu lên; Ngài nghĩ Lý là tôi cũ theo ở thành Vọng Các, tha khỏi chết, nhưng phải giam cấm truy tang; rồi sau lại bị giết và tịch biên gia sản trả lại cho binh dân; lại truyền dụ cho các Võ ban đều biết để mà kiêng sợ.

Tháng 12, bộ Binh tâu rằng: "trong khoảng mùa hạ, thu, khí trời không hòa, Hoàng thượng suốt biết tình dân, khoan đòi lính thiếu; nay lệ đã yên rồi, xin y như cũ đòi mà điền vào cho đủ ngạch lính". Ngài dụ rằng: "tật bệnh mới khỏi, kẻ đi trốn chưa về hết, nếu đòi gấp, thế e làm rối dân chẳng". Không cho.

Xuống chiếu mở Ân khoa thi Hương, thi Hội, định mùa thu năm nay Tân Tỵ thi Hương, mùa xuân năm Nhâm Ngọ thi Hội.

Bọn giặc nước Chân Lạp bình cả rồi, khiến triệt binh ở thành Gia Định về.

Lê Văn Duyệt xin tâu triệt lính, nhưng để Nguyễn Văn Thụy đem 700 quân ở lại bảo hộ Chân Lạp, chờ nước ấy hơi yên, sẽ trở về Châu Đốc, kiêm giữ Hà Tiên, để bớt lính thú. Ngài cho.

Bắc thành tâu: bệnh dịch đã bớt. Năm ấy bệnh dịch từ mùa Thu qua mùa Đông, khởi đầu từ Hà Tiên suốt đến Bắc thành, số dân chết đến 206.835 người, đó là không kể trai, gái, già, trẻ ở ngoại tịch;

trước sau những tiêu chẩn cấp tất cả là hơn 730.000 quan (đồn rằng bệnh dịch ấy từ bên Thái tây lây qua).

Năm TânTỵ thứ II (1821) trấn Biên Hòa bị lụt, dân đói; Ngài khiến đem tiền gạo chẩn cấp.

Lính Thị trung đào được 10.000 cân đồng, dâng lên; Ngài khiến đem đúc 3 cái súng lớn, đều đặt tên là: "Bảo quốc an dân Đại tướng quân". Ngài ngự chế bài văn khắc vào súng.

Quan Giám thành Đỗ Phúc Thạnh dâng địa đồ núi sông dinh Quảng Đức (từ sông Lương Điền đến nửa núi Hải Vân, dài 24.000 trượng, thành ra 170 dặm; từ cửa biển Thuận An đến xứ Mọi thấp ở đầu rừng, bề ngang 10.000 trượng, thành ra 74 dặm dư 10 trượng). Ngài xem địa đồ ấy rồi như bàn đến địa thế ở trấn Nghệ An rằng: "khi trước đức Tiên đế vẫn muốn đóng đô ở Nghệ An, nhưng thành Phú Xuân là chánh giữ nước, trong Nam ngoài Bắc, đàng đất cân nhau; còn Nghệ An nên lựa kẻ trọng thần giữ đó".

Tháng 2, đặt tên sông An Cựu là sông Lợi Nông, phía trên phía dưới đều dựng đá mốc ghi lấy; sông bốn phía Kinh thành thời đặt tên sông là sông Hộ thành, cầu Bạch Yến đổi tên là cầu Kim Long.

Xóa tên Nguyễn Xuân Hải trong sổ Hương cống. Hải là người làng Đông Ngạc, tỉnh Sơn Tây, mạo vào sổ dinh Quảng Nam, thi đậu Hương cống, Hàn lâm biên tu Hoàng Quýnh phát giác, vì thế phải xóa tên trong sổ Hương cống.

Lê Văn Duyệt trấn Gia Định, ủy quan Thiêm sự Trần Nhật Vĩnh vào châu. Ngài hỏi: "nước Chân Lạp có sợ oai mệnh đức không? - Vĩnh tâu rằng: nó có sợ oai, còn mệnh đức e chưa dám chắc".

Khiến quan văn quan võ xét trong thuộc viên mình ai có tài nghệ gì thời cho cử lên.

Tháng 3, nước Vạn Tượng khiến Sứ qua cống, Ngài ủy lạo hậu thưởng mà cho về. Nó lại nói đàng Nghệ An ngưng trở, Ngài dụ cho quan trấn ấy đem quân đưa về.

Lại khiến quan đem ấn qua bảo hộ Chân Lạp. Vì Nặc Chân có dâng biểu tâu: "nước tôi nhỏ yếu, khi trước nhờ ơn đức Thái tổ cao hoàng để tài bồi, sai quan bảo hộ, nước tôi nhờ mà yên được; vì tôi trẻ thơ chưa biết gì, tin lời nói dèm, nên quan binh bảo hộ rút về Gia Định; trong nước lại có nghịch Kế, nghịch Tây làm loạn, nhờ quan binh tới đánh, bình được cả; vậy thời tôi giữ được nhà nước tôi, đều là ơn Triều đình gây dựng lại; nay xin đặt quan bảo hộ như trước". Ngài thương tình, mới khiến Nguyễn Văn Thụy giữ thành Châu Đốc, lại cho ấn bảo hộ nước Chân Lạp, kiêm coi việc Hà Tiên. Ngài dụ rằng: "thành Châu Đốc là nơi xung yếu, người nên khéo trị, mộ dân buôn, lập thôn ấp, cho sổ hộ ngày càng thêm, ruộng vườn ngày càng mở, mà việc phòng bị nơi biên thùy càng thêm cẩn thận; phạm tờ biểu văn, công văn Chân Lạp, thời xem xét trước rồi sẽ phát đệ; còn công việc trong nước nó, đều giao cho vua và quan phiên cứ theo tục nước nó mà làm; lại nên nghiêm trấp quân sĩ không được mưu lợi riêng, để cho trong thể thống nước mình".

Dùng Hàn lâm tu soạn Nguyễn Đăng Sở làm Đốc học Gia Định, người học trò trấn Nghệ An là Nguyễn Trọng Võ làm Phó đốc học, đó là theo đình thần cử lên. Ngài thường bảo quan thượng thư bộ Hộ Nguyễn Hữu Thận rằng: "người Gia Định tánh vốn trung nghĩa, nhưng ít học, nên hay ưa khích khí, nếu được kẻ học giỏi làm thầy, đem lễ nhượng mà dạy, thời dễ hóa là thiện, mà thành tài được nhiều".

Đúc ấn Quan phòng bằng đồng phát cho ty Thương thuyền, ty Tào chánh và Tào Hộ, Binh, Hình, Công ở Gia Định, Bắc thành; đúc ấn đồng phát cho các dinh, trấn, đạo, phủ, huyện.

Tha thuế thân cho thợ mộc, thợ cửa, thợ đóng thuyền các làng ở Bắc thành và Nghệ An.

Tháng 4, Ngài duyệt xem Kinh thành, thấy tên lính đầu năm bờ hồ, hỏi ra mới biết lính Ban trực tiền vệ, mới bắt tội, quản vệ bị đánh 40 roi, Chánh đội bị đánh 80 trượng. Ngài dụ bộ Binh rằng: "nay về sau cứ theo lệ ấy mà định tội. Còn trong Kinh thành thời cứ giám thành, ngoại thành thời cứ dinh Quảng Đức phải giữ địa phận mà tuần xét, phạm ở đàng sá có kẻ đầu yếu, như lính thời giao cho quản suất, dân thời giao cho Lý trưởng hay là thân như nuôi, nếu trái phép ấy thời coi sổ người đầu nhiều hay ít, ngày tháng lâu hay mới mà định tội".

Định lệ thuế sâm núi Sa Kỳ ở Quảng Nghĩa (số hộ lấy sâm là 30 người, mỗi năm một người nộp 3 cân sâm, không có thời theo lệ biệt nộp mà thế nộp tiền 8 quan).

Nguyễn Văn Thăng từ bên Thái tây qua dâng Hàn thử xích, Ngài hỏi: "muốn về nước không?- tâu rằng: tuổi đã già, xin ở trọn đời làm tôi". Lúc ấy có người qua với Thăng một lần, dâng Quốc thư và đồ thổ sản, xin thông thương; Ngài hậu đãi phẩm vật cho về.

Tháng 5, Ngài nghỉ trong trấn Nghệ An dân biệt nộp gỗ lim lưu tán mới về, dụ cho quan trấn xét thuế gỗ nộp đó như không nhằm thức và có tỳ, đều cho thả cả; có thiếu thời hoãn cho.

Quan thành Gia Định tâu: "học trò các trấn ngoài, ở đây học tập, có kẻ đã đậu nhất nhĩ trường, tới trú ngụ đã lâu ngày, bây giờ thành ra người trong xứ, xin cho chúng nó phụ thí". Ngài cho. Lại dụ rằng: "nay về sau từ Phú Yên trở về Nam cho tùy tiện phụ thí, từ Bình Định trở về Bắc phải theo nguyên tịch, như lời Bộ nghị". Quan trấn lại tư Bộ rằng: "bệnh dịch mới rồi, nhiều có trọng tang, phép trường không được đi thi; nên số học trò thi không được mấy, xin Bộ tâu lên". Ngài ban rằng: "đem hiếu làm trung, là bản lĩnh người ta lập thân, quên tang cha mẹ mà gặp đằng vinh tấn, không phải là hiếu, đã bất hiếu còn thờ vua sao đặng; chờ đến khoa sau cũng chẳng muộn gì".

Quan thành Gia Định tâu: "quân Thần sách ở Thanh, Nghệ, và lính thú các dinh ở Bắc thành lệ có tiền phụ dưỡng quần áo, mỗi năm cứ địa phương đòi quan sở tại vận cấp". Ngài dụ rằng: "thuế chánh cung¹ nhà nước, dân còn chưa sẵn, tiền chi phí nuôi lính, bắt nữa sao đành; phạm lính giữ thành, trừ lương hưởng ngoại, cứ mỗi tên cấp thêm cho 5 quan tiền; còn quần áo thời quan phải cấp, mà tha tiền phụ dưỡng cho dân".

Tháng 6, sông Ngưu Chử ở Gia Định nước trong hơn 50 dậm, từ ngày Canh Thìn đến ngày Tân Mão cả thủy 12 ngày.

Trong hạt Gia Định nhiều trộm cướp. Ngài bảo Thị thần rằng: "Đất Gia Định vốn sợ Lê Văn Duyệt, sao mà trộm cướp ngày càng nhiều thế?, quan Hữu quân Nguyễn Văn Nhơn tâu rằng: "đất ấy nhiều nơi bụi rậm, đầm lầy, trộm cướp dễ nhóm họp; huống chi dân ấy không biết chứa đễ, ngoài việc cấy lúa, không trồng tria gì, ngộ năm mất mùa, thời không giữ lòng thường đặng".

Tháng 7, nước sông Ngưu Chử lại trong 6 ngày. Khiến quan trấn Phiên Yên đem lễ kính tế, để đáp phúc tốt quý thần.

Trấn Thanh Hóa và Thanh Bình bị gió bão mưa to, lúa ruộng ngâm nước mất, Ngài khiến quan địa phương tới khám rồi tâu lên.

Ngài định tháng 9 ngự giá Bắc tuần. Khi trước Sứ ta là bọn Trần Bá Kiên tháng 4 đến Yên Kinh, vua Thanh² sai quan Án sát tỉnh Quảng Tây là Phan Cung Thần sung chức Khâm sứ. Ngài khiến Chưởng thủy quân Tổng Phúc Lương lãnh thuyền binh đi trước; khiến Thanh, Nghệ và Bắc thành dự chỉnh thuyền binh rước ngự giá.

Truyền phạm nơi phát tích miếu Lịch Đại Đế Vương mà gần đàng đi, thời khiến các quan kính tế; còn thần Sơn, Xuyên thời cứ địa phương mỗi trấn lập một đàn hiệp tế.

Ngày Nhâm Tuất ngự giá từ Kinh sư ra đi, ngày Mậu Thìn đến Hành cung Quảng Bình, Ngài lên thành xem lũy xưa, lại ngự xem cửa Nhật Lệ một hồi lâu.

Cho lập hai đàn tế các tướng sĩ Nam, Bắc tử trận (nhưng tế nam tướng sĩ thời hễ phẩm trọng hơn). Ngày Canh Ngọ qua sông Gianh; ngày Tân Vị qua núi Hoàng Sơn; ngày Bính Tý đến Hành cung Nghệ An, tha thuế điền năm ấy. Ngài thấy Hành cung làm rộng lớn quá, quở các quan trấn; liền khiến gia thưởng cho quân dân 6.000 quan tiền.

Tháng 10, ngày Nhâm Ngọ, đến Hành cung Thanh Hóa, các phụ lão chiêm bái, Ngài thưởng 300 lạng bạc, tha cho nửa thuế ruộng mùa đông và nửa thuế thân năm ấy; Ngài thấy Hành cung giản tiện

¹ Thuế chánh cung là thuế đình điền.

² Vua Đạo Quang nhà Thanh.

chất phác, ban khen, thưởng 4.200 quan tiền; còn con cháu nhà Lê, Trịnh đều thưởng cho cả. Ngày Mậu Tý yết Nguyên miếu, thưởng cho Quý huyện, Quý hương vàng, lụa, trâu, rượu. Ngày Canh Dần đến Hành cung Thanh Bình, hạ nửa thuế mùa đông. Ngày Ất Vị đến Hành cung Bắc thành; ngày ấy trời lạnh, kẻ già kẻ trẻ hoan nghinh đầy đường, Ngài cho kỳ lão thành 3.000 quan tiền, người 90 tuổi thời cho thêm một cây lụa, tha thuế thân cho các trấn Bắc thành; sai Trung sứ đem đồ thổ sản Bắc thành về dâng Từ Thọ, Ngài tay viết tờ biểu thỉnh an, đại lược trong tờ biểu nói: "Con từ khi ra đi đến nay, qua địa phương nào cũng đều gia ơn cả; từ Quảng Trị, Quảng Bình cho đến Nghệ An, Thanh Hóa, Thanh Bình và 11 trấn Bắc thành chỗ nào cũng tha thuế đinh điền, thưởng cho quan lại, binh lính ở Kinh và ở ngoài, sở phí tiền bạc đến hơn vài mươi vạn; đó là con muốn hiệp vui thiên hạ để vui lòng trên, nhóm phước thiên hạ để dâng quả phước".

Lại cầu các sách sót.

Câu người giỏi còn sót lại của Bắc thành, Thanh Hóa và Nghệ An.

Thân cấm các quan tân¹ ở Bắc thành không được lấy thuế trái phép.

Nghị viện duyệt tuyển-Các quan Bắc thành và Thanh Nghệ tâu: "Có thân thời phải có thuế, có hộ thời phải có sổ, để cho biết số nhiều ít và phân biệt kẻ nào lão người tráng; nhà nước duyệt tuyển đã có phép sẵn rồi, từ sông Gianh trở về Nam đều theo phép cũ; nay bốn biển lặng yên, xin Hoàng thượng trước hết nên nổi chí noi việc đức Tiên Hoàng, vậy xin 5 trấn trong xứ Bắc thành cứ 5 năm một lần tuyển, từ năm Nhâm Ngọ thứ 3 hiệu Minh Mạng là đầu; rồi Thanh, Nghệ cũng theo thứ tự như vậy mà làm; vậy thời nam bắc, đồng phong, xa gần một thể, lợi nước lợi dân đều được tiện cả". Ngài khen phải.

Sứ Tàu là Án sát Quảng Tây Phan Cung Thần đến Nam Quan, Ngài sai sứ Hậu mạng là Phan Văn Túy bàn với sứ Tàu định ngày 18 tuyên phong, ngày 19 dụ tế; Thần thuận theo, bội đạo tới, Ngài bằng lòng lắm, bảo Thị thần gần: "ngày 19 vừa gặp lễ tường, có lễ Thần linh đức Hoàng khảo ta ở trên trời giúp hộ đó". Ngày Giáp Ngọ lễ sách phong xong, ngày Ất Vị dụ tế, Ngài mặc áo lễ tới trước thần ngự dâng rượu, rồi khiến quan tiếp Sứ, Phan Cung Thần theo kiệu long đình mà đến, làm lễ tế dụ, xong rồi, đãi tiệc và tặng hảo; Phan Cung Thần chỉ xin nhận quế Thanh mà thôi, liền ngày ấy về nước. Ngài mới định ngày hồi loan.

Năm Nhâm Ngọ thứ III (1822), tháng giêng, ngày 1 là ngày Đinh Vị, Ngài về đến Kinh sư.

Khiến quan Phó sứ Giám thành là Đỗ Phúc Thịnh qua đạo Cam Lộ xem đo từ sông làng Điếu Ngao đến Ai Lao, vẽ hình thế núi sông dâng lên. Ngài dụ cho Sà trưởng² trong 7 xứ Mọi biết, nhưng cấm không được cung đốn.

Nghị cho các Trung hưng công thần được tòng tự nhà Thế miếu.

Khiến Sứ qua Xiêm.

Khiến Quảng Bình và Thanh Hóa cho mộ dân lập Yến hộ (mỗi người một năm nạp thuế yến sào 8 lượng) tha thuế thân; như định lệ thuế Yến hộ.

Mới duyệt tuyển 5 trấn Bắc thành (Sơn Nam thượng, Sơn Nam hạ, Hải Dương, Sơn Tây, Kinh Bắc; lập mỗi nơi một sổ duyệt). Kịp khi Ngài xem sổ tổng cộng, thấy số đinh tăng nhiều, bọn Lê Chất đều được gia thưởng.

Quan thành Gia Định tâu: "gần đây những án cướp trộm ở thành hạt phần nhiều là dân cùng lậu số, chúng tôi khiến các trấn phàm các làng có đơn tục dân đinh, tuy phần nhiều đem vào hạng cùng cố, cũng phê cho cả, không nệ lệ (cứ 10 đinh thời một đứa cùng); vậy nên năm ngoài từ tháng 8 đến tháng 12, dân mới tục vào tất cả được 16.155 người, xin tha thuế thân năm ấy". Ngài cho phải. Lại sắc từ năm nay về sau đứa cùng cố có sản nghiệp rồi, thời đem vào hạng tráng; nếu nó làm ăn chưa ra gì, thời hãy tha thuế cho.

¹ Quan là cửa ải; tân là bến tàu.

² Sà trưởng là người đầu mục xứ Mọi.

Dinh Quảng Nam, Quảng Trị đã lâu không mưa, lúa bị hại nhiều; Ngài khiến quan dinh khám mà tâu, sẽ lượng tha thuế cho.

Tháng 3, quan Chưởng hữu quân công Nguyễn Văn Nhơn mất, tặng chức Thái bảo, thụy là Trung cần.

Định lệ các nha đóng ấn (Bửu vua đóng trên chữ niên; ấn đại tiểu nha môn đóng trên chữ nguyệt; để phân biệt kẻ tôn người ti và phòng cạo tấy; ấn tam nha hội đồng theo thứ đóng hai bên chữ nguyệt).

Mới mở Ân khoa thi Hội, định phép thi (kẻ Hương cống nhà Lê cũ chưa ra làm quan cũng cho thi; quyền đăng lục thời in đỏ, đậu cả bốn trường thời yết bản ở lâu Phu Văn; quan trọng có bà con đi thi thời cho hồi tị).

Nguyễn Cư Toán phạm tội tham tang, nhưng phạm tội ở trước khi ân xá, gia ân giảm tội chết, mà bị đày 6 năm, truy tang trả cho dân. Con là Cư Sĩ mới 14 tuổi, xin thay tội cho cha, xét ra thời tên Sĩ mang xiềng mà không có sắc hồi hận, Ngài khen rằng: "Toán là con công thần Nguyễn Cư Trinh, vậy thời Cư Trinh có cháu khá, ta nghĩ đến tôi có công mà thương con có hiếu; tha cho".

Tháng 4, định phép thi Đình; đúc ấn lớn khắc 4 chữ: "Điện thí chi ấn" và tiểu kiểm vuông khắc 4 chữ triện: "Luân tài thạnh điển" đều bằng bạc.

Tháng 5, đặt chức Học chánh Quốc tử giám (trật tùng lục phẩm) chuyên dạy Tôn sanh; khiến quan Tế tửu, Tư nghiệp lựa hai ba người nào có học hạnh sung bổ chức ấy.

Tháng 6, nước Chân Lạp khiến Sứ dâng đồ lễ phẩm, mừng Ngài ngự Bắc tuần về; Ngài khiến cho đem lễ ấy khấu trừ lễ cống năm Quý Vị. Khi trước thần dân nước Chân Lạp oán vua nó lắm, Lê Văn Duyệt sợ nước nó có biến, sai Trần Nhật Vĩnh tới Kinh tâu thay; Ngài ban sắc thơ, dụ vua Chân Lạp phải gắng mà tu tỉnh tự cường, lại dụ quan Bảo hộ Nguyễn Văn Thụy phải ở lại đó.

Khiến quan địa phương xét những người dân sống 100 tuổi và nghĩa phu, hiếu tử dâng lên.

Tháng 7, quan Tổng đốc xứ Mạnh Nha Hồ nước Anh Cát Lợi là Hà Sĩ Định sai Cá La Khoa Thắc đem thơ tới dâng đồ phẩm vật (súng điều thương 500 khẩu, đèn pha-lê một đôi); tàu đến cửa Đà Nẵng, xin thông thương như các ngoại quốc, nhưng không dám lập phố ở. Ngài khước không cho.

Tháng 9, đổi danh hiệu đồn điền 4 phủ ở Gia Định cho theo ngạch lính.

Cấp tiền công bản cho dân nấu đường ở Quảng Nam, Quảng Nghĩa; đến bây giờ Quảng Nghĩa gạo cao, xin lãnh lúa; Ngài cho.

Kinh sư lụt lớn, nhà cửa dân gian hư nát nhiều; Quảng Trị, Quảng Bình cũng mưa lụt, Ngài truyền chẩn cấp cho dân cả.

Tháng 10, định lễ hễ đến tiết Đông chí thời đình việc hình (trước tiết Đông chí 3 ngày, sau tế Giao 10 ngày, đều đình việc hình).

Vua Chân Lạp là Nặc Chân đưa thơ đến thành Gia Định xin hiệp lực đào sông Vĩnh Tế. Ngài khiến Duyệt dự sắp đặt trước, Duyệt xin đem binh dân ở thành và đồn Vĩnh Thanh, Định Tường, Oai Viễn hơn 39.000 người; binh dân nước Chân Lạp hơn 16.000 người, chia làm 3 phiên, định đầu mùa Xuân năm sau khởi làm, đầu mùa Hạ sẽ xong. Ngài cho và dụ rằng: "Đặng sông Vĩnh Tế liền với Tân Cương, xe thuyền qua lại tiện lợi lắm; đức Hoàng khảo thế tổ Cao Hoàng để ta mưu sâu nghĩ xa, chú ý việc ngoài biên, vừa mới mở đào, công việc chưa xong; nay ta theo chí Tiên hoàng, chỉ nghĩ cách khó nhọc một lần mà được thông thả lâu dài; các người phải trừ nghĩ thế nào cho mau xong, để xứng đáng ý ta. Và lại sông ấy không lợi gì cho Chân Lạp, mà vua nó xin thế, chưa chắc thiệt tình, khi nào lời dụ ta tới, chắc nói có điều ngăn trở, nhưng làm phạm làm việc có quả quyết mới nên, mà dùng đặng thời hư, chí ta đã định, chúng nó nói gì cũng không sá".

Tháng 11, dinh Quảng Đức, Quảng Trị gạo cao. Ngài khiến Kinh phải hiệp với quan 2 dinh ấy phát lúa kho bán cho dân. Lúc bấy giờ có tên lính Kinh thương là Đặng Văn Khuê đong lường: cứ 2 hộ

lúa bớt đi vài cáp; Ngài sắc đem tên ấy chém ngay; dụ Đình thần rằng: "gần ở đây còn có đũa dấm làm tệ như thế, thời biết rằng bọn tham đồ chỗ nào cũng có, phải truyền dụ ra nghiêm cấm".

Mới đặt chức Tri phủ 4 phủ: Tân Bình, Định Viễn, Phước Long và Kiến An ở trấn Gia Định; cho Biên tu Hà Quyền, Phan Hữu Tánh, Võ Đức Khuê, Phan Bá Đạt thăng bổ chức ấy. Bọn Hà Quyền vào trước bệ từ tạ xin đi. Ngài dụ rằng: "Tấn sĩ triều ta từ bọn mày là đầu, mà dân Gia Định biết nghĩa để dạy, phải nghĩ tuyền đức hóa khuyên phong tục, cho xứng ý ta".

Khi trước dân Thổ trấn Hưng Hóa là tên Lý Khai Ba làm giặc, tự xưng Lý Hoàng, dân Mọi theo nhiều; quan Tổng trấn sai Chương cơ thống quân Nguyễn Khắc Toàn đi theo bờ phía bắc sông Thao, Nguyễn Đức Niên đi theo bờ phía nam, đều tấu quân lên; tư tờ cho quan Trấn thủ Tuyên Quang là Đào Văn Thành đem binh ứng tiếp; giặc giữ nơi hiểm yếu, thường chống với quân ta, ta phải thêm quan Quản thủ Quốc Oai là Phan Bá Hùng, Phấn võ vệ úy Lê Văn Túc đóng quân giữ, mà dục Nguyễn Khắc Toàn tấn quân đánh. Đến khi Khắc Toàn đến Diêm Khê, Thành đem quân tới hội, tấn quân đến động Cam Đàng đánh lấy được đồn giặc, chia quân đuổi theo phá luôn, bắt được Quốc lão giặc là Lý Văn Nhị và quân tiên phong hơn 10 người, lấy được giấy tờ, ấn tín và súng ống, khí giới của giặc nhiều lắm. Báo tiếp lên, Ngài phát kho: hoa hồng, mộc hồng, tổ sô sa, mỗi thứ 5 cây, giao cho quan Tổng trấn thưởng cấp Lý Khai Ba sau bị người Tàu là Vi Trung Tú bắt được giải nạp giặc Hưng Hóa đều yên.

Tháng 12, đổi dinh Quảng Đức làm phủ Thừa Thiên, Thanh Bình làm Ninh Bình, Sơn Nam Thượng làm Sơn Nam, Sơn Nam Hạ làm Nam Định, Kinh Bắc làm Bắc Ninh, Yên Quảng làm Quảng Yên; 3 phủ: Đức Thọ, Anh Sơn, Lý Nhân; 3 huyện: Phong Danh, Phúc Thọ, Hàm Yên đều đặt tên mới.

Năm Quý Vị thứ IV (1823), tháng giêng, mới định lệ thưởng các thợ quan, thợ dân.

Duyệt tuyển 4 trấn: Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa, Bình Thuận (Phú Yên, Bình Hòa được số nhiều mà Phú Yên nhiều hơn; những quan duyệt tuyển trấn Phú Yên được thưởng ký lục 2 thứ, quan duyệt tuyển trấn Bình Hòa một thứ).

Tháng 2, lại đào sông Vĩnh Tế, khiến Lê Văn Duyệt đồng lý việc ấy. Khi trước Duyệt nghe Hưng Hóa có giặc, mật tâu xin hoãn việc đào sông; đến nay thì giặc bình rồi, lại bắt binh dân đào nữa; chưa được bao lâu, Duyệt đau, Ngài khiến quan Phó tổng trấn Trương Tấn Bửu thay việc cho Duyệt.

Lê Văn Duyệt tâu: "các chánh đội, Đội trưởng ở đồn Oai Viễn đều người Mọi cả, xin đặt tên họ cho chúng nó, để biến đổi thói Mọi". Ngài chuẩn y, lại cho áo mũ để khuyên chúng nó.

Tháng 3, sách Ngự chế để hệ kim sách làm xong. Từ khi tháng giêng, Ngài thân định bộ chữ nhật 20 chữ để truyền làm huy hiệu cho các vua nối sau; và Mỹ tự về hệ Hoàng thân, mỗi hệ 20 chữ, để phân biệt kẻ thân người sơ; ấy là bắt chước nhà Châu xưa, bói xem coi tử làm vua được mấy đời và mấy trăm năm.

Tháng 4, hoãn việc đào sông Vĩnh Tế. Vì nhơn đến tiết mùa Hạ, mà việc đào sông chỉ còn hơn 1.700 trượng, Ngài bèn truyền cho thôi đào, và thưởng hàng lụa cho Lê Văn Duyệt, Trương Tấn Bửu cùng bọn Giám tu và vua Chân Lạp còn bọn Phiên liêu đốc làm đó cũng cho quần áo; lại cho Duyệt một cái đai ngọc.

Cấm bọn Thị vệ khi phụng mạng sai ra việc gì, không được yêu sách.

Tháng 5, định quy trình dưỡng mông trong nhà Tập thiện (trường học các ông Hoàng Tử) cả thầy 12 điều; đều là Ngô Đình Giới nghĩ ra.

Tháng 6, tha thuế ruộng Thanh Hóa, Ninh Bình vì bị tai nạn.

Tháng 7, định trình hạn lệ hạch trường Quốc tử giám thượng tuần 4 tháng trọng¹ thời xét hạch, trung tuần tháng làm sổ tâu, chậm thời phải tham xử, lại sắc cho các địa phương phạm những cống cử Học sanh mà đã cho làm hạng Giám sanh thời tha thuế thân, lại cấp cho áo mũ.

¹ Bốn tháng trọng là: tháng 2, tháng 5, tháng 8, tháng 11.

Trần Nghệ An tâu xin trừ tế. Ngài dụ bộ Hộ rằng: "trần ấy đất xấu, dân nghèo, bị mất mùa luôn, thuế lúa mùa trước đã cho nạt tiền, nhưng ta còn nghĩ dân cùng cũng như người đau lâu chưa khá, ta thương lắm, thuế thân năm nay 10 phần tha cho 5, tiền lúa còn thiếu, hoãn cho sang năm sẽ thu".

Định lệ các địa phương tâu báo hỏa tai. Khi trước huyện Nghi Xuân, La Sơn, Chân Lộc ở trấn Nghệ An mà dân bị cháy cả thảy hết 682 nóc nhà, quan trấn tâu lên, Ngài khiến cấp cho mỗi nhà 2 quan tiền và 1 học lúa. Dụ cho quan địa phương rằng: "từ nay dân gian trong một ngày mà bị cháy lây từ 100 nhà trở lên, lệ nên chẩn cấp, thời phải tâu ngay; còn cháy tầm thường, thời thôi".

Sửa viên tẩm của ông Anh duệ Hoàng Thái tử.

Tháng 8, quan Tổng trấn Gia Định là Lê Văn Duyệt dâng biểu xin ra châu, Ngài cho, khiến quan Thự tiền quân Trần Văn Năng làm Phó tổng trấn coi thay việc.

Khiến quan Tổng trấn Gia Định lựa những sanh đồ ở trấn hạt ai có thể làm việc quan được, thời sung bổ làm thơ lại 6 phòng.

Cho Thanh Hóa, Ninh Bình hoãn thuế thân mùa hạ 10 phần hoãn 5. Ngày lời dụ đến nơi, thời dân đã nạt gần xong, quan địa phương tâu lên. Ngài ban rằng: "ta nghĩ 2 hạt ấy không may bị tai hạn, nên gia ơn hoãn thuế; nay dân gặp việc lại sợ phép nước, mà đem nạt như thế, có lẽ nào không cho dân nhuần thấm ơn ta? Vậy thời thuế mùa đông này cho đóng như số ấy".

Kinh sư gió lớn mưa dữ, cột cờ trên kỳ đài gãy, Ngài khiến dựng lại, như gió lại gãy; lại khiến làm cái khác và sắc cho lính thủ hộ rằng: "ba tầng đài ấy ai không có cố gì thời cấm không được lên".

Tháng 9, cho quan Phó đốc học là Nguyễn Đăng Sở làm Tư nghiệp trường Quốc tử giám. Đăng Sở vào bộ kiến, Ngài hỏi: "học trò trấn Gia Định thế nào? - Tâu rằng: học trò xứ ấy nhiều kẻ toán tú, để dạy. - Ngài ban rằng: năm ngoái truyền cho Cố cử Học sanh, sao không thấy cử tên nào: - Tâu rằng: tờ sắc xuống không thấy hỏi đến học thần, nên tôi không dám viết chức mà cử". Ngài liền khiến quan Tổng trấn hỏi quan Đốc học lựa người nào nên sung cống thời tâu lên.

Định lệ thu phẩm: mỗi năm đến mùa thu xét việc hình, thời bộ Hình lục những tội trọng đũa tù đáng chết, chia làm 3 số: 1⁰ Tình chân; 2⁰ Hoãn quyết; 3⁰ Cặng nghi, giao cho các quan Đình thần duyệt cho kỹ, bàn lại tâu lên; cho quan Thiêm sự sáu bộ cũng được dự bàn việc ấy.

Tháng 10, năm ấy hạn và lụt, hoãn thuế cho phủ Thừa Thiên, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Nghĩa, Quảng Nam, và Bình Định.

Định phẩm trật Tri phủ và Tri huyện (Tri phủ từng ngũ phẩm, Đồng tri chánh lục, Tri huyện từng lục).

Tháng 12, Đình Phiên có tội phải cách chức (vì trấn thuộc là Hoàng Nghĩa Hựu, Nguyễn Văn Lược làm sắc thần mà còn để làm chữ hiệu của Ngụy Tây); con làm Tri phủ Bình Thuận là Đình Văn Phác xin giải chức theo nuôi cha. Ngài cho.

Ngài cùng Thị trấn bàn việc học, như dạy rằng: "có một ngày ta chợt nhớ việc nhà Minh, mà quên tên người, hỏi các người cũng không ai biết cả, hay chưa học sử Minh chẳng?". Phan Huy Thực tâu rằng: "từ đời nhà Lê đến nay, học cử nghiệp chỉ đọc sử Hán, Đường, Tống để mau đi thi mà thôi". Ngài ban rằng: "từ nhà Nguyên, nhà Minh đến nhà Thanh sáu bảy trăm năm, mà từ nhà Tống trở lên đã thành ra xưa lắm, bỏ gần cầu xa làm gì?". Hỏi quan Thiêm sự Lê Văn Đức, Đức tâu rằng: "chúng tôi cũng học cử nghiệp mà thôi". Ngài ban rằng: "đã lâu nay văn cử nghiệp làm cho người ta làm như thế, ta nghĩ rằng văn chương vốn không nhất định, nay văn cử nghiệp chỉ câu nệ lối hủ lậu mà khoe với nhau, mỗi nhà lập riêng mỗi cách học, như phẩm cao hay thấp, khoa trường lấy hay bỏ, đều theo nề nếp ấy. Lối học như thế, nên như tài kém lần đi, nhưng thói quen đã lâu, đổi ngay cũng khó, vài năm sau sẽ lần lần bàn mà đổi lại".

Vua nước Diên Điện khiến Sứ qua thông hảo. Khi trước quan trấn Gia Định là Lê Văn Duyệt khiến thuộc là Nguyễn Văn Độ đi thuyền buôn qua nước Hồng Mao mua đồ binh khí, như gió trôi vào trấn Đào Oai nước Diên Điện, Diên Điện biết là người nước ta, hậu đã đưa về, khiến Bồi thần đem quốc thư và phẩm vật qua dâng: (1 tấn vàng, 40 cái nhẫn, 1 hộp trà sơn son, 1 chuỗi châu bất nhiên, 1 bức mền

tơ đồ, đại hồng ti trừu, tổ hồng ti trừu mỗi thứ 2 bức), xin ta đừng giao hiếu với Xiêm nữa. Ngài nghĩ rằng: không nên bỏ tình giao hiếu mà gây sự cừ thù, không cho. Ngài lại nghĩ Sứ thần từ xa vượt biển mà tới, bèn trả đồ cống lại mà tặng hảo quốc vương và thưởng Sứ thần (tặng hảo quốc vương 32 cân quế, sa, lụa, hàng, trừu, mỗi thứ 100 cân, đàng cát 1.000 cân; thưởng Chánh sứ 100 lượng bạc, Phó sứ 80 lượng bạc, mỗi người một cái áo bào song khai bằng đoạn thêu hình mảng và một cái quần; cho Bồi sứ 5 người, mỗi người 60 lượng bạc, một cái áo nhung trung khai, và một cái quần; cho từng quân 40 tên, mỗi tên 4 lượng bạc, một cái áo đoạn bỏ trung khai và một cái quần), làm tờ thơ đáp lại; chỉ lấy một cái nhẫn khảm bằng bửu thạch đỏ, để cho bằng lòng người Diển Điện mà thôi, khiến Quản cơ Nguyễn Văn Uẩn, Chánh tuần hải quận dinh Hoàng Trung Đông đem thuyền binh đưa Sứ đến giáp giới Diển Điện rồi về; lại đem việc ấy báo cho Xiêm biết, Xiêm đưa thơ qua tạ.

Năm Giáp Thân thứ V (1824), tháng giêng, khiến quan Tham tri bộ Hình là Võ Xuân Cẩn, Thủy quân là Hồ Tấn Hiệu, Thiêm sự là Nguyễn Công Đàm chia đi phát chẩn cho dân đói ở Nghệ An.

Tháng 2, trấn Thanh Hóa bị hạn, đất động, quan trấn không tâu; Ngài nghe, ban quở. Trấn ấy lại bị mất mùa, gạo kém, Ngài khiến phát lúa kho bán cho dân.

Lại đào sông Vĩnh Tế (năm ngoái còn lại 1.700 trượng, nay lại đào, đến tháng 5 mới xong, dựng bia làm ghi).

Lại định cấm thuế Nha phiến.

Tháng 4, tha thuế điền mùa hạ bị tai cho Thanh, Nghệ và Ninh Bình; Thanh Hóa thời tha cả; huyện Đông Thành ở Nghệ An cũng tha cả; còn huyện Quỳnh Lưu không có ruộng hạ, mà ruộng hạ Đông Thành thời bị hại lắm, truyền cho mượn lúa giống hơn 6.000 hộc.

Khiến Tổng trấn Bắc thành là Lê Chất thống lãnh 4 vệ lính Kinh, đi kinh lược các địa phương ở Thanh, Nghệ (hai trấn ấy đói, trộm cướp nổi lên).

Ban An dụ khắp trong ngoài, cho tha thuế khác nhau.

Vua nước Chân Lạp là Nặc Chân đưa thơ cho quan Bảo hộ Nguyễn Văn Thụy xin cắt đất 3 phủ: Lợi Kha Bát, Chân Sum, Mật Luật để trả ơn ông Thụy, cũng như việc trả ơn ông Mạc Thiên Tứ đời xưa. Thụy đem thơ ấy báo thành Gia Định, quan thành ấy tâu lên, Ngài khiến Đình thần bàn; Lê Văn Duyệt tâu rằng: "vua Chân Lạp không phải bản tâm báo ơn Thụy, chẳng qua vì người Xiêm nuôi em nó, nên nó muốn cho ta bảo hộ được bền vững đó thôi; ta mà nhận cả, thời giống như tham, mà người Xiêm có điều nói được; ta mà khước cả, thời e không phải ý đức Thế tổ Cao Hoàng để ta trừ nghĩ việc ngoài biên; và lại đất 3 phủ ấy thời đất Lợi Ý Bát hơi xa, khước đi cũng phải, còn đất Chân Sum, Mật Luật thời ở chính giữa đất Châu Đốc và Giang Thành ta, xin nhận lấy đất mà đừng thu thuế, khiến cho nó biết Triều đình ta chỉ lo việc ngoài biên, không phải vì tham lợi, như đó mà thương yêu dân, khiến chúng nó đâm thắm ơn ta, vui lòng thần phục, ngày sau cũng có thể dùng được; nay mà không lấy, ngoài biên nếu có việc gì, thời Châu Đốc, Hà Tiên ta chưa chắc giữ được, mà phiên lỵ thành Gia Định phải yếu". Trịnh Hoài Đức bàn rằng: "Duyệt bấy lâu nay giữ nơi trọng khốn, đã biết tình thế ngoài biên, xin chằm chước mà dùng lời tâu ấy". Ngài cho phải, khiến Thụy nhận lấy dân phủ Chân Sum và Mật Luật, coi ngó dạy bảo, còn thuế thời cứ giao cho vua nước nó; nhưng phải làm tờ thơ mà đáp lại cho Chân Lạp.

Tháng 5, khiến quan Tổng trấn Bắc thành Lê Chất về lỵ sở (khi trước ông Chất phụng mạng đi Kinh lược Thanh, Nghệ).

Trấn Sơn Nam, Nam Định, Sơn Tây và Bắc Ninh từ mùa xuân đến mùa hạ không mưa; lúa, khoai, đậu khô héo nhiều, mà dân không báo tai, trấn không có án khám, quan Tổng trấn đem tình trạng dân cực khổ tâu lên, Ngài truyền tùy bậc tha thuế.

Cho thân huân công thần lúc trung hưng cả thầy 10 người được tòng tự trong nhà Thế miếu.

Cho quan Lang trung bộ Lại là Nguyễn Công Trứ, quan Lang trung bộ Lễ là Thân Văn Quyên đều thọ chức Tư nghiệp trường Quốc tử giám. Vì Hoàng Kim Hoán tâu: "hai ông ấy, một ông là khoa mục giỏi, một ông là cống cử có tiếng, có thể làm khuôn phép được". Nên Ngài mới bổ cho chức ấy.

Tháng 6, sông Gia Định 6 ngày nước trong suốt hơn 10 dặm, quan Tổng trấn tâu lên, Ngài nghỉ sông trong hai lần, ấy là trời cho điềm tốt, càng kính sợ thêm; khiến quan lập một đàn kính tế.

Mới đánh thuế đinh đất Hà Tiên, dân Hán, dân Minh Hương khác nhau; còn sản nghiệp thời người Chân Lạp không so với dân Hán được, chỉ mỗi năm thu tiền suất đinh mà thôi.

Tháng 7 nhuận, cho dân đói trấn Hải Dương mượn lúa.

Tháng 8, nước Xiêm khiến Sứ tới cáo tang vua Phật vương, quan Tổng trấn Gia Định tâu lên, Ngài khiến bãi triều 3 ngày. Sứ Xiêm đến Kinh, Ngài cho lên điện, ban hỏi rằng: "Xiêm với Diên Điện thù oán đời đời, nay Hồng Mao đánh Diên Điện, nếu được thời chắc sẽ đánh luôn đến Xiêm, vậy thời Xiêm có thể lo, không thể mừng đâu". Bèn hậu đãi cho về, liền khiến Sứ đem đồ tới điều.

Chương cơ Nguyễn Văn Chấn, Nguyễn Văn Thắng dâng sớ xin về nước; Ngài cho.

Lại định thuế kim hộ Quảng Nam: Định thuế vàng mỗi năm một người nạp 3 đồng 3 phân, tha khỏi thuế thân.

Tháng 10, tha thuế ruộng mùa thu bị tai cho huyện Đông Thành ở Nghệ An, lại hoãn đòi lúa giống cho mượn khi trước.

Tháng 11, quan Thị đốc học sĩ hưu trí là Trần Văn Tuấn có tội phải giam hậu. Tuấn khi trước bảo hộ nước Chân Lạp, người Chân Lạp tin yêu; đến khi về Gia Định, người Chân Lạp thường qua lại đưa đồ và hỏi thăm; gặp khi ấy có tên Thông ngôn Lê Văn Chân riêng qua đất Chân Lạp. Lê Văn Duyệt bắt được, như lấy được thơ vua Chân Lạp đưa cho Văn Tuấn, mới đem việc ấy tâu tham, xin cứ luật "Giao thông ngoại cảnh" mà nghị trị.

Tháng 12, nước Đại Pháp khiến người đem Quốc thư và phẩm vật tới xin thông hiếu, tâu đến cửa Đà Nẵng, quan dinh Quảng Nam tâu lên, Ngài ban rằng: "nước Pháp với Anh Cát Lợi thù nhau, năm trước nước Anh thường cầu nạp khoản, ta khước không chịu, nay có lẽ nào cho nước Pháp thông hiếu nhưng ta nghĩ đức Hoàng khảo ta khi mới khai quốc, có khiến ông Anh Duệ thái tử qua nước Pháp, vẫn có ơn cũ, nếu khước ngay đi, e không phải ý đãi người xa". Bèn khiến làm tờ thơ sớ Thương bạc trả lời và thưởng cấp cho về; còn quốc thư và phẩm vật không cho dâng lên.

Quan thành Gia Định tâu: "Đạo Quang Hóa giáp với Chân Lạp, ngoài tiếp Thuận Thành, trên thông Ai Lao, thành ấy rất là quan yếu, như nay yên lặng, nên phải giữ phòng; xin lượng trích dân phụ cận 50 người lựa bổ vào lính Phiên binh hậu cơ, thúc làm đội nhì Phiên võ, để cho người quen thủy thổ và tiện phòng giữ". Ngài theo lời tâu.

Ứng hòa công là Mỹ Đàng có tội, truất làm thứ nhưn (Mỹ Đàng là con ông Anh Duệ).

Năm Ất Dậu thứ VI (1825), tháng giêng, tha thuế thân năm ấy cho trong ngoài các trấn.

Khiến quan Quốc tử giám lựa cử Giám sanh tùy tài mà dùng. Quan tế tửu Trần Trọng Tuấn, Tư nghiệp Thân Văn Quyền vì dạy bảo không chăm, tuyển cử không tinh, phải truất; khiến các quan xét hạch sanh viên, phân biệt kẻ hay người dở, hạng ưu là bọn Nguyễn Quốc Tá 7 người, cho thọ làm Khiển thảo; hạng bình ở lại học; hạng thứ đình một tháng bổng; còn hạng liệt thời thải về.

Tháng 2, mới đặt chức Tri huyện huyện Long Xuyên và Kiên Giang.

Hiệp tá đại học sĩ Trịnh Hoài Đức mất. Trịnh Hoài Đức là trọng thần trong nước, khi mới trung hưng, được yêu dùng nhiều; đi sứ nước Đại Thanh, cầm quyền thành Gia Định, công nghiệp rõ ràng; kịp khi mất, Ngài thương tiếc lắm, tặng cho chức Thiếu bảo Cần chánh đại học sĩ, tên Thụy là Văn Khắc, cho tế và cấp tuất hậu lắm.

Tháng 3, đào sông Vĩnh Định ở Quảng Trị. Vì bấy giờ các trấn lâu không mưa, giá gạo hơi cao, Triều đình bàn khởi việc công dịch để lấy tiền nuôi dân. Sông đào xong, tùy bậc thưởng cấp.

Tháng 4, trấn Thanh, Nghệ giá gạo hạ mau lắm, quan trấn chưa tâu báo, Ngài ban dụ quở. Cách vài ngày tờ tâu đến, Ngài xem mừng lắm; như sắc cho các địa phương cứ giá gạo nơi lý sở, một

tháng tâu một lần; gặp có gió, mưa, hạn, lụt khác thường, phải cử biệt tập tâu ngay, do tòa Khâm thiên giám chuyển tâu lên.

Ngài ngự tuần thú dinh Quảng Nam. Ngày Ất Vị từ Kinh sư ra đi, ngày Đinh Dậu qua núi Hải Vân, rồi đi biển đến cửa Đà Nẵng. Bấy giờ có tàu buôn Thái Tây nghe thuyền Ngài đến, phát 21 tiếng súng mừng, là theo quốc tục lễ mừng vua. Ngài khiển đem trâu và ngựa ra cho. Ngày Mậu Tuất thuyền Ngài đến bến Hóa Quê, ngự lên núi Ngũ Hành; ngày Canh Tý đến dinh Quảng Nam, tha thuế thân toàn hạt ấy 10 phần cho 3 phần; ngày Quý Mão trở về; tuyền bậc thưởng tiền cho lính hầu ngự.

Lại đào sông Vĩnh Điện. Ngài đi nam tuần xem thấy đàng sông hẹp, nên khiển đào cho sâu.

Mới chế tiền đồng nặng 9 phân; vì nghĩ chất tiền mỏng thời hay hư, mới ban thức cho trường đúc tiền ở Kinh và cuộc Bảo tuyền¹ ở Bắc thành đúc lại; còn thứ tiền đồng cũ nặng sáu phân thời không dùng nữa, chỉ có tiền kẽm nặng sáu phân thời cứ tiêu dùng như cũ.

Đồn Oai Viễn tại Gia Định xin cải đồ y phục theo như tục Hán; Lê Văn Duyệt tâu lên, Ngài cho.

Tháng 7, có năm huyện ở Hải Dương, Nam Định thuộc về Bắc thành, như trời hạn, nước mặn lên, có nơi không cấy được, có nơi cấy mà bị hạn, quan Tổng trấn tâu lên, Ngài khiển khám xét nơi nào không cấy được thời tha thuế, nơi nào tổn hại thời cứ lệ mà tha cho.

Trấn Nghệ An, Nam Định bị gió bão, thuyền chìm, nhà hư, người chết đuối nhiều, Ngài khiển phát tiền chẩn cấp.

Ngày Giáp Tuất, sao Chổi mọc phương đông nam, về phần sao Mão, chỉ qua Tây Bắc, sau lần lần nhỏ lại, đến đầu tháng 11 mới lặn.

Tháng 9, lại định phép dạy, phép khảo, phép hạch, phép thi học trò và phân biệt các học thần kẻ hay người dở. Các phép ấy kể từ năm thứ 7 hiệu Minh Mạng thi hành là đầu.

Tháng 10, trấn Nghệ An có trộm cướp, Ngài cho Trương Văn Minh làm Trấn thủ, Nguyễn Đức Nhuận làm Tham hiệp. Nhuận đến trấn rồi, trộm càng nhiều, Nhuận tự xin đem binh trong trấn tùy cơ nã bắt. Ngài cho.

Định lệ quan văn quan võ các trấn xin ý kiến nhau (vì bấy giờ quan văn quan võ lấy phẩm hàm chống nhau, vậy nên mới định từ nay phạm quan Hiệp trấn và Tham hiệp tới lý sở, mà thuộc biên đến yết kiến, nếu thuộc biên hàm cao, thời làm lễ hai ấp, quan văn đáp lại 4 ấp; hàm ngang nhau, thời làm lễ 4 lạy, quan văn cũng 4 ấp; hàm thấp thua phải 4 lạy; quan văn cứ ngồi chấp tay giờ lên).

Tháng 11, quan thành Gia Định tâu: "Số đinh biệt nạp trong hạt chỉ có dân hạng tráng, hạng lão và hạng tàn tật mà thôi; mà Minh Hương lại có hạng cùng khổ thuế; và chẳng trong 10 đình thời được kể một tên cùng, là lệ dân thiết nạp, nay Minh Hương cũng biệt nạp như dân khác, thời giống như bên khinh bên trọng; xin phạm trong sổ những hạng cùng đem làm hạng tráng cả, cứ lệ mà lấy thuế". Ngài theo lời tâu.

Quan Tế tửu Quốc tử giám là Phan Bảo Định điều trần 5 việc: 1⁰ là mở kinh diên; 2⁰ là trừ trộm cướp; 3⁰ là nghiêm răn việc tang hối; 4⁰ là cấm cờ bạc; 5⁰ là định lệ tuần ty thu thuế (xin sai thuộc viên biên binh thu thuế chánh cung, nếu có kẻ cướp thời hiệp với lính đồn nã bắt, vậy thời làm một việc mà được hai). Ngài ban khen.

Năm Bính Tuất thứ VII (1826), tháng giêng, đòi hiệp trấn Nghệ An Võ Xuân Cẩn về Kinh để thăng chức khác, đem Tham tri Nguyễn Khoa Hào thay chức.

Quan Bắc thành tâu: "Trong 13 huyện trấn Hải Dương như đói lưu tán hết 108 làng, ruộng bỏ hoang hết 12.700 mẫu, thuế mùa đông năm ngoái không lấy gì nạp được". Ngài khiển tha thuế cả.

Khiến Trấn thủ Bình Hòa Nguyễn Văn Quế, Trấn thủ Phú Yên Trương Văn Chánh, Trấn thủ Thuận Thành Nguyễn Văn Vĩnh chia 3 đạo quân tới đánh giặc Mọi.

¹ Bảo tuyền là cuộc đúc tiền.

Tháng 2, ngự Thổ trấn Nam Định là Võ Đức Cát (nguyên nó làm Thủ ngự ở đồn Ba Thắc, vì con nó giết người nên phải cách) củ tập bọn Phan Bá Vành, Nguyễn Hạnh mưu khởi ngự, cướp phủ Trà Lý và Lân Hải; Thủ ngự Đặng Đình Miển, Nguyễn Trung Diễn bị hại; Trấn thủ Lê Mậu Cúc đánh với nó bị chết; quan quân chết vài mươi người, còn thời tan chạy cả; súng, khí giới, thuyền mất hết. Quan Tổng trấn nghe báo, liền khiến Thống chế Trương Phúc Đặng theo đánh giặc tan, làng Đông Hào (về huyện Giao Thủy) bắt được Võ Đức Cát đem nạp, giết ngay.

Hữu Tham tri bộ Hình Nguyễn Hữu Nghi và Thượng bảo khanh Hoàng Quỳnh bị truất: vì mùa thu năm ngoái đi chăm trường Nghệ An trái phép, phái quan trấn là Võ Xuân Cẩn thâm tham.

Tháng 3, mới đặt lính Giáo dưỡng: cho từ con Suất đội trở lên tình nguyện thời cấp cho lương tháng, khiến quan Đại thần chuyên quản, cho học võ nghệ.

Tháng 4, Ngài ngự tới dinh Quảng Bình, tha thuế thân năm ấy cho dinh Quảng Bình, Quảng Trị, 10 phần cho 3. Lại nghĩ hai hạt ấy tiết thứ báo tai, tha khỏi khám và tha thuế điền 10 phần cho 5.

Tháng 5, đặt vệ quân Kiên hùng ở Hà Tiên. Hà Tiên có dân Chân Lạp biệt nạp, hơn 500 người, quan thành Gia Định xin thúc làm 10 đội; đặt một Chánh đội, một Phó đội, một Trưởng chi, theo như lệ đồn Oai Viễn; phạm những họ, tên đều đổi tiếng Mọi mà dùng chữ Hán. Ngài cho.

Tháng 6, giặc Thổ ở Thanh, Nghệ đều yên, tướng giặc Ninh Đăng Tạo trốn xa; Ngài khiến triệt binh về. Sau tên Tạo đến Bắc thành đầu thú, đem giết ngay.

Tháng 7, Gia Định có bệnh dịch, binh và dân chết đến 18.000 người; từ Bình Thuận đến Quảng Bình báo tai. Ngài khiến lập đàn tế cầu tại Kinh, các trấn đều lập đàn tế cả; lại tha thuế năm ấy cho Gia Định.

Chương hậu quân Quận công Lê Chất mất. Ngài thương xót, đình triều 3 ngày, tặng chức Thiếu phó thụ là Đồng Nghi.

Nước Xiêm khiến Sứ qua tạ ơn và báo tang Tổ mẫu trong nước. Khi Sứ tới Kinh, Ngài thông thả hỏi rằng: "Hồng Mao với Diến Điện sắp đánh nhau, ta nghĩ như để hai nước nó giữ nhau, thời Xiêm tính việc trong nước được; nếu có một bên được, thời Xiêm có thể không yên". Rồi hậu tặng cho về.

Ngài mở địa đồ chỉ bảo các quan rằng: "Ta nghe Xiêm La với Hồng Mao cấu kình nhau; nếu đánh nhau, thời đất Hà Tiên là nơi hai nước xung đột, ta nên trừ tính thế nào mà phòng bị; hưởng Xiêm là lân hiếu với ta, như nó cần nạp, nên cứu hay không, thiệt là khó xử".

Thuyền chủ nước Đại Pháp là Cốt Tu My tới buôn ở cửa Đà Nẵng, đem dâng đồ hóa vật của Nguyễn Văn Chấn gửi qua; Ngài khiến đem để vào kho, mà trả giá 7.680 lượng bạc; lại tha thuế thuyền nhập cảng 10 phần cho 5; phát phẩm vật trong kho gửi cho ông Chấn, ông Thăng và gửi sắc dụ hỏi thăm.

Định lại lệ thuế xã Minh Hương biệt nạp ở các xứ: mỗi người nạp một năm hai lượng bạc, dân đình già yếu cho nạp một nửa, dung dịch thời tha cả.

Định điền thuế người Tàu ở Gia Định. Đất Gia Định núi chằm nhiều lợi, người tỉnh Môn, Quảng đến ở ngày càng đông, làm nghề buôn, nghề ruộng, mỗi năm nạp tiền dung dịch mỗi người 6 quan 6 tiền, hạng cùng làm thuê thời tha thuế; nhưng thường năm xét người nào có tư cơ thời mới lấy thuế.

Thuộc hạt trấn Hải Dương thường năm mất mùa luôn, giặc phá, dân lưu tán; quan Tổng trấn không tâu. Ngài dụ ban quở. Nguyễn Hữu Thận mới trích những sự cực khổ 37 làng tâu lên. Ngài khiến những thuế phải nạp năm ấy và tiền lúa năm trước còn thiếu đều tha cả.

Tháng 8, cấp cho Khâm thiên giám một cái Phong vũ xích và một cái Hàn thử xích; lại cấp cho thành Gia Định mỗi thứ hai cái và cho xứ Cực bắc là trấn Tuyên Quang, Lạng Sơn, Cực nam là 3 trấn Hà Tiên mỗi trấn một cái Hàn thử xích để trắc nghiệm, cuối năm hội biên đưa về Bộ để tâu.

Cho Lễ Chung tập phong tước Ứng Hòa hầu, ban sách mạng để chủ việc tế ông Anh Duệ hoàng thái tử.

Thuyền buôn nước Anh Cát Lợi bị nạn đậu tại BìnhThuận, Ngài khiến quan trấn đem tiền gạo cấp cho; rồi bọn nó có 7 người thiện tiện qua thành Gia Định, Ngài khiến đưa vào Gia Định cả, chờ gió thuận đưa về.

Tháng 9, trong Kinh kỳ bị lụt, bão, nước tràn; Nam, Nghĩa cũng báo tai; Ngài khiến chẩn cấp.

Tháng 10, phân phái những Cống giám đậu Khiêu hơn 60 người ra hậu bổ Tri huyện các thành, dinh, trấn, để học tập chánh sự, huyện nào khuyết thời cho đi quyền, làm việc giỏi thời cho thiết thọ ngay. Ngài cho bọn ấy bái kiến tại Đông Các, đình ninh cáo dụ: trước dạy nghĩa vua tôi, cha con, sau dạy đạo làm quan tận chức; rồi mỗi người 20 lượng bạc và cho đi trạm; những Hương cống hậu bổ ấy số người Nghệ An nhiều hơn, Ngài mới ban hỏi quan Tham tri Phan Huy Thực, Thực tâu rằng: "học trò Nghệ An chăm học nhiều hơn". Ngài ban rằng: "ta xem người Nghệ An khí phách hào mại, trừ Phú Xuân, Gia Định ra, còn các trấn đều tha cả, nên Liệt thánh xưa lựa thân binh người Nghệ An phần nhiều".

Khiến dân châu Bồ Chánh ở Quảng Bình đổi cách ăn mặc.

Tháng 11, mới định lệ thưởng phạt về việc hình án hơn kém, kể từ tháng giêng hiệu Minh Mạng thứ 8 làm đầu (như những kiện: mạng, trộm, địa giới, trộm trâm, giảo, thời trong 3 tháng kết án cho xong).

Tặng cho Tri huyện Phù Ninh ở Sơn Tây là Nguyễn Thế Cát hàm đồng Tri phủ. Bấy giờ tướng giặc ở Sơn Tây là Lê Trọng Liên ăn cướp làng Viên Lãng, hạt Phù Ninh, dân làng bắt được đảng ấy 6 tên; Thế Cát qua khám giải về, đi qua đàng Tử Đà, giặc xông ra đánh, cướp lấy tù, Cát bị hại; việc tâu lên, Ngài ban gia ơn truy tặng và cho tiền 50 quan. Sau quan dinh bắt được tên Liên, đem giết (Thế Cát sau được liệt tự vào miếu trung nghĩa).

Tháng 12, giặc Thổ ở Nam Định là Phan Bá Vành với Nguyễn Hạnh (ngụy xưng Hữu quân) đem hơn 5.000 quân xâm cướp các huyện Nghi Dương và Tiên Minh ở Hải Dương; lại liên kết với đảng Tàu Ô cướp ngoài biển, chống với quan quân, quan Trấn thủ là Nguyễn Đăng Huyền đánh không được, quan Tổng trấn Bắc thành tâu lên, Ngài thăng cho Trương Văn Minh hàm Tiền phong đô Thống chế chuyên quản lính Bắc thành, hiệp đồng với Nguyễn Hữu Thận coi việc quân.

Chuẩn cho quan Tham hiệp Thanh Hóa là Nguyễn Công Trứ, Tham hiệp Nghệ An là Nguyễn Hữu Thận, Trương Văn Minh tham tán việc quân; binh Nghệ An thời giao cho Đức Nhuận đem qua sai phái; khiến Quản cơ Thanh Hóa là Võ Văn Bảo coi 4 chiếc thuyền quân; Quản cơ Nghệ An là Trương Văn Tín coi 14 chiếc, mau tới Hải Dương hội hiệu.

Năm Đinh Hợi thứ VIII (1827), tháng giêng, Hoàng hậu lục tuần đại khánh tiết, ban 13 điều ân chiếu ra trong ngoài.

Khiến quan trấn Nam Định xét thiệt trạng quan, lại, binh, dân tâu lên.

Phan Bá Vành lại tụ chúng ở phủ Thiên Trường và Kiến Xương, quan Bắc thành xin phái thêm lính Kinh với thuyền và súng cho mạnh thêm thế quân. Ngài khiến quan Hậu quân phó tướng Ngô Văn Vĩnh đem quân Hậu bảo Vệ nhì qua Bắc thành hội tiểu, lại phái Trung dinh Tả dinh vệ quân Thần sách ở Nghệ An mỗi dinh một viên Vệ úy theo sai phái ngoài Bắc thành.

Tháng 2, cho Thân Văn Duy quyền coi tào binh Bắc thành, nhưng cho tham tá việc quân. Duy thấy giặc lâu chưa yên, dâng sớ xin đi, Ngài khen mà cho.

Tên Vành đem quân vây Phạm Đình Bửu ở chợ Quán. Phạm Văn Lý, Nguyễn Công Trứ chia 3 đạo quân tới cứu, trong ngoài giáp đánh, giặc tan, Vành chạy vào làng Trà Lũ, đắp thành, đào hào, làm mưu cố giữ.

Giặc Thổ ở Gia Định yên. Vành ở làng Trà Lũ, quan quân vây giữ thế nó cùng, toan nhơn đêm chạy ra biển, phái Phan Bá Hùng đón giữ, quan quân thẳng vào đến nơi, bắt được tên Vành và đảng nó hơn 760 người, thuyền và súng lấy được hết, tờ báo tâu lên, Ngài tuyền bạc ban thưởng.

Tháng 3, khiến quan Thống chế lãnh Trấn thủ Nghệ An là Nguyễn Văn Hiếu, Hình bộ Thượng thư là Hoàng Kim Xán kinh lược trấn Sơn Nam và Nam Định, Thân Văn Duy tham tá việc kinh lược; khiến đình thần bàn mấy điều khoản: "thương yêu dân điều tàn, chinh đồn các quan lại"; chuẩn cho thi hành.

Vạn Tượng với Xiêm đánh nhau, Ngài nghĩ thượng đạo Cam Lộ thông với Xiêm, bèn khiến Quan đạo Tổng Văn Uyển dò xét việc ấy.

Ứng Hòa hầu Lê Chung đổi phong làm Thái Bình hầu.

Tháng 4, các quan Kinh lược đến Nam Định, xét hỏi những điều cực khổ dân, nơi nào bị giặc phá đốt thời cấp tiền lúa, nơi nào bị hại thời cho tiền tuất; xét việc kiện cáo và việc gian tham, quan lại ai cũng sợ hãi. Chánh án ở Nam Định là Phạm Thanh, thơ ký Bùi Khắc Kham tham nhũng lắm, khiến giải đến chợ chém ngang lưng, tịch gia sản phát cho dân cùng; Tri phủ Nguyễn Công Tuy tham tàng, tội phải chết; lại xét Đồng tri phủ Ứng Hòa là Phạm Thọ Vực, Tri huyện Đại An Nguyễn Văn Nghiêm để nha lại làm những điều tệ, phải cách chức cả; còn những người nào không xứng chức cũng phải bãi về hết thảy.

Đúc lại tiền đồng lớn hiệu Gia Long thông bửu, cứ nặng một đồng cân làm chùng (là muốn tỏ rõ mỹ hiệu Hoàng Khảo Cao Hoàng Đế cho lâu dài).

Tháng 5, mới đúc tiền đồng lớn hiệu Minh Mạng thông bửu, cứ nặng một đồng cân làm chùng.

Quốc trưởng Vạn Tượng là A Nổ đánh với Xiêm bị thua, con là Chiêu Ba Thắc bị Xiêm bắt, A Nổ chạy ra Tam Động xin phụ làm dân ngoài biên, dâng chức cống, để cầu cứu. Ngài khiến đem lính Thanh, Nghệ giữ bờ cõi nước mình.

Khiến quan Thống chế dinh Long Võ là Phan Văn Thúy sung chức Kinh lược biên vụ đại thần, khiến lãnh chức Trấn thủ Nghệ An; Phó tướng Nguyễn Văn Xuân sung chức Bang tá đại thần; Đoàn Văn Trường, Lê Văn Xuân sung chức Bang tá đại thần; Đoàn Văn Trường, Lê Văn Quyền đều sung chức Bang tá; Thượng thư Trần Lợi Trinh sung chức Tham tán, đem 2.000 lính Kinh, 30 con voi; lại khiến quan Thái y đi theo quân điều hộ, tới cứu Vạn Tượng và phòng giữ Xiêm.

Tháng 5 nhuận, người Xiêm đánh tiếng: trước lấy Vạn Tượng rồi sau lấy Lạc Hoàn. Ngài dục bọn Phan Văn Thúy tấn quân và đưa thơ cho A Nổ, nói rằng: "quan binh đã tới đó, thêm quân đóng giữ, người nên chọn nơi đóng vững, đừng sợ gì".

Khi trước Nguyễn Văn Chấn có dâng hai cái thước đồng Thái Tây tên là Đồng Nhật Khuy, Ngài để một cái trong cung, một cái cho Khâm thiên giám, chưa ai biết phép dùng thế nào. Ngài thường thông thả xem, biết được phép, mới bảo Phan Huy Thực, Nguyễn Danh Bi rằng: "thước đồng này bằng, nghiêng, cao, thấp, phân biệt độ số, gần thời đo được núi non, xa thời xem được trời đất, phép tài lắm". Nhon chỉ bảo rõ ràng, khiến tự suy nghiệm.

Cho giảm thuế ruộng trấn Định Trường, Sơn Nam, Sơn Tây, Bắc Ninh, Hải Dương; vì mùa đông năm ngoái phải tai hạn, sắc cho các trấn dâng án khám rồi sẽ nghĩ cho giảm, mà trấn Định Trường đã khiến dân nạp xong rồi, Ngài cho chiếu theo số được giảm, để khấu thuế năm sau, mà phạt bổng quan trấn.

Phan Văn Thúy đến Nghệ An, ủy cho Nguyễn Văn Xuân, Lê Văn Quyền tấn quân đóng ở đất Kỳ Sơn, Đoàn Văn Trường đóng quân ở đất Quy Hợp, Nguyễn Công Tiệp tá lý việc quân; Thúy đem quân tiếp đến, khiến người đi mật thám, thời lính Xiêm đã đi rồi, người mật thám đến thành Vạn Tượng đưa thơ rồi trở về.

Đoàn Văn Trường từ Quy Hợp tấn quân đóng Tam Động, A Nổ nghe quan binh đến, lại về ở Tam Động.

Kinh lược sứ Nguyễn Văn Hiếu tâu xin trừ tế trấn Sơn Nam và Nam Định, Ngài khiến tha thuế năm nay và thuế còn thiếu năm trước, binh điều tạp dịch cũng đều hoãn cho cả.

Tháng 6, tù trưởng Trấn Ninh là Chiêu Nội xin theo ngạch dân mình. Trấn Ninh nguyên thuộc về nước ta, đời Gia Long mới đem đất ấy cho Vạn Tượng; đến đây Nam Chương nhờ thanh thế Xiêm tới xâm Trấn Ninh, vừa người mật thám ta đến, Chiêu Nội lại mưu theo về nước ta và xin tân binh để ngăn

Nam Chưởng. Ngài dụ cho bọn Nguyễn Văn Xuân qua Trấn Ninh đóng quân giữ; bọn Văn Xuân khiến Vệ úy Tạ Quang Cự, Nguyễn Văn Linh đem 600 lính đi trước; nhưn tâu rằng: "từ Kỳ Sơn đến Trấn Ninh, khe núi hiểm mà cao, vận chở không được". Ngài dụ rằng: "Trấn Ninh trả về ta, ta nhưn mà chịu lấy, danh nghĩa rất đáng, hưởng chi rộng được bờ cõi cho ta, mệnh được phiên hàn cho ta, cơ hội ấy không nên bỏ mất. Nay đồn Lãn Điền hiện chứa muối gạo hơn 3.000 phương, vận qua cũng tiếp được, nên trước khiến người truyền bảo cho Chiêu Nội, phải chứa lương cho nhiều; Lê Văn Quyền đóng lại Kỳ Sơn, Nguyễn Văn Xuân, Trần Văn Trinh lập tức lựa tinh binh tấn phát, mỗi người mang lương và bạc mà qua; hễ ngày nào đến nơi thời trừ lương hưởng, sửa thành đồn, yêu ủy cho dân Mọi sở tại, hỏi cho rõ những các ngạch thuế đất đai và dân đinh, mà nhứt thiết những công việc sắp đặt ngày về sau, thời tùy việc tâu lên".

Ngài cùng các quan bàn việc ngoài biên rằng: "đất Trấn Ninh hiểm yếu, khi trước Lê Duy Mật giữ đó được hơn 30 năm hình thế rất hiểm; chỉ có việc Vạn Tượng thiết khó xử mà thôi; nay nên đưa thơ cho Xiêm, rồi sẽ liệu lý mới phải". Thống chế Trần Văn Long tâu rằng: "Xiêm là lân quốc ta, nay dùng binh mà không nói với ta, ấy là giấu ta, thời ta giả như không biết, đưa A Nỗ về nước, còn phải đưa thơ làm gì". Tổng Phúc Lương tâu rằng: "Xiêm cùng ta giao hiếu đã lâu, ta giúp Vạn Tượng mà không đưa thơ cho Xiêm, thời được bên này mất bên kia, không phải kể vẹn toàn, xin nghĩ cho kỹ".

Định lệ mỗi năm cấp tiền công nhu cho lục Bộ các nha (năm ấy tiền đầu đèn tổn hết 1.000 quan).

Tháng 7, nước Xiêm nghe quân ta đến gần cõi, mới để lại vài trăm lính cùng với em A Nỗ là Ấp Ma Hạt đóng ở thành Vạn Tượng; còn bao nhiêu đem về cả. Ngài nghe từng việc ấy, dụ cho Đoàn Văn Trường lựa 1.000 lính tinh tráng ở lại giữ Quy Hợp, Phan Văn Thúc đem đại đội binh tượng về thành Nghệ An nghỉ ngơi.

Nguyễn Văn Xuân, Trần Lợi Trinh đem quân đến Trấn Ninh, quan Nam Chưởng nghe tiếng bỏ đi rồi quân ta lượng để lónh khỏe mạnh 300 đóng lại giữ, bọn Văn Xuân đều triệt quân về Nghệ An, cho Quốc tướng Vạn Tượng là A Nỗ trú ở công quán Nghệ An, khiến A Nỗ cho đưa con Ấp Ma Hạt về, để xem tình thế thế nào (nguyên mẹ con Ma Hạt 4 người theo A Nỗ chạy về mình).

Bắc thành lụt lớn, Sơn Tây, Sơn Nam và Nam Định vỡ đê, ruộng ngập, người chết đuối nhiều; quan Bắc thành phái người đi phát chẩn và đem việc ấy tâu lên, Ngài dụ cho quan trấn cấp thêm.

Tù trưởng Trấn Ninh là Chiêu Nội biên những số dân và đất đai trong hạt đem dâng (đinh 3.000 người, ruộng 28 sở) xin định lệ cống. Ngài cho Chiêu Nội làm chức Phòng ngự sứ, quản lý việc phủ Trấn Ninh; còn Thổ mục 7 huyện thời đều cho làm chức Thổ tri huyện, huyện thừa, đều dụ khiến cho giữ đất trị dân, kính tuân triều cống, cấm không được theo làm việc với Vạn Tượng nữa.

Tháng 9, khiến quan Giám thành Lê Đức Lộc, Nguyễn Công Tấn đem binh trấn Nghệ An, một đảng theo Quy Hợp qua Lạc Hoàn, một đảng theo Lãn Điền qua Trấn Ninh, đều thẳng đến thành Vạn Tượng; phàm đi qua núi sông nào hình thế hiểm yếu hay là binh dị và dân cư xa hay gần, nhà ở nhiều hay ít, đều phải vẽ đồ dâng lên.

Tháng 10, lại truyền dụ khuyên răn những tệ cũ của quan lại ngoài Bắc thành.

Tháng 11, mới định lệ cấp tiền công nhu cho địa phương, chiếu theo nơi nhiều việc, ít việc mà cấp (lệ cũ: lấy tiền mãn trong thuế đinh, tiền thập vật trong thuế điền mà dùng, nay nạp về kho cả).

Có 3 tên Tù trưởng Mọi huyện Cam Cát, Cam Môn, Cam Linh về châu Trịnh Cao phủ Ngọc Ma trấn Nghệ An tới dâng đồn thổ sản, xin nội thuộc và chức cống. Ngài đều cấp cho dấu kiếm bằng gỗ, đồ ký bằng đồng, phong chức Thổ tri huyện, Huyện thừa, lại thưởng cho bạc; còn lễ cống cho sang năm sẽ hay.

Hoàng thái hậu lục tuần đạo khánh tiết, nước Chân Lạp khiến Sứ dâng lễ khánh hạ (đậu khấu, sa nhưn, cánh kiến, mỗi thứ 5 cân, 2 cái ngà voi, 2 cái sừng tê ngu, 2 đôi lộc nhung. Lạc Hoàn, Tam Động mỗi châu dâng 4 cái ngà voi, 1 cái sừng tê ngu).

Tháng 12, đặt 9 châu, 15 tổng về đạo Cam Lộ. Lúc bấy giờ các Mọi dâng số đình, điền; dân đình được 10.790 người, ruộng được 922 xứ. Ngài cho Sà trưởng đều làm Tri châu; Thổ đầu mục đều làm Chánh tổng.

Mới cấp tiền công nhu cho phủ; huyện; còn tiền lệ lấy của dân nhất thiết bãi hết. Khi trước tính lệ không có lương, nay cũng cho phân ban mà chi cấp.

Năm Mậu Tý thứ IX (1828), tháng giêng, trấn Hưng Hóa thám nghe nước Nam Chưởng chứa lương nơi biên địa, mưu phạm phủ Trấn Ninh, bèn đem việc ấy vào tâu; Ngài nghĩ Trấn Ninh mới phụ, làm thế nào để yên cho nó, mới cho quan Tư vụ Nguyễn Văn Lễ cải làm chức Cẩm y vệ hiệu úy, qua đó trú phòng; khởi phục Nguyễn Văn Hưng, Đình Biên làm chức Chủ bộ, bang tá việc trú phòng; lại khiến phái 100 lính thân sách ở Nghệ An theo đi thú, bổng lương thời cứ quan Phòng ngự sứ là Chiêu Nội cung cấp.

Tháng 2, mới mở ruộng tịch điền¹.

Tháng 3, châu Mang Vinh về phủ Cam Lộ dinh Quảng Trị có tên phạm trốn là A Điền Cáo họp 600 người Mọi phá dân châu ấy. Quan trấn khiến Nguyễn Văn Thạch đem quân đánh và dâng số về tâu. Ngài khiến Phó vệ úy Tôn Thất Chư đem quan Hiệp trấn Nguyễn Công Đàm qua Cam Lộ trấn áp. Thị lang bộ Lễ là Hà Quyền nghĩ mình từng coi việc nơi biên khốn, giữ gìn không cẩn thận, để cho tên Cáo vượt ngục trốn, làm hại dân ngoài biên, bèn dâng số nhận tội, xin đi. Ngài khen mà cho. Quyền đến Mang Vinh, Cáo nghe tiếng trốn trước, Quyền chiêu yên dân Thổ, khiến cho trở về làm ăn, rồi Quyền về Kinh.

Cho Thị lang Nguyễn Công Trứ làm chức Dinh điền sứ. Khi trước Công Trứ dâng tờ số xin 3 điều: 1⁰ nghiêm phép cấm để tuyệt bọn trộm cướp; 2⁰ rõ thường phạt để khuyên răn quan lại; 3⁰ mở ruộng hoang để giúp cho dân nghèo. Ngài cho, vì thế cho làm chức ấy.

Tháng 4, lại phái đội quân Tòng Thiện Nghệ An qua Tân Cương phủ Trấn Ninh, khiến Trú phòng là Nguyễn Văn Lễ quản lãnh kiểm thúc, đặt ra thập, ngũ, cấp cho lương tháng; lại lựa nơi hoang vắng, sức cho Chiêu Nội lượng cấp trâu cày, đồ làm ruộng, khiến đội quân ấy khai khẩn thành ruộng, để làm của riêng.

Khiến quan đi Kinh lược phủ Trấn Ninh. Nguyên A Nỗ nói rằng: "đã khiến người chiêu dụ bộ lạc ứng theo đưng gần vạn người; xin nhờ quan binh đưa đến giáp giới đánh tiếng cứu viện, để tôi đem binh thẳng đến thành cũ; nếu gặp binh Xiêm ngăn trở, tôi xin tự đương; việc xong rồi nếu Xiêm có lại khuấy nữa, thời tôi xin liều giữ thành trì, không dám như lối trước nữa". Ngài ban tờ sắc khuyên bảo A Nỗ và khiến Phan Văn Thúy sung chức Kinh lược đại thần, Nguyễn Văn Xuân làm phó, Nguyễn Khoa Hào sung chức Tham tán, đem 3.000 quân, 20 con voi qua Trấn Ninh đóng giữ; phái biên binh đưa A Nỗ về nước, khiến sứ kết hòa hiếu với Xiêm, để cho bỏ hiềm cũ với Vạn Tượng (tặng vua Xiêm 2 cân kỳ nam, sa, địa mộc, sa bông, vải nhỏ, mỗi thứ 100 cân; cho vua thứ 2 một cân kỳ nam, 1 cân quế, sa, địa mộc, sa bông, vải nhỏ, mỗi thứ 50 cân).

Mới đặt phủ Trấn biên ở Nghệ An, những huyện Sa Hồ, Sầm Tộ, Man Soạn, Mang Lan, Trình Cố, Sầm Na, và Man Xuy đều đem thuộc phủ ấy.

Người huyện Đăng Xương, Quảng Trị là Nguyễn Đăng Khoa dâng ấn ngọc, khắc 4 chữ triện: "Vạn thọ vô cương". Vừa gặp tiết Vạn Thọ, Ngài dụ từ nay trở về sau gặp tiết Vạn Thọ ban ân chiếu, thời dùng ấn này để ghi lấy việc tốt.

Phát thuốc chữa bệnh trong kho ra cho tướng sĩ sở Kinh lược; khiến quan Phòng ngự sứ Chiêu Nội chứa lương ở Lạc Điền để quân dùng; lại khiến quan trấn chờ 3.000 lượng bạc trong kho đến nơi quân thứ.

¹ Tịch điền là ruộng vua cày, để lấy gạo tế nhà tôn miếu và khuyên dân làm ruộng; vua chỉ đứng bờ ruộng đẩy cày 3 lần để làm gương.

Tháng 5, mới đặt Thổ Tri huyện và Huyện thừa cho 7 huyện phủ Trấn Ninh, đều cấp sắc mạng, đồ ký; nhưng theo phủ Trấn Ninh thông nhiếp.

Bọn Phan Văn Thúy đến Trấn Ninh, đóng binh ở Lạc Điền; A Nỗ tự xin đem quân dân nơi Phi tạo về thành Viên Chiên; Thúy khiến Chánh đội Nguyễn Trọng Hiệp đem đội quân Thần sách đưa A Nỗ, còn Thúy đem quân đại đội trở về.

Đặt sở đồn điền tại phủ Trấn Ninh. Ngài bảo bộ Binh rằng: "Trấn Ninh đất rộng người ít, địa lợi chưa mở hết, mà sĩ tốt không việc, chỉ ăn nhờ người ta, sao cho được lâu?". Bèn khiến Hiệu úy Nguyễn Văn Lễ đem binh đình và tù phạm đóng đồn làm ruộng, để chứa cho nhiều lương.

Truyền cho binh trú phòng ở Trấn Ninh về, còn những tù phạm phát qua làm binh làm nô, thời giao cho Phòng ngự sứ Chiêu Nội quản thúc.

Tháng 6, A Nỗ đến thành Viên Chiên, binh Xiêm lui về đồn Phiên Bác đóng giữ, rồi trở lại chiếm lấy kho Vạn Tượng; A Nỗ cùng với tướng Xiêm đánh nhau, quân chết và bị thương nhiều lắm. Ngài dạy rằng tại A Nỗ gây hiềm, liền sai Phan Văn Thống thiết trách nó và khiến nó tạ lỗi với Xiêm, trả súng ống, khí giới cho Xiêm, để khỏi giận nhau; lại khiến bộ Lễ làm thơ ủy Chánh đội Hà Tiên là Mạc Công Tài đệ qua Xiêm; kíp khi bọn Phan Văn Thống đến bờ sông Khung Giang bị tướng Xiêm là Thung Vi Xây chặn đánh, Thống với tùy binh bị hại cả, chỉ có Lê Đình Duật bị bắt qua Xiêm; có tên lính Mọi chạy thoát được về báo Nghệ An, quan trấn đem việc tâu lên; Ngài khiến quan trấn phái người qua thám thính, nhưng truyền cho các tù trưởng Tam Động, Lạc Hoàn nhóm các bộ lạc cứ địa hạt mà phòng giữ.

Tháng 7, mới đặt phủ Lạc Trấn và phủ Tĩnh Biên ở Nghệ An. Khi trước các Tù trưởng Tam Động, Lạc Hoàn đến trấn dâng đồ thổ sản, xin cho sắc ấn và chức hàm, cũng như 3 phủ Trấn Ninh, Trấn Biên và Trấn Định đều thuộc về bờ cõi nước ta, đời đời dâng chức cống. Quan trấn tâu lên: Ngài cho y.

Tháng 9, vua Vạn Tượng sai người đến Nghệ An xin cứu viện. Ngài khiến trấn ấy phúc thơ cho A Nỗ rằng: "Triều đình thương người hoạn nạn, cứu kẻ cô đơn, lo cho Phiên quốc cũng đã hết sức; gần đây người Xiêm sanh việc, chưa biết có phải chủ ý vua Xiêm hay tại biên tướng cầu công? Nhưng Triều đình lấy nghĩa hòa với lân quốc, lẽ nào tự mình động việc binh? Nghe nói quân người còn đến vạn người, lương hướng không thiếu, chùng cũng đủ giữ được; người nên thu phủ thần dân, giữ yên bờ cõi, Xiêm lại thời cự, Xiêm đi đừng theo, không nên chăm đánh người ta, phải gắng tự cường mà chờ cơ hội. Triều đình đang xét kỹ tình hình người Xiêm thế nào, sẽ có cách xử trí lớn lao". Lại khiến đòi 2.000 lính hạ ban quân thần sách ngày ngày thao luyện và phi sức cho phủ Trấn Ninh, Trấn Tĩnh, Trấn Định, Lạc Biên, phủ nào phải tuần phòng địa phận phủ ấy.

Mới đặt nha Đề chánh¹ (cho một ông nhứt phẩm văn sung chức Quản lý, một ông tam phẩm võ sung chức Tham tá; việc thường cho chuyên tâu, việc trọng thời thương đồng với quan Tổng trấn hội hàm sẽ tâu).

Nam Chương sai Sứ tới cống, Ngài cho chiêm bái trước điện, rồi đòi vào yên úy (Định năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi, 3 năm một lần cống).

Tháng 10, truyền đổi cách ăn mặc từ sông Gianh trở ra Bắc.

Mới đặt huyện Tiền Hải thuộc về phủ Kiến Xương ở trấn Nam Định. Nguyên trước ở gần biển có một dải bãi Tiền Châu bỏ hoang, giặc thường trốn núp tại đó, khi quan Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ đến, chiêu dụ dạy bảo dân, nhằm đo đất hoang ở Tiền Châu và hai bên bờ, chia cấp cho dân cày, cả thảy được 14 lý, 27 ấp, 20 trại, 10 giáp, sổ đinh, 2.350 người, ruộng hơn 18.90 mẫu, chia làm 7 tổng, tâu xin biệt lập một huyện, đặt tên là huyện Tiền Hải. Lại ở làng Ninh Cường, Hải Cát mở được 4 lý, 4 ấp, 1 trại, xin lập một tổng thuộc về huyện Nam Chân; ở tổng Hoàng Nha mở được 5 ấp, 1 trại, 3 giáp, cũng làm một tổng, thuộc về huyện Giao Thủy; còn bao nhiêu tùy gần tổng nào thuộc tổng ấy; đến như nhà cửa và ngư canh điền khí lượng lấy tiền công chi cấp cho. Ngài ban khen, mới cho Tri huyện Quỳnh Lưu là Võ Danh Dương (người trấn Sơn Nam) làm Tri huyện Tiền Hải. Công Trứ lại tâu: "những người dân

¹ Đề chánh là nha coi việc đàng đê.

nghèo muốn xin lãnh ruộng hoang mà khẩn còn đến hơn 1.000 người, tôi xét huyện An Khánh, Yên Mô thuộc về Ninh Bình đối ngang với huyện Nam Chân trấn Nam Định, theo một dải bờ biển, còn nhiều nơi bỏ hoang cày được, cũng chẳng kém gì huyện Tiền Hải; tôi xin qua đó nhằm đo, lập thành ấp lý". Ngài khiến hội với quan đạo Ninh Bình mà làm.

Mới đặt phủ trấn Man, đem huyện Trình Cỗ, Sầm Nưa, Man Xuy ở Trấn Biên lập ra phủ ấy mà đổi thuộc về trấn Thanh Hóa.

Vạn Tượng đánh Xiêm bị thua, A Nỗ bỏ thành chạy. Ngài dụ quan trấn Nghệ An chia binh thân sách quan trú phòng phủ Trấn Ninh và Trấn Tĩnh mỗi phủ 300 người, phủ Trấn Định 150 người, để giữ địa giới; và phái 300 lính trú đồn Quy Hợp làm tiếp ứng. Lại dụ Bắc thành, Thanh Hóa và Ninh Bình đòi lính luyện tập, để phòng khi sai phái.

Tháng 11, bọn Lê Nguyên Hy từ Xiêm về. Nguyên trước bọn Hy vâng mạng qua Xiêm, vua Xiêm hậu đãi, nói hết cố Vạn Tượng gây oán; rồi đưa quốc thư và phẩm vật đáp tạ, nhờ bọn Hy đem về dâng.

Sứ Xiêm qua Tàu bị gió bão, Ngài khiến đưa về nước.

Phủ Diễn Châu (Nghệ An) có tai sâu keo, Tri phủ Đỗ Huy Cảnh làm lễ nhượng, trời mưa to, có bầy quạ tới mổ ăn, một chập thời hết. Quan trấn tàu lên, Ngài khiến đem hương và lụa trong kho ra làm lễ tạ thần.

Lê Văn Duyệt khiến Nguyễn Đăng Giai về Kinh mật tâu việc biên cảnh.

Quan trấn Quảng Trị tâu: "tướng Xiêm đem quân tới xâm châu Tâm Bồn, giả nói đánh Vạn Tượng, nhơn cướp các dân Thổ va đòi hỏi công thuế các châu". Ngài khiến Tượng quân thống chế Phạm Văn Điển kinh lý việc biên đạo Cam Lộ, Lê Đăng Dinh làm Tham tán; lại khiến Tả dinh thống chế Nguyễn Văn Phụng đem lính Kinh, Quản đạo Cam Lộ Nguyễn Văn Thạch đem lính cơ Định Man và lính Thổ 9 châu đi tuần tiễu; Nguyễn Danh Bi tấn binh đóng ở Ai Lao, đánh tiếng cứu viện cho Nguyễn Văn Thạch.

Tháng 12, cho hậu cơ Phan Bá Hùng làm Chương cơ thống lĩnh 10 cơ lính Oai Thắng, vì Hùng có công bắt giặc, nên cử dùng.

Mới đặt lưu quan¹ các huyện ở phủ Tương Dương và chức Trấn thủ Lang Điền, Ngạn Phố.

Bọn Phan Văn Điển, Lê Đăng Dinh tấn quân đóng ở châu Lang Thần, tư cho Nguyễn Văn Phụng đem binh thẳng đến Ai Lao. Nguyễn Danh Bi tấn quân đến châu Ba Lan, đưa thư cho Xiêm, trách điều gây oán; tướng Xiêm Lý Khuất dẫn quân đi. Ngài khiến triệt quân về.

Bọn Phạm Văn Điển về Kinh, đem dâng bức địa đồ từ sông Khung tới Ai Lao. Ngài hỏi tình trạng người Xiêm và phong vật 9 châu. Điển tâu rằng: "người Xiêm khi mới đến thường cướp phá; từ khi quân ta tới, nó trông chừng chạy trốn; còn bộ lạc 9 châu bấy lâu cảm oai đức Triều đình, vừa nghe đòi, thời ứng mạng liền; nhưng tựu trung châu Mang Vinh ứng trước, như nơi Cương Tường có việc, thời châu ấy giỏi hơn". Ngài ban rằng: "từ Ai Lao đến Quảng Trị đi không đầy 10 ngày, thiết là nơi quan yếu, phải nên mở mang, nhơn chỗ hiểm lập đồn, để làm rào dậu ngoài cho nước ta; chừng 10 năm thời người 9 châu ấy đều làm quân ngũ cho Triều đình được".

Năm Kỷ Sửu thứ X (1829), tháng giêng, tha thuế thân năm nay cho phủ Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Nam, và Quảng Bình 10 phần cho 3; Nghệ An trở ra Bắc; Quảng Nghĩa trở vào Nam, 10 phần cho 2.

Mới làm lễ Nghinh Xuân, Tấn Xuân, chế ra 3 vị Mang thần và 3 con trâu đất, 2 cái núi Xuân sơn bảo tọa.

Cho con A Nỗ nước Vạn Tượng là Chiêu Sơ, Chiêu Tiễn trú ở phủ Trấn Tĩnh, khiến quan trấn mật sức cho quan phủ phải phòng vệ một cách kín đáo, nếu chúng nó thiếu thốn thời châu cấp cho.

¹ Lưu quan: quan chức do Triều đình cử đến để cai trị lâu năm các vùng dân tộc thiểu số.

Ngoài thành trấn Cao Bằng phố Lương Mã bị cháy hơn 100 nhà, mà người Tàu nhiều hơn; quan Bắc thành tâu lên, Ngài ban rằng: "người Tàu và người ta cũng là con, thương yêu như một, có phân biệt gì". Khiến cho chấn cấp cả.

Tháng 2, khiến sứ đưa thơ qua Xiêm, cho Lang trung bộ Hộ Bạch Xuân Nguyên sung Chánh sứ, Trương Văn Phụng, Nguyễn Hữu Thức giúp ất Phó sứ. Ngài nghĩ chuyến đi này đi sứ không phải là việc tu hiểu tầm thường, vậy nên Ngài đình ninh dạy bảo sứ thần, lại khiến mấy quan nghĩ trước mấy điều văn đáp giao cho sứ thần ghi nhớ.

Đào sông Trà Cũ ở trấn Phiên An (thuộc về huyện Thuận An), từ cửa sông Thủ Đoàn đến cồn Dừa làng Bình Anh, dài 1.220 trượng, rộng 9 trượng, sâu 1 trượng. Quan tỉnh Gia Định xin đào, Ngài thấy đàng sông chảy thông, mới đặt là sông Lợi Tế.

Bãi lệ đấu giá chằm, đằm, hồ, ao, ở các địa phương.

Tháng 3, lại định phép thi hương, thi hội. Khoa ấy đậu trúng cách 9 người, Phó bảng 5 người. thi hội Phó bảng từ đó là đầu.

Nước Hòa Xá khiến Sứ xin thông khoản. Sứ thần nói rằng: "nước tôi là Hòa Xá, vua tôi là Hòa vương, chưa hề nghe có nước Thủy Xá". Từ đó nó tới cống mới xưng là Hòa Xá.

Xiêm La khiến Sứ là Sá Hà Nô Lạc Phu tới tạ hòa hiếu. Ngài cho vào yết kiến, đem 3 việc: (1^o là lập vua Vạn Tượng; 2^o trùng trị tướng Xiêm khai hãn; 3^o mùa đông năm ngoại tướng Xiêm là Sủn Sam thiện tiện xâm các châu Cam Lộ cũng nên trùng trị, cho hai nước khỏi oán nhau). Bắt nó về nói với Phật vương liệu lý cho mau, không thể thời tình giao hiếu ba bốn đời này e không trọn được.

Thổ mục 9 châu ở Cam Lộ vào cống, đều dâng đồ thổ sản tạ ơn (9 con voi đực). Ngài thưởng cho 3 người Thổ tri châu đồ thường triều áo mào thất phẩm. Khi chúng nó vào bái yết, nghi tiết cũng nhằm; Ngài bảo bộ Lễ rằng: "năm ngoái ngoài biên có việc, chúng nó vừa nghe giấy đòi, thời ứng mạng ngay; nay mới mặc áo triều, mà biết xu bái chốn điện đình, không thất nghi, thiết là chúng nó noi theo đức hóa, bởi tự lòng thành, ta khen lắm". Bèn cho kẻ đi thay và Thổ lại mục mỗi người một bộ áo sa; đầu mục mỗi người một cái áo sa; lại đặt họ cho các Thổ tri châu.

Mới đặt huyện Kim Sơn thuộc về phủ Yên Khánh đạo Ninh Bình, lựa người đặt làm Tri huyện để khuyên dạy dân; nhà cửa, lương tháng, ngư canh điền khí thời đều cấp cho dân, y như lệ huyện Tiền Hải; còn ruộng thiết trưng và ruộng đã thành thuộc thời lấy thuế từ năm nay, ruộng lưu hoang thời đến năm Minh Mạng thứ 12 sẽ đánh thuế; đó là theo lời Nguyễn Công Trứ xin. Công Trứ lại dâng sớ xin lập ra Quy ước, khiến cho dân biết kiểm thúc, lâu cũng nên thói hay được: 1^o lập nhà học (đặt ruộng học tha thuế, khiến dân cày ruộng để làm học bổng; học trò 8 tuổi phải vào học); 2^o đặt xã thương; chăm dạy bảo dân làm ăn; 3^o cấm việc phòng giữ, 4^o nghiêm việc khuyên răn. Ngài khen phải.

Tháng 5, lập lý sở phủ Tương Dương và huyện Vĩnh Hòa, Hội Nguyên, Kỳ Sơn thuộc về Nghệ An; dời đồn bảo ở dọc ngoài biên đem về phía tây phủ lý, để làm nơi đày tù phạm; lại lập kho tạm ở tấn phủ Lang Điền, thu thuế 6 tổng huyện Nam Đàn và Thanh Chương chứa vào đó.

Thự Tham tri lãnh Dinh điền sứ Nguyễn Công Trứ về Kinh phục mạng, nhưn tâu: "làng Bồng Hải ruộng đất bỏ hoang, trước phái đo dư được hơn 700 mẫu, dân không chịu ký nhận; sau khiến khám lại chỉ dư 300 mẫu, xin sắc xuống cho quan đạo đo lại". Ngài giao Đình thần bàn. Rồi sau dân chịu thú nhận ruộng lậu hơn 630 và ruộng hoang đã khai khẩn mà lậu thuế hơn 400 mẫu. Quan đạo tâu lên, Ngài khiến trước vào sổ thuế, mà tha tội cho dân.

Bộ Hộ tâu dâng tổng sách số hộ trong nước, cộng 719.510 người. Ngài ngự chế bài "Hộ khẩu ký sự" mà ghi việc ấy (so với năm Gia Long thứ 18 thiệt tăng 106.598 người).

Tháng 6, Thống chế lãnh chức bảo hộ Chân Lạp Nguyễn Văn Thụy mất, cho quan Thống chế Nguyễn Văn Tuyên lãnh ấn bảo hộ Chân Lạp.

Tháng 7, Bạch Xuân Nguyên từ Xiêm về, Ngài khiến qua Quảng Trị hội đồng với quan Tham hiệp Hà Duy Phiên làm giúp việc tỉnh.

Định lệ thuế các phủ, huyện mới mở tại Thanh, Nghệ: mỗi đinh mỗi năm nộp bạc 2 đồng cân, Phòng ngự sứ và Thổ tri huyện, huyện thừa, theo ngạch thuế mà thu, đem nộp nơi sở tại; ruộng cày mỗi năm thay đổi khác chỗ, thuế chánh chung không biên vào sổ thuế, có khi nào điều bát việc quan thời tùy nơi lượng lấy lúa gạo, cũng đủ quân nhu các sở biên phòng; như gặp tiết khánh điển, cho đem vật thổ sản tới Kinh chúc hộ.

Tháng 8, định lệ thuế quế Thanh và thuế quế Nghệ, hạng nhứt nộp vào công cả, còn các hạng đều chia hai¹.

Ngày Bính Tuất, bà Nguyễn phi Phạm Thị vợ đức Hoàng trưởng tử sanh Hoàng tôn (là đức Dực tôn). Khi trước bà Phi chiêm bao thấy ông thần đầu bạc mày trắng, đem cho một bức giấy vàng chữ son dấu ấn ngọc, và một châu ngọc châu; rồi sanh đức Hoàng tôn.

Tháng 10, định lương học sanh Quốc tử giám và quy trình giảng tập.

Khiến Long võ vệ úy Tạ Quang Cự quyền lãnh Phòng ngự sứ phủ Trấn Ninh. Khi trước Phòng ngự sứ phủ Trấn Ninh là Chiêu Nội bắt vua Vạn Tượng là A Nỗ dâng cho Xiêm, mà lấy hết của quý; Ngài nghe, nhưng còn dung cho; bây giờ tới kỳ cống, không thấy nó tới; Ngài quả trái hạn, truyền đòi, Chiêu Nội thác bệnh không đi; Ngài mới khiến Quang Cự đem binh đến phủ mà tuyên lời dụ, như nó vâng mạng, thời ngày ấy phải đi ngay, mình sẽ phái quân hộ tống; nếu nó thác cố dùng dằng, thời bắt xiềng lại mà giải về trấn; có toan mưu chống cự, thời chém ngay trước quân cho chúng biết sợ.

Thuyền quan Công sai nhà Thanh là Hoàng Đạo Thái chở lúa đến Đài Loan, như gió trôi vào biển Hà Tiên, Ngài khiến chiếu lệ "phong nạn" chặn cấp.

Định biên binh ở Kinh và ở ngoài làm 3 bậc: 1⁰ thân binh; 2⁰ cấm binh; 3⁰ tinh binh.

Tạ Quang Cự bắt được Phòng ngự sứ Chiêu Nội giải về Kinh sư; Ngài giao cho Đình thần hội tra, nó chịu thú cả, đem giết và đem tội nó báo cáo cho các thổ phủ mới lập đều biết.

Tháng 12, cho Tạ Quang Cự làm Cẩm y vệ Chưởng vệ sự, nhưng quyền lãnh phủ Trấn Ninh. Cự tâu cử Thổ mục huyện Quảng là Chiêu Huống, Khâm Quét, đều là người quen việc, cho làm Bang tá việc phủ. Ngài cho

Năm Canh Dần thứ Xi (1830), tháng giêng, đặt chức Ấn quan Nội các.

Đào cửa sông Thiên Đức ở Bắc thành.

Thường phẩm vật cho quan binh trú phòng ở phủ Trấn Ninh, Ngài dụ bọn Tạ Quang Cự đem việc tướng sĩ yên lành, thổ dân yên lặng tâu lên, mỗi tháng tư cho Nghệ An hai lần. Ngài lại lấy thổ mục làm việc giỏi, mới cho Chiêu Huống làm Thổ tri huyện, Khâm Quét làm Thổ huyện thừa, sung chức Chánh phó Bang tá, chế ấn quan phòng ban cấp. Ngài lại lấy 3 viên ngọc trắng của Chiêu Nội dâng khi trước thưởng cho tên Huống 2 viên, tên Quét 1 viên.

Tháng 2, Ninh Bình tâu: "trong huyện Kin Sơn mây ấp mới lập, nhiều nơi bị nước mặn, phải chờ nước ngọt nhuần thấm mới thành ruộng được; xin tha 3 năm thuế". Ngài cho.

Tháng 3, truy phong Chánh đội Nguyễn Ngọc Huyền tước An ninh bá, lập đền thờ, con cháu đời đời tập chức Thiên hộ (như tiết Than minh, Ngài yết lăng Cơ thánh; nhớ công Huyền, vậy nên hậu báo).

Tháng 4, Tạ Quang Cự tâu: "dân xứ Mường Cài trong phủ Trấn Ninh hơn 100 người xiêu lưu qua Nam Chưởng chưa về". Ngài khiến bộ Lễ truyền dụ Sứ thần Nam Chưởng khi về nước phải nói với Quốc vương cho lưu dân Mường Cài trở về đất cũ, không được dung lưu; lại đem lời ấy viết vào tờ sắc thư, để vua Nam Chưởng tuân hành.

Tháng 4 nhuận, lại cho Thống chế Nguyễn Văn Hiếu lãnh trấn thủ Nghệ An, đòi Tạ Quang Cự về. Cự ở Trấn Ninh nghiêm ước thúc, cấm cướp phá, những tù phạm khi trước Chiêu Nội giam cầm thời tha cả. Từ đó trong cõi yên lặng. Ngài ban khen; lại nhớ đến năm trước Phan Văn Thúy cử được người giỏi,

¹ Chia hai cho quế bộ một phần, người tìm được một phần.

thường cho 3 cây sa đoạ trong kho, khiến con là Chánh đội Phan Văn Cửu đem qua ban cấp, để khuyên kẻ cử người hiền.

Khiến Bắc thành xét ngạch thuế chánh nạp và biệt nạp (có thổ sản thời nhưng cứ chịu thuế biệt nạp, tha khỏi binh điều; không thổ sản mà chịu khổng, thời tước ngạch biệt nạp, cho chịu binh điều như dân).

Tháng 5, khiến các trấn Bắc thành xét hạch kẻ thuộc viên trong trấn và lại dịch tại phủ, huyện (hạng ưu thời lượng cho thăng, hạng bình nhưng tại chức, bị nhuyển thời phải về, hạng liệt thời nghiêm trừng).

Tháng 6, khiến các địa phương đem địa bộ đóng kiểm lại (kiểm chỗ nào tẩy bỏ và chỗ số mục ruộng; bản Giáp để lại Bộ thời kiểm ấn Bộ, bản Ất để lại địa phương thời kiểm ấn sở tại).

Xiêm La khiến Sứ đem quốc thư và đồ thổ sản qua tạ. Khi đến Kinh, Ngài đòi lên điện, cất hỏi việc tên Sùng Sam sanh sự, khiến về nói với vua Xiêm, nên giết tên ấy cho toàn nghĩa hòa hiếu lân quốc. Kịp khi về, Ngài khiến đình thần lại soạn tờ thư giao cho.

Định lệ thuế người Tàu ở các địa phương. Khi ấy Gia Định tâu: khi trước đã tâu chuẩn cho người Tàu hề có tư cơ thời toàn trâu, kẻ cùng cổ thời khỏi thuế, cùng với lời Bộ bàn hơi sai (vô lực thời 3 năm một lần tư báo, đã có sản nghiệp thời đem vào hạng toàn trâu), nay Ngài khiến đình thần nghĩ lại, vô lực thời cho nạp nửa thuế, hạn cho 3 năm theo lệ toàn trâu, không phải xét báo nữa; như có kẻ mới phụ mà cùng cổ thời tha 3 năm thuế, hết hạn mà cũng vô lực, lại cho nạp nửa thuế, sau 3 năm sẽ theo lệ toàn trâu.

Quan Tổng trấn Gia Định tâu: "đồn Châu Đốc mới lập được 41 xã, thôn, phường, dân đình chỉ được hơn 800 người, địa lợi chưa khai khẩn hết, xin hoãn niên hạn, đợi khi nào thành sổ, rồi sẽ chịu thuế". Ngài cho, lại gia ơn tha điều dịch 3 năm.

Tháng 8, định lại nhật kỳ. Bắc thành tâu bao việc yên lan¹ (tháng 9 giáp tiết sương giáng, mới được tâu báo Yên Lan, trước một hôm cũng phải phòng giữ cho khỏi lo).

Tháng 10, ngày 1, trấn Nghệ An tâu: "Xiêm đưa thư cho phủ Trấn Ninh dụ nó cống Xiêm, xin khiến Phòng ngự sứ Chiêu Huống phúc thư đem nghĩa lý mà cự". Ngài cho. Lại phái người qua Vạn Tượng xét hỏi tình trạng ngoài biên mà tâu lên.

Tháng 11, tàu binh nước Pháp qua đậu cửa Đà Nẵng, nói muốn thông hiếu với ta và nói Hồng Mao mưu xâm tỉnh Quảng Đông, thế tất liên đến nước ta, dặn ta đừng giúp Quảng Đông. Người Đại Pháp lại tiện tiện lên núi Tam Thai đứng trông; như nói muốn có một người hướng đạo dẫn qua các hạt Bắc thành vẽ đồ; rồi chạy tàu đi. Ngài nghe, cách chức cả Thành phủ và Thủy ngự ở Đà An Hải, Điện Hải.

Khiến từ Nghệ An đến Bắc thành khuyên dạy việc trồng cây (bên đàng trong thành trồng cây nam mai (mù u) ba la mật (mít); bờ đê trồng cây liễu).

Năm Tân Mão thứ XII (1831), Tham tri Nguyễn Công Trứ, Hiệp trấn Nam Định Nguyễn Nhược Sơn bị cách. Khi trước làm quan Dinh điền, có tên quyền sai đội trưởng Phi Quy Trại tùng theo sai dịch. Trứ cùng Nhược Sơn bảo cử tên ấy làm huyện thừa huyện Tiền Hải; Thị lang bộ Hộ là Hoàng Quýnh nghĩ nhà tên Trại giàu mà không có khoa mục, mới tham hạch; Trứ và Sơn đều phải cách, Trứ giáng bổ Kinh huyện; Sơn giáng làm Tri huyện Tiền Hải; tên Trại phải trưng 100, cách về dân.

Khiến Lý Văn Phức đi thuyền hiệu Thụy Long đưa mấy người Tàu bị phong nạn là Giám sanh Trần Khải, Tri huyện Lý Chấn Thanh và hơn 40 người về Quảng Đông.

Tháng 2, phủ Trấn Tĩnh, Lạc Biên thuộc về Nghệ An tình nguyện nạp thuế, Ngài cho mỗi người mỗi năm nạp 2 đồng cân, như lệ phủ Trấn Ninh, Trấn Định, Trấn Biên; chỉ dân Lạc Biên chưa được no đủ, gia ơn triển hoãn.

¹ Yên lan là không nước lụt, hay là có nước lụt mà cũng không vỡ đê.

Tháng 3, xây thành Nghệ An.

Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt tâu: "thám nghe nước Xiêm đánh tiếng đem binh phòng ngự con A Nỗ nước Vạn Tượng là Hạt Xà Bông, kỳ thiết muốn lên tới xâm nước ta. Và lại bạn thân nước Chân Lạp tên là Ốc Nha Chiết Ma ở Chàng Kê Súc lên dụ người Lạp trốn làm phản, phải nên dự phòng; tôi đã phái thuyền binh qua đồn Châu Đốc, đánh tiếng đi lấy gỗ, mà mật sức cho quan bảo hộ tùy cơ ứng biến".

Khiến quan trấn Nghệ An phái người giỏi lên qua thám thành Vạn Tượng coi có binh Xiêm đóng không? và tin tức Hạt Xà Bông, tình trạng Xiêm động tĩnh thế nào? chạy giấy mau vào tâu. Rồi tâu rằng: "thành Vạn Tượng bỏ hoang, cũng không có binh Xiêm đóng, Hạt Xà Bông trốn vào rừng không biết còn hay mất". Ngài khiến lục lời tâu ấy giao cho Lê Văn Duyệt, Nguyễn Văn Quế xem kỹ, cho tỏ hết tình ngoài biên; rồi khiến triệt quân phòng biên về Gia Định.

Tháng 4, định lệ đo các cửa biển.

Khiến các địa phương trồng cây gai.

Tháng 5, định lệ xét phủ, huyện khuyến dân trồng cây. Suốt trong nước bên đàng, bờ sông, bờ khe, rừng rú, phạm nơi bỏ hoang, cho phép ai mà khẩn trước, hạn trong 3 năm coi số nhiều hay ít, xét công siêng hay nhác, tâu lên sẽ nghĩ; nếu đã đến 3 năm mà đất còn bỏ hoang nhiều, thời hạch tham nghĩ phạt, để phân biệt kẻ siêng người nhác.

Tháng 6, khiến quan Trấn thủ Hưng Hóa Võ Văn Tán đem binh và voi qua Chiêu Tấn kinh lý việc biên. Lúc ấy nước Tàu phái binh Mục Luyện hơn 600 người tới đòi đồn Phong Thu. Ngài khiến đưa thơ cõng quân thứ nước Tàu, đại lược nói: "tùy chỗ lập đồn giữ, bờ cõi đã rõ ràng, không nên nghe lời tên Điêu Doãn An mà sanh việc ngoài biên". Rồi hai bên triệt binh đem về cả. Sau Tán dụ bắt được Điêu Doãn An đưa về Kinh đem chém.

Tháng 7, lại lựa cơ binh Bắc thành: cứ số đinh năm Minh Mạng thứ 11, tham chiếu ngạch binh năm nay, chiếu lệ 7 đinh lấy 1, nhiều hay ít, thêm hay bớt, cốt cho vừa phải.

Tháng 8, mới định phủ, huyện, châu ở các địa phương làm 4 hạng khuyết: 1⁰ tối yếu khuyết; 2⁰ yếu khuyết, 3⁰ trung khuyết; 4⁰ giản khuyết.

Tháng 10, xây đài súng ở hòn Kim Dự trấn Hà Tiên. Ngài nghĩ nơi ấy gần Xiêm và Lạp, phải làm sao cho vững việc ngoài biên, mới lựa nơi quan yếu, xây đài sắc đặt súng.

Chuẩn định lệ thuế mỏ sắt các địa phương và thuế thiết bộ biệt nạp: khi trước đánh thuế sắt sống, bây giờ định lại nạp sắt nấu rồi, nhưng cho chức giảm phân số.

Định lệ thuế diêm tiêu ở Bắc thành, cho đem tiền nạp thay.

Tháng 11, gia tặng chức tước cho các công thần thân huân lúc khai quốc và lúc trung hưng.

Tháng 12, định lệ lựa cử phủ, huyện (khiến Đình thần xét các phủ, huyện nào khuyết hoặc nên do Đình thần cử, hoặc nên do Bộ lựa, hoặc nên do địa phương xét bổ; còn như người hậu thăng, hậu bổ, xét có khuyết thời bổ, do bộ Lại cứ chiếu lệ mà làm).

Năm Nhâm Thìn thứ XIII (1832), tháng giêng, định lệ thuế 9 châu phủ Cam Lộ tỉnh Quảng Trị. Bọn Thổ tri châu tình nguyện mỗi năm nạp ngạch thuế như các phủ Thổ mới lập ở Thanh, Nghệ mà tha chức cống. Ngài cho (mỗi năm một người nạp bạc 2 đồng cân, chỉ Tâm Bôn, Ba Lan, Mang Bồng, 3 châu ấy cho nạp thay tiền mỗi người một quan).

Cho Phòng ngự Đồng tri phủ Trấn Ninh là Chiêu Huống làm Phòng ngự sứ, Ngài cho họ là Kiều, tên là Huống, Thổ tri huyện Khâm Quét làm phòng ngự Đồng tri, cho họ là Khâm, tên là Nguyệt, nhưng hiệp đồng quản lý việc phủ. Vì các phủ, huyện mới lập ở Trấn Ninh mấy năm nay được yên lặng, Ngài khen bọn Huống biết chăm chức sự, hòa nhân dân, cho nên thăng. Ngài lại thấy các phủ, huyện mới lập ở Thanh, Nghệ đã đặt chức quan, mà danh xưng còn theo thói Thổ, vậy nên cũng cho họ và tên như người Hán.

Cho Tham tri lãnh Hộ Tào Gia Định Ngô Ban Nhơn bảo hộ Chân Lạp, giữ đồn Châu Đốc, kiêm lãnh việc biên trấn Hà Tiên.

Tháng 2, binh Ninh Thiện ở Nghệ An làm phản. Lúc ấy trú ở phủ Trấn Ninh có tên Trần Tứ, Đỗ Bảo theo tờ ngụy thư của tướng giặc là Lê Duy Lương (con Lê Duy Hoán), Quách Tất Tế mưu làm phản, xướng suất cho binh các đội giết Chánh đội giết Chánh đội Đỗ Trọng Thai và 8 người lính, cướp khí giới, theo đảng sơn phận Kỳ Sơn, Hội Nguyên mà đi ra Bắc. Tạ Quang Cự chia quân đón bắt và đem việc tâu lên. Ngài khiến các địa phương Thanh Hóa, Ninh Bình, Hà Nội và Sơn Tây phòng triệt cho nghiêm, lần lần bắt được hết thầy; tên Tứ và tên Bảo đều phải tội lăng trì.

Sửa thành tỉnh Lạng Sơn. Tuần phủ Hoàng Văn Quyền tâu: "bài chỉ thành Lạng Sơn có ghi rằng: "Triều Lê, năm thứ 26 đời Thánh Tôn sửa lại, năm thứ 17 hiệu Cảnh Hưng đắp thêm" cách thức so với các hạt rộng rãi hơn, nề nếp đã thành rồi, thiết là chắc chắn, hơn đó sửa sang thêm, thời cũng bền vững chốn biên thù mà khoa trương hình hiểm trở được". Ngài nghe theo.

Tháng 2, sửa lại viên tẩm ông Anh Duê Hoàng thái tử. Khi ấy tang Thái Bình công hết rồi, đã đem vào đó phối tự; Ngài khiến dời phủ đệ làm lại ở phía sau, cho Thái Bình hầu là Lê Chung ở đó để coi việc tế.

Sửa bia địa giới ở sông Đổ Chú tỉnh Tuyên Quang đời Bảo Thái nhà Lê, biên lại phủ Khai Hóa nước Tàu chiếm đất ngoài biên nước ta, vua Lê đưa thư cho Tàu, Tàu khiến quan qua hội khám, trả đất cho ta, chia địa giới ở sông Đổ Chú, bờ nam và bờ bắc sông ấy đều dựng bia làm ghi (bờ nam, bia nước ta khắc chữ: "An Nam quốc Tuyên Quang trấn, Vị Xuyên giới chỉ, di Đổ Chú hà vi cứ", nghĩa là: địa giới nước An Nam lấy từ sông Đổ Chú là cuối huyện vị Xuyên, trấn Tuyên Quang làm giới hạn. Bờ bắc bia nước Tàu khắc rằng: "Khai Dương viễn xứ thiên mạc, dữ Giao Chỉ tiếp nhượng chi xứ", nghĩa là: đất Khai Dương ở cuối cùng nước Tàu là nơi giáp giới địa phận nước Giao Chỉ. Khi ấy nước ta niên hiệu Bảo Thái năm thứ 9; nước Tàu niên hiệu Ung Chánh năm thứ 6). Đến đây bia bờ nam đổ gãy, quan tỉnh Tuyên Quang tâu lên, Ngài truyền cho sửa lại.

Tháng 4, định phép học ở Gia Định. Ngài nghĩ Gia Định nhiều người anh tú, nhưng nhác học, có kẻ đã hạch đậu 8 lần mà chưa đủ văn thể 4 trường; khiến bộ Lễ bàn định điều lệ, coi số học trò nhiều hay ít mà định truất, trặc.

Tháng 5, lại mở mỏ vàng ở tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Thái Nguyên, Tuyên Quang để thu thuế (khi trước gia thuế không ai lãnh trưng, phải lấp lại, đến đây mới thuê người Tàu lấy).

Mới đặt huyện Liêm ở Nghệ An, thuộc về phủ Trấn Ninh (dân số được 130 người, mỗi năm một người nạp bạc 2 đồng cân).

Tháng 6, khiến các địa phương làm địa bộ tiếp theo (vì những dân phiêu lưu mới về, lâu nay chưa làm sổ).

Xây thành tỉnh Hưng Yên (không có đá ong, toàn dùng gạch).

Tháng 7, định lại số bạc chứa thường trong kho Hà Nội (nguyên trước thường trữ 30.000 lượng, nay định lại cho chữ 10.000 lượng, dư thời đem về Kinh).

Chương tả quân lãnh Gia Định Tổng trấn Lê Văn Duyệt mất, tặng chức Tá vận công thần đặc tấn tráng võ tướng quân Tá quân đô thống phủ chương sự thái bảo quận công, thụy là Oai Nghi, tứ tể một đàn; ngày chôn, lại ban tế nữa. Rồi sắc cho hai vệ Tả quân đi thú ở Gia Định triệt về Kinh; vệ quân Minh Nghĩa triệt về nguyên tịch tỉnh Quảng Nghĩa, còn cơ An Thuận chờ khi nào chôn cất ông Duyệt rồi sẽ về Kinh.

Cho Nguyễn Công Trứ làm Bồi chánh sứ tỉnh Hải Dương, lần thăng chức Tuần phủ, thự Tổng đốc Hải An.

Tháng 8, Xiêm La khiến Sứ tới báo tang vua thứ hai, Ngài cho vào châu, hậu đãi cho về; Ngài khiến Lang trung Nguyễn Hữu Thức sung chức Chánh sứ qua điếu; Ngài dạy rằng: "sứ thần có sách chuyên đối, mấy đi chuyển này phải hỏi nó về tội tên Sùng Sam, khi luận bàn đem nghĩa lý mà trách,

nếu nó biết lỗi nhận cữu, thời cũng đã không nhục Sứ mạng, không nên hà trách quá, để giữ thể thống trong nước".

Tháng 9, quan Tổng đốc Ninh Thái là Nguyễn Đình Phổ, Tuần phủ Thái Nguyên là Trần Thiên Tội hội tâu: "giáp giới địa đầu hai tỉnh là xã Nga Mi (thuộc về huyện Hiệp Hòa) và thôn Ngọc Long (thuộc về huyện Tư Nông) đều nơi quan yếu, xin lập đồn trú phòng, cho tiện tiếp ứng". Ngài nghe theo.

Mới đặt viện Đô sát.

Khiến bộ Binh mật tư cho quan Tổng đốc Sơn Tây là Lê Đại Cương thám hỏi động Phong Thu ở tỉnh Hưng Hóa để xem tình trạng người Tàu gần đây thế nào tâu lên.

Lập đồn Định Biên ở Nghệ An (đồn ở phủ Trấn Ninh xứ Lang Man).

Tháng 9 nhuận, quan phủ phủ Lâm Thao là Phạm Nhữ Quá nhờn coi việc sửa thành phủ, đòi tiền hối lộ và ăn bớt tiền, gạo, kê làm thuê; án nghĩ phải tội đồ.

Thự Tổng đốc Hải An là Nguyễn Công Trứ tâu: "Đất Quảng Yên nhiều nơi bỏ hoang, khẩn trị được, đến chừng 100 mẫu, nhưng dân xứ ấy chỉ quen nghề đánh cá, đi buôn, không ưng làm ruộng; xin theo phép đồn điền, lượng phái lính thú, quan cấp cho đồ công nhu, khiến khai khẩn cày cấy, chỗ nào nên đắp bờ đê thời tùy nghi mà đắp, đến khi cắt lúa, coi được bao nhiêu, chia làm 3 phần, đem hai phần nạp vào kho, còn 1 phần cho quân cấp, khi thành ruộng rồi, mộ dân lãnh quản, mà theo lệ công điền đánh thuế". Ngài dụ khiến phải đến nơi xem xét. Công Trứ mới hội đồng với Tuần phủ Lê Đạo Quảng lựa được ở làng Lưu Khê, làng Vị Dương (thuộc huyện Yên Hưng), làng Yên Phong (thuộc huyện Ba Cam) có đất cày được cả thảy 3.500 mẫu, nghĩ xin đắp đê ngăn nước mặn, dài hơn 2.740 trượng, đem lính thú Quảng Yên và phái thêm lính cơ Hải Dương hiệp nhau mà làm, khi đê xong rồi, lượng để lính lại khẩn trị. Ngài cho.

Tuần phủ tỉnh Quảng Yên là Lê Đạo Quảng đem binh đóng cửa Tán, khiến Tri châu Phan Văn Vị đem quân Thổ Dõng qua núi Tây Chàng tuần thám, đánh bắt được tên giặc là Nguyễn Đình Thông. Việc ấy tâu lên, Ngài thưởng cho 1.00 quan tiền.

Khiến tỉnh Phú Yên và Bình Hòa sửa sang đàng sá.

Tháng 10, cải phủ Thuận Thành làm phủ Ninh Thuận. Ngài nghĩ rằng: Thị lang Lê Nguyên Trung đã từng làm hiệp trấn Bình Thuận, rõ biết tình trạng, mới khiến qua đó hiệp đồng với quan trấn trù nghĩ sửa sang công việc. Khi Trung đã đến, tùy địa thế chia đặt huyện An Phước, Tuy Phong thuộc về phủ Ninh Thuận; huyện Hòa Đa, Tuy Định thuộc về phủ Hàm Thuận; tại phủ thời đặt một Tri phủ, một Giáo thụ; Tuy Phong, Tuy Định mỗi huyện đặt một Tri huyện, một Huấn đạo, tổng thời đặt Chánh tổng, nơi Hán dùng người Hán, nơi Thổ dùng người Thổ, thuế ruộng đất của dân Thổ thời chờ 3 năm rồi sẽ lấy thuế; và cho chữ họ như chữ: Mai, Trúc, Tùng để cho phân biệt họ hàng.

Mới khiến từ Quảng Nam đến Gia Định mỗi hạt đặt chức: Đốc, Phủ, Bõ, Án và Lãnh binh, còn nguyên trước đặt chức Tổng trấn các tào và Trấn thủ, Tham hiệp đều bãi.

Tháng 11, Quốc trưởng nước Nhã Di Lý (hoặc xưng là Hoa Kỳ, hoặc xưng là Ma Ly Căn) khiến 2 người tới đưa thư cầu thông thương, tàu đậu ở Vũng Lắm tỉnh Phú Yên. Ngài khển Viên ngoại Nguyễn Tri Phương, Tự vụ Lý Văn Phúc qua hội với quan tỉnh tới tàu khoản đãi; lại cho bọn Tri Phương quyền chức Thương bạc làm tờ thư đưa về.

Cho nguyên Tổng đốc Sơn Tây là Lê Đại Cương làm Tổng đốc An Hà, kiêm lãnh ấn bảo hộ Chân Lạp.

Tháng 12, đổi phép thi hương, thi hội: trường nhứt kinh nghĩa; trường nhì thơ phú; trường ba văn sách; phúc hạch trường hương dùng tứ lục (các thù phụng).

Năm Quý Tỵ thứ XIV (1833), tháng giêng, có một chiếc thuyền quân tuần dương Quảng Đông bị gió bão vào vũng Sơn Chà tỉnh Quảng Nam, quan tỉnh tâu lên, Ngài ban rằng: "đó là thuyền công sai, không phải như thuyền buôn bị nạn", khiến cấp cho 300 quan tiền, 300 phượng gạo trắng, phái quan

qua hỏi thăm và hậu đãi trâu rượu; thuyền có hư thời sửa giúp cho, lại đem súng điều thương, trường thương kiểu cò máy Tàu mỗi thứ 40 khẩu và thuốc đạn qua tuyên cấp cho.

Giảm thuế thuyền buôn tỉnh Phúc Kiến, lấy y theo lệ thuế Triều Châu.

Tổng đốc An Tĩnh là Tạ Quang Cự tâu: "Lạc Biên cách xa tỉnh thành, ở gần bờ nam sông Khung, Xiêm thường tới phình dổ; và lại thói mọi theo hay không, chỉ ngó ở người Thổ mục nó mà thôi; tên Chuyên Cương già yếu không phòng chế được, tên Phì Mang Chân đã có dị tâm, nên trừ cho sớm; nay đã bắt được Phì Mang Chân, cho ở tỉnh chức hầu. Rồi phái Vệ úy Văn Hữu Xuân qua đánh tiếng trú phòng, mà mật nã em Chuyên Cương là Hạt Xà Bút giải về trừng trị". Ngài dụ rằng: "Chuyên Cương quả thiệt già yếu, nên lựa người nào mẫn cán thay làm việc phủ". Ngài lại nghĩ phủ Lạc Biên, Trấn Ninh địa giới giáp sông Khung, đàng đi bộ không tiện bằng đi thuyền, khiến quan tỉnh lựa chỗ nào có sông khe thông với sông Khung, thời chế 6 chiếc thuyền sai để dùng. Quan tỉnh mới xin đòi thợ đóng thuyền tại bến Tiểu Khê bờ Bạc Phiệt (nơi Chuyên Cương ở, thuộc về phủ Trấn Ninh).

Làm đền Thái Hòa và Đại cung môn, Ngọ môn: cửa Nhật Tinh, Nguyệt Anh, lầu Ngũ phụng, cầu Kim Thủy.

Bạn thần nước Chân Lạp là Ốc Nha Cố ở Bắc Tâm Bôn viện binh Xiêm cướp phủ Phủ Lật, Phiên vương bắt được, rồi lại trốn đi; Phiên vương báo Lê Đại Cương, Ngô Bá Nhơn đưa thơ cho Xiêm, trách hỏi cố sao phủ mục Bắc Tâm Bôn chiêu nạp kẻ bạn thần. Rồi dâng sớ tâu lên, Ngài khen phải.]

Thự Tổng đốc tỉnh Hải Dương là Nguyễn Công Trứ tâu: "Bấy lâu người thú cáo lậu đình, không được thiệt mấy, nay kỳ tuyển gần tới, xin sức bặt hạ có ai cáo lậu đình, đều đơn trong hạn tuyển, thời truyền hỏi cho, nếu việc rồi mới cáo, thời không cho, mà lại chiếu Vi luật¹ trị tội. Ngài cho phải.

Ngài nghĩ địa thế đồn Châu Đốc chật hẹp, chưa được tiện lợi, khiến quan Giám thành theo Tuần phủ Ngô Bá Nhơn nhằm lựa chỗ nào sáng khái và đón được hai ngã sông Tiền, sông Hậu mà đang đất vừa cân để làm thành tỉnh; rồi lựa được xứ Long Sơn ở về thượng du, địa thế cao ráo, qua lại tiếp ứng, thiệt là chỗ hình thế hiểm trở; bèn đem việc ấy tâu lên, Ngài khiến bộ Công đưa đồ thức đắp thành An Giang.

Tháng 3, mới đặt đồn Phú Quốc tỉnh Hà Tiên (tại vũng Nam Đới là nơi thú sở, bốn mùa gió hướng nào tàu cũng đậu được).

Dời thành tỉnh Quảng Nam qua làng La Qua huyện Diên Phước.

Giặc trốn ở Ninh Bình là Lê Duy Lương cùng thổ ti xã Sơn Âm là anh em Quách Tất Công hiệp đảng khởi ngụy; Lương làm Minh chúa, tự xưng Đại Lê huyền tôn, tạo ấn ngụy, phong chức ngụy như những chức: Tiền, Hậu, Trung, Tả, Hữu, 5 quân và Thống tướng, Thống chế, Thống lãnh, Điều bát, đem dân thổ 3 huyện Lạc Thổ, Phụng Hóa, An Hóa làm quân, những tù phạm trốn và dân đói ở các hạt gần đó theo nhiều, quân nó đến vài ngàn; quan quân thường bị hại.

Đem biên binh Thanh Hóa và Nghệ An qua Ninh Bình trú phòng.

Tháng 3, Thổ phủ Ninh Bình là bọn Quách Tất Công đánh vây thành phủ Thiên Quang, Lê Duy Nhiên hiệp đồng người làng Thạch Bi là bọn Đinh Thế Giáp, Đinh Thế Đức, Đinh Công Trịn, Quách Công Tiến đem đảng nó 3.000 người xâm nhiễu châu Đà Bắc tỉnh Hưng Hóa, hãm đồn Vạn Pha. Ngài khiến quan Tổng đốc An Tĩnh là Tạ Quang Cự thân đốc 2.000 biên binh, 5 con voi, mau đến Ninh Bình đình trú, để làm thanh viện; lại khiến quan Hộ phủ Thanh Hóa là Nguyễn Đăng Giai qua đồn Phố Cát hội tiểu.

Bọn giặc Hưng Hóa đem quân thủy và quân bộ tới sát thành tỉnh, quan tỉnh là Ngô Huy Toàn giữ thành cự đánh; quan Hộ đốc Sơn, Hưng, Tuyên là Hồ Hựu tâu lên, Ngài nghiêm dụ quờ.

Tỉnh Nghệ An tâu: dân phủ Trấn Ninh là Lạc Biên đói. Ngài khiến phát lúa kho hơn 1.800斛, xay gạo chở qua cấp phát.

¹ Vi luật: vi phạm, trái pháp luật.

Lãnh binh Hưng Hóa là Phạm Văn Điển, Phó Lãnh binh Nam Định là Lương Văn Liễu, Thủy sư Hà Nội là Nguyễn Văn Quyền đem quân thủy và quân bộ tới đánh giải vây thành tỉnh Hưng Hóa; tờ báo tiếp tải về, biên binh đều được thưởng.

Tháng 4, khiến quan Thống chế Nguyễn Văn Trọng lãnh chức Tổng trấn Thanh Hóa, nhưng Thống binh các đạo, từ Nguyễn Khả Bằng trở xuống phải theo điều độ; Phó đô ngự sử Hà Duy Phiên sung tham tán quân vụ.

Thự Bổ chánh Nghệ An là Nguyễn Đình Tân và Án sát Võ Đình tâu: "dân Mọi Nam Chương tới buôn ở Trấn Ninh, có tên mang súng điều thương, binh khí, tình hơi nghi". Ngài khiến quan trú phòng là Hoàng Nghĩa Uyển hiểu thị nó, đại lược rằng: "khi trước nó tới có mang binh khí, nên người giữ biên cương cứ phép bắt lại vào tù; triều đình thương người xa, không nỡ hà trách, nay về sau không được phạm phép như thế nữa".

Tháng 5, tỉnh Nghệ An có quan Tuyên úy đồng Tri phủ Lạc Biên là Chuyên Cương trốn làm phản, chạy qua Xiêm, người Xiêm dung nạp, Thổ mục Chiêu Bông, Phì Xà Nộn không chịu theo, chạy báo với tỉnh, quan tỉnh tâu lên, Bổ chánh Nguyễn Đình Tân, Án sát Võ Đình mỗi người phải giáng 2 cấp; cấp bằng cho Chiêu Bông, Phì Xà Nộn quyền coi việc phủ, khiến chiêu dụ dân cho khỏi sợ.

Quyền Tri phủ Lý Nhơn là Phan Đăng Đệ bắt được tướng giặc Lê Văn Lẩn và vợ con nó 4 người đem nạp, đóng cũi giải về Kinh.

Nguyên Tả quân Minh nghĩa vệ úy Lê Văn Khôi (nguyên trước Triều đình cho nó theo dòng công tánh Nguyễn Hựu, nay vì nó bạn nghịch phải cải theo họ Lê Văn Duyệt) làm loạn, chiếm giữ thành Phiên An, giết Bổ chánh Bạch Xuân Nguyên và tên thuộc là Nguyễn Trương Hiệu (Hiệu là người tỉnh Thanh Hóa, năm trước phát án Nguyễn Văn Thuyên được thưởng, đến sau lưu ngụ tỉnh Gia Định làm môn khách Bạch Xuân Nguyên).

Bổ chánh tỉnh Nghệ An là Nguyễn Đình Tân tâu xin phái thêm binh Thần sách thay trú phủ Trấn Ninh.

Tháng 6, tướng giặc Hải Dương ngụy xưng chức Thống lãnh là Trương Nghiêm, ngụy xưng Tiền quân là Trịnh Bá Điều họp đảng hơn ngàn người cướp huyện Tứ Kỳ, Thự đốc Nguyễn Công Trứ ủy Phó lãnh binh đem binh đánh, Trứ cũng qua đó sai bát, đánh giặc ở làng Thiết Tranh, giặc thua chạy, đuổi đến làng Nho Lâm, chém được ngụy Nghiêm, ngụy Điều, và 4 cái đầu giặc, bắt sống được hơn 10 tên. Trứ tâu lên, Ngài ban khen, tướng và quân đều được thưởng, Trứ cũng được thưởng kỷ lục một lần và cho khai phục 2 cấp trước khi bị giáng.

Lê Văn Khôi ủy đảng nó xâm phạm tỉnh Biên Hòa, thự Tuần phủ Võ Quýnh, Án sát Lê Văn Trác, Lãnh binh Hồ Kim Truyền chạy cả, tình lý thất thủ. Khôi đã chiếm thành Phiên An, các văn võ trong thành theo nhiều, Khôi mới đúc ấn ngụy, đặt chức ngụy, tự xưng Đại nguyên soái; Thái Công Triều, Lê Đắc Lực làm Trung quân; Nguyễn Văn Đà, Nguyễn Văn Thông (người Bắc Kỳ) làm Tiền quân; Dương Văn Nhã, Hoàng Nghĩa Thơ làm Tả quân; Võ Vĩnh Tiên, Võ Vĩnh Tài làm Hữu quân; Võ Vĩnh Lộc, Nguyễn Văn Bội làm Hậu quân; Lưu Tín, Trần Văn Tha làm Thủy quân; Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Văn Chân, Quách Ngọc Chấn làm Tượng quân; còn thời làm lục bộ Thái khanh và Ngũ đồn, Ngũ khuông, Ngũ dực; làm tờ hịch ngụy, phiên dụ như dân các tỉnh.

Tổng đốc quân vụ đạo Ninh Bình là Tạ Quang Cự, Tham tán Hoàng Đăng Thận bắt sống được thủ nghịch Lê Duy Lương, Lê Duy Nhiên, đóng cũi giải về Kinh.

Thự Tuần phủ tỉnh Biên Hòa là Võ Quýnh tâu phục được tình lý. Ngài dụ cho Tổng đốc Long Tường là Lê Phúc Bảo, Tổng đốc An Hà là Lê Đại Cương nên chinh đồn thuyền binh, đốc quân thẳng đến thành Phiên An hội tiểu. Lại truyền dụ Phiên vương và Phiên Liên nước Chân Lạp biết, để cho yên tâm, đừng lấy sự phong văn việc trước mà đem lòng kinh sợ.

Đảng giặc Phiên An phạm tỉnh Định Tường, tỉnh thành thất thủ. Tổng đốc Long Tường Lê Phúc Bảo, Tổng đốc An Hà Lê Đại Cương đều cách lưu, Tuần phủ Vĩnh Long là Tô Trấn, Án sát Ngô Bá Toàn phải cách làm binh, theo quân hiệu lực.

Cho Trung quân Đô thống chưởng phủ Tổng Phúc Lương làm chức Thảo nghịch Tả tướng quân, Thống chế Nguyễn Xuân làm Tham tán Đại thần, Thị lang Trương Phúc Đình làm Tán tướng cơ vụ, chế sắc, ấn, cờ, bài, mới cấp cho; phàm những binh thuyền phái kỳ trước và Đại cương, Phúc Bảo đều phải theo quyền phép mấy ông ấy.

Án sát Cao Bằng là Phạm Đình Trạc bắt được con Lê Văn Khôi là Lê Văn Báo, Lê Văn Hồ; em ruột Khôi là Lê Văn Lư và 14 người thân thuộc; tỉnh Nghệ An cũng bắt được cha con Đặng Vĩnh Ứng 7 người, vợ con Đình Phiên 5 người; tỉnh Quảng Nam cũng bắt được vợ con Lưu Tín 3 người, đều nghiêm giam đợi án.

Đảng giặc Phiên An là bọn Thái Công Triều đã lấy được tỉnh Định Tường, kéo binh thẳng tới. Tỉnh Vĩnh Long, An Giang, và Hà Tiên đều thất thủ, giặc chia đảng nó chiếm cứ lấy, còn những phủ, huyện đều đặt ngục quan.

Khiến 2 đạo quân ở Ninh Bình và Hưng Hóa lui về, đem tội trạng Lê Duy Lương báo cáo cho trong ngoài biết.

Tháng 7, đảng giặc Phiên An trở lại xâm tỉnh Biên Hòa, quan quân đuổi đánh, chúng nó lui.

Thổ tri châu Báo Lạc tỉnh Tuyên Quang là Nông Văn Văn (anh vợ tên Khôi) tự xưng Tiết chế thượng tướng quân, bắt người tỉnh phái mà thích vào mặt bốn chữ: "tỉnh quan đa hồi" (nghĩa là quan tỉnh hay ăn của hồi lộ).

Truy đoạt¹ chức quan Tổng đốc An Biên của Nguyễn Văn Quế, Bồi chánh Phiên An của Bạch Xuân Nguyên.

Giặc Phiên An lại xâm tỉnh Biên Hòa, tỉnh lỵ lại thất thủ; Tôn Thất Gia mắng giặc mà bị chết; Ngài cho truy tặng Án sát sứ, thưởng 600 lượng bạc.

Thảo tặc hữu tướng quân Phan Văn Thúc, Tham tán Trương Minh Giảng phá giặc tại trạm Biên Long.

Các bờ đê tại tỉnh Hưng Yên, Bắc Ninh, Sơn Tây đều vỡ cả. Ngài bảo Nguyễn Khoa Minh rằng: "đê Hưng Yên đã vỡ, thời nước chảy nhiều đàng, làm sao tỉnh Sơn Tây là thượng du đê cũng vỡ, hay là cửa biển nhiều nơi ngăn lấp, nước chảy không kịp mà nên thế chẳng?". Bèn khiến Tổng đốc Định An Đặng Văn Thiêm khám xét các cửa biển chỗ nào xoi sâu, chỗ nào bồi cạn, cứ thiệt tâu lên. Rồi Thiêm tâu: "nước lụt lớn quá, xin khiến đắp đê ngăn giữ". Ngài khiến các quan trong ngoài điều trần phương sách về việc sửa đàng sông.

Lại mở cuộc đúc tiền Hà Nội (vì gặp tai thương chấn cấp, của dùng không đủ).

Núi Ngự Bình bị sét đánh, trên núi lửa cháy, liền có mưa xuống, lửa tắt ngay.

Khiến các địa phương từ Quảng Trị trở ra Bắc, lấy việc khuyên dạy dân làm ruộng trồng dâu mà xét phủ huyện, xem siêng hay là nhác, để định truất chức.

Nguyên Án sát Định Tường là Ngô Bá Toán thân phục được tỉnh thành. Suất đội Thái Văn Nhiên được thưởng làm Chánh đội; Lý trưởng làng Long Điền là Ngô Văn Chất được thưởng làm Đội trưởng và 70 quan tiền; Toán thời được thưởng Bồi chánh sứ.

Tháng 8, đổi tỉnh Phiên An làm tỉnh Gia Định; cải cấp quan phòng, ấn triện cho Đốc, Phủ, Bồi, Án, Lãnh binh và phủ, huyện ở các tỉnh Nam Kỳ. Khi trước như có giặc, ấn quan phòng thất lạc nhiều, nay cấp thứ ấn này nét chữ khắc khác ấn cũ, phát ra các sở làm việc quan, để cho phân biệt; còn ấn triện Án sát tỉnh Vĩnh Long và Định Tường hãy còn, không phải khắc nữa.

Thự Án sát tỉnh Vĩnh Long là Doãn Uẩn thân phục được tỉnh thành. Khi ấy ngục Trung quân là Thái Công Triều đã về bàn với Triều đình rồi, Uẩn liền đem binh dân hơn 300 người thẳng đến tỉnh thành, bắt ngục Thông, ngục Doãn, ngục Phúc xiềng giam lại; con thời chém cả; Uẩn đem việc tâu lên

¹ Truy đoạt: làm quan đã chết rồi mà có tội thời cách chức tâu sắc lại.

và xin mau phái quan viên tới làm việc tỉnh; Ngài nghĩ những tổng, lý, hào mục Vĩnh Long và Định Tường có nghĩa đồng nhiều, mới khiến Ngô Bá Toán và Doãn Uẩn xét những kẻ đầu mục ứng nghĩa đều cấp bằng cho từng phái, khi nào việc bình rồi, sẽ lượng tài mà bổ.

Thái Công Triều đánh giặc tại sông Đăng (thuộc tỉnh Định Tường) và chợ Đạm (thuộc tỉnh Gia Định) mấy ngày đánh được luôn.

Án sát An Giang là Bùi Văn Lý thân phục được tỉnh An Giang và Hà Tiên. Khi trước bọn ngự Tả quân Dương Văn Nhã về Phiên An, một mình Thái Công Triều ở lại An Giang mưu muốn quy thuận với Triều đình, mật dặn quan Trấn phủ giặc là Nguyễn Đăng Luận, Phó trấn Lương Văn Tán hãy giữ gìn tỉnh lý, để yên nhơn tâm, còn Triều đem binh đồng đến tỉnh Phiên An đi đánh. Khi bấy giờ Bùi Văn Lý ẩn tại đồn Vĩnh Hùng cùng thủ ngự Nguyễn Văn Bút chiêu tập quân nghĩa đồng được ngàn người đem về tỉnh; bọn Nguyễn Đăng Luận mở cửa thành xin hàng; lại bắt được ngự sứ thông với thuyền người Xiêm, liền đem quân tiếp tới thân phục được tỉnh Hà Tiên. Đem việc tâu lên, Ngài khen lắm.

Nam Kỳ thảo nghịch hữu đạo quân Tham tán Trương Minh Giảng và Hoàng Đăng Thuận đánh lấy lại tỉnh Biên Hòa.

Giặc Thổ tỉnh Tuyên Quang là Nông Văn Vân khiến đảng nó là Nông Văn Sĩ xâm nhiễu châu Bạch Thông tỉnh Thái Nguyên. Ngài khiến Tổng đốc Sơn, Hưng, Tuyên là Lê Văn Đức tới đánh giặc Tuyên Quang, Tổng đốc Ninh Thái là Nguyễn Đình Phổ tới đánh giặc Thái Nguyên.

Chương nghĩa Hầu Phan Văn Thúy từ nơi quân thứ Biên Hòa bị bệnh, về đến Khánh Hòa liền mất, truy tặng chức Thiếu bảo, thụy Trung tráng. Ngài cho thiết đàn tế ở bên sông Hương, khiến Hoàng tử Vĩnh Tường công Miên Hoàn làm lễ tứ tử¹.

Khiến Tổng đốc An Tĩnh là Tạ Quang Cự lại về Nghệ An cung chức.

Binh thủy Trần Văn Năng, Tổng Phúc Lương phá giặc ở đồn Giao Khẩu, đem quân đậu thuyền tại sông Ngưu Chử bắt được ngự quân Quản lãnh thụy sư Trần Văn Đề; Tri huyện bị cách là Trương Sùng Hy, bắt được ngự Hữu quân phó tướng Nguyễn Văn Bột giải đến quân thứ; tờ báo tiếp tâu về, Ngài dụ ban khen, tùy bậc gia thưởng.

Khiến Thự đốc Hải An là Nguyễn Công Trứ đem lãnh binh Hải Dương là Đồng Bá Huyền mau qua tỉnh Tuyên Quang hội với quan Tổng đốc Sơn Tây là Lê Văn Đức đánh giặc.

Gia Định quân thứ Bình khấu tướng quân Trần Văn Năng tâu xin quyền cấp cho quan bị cách là Lê Đại Cương nhưng lãnh binh đồng sở thuộc đánh giặc hiệu lực. Ngài cho.

Tổng đốc Ninh Thái Nguyễn Đình Phổ đem binh tượng qua đến thành tỉnh Thái Nguyên.

Lê Văn Đức đánh giải vây thành tỉnh Tuyên Quang nghịch Vân thua chạy.

Lãnh binh Bắc Ninh là Trần Văn Duy đánh giặc tại đồn Chợ Mới tỉnh Thái Nguyên, bị thua, Nguyễn Đình Phổ chạy giẫy về tâu xin nhận cự.

Đảng giặc Tuyên Quang là Lưu Trọng Chương, Hoàng Trinh hiệp lửa 2.000 người xâm đồn Đại Đồng châu Thu (địa giới tiếp giáp huyện Sơn Quan tỉnh Sơn Tây). Khi bấy giờ nghịch Vân đã thua rồi, đảng nó chưa biết tới đó khuấy nhiễu, để ngăn viện binh Sơn Tây, Đức liền phái lãnh binh là Nguyễn Văn Quyền chia đạo giáp đánh, phá tan giặc ở rừng Hoàng Loan.

Cho Lê Văn Đức làm Tổng đốc Tam tuyên quân vụ, Nguyễn Công Trứ làm Tham tá.

Quân thứ tỉnh Gia Định đánh giặc ở thành Phiên An, chưa lấy được thành (vì hiệu lệnh không tề chỉnh, lính chết nhiều).

Tuần phủ Lạng Bình là Hoàng Văn Quyền đem binh tượng từ Lạng Sơn đến Cao Bằng hội tiểu, xin cấp lương cho những thổ hào và thổ đồng đi theo đánh giặc. Ngài cho; và truyền từ nay về sau có ai

¹ Tứ tử tử lễ: dâng rượu vua ban.

theo đánh giặc, thời cứ theo lệ ấy mà cấp; lại khiến quan Cẩm y vệ úy Nguyễn Văn Lễ qua theo giúp việc.

Tổng đốc đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức và Tham tán Nguyễn Công Trứ từ thành tỉnh Tuyên Quang chia đạo quân tới đánh nghịch Vân; tâu xin đánh thẳng đến sào huyệt giặc ở xứ Vân Trung.

Toán quân quan Tuần phủ Lạng Bình Hoàng Văn Quyền đóng tại đồn Na Lãnh, đánh nhau với giặc rồi lưu trú tại châu Thất Tuyên; quan Thị chiến là Cấp sự trung Cao Phục Lễ làm mất ấn đồng công, Quyền và Lễ đều bị cách lưu, theo quân hiệu lực.

Lãnh binh Hưng Hóa là Bùi Văn Đạo đánh giặc ở Thập Khê và Trọc Khê, được luôn.

Nguyên Án sát Phiên An là Nguyễn Chương Đạt và Lãnh binh Nguyễn Quế đều phải tội giết (chiếu luật "thất hãm thành trì" làm tội); anh em Đạt là Trọng Vũ, Trọng Ngọc, Minh Khiêm đều phải cách chức, không được bổ lại nữa; con Trọng Vũ là Trọng Lượng vốn cử nhân xuất thân, không phải Ấm thọ, thời cho nhưng lưu lại tỉnh Sơn Tây hậu bổ.

Hai toán quân Lê Văn Đức là Nguyễn Công Trứ đều đến đồn Phúc Nghi.

Tháng 10, Thổ tri châu châu Thất Tuyên tỉnh Lạng Sơn là Nguyễn Khắc Hòa anh em đều theo giặc, lừa đánh Tuần phủ Lạng Bình là Hoàng Văn Quyền ở trạm Lạng Chung, Quyền bị giặc bắt; tỉnh thành nguy cấp; Án sát Trần Huy Phác phi tư tỉnh Bắc Ninh xin cứu viện. Việc tâu lên, Quyền phải cách chức, chờ về rồi sẽ trị tội.

Đội trạm trạm Thanh Khoa ở Thanh Hóa tên là Hoàng Trọng Kiều ngụ xưng Trung võ dinh chánh tổng quản, cùng với người giáo Gia Tô là Nguyễn Văn Xuân nhóm họp ở huyện Ngọc Sơn và Nông Cống, dùng khăn đỏ làm hiệu. Tuần phủ Nguyễn Khả Bằng ủy Lãnh binh nã bắt. Ngài khiến tỉnh Nghệ An phái binh hội tiểu, bắt được tên Kiều giết ngay.

Nguyên Trấn thủ Cao Bằng về hưu trí là Võ Văn Tình xin qua Bắc Kỳ theo đánh giặc. Ngài cho.

Tướng giặc Lạng Sơn là Nguyễn Khắc Hòa cùng với tướng giặc Cao Bằng là Bế Văn Đàn đem đánh vây thành tỉnh Lạng Sơn, quân nó đến hơn 10.000 người, Án sát Trần Huy Phác chạy giấy tới quân thứ cáo cấp, xin mau tới cứu viện; và phi báo các tỉnh lớn ứng tiếp.

Đàng giặc Ninh Bình đánh phá trại Quang Lợi, đón cướp khách buôn ở đàng quan lộ; lại xâm đồn Lý Nhơn, cướp đồ khí giới. Việc ấy tâu lên, Quảng đồn phải tội trượng, cách làm lính; quan tỉnh phải giáng cấp, khiến đi nã bắt.

Cho Tổng đốc An Tĩnh là Tạ Quang Cự làm Tổng thống đại thần đem quân qua tỉnh Lạng Sơn đánh giặc, Nguyễn Văn Xuân quyền lãnh Tổng đốc An Tĩnh. Vệ úy đã về hưu trí là Hồ Bôi tuổi ngoài 70, cố xin đi đánh giặc, Ngài cho, và cho đem con là Hồ Văn Trường qua Lạng Sơn theo Quang Cự sai phái.

Phó Lãnh binh Hà Nội là Hồ Văn Vân đem binh cứu viện Lạng Sơn; vừa tới trạm Lạng Nhơn, giặc thành linh chặn đánh, Vân phải đạn chết; được tặng hàm chánh tam phẩm và cấp 50 lượng bạc.

Ban ân chiếu 8 điều cho 6 tỉnh Nam Kỳ, 7 điều cho 16 tỉnh Bắc Kỳ.

Tỉnh giảm văn thơ các Bộ, Viện, Nha.

Giặc ở Thái Nguyên hơn 1.000 người tới bức tỉnh thành, Tổng đốc Ninh Thái là Nguyễn Đình Phổ chạy giấy về tâu, xin phái lính giỏi mau ra hội tiểu.

Tổng đốc đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức, Tham tán Nguyễn Công Trứ kéo quân đến đồn Ninh Biên, đem hết tình trạng trong quân tâu rằng: "khi đi trận vừa bắt vừa chém, giặc chạy trốn cả, dân Thổ đến thú nhiều; Thổ tri châu là bọn Ma Trọng Đại, Ma Doãn Dưỡng xin nhóm dân Thổ hiệu lực chuộc tội. Vây xin cho nó theo quân đánh giặc, thế là dùng mọi mà đánh mọi". Ngài cho nhưng dụ rằng: "chúng nó đánh giặc có công, thời tâu lượng thưởng cho, nếu ngoài thuận theo mà trong lòng trái, thời chém đầu ngay, rao cho chúng biết".

Giặc trốn ở Hưng Hóa là Xa Văn Chấn lại hiệp đánh đàng vây đồn Vạn Pha ở Hà Bắc, quan Thự phái binh tới đánh, giặc chạy, bèn nghiêm sức Thủ bảo Xa Văn Quế tìm bắt.

Tuần phủ Lạng Bình là Lê Đạo Quảng tấn quân đóng ở địa đầu Tiên An, rồi làm sớ tâu rằng: "tôi có thám được giặc ở Lạng Sơn tên là Lê Văn Liệu là em nghịch Khôi, chiêu mộ những người Tàu ở khai mỏ được hơn 3.000 người, bắt dân Thổ chia đảng: một đảng ngăn đàng Bắc Ninh, một đảng vây thành Lạng Sơn và ngăn đàng từ Quảng Yên đi tới; lại ở châu An Bắc có tên Thế Đàng tụ đảng đến 600 người, ám dụ dân phía rừng Quảng Yên, làm cho tao động; vì thế chúng tôi chưa dám đem quân đánh vội". Ngài mật dụ cho.

Dời lý sở tỉnh Hà Tiên về chỗ trấn cũ. Trấn cũ nguyên ở làng Mỹ Đức, huyện Hà Châu; năm trước quan Tổng trấn tâu nơi ấy chật hẹp, mới cho dời làm tại Giang Thành; đến đây Hộ phủ Trịnh Đàng xem kỹ địa hình hai nơi ấy rồi tâu rằng: "tỉnh hạt giáp giới nước Xiêm, nước Lạp, là nơi địa đầu rất quan yếu, đóng chỗ hiểm để giữ bờ cõi, thiết là việc trước; nay lập tỉnh lý tại Giang Thành có 3 điều không lợi; 1^o là phía trước phía sau lý sở đều đất Chân Lạp bao bọc, thói mọi hoàng hốt không thường, không tin cậy được; khi trước vừa như có giặc, quan tỉnh là bọn Phạm Xuân Bích, Trần Văn Quán thế cô, không quân cứu viện đến nỗi phải tự tử, đó là minh nghiệm đã rồi, sách binh pháp gọi là vi địa¹ đó; 2^o là thế đất nghiêng lệch, mặt trở vào rừng, lưng trở xuống sông, thiết là không phải nơi đáng làm dinh thự; 3^o là tỉnh lý ở đây mà pháo đài ở hòn Kim Dự và Trấn phòng ở cửa biển, thế tất phải sai một vài người võ viên tới giữ, nếu ngoài biên xảy ra có việc gì, thời tiếp ứng xa cách. Và lại, đất ấy xung quanh đều rừng rậm, buôn bán không tiện, từ khi lập lý sở đến nay, quân và dân ở đó chỉ vài mươi nhà, ngoài quanh tỉnh không có một nhà nào nữa, trông ra rậm rạp biết chừng nào; thuộc lại trong tỉnh đều nói với tôi rằng: năm trước mỗi khi tiếp sứ Xiêm, thời đều tiếp về ban đêm, vì sợ ban ngày nó thấy sơ sài nó khi dễ mình; xem như thế, thời đóng tỉnh lý chỗ này, thiết không phải bền vững cho nơi biên phòng mà cấm ngăn kẻ ngoài dòm ngó được. Tôi lại xét tỉnh lý cũ, dựa núi là thành, lấy biển làm hồ, đàng núi lập đồn bảo được, cửa biển tập quân thủy được, ở trên cao ngó xuống thấp, hình thế rất hùng; mặt tả, mặt hữu và mặt hậu đã có lũy đá cũ, như đó mà đắp cao lên, mặt tiền lại có pháo đài Hòn Kim, ở núi ngó xuống biển; nếu dời tỉnh lý về đó, lại lập đồn để giữ những nơi hiểm yếu, thời phòng có quân mọi rợ, khởi lên như muỗi như ruồi, cũng khó bay qua cửa ấy, mà phòng triệt giặc Đồ Bà ở mặt cửa biển, cũng không khó gì; còn như thế đất rộng, uống nước lạnh, thời lại có một sự ích lợi ở trong địa lợi nữa. Khi trước tỉnh lý còn đóng đó, người ở đông nhiều, là một chỗ đô hội lớn, như bọn cướp giặc lạng loạn, dân cư phải kinh tán, tôi đã nhiều phen thân hành phủ dụ, dân đã lần lần trở về. Nay xin dời tỉnh lý về đó, sửa sang lũy cũ, giữ gìn nơi hiểm yếu, yên ủy nhân dân, khiến chúng nó an tập như cũ. Còn lý sở hiện tại đây, thời xin đặt một đồn, phái binh giữ lấy". Ngài cho phải.

Truyền dụ giục bọn Tổng thống đạo Lạng Bình là Tạ Quang Cự, Tham tán Võ Văn Từ nếu đã đến Bắc Ninh, thời lập tức đem binh đánh giải vây Lạng Sơn, rồi thẳng đến Cao Bằng đánh cho hết đảng giặc còn sót.

Tỉnh Sơn Tây có toán giặc cướp hạt Vĩnh Tường; quan tỉnh phái Tôn Thất Bật, Nguyễn Văn Sĩ đi đánh. Sĩ chết trận, Bật bị thương, quân lính chết nhiều. Ngài thưởng 30 lượng bạc, mỗi tên lính cấp tiền tuất xấp hai.

Lãnh binh Hải Dương là Nguyễn Thọ Thuyên đến Bắc Ninh, đem binh tượng qua Lạng Sơn; vừa đến địa đầu phủ Lạng Giang, như đem lên đánh hai đồn Kha Hóa, Gia Quan. Quan tỉnh Bắc Ninh tâu lên, Ngài thưởng Thuyên làm chánh tam phẩm, gia thưởng tiền bạc và tiền vàng.

Tháng 11, giặc xâm thành tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Đình Phổ đốc quân binh đánh được.

Tổng thống quân vụ đạo Lạng Bình là Tạ Quang Cự đánh phá giặc ở đồn Quang Lang tỉnh Lạng Sơn; sớ tâu về, Ngài dụ rằng: "nên như được trận ấy, tới đánh giặc ở phía Đơn Sa, An Bài rồi tấn lên giải vây Lạng Sơn cho luôn".

Tha thuế thân cho dân huyện Đại Từ ở Thái Nguyên. Vì huyện Đại Từ chống nhau với giặc, Tổng đốc Nguyễn Đình Phổ đem sự trạng tâu lên, Ngài cho tha thuế thân.

Tạ Quang Cự giải vây thành Lạng Sơn, Ngài khiến mau quan tỉnh Cao Bằng hội tiễu.

¹ Vi địa: là đất bị vây, nghĩa là mình ở giữa, mà đất người ta bọc chung quanh.

Tổng đốc quân vụ đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức, Tham tán Nguyễn Công Trứ tấn quân thẳng đến sào huyệt giặc ở Vân Trung.

Nước Xiêm đem đại quân tới cướp, 3 đạo quân thủy và quân bộ đều đến; một đạo theo đường bộ Bắc Tân Bôn mà tới, một đạo theo đường Biển Hồ mà tới; sự ấy tâu lên, Ngài dụ quan quân thứ Gia Định điều độ cho kín, đừng động tiếng tăm, mà dân gian lương được hư thiệt mình.

Giặc trốn ở Hà Nội là Hoàng Võ Côn, Đặng Đình Nghiêm lại hiệp đảng hơn 1.000 người thông với tên giặc Mọi sơn âm là Quách Tấn Công, Quách Tất Tế ước kỳ khởi nguy; quan Quản phủ Ứng Hóa là Nguyễn Đăng Khánh đánh giặc ở làng Thanh Áng chém được hai đầu giặc, bắt được 19 tên, còn Côn và Nghiêm thời chạy thoát vào rừng. Quan Tổng đốc Hà Ninh là Nguyễn Văn Trường đem sự trạng tâu lên, Ngài ban khen, gia thưởng tiền vàng và tiền bạc.

Tổng thống đạo Lạng Bình là Tạ Quang Cự thân phục được tỉnh Cao Bằng, chạy cờ đỏ¹ báo tiếp. Cự nguyên đã phong tước Bá, nay gia thưởng một chức Quận công.

Thuyền binh nước Xiêm hơn 100 chiếc phạm tỉnh Hà Tiên: hoặc từ cửa biển Hòn Kim mà tới, hoặc từ ngạch sông Chi Lý mà lên bộ; quan Tuần phủ Trịnh Đàng chạy giấy về tâu.

Tỉnh Hà Tiên thất thủ, quan phủ là bọn Trịnh Đàng đều bị cách lưu, cho hiệu lực chuộc tội.

Tháng 12, giặc Xiêm xâm thành Nam Vang, Nam Vang thất thủ. Ngài dụ quan quân thứ Gia Định khiển bọn Trần Văn Năng, Trương Minh Giảng đánh lui binh Xiêm, để chuộc lỗi trước.

Hộ phủ Ninh Bình là Lê Nguyên Hy mật tâu: "trong tỉnh hạt, huyện Lạc Thổ, An Hóa và Phụng Hóa, thói dân giao trá, địa phận tiếp giáp với Thanh Hóa, rừng rú rộng xa, núi khe hiểm trở; tùu trung họ lớn các xã chỉ có bọn nghịch phạm Đinh Thế Đội, Quách Tất Công, Cao Viết Khoái, mấy họ ấy đời đời kết hôn nhờn với nhau, mà dân đó cứ nghe theo các tên thổ ty, thổ mục, chỉ biết tình hôn nhờn mà không biết phép nước, thường dung ẩn cho nhau, Lê Duy Lương, Lê Duy Nhiên bắt được ở đó, đều là người nơi khác mà tới. Nay nghe bọn Quách Tất Công tụ đảng hơn 300 người; ra vào phía rừng cách làng Sơn Âm, Thượng Lũng, Hiệu Lũng, Trung Hoàng; còn đảng giặc trốn ở Thanh Hóa 4,5 trăm người ra vào ở núi Song Lãnh gần núi Tam Điệp; tôi đã sức Lãnh binh Nguyễn Văn Tương mau qua nã bắt; vậy xin sắc xuống các đạo hội tâu". Ngài mật dụ: "phải dụ dân thổ ra sức tìm bắt, đừng khiến chúng nó có bụng ngờ sợ, mà hóa ra thất sách".

Giặc Xiêm chia hai đạo đánh đồn Châu Đốc; tỉnh An Giang thất thủ.

Đặt các vệ quân Hương đồng ở Bình Phú cả thảy 2.500 người. Khi trước quan Tổng đốc Bình Phú là Võ Xuân Cẩn tâu: "dân các làng tập thao luyện, đều hăm hở muốn xin đánh giặc lập công". Ngài ban khen.

Đặt quân Hương đồng ở Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Bình, Quảng Trị, cả thảy 6.500 người, đòi tới diễn tập và cấp lương tháng, tha thuế thân.

Tổng đốc đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức và Tham tán Nguyễn Công Trứ tới Ngọc Mạo, nghe tên nghịch Vân đã chấp tóc đem vợ con trốn qua Tàu rồi. Đức và Trứ chạy giấy về tâu; Ngài truyền dụ rút quân về; lại dụ Tạ Quang Cự cũng kéo quân về luôn, không phải tới Ngọc Mạo nữa.

Tham tán đạo quân thứ An Giang là Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đánh được giặc Xiêm tại Thuận Cần (thuộc về huyện Đông Xuyên).

Tướng Xiêm và người Vạn Tượng đem hơn 1.000 quân Mọi xâm các châu về đạo Quảng Trị. Việc ấy tâu lên, Ngài dụ bộ Binh rằng: "đó chẳng qua là chúng nó muốn làm cho ta phân binh lực mà thôi". Liễn phái Kinh tượng Vệ úy Lê Văn Thụy ra hội tâu.

¹ Cờ đỏ: phàm đánh được giặc, thời sai người cầm cờ đỏ chạy về báo tin cho Triều đình biết.

Giặc Xiêm lại xâm địa đầu phủ Trấn Ninh ở Nghệ An, chúng nó lại đưa thơ qua phủ Trấn Ninh đòi trả dân Vạn Tượng lại. Việc ấy tâu lên, Ngài phê rằng: "đó chẳng qua chúng nó làm thanh thế, để chủ mưu khuấy Chân Lạp mà thôi".

Giặc Xiêm xâm phủ Trấn Ninh ở Nghệ An, quân ta lui về động Giảng Mản, giặc lại lui đóng tại khe Nhự Ồi (chỗ ấy có hai con đàng: một đàng qua châu Quy Hợp, một đàng qua châu Trú Cẩm), phân đàng xâm phía bờ sông Hiến Bôn thuộc phủ Trấn Định (sông Hiến Bôn là từ sông Giang phân phái ra, thuộc về địa đầu huyện Cam Cát); huyện Cam Môn và huyện Cam Cát phi báo với quan Tấn thủ Ngàn Phố xin binh chống cự, Bô chánh Nguyễn Đình Tân và Án sát Võ Đĩnh liền phái phòng giữ các nơi.

Năm Giáp Ngọ thứ XV (1834), tháng giêng, bọn Trương Minh Giảng đánh tan giặc Xiêm ở sông Cổ Hồ, giặc Xiêm chia đảng giữ phủ Ba Cầu Nam thuộc về Chân Lạp. Tuần phủ Gia Định Hà Duy Phiên nghĩ nơi đó có đàng thông với xứ Quang Hóa và thượng du sông Trọc Giang về Biên Hòa, bèn ghi thư cho quan thự Tuần phủ Võ Quýnh phải phòng giữ địa hạt.

Truyền bãi việc trồng gai ở các xứ, bởi vì kẻ thừa hành làm khổ dân, chỗ thời nghiêm hạn đốc trách, chỗ thời phải mua để điền cho đủ số.

Trương Minh Giảng lại đánh giặc Xiêm ở sông Cổ Hồ. Khi ấy giặc như lúc nước xuống, theo bờ sông phóng hỏa đốt bè, ngăn trở quân thủy ta, rồi chúng nó lại sẵn tới đánh; Quản vệ Phạm Hữu Tâm đốc binh đánh bắn từ giờ Dần tới giờ Ty, quân giặc chết nhiều, thân chông nhau, giặc liền lui. Ngài xuống dụ ban khen.

Quân thứ thành Gia Định tâu rằng: "Lê Văn Khôi đau bệnh thũng chết đêm 11 tháng trước, đảng giặc tôi con nó là Lê Văn Cú mới 8 tuổi làm Nguyên soái, còn Nguyễn Văn Trẫm xưng Điều khiển. Chúng tôi đã tư cho Quân thứ An Giang biết và viết thư bả vào thành biểu rõ họa phước khiến cho chúng mau hàng".

Các tướng Chân Lạp đánh binh phá Xiêm, chạy cờ đỏ báo tiếp. Ngài truyền Thị thần rằng: "ta liệu quân bộ Xiêm chắc theo đàng Quang Hóa tới, nay quả nhiên, tướng Chân Lạp có ít quân mà đánh được giặc nhiều, thế là Chân Lạp có người giỏi thời giặc Xiêm chẳng làm chi được", bèn thưởng tên Long, tên Vu chức Ốc Nha Trà Tri, Ốc Nha Nhâm Lịch như cũ, còn tên Kê được thưởng chức Chư quân hiệu úy, trật tòng tam phẩm, kiêm lãnh nguyên chức.

Giặc tỉnh Tuyên Quang khởi lên về hạt Thổ Hoàng châu Đại Man. Ngài nghe, xuống dụ khiến tư cho toán quân Lê Văn Đức và Nguyễn Công Trứ như khi đại binh khai hoàn phải tiện đàng qua đó hiệp lực dẹp yên cho mau.

Làm dinh Lãnh binh Quảng Ngãi ở chốn Biên Bảo, sai Nguyễn Vĩnh tới tuần phòng, như tập quán lính để nghiêm giữ ngoài biên.

Tướng giặc tỉnh Tuyên Quang là Nông Văn Vân lại nhóm đảng xâm miền thượng du tỉnh Cao Bằng; quan Tham tán Võ Văn Từ đã dò thám tự đồn Nhượng Bạ đến nơi sào huyệt giặc ở Ngọc Mạo, Vân Trung, có 3 con đàng đi, bèn phân phái phòng triệt; lại tư quan Tổng thống Tạ Quang Cự chạy giầy về tâu.

Quan Tổng đốc quân vụ Tuyên Quang là Lê Văn Đức, Tham tán Nguyễn Công Trứ kéo quân từ Vân Trung về đến tỉnh Tuyên Quang, đem những tình trạng quân giặc cứ hiểm thiết phục, dọc đàng đón lương cướp súng, và quân sĩ nhiễm bệnh lam chướng, lương ăn không đủ, dưng số xin nhận cự. Ngài dụ rằng: "quân đi ngàn dặm quý cho thần tốc, mình chẳng tới mau để giặc trước giữ chỗ hiểm, thừa gian cướp bậy; khi quân mình về, giặc lại phòng bị các nơi, đến nỗi quân mình chết hại, súng ống bỏ mất, uống công mấy lâu qua lại, tội chẳng đáng hay sao? Nay đã thắng trận, cho về tỉnh cung chức, còn sự xin đi đánh nữa, sẽ có chi sau". Bèn để Tô Huệ Vân, Đoàn Văn Cải đem 700 quân và 5 con voi ở lại giữ thành Tuyên Quang.

Quân thứ An Giang thu phục đồn Châu Đốc.

Vệ úy đạo Cam Lộ Lê Văn Thụy đem binh đến Thú Kê đánh giặc Xiêm, kéo thẳng đến châu Tâm Bồn, Mang Bồng, giặc bỏ đồn trốn trước. Thụy tâu xin đem quân về. Ngài khen, y cho.

Binh đạo Hà Tiên lấy được tỉnh thành. Đem việc quan binh các đạo đánh được Xiêm báo cáo cho trong ngoài đặng biết.

Quân thứ An Giang lấy lại thành Nam Vang chạy cờ đỏ báo tiếp.

Sai quân hộ tống vua Chân Lạp về nước. Binh đạo Trấn Tĩnh ở Nghệ An thân phục được phủ lý.

Ngài nghĩ giặc Xiêm đã yên rồi, truyền đình thần bàn việc giữ gìn về sau cho thành Nam Vang và tỉnh An Giang, tỉnh Hà Tiên. Đình thần tâu những việc cần cấp cả thấy 6 điều: 1 thiết lập thành trì đồn bảo; 2^o lượng phái công dịch trú phòng; 3^o dự trữ quân nhu các đồn; 4^o phân biệt công tội bọn tướng Chân Lạp; 5^o không cho Chân Lạp đi sứ Xiêm; 6^o chỉnh lý đồ khí giới quân Chân Lạp. Ngài dụ Nội các rằng: "đình nghị đều phải cả, nhưng phải tùy việc hoãn việc cấp mà làm; còn việc dùng binh Chân Lạp là cốt vì bảo hộ nước nó việc mới khởi đầu phải hiểu dụ cho rõ ý, để nó an lòng khỏi ngờ".

Tiền quân Chương phủ sự Lương Tài hầu Trần Văn Năng ở quân thứ về đến Bến Siêu tỉnh Gia Định bị bệnh mất. Ngài nghe, đình triều 3 ngày. Truy tặng hàm Thái phó, tấn phong Tân thành quận công, thụy là Trung dũng, lại cho truyền lời dụ ban tế.

Nước Xiêm lại đem hơn 5.000 quân xâm đồn Công Nhạc, châu Mang Bồng về đạo Cam Lộ; bọn Lê Văn Thụy đánh phá tan, bắt được tướng Xiêm là Mạn Sác Khôn La Mân và tên Khiếu lại lấy được nhiều súng ống khí giới, chạy cờ đỏ báo tiếp.

Giặc tỉnh Tuyên Quang là Nông Văn Sĩ lại nhóm đảng hơn 1.000 người kéo từ làng Thông Sơn tới đồn Trung Thẳng chống nhau với quan quân đạo Cao Bằng. Tạ Quang Cự, Võ Văn Từ ở đồn Nhượng Bạ dâng sớ tâu lên. Ngài dụ rằng: "giặc Vân ở Vân Trung đã bị binh Tuyên Quang phá tan sào huyệt, nó chạy tan hết, nay thẳng Sĩ còn dám đầu quân cự lại, thiệt là đáng ghét. Trước ta đã cho Tổng đốc Ninh Thái là Nguyễn Đình Phổ kéo quân tới Bằng thành cố đạo tiếp giáp đồn Ngọc Mạo, định ngày đánh giặc; nay lại sai Lê Văn Đức và Nguyễn Công Trứ đem đại binh đi đàng Tuyên Quang đến Vân Trung; Tạ Quang Cự mảy nên ở lại Cao Bằng, hiệp với Võ Văn Từ xếp đặt mọi việc; nếu mà thừa cơ được, lập tức tư hội với Văn Đức, Công Trứ giáp đánh đến thẳng Ngọc Mạo, Vân Trung, đập bằng sào huyệt giặc, làm sao bắt chém được thẳng Vân, thẳng Đản, thẳng Cẩn mới cho đem quân về".

Lại sai Tổng đốc Sơn Tây là Lê Văn Đức làm Tổng đốc đạo Tuyên Quang, coi tiểu bổ sự vụ, thự Tổng đốc Hải Dương là Nguyễn Công Trứ làm Tham tán, tới đánh Vân Trung.

Sai Thần sách thống chế Phạm Văn Điển đem lính Kinh ra Nghệ An cùng quan Chương cơ là Lê Thuận Tĩnh đánh giặc Xiêm. Khi trước Vệ úy Nguyễn Đức Long giữ phủ Trấn Tĩnh, sai Suất đội Lê Bảo giữ đồn Nông Lũng, gặp giặc Xiêm, quân mình ít không địch nổi, giặc phân binh đánh phủ Trấn Tĩnh, Đức Long lui quân giữ núi Giăng Màn; Bõ chánh sứ Nguyễn Đình Tân, Án sát Võ Đĩnh phi tư cho Lê Thuận Tĩnh phải đến mau đánh giặc. Ngài nghe, truyền xiềng Nguyễn Đức Long mà định tội cho nghiêm, cho Phạm Văn Điển đem binh đánh giặc.

Tháng 2, bọn tướng Chân Lạp đánh được giặc Xiêm ở phủ Cần Thu, bắt sống 6 tên tùy tướng và 300 tên quân, đuổi theo đến bến Trà Lai (thuộc về sông lớn Nam Vang).

Trấn Ninh phòng ngự sứ là Kiều Huống, Đồng tri là Khâm Quyết làm phản; quan phủ Tương Dương phi báo, bọn Nguyễn Đình Tân đem việc tâu lên. Ngài sai Hữu quân Nguyễn Văn Xuân lãnh chức An Tĩnh Tổng đốc, lại sung chức Kinh lược đại sứ, để đi đánh giặc Trấn Ninh. Vì Xuân trước từng làm quan Nghệ An đã thuộc hết biên tình, nên mới sai đi.

Quan Quản vệ đạo Trấn Tĩnh là Nguyễn Văn Thu đánh được giặc Xiêm ở xứ Na Kham và xứ Xán Ca.

Tỉnh Lạng Sơn có đũa giặc trốn tên là Nguyễn Khắc Thước hiệp đồng tên tù trốn là Dương Ba An tụ đảng núp lén ở mạn rừng An Châu. Quan Tuần phủ Lê Đạo Quảng phái tên hiệu lực là Dương Tam đi dụ, lại sai Quản cơ Võ Văn Nguyên hội với quân tỉnh Bắc đi đánh, chém được 3 tên, bắt được hơn 10 tên Tướng hiệu, cùng là khí giới ấn tín đem nạp; dân An Châu theo Dương Tam ra thú cũng nhiều, quan Tuần phủ đều cho về làm ăn, và khiến biểu nhau hết sức bắt giặc. Việc ấy tâu lên, Ngài ban khen, thưởng bọn Võ Văn Nguyên mỗi người một cặp quân công.

Sai Tuần phủ Lạng Bình Lê Đạo Quảng hiệp đồng Tổng thống Tạ Quang Cự thương đồng việc đánh giặc.

Đạo quân Cao Bằng đánh nhau với giặc ở Đình Lãm, bị thua, Tạ Quang Cự, Võ Văn Từ đều bị cách tước (Cự bị cách tước Bá tước Tử, Từ bị cách tước Nam).

Quân thứ Nam Vang là Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân đem thuyền đi đàng sông thượng du hội đồng với Trương Phúc Đình bàn việc biên vụ.

Tổng thống đạo Cao Bằng là Tạ Quang Cự và Võ Văn Từ lại tấn binh đóng các đồn cũ, phân phái phòng triệt, như đêm đánh lén tại núi Công Lãnh, chém được 3 tên giặc, bắt sống được 4 tên, đốt hơn 20 trại sách; rồi tư qua đạo Thái Nguyên hội binh định ngày tấn tiễu.

Tổng đốc Sơn Tây là Lê Văn Đức tâu: "việc năm ngoái đánh phá đồn Ngọc Mạo, tên Đình Công Trọng và Quách Công Nhị đều đặc lực, xin đừng nệ cách thường, thưởng thọ chức hàm cho chúng nó". Ngài cho.

Trong đạo Nam Vang, giặc Xiêm đã dẹp yên, Ngài xuống dụ cho Trương Minh Giảng, Thái Công Triều về Gia Định sai phái.

Quân bổ biên Hà Nội đánh phá giặc Ninh Bình ở Chương Đức, bắt sống được Tiền quân giặc là Nguyễn Văn Lượng, Tham tán giặc là Nguyễn Bá Năng và Phó cơ là Bùi Văn Mạch. Ngài khen bổ vụ xuất sắc, đều thưởng gia quân công một cấp và thưởng Nguyễn Đăng Khánh trật tòng nhị phẩm, nhưng lãnh chức Quản phủ.

Bổ chánh và Án sát Ninh Bình tâu rằng: "quân giặc tới xứ Phụng Hóa và xứ Bình Đồi khuấy rối. Tuần phủ Nguyễn Khắc Bằng đã tới Tổng Sơn hội tiễu; vừa nghe vua nước Nam Chương sai con là Chiêu Kiến đem binh tượng tới đồn Ninh Biên ở Hưng Hóa, nó sai người dụ 3 huyện Trình Cổ, Sâm Nưa, Man Xuy phải thần thuộc như cũ, không thời giết hết. Chúng tôi xét ra 3 huyện ấy trước thuộc Vạn Tượng, không quan hệ gì đến Nam Chương, nay Nam Chương bức bách làm vậy, thiết lấy làm lạ. Vậy xin sức phủ Thọ Xuân đem thổ binh ra phòng triệt tại địa đầu tiếp giới 3 huyện ấy, để xem tình hình thế nào". Ngài y cho.

Tỉnh Lạng Sơn bắt được Thống lãnh giặc là Nguyễn Khắc Thước, giết ngay.

Tham tán đạo Nam Vang là Nguyễn Xuân, Trương Minh Giảng, Tấn tướng Trương Phúc Đình đem binh thuyền từ biển Đại Hồ đến bến đò Phi Long. Tướng Xiêm là Phi Nhã Chất Tri từ khi thua ở Châu Đốc, lui về Phủ Lật, lập 3 cái đồn ở hai bờ sông Tiểu Đà mà đóng giữ; bọn Giảng đem việc ấy tâu lên và tư bộ Binh rằng: "Phủ Lật giáp với Bắc Tâm Bôn, Bông Xuy giáp với Lô Khu Vật nước Xiêm; vậy xin chọn nơi lập đồn ở hai phủ ấy, để giữ lấy toàn hạt nước Chân Lạp". Ngài xuống dụ khiến hết sức đánh giặc đuổi ra khỏi cõi, rồi liền lập đồn ở 2 phủ, để mỗi đồn 300 tên lính Chân Lạp đóng giữ.

Quân Xiêm lại xâm châu Ba Lan ở Cam Lộ; Thứ Tuần phủ Quảng Trị là Nguyễn Tú phái Lãnh binh Nguyễn Cửu Đức đánh giặc. Ngài sai Dương Văn Phong hộ lý Tuần phủ Quảng Trị, còn Nguyễn Tú phải tới quân thứ Ba Lan tùy cơ đánh giữ.

Đề đốc đạo Trấn Tĩnh là Lê Thuận Tĩnh đánh nhau với Xiêm ở động Giảng Mản, bị thua. Trang võ vệ úy Phan Văn Sĩ chết trận; Tĩnh lui đóng tại ngã ba sách Trú Cẩm giữ hiểm chống cự.

Bổ chánh và Án sát tỉnh Nghệ An là Nguyễn Đình Tân, Võ Đình tâu: "hai tên nghịch Huống, nghịch Quyết dám dẫn binh Xiêm đánh giết quan quân, xứ Trấn Ninh bị đốt phá đều thành đất hoang". Ngài dụ Nguyễn Văn Xuân lập tức tới đánh, rồi mau đem quân về, không được đóng lại; nhưng phải qua chỗ ngã ba thuộc về Trấn Tĩnh hội với Lê Thuận Tĩnh đánh giặc.

Thứ Tuần phủ Hưng Hóa là Ngô Huy Toán tâu rằng: "Thổ tri châu Châu Thuận là Bạc Cầm Kế thám báo có giặc Xiêm ước 4.000 đến đồn châu Ninh Biên, tôi đã phái đi phòng giữ và từ Sơn Tây đem binh tượng đến hội tiễu". Ngài dụ rằng: "ở đó gần nước Nam Chương, nên nó mượn tiếng giặc Xiêm mưu đồ hách trượng dân mọi mà thôi, chờ đến khi Trấn Ninh và Trấn Tĩnh hai nơi dẹp yên giặc rồi, thời một xứ đó chẳng cần đánh mà nó cũng phục ngay".

Án sát Thái Nguyên là Nguyễn Mưu và Phó Lãnh binh Nguyễn Văn Ứng đem binh đóng ở mỏ thiết thám nghe tướng giặc Nông Văn Hoàn, Bế Văn Đàn, Bế Văn Cẩn hiệp với Chánh tổng Kim Mã là Lương Quang Phụng và những người Tàu coi việc khai khoáng là bọn Trương Xương Xý tụ đảng đến hơn 1.000 người đóng ở Long Lũng; Mưu và Ứng liền đem quân từ Biều Gaing Thổ Lãnh đến mỏ Vụ Nông đóng giữ, nhưng sức tên đội hiệu lực là Đinh Quang Tấn sai người chiêu dụ, bọn Lương Quang Phụng đem súng điều thương, gươm giáo đến cửa quân đầu thú và nói rằng: "Nghịch Hoàn, nghịch Đàn, nghịch Cẩn nghe quan binh kéo tới, chúng nó đã trốn vào Vân Trung". Bọn Nguyễn Mưu bèn thương đồng định ngày theo đảng mỏ Tổng Tinh đi tắt qua Bằng thành cổ đạo (từ đó đến Long Lũng đi một ngày đàng) đợi khi nào Cao Bằng phúc tư tới, sẽ đem quân thẳng tới Vân Trung hội tiểu và đem việc ấy tâu lên. Lại tâu rằng: "giặc trốn ở Thái Nguyên là Ngụy chánh đốc vận Hà Thiêm Ngân và phó đốc vận Lương Hữu Đức cả thảy 6 tên tới thú, chúng tôi đã cho từng quân hiệu lực chuộc tội". Ngài phê rằng: "nên gắng sức cho mau thành công, còn tên Đinh Quang Tấn chiêu dụ đặc lực, trước hãy truyền chỉ khen cho, chờ sau có công trạng rõ ràng sẽ hay".

Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ kéo quân đến tỉnh Tuyên Quang, nghe báo rằng: Lãnh binh Nguyễn Văn Quyền qua Lư Giăng lui về Bộ Phổ, liền sai Quản cơ Nguyễn Đức Chung đi trước tiếp ứng, Đức và Trứ thời đốc đại binh tiếp sau; rồi dâng số tâu hết tình trạng giặc xâm qua Vị Xuyên đầy đàng chật sá, đón ngăn lương hướng, tải vận khó khăn. Ngài dụ phải tấn quân cho mau thành công, còn Nguyễn Văn Quyền thời cho cách lưu từng quân hiệu lực.

Tháng 3, tướng giặc ở Nghệ An là Lê Văn Phẩm, hiệp đảng với giặc trốn ở Thanh Hóa là Hoàng Trọng Kiều, Nguyễn Trọng Liên, Phạm Văn Ninh tụ ở Cự Sơn (tiếp giáp Thanh, Nghệ). Tỉnh phái Vệ úy Nguyễn Đình Phú và Vệ úy phủ Diễn là Nguyễn Công Cẩn đem binh hội tiểu; Cẩn gặp phục binh của giặc ở Chỉ Khê (thuộc mạn rừng huyện Quỳnh Lưu) bị thua; quan tỉnh lại phái Diệu võ; Vệ úy Tăng Tháp đi hiệp tiểu.

Tập thành an của quan Thự Tổng đốc Hải An là Nguyễn Công Trứ nói rằng: "tỉnh lỵ Tuyên Quang tiếp huyện Hùng Quan phủ Đoan Hùng về tỉnh Sơn Tây, tự đó đến đồn An Biên đi 8 ngày đàng; tự An Biên qua An Định Bắc Nhự đến Vân Trung 5 ngày; mà theo Đại Miện, Tiểu Miện đến Vân Trung 8 ngày; thống kê từ tỉnh thành đến châu Bảo Lạc đàng đi thường đã hơn nửa tháng; mấy chỗ sơn xuyên hiểm trở đều bọn thổ ty chiếm cứ, gặp việc chờ báo e đã không kịp; huống những việc quan yếu đều từ tỉnh Sơn Tây điều độ, binh lương qua lại phải đến trọn tháng, việc đến nổi trở ngại, cũng vì tình thế ngăn cách. Và chẳng tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Thái Nguyên đất liền nhau, nên hiệp làm một đạo, dời tỉnh thành qua xứ An Biên, kiêm trị tỉnh Thái Nguyên, đặt quan Tổng đốc làm chủ; hạt ấy việc thuế là giản, một quan Tổng đốc kiêm cả việc Bổ chánh cũng được. Và lại An Biên ở về chính giữa Tuyên Quang, trước có con sông ngăn cách, ba mặt đều là núi đá chầu lại, khoảng giữa rộng rãi dung được vài vạn người, nên thiết lập tỉnh thành ở đó. Bên hữu xứ Tùng Tạo, bên tả núi Lạp Lãnh, đều nên xây cửa ải; phía nam sông ấy có núi đất, nên đắp một pháo đài, để nghiêm phòng giữ, thời những chỗ hiểm trở đều ở được cả; còn các nơi quan yếu khác như: Đại Miện, Tiểu Miện, Bách Đích, Châu Khoán, An Định, cũng nên lập đồn bảo để phòng ngự, những chỗ cong chỗ hẹp đều nên khai tạc bình trị cho rộng, để qua lại cho thông; như thế thời phía tây chế ngự được Bảo Lạc, Lục An; phía đông trấn áp được Đại Man, Vị Xuyên; phía nam giữ tỉnh Thanh Hóa; phía bắc thông đạo Thái Nguyên; thành ra hình thế ở chỗ hệ trọng mà giá ngự các chỗ khác, giống như thân người khiến cánh tay mà cánh tay lại khiến ngón; vận động đã mau, hô ứng cũng tiện, có thể dẹp loạn lúc chưa sanh ra, yên dân lúc không êm lặng. Nhưng phải thay đổi kẻ đầu mục, phủ trị cho lâu, khiến nó noi theo khuôn khếp, tập nhiễm lần lần chắc rằng chẳng đến 3 năm, có thể thói mọi đổi làm thói mình, sẽ khỏi lo về việc biên cảnh nữa. Nhưng sự đổi đặt tỉnh thành người ta thường lo về hai điều: 1^o An Biên lam chướng rất nặng; 2^o đàng vận tải khó khăn; tôi đã xét kỹ An Biên đối ngạn với Hà Dương, phố chợ liên lạc, người mình, người Tàu ở đông; và tự An Biên đến Tuyên Quang cũng một nguồn sông, tôi đã cân thử nước sông, thời nặng nhẹ chẳng khác nhau lắm; vậy mà cho là lam chướng nặng quá, chẳng qua là ý kiến của những người ưng nơi gần, ghét nơi xa mà thôi. Còn như việc chi nhu thời đất hạt này tốt lắm, núi đều trồng tía được; khi trước tôi kéo quân qua đó, trông thấy lúa thóc chức đầy góc ruộng bờ ruộng, binh đồng đi hơn 4.000 người, từ tháng 10 đến tháng 12, chỉ dùng lúa trong một xã Vân Quang mà đã khỏi thiếu, thời chỗ khác cũng đủ biết. Tôi xét ruộng xứ ấy không vào sổ cũng không nạp thuế, mà đất trồng tía được bỏ hoang còn nhiều. Vậy thời chỉ chờ lương một lần tính đủ ân nửa năm mà thôi, còn về sau xin chiêu mộ dân các xã khai khẩn ruộng đất,

thành thuộc bao nhiêu sẽ chức lượng thu thuế chức để tiêu dùng, có thể thừa thải không đến nỗi lo thiếu. Lại như các sở mỏ vàng, mỗi năm nạp thuế từ 1 lượng đến 4 lượng, giá 1 lượng 80 quan, mà người Tàu khai khoáng mỗi sở tụ hội đến 7,8 trăm người, đều là đồ du đảng tránh xâm trốn thuế, thường thường sanh sự xuyên tạc địa mạch, khuấy nhiễu lương dân; gần đây toán nghịch Vân đến đâu tàn hại đó, đều tự bọn người Tàu làm vây cánh trợ ác. Tôi thiết tưởng thuế khai khoáng nạp vào chẳng được là mấy, xin cấm các sở mỏ vàng, đuổi hết người Tàu về xứ; sau nếu có ai xin trưng, quan địa phương sẽ xét thiệt, chiếu lệ kim hộ tỉnh Quảng Nam mà đánh thuế, nhưng thường phải kiểm xét, không được ẩn giảm như trước; thế thời đã tuyệt được sự biến sanh thành linh, mà tiền của trong nước cũng được rộng rãi. Và lại số lính trong tỉnh ấy phải đi quân thứ các tỉnh khác đến gần phân nửa, hiện còn ở tỉnh sai phái chắc là không đủ. Tôi xét các thổ mục trong tỉnh hạt và đây tớ tôi lâu nay sai đi đánh giặc cũng giỏi, xin cho chúng nó mộ hai cơ binh, mỗi cơ 600 người, ai đi mộ được 60 người sẽ cho làm suất đội, mộ được 10 đội cho làm Quản cơ; còn lính mộ thời lấy trong số dân lậu tịch. Vậy thời chẳng những đủ người sai phái, mà những bọn không thống thuộc về đâu, lại có chỗ quản thúc, cũng là một việc đã thêm binh lại cấm được trộm cướp nữa". Ngài dụ: "dời tỉnh thành tới An Biên thống hạt Thái Nguyên, đặt chức Tổng đốc, lời tâu xin vậy cũng có lý; nhưng chỉ có chỗ ấy là đất rừng rú nhưn vật còn ít, chờ khi nào biên cảnh yên rồi sẽ làm cũng chưa chậm gì; còn mấy đứa người Tàu, cũng là dân cùng nước khác, nhờ đó làm ăn, nữ nào đuổi nó; nếu nó có sanh dị chi, đã có phép luật. Đến như việc mộ thêm lính, thời tốn kém tiền lương, việc ấy nên đình bãi".

Quân thứ đạo Nam Vang là Trương Minh Giảng, Nguyễn Xuân, Trương Phúc Đính đánh giặc Xiêm được luôn; trận đánh ở Ca Lăng giặc lại bị thua to, đem bỏ trốn cả, quân ta đuổi ra khỏi giới hạn mới về. Khi trước tướng Xiêm là Phi Nhã Chất Tri nghe Xiêm bị thua, kéo hết quân tới, muốn liền quyết thắng phụ một trận; Minh Giảng cầm binh không động, binh Xiêm đến đồn, Giảng mới cho binh túa ra vừa reo vừa đánh, giặc bị chết và bị thương vô số, quân ta chém một Đại tướng giặc, cướp được cây đao vàng nó cầm quân (quân Chân Lạp nói rằng: người cầm đao vàng đó là quan Cửu phẩm Xiêm) và lấy được súng lớn nhỏ rất nhiều; chúng nó đốt trại chạy trốn, quân ta thẳng đến Phủ Lạt, bèn sửa sang đồn cũ giao cho bọn tướng Chân Lạp đóng giữ, rồi định ngày lui quân. Việc ấy tâu lên, Ngài cho bọn Trương Minh Giảng tấn tước và hưởng cấp khác nhau.

Tạ Quang Cự tâu: "quan binh đánh giặc từ Đào Ngạn, Tuyên Bố, đến Cống Lãnh, một dải duyên sơn hơn 30 trại giặc, đều đốt hết cả, chém được vài tên, còn bao nhiêu đều chạy trốn xa".

Thự Tuần phủ tỉnh An Giang là Lê Đại Cương mật tâu trừ tính việc ngoài biên: xin làm đồn trại nơi Nhu Viễn Đàng thành Nam Vang, phái quan binh trú thủ, làm kế giữ về sau. Lại từ đàng Quang Hóa trở lên giáp Cự Giang, nhiều chỗ không khoán cày được, nên cho những người Chàm¹ bị tội lưu tại xứ Ân Khu và xứ Sâm Bô tới ở đó khai khẩn. Ngài cho.

Quan tỉnh Nghệ An tâu: "binh Nam Chường tới khuấy rối châu Ninh Biên ở Hưng Hóa, đánh tiếng toan tới phủ Trấn Biên, Trấn Tĩnh". Quan Thanh Hóa cũng tâu: "huyện Trình Cố báo rằng: Nam Chường lại khiến người tự Ninh Biên tới bắt huyện ấy phải phục tùng nó, nếu không chịu thời bắt hết dân". Ngài phê rằng: "đó chẳng qua là nó nhờ tiếng giặc Xiêm, hư trương thanh thế, để nạt dân ngoài biên, cũng là thói quen mọi rợ mà thôi; nay giặc Xiêm ở các nơi đã bị quân ta đánh thua, thời Nam Chường còn làm chi được".

Sai quan Hộ thành binh mã Phó sứ Trương Viết Soái đến Hữu Trạch Nguyên chế ra xe thủy hỏa ký tế (nhờ nước chảy làm cho máy chạy, không cần dùng sức người) và chiếu theo cách mới mà chế thuốc súng (hống phương, hùng phương, hộc phương, mỗi thứ 20.000 cân). Lại phái ty viên các bộ, viện, xứ Thị vệ, và lính pháo thủ, đến đó thí nghiệm.

Ngài bàn chuyện với các quần thần về phép chế luyện hỏa thán, nhưn nói rằng: "ta ở trong cung, thường lúc trước tiết đông, hạ chí, cân đất và than nặng nhẹ bằng nhau, nhưn lấy đó thí nghiệm khí hậu; kíp đến tiết hạ chí thời đất nặng mà than nhẹ; đến tiết đông chí thời than nặng đất nhẹ; là bởi vì đất thuộc âm, hạ chí nhưt âm sanh thời đất nặng; than thuộc dương, đông chí nhưt dương sanh thời

¹ Chàm là người Chiêm Thành.

than nặng, âm dương loài nào nghe theo loài nấy, suy lẽ ấy ra thời lý âm dương lành dữ, cơ quân tử tiểu nơn bên nào thanh, bên nào suy, cũng có thể biết được". Ngài lại nói: "ta nghĩ rằng trong cung dùng nước, đài đệ rất phiền, nơn chế ra thủy xa, tự đó đỡ sức người nhiều lắm, lâu nay những chỗ nhà ở chật hẹp, mùa hè nhiều hỏa hoạn, ta sẽ chế xe cứu hỏa, nếu đem ra dùng, thời sức người không khó nhọc bao nhiêu, mà lửa cũng phải tắt". Bèn truyền đem thể thức xe ấy cho quần thần xem.

Án sát đạo Thái Nguyên là Nguyễn Mưu, phó Lãnh binh Nguyễn Văn Ứng đánh giặc ở phố Bắc Nấm (thuộc làng Nhạn Môn về châu Bạch Thông, tiếp giáp làng Bằng Thành, cách Vân Trung một làng) bị thua. Quản cơ Nguyễn Văn Anh và Chánh đội Nguyễn Đình Cát đều tử trận, Mưu bị giặc bắt sống, Vệ úy Võ Văn Sơn bị giặc giết. Ngài nghe, Mưu phải cách chức.

Giặc Thái Nguyên tràn xuống đồn Chợ Rã và Chợ Mới. Lãnh binh Nguyễn Văn Ứng lui đóng tại đồn Chợ Đô báo cho Nguyễn Đình Phổ đem quân phòng triệt và đem việc ấy tâu lên. Ngài sai đem thêm lính và voi tỉnh Hà Nội, tỉnh Nam Định, tiếp thêm đánh giặc.

Quân thứ đạo Tuyên Quang Lê Văn Đức và Nguyễn Công Trứ đến địa đầu Vị Xuyên, thám nghe quân giặc từ khi An Biên thất thủ, chúng nó ngày càng kéo tràn ra mãi; 2 ông bèn chia binh làm 2 đạo: Đức đi đàng Vị Xuyên, Trứ qua đàng Đại Man, đem vài ngày lương tới đánh, giặc phục quân trên rừng, quan quân đón đánh chém được vài thằng giặc. Thổ ty Ma Huy Tường bắn giết được một tướng giặc. Vừa tiếp thư ông Nguyễn Công Trứ báo rằng: "ở bờ sông bên kia về xứ Gia Hương có Phó tướng giặc là Nguyễn Đình Châu tự Thái Nguyên hợp với em Thống chế giặc Nguyễn Quang Khải là Nguyễn Quảng Thiêm lập 3 sở đồn, đồn đàng đến hơn 1.000 người; tôi hiện dựng kết bè qua sông đánh phá đàng ấy, thẳng đến đồn Côn Lôn, để phá tan sào huyệt giặc Quang Khải, rồi sẽ kéo quân tới hội cùng nhau". Đức liền đem tình hình tâu trước rằng: "hai đạo quân phải nên lượng đàng đi thông báo lần lần đánh phá, rồi hội binh thâm phục đồn An Biên, thẳng đến Vân Trung hội tiểu". Ngài ban khen; tên Ma Huy Tường được thưởng chức Chánh đội tỉnh ấy.

Tạ Quang Cự ở đạo Cao Bằng tâu "Võ Văn Từ đem quân đạo trung đến núi Mã Hồi, Lê Đạo Quảng đem quân đạo hữu tới đóng Sóc Giăng, Văn Hữu Xuân đem quân đạo tả tới đóng Lương Năng, giặc đều lui cả; chỉ có tự Thông Nông lên giáp xứ Bảo Lạc giặc còn cứ hiểm; vừa nghe báo quân đạo Thái Nguyên thua giặc lại tụ ở Linh Quan ước hơn 3000 người, mưu xâm tỉnh Cao Bang; tôi đã đòi Văn Hữu Xuân tới gia bằng đó giữ và mật tư cho Võ Văn Từ, Lê Đạo Quảng đều biết, nhưng liền trở về đồn Nhượng Bạ để điều độ các nơi gần đó".

Quan Kinh lược đại sứ đạo Trấn Ninh là Nguyễn Văn Xuân, Phó sứ là Phạm Văn Điển dâng sớ tâu: "hạt này dân đã chiêu dụ hồi phục rồi, nhưng phải có trọng binh để trấn áp. Chúng tôi đã giao cho Lãnh binh Võ Văn Thuyên đem 500 quân đóng đó canh giữ; còn chúng tôi thời xin kéo quân Kỳ Sơn, thẳng tới Trấn Tĩnh". Ngài nghĩ Nguyễn Văn Xuân già yếu, cho ở lại làm việc tỉnh, ủy cho Phó sứ Phạm Văn Điển, Xuân dâng sớ xin đi, Ngài khen, sai Thị vệ đem cho nơn sâm, hồng nhục sâm của Cao Ly mỗi thứ 3 chi, lại cho đầu bạc hà, rượu ngự phong mỗi thứ 20 ve.

Tham tán đạo Nam Vang là Nguyễn Xuân, Trương Minh Giảng cùng thự Tuần phủ An Giang Lê Đại Cương, hội phàm tập tâu: "việc kinh lý Chân Lạp phải có người tướng giỏi để nhờ giúp đỡ, xét tên Thái Công Triều lâu nay theo đi đánh giặc, công việc đã quen và tình thế Chân Lạp lại thuộc tất, xin cho nó lưu lại Nam Vang giúp việc". Ngài chuẩn cho Thái Công Triều sung Lãnh binh đạo An Giang (sau tên Triều công mưu làm phản, giao bộ Hình nghị trảm quyết).

Lãnh binh tỉnh Tuyên Quang Trần Hữu Ân chở 5 chiếc thuyền lương đậu ở bờ sông Chương Khê, bị giặc ăn cướp, chỉ có một chiếc thuyền của thuyền hộ Đoàn Văn Giới cắt dây neo chạy thoát được. Lãnh binh với Suất đội đều bị cách chức làm lính. Bồi chánh và Án sát đều bị giáng một cấp, rồi cũng bị cách; Đoàn Văn Giới được thưởng 5 đồng Phi long đại hạng ngân tiền.

Truyền dụ Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ rằng: "quân đi ngàn dặm, hình thế mỗi nơi một khác, có đâu việc nào cũng đợi ta chỉ vẽ; vậy cho hai người được phép gặp việc phải cứ làm, vừa đánh vừa phủ dụ; nhưng nên cho hai đạo binh Cao Bằng, Thái Nguyên đều đến, để phá tan đàng giặc, khiến chúng nó phải kiên sợ oai thanh, rõ phép Triều đình. Còn nghịch Vân trốn trong rừng rú, tuy bắt được

hay là chưa mặc lòng, cũng chuẩn cho 3 đạo quân khai hoàn một lần, chớ nên ở lâu mặc khí lam chướng".

Bày họ Mường thuộc về tỉnh Thái Nguyên xin đem súng điều thương 160 khẩu nạp cho Triều đình. Ngài khiến tinh thần xuất tiền kho thưởng cấp, lại khiến các tỉnh Ninh Bình, Quảng Yên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn đều truyền dụ thổ dân coi đó mà bắt chước. Rồi hạt Lạng Sơn cũng nạp 80 khẩu súng điều thương, nguyện chẵn lãnh tiền thưởng. Quan tỉnh đem việc tâu lên, Ngài dụ rằng: "đó là ơn của Triều đình cho, để mua ngư canh, điền khí, cũng như phong tục "bán dao mua trâu"¹ đời xưa, chớ nên từ chối".

Đào các sông con ở Nam Định và Hưng Yên. Dân sở tại đều xin: "kẻ giàu xuất của, kẻ nghèo xuất công"; quan Tổng đốc Đặng Văn Thiêm đem việc ấy tâu lên. Ngài khiến truyền dụ ban khen. Đến sau đàng sông chảy thông, gặt lụt thời nước tiêu ngay, nông công thuận tiện; Thiêm cùng Phủ, Huyện sở tại vì biết cách khuyên dạy dân, được thưởng gia cấp hoặc kỷ lục; còn dân thời kẻ giàu ban cho cơm rượu, hoa hồng, kẻ nghèo lại tùy công khó để chước lượng cấp tiền.

Tỉnh Nam Định bắt được giặc trốn nguy xưng Hữu quân về đảng Phan Bá Vành tên là Võ Duật, đem giết ngay.

Triều đình thưởng cho kẻ bắt được giặc 100 lượng bạc, kẻ cáo giác 30 lượng. Ngài truyền quan Nội các Hà Quyền rằng: "đó cũng là ý trời "dời cây lập điều tín² như vua Tần ngày xưa". Nếu tiết tiểu phí, thời kẻ biết chẳng chịu cáo tố, bọn gian đảng ngày càng thêm, đến nỗi Triều đình phiến phải sắp đặt, thời tổn phí lại nhiều thêm nữa.

Tham tán Hồ Văn Khuê từ Hà Tiên về Gia Định, tâu rằng: "việc lập pháo đài, đắp lũy đá ở Hà Tiên đều rồi cả, chúng tôi còn đương trừ nghĩ việc phá thành giặc".

Quân thứ đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức tấn quân đến làng Mạ Lang, đem tình hình ở quân thứ tâu lên, kể hết thiệt trạng đánh giặc và vận lương đàng thủy và đàng bộ đều khó khăn. Ngài dụ Nguyễn Công Trứ cũng đem các tình hình tâu ngay. Rồi Ngài đều khiến phải nên gia tâm tiếp hộ quân hướng cho đủ, hoặc đem nhiều tiền bạc, không cứ giá cao, giá hạ; tùy tiện mua mà chở tới, đừng để lương thiếu.

Tuần phủ Thanh Hóa là Nguyễn Khả Bằng tâu rằng: "trong tỉnh Thanh Hóa, Ninh Bình giặc trốn đều chưa bắt được; Bổ chánh Nguyễn Đăng Giai xin nghĩ việc tỉnh để kéo quân đi tới 2 huyện Thạch Thành, Quảng Đại hội tiểu với quân tỉnh Ninh Bình, đánh phá thế nào cho cùng hết gốc rễ đảng giặc, đừng để cho chúng mọc chồi sanh rễ được nữa". Ngài cho.

Tháng 4, quan quân Hải Dương và Bắc Ninh hội nhau đánh giặc ở huyện Văn Giang, bắt chém được hơn 30 đứa. Ngài khen, quan quân đều được thăng thưởng.

Tổng đốc Ninh Thái là Nguyễn Đình Phổ kéo quân đến địa đầu Thái Nguyên nghe tướng giặc là Nguyễn Đình Thế tụ đảng ở tổng La Đình³, lập tức đuổi bắt chém được một quản cơ, bắt sống nguy Tham mưu và quân giặc 6 người, còn đều chạy trốn. Phổ bèn đến thẳng tỉnh thành đóng quân. Tên Thế lại kéo quân lén đi đến huyện An Thế, quan Quản phủ Lạng Giang là Lê Đức Phú bị hại, chúng nó lại đến cướp huyện nha.

Nguyễn Công Trứ ở đạo Tuyên Quang đem binh đến làng Vĩnh Ninh, liền đem tình hình tâu lên; trong tờ sớ nói hễ phong tục hỗn hào và sơn xuyên hiểm trở hơn xứ Bảo Lạc, lại đàng chớ lương đi thủy đi bộ đều khó khăn, đến nỗi quân ăn không đủ, càng đi xa nữa thời lương chớ càng chậm. Ngài dụ rằng: "chẳng hạn tháng nào ngày nào, miễn cho thành công thời hơn". Ngài lại nghĩ rằng: Trứ đã đi đạo khác,

¹ Bán dao mua trâu là điển sử Tàu đời Hán; nghĩa là dân biết bỏ nghề ăn cướp, làm giặc, mà chăm nghề làm ruộng.

² Thương Ưởng đời Tần muốn bày phép mới mà sợ dân không tin, trước khi bày phép, có để một cây gỗ vừa sức người vác ở cửa thành bên này, và rao rằng: ai mà dời qua cửa thành bên kia thời thưởng 50 lượng vàng; dân đều lấy làm ngờ không dám dời; có một người dời thử, liền được thưởng 50 lượng vàng, dân mới biết rằng: Triều đình không nói dối.

³ La Đình thuộc huyện Tư Nông, giáp huyện Hiệp Hòa và Yên Thế, người ta gọi là Đông ba huyện.

thời phải tâu riêng, bèn sai khắc ấn Tham tán tiểu phủ quân vụ quan phòng, cho phép Công Trứ được dùng làm việc quan.

Tổng đốc đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức tâu phục được đồn An Biên.

Thự Tuần phủ Quảng Trị là Nguyễn Tú, Chưởng cơ Lê Văn Thụy đánh được giặc Xiêm ở phía bắc sông Khung, tấn quân thẳng đến Bôn Xán Bạ¹, voi mình xốc chìm 10 chiếc thuyền Xiêm ở giữa sông, binh Xiêm chết đuối nhiều lắm, bị thua trở về sông Tâm Lục.

Nguyễn Công Trứ ở đạo Tuyên Quang tấn binh đóng tại Vĩnh Khánh, giặc theo đàng làng Bắc Mân mưu cướp lương, Trứ liền sai Nguyễn Quang Diệu kịp theo, chém một tên giặc, bắt sống một tên, giặc phải trốn hết. Diệu được thưởng thọ Đệ trưởng và cấp bài bạc thưởng công.

Quân thứ thành Nam Vang và Nguyễn Xuân, Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương tâu: "đồn An Man ở ngoài thành cũ, làm đã xong rồi, còn chỗ tấn Lô An cũng xin làm thêm một đồn nữa; lại chọn được đất La Kết là chỗ sáng khải mà rộng và giáp với Tiền Giang, Hậu Giang, hình thế vững vàng, thủy bộ đều thông với thành An Giang, đồn Châu Đốc; vua và quan Chân Lạp muốn biết lập thành trì ở đó; vậy xin cho dời". Ngài cho.

Tạ Quang Cự, Võ Văn Từ ở đạo Cao Bằng đánh giặc Thổ được luôn; đem việc tâu lên. Ngài khen và đều cho thăng thưởng.

Ngài ngự ra chơi khe Dinh về Hữu Trạch, xem xe thủy hỏa ký tể, thấy công trình mau mắn, bằng lòng lắm, thưởng cho người Giám tu 3 đồng Phi Long đại hạng ngân tiền.

Bộ biên tỉnh Quảng Đông nước Tàu là Trần Tử Long đi thuyền binh gặp gió bạt vào trấn Y Bích thuộc về tỉnh Thanh Hóa. Ngài sai Lý Văn Phúc đưa về Tàu.

Đạo Tuyên Quang Lê Văn Đức đóng binh ở đồn An Biên, đem những tình hình giặc và sự thiếu lương tâu lên.

Quân thứ Gia Định đánh thành Phiên An không được, chết trận hơn 300, bị thương hơn 2.400, Nguyễn Văn Trọng cũng bị thương; Tổng Phúc Lương, Lê Đăng Dinh đều phải giải chức. Ngài cho Nguyễn Xuân làm chức Thảo nghịch hữu quân, lãnh ấn triện kỳ bài, hiệp đồng với hữu tướng quân Nguyễn Văn Trọng trừ nghĩ việc quân.

Bổ chánh, Án sát tỉnh Nghệ là Nguyễn Đình Tân, Võ Đình tâu: "Thổ dân ở Trấn Ninh, trước bị giặc Xiêm đuổi đi, mười phần còn hai, bấy lâu chúng nó đều nương nhờ quân thứ Võ Văn Thuyên; còn mấy huyện Quảng, Cát, Liên, Khương, Khâm chỉ còn hơn 200 người, dân huyện Xuy, huyện Mộc đều chưa về; nghịch Huống, nghịch Khuyết và dân mấy huyện ấy còn theo binh Xiêm trú ở phía Nam sông Khung; chúng tôi có bắt được 11 đứa do thám, đã khiến nghiêm giam rồi". Ngài khiến tha một tên thám tử, cho nó đi hiểu dụ bọn nghịch Huống, nghịch Khuyết và người Trấn Ninh, như đã biết hối ngộ trở đầu về với Triều đình, đều tha tội cả, lại làm một tờ dụ cho nước Nam Chưởng, sai đạo Trấn Ninh đưa qua.

Ngài ban các thứ thuốc cho các đạo binh ở Nam Kỳ và Bắc Kỳ (thứ thuốc Đại pháp trị chứng nóng rét, thuốc dẫu và hai khối thuốc dán).

Nguyễn Công Trứ đóng binh tại sông Côn Lôn, dâng sớ tâu: "binh đi lương thiếu, lại gặp lúc nắng, binh nhiều người mắc bệnh; nay gần hết tiết Tiểu mãn, nước mưa đầy ngập khe sông; xin chờ đến kỳ nước xuống, các đạo quân sẽ hội nhau đánh giặc một lần". Ngài dụ truyền hai đạo Cao, Thái, đều triệt quân về tỉnh thành nghỉ ngơi.

Đặt ngạch giảm binh các tỉnh: từ Quảng Bình trở vô Khánh Hòa.

Quan Tổng đốc An Hà là Trương Minh Giảng tự Nam Vang về Châu Đốc, sức bát binh dân sửa đồn bảo lại, lại qua Hà Tiên hội đồng với quan thự Tuần phủ Trần Chấn xem địa thế và bàn việc tỉnh thành, bèn dâng sớ xin dời thành tỉnh quan Giang Thành để giữ chốn hiểm yếu. Ngài cho là phải, nhưng

¹ Có 28 bạn, Bồn Chân là một, ở gần sông Khung.

đổi tên làm đồn Trấn Biên. Giảng về Châu Đốc, nghe thám báo rằng: "Phi Nhã Chất Tri đem binh Xiêm 5.000 người lại xâm Chân Lạp". Giảng lại đi ngay tới Nam Vang hội với Lê Đại Cương và phi tư quân thứ Gia Định phái binh hội tiểu.

Giặc Tuyên Quang là Nông Văn Vân đưa thơ phản gián cho quan Tổng đốc Ninh Thái, có ý muốn qua thông, trong lời thơ nói nhiều điều bội nghịch. Quan Tổng đốc Nguyễn Đình Phổ được thơ rất sợ hãi, đem thơ ấy tâu ngay. Ngài dụ cứ an tâm làm việc, chớ nên phiền lòng.

Quân thứ Nam Vang Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương tấn binh đóng ở sông Long Tôn, binh Xiêm lui, hai ông lưu binh 300 trú ở vũng Xà Năng để làm thanh thế cho đồn Tịch Biên, rồi trở về Nam Vang. Ngài sai đưa thơ cho nước Xiêm biểu nó nên biết lỗi, ai nấy đều giữ bờ cõi nước mình.

Nguyễn Công Trứ đánh phá đảng giặc ở Lục An, rồi vâng lời chỉ dụ đem binh về Tuyên Quang. Gia thưởng quân công kỷ lục như thứ.

Đem việc giặc Xiêm đã yên rồi, bố cáo trong ngoài biết khắp.

Lấp mỏ diêm tiêu và lưu hoàng ở Bắc Kỳ (Bắc Ninh, Tuyên Quang, Hưng Hóa mỗi tỉnh hai mỏ diêm tiêu; Lạng Sơn, Thái Nguyên mỗi tỉnh một mỏ; Hưng Hóa một mỏ lưu hoàng), ai lấy trộm bị tội "mãn lưu"; dân gian hàng chợ từ Hà Tĩnh ra Bắc, cấm không được chứa riêng buôn bán từ một cân trở lên; ai mà trái phép thời chiếu tội "vi chế" mà gia thêm một bực nữa làm tội cho nặng.

Bố chánh Thanh Hóa là Nguyễn Đăng Giai đi tuần trấp hai huyện Thạch Thành, Quảng Địa, bắt được Thổ phi là bọn Quách Công Thạch hơn 20 tên, xứ ấy đều được yên lặng. Em tên giặc trốn Nguyễn Đình Ban là Nguyễn Đình Lỗ tới cửa quân xin gia hạn cho đi chiêu dụ lục tục đầu thú; Giai đem việc tâu lên, Ngài cho.

Tháng 6, định phép dạy lính tập võ tự Hà Tĩnh trở ra Bắc. Lúc bấy giờ Triều đình nghị ra 8 điều: 1^o sát hạch quân suất; 2^o đòi những lính đào, 3^o huyện tập sĩ tốt; 4^o tập voi và tập súng; 5^o sửa sang khí giới; 6^o chỉnh bị quân nhu; 7^o cấm trấp tề đoàn; 8^o xét kẻ siêng người nhác; thông lục cho các tỉnh theo làm.

Tướng giặc tỉnh Sơn Tây Lê Văn Bột, Nguyễn Văn Nhờn theo lời nghịch Vân tỵ đảng hơn 6,7 người, đặt ra các nguy hiệu như: Tiên, Hậu, Tả, Hữu, Trung quân, Thống lĩnh, Tham mưu, Chánh cơ; thường ra vào địa hạt phủ Vĩnh Tường và Quốc Oai tiếp giáp lâm vận hai tỉnh Hà Nội và Bắc Ninh nhiều hại dân gian. Tỉnh ấy phái bộ biên Tôn Thất Bột cùng Quản phủ Vĩnh Tường đánh giặc tại An Lăng; rồi giặc tới đốt phá huyện nha Lập Thạch. Tỉnh thần đem việc phi tâu lên. Ngài dụ quan Tổng đốc Hà Ninh là Đoàn Văn Trường, Tổng đốc Ninh Thái là Nguyễn Đình Phổ, với Lê Văn Đức bốn mặt hội lại đánh giặc.

Ngài khiến thự Tổng đốc Hải An là Nguyễn Công Trứ hiệp đồng với Tổng đốc Ninh Thái là Nguyễn Đình Phổ hội đánh giặc Thổ.

Tháng 7, ban Huấn điều khắp cả trong ngoài: 1^o giữ luân lý; 2^o chánh tâm thuật; 3^o chăm bản nghiệp; 4^o chuộng tiết kiệm; 5^o hậu phong tục; 6^o dạy con em; 7^o học theo đạo chánh; 8^o răn điều gian dâm; 9^o giữ phép luật trong nước; 10^o làm điều thiện.

Đảng giặc Tuyên Quang là Nông Văn Sĩ, Nông Văn Hoàn lại nhóm họp ở hạt Cẩm Hóa tỉnh Thái Nguyên, đến hơn 1.000 người, chia làm 3 đạo: một đạo xuống đồn Bắc Cạn ở châu Bạch Thông, một đạo xâm qua đồn Gia Bằng tỉnh Cao Bằng, một đạo tới núi Tiêm tỉnh Lạng Sơn toan cướp lương. Cao Bằng, Thái Nguyên đều phái binh chống cự và đem việc tâu lên. Ngài dụ rằng: "giặc đã phân toán ra kiếm ăn, thế chia thời sức yếu, chúng nó đã gần chết, để đánh như chơi".

Lãnh binh Sơn Tây là Đoàn Văn Cải đánh phá quân giặc tại chợ Phú Lễ huyện Thạch Thất. Lúc ấy có tên Hoàng Phùng Huy ngụ xưng Ứng nghĩa tướng quân về khuấy rối hạt Vĩnh Tường; quan tỉnh sai người hào mục làng Cổ Hoàn là Đặng Văn Phần thiết kế lừa dụ nó đóng lại, mà phái úy Văn Cải qua đón gánh; giặc đánh trống đi đến chợ Phú Lễ, tên Phần sai người đem cơm rượu khoản đãi, phục binh ta lừa lúc quân giặc đã say, túa ra chặn đánh, giặc đều tan cả, bắt được Tham mưu, Đốc chiến và quân giặc cả thảy 30 tên, còn thời chết đuối nhiều lắm; việc ấy tâu lên, Ngài khen, đều cho thăng thưởng.

Lại sai Tổng đốc An Tĩnh là Tạ Quang Cự qua Cao Bằng làm Tổng thống tiểu bộ quân vụ; bởi vì Văn Hữu Xuân, Hoàng Văn Tú, Trương Sĩ Hoãn phiêu cáo cấp, cho nên Ngải sai Cự và Lãnh binh Nguyễn Tấn Lâm phải đi ngay, tùy cơ đánh giặc.

Ngải sai Tổng đốc Ninh Thái là Nguyễn Đình Phổ qua Thái Nguyên đánh tiếng cứu viện tỉnh Cao Bằng. Lại sai Nguyễn Công Trứ đem binh đồng lên Cao Bằng sung chức Tham tán quân vụ.

Giặc Nông Văn Vân tấn bức tỉnh Cao Bằng; Bồ, Aùn, Lãnh binh và Văn Hữu Xuân bỏ thành chạy lui về đồn Na Lãnh tỉnh Lạng Sơn.

Giặc tỉnh Sơn Tây xâm cướp đồn Đại Đồng thuộc về châu Thu, các đạo quân mình hội đánh phá được, bắt sống tả quân giặc là Nguyễn Văn Mạn, Phó tướng giặc là Nguyễn Văn Cầm và đội quân lính tráng cả thảy hơn 70 tên. Chạy trở về Kinh báo tiếp, Ngải đều cho thăng thưởng.

Quan Tả quân vệ úy tỉnh Thanh Hóa là Nguyễn Văn Quỳnh đón đánh toán giặc Đại Đồng trốn ở Trấn Tây, bắt được ngục là Trung dinh đại tướng quân Trần Minh Phụng, ngục Hữu quân Nguyễn Đình Trọng, và quân giặc cả thảy hơn 80 tên. Ngải khen và đền cho thăng thưởng.

Cho Tri huyện Vĩnh Hòa là Nguyễn Trọng Dũ thăng chức đồng Tri phủ Trấn Ninh quyền coi việc phủ. Từ khi quan binh đi kinh lược trở về, quan tỉnh Nghệ An khiến Dũ đi theo tùy tiện xử trí. Dũ đến sai người chiêu phủ 6 huyện: Quảng, Cát, Liên, Khâm, Xuy, Khương, những dân bỏ đi mấy lâu trở về được hơn 3.300 người; lại dụ được tên Chiêu Xá Lý từ đất Xà Ngộ về. Các Thổ mục đều nói: tổ phụ Dũ thuở xưa vốn làm Quản mục Trấn Ninh, nay Dũ là người mẫn cán, xin cử hiệp quyền nhiếp việc phủ. Quan tỉnh Nghệ An tâu lên, Ngải cho là sắp đặt thỏa đáng, cho Dũ thăng chức ấy, lại thưởng 20 lạng bạc.

Tỉnh Nghệ An bắt được quân giặc trốn là Lê Văn Phẩm, Hoàng Trọng Kiều, Phạm Văn Ninh, Nguyễn Ngọc Liên. Từ đó khắp trong tỉnh ấy đều được yên lặng, nhưng nghiêm sức cho Bồ, Aùn tỉnh Hà Tĩnh, hạn trong một tháng nă bắt được tướng giặc trốn được.

Tham tán Nguyễn Công Trứ tự Bắc Ninh kéo quân lên Cao Bằng đánh giặc.

Quan Tổng thống Lạng Bình quân vụ là Tạ Quang Cự đến Lạc Dương hội đồng với Tham tán Nguyễn Công Trứ dẹp yên giặc Thổ, Trứ lại về Thái Nguyên.

Quan cơ Cao Bằng là Nguyễn Hựu Đính, Chánh đội Ma Ngọc Lý, Chánh đội trưởng Trình Văn Châu chém được Thống chế giặc là Bế Văn Cẩn, thu phục được tỉnh thành. Đình, Châu đều được thưởng thọ chức Vệ úy trật tòng tam phẩm, Lý được thưởng phó Vệ úy trật chánh tứ phẩm, còn thời được gia thưởng cả.

Mới đặt chức Quản phủ Quỳ Châu thuộc tỉnh Nghệ An. Quan tỉnh nghĩ rằng: "Quỳ Châu là chỗ quan yếu và xa cách tỉnh thành, giặc thường trốn núp, xin đặt chức Quản phủ để kiểm chế". Ngải cho, lại cho chọn người trong tỉnh ai giỏi bổ làm Tri phủ; nhưng vì phong tục chưa đồng, nên chỉ đặt Chánh tổng, Lý trưởng, sửa sổ đinh và khiến dân phải theo lệ cũ mỗi năm phải nộp thuế quế mà thôi; còn sự kén lính thời tha cho.

Quân thứ ở Nam Vang là Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương tâu trừ nghĩ các việc phòng giữ về sau cả thảy 8 điều: 10 chia các tướng Chân Lạp phòng giữ những chỗ quan trọng; 2 xem hình thế đất Chân Lạp đặt ra đồn bảo; 3 lựa binh Chân Lạp; 4 lựa lính Chăm và lính Đồ Bà; 5 sửa sang những đồ binh dụng nước Chân Lạp; 6 Chiêu tập lính cơ xứ An Biên; 7; Khám xét thuyền buôn xứ Quảng Biên; 8 Kinh lý những đồ binh tỉnh Hà Tiên. Ngải đều y cho.

Lãnh binh Thái Nguyên là Nguyễn Văn Trị lại thu phục đồng Bắc Cạn.

Tháng 8, cho quan Thần sách dinh Thống chế là Phạm Văn Điển làm Đô đốc quân vụ, cấp cho ấn quan phòng, kéo quân tới Tuyên Quang hiệp với Lê Văn Đức hội tiểu, nhưng cho hãy đóng đó nghỉ quân, chờ cuối mùa thu 3 đạo sẽ kéo thẳng đến Vân Trung đánh giặc.

Truy lục kẻ có công đánh giặc ở Đại Đồng: Võ Đình Quang được phong tước Diên gia Nam, Tôn Thất Bật phong tước Võ Khê Nam, lại thưởng thêm một cấp quân công để tỏ người công lao thứ nhứt.

Nguyễn Công Trứ nghe hạt Lương Tài, Tiên Du, Yên Thế thuộc về Bắc Ninh còn có giặc, bèn thương với Nguyễn Đình Phổ ở lại Thái Nguyên mà mình thời trở về Bắc Ninh đàn áp một phía; cuối tháng sẽ tới Thái Nguyên chờ chỉ tấn tiễu. Hai ông hội nhau làm sớ tâu lên và xin phép nghiêm trừng tội Tổng lý ai mà dẫn giặc ra thú thời giặc và người dẫn thú đều được tha tội, giặc không thú thời cho bắt nạt; nếu Tổng lý cố ý dung ẩn, đến khi phát giác ra, thời Lý trưởng và giặc cũng phải tội đồng nhau.

Ngài dụ các quân ở đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức, Phạm Văn Điển, trước ngày 3 tháng 9 phải từ Sơn Tây khởi binh kéo tới Tuyên Quang, ngày 9 đều phân đạo kéo tới một lần; các quan ở đạo Cao Bằng là Tạ Quang Cự, Nguyễn Tấn Lâm, Hồ Hữu và các quan ở đạo Thái Nguyên là Nguyễn Đình Phổ, Nguyễn Công Trứ đều trong ngày 20 tháng 9 phải hội binh đánh giặc.

Tháng 9, Lãn binh Hưng Hóa là Bùi Văn Đạo đánh phá giặc Thổ ở Nhu Khê, thu phục được hai đồn Lô Khê và Bảo Nghĩa. Khi ấy Văn Đạo bị vây 7 ngày, cứ giữ để đợi binh cứu, kịp khi tình pháit tên Cầm Nhơn Cầm, Nguyễn Văn Phụng đem binh đồng tiếp cứu, nhơn lúc đêm lửa mở lũy giáp đánh, giặc tan chạy cả. Văn Đạo thừa thắng đuổi đánh giặc, giặc chết và bị thương nhiều lắm, chém hơn 30 tên, bắt sống tướng giặc là Lý Văn Trung, lấy được pháo giới vô số. Báo tiếp, Văn Đạo được thưởng gia hàm Vệ úy, Nhơn Cầm được thăng Chánh đội, Văn Phụng được thưởng Chánh đội trưởng, còn bao nhiêu đều được thăng thưởng.

Truy lục công đánh giặc Cam Lộ.

Lý Văn Phúc tự Quảng Đông về, tâu việc thuyền buôn nước Hồng Mao cầu khích với người Tàu.

Tỉnh Thanh Hóa phái người đi công văn qua Nam Chường, lại đem điệp thơ¹ Nam Chường về; rồi đòi Thông ngôn tỉnh Nghệ là Lê Thái Vỹ tới Kinh dịch ra chữ mình. Ngài nhơn truyền bộ Lễ rằng: "xưa Lý Bạch đời Đường dịch được chữ Mọi; nếu chưa học dịch làm sao được; ta muốn đặt ra sở Tứ dịch quán ở Kinh, chọn người am hiểu các thứ tiếng, hậu cấp tiền lương, để dạy người trong nước dạy tiếng nói và chữ viết của các nước, để mà dự bị việc thông dịch, chỉ trừ ngoại tiếng nói như chim muông không học mà thôi, còn thời đều nên học cả, để thành ra một nước văn minh lớn, thế thời việc ngoài chẳng sai lầm, mà thế nước càng tôn trọng".

Tên giặc trốn ở tỉnh Quảng Yên là Hoàng Aát An đưa thơ cho tên giặc trốn nước Tàu là Vũ Tiến Hiền, ước tới hội tại phố Na Dương khởi nguy. Thơ ấy giao cho đảng nó là Hoàng Bảo Kiếm (người tỉnh Lạng Sơn) truyền đệ, bị người thổ ty là Vi Thế Đảng bắt được đem nạt. Quan thự Tuần phủ là Trần Văn Tuân lập tức mật phái người đi tuần nã, liền bắt được Hoàng Aát An, đem việc ấy tâu lên. Thế Đảng được thưởng thọ Đội trưởng, lại cho 20 đồng bạc Phi Long hạng lớn.

Tạ Quang Cự tự Cao Bằng tấn binh, Nguyễn Đình Phổ, Nguyễn Công Trứ tự Thái Nguyên tấn binh.

Lê Văn Đức kéo quân tới Lục An, phá luôn những đồn giặc ở, đuổi mãi đến làng Lịch Hạ là chỗ sào huyệt tướng giặc Hoàng Trinh Tuyên, Trinh Tuyên đã trốn đi, quân đốt các đồn, trại rồi lại tấn binh nữa.

Tháng 10, phong Thống chế Phạm Hữu Tâm tước Tân phúc nam để tỏ công đánh giặc Xiêm ở Thuận Cảng và ở Chiến Sai.

Quân thứ Thái Nguyên là Nguyễn Đình Phổ, Nguyễn Công Trứ tấn binh đến chợ Rã, giặc đã trốn trước, bèn chia đạo đuổi theo.

Phạm Văn Điển kéo quân đến làng Gia Tường, đốt phá hết sào huyệt giặc Nga. Quân đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức kéo đến đồn An Biên, hội nhau với đạo binh Đề đốc Phạm Văn Điển.

Tạ Quang Cự đóng binh tại Nắm Chử, thám đàng lên núi Na Tình, giặc đến lập trại ở trên núi, xây đá làm thành lũy ha tầng, ngoài thành thả chông rất là hiểm cố. Quang Cự lựa quân chiến tâm lừa lúc đêm tối lén đánh lấy đồn, đuổi đến Mật Lũng, chia quân đóng giữ.

¹ Diệp thơ là tục Nam Chường viết chữ vào lá.

Nguyễn Công Trứ tấn binh đến Hồng La Diệp Aũ, giặc bỏ trại chạy, đuổi theo đến Bốt Lãnh, rồi nhơn trời tối đóng binh nghỉ lại.

Tháng 11, quân đạo Cao Bằng là Tạ Quang Cự đánh giặc ở Bế Lãnh, chém 4 tên giặc; giặc liền lui giữ xứ Kê Lũng¹.

Quân đạo Thái Nguyên là Nguyễn Đình Phổ đánh giặc làng Bắc Phân, bị thua; Vệ úy Phạm Đức Hạnh, Quản cơ Bạch Văn Dụ đều tử trận, Lãnh binh Lê Phúc Sơn cũng bị đạn chết, viên biên chết đến hơn 8 người, Đình Phổ thân binh lui về Na Dũ. Việc ấy tâu lên, Đình Phổ bị giáng 4 cấp.

Nguyễn Công Trứ đóng binh ở Hồng La, giặc vây bốn mặt từ trên cao bắn xuống. Công Trứ vây binh đánh 3 mặt, giặc đều bị thua chạy, chỉ có mặt hậu là xứ Diệp Aũ, giặc giữ hiểm chống cự, từ giờ Tý đến giờ Thân không chịu lùi, Công Trứ đốc quân hết sức đánh, giặc chết và bị thương nhiều lắm mới chịu chạy tan.

Quân thứ đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức, Phạm Văn Điển hội binh ở làng Tiễn Miện tấn đánh xứ Vân Trung. Nguyên khi trước Đức tấn quân đàng Thuyền giáp, Điển tấn quân đàng Họa giáp, đều leo núi vin mây, lên cao bắn xuống, giặc sợ, tan tác. Có một đạo binh ta đi đàng An Định, 5 lần đánh phục binh giặc, đều phá tan chúng nó, bèn tới hội với hai đạo binh Văn Đức và Văn Điển, hẹn ngày tới Vân Trung.

Tham tán đạo Thái Nguyên Nguyễn Công Trứ tâu rằng: "dân Tuyên Quang, Cao Bằng theo giặc nhiều, là bất đắc dĩ quan quân đến đâu chúng nó đều đem nhau đầu hàng; lính thổ càng ngày càng thêm, đều thiệt lòng hết sức. Còn như ở Thái Nguyên, tự Châu Bạch Thông trở lên, tới đâu giặc đó, chỗ rừng rú vừa tan về, rồi lại khiêu tụ ngay; vậy phải tìm dò cho đến tận nơi, bắt cho đặng người, hiệu dụ những điều họa phước, nếu chúng nó không chịu nghe theo, sẽ dùng hết phép trừng trị, nếu chúng nó không chịu nghe theo, sẽ dùng hết phép trừng trị. Và tôi mới tiếp thư Nguyễn Đình Phổ nói ở Na Dũ cũng có giặc, quan binh đánh bắn nó chạy tan, nó lại trèo lên tột núi. Thế giặc khó đánh như vậy, xin phái lính thú Hải Dương cùng cả vệ quân Vọng Thành và lính tinh vệ Trung, vệ Tả, đều tới đánh cho gắp". Ngài cho.

Nguyễn Công Trứ lại tâu: "binh đóng ở Hồng La ngày ngày thường bị giặc đến đánh vây, chúng nó lên cây giữ hiểm, toan chặn đàng quân mình đi lại; có một bữa, giặc đến sát thẳng chỗ quân thứ 4 mặt reo la bắn súng, có tên tướng giặc đứng trên hang đá chỉ trở, bị tên Chánh đội mình là Dương Đình Cẩm bắn một phát súng hiệu thương, chết ngay. Tự Hồng La trở lên tiếp giáp Bảo Lạc, đều là thân đảng tên giặc Nông Văn Sĩ, tôi đã phái đi dò nã, leo núi mây lớp, chỉ thấy rừng rú một dãy rậm rì xanh ngắt, vợ con đồ đạc nó đều tàng trữ ở trong ấy, trông thấy mà tới không đặng; kịp lúc quân mình về, chúng nó lại đuổi theo bắn súng, phong tục hung dữ như vậy". Ngài dụ rằng: "người phụng mạng đem quân, giữ gìn được toàn vẹn vững vàng, chẳng đến nỗi nao động, là đáng khen lắm; người trước có bị giáng 3 cấp, nay chuẩn cho khai phục một cấp; Dương Đình Cẩm thưởng cho một cái áo Ngũ ti nhưng y và một bộ dây gấm, quản suất đi theo đều thưởng quân công kỹ lục một thứ". Tâu rằng: "bên hữu núi Bế Lãnh một dãy núi cao, quân đi không tiện. Chúng tôi lại tiếp đạo Thái Nguyên tư rằng: đàng núi Bắc Nắm càng hiểm lắm. Chúng tôi trộm nghĩ Bắc Nắm chưa lấy được, thời tỉnh Cao, tỉnh Thái tiếp giáp đó đều là chỗ giặc ở, nếu quân mình kéo vào chỗ thâm hiểm, thời đàng đem lương trở ngại, nên chỉ còn phải đóng lại ở Mật Lũng và Du Lũng, chờ đạo binh Thái Nguyên đánh lấy được Bắc Nắm, sẽ tìm đàng tới đánh Bế Lãnh và thẳng đến Vân Trung hội tiểu".

Phạm Văn Điển, Lê Văn Đức kéo quân tới phá tan ổ giặc ở Vân Trung. Khi binh đến xứ Bách Đích, Bắc Cái, ở đầu hạt Để Định, liệp pháí Hoàng Đình Phụng đi bằng đàng lên đỉnh núi rất cao, lên trèo lên phía trên đồn giặc, đứng chỗ cao bắn xuống, quân mình nhơn đó súng nhỏ súng lớn bắn luôn, giặc chết nhiều, phải bỏ đồn chạy, lấy được lương gạo và súng đạn, rồi thẳng đến Vân Trung, thời nghịch Vân đã đốt phá chỗ ở, đem vợ con trốn đi rồi; Điển, Đức sai ngay Nguyễn Văn Quyền đem binh hơn 1.000 người thẳng đến Ngọc Mạo.

¹ Chỗ ấy liên tiếp với Bế Lãnh, hai bên núi đá dựng lên, cây cối rậm rịt, có 1 con đường tắt rất là hiểm yếu.

Quân thứ đạo Cao Bằng là Tạ Quang Cự tiếp đến Vân Trung, hội với đạo Tuyên Quang.

Tháng 12, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đình Phổ tấn binh đến Bắc Nẫm, giặc đã trốn cả, tấn quân tới đóng Cổ Đạo. Tướng giặc là Ma Đạt Trung và Dương Văn Loan đến cửa quân đầu thú xin hiệu lực và đem lương gạo tới nạp, nhưng xin nghỉ một vài ngày, để tìm bắt giặc trốn, rồi sẽ tới Vân Trung hội tiểu.

Mới đặt ra viện Cơ mật.

Định lại ngạch thuế châu Hướng Hóa ở tỉnh Quảng Trị bởi vì dân châu Hướng Hóa ở Cam Lộ tình nguyện cải theo như lệ dân Hán; vậy nên nhà nước cho chia thành làng, ấp, lập ra sổ bộ, nạp tiền thuế cũng như dân Hán.

Quân Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đình Phổ đến sơn phận xứ Giai Lạc, bắt sống được Thống lãnh giặc là Triệu Văn Triệu¹ và 7 thằng giặc, lại bắt được con voi kỳ trước bị mất.

Thường cho các nghĩa dân các tỉnh trong Nam Kỳ bởi vì khi quan quân đánh giặc Khôi ở Phiên An, dân Nam Kỳ có kẻ xuất của giúp quân nhu, vậy nên bộ Hộ nghĩ tâu xin thưởng.

Đặt thêm 3 huyện ở Thừa Thiên: Phú Lộc, Hương Thủy, Phong Điền.

Quân Phạm Văn Điển đến An Đức, có tên Phan Bá Bành dẫn tên Tham tán giặc là Phùng Ngọc Chấn và Chánh đội là Hoàng Văn Nguyên với đồ đảng hơn 20 tên ra đầu thú. Việc ấy tâu lên, Triều đình cho tòng quân hiệu lực để chuộc tội.

Định lại thuế suất trong các địa phương; khi trước nạp sắt cống, nay cho nạp sắt chín; nhưng chức lượng phân số, hoặc thêm hoặc bớt, lập ra ngạch như định.

Trong thành Phiên An có tên tướng giặc là Võ Vĩnh Lộc đứng trên thành, bị quân mình ở ngoài thành đem súng đại bác bắn chết.

Ba đạo quân Tuyên, Cao, Thái hội ở Vân Trung, nghịch Vân đã đem vợ con trốn sang Tàu; dân Tàu ở hai làng Lộng Mãnh, Bác Thán dựng tình ẩn dấu tên Vân. Các quan mình hội hàm tư sang phủ Trấn An (thuộc về nước Tàu) nhờ nã bắt nó giao cho mình, còn quân mình cứ đóng tại chỗ giáp giới để đợi tin Tàu.

Quân thứ đạo Cao Bằng là Tạ Quang Cự thân đốc quân lính đi khắp các mạn núi về Thanh Qua, Biểu Lũng và Hiểm Lũng, tìm được 15 khẩu súng thần công và súng điều thương, ống phun lửa, thuốc súng, khí giới các hạng.

Vua nước Chân Lạp là Nặc Chân mất. Ngài chuẩn cho quan Chân Lạp là Trà Long và Vệ úy là La Kiên giữ lấy quốc ấn, hiệp theo Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương quyền coi việc nước.

Năm Ất Vị thứ XVI (1835), tháng 3, quan Bảo hộ Chân Lạp ở thành Trấn Tây là Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương tâu: "các quan Chân Lạp báo rằng: Nặc Ông Run² sai người đem thơ nói nó bị người Xiêm kiềm thúc; như các quan Chân Lạp có bằng lòng cho nó về nước, xin trả lời ngay. Lại tiếp báo rằng: ở phía nam Cầm Bông Trắc Đà trông qua thấy phía bắc có binh Xiêm đi tuần, nghe vua Chân Lạp mất, Xiêm khiến Ông Run đem 300 quân tới vũng Cầm Sư đóng với người nước Xiêm. Chúng tôi thiết tưởng người Xiêm chưa dám làm gì, chẳng qua đem tên Nặc Ông Run làm mồi, dò xem ý người Chân Lạp thế nào mà thôi; chúng tôi đã sức tên Thi Kê phải phòng bị cho nghiêm ngặt, lại xét các quan Chân Lạp có tên Nhâm Vu là người siêng giỏi, sai phái đặc lực, xin cho nó qua hiệp với bọn Trà Long và La Kiên quyền giữ quốc ấn hội đồng coi việc Chân Lạp**. Ngài cho.

Quân thứ đạo Tuyên Quang là Lê Văn Đức, Phạm Văn Điển tâu rằng: "ngụy Thống chế Nguyễn Quang Khải, Ma Sĩ Vinh, ngụy Chánh quảng Lữ Châu Tuyền Lược và bọn Chánh vệ, Chánh cơ cả thảy 9 tên tới đầu thú, lại có tên Chánh đội trưởng Mai Văn Đạo ở An Biên được con giặc Phạm Thế Nga là

¹ Triệu là người Tàu, qua ngụ làng Nha Môn châu Bạch Thông, hiệp đảng với tướng giặc Sĩ Khuất rồi tỉnh Thái Nguyên.

² Nặc Ông Run là em vua Chân Lạp.

Phạm Thế Thọ và cha con tên Nguyễn Thế Liễu, Nguyễn Thế Trụ. Chúng tôi đã đem tên Thọ, tên Liễu xử tử rồi, còn mấy tên đương giam đợi chi".

Đắp thành Trấn Tây (trong lòng thành rộng 45 trượng; thân thành thời ngoài trồng tre trồng cây, trong đắp đất cao 9 thước 9 tấc; chân thành dày 1 trượng 8 thước, mặt thành dày 3 thước 6 tấc; hào ở 4 phía ngoài thành rộng 3 trượng 1 thước 5 tấc, hào trước cửa thành rộng 5 trượng 8 thước 5 tấc, đều sâu 1 trượng).

Đặt ra quân đồn điền ở Hà Tiên, cấp cho trâu bò cày bừa, khiến vừa cày ruộng vừa tập võ.

Bọn giặc Huống, giặc Khuyết ở Trấn Ninh mượn tướng Xiêm và binh Lào hơn 1.000 xâm huyện Quảng, huyện Khâm; các bọn Thổ mục đều chạy cả, quan đồng phủ là Nguyễn Trọng Dũ bỏ phủ lỵ lui đóng ở xứ Lam Cốt. Bỏ chánh Nguyễn Đình Tân. Aùn sát Mai Thăng Đàn nghe tin, ủy Lãnh binh Nguyễn Văn Kỳ đi ngay tới đồn Mang Thiên đóng giữ, để làm thanh viện.

Sai vệ lính Hồ Oai ở tỉnh Ninh Bình qua trú phòng Nghệ An, tha tội tên võ biên Hoàng Đăng Thận cho đi hiệu lực ở Trấn Ninh.

Quân đạo Tuyên Quang kéo tới đánh thủ nghịch Nông Văn Vân; Vân bị chết cháy tại trong rừng. Nguyên khi Vân trốn sang nước Tàu, quan Tuần phủ Quảng Tây tiếp tờ thư nước ta, liền dục phủ Trấn An phải bắt tên Vân cho gấp, Vân trốn lên về xã An Quang; thú đình tỉnh Sơn Tây là Nông Tính Hòa bắt được tùng đảng nó là Nông Văn Lô và thặng dây tổ của nó, đem báo các quan quân thú. Phạm Văn Điển lập tu81c sai quân đi vây bắt; chỉ vì khe sâu, rừng rậm, thế khó tìm kiếm; khi ấy như trời tối, sợ Vân thoát đi mất, quân mình đem lửa đốt cả bốn mặt núi, trong một giờ đám cỏ bụi gai ra tro hết thảy; Vân bị chết cháy; quân thú chạy cờ đỏ báo thặng trận, cờ viết bảy chữ và bỏ đầu tên Vân vào thùng phát đệ và Kinh. Ngài khiến 3 đạo quân Cao, Tuyên, Thái đều kéo về, lại truyền đem việc tên Vân đã chết thông đi cả trong ngoài đều biết.

Khiến Bỏ chánh tỉnh Nghệ An là Nguyễn Đình Tân đem quân qua Trấn Ninh đánh giặc Xiêm. Giặc làm phản ở Trấn Định tên là Lang Vi và Hâm Thả¹ theo tướng Xiêm đem binh Mọi hơn 1.000 xâm mấy huyện Cam Linh, Cam Cát, Cam Môn. Các thổ mục chạy trốn trên núi về xã Tình Diện, những Tri huyện Cam Môn, Cam Cát cũng lui về đóng ở bờ bến Lam Bạ, Hà Bạ. Quan tỉnh nghe tin, thương ủy vệ úy Phan Văn Phái, Trần Đăng Phú đi ngay tới Ngạn Phố đóng đó chống cự; và phi tư qua tỉnh Hà Tĩnh đem binh tiếp ứng.

Mới đặt lưu quan ở hạt Tuyên Quang, Thái, Lạng; chia huyện Vị Xuyên ở Tuyên Quang làm hai huyện; Vị Xuyên và Vĩnh Tuy.

Tạ Quang Cự gặp mẫu tang, tâu xin để cho con là Tiễn định quản cơ Tạ Quang Cự Tri thay coi việc tổng táng. Ngài truyền chờ khi nào Tạ Quang Cự ở quân thú về, sẽ cho luôn tiện về làng trị tang, để tỏ Triều đình hậu đãi thân tử. Bà mẹ Quang Cự khi ấy tuổi đã 80, bị đau, quan Phủ doãn, Phủ thừa không đem việc ấy tâu lên, vậy nên Phủ doãn Lê Văn Quý và Phủ thừa Lê Văn Cẩn đều bị giáng một cấp.

Tháng 4, lại khai mở diêm tiêu ở các tỉnh ngoài Bắc Hà, còn các mỏ lưu hoàng cứ nghiêm cấm như trước.

Tổng đốc Định An là Đặng Văn Thiêm vào chầu, xin về Lỵ sở. Ngài thương nhà có mẹ già, cho tiện đường về Bác Vọng tỉnh thám, lại cho em là Y phó Đặng Văn Chúc được miễn sự đối ban vào trực, để ở nhà nuôi mẹ; lại khiến các quan phủ Thừa Thiên phải thường tới nhà thăm viếng.

Chuẩn cho ngày rày phạm quan ngoài bổ chức Ngự sử hay là Tế tửu, Tư nghiệp đều phải do bộ Lại dẫn vào chầu.

Đề đốc Bình Thuận là Bùi Công Huyền, Tán tương là Lê Đức Tiêm đem binh biên đánh giặc mường ở Kha Tốt, Tà Lạp, phá hơn 10 sở đồn, bắt sống tướng giặc là Xạ Căn và chém giết rất nhiều, đốt hết đồn trại và thâu hết tiền lương; quân mọi tới đầu thú hơn 200 đứ, chúng nó đều nói: "bị giặc Thổ

¹ Lang Vi nguyên làm Thổ tri huyện huyện Cam Linh, Hâm Thả là quân khuyển thừa làm phản theo Xiêm ở đồn Phố Hâm.

hiếp phải theo, xin tha khỏi chết". Bọn Công Huyền phát cho cơm rượu và khăn đỏ, hết lòng hiếu dụ, khiến thông báo các mọi trở về như cũ; rồi đem việc ấy tâu lên. Ngài nghe, ban khen, thưởng Công Huyền gia một cấp, thưởng Đức Tiệm kỷ lục một thứ.

Tháng 5, thưởng nghĩa dân tình Cao Bằng bức biển khắc 4 chữ: "Hiếu nghĩa tri phương" thếp vàng. Khi trước tỉnh ấy có 36 xã thôn, đã không chịu theo giặc, mà hiệp nhau đi bắt giặc, khôi phục tỉnh thành; đến khi giặc yên rồi, lại nạp thuế như các huyện, để cấp quân lương, cho nên được thưởng. Ngài cho các xã thôn ấy được tha thuế thiếu mấy năm trước và thuế thân năm nay.

Đặt ra đồn phủ Trấn Ninh thuộc về tỉnh Nghệ, đổi tên tấn Ngạn Phố là tấn Hà Thanh. Bởi vì Nguyễn Đình Tân tự Trấn Định về, xét thấy một dải thượng du ở tỉnh hạt giáp giới với Xiêm, còn Trấn Ninh, Trấn Biên, Trấn Tĩnh xa cách tỉnh thành đến 15, 20 ngày đường, chỉ có phủ Trấn Định đất liền với huyện Hương Sơn, có một đường từ sông Khung qua tổng Nam Phú, huyện Cam Cát, thẳng tới Ngạn Phố, đường đi chỉ 8,9 ngày, so với các phủ gần hơn. Đến đây Đình Tân mới dâng sớ tâu rằng: "trong hạt phủ Trấn Định, huyện Cam Cát có đồn Long Mã, là nơi địa thế sáng khải, khe núi bọc quanh, thiết là một chỗ hình thẳng; ở giữa có hai đường: một đường từ Cam Linh thông đến Trấn Tĩnh; một đường từ Cam Môn thông đến Trấn Ninh; nói sự hiểm trở thời vẫn không có từng sơn điệp chướng gì, nhưng nói sự vận tải thời cũng có lẽ đỡ tốn và bớt công; vậy xin lập phủ thành ở đó, đào hào sâu, đắp lũy cao, chọn người Chánh đội nào giỏi cho làm Quản phủ, phái lính tinh 50, lính Thổ 100, chia nhau đi tuần thám, phàm có việc giặc giã gì, đều phải tâu do đó. Lại mộ thêm các làng Lạc Phố, Tình Diệm ở huyện Hương Sơn, những người quen biết đường đất, chừng số 100 người, đặt làm hai đội ở Trấn Định, theo với quan quân ở đó trú phòng, thời hạt dân có chỗ nương cậy, có thể trở nên mạnh bạo được, mà sự phòng bị ở ngoài bờ cõi cũng có thể vững bền. Nhưng có sự không dám chắc, là chức Quản phủ được người giỏi cũng khó; xin gia ân cho ăn thêm nhiều lương bổng, để cho khỏi điều nhiều tệ mới được. Và lại tấn Ngạn Phố nguyên trước đặt ở Lạc Phố, xa cách dân cư, nay xin dời về xứ Hà Tân làng Tình Diệm, nhưng đặt tên là tấn Hà Tân. Lại xin đặt thêm một Bát phẩm, một Thợ lại, theo với quan Thủ ngự làm việc quan; và phái thêm biên binh 50 tên đối nhau phòng giữ, thời khi có việc biên báo mới có thể mau xong". Ngài dụ: "nói có lý, cho chức Quản phủ được gia cấp mỗi tháng 10 quan tiền dưỡng liêm".

Tháng 6, Lê Đại Cương, Trương Minh Giảng ở thành Trấn Tây tuân lời chỉ dụ xét những tài cán, phẩm hạnh các quan Chân Lạp, kê thành sách tâu lên. Ngài truyền cho bọn ấy được thưởng phẩm trật khác nhau.

Dòng dõi Chiêm Thành là Nguyễn Văn Thừa, Nguyễn Văn Nguyên phải tội, bị giết, bởi vì tên Đỗ Văn Hoan xưng hai tên ấy ám thông với giặc Lôi ở thành Phiên An.

Nguyễn Công Trứ xin vào quân thứ Gia Định tham tán việc quân. Ngài phê rằng: "Khanh hết sức về việc quân lữ đã đến 3 năm, nay nữ nào lại sai đi nữa, Khanh nên an tâm châu hầu, để phòng khi ta có hỏi hạn việc gì".

Mới cho công thần làm lễ bảo tấu. Ngài tự rót rượu cho Nguyễn Công Trứ, Lê Văn Thụy, Nguyễn Tấn Lâm, Hồ Hựu.

Ngài dụ gia phong tấn tước cho những người có công đáng giặc ngoài Bắc Kỳ.

Đồn Đản Tư ở phủ Trấn Ninh thuộc về tỉnh Nghệ An có tiếp được 300 quân người nước Nam Chương đem lại một cái thơ chữ mọi để đó mà đi. Xem ra chữ nước Xiêm. Quan tỉnh Nghệ phát thơ ấy về bộ Lễ, bộ sai dịch ra tấn lăm. Ngài dụ rằng: "xem lời dịch ra đó, chẳng qua tướng Xiêm nói khoe, ý muốn hách truật dân Mọi mà thôi, nên nghĩ làm cái thơ bằng chữ Phì Tạo xứ Trấn Ninh, để trả lời cho tướng Xiêm, tướng Lào. Nhưng phải đưa thơ ấy cho tỉnh Nghệ sức tên Nguyễn Trọng Dũ dịch ra chữ Mọi, đến chỗ giáp giới giao cho người Xiêm Lào nhận về báo cáo trong nước Xiêm khiến phải dẹp việc binh cách. Lại phái người Thông ngôn hiểu tiếng Xiêm là Nguyễn Văn Trang ra tỉnh Nghệ làm thông dịch, đợi khi nào có người trong tỉnh học tập hiểu được chữ Xiêm, rồi lại về Kinh làm việc".

Đào sâu sông Phố Lợi, từ bến đò Hương Giang theo dòng sông con đến cửa Thuận An. Bởi vì khi ấy sông cạn, nước chảy không thông, thuyền đi lại không tiện.

Lập đền thờ thần Hoàng Sa ở bãi biển tỉnh Quảng Ngãi. Bãi Hoàng Sa ngoài biển có một chỗ cây cối rậm tốt, trong cồn có giếng, phía tây nam có Cổ miếu có bia khắc 4 chữ: "Vạn lý ba bình"¹. Ngài sai lập Miếu dựng bia, đằng trước xây cái bình phong.

Đề đốc Bình Thuận Bùi Công Huyền tâu: "bấy lâu phái binh chia đảng phòng triệt, giặc Mọi chạy tan, hoặc đầu hàng ở Khánh Hòa, hoặc ra thú ở Bình Thuận, việc đã yên rồi, tôi xin về Kinh phục mạng". Ngài thưởng cho Huyền quận công gia một cấp.

Tước trừ các ngạch con cháu nhà Lê, Trịnh.

Tháng 6 nhuận, cấp cho các địa phương thước đồng để đo hình đạn và lòng súng cho kỹ lưỡng, lúc lâm trận bắn cho nhắm, vậy thời đồ súng đạn mới được thiết dụng.

Giặc Thổ tỉnh Bình Thuận lại tụ ở Bá Bôn, đi lên xuống địa hạt Hòa Thuận, Long Bàn. Àn sát Lê Đức Tiêm, Quản cơ Tôn Thất Thành đánh phá tan giặc. Triều đình cho Tiêm và Thành thăng trật, còn binh dân các đạo đều được thưởng tiền.

Đặt thêm phủ Hòa An trong tỉnh Cao Bằng, còn các huyện Thượng Lang, Hạ Lang, Quảng Uyên, cứ thuộc về phủ Trùng Khánh; lập lý sở phủ huyện và định ngạch lương Lại lệ, mỗi năm cấp tiền công nhu.

Lại cấp 100 mẫu tự điền để thờ Miếu vua Lê và 60 tên phu để coi sóc canh giữ, giao sở tại thuế thời phụng tự, các quan tỉnh thỉnh thoảng đốc sức.

Mới định thuế lệ đinh điền phủ Lạc Hóa ở tỉnh Vĩnh Long. Phàm trang sách nào lớn gọi là xã, nhỏ gọi là thôn, đặt ra phủ huyện lý sở.

Khiến soạn biên quyển sách ngự chế nói về những phương lược đánh giặc Nam Kỳ và Bắc Kỳ.

Tháng 7, Ngài khiến các quan Quản lĩnh Kinh phải nghiêm trấp quân lính, không được làm việc những tệ.

Đổi tên phủ Ba Thắc ở Chân Lạp là phủ Ba Xuyên, đặt chức An phủ sứ, cho quan Viên ngoại bộ Lại Nguyễn Gia Nghi bổ lãnh chức ấy.

Quân thứ Gia Định thân phục được thành Phiên An, quân giặc bị bắt sống và bị chém cả thảy 1.831 đứa, không còn sót đứa nào; quan binh bị thương hơn 400 người, chết trận hơn 60 người; tù phạm thú đình bị thương hơn 70, chết trận hơn 20. Cờ đỏ chạy về báo tiếp (cờ viết 5 chữ: thu phục Phiên An thành), chỉ có 4 ngày 11 giờ từ Gia Định báo về đến Kinh. Ngài vui lòng lắm, ngự chế bài thơ để ghi nhớ việc ấy.

Đem việc thân phục thành Phiên An báo cáo trong ngoài đều biết.

Ngài dụ bộ Lễ rằng: "xưa có chức Ký, Đễ, Tượng, Dịch (Ký, Đễ, Tượng, Dịch đều là chức Thông ngôn, nhưng vì mỗi người thuộc tiếng nói và chữ viết mỗi phương, cho nên tên gọi khác nhau). Triều ta nay giáo thanh ra khắp bốn phương, phần nhiều các nước ở phía Đông, phía Tây đều trèo núi vượt khơi tới chầu; vậy nên cần kẻ tập quen tiếng nói và chữ viết ngoại quốc để phòng khi thông dịch. Nay cho những ấn quan các bộ, Nội các, đều xét trong tứ đệ các thuộc viên, quan Phủ doãn xét dân trong hạt, lựa những kẻ từ 16 tuổi sắp xuống, mà tánh chất lanh lợi, lại hơi thông kinh sử, thời bộ phải kê tên tâu lên. Triều đình sẽ cấp lương cho học tập tiếng nói và chữ viết các nước xa gần, chờ khi học tập đã thành mà lại có tài trí kiến thức, sẽ xét dùng làm việc". Ngài lại truyền Nội các rằng: "chữ Âu châu chỉ có 24 chữ cái, nếu hiểu được 24 chữ ấy, thời chữ khác cũng tự đó mà suy ra, học tập cũng chẳng khó gì".

Quan Tổng đốc Hải Dương là Nguyễn Công Trứ dâng tập tình an tâu rằng: "trong tỉnh có xã Minh Liễn về huyện Nghi Dương, còn ruộng hoang được hơn 1.000 mẫu, xem thể khai khẩn cũng dễ; xin cho các vệ lính mộ khai khẩn làm ruộng, tên nào khẩn được bao nhiêu, cho nhận mà làm, theo lệ tư điền trưng thuế; còn ngư canh điền khí xiên cứ theo lệ đinh điền cấp cho nó làm". Ngài cho.

¹ Cồn Bạch Sa trước gọi là núi Phật Tự, phía đông, tây, nam đều có đá san hô nổi thành một cồn, chung quanh rộng 340 trượng, cao 1 trượng 3 thước, ngang với cồn cát tên là Bàn Hoài Thạch.

Đặt lại ngạch lưu quan trong các châu huyện ở Quảng Yên. Bởi vì khi trước 3 huyện An Hưng, Ba Phong, Hoàn Bồ và 2 châu Quảng Yên, Vạn Ninh, nguyên đặt chức Tri huyện, Tri châu; Vân Đồn đặt thổ Lại mục; nay quan Hộ vũ là Lê Dục Đức tâu xin đặt lưu quan, Ngài cho, nhưng Vân Đồn chỉ có 2 xã, đình điền không mấy, cho cận tiện thuộc châu Vạn Ninh kiêm lý.

Đặt thêm phủ An Ninh ở Tuyên Quang; đổi tên châu Đại Man làm châu Chiêm Hóa.

Giặc mọi Bình Thuận đã dẹp yên cả, ông Dương Văn Phong được thăng Tham tri bộ Binh, kiêm Đô sát, nhưng lãnh Bồ chánh Bình Thuận, lại thưởng gia quân công một cấp.

Tháng 9, đặt thêm phủ Trường Định ở Lạng Sơn, trích 4 châu huyện Thoát Lãng, Văn Uyên, Văn Quang, Thất Tuyên làm phủ ấy; còn 3 châu huyện Oân Châu, Lộc Bình, An Bắc thời làm phủ Trường Khánh.

Đổi sở công quán Thừa Thiên làm quán Tứ Dịch, cho ti Hành Nhơn và những người Thông ngôn các bộ đều phải tới đó ở luân, trách cứ các nha phải lựa tử đệ những thuộc viên và sĩ dân làm học trò trong sở ấy; sửa định chương trình, khiến cho học tập tiếng nói và chữ các nước ngoại quốc.

Sắc xuống bộ Binh rằng: "bộ phải tư ra các tỉnh miền biển về phía Nam, hễ thấy có tàu lớn ghé lại ở địa hải phận tấn nào, thời người Tấn thủ phải đem theo một người Thông ngôn hay là người Tàu hiểu tiếng Tây, đến nơi xét hỏi tàu ở từ đâu mà tới, ấy là tàu trận hay là tàu buôn cho rõ ràng, rồi báo lập tức; nếu là tàu trận thời rút điện phi tâu, rút điện phái quân nghiêm giữ và tư qua các lân tỉnh phòng bị, ngày nào tàu đi, hoặc đóng lại làm sự trạng gì, cũng phải tâu luôn".

Mới lập Võ miếu. "Chính giữa thờ ông Khương Thái Công; phía Đông thờ tướng Tề là Quản Trọng, tướng Ngô là Tôn Võ Tử, tướng Hán là Hàn Tín, tướng Đàng là Lý Tĩnh, Lý Thạnh, tướng Minh là Từ Đạt; phía Tây thờ quan Tư mã Tề là Nhương Thư, tướng Hán là Trương Lương và Gia Cát Lượng, tướng Đàng là Quách Tử Nghi, tướng Tống là Nhạc Phi; Tả vu tòng tự; tướng Trần là Hưng Đạo, tướng Bồn triều là Nguyễn Hữu Tấn và Tôn Thất Hội; Hữu vu tòng tự; tướng Lê là Lê Khôi, tướng Bồn triều là Nguyễn Hữu Đạt và Nguyễn Văn Trương".

Tháng 10, tỉnh Hà Tiên có người khách buôn đi chiếc tàu bọc đồng đậu ở hòn Na Dự, trong tàu có người Hồng Mao chở đồ hóa hạng và sáu súng điều thương, súng đoãn mã cò máy đá, xin vào buôn bán chịu thuế. Việc ấy tâu lên, Ngài dụ Quan tỉnh tới hiểu thị người chủ tàu ấy rằng: "lệ tàu tây đậu tại cửa Hàn (Đà Nẵng), còn các cửa biển khác không được tới buôn, phép nước rất nghiêm chẳng nên trái; biểu chiếc tàu ấy nên ra cửa biển lập tức, không cho vào cửa. Từ nay về sau người Tàu phải đi tàu buôn nước Tàu, mới cho vào cửa biển buôn bán; người Tây phải đi tàu nước Tây vào cửa Hàn thông thương, không được ghé vào cửa khác có lỗi". Rồi có toán giặc biển người xứ Đồ Bà lén vô Tam Giang thuộc về tỉnh hạt ấy, cướp hai vị súng quá sơn mà đi. Quan tỉnh là Đoàn Khiêm Quang, Hồ Công Hi, Hoàng Công Lý đều bị giáng một cấp.

Đổi những quy chế dinh thự Tổng đốc, Tuần phủ, Bồ chánh, Àn sát, trong các địa phương. Bởi vì Ngài ngự ra chơi Quảng Trị, thấy dinh Tuần phủ chật hẹp, cho nên truyền chỉ đều làm rộng thêm.

Mới làm lễ Thọ phủ¹. Ngài ngự ngoài Ngọ Môn, tướng quân là Nguyễn Xuân và Phạm Hữu Tâm mặc đồ nhung phục lạy nạp ấn thọ, kỳ bái; và dẫn trình những tướng giặc bắt được tại thành Phiên An.

Cho Thự Đông các Trương Minh Giảng làm Tướng quân thành Trấn Tây, ban cho ấn "

Trấn Tây tướng quân", nhưng lãnh Tổng đốc An Hà; cho quan Tuần phủ An Giang là Lê Đại Cương làm Tham tán đại thần, nhưng lãnh Tuần phủ; cho Thần sách hậu dinh Thống chế Bùi Công Huyền cải bổ Đề đốc thành Trấn Tây, chuyên coi quân lính ở thành ấy và kiêm quản quân Chân Lạp, hiệp theo quan Tướng quân bàn việc binh, đúc ấn quan phòng bằng đồng phát cho Công Huyền dùng làm việc quan; lại cho Tướng quân, Tham tán, Đề đốc, mỗi người mỗi cây cờ.

Cho quan Tướng quân đánh giặc Nam Kỳ về được phép vào làm lễ Bảo tấ.

¹ Thọ phủ là lễ Ngai ngự triều để cho các quan đem tướng giặc vào trình.

Truyền dụ thưởng công đánh giặc Nam Kỳ; Tướng quân, Tham tán, Lãnh binh đều được theo bậc phong tước.

Mới đúc 9 cái đỉnh, khắc những hình núi, sông, vật, tượng. Các đỉnh ấy để trước Thế miếu (chánh giữa là Cao Đỉnh; thứ nhứt phía tả là Nhơn Đỉnh; thứ nhứt phía hữu là Chương Đỉnh; Tả nhì là Anh Đỉnh; Hữu nhì là Nghị Đỉnh; Tả tam là Thuần Đỉnh; Hữu tam là Tuyền Đỉnh; Tả tứ là Dĩ Đỉnh; Hữu tứ là Huyền Đỉnh).

Truy tặng chức Chánh đội cho người Đầu mục sách La Uyển ở tỉnh Bình Thuận tên là Kỳ Hoạch Bát. Khi trước quan binh đi đánh giặc Mọi, tên Kỳ Hoạch Bát trước hết theo Triều đình ra sức do thám bắt giặc, khi quân Triều trở về, tên giặc Tất đem quân đón bắt Hoạch Bát, bức phải theo nó, Hoạch Bát không chịu, la to mắng giặc, rồi đập trán vào cây tùng mà chết. Tuần phủ Dương Văn Phong tâu lên, Ngài dụ rằng: "Kỳ Hoạch Bát là một đức Đầu mục trên Mọi, mà một lòng hướng thuận, không chịu khuất giặc, tiết liệt đáng khen". Nên cho tặng Chánh đội, lại thưởng nhà nó 50 đồng tiền bạc Phi Long hạng lớn và lập miếu thờ tại bốn xứ, cho tế một lần, ban biển ngạch để tỏ bày người tiết nghĩa. Ngài lại ngự chế bài thờ, khiến Nội các lục thành 2 bốn, một bốn đốt mà tế, một bốn khắc bia dựng trước miếu thờ.

Tháng 11, đặt đồn Tỉnh Man ở tỉnh Quảng Trị; Quan tỉnh xin lập một đồn ở sông Tầm Lục, phái 50 lính trong vệ quân Định Man tới giữ đồn ấy, mỗi tháng thay đổi một lần.

Truy xét tội Lê Văn Duyệt khi làm Tổng trấn Gia Định.

Lại cho Tham tri bộ Lễ hưu trí là Nguyễn Đăng Tuần làm sung chức Sư bảo các Hoàng tử.

Khiển Thủy sư vệ úy Nguyễn Văn Chú; Nhị đẳng thị vệ Võ Huy Dụng đem theo tên hiệu lực Trần Danh Bưu, đi tàu Linh Phụng qua nước Tây thương thuyết việc quan; lại sai Thông ngôn Nguyễn Văn Mẫn và người làm việc sở Trú dịch là Trần Đại Trung, Nguyễn Hữu Quang đi theo chuyến tàu ấy qua Hạ Châu ở lại học tập.

Tháng 12, cấp đồ nhưng phục cho quan Quảng Thủy để dùng mặc khi có sai phái và xét hỏi các tàu buôn ngoại quốc.

Truy xét tội Lê Chất khi làm Tổng trấn Bắc Kỳ. Bởi vì Lê Bá Tú tâu tham Lê Chất khi còn sống phạm bắt đạo tử tội 6 điều; đại tội 10 điều; Ngài giao xuống đình nghị. Àn dâng lên, 4 người con Lê Chất đều bị nghị quyết; vợ bị phát nô (đi đày).

Quan thành Trấn Tây là Trương Minh Giảng, Lê Đại Cương nghĩ rằng 3 phủ Hải Đông, Hải Tây, Sơn Phủ đều là nơi quan yếu địa đầu, xin đặt một Tuần phủ và một Àn sát. Ngài truyền dụ khiến lựa người thuộc viên giỏi tâu cho bổ thọ.

Chia phủ Thiệu Hóa ở Thanh Hóa làm 2 phủ; Thiệu Hóa và Quảng Hóa.

Đặt thêm huyện Quế Sơn ở tỉnh Quảng Nam: trích 4 tổng trong huyện Duy Xuyên và 1 tổng trong huyện Lễ Dương đặt ra huyện Quế Sơn ấy, thuộc về phủ Thăng Hoa (Thăng Hoa là phủ Thăng Bình bây giờ); còn huyện Duy Xuyên cải thuộc về phủ Điện Bàn.

Chia huyện Minh Linh ở tỉnh Quảng Trị làm hai huyện; Minh Linh và Địa Linh.

Năm Bính Thân thứ XVII (1836), tháng giêng, Quận chúa Chân Lạp là Ngọc Vân cung tiến Bạch đậu khấu 500 cân. Ngài khen, ban trả đồ cống lại.

Lại khiến Thừa Thiên, Quảng Nghĩa, Bình Định, và Quảng Trị tu bổ xe thủy hóa ký tế để giả thuốc súng.

Quan Tuần phủ Hưng Yên là Hà Thúc Lương mật phái người thám được tình tề các người coi kho (phàm nạp lúa 100 học, lấy tiền ngoại lệ một quan, cho người thử lúa gặt lúa một quan). Tàu xin đem bọn coi kho cách chức, án luật trị tội. Ngài khen, thưởng tên lính đi khám 30 quan tiền.

Lại kén binh đinh 4 tỉnh trong Nam Kỳ: Gia Định, Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường (cứ 5 đình kén 1 lính).

Khiển Thủy quân Suất đội Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền quan Quảng Ngãi, thẳng tới bãi Hoàng Sa, không nệ hòn Cù Lao nào, Côn Cát nào, hể dài ngang rộng cao châu vi, và bốn phía gần đó có đá mọc cát ngầm hay không; hình thế mấy chỗ ấy có hiểm hay không, từ cửa biển ra đó đàng thủy đi mấy dặm; đó gần bờ biển huyện nào làng nào; đến đâu khám rõ ràng, rồi cắm tiêu làm dấu, vẽ thành đồ bản đem về dâng lên Ngài ngự lãm.

Lại kén binh đình 3 tỉnh Khánh Hòa, Bình Thuận, Phú Yên (cứ 3 đình kén 1 lính).

Tháng 2, đắp đồn Thành Hải ở Gia Định và Pháo đài ở hòn Côn Lôn; khi nào rảnh việc hải phòng, cho dân tới đó vỡ đất trồng cây; và chỗ ấy có yến sào, lại truyền biên binh trú phòng hể lấy được đem nạp thời cấp giá cho; nhưng hạn mỗi người mỗi năm phải nạp 6 lượng yến sào.

Khiển quan đi Kinh lý 6 tỉnh Nam Kỳ, Binh bộ thượng thư Cơ mật viện Đại thần Trương Đăng Quế, Lại bộ thượng thư Nguyễn Kim Bảng đều sung chức Kinh lược Đại sứ; Thị lang Tôn Thất Bạch, Thông chánh sứ Nguyễn Đắc Trí đều sung Phó sứ. Ngài dụ rằng: "Chuyến đi này quan hệ trọng đại, các người đều là Đại thần ta lựa cho đi, nên hết lòng làm việc, dấy lợi trừ hại, thân oan lý uống, cho địa phương được nhờ, cũng như ta đi tới nơi vậy".

Tháng 3, định lại Công thần khai quốc và Công thần trung hưng¹ cả thảy 20 người, cấp mộ phu nhiều ít theo bậc.

Đặt lưu quan 3 huyện Trấn An, An Lập, Văn Chấn thuộc về Hưng Hóa; cho tùy theo đàng sá xa hay gần, nhiều hay ít, phân lập tổng xã cũng như các huyện dân Hán.

Cho những Thổ ty ở các huyện Bắc Kỳ (Cao Bằng, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn) tới kinh chiêm cẩn, cho kịp ngày Khánh tiết dự lãnh ơn ban, để tỏ ơn đức Triều đình thương xa gần như một.

Tháng 4, tàu trận nước Ma Ly Căn đậu ở vũng Sơn Chà cửa Hàn thuộc về tỉnh Quảng Nam, người chủ tàu nói có quốc thư cầu thông thương xin vào châu dâng thư. Ngài sai Đào Trí Phú, Lê Bá Tú tới nơi hỏi thăm. Khi đến nơi, người chủ tàu xưng bệnh không ra. Quan mình lại sai Thông ngôn đến thăm, chủ tàu cũng cho người đáp tạ; rồi kéo buồm đi ngay trong ngày ấy.

Đặt lưu quan trong 3 thổ huyện thuộc về tỉnh Ninh Bình: Phụng Hóa, An Hóa, Lạc Thổ, mỗi huyện đều đặt Tri huyện kiêm lãnh Giáo chức.

Tháng 5, cho quan Binh bộ Lang Trung Nguyễn Song Thanh một khẩu súng điều thương cò máy đá. Nguyễn Song Thanh là khoa mục xuất thân, khi trước đi việc quân lữ thường cầm súng giết giặc; Ngài khen, nên ban thưởng để khuyến các văn thân.

Thự Tuần phủ Lạng Bình Trần Văn Tuân dâng tập thỉnh an có nói rằng: "Thự Tri phủ Trường Khánh Đặng Huy Thuật là người Nghệ An, khi trước làm Tri huyện Thất Tuyên, đi rồi mà dân còn nhớ, tôi xét người ấy thật là mẫn cán, xin cho thăng thọ". Ngài y. Trích huyện Hoàn Bồ và châu Tiên An thuộc tỉnh Quảng Yên đặt thêm làm phủ Sơn Định.

Nam kỳ Kinh lược Trương Minh Giảng tâu rằng: "kỳ trước tỉnh Vĩnh Long và Định Tường có tau trong 6 tỉnh nhiều đàng sông, người ta ai cũng có thuyền, bởi vậy nên những dân nước Tàu trốn tránh vua quan và đưa con đồ thừa gián trộm cướp; tinh thần hai tỉnh ấy có xin sức thuyền dân phải trình với sở tại cấp bài thẻ ghi dấu ở đầu thuyền, hoặc khắc danh hiệu xã thôn; lại đặt người tuần phòng các sông và lập thời tề sanh, kẻ lại dịch chằng khỏi lưu nan yêu sách. Nay tôi xin các đầu thuyền phải sơn sắc khác nhau, cho dễ ghi nhận: thuyền Gia Định, Biên Hòa sắc đỏ; thuyền Vĩnh Long, Định Tường sắc đen; thuyền Trấn Tây, An Giang, Hà Tiên sắc lục; kẻ nào bôi sắc gian mạo thời phải tội nặng". Ngài y theo.

Định ra chương trình dạy học trò quán Tứ dịch học tập văn tự ngoại quốc; mấy tháng đầu thời học chữ Tây mỗi ngày 2,3 chữ; chữ Xiêm mỗi ngày 7,8 chữ; đến 5 tháng sau, mỗi ngày học chữ Tây 6,7 chữ, chữ Xiêm 11,12 chữ.

¹ Khai quốc công thần là các quan giúp Liệt Thánh xưa. Trung hưng công thần là các quan giúp đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế.

Khiến tỉnh Bình Định, Hà Nội, Tuyên Quang lựa con em dân trong hạ cho học tập tiếng nói chữ viết người Chăm, người Bà Ni, người Tàu, người Thổ.

Ngài ngự chơi cửa Tư Dung, lên núi Linh Thái, thấy tháp đá cột trụ khắc chữ Mọi. Thông ngôn ở Kinh đều nói rằng: "không phải chữ Xiêm, Lào, không thể dịch được". Ngài sắc cho tỉnh Bình Thuận, phái một người biết chữ Chiêm Thành tới Kinh. Đến nơi, thời người ấy nói rằng: "chữ người Thổ có 2 thể: Chiêm Thành (Chàm) và Bà Ni; đây là thể chữ Bà Ni, không phải chữ Chàm, dịch không ra được".

Ngài sai in ra một tờ, khiến hỏi khắp hạ có ai biết nghĩa dịch ra đem tâu. Lại cho tỉnh hạt chọn những người am tường chữ Chàm và Bà Ni khiến dạy nhau học tập. Lại truyền Hà Nội lựa người Tàu dạy người mình học tiếng nói nước Tàu; tỉnh Tuyên Quang lựa người Thổ học chữ Thổ âm và tiếng nói chữ viết xứ Đệ Định, Vĩnh Điện để phòng khi phiên dịch.

Mới đặt chức Tri phủ hai phủ An Ninh và An Bình về tỉnh Tuyên Quang. Nguyên trước cho quan châu, quan huyện kiêm làm việc phủ, nay quan tỉnh mới xin đặt.

Tháng 7, quan Phủ doãn Thừa Thiên là Vương Hữu Quang nhơn có cha già xin cáo về chung dưỡng; Ngài cho gia hạn 6 tháng, lại gia ơn thưởng cho ông cha 3 phiến quế thanh, một cặp lộc nhung, 5 cây sa, 5 cây lụa, để dùng làm đồ thuốc thang và áo mặc. Ngài đòi quan Tham tri bộ Binh là Nguyễn Trung Mậu hỏi rằng: "trước người về thăm mẹ già, ta có thưởng cấp chi không? - Tâu rằng: may đội ơn trên thương đến mẹ già tôi, ban cho nhơn sâm và thuốc; mẹ tôi lạy tạ, mừng thỏa lúc dư sanh". Ngài truyền Nội các rằng: "Chánh sự các Thánh vương đều lấy việc nuôi người già làm trước. Vậy nên xưa ông Tây Bá Khảo nuôi người già, vua Hiếu Văn hay hỏi người già, đều là để khuyên cho thiên hạ biết điều hiếu. Nay nước nhà gặp hội thái bình, trong nước nhiều người lên cõi nhơn thọ; ta từ khi lên ngôi, rộng mở đàng hiếu trị, phàm có kẻ thọ nam, thọ phụ trong dân gian, ta đều ban biễn ngạch, với cấp bạc lụa, cốt để tỏ rằng kẻ thọ là điềm tốt trong loài người, chớ có phải là cầu tiếng khen đâu. Người nên hỏi hết quần thần tại triều ai có lão thân đương còn mà tuổi 60 trở lên, kê tên làm sách tẩn lẫm, ta sẽ ban chỉ thưởng cấp". Khi Nội các tâu lên: Tham tri Nguyễn Trung Mậu, Lê Bá Tú, Tá lý Võ Đức Khuê, Nguyễn Văn Nhị đều còn mẹ già hơn 70 tuổi; mỗi người được thưởng 3 phiến quế thanh, một cặp lộc nhung, 5 cây sa nam, 5 cây lụa; Tham tri Hà Quyền, Thị Lang Doãn Uẩn đều còn mẹ, Thị lanag Nguyễn Tri Phương còn cha, tuổi đều hơn 60, cũng được thưởng mỗi người 3 phiến quế thanh, một cặp lộc nhung, 3 cây sa nam, 3 cây lụa.

Việc đạc điền ở Nam Kỳ lục tỉnh đã rồi, quan Kinh lược đệ sách số mục điền thổ và các điều khoản chức nghị tâu lên (nguyên trưng điền thổ 20.197 sớ, 13 giây, 8 đám, và linh tih 3.464 mẫu; nay đạc thành điền thổ các khoản hơn 6300.75 mẫu; lại nguyên trước là ngạch ruộng hơn 65 sớ, nay khám thành ao nuôi cá cả thảy 1.017 miếng).

Mới đặt phủ Tây Ninh thuộc tỉnh Gia Định, kiêm lãnh 2 huyện: Tây Ninh và Quang Hóa. Kinh lược sứ Trương Minh Giảng tâu rằng: "từ cầu Tây Hoa ở ngoài tỉnh thành thẳng đến con đàng lớn xứ Kha Lâm, ở giữa có đồn Sĩ Khê đất rộng bằng và tốt; người Hán, người Mọi ở xem nhau cày ruộng làm ăn; phía tả có sông Tiểu Đà thông với sông Quang Hóa; phía hữu có đàng lục bộ thông đến sông Trọc Giang (giáp giới Biên Hòa) cũng là một chỗ hình thẳng; xin lập Phủ lý ở đó, đặt ra 2 huyện thuộc về phủ ấy, lại đặt một đồn ở Trọc Giang, để tiếp ứng với thành Quang Hóa, cho dựng trong bên vững bờ cõi thành Gia Định, ngoài mạnh thêm thanh thế xứ Trấn Tây". Ngài y theo.

Tháng 8, thăng Trương Minh Giảng làm Đông các Đại học sĩ lãnh chức An Hà Tổng đốc, Trương Đăng Quế làm Hiệp tá Đại học sĩ lãnh Thượng thư bộ Binh, sung Cơ mật viện.

Định lại thuế điền thổ trong Nam Kỳ (ruộng sâu mỗi mẫu nạp 26 thăng lúa, ruộng cạn mỗi mẫu 23 thăng, thập vật mỗi mẫu 3 tiền; đất trồng dâu, mía, trầu, mỗi mẫu 2 quan; vườn cau mỗi mẫu 1 quan 4 tiền; đất ở và đất trồng khoai, đậu, mỗi mẫu 8 tiền; đất trồng tre, trồng dừa, mỗi mẫu 4 tiền; còn vườn tiêu, ruộng muối cũng đều phân hạng đánh thuế).

Phát những tù phạm Nam Kỳ đi làm đồn điền tại thành Trấn Tây.

Tháng 10, định lại lệ thu thuế ngoài Bắc Kỳ.

Sửa lại phần mộ các ông công thần khai quốc: mộ ông Hoảng quốc công Đào Duy Từ ở Bình Định, mộ ông Tịnh quốc công Nguyễn Hữu Dật ở Quảng Bình đều khiến quan tỉnh phải sức người lấy vôi gạch xây lại.

Đắp lại thành Gia Định tại thôn Hòa Mỹ về huyện Bình Dương. Khi ấy giặc Khôi đã bình, Bộ nghị rằng: thành cũ cao rộng quá, nên giảm bớt cho hiệp thể chế. Ngài sắc cho Bộ ban thể thức ra và tư đòi binh dân 4 tỉnh Định, Biên, Long, Tường cả thảy 10.000 người tới đắp. Trong 2 tháng thành đắp xong.

Phát những hiệu cờ các nước ngoại dương ra cửa Thuận An, cửa Đà Nẵng và đèo Hải Vân. Khi nào có tàu ngoại quốc tới đậu, phải xem xét sắc cờ dưới tàu, nhận là hiệu cờ nước nào, trong tờ phiến phải tâu rõ ràng.

Khiến bộ Binh phái những thợ đúc cò máy đá và các tỉnh Nam Kỳ đi tới thành Trấn Tây chỉ vẽ cho quân lính về các máy móc súng điều thương và những đồ vật đem theo súng để dùng đánh chùy sửa sang. Lại cho các hạt mộ thêm kẻ biết nghề rèn súng, chừng 4,5 người, khiến tập phép tháo mở sửa súng, học thành rồi cho vào ngạch thợ, còn thợ nguyên phái rút về Kinh.

Đổi tên huyện Trung Sơn thuộc tỉnh Nghệ làm huyện Quế Phong. Khiến quan tỉnh chiếu sổ đình làm sổ bộ, đặt chức Tri huyện trị dân.

Tỉnh Thanh có toán giặc Thổ khởi tại châu Quang Hóa. Khi trước có hai tên giặc trốn ở Ninh Bình là Quách Tất Công, Quách Tất Tại nuôi dấu con cháu nhà Lê là Lê Duy Hiếu tôn làm Minh chủ¹, chiêu dụ đồ đảng, đúc ngựa sắt, đặt ngựa quan, mật dụ những Thổ ty, Thổ mục ở châu Quang Hóa, Cẩm Thủy, Long Chánh, thuộc về tỉnh Thanh Hóa, hẹn kỳ khởi ngựa; lại khiến tên Quách Phúc Thành, Đinh Kim Bảng đi xui người xứ Ái Chử là Phạm Công Nho, người Cổ Lũng là Hà Công Kim, người Hồi Xuân là Phạm Bá Nho, đem đồ đảng hơn 500 tên đến động Hồi Xuân giết quan Tri châu là Tô Danh Cẩn, bỏ thân xuống sông. Việc ấy tâu lên. Ngài cho Tạ Quang Cự làm Kinh lược Đại sứ đạo Ninh Bình, Hà Duy Phiên làm Tham tán đại thần, đều ban cho ấn Quan phòng làm việc quan. Có Cử nhưn Hậu bổ tỉnh Sơn Tây là Tô Danh Ước xin theo quân hiệu lực để báo thù cha; Ngài cho. Ngài lại dụ tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh đều phái một Quân vệ đem binh 500 đi theo quân thứ sai khiến.

Tháng 11, khiến Nội các Thị lang Nguyễn Tri Phương, Thị vệ Võ Văn Giải đem những người bị cách chức hiệu lực là Trần Danh Bưu, Hoàng Công Tài chia nhau đi mấy hiệu tàu Thụy Long, Linh Phụng, Vân Bằng, Thanh Loan qua Giang Lưu Pha, Tân Gia Ba và Cù Lao Bình Lang làm việc quan.

Phát giống tầm trắng ra các tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Sơn Tây, Bắc Ninh, để thuê người chăn nuôi; thưởng trước mỗi tỉnh 20 quan tiền nuôi tầm. Nguyên trước nước Tàu có thứ kén trắng, chất tốt hơn tầm nước mình; mới mua được, nên phát ra các tỉnh làm giống. Được ít lâu, Sơn Tây và Hà Nội giống tầm trắng được lắm, quan tỉnh và người nuôi tầm đều được thưởng. Lại phát giấy trướng tầm cho Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

Tướng giặc ở Thanh Hóa là bọn Hà Công Kim, Đinh Kim Bảng hiệp với tên Phạm Thúc Liêm tụ chúng hơn 1.000 từ châu Lang Chánh kéo xuống hai huyện Thụy Nguyên và Lôi Dương (Kim Bảng làm tờ ngựa hịch xưng niên hiệu Vĩnh Tại; người ta theo nhiều); sai đảng nó là Lê Phi Ất, Lê Phi Bài (Ất người động Khương Cài, Bài người động Thổ Nang) bắt giết Tri châu Lang Chánh là Hồ Tố Thiện. Quan Bố chánh Nguyễn Nhược Sơn phi tư các quan quân thứ hồi tâu.

Lãnh binh Thanh Hóa là Nguyễn Văn Kỳ đóng ở Ái Chử, giặc là Phạm Công Nho tới vây, quân ta chết và bị thương nhiều lắm. Thứ Tổng đốc Hoàng Văn Ẩn lui về làng La Khán; giặc chia đồn đóng giữ.

Tháng 12, tàu buôn nước Anh Cát Lợi qua bãi Hoàng Sa bị cạn, ghé vào bãi biển Bình Định hơn 90 người. Việc ấy tâu lên, Ngài sai lựa nơi cho ở và hậu cấp tiền gạo; người chủ tàu và mấy người đầu mục ngó bộ cảm ơn lắm. Ngài sắc Phái bộ Nguyễn Tri Phương đem mấy người ấy xuống tàu theo qua Hạ Châu định về Anh Cát Lợi.

¹ Hiếu là con Lê Duy Trạch; người tỉnh Bắc Ninh là Hoảng Đồng Nguyệt dẫn Duy Hiếu vào làng Sơn Âm, tôn xưng Đại Lê hoàng thân hiền công; còn Đồng Nguyệt tự xưng Quốc sư.

Xây pháo đài Ninh Hải ở tỉnh Khánh Hòa. Bởi vì tỉnh ấy biển rộng lại nhiều cù lao, có một đám núi ở vũng Nha Trang đằng trước có đầm sâu, tàu đậu đông, quan tỉnh xin xây đài ở đỉnh núi ấy, đặt súng đại bác phá quân canh giữ kiêm 3 phía đông nam bắc, khiến bộ Công đưa thức mà làm.

Trần Tây tâu: "bọn Võ Toán cả thảy 8 người mấy lâu tùy phái ở Trấn Tây, chúng tôi đã từng phái đi dạy các con em bọn dân thổ trong các phủ Nam Vang, Sơn Phủ, Hải Đông, Hải Tây, Kha Lâm, Quảng Biên, Chơn Thành, Ba Nam. Nay xét dân đã hơi biết chữ mình và tiếng mình, xin lượng bỏ giáo chức cho 8 người ấy hư hàm Huấn đạo, cứ ở lại đó dạy vẽ cho dân".

Cho Trương Đăng Quế sung Kinh lược sứ tỉnh Thanh Hóa, Doãn Uẩn và Nguyễn Đăng Giai sung chức Phó sứ. Lại truyền dụ tỉnh Hà Tĩnh lượng phái một vệ lính tỉnh tùy theo sai phái.

Tàu binh nước Đại Pháp vào đậu ở hòn Mỏ Diều thuộc tỉnh Quảng Nam. Khiến người ra hỏi, họ trả lời rằng: "tàu ở thành Tu Lông, đức Quốc trưởng khiến đi thao diễn đằng biển đã hơn một năm; nay tự Mã Cao trở về, xin ở lại một vài ngày lấy củi". Qua ngày mai, bắn một phát súng lớn rồi chạy đi.

Năm Đinh Dậu thứ XVIII (1837), tháng giêng, mới đặt huyện Tuy Hòa thuộc tỉnh Phú Yên, trích tổng Xuân Thượng cải về huyện ấy.

Tổng đốc An Tĩnh là Phạm Văn Điển tiếp phủ Quỳnh Châu bảo: "quân ta đánh giặc ở Nông Cống bị thua, giặc xâm tới hạt Quỳnh Châu". Điển phái Lãnh binh Nguyễn Văn Đức từ Quỳnh Châu thẳng tới địa đầu tổng Lâm Tự tỉnh Thanh Hóa để hội tiểu.

Đề đốc Hà Ninh là Tôn Thất Bật đánh phá giặc ở Cao Trĩ, đuổi theo đến thẳng địa đầu châu Lang Chánh.

Có thuyền chở thuê của người Tàu ở Gia Định đi buôn tại Nam Kỳ và Bắc Kỳ; quan tỉnh tâu xin. Ngài dụ rằng: "người buôn nước Tàu dối trá trăm cách, tòng trung chở lúa gạo và bán trộm nha phiến, thường bắt được; từ nay người Tàu ở ta không được đóng thuyền đi biển, quan địa phương không xét kỹ thời có tội".

Đặt 9 cái đình ở trước Thái miếu. Phàm các giống vật bay trên trời, lặn dưới nước, động vật, thực vật và đồ binh khí xe thuyền của nước ta, cho đến thiên văn địa lý lớn nhỏ, đều chạm hình vào đình, để làm báu nước muôn đời. Tên 9 đình là: Cao, Nhơn, Chương, Anh, Nghi, Thuần, Tuyên, Dù, Huyền.

Kinh lược Thanh Hóa là Trương Đăng Quế đóng ở Lang Chánh, nghe tin quân giặc từ khi bị thua, thời những toán giặc ở Tam Lư¹ và Tứ Động² đều chạy về sào huyệt cả, còn toán giặc ở Lang Chánh thời trốn vào rừng rú. Đăng Quế liền thương ủy Nguyễn Đăng Giai tới Tứ Động, Tôn Thất Bật tới Tam Lư, để nuôi theo giặc, còn mình cùng Doãn Uẩn cứ ở lại đó yết thị chiêu an. Đăng Quế đem hết tình trạng tâu lên và xin rằng: "Động Khương Chánh đằng đi thông 4 ngã, rất là xung yếu, xin lập một đồn lớn để trấn áp và sau để làm Châu lý ở đó luôn; chúng tôi đã sức đòi châu huyện Lô Dương 300 tên hiệp với quan binh xây đắp rồi, đặt tên là đồn Ninh Lương, phái quân đóng giữ". Ngài liền cho quan bị cách là Lê Nguyên Trung làm Tri châu Lang Chánh.

Đắp đập Vệ Nông ở bên núi Túy Hoa và Linh Thái. Bởi vì Ngài ngự đi chơi núi, thấy hai bên ruộng lúa, giữa có một khe nước mặn đầy tràn, khiến quan Phủ doãn hỏi dân sở tại, chúng nó đều xin đắp đập. Ngài phái một Quản vệ đem 300 quân tới cửa khe đắp một đoạn đập ngăn nước mặn. Từ đó nông dân được tiện lợi lắm.

Tháng 2, đặt chức Tri phủ An Biên ở tỉnh Hà Tiên.

Kinh lược sứ Ninh Bình là Tạ Quang Cự, Tham tán Hà Duy Phiên tự Phù Liễn đem quân trở về, chia đạo tấn tiểu giặc Sơn Âm.

¹ Tam Lư là thượng du châu Lang Chánh, tiếp giáp huyện Man Duy và Trình Cố.

² Tứ Động là thượng du châu Quang Hóa, tiếp giáp tỉnh Hưng Hóa.

Chia phủ Kinh Môn (thuộc tỉnh Hải Dương) làm 2 phủ: Kinh Môn và Kiến Thụy. Trích 4 huyện Nghi Dương, An Dương, Kim Thành, An Lão đem thuộc về phủ Kiến Thụy.

Đặt 2 sở đồn điền ở Bình Hòa và Đại An thuộc tỉnh Khánh Hòa, đòi lính hạ ban tới đó đóng đồn cày ruộng mà cấp cho ngưi canh điền khí và lúa giống.

Tháng 3, Kinh lược Phó sứ Thanh Hóa là Nguyễn Đăng Giai, đề đốc Tôn Thất Bật đóng binh ở Ái Chử, bắt được tướng giặc Phạm Công Nho đóng cũi đưa về Kinh giết ngay. Án sát Nghệ An là Trần Ngọc Diêu dâng tập thỉnh an có tâu rằng: "trong nước được mùa, không trộm cướp, dân gian yên ổn, trong tỉnh không phát án gì, việc hình không phải dùng tới". Ngài ban rằng: "Nghệ An là tỉnh lớn, dân tục chẳng đến nỗi khinh bạc, nhưng vì dân đông đất rộng, việc kiện cũng nhiều, vậy mà hình án bớt đi chẳng phải là dễ; nay thiết như lời tâu đó, không những nên mừng cho người mà thôi, mà cũng nên mừng cho dân xứ ấy. Nhưng ta chưa chắc việc ấy thiết không, vậy truyền cho quyền Tổng đốc Phạm Văn Điển, Bồ chánh Nguyễn Đình Tân sát thiết tâu lên". Rồi bọn Văn Điển tâu rằng: "tỉnh ấy dân thuần thói tốt, kiện cáo không bao nhiêu, án cũ để lại cũng đã làm rồi, so với mấy năm trước thiết là giảm bớt nhiều lắm". Ngài khen, thưởng Trần Ngọc Diêu gia 2 cấp, 3 cây sa, 1 đồng tiền vàng Phi Long hạng lớn, để khuyến người làm việc giỏi. Khiến bộ Lại thông lục việc ấy ra các tỉnh để cho người khác bắt chước.

Quan binh đạo Ninh Bình bắt được tướng giặc Quách Tất Tại đóng cũi đưa về Kinh làm tội.

Mới đặt châu Thường Xuân thuộc tỉnh Thanh Hóa. Bởi vì Trương Đăng Quế tâu: "trong châu Lang Chánh, các xứ Trịnh Vạn, Mậu Lộc, Quân Thiên, Lâm Lự (ở phía tả sông Lương) dân cư giữa núi, mỗi đám một hai nhà, chẳng thành làng xóm, mà rừng rú núi khe đi lại rất là gian hiểm và cách xa châu lỵ, thiết khó xem xét; huống chi xứ ấy hai mặt Tây, Bắc tiếp giáp Quỳnh Châu tỉnh Nghệ và xứ Sâm Tộ, Trấn Biên, cũng là một nơi quan yếu, nếu giữ gìn nơi ấy, thời xứ Lâm Lự và Quân Thiên không cậy hiểm được nữa. Vậy xin chia Trịnh Vạn làm hai xã với xã Thọ Thắng, xã Mậu Lộc đặt tên là Tổng Trịnh Vạn; chia 8 xã thôn ở Lâm Lự và Quân Thiên đặt làm tổng Quân Nhơn; lại trích tổng Như Lãng ở huyện Nông Cống, tổng Luận Khê ở huyện Lôi Dương đặt làm châu Thường Xuân, đắp thành ở tỉnh Vạn để làm châu lỵ; còn huyện Cẩm Thủy chưa có huyện lỵ mà xét huyện ấy dân cư trù mật, lại không núi khe hiểm cách; xin bắt lính đắp thành tại xã Thạch Lãm (về phía tả sông Mã) cho huyện viên tới ở đó làm việc". Ngài cho.

Kinh lược Ninh Bình là Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên lại bắt được vợ con hai tên giặc Quách Tất Công, Quách Tất Tề đều đem chánh pháp.

Ngự sử đạo Bình Phú là Ngô Văn Địch và Ngự sử đạo An Hà là Ngô Văn Thạch tâu rằng: "những gò đất ở Sơn Âm nhiều chỗ như hình súng hình gương, họ Quách đời nào cũng có kẻ bạn nghịch, cũng tại phong thổ xui khiến ra vậy; xin cho phá bằng mấy gò đất ấy để khỏi sanh giặc".

Tháng 4, Trương Đăng Quế giao cho thổ ty Quan Hóa là Hà Văn Vân đi bắt giặc, Vân bắn chết tên tướng giặc Phạm Bá Nho ở rừng Lực Canh, bỏ đầu vào thùng phát về Kinh.

Tạ Quang Cự, Hà Duy Phiên bắt được thủ phạm Lê Duy Hiến, chạy cờ đỏ về báo tiếp; tên Hoàng Đồng Nguyệt (ngụy quốc sư) cũng bị binh dân bắt giải, nó cắn lưỡi tự tử.

Nguyễn Đăng Giai bắt được Đinh Kim Bàng đóng cũi đưa về Kinh, lại bỏ đầu Phạm Phúc Hiến vào thùng đệ về luôn.

Trương Đăng Quế đem những Kinh lược sự nghi bày tâu, Ngài dụ: "thuế đinh thuế điền năm nay và tiền lúa trích khiếm mấy năm trước trong 6 huyện châu bị giặc bắt, đều gia ơn tha hết; trong 7 tổng về huyện Lôi Dương, huyện Nông Cống, huyệnThụy Nguyên cũng vậy".

Tháng 5, thuyền giặc Đồ Bà thường ẩn phục các cù lao ngoài biển. Ngài khiên quan tỉnh Hà Tiên phái người đi vẽ đồ bản, chỗ nào nên lập đồn, hoặc nên phái binh đón phục, phải chỉ bày minh bạch. Quan tỉnh tâu: "trong các cù lao thuộc về tỉnh tôi, chỉ có cù lao Phú Quốc có dân ở, đã lập đồn đóng giữ rồi, còn ngoài ra những nơi khác như là hòn Ông, hòn Bà, Vu Dự, Thổ Châu Dự, Cổ Lôn Dự, Thát Dự đều không dân cư, cách xa đàng bộ, không có hình thể lập đồn; còn như binh thuyền mình đi tuần tiểu, xin tuân lời dụ trước: cứ tháng 4 phái đi, tháng 10 triệt về, không cần đóng đồn làm gì". Ngài cho.

Mới đặt chức Quản thủ An Ninh thuộc về tỉnh Tuyên Quang, đắp đồn Tuyên Định ở làng Niên Sơn. Bởi đó giáp giới tỉnh Cao Bằng, đất liền với nước Tàu, rất là quan yếu, lập đồn phái binh đóng giữ, để giúp đỡ đồn Tuyên Tĩnh, lại tiếp ứng huyện Để Định.

Trương Đăng Quế nghiêm đốc bọn thủ dinh bắt lần đem nạp cả thầy 10 người thân thích bọn tướng giặc Hà Công Tư, Lê Phi Hiếu, Lê Phi Ất, Lê Phi Bài, Hà Công Kim, Phạm Thúc Liêm. Rồi Ngài đòi Đăng Quế về Kinh. Có tên động trưởng xứ Trịnh Vạn là Cầm Bá Hiên theo quan binh sai phái, bị giặc bắt, không chịu theo giặc, nên bị giặc giết; Quế đem việc tâu lên, Ngài khen, truy tặng tên Hiên chức Chánh đội tùng ngũ phẩm, cho lập nhà thờ nơi ấp và cho biển ngạch khắc hai chữ: "Trung tiết" để bày tỏ người trung.

Khiến các quan làm sách Minh Mạng chánh yếu.

Định Biên Tổng đốc Nguyễn Văn Trọng tâu: "Phủ Tây Ninh mới đặt, thuế thân các xã thôn chiết nạp, bằng dầu hỏa và dầu rái; xin tuân lời ân chiếu nhứt luật quyền hoãn, cũng như Hán dân". Ngài cho; lại chuẩn cho người xứ Tây Ninh phải đặt họ bằng chữ Lý, Đào, Dương, Hạnh, Ngư, Dương, Tượng, Mã, Vân, vân... Mấy chữ ấy Ngài đã truyền Bộ lục ra một tờ giấy giao quan tỉnh ban cấp.

Dem việc đã dẹp yên đảng giặc trong hai tỉnh Ninh Bình, Thanh Hóa thông dụ trong ngoài đều biết.

Việc Kinh lược tỉnh Ninh Bình đã xong, Tạ Quang Cự và Hà Duy Phiên về Kinh phục mạng. Ngài truyền đổi huyện Lạc Thổ làm huyện Lạc An, tước tên xã Sơn Âm, dời dân xã ấy cả thầy 133 người ra ở các xã Duyên Hải tỉnh Ninh Bình, mà phải quản thúc một cách rất nghiêm, còn ruộng đất Sơn Âm thời cấp cho các xã lân cận nhận lãnh cày và ở.

Tháng 7, trường thi Hương Nghệ An lấy đậu chỉ 5 người; bộ Lễ duyệt lại lấy thêm được 15 người; quan trường là Võ Đức Khuê, Lâm Duy Nghĩa đều bị giáng một cấp.

Làm xe máy để dùng cửa ván (bắt chước theo cách Tây). Ngài ngự xem, truyền: "xe này dùng trâu kéo, con trâu kéo quen thời dẫu gầy ốm mà kéo cũng mạnh, con trâu ở nề dầu to béo mà thử một kéo không nổi; cho nên ta thiết ghét những người ở nề mà không làm việc" (Sau đó dùng máy cửa chạy bằng nước, đặt lại thác dài làng Dương Hòa nơi Hữu Trạch nguyên).

Dời con cháu nhà Lê vào Tả trực kỳ tự Quảng Nam trở vào 3 tỉnh trong, cho ở mỗi huyện 15 người, mỗi người một cấp 10 quan tiền, 1 mẫu ruộng công.

Tháng 8, bộ Binh tuân lời chỉ dụ nghị phép thi võ cử.

Quan thành Trấn Tây tâu rằng: "dân Chân Lạp ở phủ Hải Đông, năm trước bị tên giặc Minh bắt qua Xiêm ở súc.

Tà La, nay nghe người Xiêm muốn dời chúng nó qua Vọng Các, nên chúng nó đem vợ con trở về đất cũ hơn 1.000 người, xin phân tháp cho ở những chỗ gần hơn, choặng yên nghiệp". Ngài cho.

Tháng 9, quan Trấn Tây tướng quân Trương Minh Giảng đến Kinh làm lễ bảo tấ. Ngài ban yếu ở bộ Lễ, cho các Văn Võ đình thần bồi tiệc, để tỏ cách vinh sủng. Giảng nhưn dâng các thứ ngọc lấy trong loài trùng và loài thú của thổ quan tặng cho. Ngài lại cho Giảng một con cọp bằng vàng, nghĩa là khen thiết một người võ thần có oai như cọp.

Thân dụ dân tự Hà Tĩnh trở ra phải đổi cách ăn mặc.

Quan đề đốc đem binh thành Trấn Tây đi khám các con đảng quan yếu trong địa hạt.

Tháng 10, khiến văn võ đại thần là Trương Minh Giảng và Phạm Hữu Tâm bàn việc sắp đặt thành Trấn Tây (Bọn ông Giảng hội nghị điều trần 5 điều lợi, như là xin đặt chức Thứ phủ và Phó sứ coi việc 3 phủ Hải Đông, Hải Tây, Sơn Định, mà phải lấy việc đồn điền, sắm khí giới lương thực, dạy quân lính, làm việc cần nhứt). Ngài khen phải cả, cho Giảng tới đó theo từng khoản làm cho thành; lại sai các quan đảng 6 bộ phải lựa 20 người làm được Tri huyện, không nệ người có văn học, chỉ cốt là quen thuộc thiết thà, trị được dân Mọi mà thôi.

Người tỉnh Phú Yên là Nguyễn Văn Tự trước có tiếng khen hiếu tử, đã được thưởng; nay con Tự là Nguyễn Văn Thiệu, tuổi đã 40, thuận thờ cha mẹ không trái ý chút nào, người làng ai cũng khen là hiếu. Ngài khen là một nhà 3 đời thối tốt danh thơm, truyền ban bức biển ngạch khắc 4 chữ: "Thiệu thuật hiếu phong". Còn những người hiếu tử tiết phụ khác dự thưởng được 4 người nữa.

Truy thọ Nguyễn Đăng Huân chức Lễ bộ Lang trung. Huân trước làm Tri phủ Điện Bàn, giữ lòng thanh liêm kiệm ước, lại dân yêu như cha mẹ. Quan Khoa đạo đem việc tâu lên và tâu rằng: "trước đã có Tri phủ Anh Sơn là Nguyễn Hữu Hoàng; nay lại có Nguyễn Đăng Huân, so với người xưa thiệt chẳng kém gì". Ngài thưởng 200 quan tiền để nuôi vợ con; lại nghe Huân còn mẹ, thưởng thêm 100 quan nữa, truyền chỉ quan địa phương phải tới thăm hỏi.

Tháng 11, Quận chúa nước Chân Lạp là Ngọc Vân sai người dâng đồ phẩm nghi chúc mừng Thất tuần khánh tiết.

Người Chân Lạp hiện làm Chương vệ ở thành Trấn Tây là bọn Trà Long, Mộc Tiết đến Kinh dâng đồ châu ngọc, Ngài tùy hạng ban thưởng, lại cho Trà Long một bộ áo mao tam phẩm võ giai và cho lập ban đứng dưới các quan tam phẩm Triều đình.

Tháng 12, tỉnh giảm 2 huyện Vĩnh Hòa và Hội Nguyên thuộc phủ Tương Dương tỉnh Nghệ An; lại chia huyện Đông Thành làm 2 huyện: Đông Thành và An Thành. Vì phủ Tương Dương ít việc đơn giản; huyện Đông Thành địa thế rộng rãi, đình điền sấp hai (số điền 76.430 mẫu, số đinh 12.570 người), vậy nên cho huyện Vĩnh Hòa hiệp vào Tương Dương cho quan phủ kiêm lý; huyện Hội Nguyên hiệp vào huyện Kỳ Sơn cho quan huyện quản nhiếp trong huyện Đông Thành trích 5 tổng: Cao Xá, Lý Tai, Quan Trung, Vân Tự, Thái Xá, đem thuộc về phủ Diên Châu kiêm lý, còn 5 tổng¹; Quý Trạch, Quan Hóa, Hoàn Trường, Vạn Phần, Cự Lâm thời đặt thêm làm huyện Yên Thành, đặt chức Tri huyện và Huấn đạo.

Khiến các địa phương trừ nghĩ bớt các việc chi phí.

Truyền dụ cấm quan địa phương không được sai quân lính làm việc riêng.

Truyền dụ từ Hà Tĩnh trở ra, chỗ nào có những ruộng nhà Lê đã cấp làm ruộng thờ công thần, nay phải trả lại cho dân.

Năm Mậu Tuất thứ XIX (1838), tháng giêng, chức An Phủ ở phủ Khai Biên thuộc tỉnh Hà Tiên là tên Di làm phản. Trước có tên Khổng (Khổng người phủ Khai Biên, năm trước qua Xiêm làm chức Ba Lạt) tự Xiêm trốn về, tên Di giấu đi; Di lại thông mưu với Thổ mục là tên Châu, dụ bọn mọi cao làm đồ khí giới, toan làm loạn, chúng nó vừa nghe tên Đô Y ở Hải Đông năm ngoái khởi biến, liền tụ đảng 500 người qua đồn Long Tôn; Quan cơ phủ Khai Biên là bọn Sô Mịch, Ân Ôn theo nó cả, giết quân trú phòng người mình, rồi phân đạo đi nhiều các xứ. Án sát Phạm Ngọc Quang, Lãnh binh Nguyễn Tấn Phúc và Phiến mục vệ úy Nhâm Trật đều đem quân đi tuần tiễu; đánh giặc ở Kha Sơn, tên Y chạy thoát, Nhâm Trật đánh phá tên Châu ở sóc Cầm Lịch; Di ở Long Tôn nghe thua chạy trốn.

Đặt sở đồn điền ở Tả hữu trạch nguyên, khiến quan Phủ doãn thuê dân 2.000 người hết sức khai khẩn, phá cây bụi, đuổi cạp beo, hạn trong một tháng làm cho đất núi rộng bằng cày trồng được, cho dân lãnh canh, đợi đến 6 năm thành ruộng thành vườn rồi sẽ chiếu lệ đánh thuế.

Giặc Hải Đông tên là Đô Y họp đảng hơn 1.000 người vây đồn Cần Đa, Thổ binh trong đồn đều cầm khí giới theo giặc, quan ở Trấn Tây là Đoàn Văn Phú tâu lên và xin qua Hải Đông coi việc nhưng vụ.

Tháng 2, bãi chức Quan phủ các phủ, đổi đặt làm Trú phòng, chuyên coi việc chống trộm cướp, giam tù phạm.

Tuần phủ An Giang sung Tham Tán Trấn Tây là Lê Đại Cương có tội, bị cách, phái theo quân thứ Hải Đông hiệu lực.

¹ 5 tổng ấy đình số được 5.470 người, điền thổ được 37.115 mẫu.

Trương Minh Giảng mật tâu rằng: "binh Xiêm 1.000 mẫu chia làm hai đạo: một đạo ở Sa Đầu, một đạo ở Viên Chăn, ý muốn xâm bờ cõi nước mình; mà những tên Thổ mục, Thổ dân ở đó, phần nhiều đem lòng trông mong, không nên tin dùng sai khiến chúng nó".

Quan coi đạo Hải Đông đuổi đánh giặc ở xứ Trùng Thụy, xứ BìnhTiêm, bắn giết rất nhiều, đảng giặc tan hết. Ngài truyền dụ Trương Minh Giảng rằng: "việc dẹp giặc gần xong, thời công việc kinh lý nên nhơn dịp mà làm, gặp dịp lúc này sửa sang có thể dễ hơn. Người phải tuân lời nghị định trước, chước lượng theo thứ đệ thi hành".

Tên tù ở ngục Gia Định là Nguyễn Văn Quang toan vượt ngục, đem cháu Lê Văn Duyệt là Lê Văn Sơn giữ thành làm phản. Việc ấy phát giác ra, Triều đình bắt cháu Lê Văn Duyệt là Lê Văn Yên phải tự tử; còn Văn Tề, Văn Phúc, Văn Phần, Văn An cả thảy 8 người đều bị chém, con Văn Yên là Diển, Minh, con Văn Tề là Hiệp, Nam đều an trí tại Cao Bằng. Bộ Hình lại tâu xin đem những người họ hàng Lê Chất là bọn Lê Luân cả thảy 8 người phát đày ra ngoài Lạng Sơn, Tuyên Quang.

Án sát tỉnh Vĩnh Long là Hà Thúc Văn dâng tập thỉnh an tâu rằng: "bốn huyện ở trong thuộc hạt đều có dân Thổ, chữ viết và tiếng nói khác mình; nay xin cho dân Hán học chữ Thổ, lại khiến con em dân Thổ tới trường Huân, Giáo, học chữ Hán, để cho tập nhiễm thói mình".

Trương Minh Giảng, Dương Văn Phong đem tình hình đánh giặc tâu rằng: quan bị cách là Lê Đại Cương đóng ở đạo Trà Di chia quân kéo tới đánh giặc. Ngài xem tờ sớ không bằng lòng, truyền rằng: "Đại Cương bị tội cách hiệu, sao dám tư tôn mình là Đại tướng? Chẳng sợ phép nước, chẳng kể công luận. Vậy Đại Cương phải tội trăm giam hậu; còn Trương Minh Giảng giáng xuống làm Binh bộ Thượng thư, Dương Văn Phong giáng 3 cấp".

Tháng 4, định lệ "lấy quế nạp thuế" ở tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An (Thanh Hóa mỗi năm nạp 7,8 cây quế, bì nặng chừng 60 cân; còn Nghệ An mỗi năm nạp 5,6 cây quế, bì nặng chừng 50 cân; còn thừa bao nhiêu quan phải nhận mua cả; nếu thiếu số ấy, cứ quế hộ trách bồi; còn như ẩn lậu, gia đẳng trị tội).

Tháng 4 nhuận, đặt thêm huyện Vĩnh Bảo về tỉnh Hải Dương; trích lấy 3 tổng ở huyện Vĩnh Lại và 5 tổng ở huyện Tứ Kỳ đặt ra huyện ấy.

Tháng 5, ban yến các Tãn sĩ mới đậu ở vườn Thư Quang. Khoa ấy cho Nguyễn Cửu Trường, Phạm Văn Nghị đậu nhị giáp, bọn Đinh Nhật Thận đậu tam giáp, Tãn sĩ cỡi ngựa dạo phố xem hoa, từ đó là đầu.

Vệ úy đạo An Biên là bọn La Kiên, Nhâm Trật sai Thổ mục là Ốc Tri Nha, Liêm Mộc bắt được tướng giặc là Ân On và vợ con cả thảy 7 người; La Kiên, Nhâm Trật được thưởng kỷ lục một thứ, Ốc Tri Nha được thưởng thất phẩm Đội trưởng; Liêm Mộc bát phẩm Đội trưởng, và ban tiền bạc, thẻ bạc, quần áo.

Tháng 6, định lại điều lệ: "xét công phủ huyện" trong các địa phương: trong hạn 3 năm, ai không phải làm án gì là bậc nhứt, ai phải làm án ít là bậc nhì.

Tháng 7, đặt thêm huyện Mỹ Hóa thuộc về phủ Hà Trung tỉnh Thanh; lại trích tổng Thần Phù ở tỉnh Thanh giáp về huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình.

Khiến các Biên Tỉnh ở Bắc Kỳ phải cử những người dân anh tú trong hạt. Dụ rằng: "mấy tỉnh Tuyên, Cao, Thái, Lạng, Hưng Hóa, tự đời Lê về trước, chỉ giao về người Thổ mục quản nhiếp, nhứt luật cho là mọi rợ mà ngăn cách ra, cho nên trong dân có người giỏi cũng chẳng có khi nào được nhà nước dùng; cách đãi người như vậy thiệt chẳng rộng rãi. Bản triều ta khoan nhơn, coi trong ngoài như một; gần đây đã đổi thổ quan làm lưu quan, không phải còn như cũ nữa, ai cũng có lòng bay nhảy bỏ lối mọi theo lối mình. Nay truyền cho quan tỉnh phải xét những thổ quan hoặc dân gian tử đệ, ai là anh tú cho tới Kinh vào trường Giám học tập, ai ma có tài coi quân và làm việc quan được, do bộ phân phái, tùy tài bổ dụng". Tỉnh Lạng Sơn liền đem người Thổ là Nông Đăng Tuyển tâu cử lên. Khi Tuyển đến Kinh, cho vào trường Giám cấp lương học tập.

Tháng 8, Ninh Bình bị bão lụt; huyện Kim Sơn thiệt hại hơn, quan tỉnh phát tiền kho khẩn cấp; Chánh tổng huyện Yên Mô là Trần Văn Phán tự xuất lúa nhà 100 hộ chẩn cho dân đói; Ngài nghe, khen lắm, khiến tỉnh thần pháty lúa kho trả lại và ban thưởng dê rượu hoa hồng. Truyền dụ các quan ngoài tỉnh Tuyên, Cao, Thái, Lạng, phải lựa đặt mỗi phủ một hay là hai ba người làm chức quyền Tổng giáo để dạy học trò, bắt câu con nhà Thổ mục, Thổ dân đều phải mỗi ngày tới bọc, khiến cho biết chữ biết viết.

Đắp đập ở đầm của làng Tô Đà và làng La Bích về phủ Thừa Thiên. Hai đầm ấy liền với sông Lợi Nông, trước đã đắp một cái đê nhỏ để ngăn nước sông, thành ruộng được hơn 400 mẫu; cho nên bây giờ thuê dân làm đập.

Tháng 9, 4 trại Man Lãng, Tân Na, Cống Diễm Đàng, Hắc Ba y thuộc về động Phong Châu, châu Chiêu Tấn tỉnh Hưng Hóa, năm trước bị họ Diêu chiếm làm phần riêng, đem cố cho người Tàu mà lấy bạc; đến nay phát giác ra, Ngài khiến quan tỉnh khám thiết làm sổ bộ; Động mục là Diêu Quốc Ngoan, Diêu Doãn Long đều cách chức phát binh.

Tổng đốc An Hải là Nguyễn Công Trứ đem binh thuyền chia đạo đến thẳng Chàng Sơn vây bắt giặc biển, chém được một tên, giặc bỏ thuyền lên bờ chạy; quan quân đuổi theo, bắt chém rất nhiều, được cả tàu thuyền súng ống; xét thấy nhà giặc ở hơn 50 nóc đều có tang vật ăn cướp, trong núi trồng hoa lợi và lúa hơn 500 mẫu. Trứ đều đốt phá hết thảy. Việc ấy tâu lên, Ngài thưởng Quản vệ, Quản cơ kỷ lục 2 thứ, Suất đội 1 thứ, binh đồng thưởng tiền 300 quan.

Nghe An Án sát Phùng Đắc Ninh dâng sớ tâu: "Tấn Quy Hợp là yết hầu chỗ Trấn Biên, Trấn Tĩnh, xin đặt chức Tri châu quản trị", Ngài truyền rằng: "Quy Hợp địa thế tuy rộng, mà thuộc tấn chỉ có 7 động, dân số không đầy 100 người, đặt một Thủ ngự và một Thơ lại cũng đủ làm việc".

Ngài lại truyền cho các động đổi làm xã, định thuế lệ lại, khiến đem 7 xã ấy đặt làm tổng Quy Hợp, thuộc về huyện Hương Sơn, đặt một Chánh tổng theo Trấn sai phái.

Mới đặt chức kiêm lãnh Quốc tử giám sự vụ đại thần.

Cấm thành Trấn Tây không được bày cuộc nha phiến và cờ bạc. Khi trước Quận chúa là Ngọc Vân cho các khách nấu thuốc phiện bán, để lấy tiền lợi; và thổ dân thuộc hạt oa trữ cờ bạc nhiều. Chân Lạp chi cấp lương lính và sắm thuyền bè khí giới đều lấy vào món tiền ấy; đến bây giờ truyền cấm.

Định lệ: phạm các quan địa phương phải hỏi thăm cha mẹ già các người làm quan (tại Kinh và ngoài các địa phương như có người làm quan ở xã, văn tử tứ phẩm, võ tử tam phẩm trở lên, mà còn có lão thân ở nhà, thời cứ quan tỉnh nên thỉnh thoảng sai người tới hỏi thăm, hoặc có bệnh tật, phải đòi thầy thuốc đến chữa, để khiến người con yên tâm làm việc quan. Lại đem dụ ấy thông dụ khắp trong ngoài đều biết).

Tháng 10, đặt thêm Hà Trung phân phủ thuộc tỉnh Thanh Hóa, kiêm lý huyện Hoàng Hóa thống hạt huyện Mỹ Hóa.

Khiến từ Quảng Bình đến Bình Thuận xét kẻ nào thông văn tự, thơ, toán, muốn ra làm việc, cho kê tên dâng lên. Học trò tình nguyện làm việc hơn 50 người, Ngài đều truyền chỉ cho tùy phái ở thành Trấn Tây.

Bộ Binh tâu rằng: "các trạm ở Nam Kỳ lâu nay công văn công hóa đều đệ thuyền, nay đã có đàng quan, xin cấp mỗi trạm 2 con ngựa, phạm gặp những việc quan khẩn, nên phát đệ đi ngựa cho mau, chỗ nào gió nước thuận tiện cho đi thuyền, chỗ nào nước ngược cho đi ngựa; còn những việc khẩn vừa và việc thường đều cứ đệ thuyền đi". Ngài y theo.

Tháng 11, Tổng đốc Bình Phú là Võ Xuân Cẩn dâng tâu thỉnh an, nhưn định việc quân điền¹: "phạm ruộng tư cứ 5 mẫu làm hạn, còn thừa bao nhiêu thời làm ruộng công, phân cấp cho dân, để làm lương điền khẩu phân". Ngài dụ rằng: "việc ấy chắc nhiều người không bằng lòng, e khó làm được".

¹ Quân điền nghĩa là chia ruộng dân cho cày.

Nguyễn Công Trứ đem tuần bổ binh thuyền đi tới phần biển Ba Phong, Chân Châu gặp hơn 60 chiếc thuyền giặc người Tàu, quân ta cự đánh, bọn Quân vệ Nguyễn Văn Ngử lấy được 3 chiếc thuyền nhỏ và khí giới, vừa gặp gió đông thổi to, Trứ lại chạy thuyền qua Vân Đồn đợi gió thuận sẽ đi. Việc ấy tâu lên, Nguyễn Văn Ngử được thưởng gia kỹ lục một thứ. Ngài lại dụ Công Trứ phải thẳng đến sào huyệt giặc ở chỗ Chàng Sơn, tính làm những việc giữ yên về sau.

Tháng 12, Trứ ở làng Vượng thuộc châu Vân Đồn, nghe ngoài núi Ý Cầm có hơn 50 chiếc thuyền giặc người Tàu, liền chia quân mình làm 5 toán, như đêm kéo tới, gặp lúc gió đông nổi to, sóng dữ quá, gần sáng, giặc đương buồm chạy thoát, có một chiếc tàu chạy chưa kịp, Suất đội toán tiền quân là Nguyễn Công Khuyến đi chiếc thuyền nhẹ đuổi kịp, chém được một tên giặc, còn bao nhiêu đều nhảy xuống biển mà chết. Trứ tâu lên và xin tạm Quảng Yên, chờ khi gió thuận lại qua đánh giặc núi Chàng Sơn.

Tổng đốc An Tĩnh là Tạ Quang Cự hỏi thăm mới biết Nghệ An là tổ quán mình, tâu xin hồi ty. Ngài dụ rằng: "Người là người tôi tâm phúc chớ tay ta, chẳng phải ví như chức nhỏ, người nên bình công làm việc cho xứng công ta ủy thác, chẳng nên lấy điều ấy làm ngại lòng".

Đắp thành phủ Ninh, Thuận và phủ Hàm Thuận ở tỉnh Bình Thuận.

Khắc bia Võ công dựng trước sân Võ miếu; cả thảy 20 người đều khắc tên vào bia để tỏ bày chiến công (Trương Minh Giảng, Trương Phúc Đình, Phan Văn Thúc, Nguyễn Xuân, Phạm Hữu Tâm, Trần Văn Trí, Hồ Văn Khuê, Nguyễn Công Hoán, Mai Công Ngôn, Phạm Văn Điển, Tạ Quang Cự, Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ, Võ Văn Từ, Nguyễn Tấn Lâm, Tôn Thất Bật, Võ Đình Quang, Lê Văn Thụy, Phạm Phi, Phạm Văn Lý).

Năm Kỷ Hợi XX (1839), tháng giêng, dân hạt Hà Tiên là Nguyễn Văn Xung đem vợ con từ Xiêm trốn về. Nguyên nó ở Xiêm đã hơn 30 năm, bây giờ mới về, Ngài nghe nói, truyền đòi về Kinh, sắc xuống bộ Binh hỏi tình trạng nước Xiêm thế nào tâu lên. Ngài nghĩ tên Xung là người biết giặc tình, quen thổ tục, cho bổ làm chức Hành nhưn ty ở Trấn Tây, tùy sự sai phái.

Khiến tỉnh Khánh Hòa hỏi mua voi ngựa tại các xứ Mọi; lại khiến Thị vệ và vài người đội Kinh tượng phân phái đi tự Quảng Nam tới Gia Định, Quảng Trị tới Sơn Tây, chọn lựa voi công, con nào cao từ 6 thước trở lên, mạnh lớn hiền lành, cỡi êm, không sợ súng đạn, hay là mạnh và lanh, đều đem về Kinh chứa lựa.

Nguyễn Công Trứ lại tới Chàng Sơn đánh giặc biển, dâng sớ xin lập đồn; một sở ở làng Vượng thuộc châu Vân Đồn, một sở ở làng Vĩnh Thực thuộc châu Vạn Ninh, một sở ở làng Xuân Áng thuộc huyện Ba Phong, Ngài cho.

Tháng 2, truyền định lại các danh sắc trong sổ đình: trước chỉ có hạng tiên sai và hạng biệt tính; bây giờ đổi làm hạng chức sắc, hạng miễn sai, hạng miễn điều.

Khiến Nghệ An phái người qua Nam Chưởng và Vạn Tượng mật thám tình hình.

Khiến Ngự sử Nguyễn Văn Chấn đi khám xét các mỏ ở những biên tỉnh Bắc Kỳ, chỗ nào khí mạch vượng hơn trước thời tăng thuế, chỗ nào chưa vượng mấy thời cứ theo ngạch thuế cũ; còn các mỏ mà trước có lệnh cấm, bây giờ xét chỗ nào khí mạch vượng lại, thời cho khai (cả thảy tăng ngạch thuế 8 sớ, y ngạch thuế cũ 4 sớ, trước cấm nay lại khai 9 sớ).

Tháng 8, vua nước Chiêm Vạn Tượng là A Nỗ có 3 người con là Chiêu Thiển, Chiêu Miển, Chiêu Xang, trước cho tháp ở huyện Cam Cát, năm trước đem gia quyến tới ở tấn Nùng Khai (thuộc về Vạn Tượng), nay Chiêu Xang củ dụ đảng lửa hơn 100 người ra cướp địa hạt tấn Quy Hợp. Ngài khiến Nghệ An, Hà Tĩnh hội nã hơn một tháng không được, quân lính ở lâu cảm mạo lam chướng đều triệt về.

Nguyễn Công Trứ đem binh thuyền đóng ở Vân Đồn. Hai đảng người Tàu làm nghề cá là bang Khai Vĩ và Hà Cổ bắt được tên tướng giặc Lý Công Tống và bắt sống đồ đảng 16 tên, giết chết 50 tên, cùng thuyền tàu khí giới giải nạp tại quân thứ, xin Công Trứ đem việc tâu lên, cho hai bang đảng ở ngoài biển đánh cá chịu thuế. Công Trứ xuất 100 đồng bạc và 100 phượng gạo cấp thưởng, lại biểu chúng nó nên về Tàu cả; nhưng chúng nó xin tình nguyện ở lại làm dân mình, theo lệ như người Minh Hương.

Công Trứ đem việc tâu lên, Ngài cho thưởng thêm 500 quan tiền; khiến Công Trứ đòi hết thảy mà hiểu dụ và chọn chỗ cho chúng nó ở; nếu chỉ ứng ở trên mặt biển, sớm đi tối về, thời phải đuổi ngay, chớ để chúng nó được sanh lòng xảo trá.

Truyền đòi các xứ Thổ dân Bình Định gọi là Xã dân. Triều đình nghĩ rằng: chỗ Thuận Thành đã đặt phủ huyện, người Thổ đã dần dần học theo thói người mình, quen tập việc quan, theo giáo hóa rất mau, vậy nên truyền chỉ đòi làm Xã dân, để cho biết Triều đình coi dân Hán và dân Thổ như một.

Tháng 4, Ngài ngự chơi cầu Bến Ngự, xem thí nghiệm tàu máy hơi. Khi trước khiến sở Võ Khố chế tạo tàu ấy, đem xe chở ra sông, giữa đàng vỡ nổi nước, máy không chạy, người Đốc Công bị xiềng, quan bộ Công là Nguyễn Trung Mậu, Ngô Kim Lân vì cố tàu không thiệt, đều bị bỏ ngục. Bấy giờ chế tạo lại, các máy vận động lanh, thả xuống nước chạy mau, Ngài ban thưởng người Giám đốc là Hoàng Văn Lịch, Võ Huy Trinh mỗi người một cái nhẫn pha lê độ vàng, một đồng tiền vàng Phi Long hạng lớn; Đốc công và binh tượng được thưởng chung 1.000 quan tiền. Ngài truyền rằng: "tàu này mau bên Tây cũng được, nhưng muốn khiến cho công tượng nước ta tập quen máy móc cho khéo, vậy nên chẳng kể lao phí gì".

Nguyễn Công Trứ đem binh thuyền lại qua Chàng Sơn tìm bắt được 4 tên giặc, chém ngay, chiêu phủ binh dân được cả thảy 180 người, lập làm làng Hướng Hóa, lại tùy chỗ ở chia làm 4 giáp; giáp đông, giáp tây, giáp nam, giáp bắc; đặt Lý trưởng và Giáp trưởng để quản trị, cho thuộc về châu Vân Đồn, trước bộ chịu thuế. Công Trứ dâng sớ tâu việc ấy, Ngài cho. Công Trứ lại tuân lời dụ đòi các tên Bang trưởng bang Khai Vĩ và bang Hà Cổ khiến khai trình hiện số thuyền và số người, để vào sổ đánh thuế. Chúng nó thưa rằng: "Chúng tôi quen sanh nhai trên mặt nước, nếu lên ở trên mặt đất, thời không tiện việc làm ăn". Chỉ có tên Tây Thành Đức thuộc về bang Khai Vĩ xin ở lại, gia quyến nó đàn ông đàn bà cả thảy 5 người chia làm hai nhà. Công Trứ cho ở dưới chân núi Đông Sơn (thuộc về làng Quan Lan, châu Vân Đồn, giáp xứ Sa Châu, mỗi nhà cấp 1 mẫu đất) rồi đòi Công Trứ hồi Kinh.

Khiến hiểu thị dân 6 tỉnh Nam Kỳ có ai tình nguyện nạp lúa xay gạo để làm quân nhu trên thành Trấn Tây, sẽ được thưởng phẩm hàm và miễn thân thuế binh diêu (người nào xuất 2.500 hộc được thưởng tòng cử; 3.500 hộc được thưởng chánh cử).

Tháng 5, truyền Hộ bộ Tá lý Phan Thanh Giản đi ra Thái Nguyên khai mỏ bạc Tống Tinh (thuộc phủ Thông Hóa). Khi trước Ngài xem nhật báo Tàu, thấy nói quan Tổng đốc Trực Lệ nước Tàu tên là Kỳ Thiện có nói: mỏ bạc Tống Tinh nước ta rất vượng, mà chỉ trưng thuế buôn, cho người Tàu lấy mỗi năm được hơn 2.000.000 lạng bạc tốt đem lên về Tàu. Vậy nên Ngài đã phái Nguyễn Văn Chấn đến nơi khám xét, thời thấy công việc làm cũng dễ. Bấy giờ Ngài sai Giản đem Thị vệ tới nơi thuê thợ đào lấy. Rồi bởi vì công trình khó nhọc, lấy không được mấy, lại bãi đi mà giao cho Khoáng trưởng lãnh trưng.

Tháng 6, cho cấp thêm tiền cố công và định cách thưởng, để khuyến những người khai mỏ Tiên Kiều thuộc tỉnh Tuyên Quang. Chỗ núi Phú Bác và Nội Chiêm thuộc tỉnh Cao Bằng cũng có kim khí phát vượng, Ngài truyền tình thần hội đồng với quan phủ sở tại (phủ Hòa An) mộ người khai mỏ, làm y theo lệ Tuyên Quang).

Tháng 7, khiến Hiệp tá đại học sĩ Hình bộ Thượng thư kiêm Đô sát Võ Xuân Cẩn, Tham tri bộ Hộ Doãn Uẩn qua Bình Định làm phép quân điền. Bộ nghị: "phàm các thôn ấp, số công điền hơn số tư điền, hoặc số công tư ngang nhau, thời không phải lấy ra quân cấp nữa; còn chỗ nào số tư hơn công, thời tư điền phải trích lấy một nửa sung công. Lại xét thôn ấp nào có nhưn đình không có điền thổ, hoặc có thổ không điền, hoặc nhưn số nhiều mà điền số ít, thời lượng trích quan tiền, hoặc nhưn số nhiều mà điền số ít, thời lượng trích quan tiền trại điền hay là công điền các nơi gần đó để cấp cho dân; như vậy thời binh dân đều được lợi". Ngài quyết ý làm, cấp thêm tiền lộ phí cho Xuân Cẩn, Doãn Uẩn. Ông Cẩn lại tâu rằng: "ruộng ở trong hạt chẳng có thể nứt lượn chia cho đều nhau, vậy xin làng nào mà có ruộng hơi nhiều, thời đến kỳ quân cấp, tuân phép phân hạng cấp khắp cả; làng nào số ruộng hơi ít, thời xin trước cấp ruộng lương điền cho lính, còn thừa sẽ cấp ruộng khẩu phần cho dân; làng nào số ruộng ít quá, thời xin chỉ cấp lương điền cho lính mà thôi; tựu trung làng nào ở xa cách không có ruộng quan, trại, cấp được, thời xin xét các làng chung quanh, làng nào có công điền nhiều, trích trong số điền bộ cũ, hoặc trong số ruộng mới chiết cấp, hoặc trong số lưu hoàng mới khẩn trưng lại, lấy 1,2 mẫu phân cấp cho làng kia làm công điền; còn như tư điền thời đầu của công thần tể tộc cũng lấy một nửa sung công".

Ngài cho, nhưng ruộng hương hỏa của ông Đào Duy Từ, nếu có trích lấy bao nhiêu làm ruộng công, thời mỗi mẫu cấp cho 50 quan tiền giao cho cháu là Đào Duy Du làm việc tế tự. Ngài lại nghĩ rằng: xã dân tu bổ, chẳng khỏi chi phí, chuẩn cho đại xã 8 quan, trung xã 6 quan, tiểu xã 4 quan; lại nhen tại tỉnh giấy mắt, khiến phát giấy kho cấp cho làm sổ.

Bổ chánh Gia Định là Hoàng Quỳnh đi xét việc Trấn Tây trở về, vào chầu. Ngài hỏi Sơn Xuyên hình thế Gia Định, Quỳnh tâu: "Cù lao Côn Lôn cách Gia Định xa mà đến Vĩnh Long gần, cho nên thuộc về Vĩnh Long là tiện; còn tấn Cần Thơ đối ngạn với Phúc Thẳng truyền tầu vào cửa, phải trước từ Phúc Thẳng rồi mới đến Cần Thơ vậy thời Phúc Thẳng là chỗ bảo chướng cho Cần Thơ, cũng nên phòng bị". Ngài truyền tỉnh Biên Hòa xây đắp pháo đài ở bảo Côn Lôn thời cho thuộc về Vĩnh Long quản hạt.

Mấy lâu các tỉnh ngoài Bắc Kỳ bị lệ khí, đến bây giờ mới yên. Triều đình theo lời nghị định cấp tiền tuất cho những người bị bệnh mất và hoãn binh diêu thuế khóa cho dân. Lại truyền các quan tỉnh lập đàn lễ tạ.

Tháng 8, Trương Minh Giảng tâu rằng: "mấy lâu mộ dân mình lập ấp tại thành Trấn Tây cả thảy được 25 xã thôn, đinh được hơn 470, điền được hơn 340 mẫu; đến bây giờ đã đủ hạng 3 năm rồi, xin chiếu lệ đánh thuế". Ngài nghĩ rằng: dân mới mộ lập, chưa nỡ đánh thuế, vả lại qua năm sau gặp lễ Ngũ tuần khánh tiết, vậy nên Ngài gia ân tha thuế. Trương Minh Giảng lại tâu rằng: "người Tàu ở thành Trấn Tây mà có sản nghiệp cả thảy được 220 người, xin lập làm 5 bang, chiếu lệ thu thuế cho thống thuộc về đạo Lương Sơn". Ngài cho.

Định lại lệ "Thổ binh phân ban" ở trên thành Trấn Tây.

Truyền chỉ tỉnh Thanh Hóa sửa miếu nhà Lê ở làng Bồ Vệ.

Tháng 9, ruộng đất ở huyện Tuy Hòa tỉnh Phú Yên vì xa cách khe sông, bỏ thành ruộng hoang, Quan thự Tổng đốc Tôn Thất Lang đào cừ dẫn nước, khai khẩn thành điền được hơn 1.000 mẫu. Ngài khen Lang biết chăm việc ích lợi cho dân, thưởng gia một cấp.

Tháng 10, chế thêm một chiếc tầu máy lớn, phí tổn hơn 11.000 quan tiền. Ngài truyền bộ Hộ rằng: "Ta muốn công tượng nước ta đều biết tập nghề máy móc, vậy nên không kể phí tổn".

Phân phái quan thuyền ra ngoại dương làm việc công: Trần Tú Đĩnh, Đào Trí Phú qua Giang Lưu Ba; Trần Bưu, Cao Hữu Tấn qua Tam Ba Răng; Nguyễn Đức Long, Lê Bá Tú qua Tiểu Tây Dương; Nguyễn Đãi Bản, Nguyễn Du, Lê Văn Thu, Đỗ Mậu Thường qun Hạ Châu.

Ngài nghe nước Đại Tây vốn gọi là nơi Đô hội, khiến Trần Viết Xương, Tôn Thất Thường đem hai người Thông ngôn đến Giang Lưu Ba rồi đi tầu Tây qua Đại Tây mua đồ.

Tháng 11, khiến cầu những văn xưa nước ta chọn những bài hay làm thành sách đặt tên là "Nam Thổ Anh Hoa Lục". Ngài đọc 10 bài vịnh Hà Tiên của Nguyễn Cư Trinh, trong bài thơ Kim Dự Lang Đào có câu phá rằng: "Để nộ Dương hầu sắc phạm biên, cổ tương sơn cửu trấn Tiền Xuyên", nghĩa là: Trời giận Dương hầu¹ khuấy biển đông, vậy đem hòn núi chặn ngang sông. Xem lời thơ có khí vững vàng như cột đá, cảnh trí thiên nhiên, bút lực cứng cáp. Lại sắc bộ Lễ hỏi rõ những bài Mạc Thiên Tứ làm ra, trừ 10 bài thơ vịnh cảnh Hà Tiên, còn có tập văn chương nào nữa, nên tìm kiếm viết lại dâng lên ngự lãm.

Khiến chế thước mộc, thước may, thước đo ruộng; bằng đồng, ban cấp cho các phủ huyện.

Việc quân điền ở Bình Định đã rồi. Võ Xuân Cẩn và Doãn Uẩn về Kinh phục mạng. Ngài hỏi quan bộ Hộ là Hà Duy Phiên việc tô thuế tỉnh Bình Định tăng giảm thế nào? - Tâu rằng: "hạt ấy nguyên số công điền gần 6,7 ngàn mẫu, tư điền hơn 70.000 mẫu; nay lấy nửa tư điền làm công, thời số công điền lên đến chừng 40.000 mẫu; tính đại lược thời thế điền bớt ít mà thuế đinh thêm nhiều; vì lâu nay các tỉnh phía nam thuế công điền ngang với tư điền, chỉ có thuế quan điền hơn công điền; nay quan điền thuế nạp vào lại giảm; còn thuế thân trong xã, thời khi trước kẻ nào có công điền phải nạp nhiều hơn kẻ hông, nay đã đem công điền quân cấp, thời dân trong sổ bộ đều có công điền, cho nên thuế quan điền

¹ Dương hầu là sóng thần.

tuy giảm mà thuế dân đình lại thêm". Ngài truyền rằng: "vốn muốn lợi chung cho dân, còn như thuế hoặc thêm lên hay là bớt đi, chẳng sá kể gì".

Phủ Thái Bình ở nước Tàu phát tờ công văn của bộ Lễ nước Tàu qua nước ta; trong tờ nói rằng: "nước Tàu định lệ lại rằng nước ta với Lưu Cầu, Xiêm La đều cứ 4 năm qua triều cống một lần". Triều đình lại tư sang hỏi quan Tuần phủ Quảng Tây, thời quan Tuần phủ trả lời: cứ chiếu nguyên lệ, nhưng đồ phương vật giảm bớt một nửa. Từ đó giữ làm lệ thường.

Định lại bổng các quan viên: chánh nhị phẩm thời bớt bổng, tòng nhị phẩm trở xuống thời lượng gia, kể từ tháng giêng năm thứ 21 triều Minh Mạng làm đầu.

Tháng 12, cải cấp quan lịch cho thành Trấn Tây (khi trước chỉ cấp quan lịch một chuyến, dân lịch 100 quyển, nay cấp thêm).

Em Nặc Chân (vua Chân Lạp cũ) là Nặc Yêm ở Bắc Tâm Bôn mưu về Chân Lạp; như lúc tướng Xiêm là Chất Tri về thành Vọng Các, Yêm lừa lúc không phòng bị tụ đảng giết binh Xiêm, trói chức Quản thủ Xiêm là Ba Lặc Đột, đem bà con và thổ dân, hơn 9.000 người, hơn 800 chiếc tàu với voi ngựa súng ống khí giới, đi đàng biển về xứ Hải Tây; trước sai người đem thư xin binh mình tiếp viện. Trương Minh Giảng tâu lên; vừa gặp có Đề đốc Võ Đức Trung, Tuyên phủ Nguyễn Song Thanh, Lãnh binh Tôn Thất Quỳnh hội tại xứ đó; Yêm đem tình trạng kêu với 3 ông ấy và đem kẻ Đầu mục Xiêm là bọn Ba Lặc Đột nạp cho quân mình. Bọn Võ Đức Trung phủ ủy tử tể. Yêm nghe lời, tiếp dẫn về thành. Trương Minh Giảng trích bọn quyển thuộc tòng đảng tên Yêm hơn 200 người, đưa qua Gia Định và Vĩnh Long giam cầm, còn Thổ dân giao cho phủ huyện sở tại chiếu quản, tùy tiện an táp; đem việc tâu lên, Ngài khiến giải Nặc Yêm, Ba Lặc Đột với một người đầu mục mọi am hiểu tình giặc, xiềng giải về Kinh; còn vợ con thân quyến tên Yêm và bọn tòng đảng truyền cứ nghiêm cấm đợi án, gia sản tên Yêm nạp vào kho; bọn đây tố phân táp ra các tỉnh Biên Hòa, Vĩnh Long, giao dân quản thúc; những thổ dân theo mình, thời phân hạng chuẩn cấp; đầu mục thời lượng cho sa đoạn ngân tiền (sau Ba Lặc Đột bị giết, còn bao nhiêu thời nghiêm giam).

Cho những thổ dân thuộc về các phủ huyện trong tỉnh An Giang và Hà Tiên mà hiện ở trong các hạt huyện Hán, đều được đặt tên họ như dân Hán và theo về huyện Hán quản nhiếp.

Tổng đốc Hải An là Tôn Thất Bật dâng sớ xin thuê dân đào lấy mỏ than (núi Đông Triều và An Lăng có mỏ than, khi trước bộ đã tư lấy 100.000 cân chở về Kinh). Trong sớ nói: "thiên tai mới rồi, dân không lấy gì mà ăn, đều muốn tới làm công kiếm tiền nuôi miệng". Ngài cho.

Năm Canh Tý thứ XXI (1840), tháng giêng, đặt tên những dân mới về Trấn Tây gọi là Tân dân cho thuộc về sở tại. Lưu quan quản trị, Thổ quan không được sai phái đánh thuế; lại chọn chỗ phân pháp, hoặc cho ở lộn với Thổ dân, nhưng đặt ra tổng, xã, thôn, và Tổng trưởng, Lý trưởng cho chúng nó quản trị lấy nhau; lại đặt họ đặt tên làm sổ đưa về bộ lưu chiếu, còn điều dịch năm ấy đều tha.

Tháng 2, giảm thuế cho Thổ dân ở Trấn Tây. Vì gặp lễ Ngũ tuần khánh tiết, mà ân chiếu xuân thủ chưa kịp đến dân Thổ, vậy nên nhứt luận thi ân, khiến Thổ dân cùng Hán dân đều được vui vẻ ích lợi. Truyền dụ chiếu theo ngạch thuế thổ trong 10 phần giảm 3 phần, còn 7 phần y lệ tâu đủ để sung quân hưởng.

Tham tán Trấn Tây là Dương Văn Phong đem theo Chưởng vệ người Thổ là Trà Long và Nhâm Vu, Vệ úy La Kiên, Quản cơ Lư Khiêm tới Kinh vào châu, Ngài ban cho mỗi người Quan thổ 1 bộ áo mũ Đại triều.

Tháng 3, Khai mỏ sắt ở xã Thượng Kết thuộc tỉnh Thái Nguyên (mỗi năm nạp 1.000 cân sắt).

Đánh thêm thuế mỏ vàng ở tỉnh Tuyên Quang.

Người đầu mục nước Xiêm là Ba Lặc Yết lại tụ đảng lén tới vũng Phủ Ấp ở Hải Đông, bắt Thổ dân hơn 70 người mà đi. Lãnh binh giữ đồn là Nguyễn Công Nhòn bị giáng hai cấp, Hải Đông Lãnh binh Đoàn Văn Sách bị giáng một cấp, Tuyên phủ sứ Trần Thông phạt bổng một năm.

Đặt thêm hai huyện Lương Sơn và Nghĩa Đàn thuộc tỉnh Nghệ An. Trích 4 tổng ở huyện Nam Đàn (Đô Lương, Thuần Trung, Bạch Hà, Lang Điền) và một tổng ở huyện Thanh Chương (Đặng Sơn) đặt

làm huyện Lương Sơn; Trích bảy tổng ở huyện Quỳnh Lưu (Hạ Sư, Thuần Cam, Phác Lỗ, Đàng Khê, Lâm La, Nhiêu Xá, Nghĩa Hưng) và một tổng Cự Lâm ở huyện Yên Thành cả thảy tám tổng đặt ra huyện Nghĩa Đàn.

Tổng đốc An Tĩnh là Mai Công Ngôn tâu rằng: "hai huyện Cam Cát và Cam Môn ở Trấn Định, Thổ dân khổ vì quan mọi thường khuấy nhiễu, phải đem nhau tránh ở xứ Hà Trai thuộc tỉnh Hà Tĩnh, chỗ ấy núi rừng liên lạc và rộng rãi, xin cho chúng nó ở tạm đó, khai khẩn thành điền, sẽ khám thiết chiếu theo như lệ thuế dân Hà mà chước định, xin giao bộ Hộ, bộ Binh trừ nghị", Ngài y theo. Ngài lại nghĩ rằng: hai phủ Trấn Ninh và Lạc Biên đều ở địa đầu tỉnh Hà Tĩnh, còn về tỉnh Nghệ thời đàng sá xa, bèn cho cải thuộc về Hà Tĩnh cho tiện.

Tháng 4, ngày 23 là ngày Ngũ tuần đại khánh tiết, ban ơn điển cả thảy 26 điều.

Tháng 5, phong Quận chúa nước Chân Lạp là Ngọc Văn làm Mỹ Lâm quận chúa; Ngọc Bợn, Ngọc Thu, Ngọc Nguyên đều được thăng Huyện quận, cấp cho lương bổng, kể từ tháng 7 năm nay làm đầu.

Khiến lập miếu thờ vua nước Chân Lạp.

Tháng 6, sai quan đi kinh lý thành Trấn Tây: Lê Văn Đức sung Khâm sai đại thần, Doãn Uẩn làm phó, đi hội đồng với Tướng quân và Tham tán xét trong toàn hạt những chỗ bãi, đầm, mà thường qua lại buôn bán, nên lượng đặt sở quan tân, định rõ ngạch thuế; còn như điền thổ, sản vật, đánh thuế vật gì cho đem vật ấy mà nạp. Từ Quận chúa trở xuống đến các quan Thổ đã có bổng lương rồi, thời những thổ tục khi trước đánh thuế các hạng linh tinh nay đều cấm cả.

Truyền chỉ giáng bọn thuộc tướng ở Trấn Tây: Chương vệ là Trà Long giáng Chánh đội, Nhâm Vu giáng Chánh đội trưởng, Vệ úy La Kiên giáng Đội trưởng, phát giao ra Hà Nội, Bắc Ninh và Hưng Yên quản thúc vì tội ẩn giảm số dân đến hơn 15.000 suất.

Định lại lệ "quân cấp khẩu phân điền thổ": phạm xã dân cung cấp quân điền, công thổ, thời lương điền của lính đáng được bao nhiêu cứ y theo lời Bộ nghị trong năm Minh Mạng thứ 17 mà chiếu cấp; còn ngoài ra cứ số điền thổ hiện tại chiếu theo số quan, lại, binh, tượng, và các hạng dân thiết nạp, biệt nạp, cấp mỗi người một phần khẩu phân, không kể phẩm trật hạng bậc gì; còn lão nhiều lão hạng và phế tật, đốc tật, đều chiếu số một phần chia làm hai thành, mỗi một người cấp một thành; hạng cô nhi, quả phụ, cũng chiếu số một phần chia làm 3 thành, mỗi người cấp một thành: tự trung quan, lại, cùng các hạng người, có kẻ nào đã trót lập gia cư ở chỗ công điền thổ, thời phải kể số mẫu sào khẩu trừ phần khẩu phân mình đáng được, thời sẽ tính cấp thêm; nếu chỗ đất ở quá hơn số khẩu phân, thời các số thặng đó phải nạp thuế xấp hai; trong số tiền thuế ấy đem một nửa sung công, một nửa cho dân; xã dân không được thấy người ta đã thành cơ chỉ mà bảo là công điền công thổ cứ nhứt khái đuổi người ta đi mà lấy đất quân cấp. Ngài y theo.

Tháng 7, Lễ bộ tâu: "tỉnh Bắc Ninh tư rằng trong tỉnh ấy xã Đình Bảng có lăng tẩm các vua Triều Lý, nhưng không biết lăng nào là hiệu vua nào? Và lăng vua Kinh Dương Vương, lăng ông Sĩ Vương có nên tuân lời ân chiếu sửa sang lập bia hay không?". Ngài truyền rằng: "các lăng vua đời Lý để chung một đám, nên thuê dân sửa đắp tử tế, chọn chỗ sáng khoái dựng chung một cái bia khắc chữ: "lăng các nhà vua Lý". Vua Kinh Dương là vua khai sáng nước An Nam, cũng nên tuân ân chiếu sửa sang lăng tẩm lại; còn ông Sĩ Vương đã cho tòng tự Văn miếu ở hàng Tiên nho, không nên viện lệ như các vị Đế vương kia, nhưng nghĩ ông ấy có công về nho giáo, nên sức dân thủ hộ phần mộ, cấm không được tới đó đốn củi".

Dời nàng Mỹ Lâm quận chúa là Ngọc Văn, Thâu trung huyện quân là Ngọc Thu, Tập ninh huyện quân là Ngọc Nguyên sang ở Gia Định. Trước khi ấy Nặc Yêm ở Xiêm về, có tên Mao là em tên nghịch Ma lại là cậu nàng Ngọc Bợn, cũng ở lộn với dân mới tháp vào huyện Hải Bình. Huyện quân là Ngọc Bợn, thường đem tài vật cho lén. Mao như lén dẫn người mật thám của tên Ma đem mật thơ tới thành La Kết dặn Ngọc Bợn trốn qua đất giặc để đoàn tụ với mẹ là thị Tiếp, Ngọc Bợn phúc thơ lại, trong thơ đại lược nói: "tình cảnh nhà mình, không bằng trước nhiều, tôi thường muốn trốn đi, chỉ vì quan quân phòng bị đàng thủy và đàng bộ rất nghiêm mật, chưa được tự tiện; nhờ cậu thỏa liệu giúp cho"; có một đứa tớ gái nói rằng: "việc này nếu có Nhâm Vu ở nhà tính liệu mới yên". Chánh đội Dương Quang Thảo xét được thiết trạng, mật báo với quan Phủ Hải Tây. Quan Phủ sai Phủ úy là Sa Mộc Tinh nã được tên Mao đem nạp. Tướng quân Trương Minh Giảng liền mật sớ xin đem Ngọc Bợn trị tội; còn Ngọc Văn, Ngọc Thu,

Ngọc Nguyên cũng nên chọn nơi cho ở. Khi làm án dâng lên, Ngọc Bợn, tên Mao và đảng nó là tên Tiên, tên Ô đều chiếu theo luật mưu phản xử quyết; Nhâm Vu và vợ con ở Trấn Tây Hải để giam cầm, bọn Ngọc Vân phải dời qua ở Gia Định, mỗi năm cấp tiền gạo; tên Dương Quan Thảo thám báo đặc thiết, thường hàm Phó quản cơ.

Lại đánh thuế mỏ vàng Bản Lỗ và Yết Ong ở Hưng Hóa; lại phái thuộc khai mỏ vàng Gia Nguyên, tiền cổ công y theo lệ mỏ Tiên Kiều ở Tuyên Quang.

Cấp cho tấ Đả Nẵng ở Quảng Nam 10 chiếc tàu trận (5 chiếc lớn, 5 chiếc vừa, đồ dùng trong tàu và khí giới đủ cả) giao cho Lãnh binh canh giữ thành An Hải và thành Điện Hải là Lương Văn Liễu nhận giữ, phòng khi sai phái. Vì Ngải nghe Anh Cát Lợi gây với Tàu, nước ta là tiếp giới, nên phải dự bị chỗ Hải Phòng cho vững.

Đặt tên 3 chiếc tàu máy hơi; chiếc lớn gọi là Yên Phi, chiếc vừa là Vân Phi, chiếc nhỏ là Vũ Phi.

Xây Hải Phòng pháo đài ở tỉnh Quảng Nam, cấp đèn hiệu cho thành Trấn Hải.

Cấp đồ binh trượng cho năm dinh quân ở thành Trấn Tây.

Cấp lương bổng cho lính Thổ ở Trấn Tây, kể từ ngày 1 tháng 8 làm đầu.

Xây pháo đài Hồ Cơ và đắp đồn Thi Nại ở Bình Định.

Lại đánh thuế mỏ vàng tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng.

Tháng 8, quan tỉnh Ninh Bình tâu: "phủ An Khánh có xã Bồng Hải, đinh số hơn 900 người, điền thổ hơn 10.000 mẫu, công điền phần nhiều bị kẻ cường hào cho thuế mưu lợi, thường sanh tranh kiện, đến nỗi ngạch thuế để thiếu. Vạy xin chia làm 9 xã, đặt tên là tổng Bồng Hải". Ngải cho.

Quan Khâm sứ thành Trấn Tây là Lê Văn Đức hội đồng với Tướng quân, Tham tán tâu rằng: "những sông, ngòi, đập, bãi trong hạt này, chỗ nào mà Quận chúa và Thổ mục đã mua rồi, nên trách cứ bọn Thổ quan truy thu tiền thuế nạp vào kho; chỗ nào chưa bán, xin chiếu giá năm ngoái mà bán. Đậu khấu thời sức Thổ và người Xiêm. Thuế thổ không mấy, nếu cho Thổ mục chiếu thu chưa chắc thiệt cả, chờ cho thành mẫu sào, định thuế khóa, kể từ sang năm khởi trưng". Ngải cho.

Lính Thổ và dân Thổ ở Trấn Tây nổi lên làm phản. Từ khi Ngọc Bợn bị giết, lại nghe bọn Trà Long, Nhâm Vu cũng mắc tội, Thổ dân và Thổ binh càng đem oán vọng, đều nổi lên làm phản, những người Thổ mục và Lưu quan bị hại nhiều. Giảng nghe báo, thương đồng với Lê Văn Đức chạy giấy về tâu.

Cho Tham tán Dương Văn Phong thăng thự qua An Hà Tổng đốc, Khâm sai Lê Văn Đức kiêm Tham tán, Doãn Uẩn sung chức Bang tá, hội với Trương Minh Giảng lo việc đánh giặc.

Cho Thống chế Bùi Công Huyền đốc Long Tường.

Tháng 9, phủ Tĩnh Biên tỉnh Hà Tiên có bọn Thổ mục là Kỳ La, Việt Tốt theo bọn giặc Thổ ở Thượng Phong np63o loạnm quan Tri phủ bỏ chạy, chúng nó lại đánh hãm đồn Châu Nham, ngày càng thêm loạn, quân binh nhiều kẻ bị hại.

Tháng 10, cho quan Tả quân Chưởng phủ Phạm Văn Điển sung Trấn Tây kinh lược đại thần, Thống chế Nguyễn Tấn Lâm sung Tham tán đại thần.

Tháng 11, Trương Minh Giảng, Bùi Công Huyền, Lê Văn Đức đem đại đội binh thuyền qua Hải Đông đánh giặc; vừa đến bờ bên tả Hồ Hải, tiếp giáp phủ Hải Tây, nghe phi báo rằng: "quân Xiêm La chừng hơn 6.000 người chia đạo quân khuấy rối phủ hạt, vạy xin thêm binh ứng tiếp". Các quan quân thứ là bọn Doãn Uẩn, Cao Hữu Dực tâu rằng: "Hải Đông, Hải Tây đều là chỗ khẩn yếu, chúng tôi đã phi tư Kinh lược Phạm Văn Điển, Tham tán Nguyễn Tấn Lâm lập tức đến hai hạt ấy hội tiểu".

Ngải lâm triều dạy Thị thần rằng: "Vua Minh Thái Tổ tánh nghiêm minh, hay giết người, khi bà Mẫu hậu đau mà mất, vua Thái Tổ thương xót không nguôi, giết hết bọn thầy thuốc; đến ngày tống táng, gặp trời mưa giông, không táng được, vua Thái Tổ đòi bọn thầy tu giỏi tụng kinh cầu tịnh, mà đã sẵn lòng muốn giết thầy tu; thầy tu tụng câu kệ rằng: "Võ thấp thiên thủy lụy, lỗi minh địa cứ ai, thập phương chư Bồ Tát, tương tống Mã Như Lai" nghĩa là: mưa đổ trời xa lụy, sấm vang đất cứ ai, mười

phương phận Bồ Tát, đưa đám Mã Như Lai. Ông Thái Tổ nghe, không nỡ giết bọn thầy tu; may mà trời tạnh, đòi thầy tu muốn ban thưởng, thời thầy tu sợ đã trốn đi hết. Lại lúc trước Thái Tổ mới khởi binh, vào chơi một chùa kia, thầy tu già hỏi tên họ Ngài. Ngài đề bài thơ trên vách rằng: "Sát tận Giang Nam bách vạn binh, thủ trung bửu kiếm huyết gio tinh, Lão tăng bất thức anh hùng hán, thượng cảm ngao ngao vẫn tách danh". nghĩa là: giết hết Giang Nam trăm vạn binh, trong tay gươm báu huyết còn tanh, sư già chẳng biết người Anh kiệt, còn dám ngêu ngao hỏi tách danh. Sau ông Thái Tổ lên ngôi, đòi thầy tu già muốn giết, thời đã chết rồi; nơn hỏi bọn tăng chúng rằng: "thơ ta đề trên vách có sao không còn? - Thưa rằng: thầy tu già đã rửa đi rồi, chỉ để một câu kệ rằng: "Ngự bút đề thi bất cảm lưu, lưu lai duy khùng quý thần sâu, cổ tượng pháp thủy khinh khinh tẩy, thượng hữu Long Quang xạ Đẩu Ngư" nghĩa là: Ngự bút đề thơ chẳng dám lưu, lưu thời chỉ sợ quý thần sâu, vậy đem nước phép hơi hơi rửa, còn khí Long Quang xạ Đẩu Ngư". Thái Tổ rằng: "chưa biết thiệt khôn, nhưng ta mới hỏi đến mà tăng chúng ứng khẩu đọc thành bài kệ được thời tha tội cho". Thái Tổ lại nghe họ Trịnh người Phố Giang đã mấy đời ở chung, phép nhà rất nghiêm, đòi đến ban khen, rồi cho về. Bà Mã hậu nói rằng: "nhà ấy ở chung hơn 2.000 người, không hề trái nhau chút gì, thiệt là hòa thuận; nhưng nếu âm mưu làm điều tiếm nghịch, há chẳng dễ lắm à?". Ông Thái Tổ gật đầu, lại cho đòi họ Trịnh đến ngay, hỏi: "có sao mà ở chung với nhau được lâu vậy?" - Trịnh thưa rằng: "dân mọn này trị nhà, không chước gì lạ, chỉ không nghe lời đàn bàn mà thôi" - Thái Tổ cười rằng: "phải đó", lại cho về.

Khiến quan Tả đô ngự sử Nguyễn Công Trứ sung chức Tán lý quân vụ thành Trấn Tây, hiệp đồng với Phạm Văn Điển, Nguyễn Tấn Lâm đem binh đánh giặc. Bởi vì Công Trứ nghĩ rằng: giặc Thổ nổi lên, đánh dẹp nhiều ngã, nên lại xin đi.

Tướng giặc tỉnh Hà Tiên là tên Chân Triết sai đảng nó là tên Thúy Sanh, Ngọc Thâm kéo hơn 2.000 quân tự núi Thất Sơn tới phá huyện Kiên Giang, quan huyện và dân Hán đều sợ chạy, giặc liền đắp đồn ở hai bên bờ Giá Đà như thành ngăn lấp cửa cảng, lại quần tụ ở các sơn phận Xuy Tôn và Ba Xuy (đều thuộc về huyện Hà Dương, tiếp giáp huyện Kiên Giang) để khuấy rối dân.

Tháng 12, quyền Tuần phủ Hà Tiên Lê Quang Huyền tâu: "Người mật thám lượm được cái thơ mọi dịch ra chữ Hán rằng: quan Tướng quân muốn cưới Quận chúa làm vợ, bọn nó không bằng lòng; quan Tướng quân lại dùng tên Dương Quang Thảo làm người tai mắt, Triều đình xa cách, lâu nay bị quan Tướng quân ức chế; và lại những phái viên đi đặc điền làm nhiều điều tình lệ, như việc mua vàng của dân đánh tiếng đệ nạp về Bộ". Ngài dụ: "như việc mua vàng thời Lê Quang Huyền nguyên ở An Giang biệt hạt, chẳng kiêng sợ gì; cho phép Huyền tra cứu cho ra, người nào có tình lệ ấy, nghiêm tham trị tội".

Nguyễn Công Trứ dâng sớ tâu: "tự khi chúng tôi tới Nam Kỳ, hỏi kỹ tình trạng giặc Thổ, so với sự thế đảng giặc Nông Văn Vân, thời việc dẹp yên giặc Thổ này e hơi khó mà chậm; bởi vì ngày trước theo giặc Vân chỉ có một xứ Bảo Lạc, còn các Thổ mục đều theo quan binh; nay giặc Thổ dậy khắp nơi, trong chỗ hoang vắng, trông bốn mặt đều là tre gai rậm rạp, nước sâu bùn lầy, không phải như cây lớn núi cao, có thể đồn phá tìm đảng đi bằng được. Bây giờ từ An Giang đến Trấn Tây, từ An Giang đến Hà Tiên, quân giặc đóng đồn cả; quân ta vận lương hướng về đệ công văn thường gặp giặc ra đón bắn; bốn bên thành Trấn Tây quân giặc ngày thường reo la vây đánh; chỗ này chỗ khác, giặc tụ hội như muỗi kêu. Lại nghe tướng Xiêm là Phi Nhã Chắt Tri cầu hòa với phủ Hải Tây và Chắt Tri khiến đảng nó là tên nghịch Huống, nghịch Hiên đi các phủ Thổ dân lập đồn bảo, đánh tiếng sẽ lập Nặc Ông Run. Và chẳng người Xiêm quen thói xảo trá, hoặc giả hòa để mưu hoãn binh, mà từng trung xui dục dân Thổ; dân Thổ bị phỉnh lừa, đem nhau theo Xiêm, không thể phá đảng nó được; huống chi đảng đem lương từ Trấn Tây đến chỗ quân thứ, một lần đi đến 8 ngày đàng, mà chỉ đủ ăn một tháng, nếu chờ lương giữa đàng gặp sự trở ngại, e sinh điều nguy hiểm lớn. Chúng tôi trộm nghĩ trước phải đánh được giặc Xiêm, rồi giặc Thổ mới dần dần dẹp được. Chúng tôi lại xin giải tên Yêm và thuộc nó là tên Giao tới Gia Định, sẽ khiến tên Giao và 3 người cậu Ngọc Vân về báo Thổ Mục, Thổ dân, khiến phải thuận theo Triều đình; và xin tha những tù phạm bị tội quân trong các địa phương giải tới Nam Kỳ để chực sai phái, khi nào sự bình sẽ tùy chỗ cho chúng nó ở, lập thành đồn ấp, lúc yên thời làm ruộng, lúc động thời làm binh, khéo dùng chúng nó, tưởng cũng được việc". Ngài dụ: "tên Yêm tội không tha được, cứ giam cầm không cho đi, còn tù phạm quân lưu các hạt, cho đi từng quân, hoặc có thể lập công chuộc tội được".

Đề đốc Hải Tây Võ Đức Trung, Tuyên phủ Nguyễn Song Thành, Lãnh binh Tôn Thất Quỳ, Ban tá phủ vụ, Quản cơ Triệu Văn Bửu, có tội bị cách. Bởi vì khi trước tướng Xiêm là Phi Nhã Chất Tri đem binh vài vạn tới xâm đồn Hải Tây; ngoài đồn cách sông hai dặm, giặc lập đồn vây bốn mặt, ở đằng trước đặt trạm Ca Nâu và vũng Đại Song, đằng thủy đằng bộ giặc đều đóng binh đóng đằng viên binh ta; bọn Đức Trung đã ra đánh vài lần, nhưng liệu bên mình ít bên giặc nhiều không địch nổi, rồi đóng cửa thành giữ vững. Có một bữa, giặc treo thơ ngoài đồn nói rằng: muốn giảng hòa; bọn Đức Trung nói: "việc ấy chúng tôi không dám tự chuyên; sẽ đợi báo quan Thủ hiếu chỉ thị". Giặc thêm bốn đồn gần thành, đắp một cái núi rất cao, châu súng đại bác bắn vào thành, đạn như lửa cháy, nhà cửa trong đồn bị cháy nhiều, quân lính cũng nhiều kẻ bị thương chết, phải đào hầm tránh đạn; giặc lại thả tên hương binh bị bắt vào đồn mình hẹn rằng: "mai các quan ra giáp mặt nói chuyện, thời mới thôi đánh". Bọn Đức Trung bàn nhau rằng: "việc ngặt lắm rồi, hãy chịu hòa để toàn mạng quân sĩ trong một đồn". Liền khiến Tôn Thất Quỳ ra trước. Chất Tri lập sẵn sở Công quán ở bên đồn. Đức Trung và Song Thành đến, cúi đầu lạy, Chất Tri đứng dậy không chịu, mời ngồi nói chuyện. Chất Tri rằng: "Quý quốc chúng tôi vốn là lân hiếu; xưa đức Thế tổ Cao Hoàng để qua nước tôi, đã từng giao ước với vua tôi "hai nước giúp nhau lâu dài", có chữ vàng để lại làm ghi, nước tôi chưa từng quên lời trái ước; chỉ có năm trước tôi vì cố nước Vạn Tượng, rồi lại nghe lầm tờ thơ tên nghịch Khôi, vậy mới thành ra hấn khích; nay nếu hòa như xưa, khiến Chân Lạp làm tôi thờ cả hai nước, ta đều nghĩ việc binh cách, há chẳng phải là vui vẻ ích lợi chung sao?". Đức Trung xin vâng. Từ đó thường qua lại với Chất Tri, nó cũng không phòng giữ chi nữa; bọn Đức Trung cáo về Trấn Tây để báo quan Thủ hiếu. Khi ấy Song Thành bị đau. Chất Tri sai sửa sang thuyền bè súng ống, phái 400 lính Xiêm hộ tống Song Thành và 600 binh ta, 300 dân Hán ở quanh thành, đều đi đằng thủy đến bến đò Sá Tân; còn Đức Trung, và Quỳ, Bửu đem hơn 1.200 quân và đồ binh tượng đi đằng bộ, Chất Tri cũng phái quan Ba Lặc¹ đem 1.000 quân, 30 voi, hộ tống đến vũng Xà Năng. Khi Đức Trung ra đi, Chất Tri gửi quốc thơ nước Xiêm nhờ đem về dâng lên đức Hoàng thượng ta, lại đem một ít vàng tặng hảo bọn Đức Trung mỗi người một hột, dặn rằng: "lời giao ước nên vững bền như vàng này mới phải". Bọn Đức Trung nhận lấy rồi trở về. Tướng quân Trương Minh Giảng và Tham tán Lê Văn Đức đem hai đạo quân tự Xí Cảng chuyển qua Hồ Hải, đến bến đò Bông Lông, phá những cây ngăn bờ sông cho quân qua đò lên bộ; đi mới độ nửa giờ, trông xa thấy quân tiên đạo giặc chạy ngựa la to rằng: "xin quan binh chớ đánh, bọn ông Võ Đức Trung đã hòa với quân Xiêm tôi rồi, tướng Xiêm tôi sai quân hộ tống mấy ông ấy về, đã gần tới đây". Bọn Minh Giảng chưa lấy làm tin, cứ đánh trống thúc quân thẳng tới, quân tiên đạo Xiêm lui chạy. Một hồi lâu quả thấy một người binh Hán chạy tới trước quân nói rằng: "quan Ba Lặc nước Xiêm nghe có quan binh tới, còn cầm đạo binh bọn Đức Trung ở đồn Ca Âu, xin quan Tướng quân và quan Tham tán hãy tạm lui cho toán quân bọn Đức Trung được trở về toàn vẹn". Bọn Minh Giảng nhìn nhau lấy làm lạ quá; vì việc tới thành linh, nếu mình vội đánh ngay, thời tánh mạng hơn 1.000 người của đạo quân Đức Trung chưa ra thoát khỏi trong vòng giặc. Khi ấy Minh Giảng tới khó mà lui cũng khó, nhân trời đã tối rồi, bắt đực dĩ lui quân đóng tại bến đò. Ngày mai, bọn Đức Trung đến nói hết tình trạng, bọn Minh Giảng chạy giấy về tâu và nói: "Chất Tri là Đại tướng Xiêm, như giặc Mọi cầu cứu mà tới, quân nó đông như vậy, đồn nó vững như vậy, bức vây thành phủ, rồi lại cầu hòa, đưa quan quân mình trở về, tiền lương súng ống chẳng xâm phạm chút gì, ý chúng nó giả làm cách thể hiện để choán nước trên, chớ không phải là thể yếu mà cầu hòa đâu; huống chi xét những lời tham báo đều nói: thấy nó âm mưu biểu dân Thổ lập tên Nặc Ông Run làm vua Chân Lạp; lời báo tuy chưa chắc, song coi nó đều xảo quyết, cũng đáng ngờ. Nhưng nay hai đạo binh mình không đầy 4.000 mà hơn 1.000 binh Đức Trung từ Hải Tây mới kéo về đã khốn đốn; nếu tấn quân ngay, thời tự Bông Lông đến thành phủ hơn 2 ngày đằng, quanh rừng đều là giặc cả, binh ta chỉ đem lương ăn chỉ đủ 3,4 ngày; còn giặc thời giữ đồn chống cự, nó thời khỏe, mình thời mệt, chưa để đánh phá ngay được; nếu chậm lại mười ngày, thời binh mình không đủ lương ăn, e nhiều điều không tiện. Chúng tôi trót đã sai người tới chỗ Chất Tri xét quả nó thiệt cầu hòa hay không và thám tình hình giặc mạnh yếu thế nào, sẽ dần dần tấn quân, tùy cơ đánh dẹp. Và lại đằng giặc ở Sa Tôn, nay đã trốn xa, mà quân mình đã phái giữ Hải Đông, lại phái qua Sa Tôn, e phiền phí lắm, xin triệt quân ở Sa Tôn về Hải Đông, đặt phòng giữ cho tiện". Sớ dâng vào, Ngài truyền dụ Kinh lược Phạm Văn Điển và Tướng quân Trương Minh Giảng rằng: "nước Xiêm với ta xưa nay vốn tình lân hiếu, thủy chung quyết không phụ ước, mà nước Xiêm làm nhiều điều bất nghĩa, lắm

¹ Ba Lặc là chức quan nước Xiêm.

phen giúp kẻ bạn nghịch, trái lời thề xưa; nay đã muốn hòa, phải triệt binh lui về Bắc Tầm Bôn, nước nào giữ bờ cõi nước ấy, thời hòa nghị mới thành, chúng tôi mới dám tâu lên đức Hoàng thượng; nếu không đành vậy, thời nên đánh nhau một trận để quyết được hơn thua. Các người phải sai người đưa thơ ấy xem nó xử trí làm sao, và nhứt diện sửa sang binh ngũ, dự bị việc đánh nhau. Còn Võ Đức Trung và Nguyễn Song Thành phải cách chức đi tiền quân hiệu lực". Bọn Minh Giảng làm thơ đưa tới, Chắt Tri liền dẫn binh về Bắc Tầm Bôn.

Ngày Ất Hợi, Ngải se; ngày Giáp Thân bệnh nặng, Ngải đòi Trương Đăng Quế lãnh tờ di chiếu rước Hoàng trưởng tử là Ngải Trường Khánh Công nối ngôi; ngày ấy đứcThánh tổ băng!

Lời sử thần kính bàn. Đức Thánh tổ ta thiên tư là bậc thượng thánh, nối nghiệp lúc thiên hạ đại định rồi, chăm lo chánh trị, sửa sang thái bình, xét điển xưa, sửa lễ nhạc, cẩn thận đồ cân lượng, xét kỹ các pháp độ, đặt khoa thi để lựa kẻ sĩ, cày tịch điền để khuyên việc nông, thường tuần hành để xem địa phương, năng khảo sát để xét quan lại, chăm việc võ thời mùa xuân duyệt binh, cẩn việc hình thời mùa thu thẩm án, quy mô kỹ càng, phẩm tiết đều đủ. Đến như ức quyền những người cấm cận, nghiêm răn các bọ hoạn quan, không cho Hoàng thân quốc thích tự dự việc chánh sự, ý chăm lo việc thường như một ngày; những giấy tờ phê phó dụ chỉ chế cáo ban ra, đều là Ngự chế thức mới; văn giáo khắp cả dân Mường dân Thổ, Võ oai vang đến nước Xiêm, nước Lào; thánh đức thần công không thể hình trạng hết được! Và lại lúc vạn cơ thông thả, lưu ý về việc văn chương; ngự chế 5 tập thơ, 2 tập văn và các bài Thiên cơ dự triều, Cổ khí minh văn, đều là phát minh đạo mẫu, mở rộng phép học. Ngải thiết là bậc Đại thánh chế tác khác xa tầm thường, đổi hết những thói què mùa từ Lê, Lý trở về trước, mở lối trị văn minh ngàn muôn đời cho nước Đại Nam ta. Tốt thay! Thạnh thay!

QUỐC TRIỀU CHÍNH BIÊN TOÁT YẾU

Quyển IV

Đức Hiến Tổ Chương Hoàng Đế

Niên hiệu Thiệu Trị

Tên húy Ngài là:

- Bên tả chữ, bên hữu chữ.
- Trên chữ, dưới chữ.
- Trên chữ, dưới chữ mà trên có chữ làm chữ lót.

Ngài là con trưởng đức Thánh Tổ Nhơn Hoàng Đế. Bà Thuận Đức Nhơn Hoàng Hậu họ Hồ sanh Ngài trong năm Đinh Mão, tại ấp Xuân Lộc về phía đông Kinh thành (sau ấp ấy lập chùa Diệu Đế). Ngài sanh được 13 ngày thời Đức Mậu Hậu băng! Đức Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu nuôi Ngài tại trong cung. Năm đầu triều Minh Mạng, mới ra học đàng sách. Đến năm thứ XI, Ngài được phong tước Trường Khánh Công.

Ngài thông minh như hiểu, Đức Thánh Tổ yêu mến khác thường. Mỗi khi tế Nam Giao, Đức Thánh Tổ đều đem Ngài mật cáo Trời xin sau truyền ngôi cho Ngài. Coi vậy thời lựa người nối ngôi để yên xã tắc, Đức Thánh Tổ đã định trước rồi.

Năm thứ XXI triều Minh Mạng (1840), tháng 12, Đức Thánh Tổ se, đòi Ngài vào châu. Ngày 28 Đức Thánh Tổ đòi Ngài đến trước sạp ngự cầm tay Ngài truyền lời ngọc dữ khiến Ngài nối ngôi. Ngày ấy Đức Thánh Tổ thăng hà. Ngài bèn lên ngôi. Trị vì 7 năm; hưởng thọ 41 tuổi. Lăng Ngài là Xương Lăng.

Năm Tân Sửu hiệu Thiệu Trị thứ I (1841), tháng giêng, ngày Bính Ngọ, Ngài lên ngôi Hoàng Đế tại điện Thái Hòa, gia ân đại xá; đổi niên hiệu; lấy năm ấy làm năm Thiệu Trị thứ I.

Ngài đã coi việc chánh trị, mỗi ngày buổi mai buổi chiều mặc đồ trắng ngự đên Văn Minh, đòi các quan bàn việc chánh. Các thân công vào châu, Ngài đều cho ngồi ban trà; đại thần như Trương Đăng Quế, Võ Xuân Cẩn, Tạ Quang Cự, Ngài đều kêu chức quan mà không kêu tên.

Cho Hiệp tá đại học sĩ Trương Đăng Quế thăng thự Văn minh điện đại học sĩ, gia hàm Thái bảo, nhưng lãnh Binh bộ thượng thư, sung Cơ Mật viện viện đại thần; cho Thị lang bộ Binh là Trương Minh Giảng khai phục hàm Hiệp tá đại học sĩ, nhưng lãnh chức Trấn Tây tướng quân; cho quyền Tổng đốc An Hà¹ là Dương Văn Phong khai phục hàm Thị lang bộ Binh nhưng lãnh chức An Hà Tổng đốc; cho Tá tham tri bộ Binh là Lê Văn Đức thăng Thượng thư bộ Binh, nhưng lãnh chức Trấn tây Tham tán.

Tướng quân Trương Minh Giảng, Tham tán Lê Văn Đức dâng sớ tâu: "Khi trước đầu mục nước Xiêm (Siam) là Phi Nhã Chất Tri đưa thư xin hòa; Thành thần và Trấn thần đã phúc thư hồi nó trước phải lui quân, để xem tình hình thiệt hay dối. Thư ấy giao cho Viên ngoại Lê Quốc Hương đưa qua, Chất Tri tiếp rước rất vui vẻ, nó đưa thư đại ý nói rằng: Hòa thời quân dân hai nước đều được hưởng phước. Nó đều triệt quân về Bắc Tâm Bôn (Battembang) rồi". Ngài nghĩ rằng nó đã biết lý khuất xin cầu hòa,

¹ An Hà: An Giang và Hà Tiên.

thời ta cũng nên đừng đánh nữa, khiến nó tâm phục là hơn. Mới sai Tướng quân và Tham tán làm thơ trả lời cho Chắt Tri.

Nghĩ thường công đánh giặc tại xứ Hà Âm. Nguyên khi trước giặc tụ ở xứ Lệt Đẹt (thuộc về Hà Tiên). Tổng đốc Long Tường là Dương Văn Phong sai Cẩm phó vệ úy Hoàng Văn Quý chia đạo tới đánh, phá luôn 4 đồn, thừa thắng qua đánh Cấn Sư. Dương Văn Phong lại tới đánh các núi thuộc về Hà Dương. Vừa gặp Thự tuần phủ tỉnh Hà Tiên là Lê Quang Huyền từ Giang Thành đem quân tới, liền chia đạo đánh những đảng giặc tại Hà Âm, giết và bắt sống nhiều lắm. Rồi Phong ở lại đánh giặc xứ Tĩnh Biên, còn Huyền trở về Giang Thành. Được ít lâu, giặc lại lên về Hà Âm lập đồn tại thành Cổ Man hiệp sức chống cự, quân nó đến vài ngàn tên, thế cũng hung dữ; Phong liền đem Thự lãnh binh Nguyễn Duy Tráng dọn dẹp mấy chỗ đảng tặc hiểm yếu trong xứ Hà Âm trước phá nơi sào huyệt giặc, rồi phục binh tại Chân Chiêm và Cổ Thành dụ giặc tới, ba đạo quân mình bọc đánh, giết và bắt sống rất nhiều. Ngài nghe thắng trận luôn luôn, khen lắm, đều cho tùy công gia thưởng. Lại truyền dụ Dương Văn Phong rằng: "Nay ở giặc tại miền Hà Âm, Hà Dương đã bị quân mình phá tan rồi, các người nên thừa thắng thám nã mấy tên tướng giặc và chiêu yên chúng dân". Rồi thời giặc lại tụ nhau ăn cướp phía thượng du xứ Châu Đốc, Phong nhưn lúc ban đêm thành linh tới đánh, phá tan quân giặc.

Sai Tổng đốc Định Biên là Nguyễn Văn Trọng, Thự Bồ chánh Định Tường là Trương Văn Uyển và Phó lãnh binh Tạ Văn Linh hội đánh giặc Thổ tại Nam Ninh, Nam Thái. Nguyên khi trước dân Thổ xứ Trấn Tây không yên, Ngài đã sai Nguyễn Văn Trọng tới đó hội xử việc ấy. Rồi lại đòi Trọng về, khi ở Tây Ninh, khi ở Nam Ninh qua lại dẹp giặc trong 2 xứ ấy. Lúc ấy có tên tướng giặc Đinh Tuân tự xưng Thiên thượng tướng, nhóm những quân Mọi và quân Chàm hơn 700 tên tới vây đồn phủ Tây Ninh; Quyền tri phủ Phan Khắc Thận bắn chết tên Tuân, giặc đều tan hết. Việc ấy tâu lên, Ngài ban thưởng Phan Khắc Thận một cấp quân công và một đồng tiền vàng nhỏ. Nguyễn Văn Trọng đem quân tới Nam Ninh hiệp với quân tỉnh Định Tường chia đạo đánh giặc. Rồi Trọng nghĩ rằng: dân Thổ đều theo giặc, mà rừng rú mênh mông, không thể đuổi cho cùng được; mới tư qua Trấn Tây xin phái quân từ đồn Lư Yên kéo xuống hiệp với quân mình hai mặt đánh lại. Ngài nghe việc ấy; ban quở.

Thự Tuần phủ Hà Tiên là Lê Quang Huyền đánh phá giặc tại xứ Tre Dừa (thuộc tỉnh Hà Tiên), Ngài nghe báo tiếp, ban thưởng bọn Quang Huyền mỗi người một thứ quân công kỷ lục.

Thưởng các binh dũng đánh giặc tại Gia Định, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, Trấn Tây, mỗi tên một tháng lương tiền.

Bộ Hình làm sách kê những tù phạm bị án tù tội quân lưu trở xuống, tên nào nên lưu giam, tên nào nên tha, chia hạng tâu lên. Ngài dụ rằng: "Ta mới lên ngôi, đầu ban ơn điển, không phải như ơn tầm thường, vốn nên nhứt luật giảm tha; nhưng trong xứ Trấn Tây giặc Thổ chưa yên, mà những tên tù phạm khi trước can án phát quân, hiện đương sai phái ở đó, phải đợi khi giặc yên rồi sẽ nghĩ. Lại như con cháu nhà Lê trước đã cho tháp vào các tỉnh Quảng Nam trở vô, cấp cho tiền của ruộng đất làm ăn. Ấy là đức Tiên đế thương con cháu đời trước, vậy nên cho ở chỗ vui để cho phân biệt. Nay chúng nó đã yên lòng làm ăn, nữ nào lại dời đổi chỗ khác. Với lại người xã Sơn Âm, người Cao Man, người Thổ bị tù và mấy tên tù phạm đày tại cù lao Thảo Dự, nếu tha hết thảy e chúng nó lại làm hại dân. Bộ Hình tâu xin những loại ấy đều cứ để vậy, ta xét cũng đã phải rồi. Còn mấy tên thân thuộc Lê Chắt, Lê Văn Duyệt bị tội can liên, đày tại các biên tỉnh, ta nghĩ rằng ông và cha chúng nó đều đã chịu tội, phép nước cũng đã rõ ràng; huống chi chúng nó trẻ dại biết gì, vậy cho gia ân lập tức tha tội. Đến như cơ Định Man ở Quảng Trị, đội Ninh Biên ở Hưng Hóa và những đứa có tội cho tháp từ Quảng Nam đến Bình Thuận, bộ tâu xin cứ để như cũ, nhưng ta xét những đứa có tội linh tinh cho ở các nơi khác và cho đi đồn điền trong các tỉnh, cũng hãy còn nhiều, không những mấy tỉnh nói đó mà thôi; huống chi tội phát binh nhẹ hơn tội quân lưu, nếu mấy đứa bị tội quân lưu được tha mà mấy đứa bị tội phát binh phải ở lại, thời sao cho tỏ lòng ta thương người như một? Vậy nên ta định thế này: trừ những tên đã tháp vào xã, thôn nào mà đã thành gạch lính, gạch dân; và những tên binh ngụ xuất thân, sau bị can án phải lui về gạch lính, thời cứ để y như cũ; còn những tên khác thời không kể nguyên là quan hay là dân mà bị tội, đều cho về quê quán chịu thuế; tựu trung tên nào đã thành gia sản tình nguyện ở lại, thời cũng cho tháp vào gạch dân làng sở tại đó; tên nào chịu đi lính, thời mỗi tháng chiếu lệ cấp phát lương tiền và một lần quần áo; còn tên nào nguyên trước làm quan bị tội, mà xét tội ấy không phải là tội lâm tang, mà tuổi trẻ, sức

manh, có thể làm việc được, thời cho phép các quan địa phương ở chánh quán tâu lên, ta sẽ tùy tài dùng lại để tỏ lòng ta chăm chú cầu lường choặng công bằng đích đáng".

Tháng 2, cho quan Tham tri gia hàm Thượng thư hưu trí là Nguyễn Đăng Tuân thăng hàm Lễ bộ thượng thư. Tuân mới nghe đức Tiên đế thăng hà, liền từ Quảng Bình vào châu tang; rồi bài ban đứng lạy với các quan. Ngài đòi cho vào, phủ úy hỏi chuyện hồi lâu, lại ban dụ rằng: "Tiên sanh mình ở nhà quê, lòng nhớ để khuyết, ta khen lắm". Vậy nên có chỉ thăng. Đăng Tuân tâu lên già yếu xin về, Ngài lại ban thêm vàng lụa cho về hưu trí. Đăng Tuân dâng bài biểu tạ ơn. Trong bài biểu ấy có mấy câu rằng: "Tôi xét mình tôi, không công mà được thăng quan, có bệnh mà được hưu trí. Sống thừa được vậy, cũng đã thỏa rồi! Chỉ trông Thánh hoàng rộng một điều hiếu để dạy dân, sáng chín đạo thường¹ mà trị nước; siêng năng, tần tiện, khoan thứ, nhơn tử; để cho thiên hạ thần dân đều đội thái bình hạnh phúc". Ngài truyền Nội các rằng: "Xưa đời Hán có hai chú cháu họ Sở² khi đã từ chức rồi, không nghe lại tới Kinh đô nữa, cũng không thấy lời nói gì hay chép để trong sử. Nay Nguyễn tiên sanh chống gậy vào châu tang, thiết là trong lòng cảm kích; lại nhơn dâng biểu tạ bày lời khuyên can, lòng trung thành lại càng chí thiết lắm. Coi vậy thời hai người họ Sở xưa, e còn thua xa".

Truyền các quan địa phương tiến cử những người hiền lành, ngay thẳng, dám nói, dám can.

Khoa đạo Lưu Quy, Ngô Bình Đức dâng sớ tâu 10 việc: 1) can điều ham chuộng. 2) suy lòng thành tín; 3) xét trị thể; 4) tin dùng người; 5) thương chúng dân; 6) cẩn tiền của; 7) đừng chuộng vật lạ; 8) hình phạt công bằng; 9) tỏ điều giáo hóa; 10) cho phép nói can. Ngài ban thưởng mỗi người một bó lụa.

Trương Minh Giảng, Lê Văn Đức đem quân về Trấn Tây. Nguyên khi trước Giảng ở Hải Tây nghĩ rằng việc đánh giặc đã gần như thế, mới để Tôn Thất Quý ở lại giữ đó, mà mình lui quân về Hải Đông, đắp lũy đất và núi đất, chia đạo bắt giặc, giặc đều trốn vào rừng. Bây giờ Giảng nghe phía sau thành Trấn Tây giặc lại khuấy rối, mới khiến Đoàn Văn Sách ở lại giữ đồn Sa Tôn, Giảng đem quân về bốn hạt. Quân giặc đóng đồn chỗ này, tụ đảng chỗ kia, quan lại ngạnh trở; Giảng và Nguyễn Tấn Lâm, Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ, đem 5.000 quân chia làm 4 đạo tới đánh, trước phá lũy Thuyết Nội, lại đi xuyên sơn kéo tới, giặc bị thương và chết rất nhiều, đều chạy tan cả. Quân mình thừa thắng đuổi bắt, phá hết đồn lũy; nhưng vì lương hướng đem không kịp, rồi phải rút quân về. Ngài nghe việc ấy, thưởng bọn Trương Minh Giảng mỗi người một cặp quân công và tiền vàng.

Ngài sai khoa đạo Đặng Quốc Lang, Mai Khắc Mẫn vào khám việc chia ruộng trong tỉnh Bình Định, Nguyên khi triều Minh Mạng đã có sai quan vào chia ruộng tỉnh ấy, nhưng vì lương hào riêng chiếm, chỗ tốt chỗ xấu không đều, nên dân tranh dành kiện cáo mãi, cứ nói rằng người nhiều, người ít, chỗ rộng, chỗ hẹp không cân, xin chia cấp lại. Bây giờ quan Tổng đốc Bình Định là Đặng Văn Thiêm tâu xin cứ số ruộng một tên dân hiện có đó chia làm 2 phần: 1 phần làm ruộng công, 1 phần làm ruộng tư; nhưng phải sửa hết địa bộ lại. Lại xin Ngài sai hai người Ngự sử giỏi và công bằng tới hội đồng làm việc ấy; Ngài mới sai Lang và Mẫn đi. Hai người đến đó, trích những việc không thiệt hại lắm, dân mới không tranh nhau. Khi hai người về Kinh, Ngài ban khen rằng: khéo làm bớt việc.

Đặt thêm phủ Hòa Thạnh và huyện Tân Thạnh huyện Bình Long trong tỉnh Gia Định. Bởi vì các quan tỉnh ấy nghĩ rằng đất rộng người đông, tâu xin chiếu tùy địa thế đặt thêm, để trị cho tiện. Ngài cho.

Lê Quang Huyền phá tan giặc Thổ tại xứ Kiên Giang. Nguyên khi trước Thổ dân ở Kiên Giang dấy loạn, quân mình đã dẹp yên rồi. Có hai tên giặc trốn là tên Xuy và tên Súc (2 tên ấy trước làm An phủ sứ) lại kết đảng lập đồn mưu toan sanh sự. Bây giờ quân mình tới đánh phá tan sào huyệt, đốt hết đồn bảo, đánh ba trận được luôn. Quân giặc tới thú cả thầy người Thổ, người Hán, người Tàu hơn 700 tên. Ngài truyền sức chúng nó được tùy tiện an nghiệp. Tháng 6 Huyền mất, tặng hàm Tuân phủ.

¹ Chín đạo thường là chữ trong sách Trung Dung. 1. Sửa mình. 2. Thân yêu trong họ. 3. Tôn trọng người hiền. 4. Kính trọng đại thần. 5. Thể tất quần thần. 6. Thương yêu muôn dân. 7. Khuyên lớn trăm họ. 8. Phủ úy người phương xa. 9. Bao dung nước chư hầu.

² Sở Quảng, Sở Thọ là hai chú cháu làm quan đời Hán, đều cáo về một lần.

Tổng đốc Định Biên là Nguyễn Đăng Trọng, Bồi chánh Định Tường là Trương Văn Uyển hội quân đánh giặc Thổ tại huyện Nam Thái, thắng trận luôn. Ngài nghe báo tiếp, chia hạng ban thưởng, rồi sau Ngài nghĩ Trọng đã nhiều tuổi nên cho về Gia Định.

Tha Quận chúa nước Cao Man là Ngọc Vân và huyện quân là Ngọc Thu, Ngọc Nguyên về thành Trấn Tây.

Tháng 3, cải chánh tên nước Thủy Xá và nước Hỏa Xá. Hai nước hiệp nhau tiến cống từ đây là đầu. Hai nước ấy là đồng dõng Nam Bàn, Chiêm Thành đời xưa. Năm thứ 2 triều Minh Mạng, nước Thủy Xá mới vào cống, mà thông ngôn dịch lầm là Hỏa Xá. Bây giờ các quan tỉnh Phú Yên tâu rằng: "nước Thủy đã cống hiến nước ta, mà thông ngôn dịch lầm chữ Thủy làm chữ Hỏa, nên vua Thủy Xá là Vĩnh Liệt trong lòng không an, nó xin sửa chữ Hỏa làm chữ Thủy cho đúng. Còn Hỏa Xá lâu nay cũng mến phong hóa Triều đình, nhưng chưa được tới cống, vua nước ấy là Ma Thát cũng muốn chung với Thủy Xá tới cống như xưa". Ngài truyền: Thủy Xá dịch lầm cho sửa lại. Hỏa Xá muốn cống, cũng cho.

Dương Văn Phong thua giặc tại Sóc Trăng. Ngài nghe, liền sai tham tán Lê Văn Đức lập tức coi quân thay cho Phong; vừa gặp Đức đau, ủy Tổng đốc Bùi Công Huyền qua thế. Ngài cho Huyền cứ nguyên chức mà quyền lãnh Tổng đốc An Hà. Rồi sau vì Huyền gặp việc luống cuống, Ngài sai Huyền chỉ chuyên coi việc đánh giặc; lại cho Tham tri bộ Công Nguyễn Tri Phương bổ thụ Tuần phủ An Giang, hộ Lý Tổng đốc An Hà, lập tức đi trạm tới lỵ sở. (Dương Văn Phong cách hiệu, rồi bị bệnh mất).

Sắc cho các tỉnh, đạo, phủ, huyện, tổng, xã, thôn, cửa ải, bến tàu, nguồn, tấp, chỗ nào nguyên tên đặt trùng với quốc húy, hoặc chữ viết giống chữ húy đều phải đổi cả. (Như huyện Ba Xuyên đổi làm huyện Cẩm Xuyên, huyện Phù Dung đổi làm huyện Phù Cừ, v.v. Chỉ có tỉnh Thanh Hóa là nơi Hoàng Triều phát tích, cho cứ để như cũ).

Cho Tán lý Nguyễn Công Trứ quyền sung Tham tán Đại thần thành Trấn Tây, Tham tán cũ là Lê Văn Đức đau, cho về Gia Định.

Triệt quân đóng miền thượng du tỉnh Biên Hòa về. Nguyên khi trước giặc Mọi thường tràn xuống miền thượng du, quan quân đã phá tan hết, cho nên triệt quân về.

Tháng 3 nhuận, nước Xích Mao đánh tỉnh Quảng Đông bên Tàu. Quan tỉnh Quảng Yên đem việc tâu lên, Ngài ban rằng "việc ngoại quốc mà hay thám rõ tâu báo, quan lại giữ chốn biên cương như vậy mới phải".

Giặc Thổ tỉnh Vĩnh Long xâm phủ Lạc Hóa¹. Ngài truyền dụ Bùi Công Huyền đem quân tới đánh.

Tháng 4, sai Tham tán thành Trấn Tây là Nguyễn Tấn Lâm hội đánh giặc Thổ tại Ba Xuyên, Lạc Hóa.

Nguyễn Tri Phương đánh giặc tại Trà Lâm, Sóc Trăng, Tượng Sơn đều thắng trận, giặc tan.

Ngài nghĩ rằng sang năm gặp lễ bang giao với Tàu, Ngài sẽ ngự Bắc tuần; truyền chỉ từ Thừa Thiên tới Hà Nội, từ Hà Nội tới Lạng Sơn, phàm những việc gì thuộc về lễ ấy nên sắp đặt lần lần, phải bàn tâu lên. Rồi lập Hành Cung tại Hà Nội, lập nhà tiếp sứ tại Bắc Ninh và Lạng Sơn; từ Thừa Thiên đến Hà Nội chia khoảng lập 41 sở. Trưa, tối để Ngài trú tất.

Giặc Thổ phủ Lạc Hóa vây đánh đồn Nguyệt Lăng. Bùi Công Huyền đem quân đánh đuổi. Cách vài ngày Huyền lại đem quân phá luôn 3 sở đồn giặc; vừa gặp Nguyễn Tấn Lâm tới hội tiểu, giặc thua chạy tan.

Đổi 2 phủ Trấn Tĩnh, Lạc Biên cho thuộc về tỉnh Hà Tĩnh².

Tháng 5, Ngài yết lăng Trường Cơ¹. Khi về, Ngài ngự chiếc bông Yếu Nguyệt xem đánh cá tại sông Hương Giang. Bọn phường chài và Thị vệ lén bỏ cá trước vào trong lưới; khi cất lưới lên, cá nhảy

¹ Lạc Hóa thuộc về Chân Lạp, triều Minh Mạng cải Thổ quan làm Lưu quan.

² Nguyên 2 phủ ấy thuộc về tỉnh Nghệ An.

lao xao. Ngài biết là dối, dạy các quan theo hầu rằng: "Xưa Hiệu Nhơn nuôi cá vì Tử Sản không thấy, nên mới dối Tử Sản²; nay phường chày đánh cá, thời ta đã trông thấy mà dám dối ta. Coi một việc cá, mà cũng đủ biết bọn hãnh thần đáng ghét". Ngài nhơn ngự chế bài thơ để ghi việc ấy. Trong bài thơ có câu rằng: "ngư tiêu tu trùng, viễn hãnh thần" nghĩa là: việc cá tuy là nhỏ nhen, cũng nên coi đó mà xua đuổi xa đũa hãnh thần.

Tha tên Yêm cho về Trấn Tây.

Mới đặt phủ Điện Biên thuộc về tỉnh Hưng Hóa: đem 3 châu Ninh Biên, Lai Châu, Tuần Giáo thuộc về phủ ấy.

Sắc xuống bộ Hộ phàm các sở đồn điền ở tỉnh Sơn Tây, Định Tường, Khánh Hòa, Biên Hòa, đều giao dân sở tại cày nạp thuế để làm ruộng công; còn những lính đồn điền trước, thời đều triệt về tỉnh.

Có 7 xóm mọi lậu ở Bình Thuận xin theo về ngạch dân nước mình. Ngài truyền cho thuộc về huyện Hòa Đa, biên vào sổ đinh chịu thuế.

Tháng 6, định lệ "thường về việc mộ dân lập ấp trong Nam Kỳ". (Mỗi ấp mộ được 5 suất đinh lậu; khai khẩn được 10 mẫu ruộng đất hoang trở lên, thời thưởng 40 quan tiền; mộ được 15 suất đinh lậu, khai khẩn được 150 mẫu ruộng đất hoang trở lên, thời thưởng 60 quan tiền; như khai khẩn hiểu mộ được thêm nữa, thời cứ vậy mà thưởng thêm).

Nguyễn Tấn Lâm đánh lấy lại được huyện Trà Vinh. Nguyên khi trước tướng giặc Lâm Sum giữ lấy huyện ấy, quân mình đánh mãi không được. Bây giờ các đạo quân hện nhau hội đánh, giặc bỏ chạy.

Tháng 7, tướng giặc là Quách Công Trấn, Đình Thế Đức ra thú. Ngài truyền tha cả, bắt dân lãnh về quản thúc.

Cho thượng thư bộ Lại và Lê Đăng Dinh kiêm lãnh chức Sư bảo dạy Hoàng tử và Hoàng đệ. Lại đòi Thượng thư bộ Lễ hưu trí là Nguyễn Đăng Tuân ra sung chức Sư bảo. Ngài đòi Trương Đăng Quế, Võ Xuân Cẩn truyền rằng: "Ta giao chức Sư bảo cho Đăng Tuân và Đăng Dinh thế nào? - Quế và Cẩn tâu rằng: hai người ấy tuổi tác đức vọng đều hơn, thiết là xứng chức".

Từ tỉnh Quảng Nam trở vào nam trời hạn, gạo mất. Ngài khiến phát lúa hoặc cho dân mượn, hoặc cho dân mua; trong dân ai có đường, gỗ, cau, dẫu, thời Triều đình thế lúa mua trước cho. Lại khiến các nhà giàu xuất của lạc quyền để chẩn cấp cho dân. Triều đình sẽ chiếu cố quyền nhiều ít phân hạng nghĩ thưởng.

Nguyễn Tấn Lâm, Tôn Thất Nghị đánh giặc tại Cần Chung đại thắng trận; quan quân thừa thắng kéo thẳng đến xứ Bắc Trang.

Ngài nghĩ rằng việc giặc thành Trấn Tây, đều vì người nước Xiêm sanh sự, giận quá, hỏi Đại thần Trương Đăng Quế rằng: "gốc tích đầu đuôi nước Xiêm, người có rõ không? - Quế tâu rằng: Tôi chỉ nghe đại lược mà thôi. - Ngài dạy rằng: Xiêm La nguyên xưa là nước Xích Thổ, đến sau chia làm 2 nước: 1) Nước Xiêm, 2) Nước La Hộc; nước Xiêm đất xấu cày cấy không được; nước La Hộc thời đất bằng mà tốt, cày cấy được mùa, nước Xiêm thường ăn nhờ đó. Lúc đầu triều Nguyên, nước La Hộc mạnh, gồm lấy nước Xiêm, mới gọi là nước Xiêm La Hộc. Đến triều Minh, nó vào cống Tàu cho nó cái ấn "Xiêm La", từ đó mới gọi là nước Xiêm La. Khi mới lập nước ra, nước Xiêm La nhỏ mà Chân Lạp lớn, Xiêm phải phục tùng Chân Lạp. Đến hiệu Vạn Lịch, Xiêm La ngày càng mạnh lớn, mới bắt Chân Lạp hàng phục mình, mà làm đàn anh cả mấy xứ Mọi. Đất Chân Lạp bị Xiêm La dày đập đã lâu; Triều đình ta thương Chân Lạp mắc tai nạn, nên giúp đỡ cho nguy, bảo hộ giữ gìn cho còn nước, thiết là có công ơn với Chân Lạp quên ơn gây thù, thiết là ngu lắm! Và lại, các xứ Bắc Tâm Bôn nguyên là đất của Chân Lạp, nay Xiêm La lấy rồi, lại còn lập tâm quỷ quyệt mưu lấy thêm nữa; nó mượn tiếng lập Run làm vua Chân Lạp, để âm mưu làm cách lấy dần, chớ nó thiết sẵn lòng bảo hộ Chân Lạp đâu?. Lại như tên Run là đũa phản anh bội

¹ Trường Cơ là lăng Đức Thế Tổ Gia Dũ Hoàng Đế.

² Đời xưa Tử Sản nước Trịnh sai Hiệu Nhơn nuôi cá, Hiệu Nhơn nấu mà ăn ! Tử Sản nói dối rằng: "khi mới thả cá thời thấy nó lừ đừ, được một lúc thấy nó vùng vẫy; rồi thấy bơi vọt đi mất". Tử Sản tin là thật.

nước qua ở Xiêm La. Khi Triều Minh Mạng, nó có dâng mật thư xin nước mình đã đem quân đánh Xiêm, nó xin làm nội ứng; Triều đình đã bắt đi rồi; coi vậy thời biết tâm tích tên Run cũng không phải thiệt ý theo Xiêm. Nếu bây giờ các người ở quân thứ sai người đi mật thám đem những đại ý đã nói đó mà nói cho người Xiêm và người Lạp biết rõ, để cho chúng nó ngờ nhau; ấy cũng là một chức phản gián đó". Trương Đăng Quế tâu rằng: "tình hình Chân Lạp và Xiêm La, thiệt như lời Ngài dạy, xin đem việc ấy mật tư cho các đạo quân thứ biết".

Khiến các quan đại thần bàn việc xử trí thành Trấn Tây¹. Tạ Quang Cự và các quan đều tâu rằng: "nay gặp lúc tài lương không tiếp, ngồi giữ thời quan lính uống công; chi bằng hãy tạm lui quân về An Giang; rồi sẽ coi thể xét cơ mà làm thời hơn. Nhưng mà khi lui quân về, phải nên im lặng: quan quân thời phân phái đóng giữ; Nặc Yên, Ngọc Vân và Hán dân, Thổ dân, thời lựa chỗ phân tháp; còn như voi đem về không tiện, xin làm thịt cho quân sĩ ăn". Ngài cho cứ vậy mà làm.

Tháng 9, quan quân ở Trấn Tây lui về An Giang; ngày về tới đó, Trương Minh Giảng mất! Nguyên khi trước việc kinh lý xứ Trấn Tây, công Trương Minh Giảng nhiều hơn; đến bây giờ lui quân về, Giảng then và giận, cáo đau, không chịu tiếp các tướng; về đến An Giang thời mất ngay. Kinh lược là Phạm Văn Điển đem việc Giảng mất tâu lên, Ngài ban rằng: "Trương Minh Giảng mình đương việc lớn lao, thế mà xử trí không nhằm, đến nỗi dân Thổ đua nhau dấy loạn; ta đã giao xuống đình thần định tội cho nặng, để nghiêm phép Triều đình, ai ngờ đại quân mới về, mà Giảng đã đau mất! Nhưng nghĩ Giảng năm trước làm chức Tham tán quân vụ, đánh tại Biên Hòa, Vĩnh Long thời giặc sợ mất hồn; đánh tại cửa biển Thuận Cảng thời Xiêm thua bỏ chạy; công lao rục rở, bia đá còn ghi, chẳng nên mai một. Vậy cách chức Tướng quân, nhưng gia ân cho chiếu hàm Hiệp tá mà cấp tuất, lại thưởng cấm sa và tiền lụa; còn việc giao đình thần nghị tội thời tha".

Quân đã lui về An Giang, Phạm Văn Điển phân phái tướng sĩ phòng triệt các chỗ yếu hại, lại ủy Đoàn Văn Sách và Nguyễn Công Nhữn đem 3.000 quân thẳng tới Lạc Hóa hội đánh. Cho bọn Quận chúa Ngọc Vân ở làng Châu Phú, rồi phái quân giữ đó.

Nguyễn Tấn Lâm, Nguyễn Tri Phương² đem quân tới Hậu Giang đánh phá các Súc³, người Hán, người Tàu xin hàng cộng 88 tên; hai ông lại sai người hiểu dụ dân thổ tên nào đầu thú thời cấp gạo cho về. Rồi đem quân tới đánh tại Trà Điều, giặc Súc thua chạy, bắt được người Tàn, người Thổ đều giết hết, của giặc còn chứa để bao nhiêu đều lấy phát cho dân nghèo. Ngài nghe, khen rằng: "vừa đánh giặc vừa yên dân, làm một lần mà được hai việc hay". Liền ban thưởng Nguyễn Tấn Lâm và Nguyễn Tri Phương.

Tháng 10, truyền chỉ sửa lại hiệu thần trong các tỉnh. (Khi trước hiệu thần là Đại vương, Thánh phi, Công chúa, Công hầu, Quý phủ, bây giờ theo nghĩa hoặc đổi ra Tôn thần, hoặc đổi ra Chi thần, hoặc đổi ra Phủ quân, hoặc đổi ra Phu nhơn. Chỉ có vị Liễu Hạnh công chúa và các thần đã được phong tước rồi, với các vị đế vương, các ông hoàng thần, các người khai quốc công thần, mấy độ trước đã phong tước rồi, thời cứ để như cũ).

Nguyễn Tấn Lâm, Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Công Trứ phá tan giặc Lâm Sum tại xứ Sâm Đô, phủ Lạc Hóa đều yên. Từ khi tên Lâm Sum chiếm giữ Trà Vang, đảng nó có tên thầy tu mọi đem yêu thuật phỉnh chúng, nên dân Thổ theo nó nhiều lắm; quan quân đánh mãi không được; đến bây giờ các đạo quân hội tiểu, giặc thua chạy tan.

Tướng giặc là Kiên Hồng, Trần Hồng, Thạch Đột tới trước cửa quân xin hàng; bỏ cũi giải về Kinh (rồi làm tội cực hình). Quân thứ chạy cờ đỏ về báo tiếp. Ngài rất mừng; ban thưởng bọn Tân Lâm mỗi người một cấp quân công, người nào trước có bị giáng, nay đều cho khai phục nguyên hàm; lại ban cho các đồ ngọc đeo và tiền vàng; còn các tướng hiệu hoặc được ban thưởng, hoặc cho phục chức. Sau tên Lâm Sum cũng bị bắt được chánh pháp.

¹ Khi ấy ngoài thành Trấn Tây bị quân giặc ngăn trở hết thảy.

² Khi ấy Nguyễn Tri Phương bổ thụ Tuần phủ Vĩnh Long, hộ lý Tổng đốc Long Tường.

³ Chỗ Mường Mọi ở, lớn gọi là Bộ, nhỏ gọi là Lạc, Xiêm Lào gọi là Mường, Cao Man gọi là Súc; Súc cũng như Phủ, nước Cao Man cả thảy 26 Súc.

Bộ Lại và bộ Binh làm sách kê những sự trạng các quan lớn ở Kinh và ở các tỉnh dâng lên. Ngài ngự lãm, dụ rằng: "ba năm hội nghị xét công các quan, lựa dùng quan nhỏ quan lớn, thăng giáng người hay người dở. Ấy là đức Hoàng Khảo ta bắt chước chánh sự hay đời xưa, lập ra phép tốt. Ta nay noi theo phép cũ, một niềm công chánh, châm chước cân nhắc, thưởng phạt hăn hoi, tùy tài tùy việc mọi người, làm khuyên làm răn cho chúng. Vậy trong từ Khanh, Sĩ, ngoài tới địa phương, nên càng hết sức hết lòng, kính noi lời răn dạy; sao cho quan nhỏ liêm, quan lớn giữ phép, ngõ đừng phía ngoài trị, phía trong an, mới hay dài đời ơn trên, lâu nhờ lộc nước".

Mới đặt hàng quan và thuộc viên ở Sứ quán. (1 Tổng tài, 1 Phó tổng tài, 4 Toàn tu, 8 Biên tu, 4 Khải hiệu, 6 Đăng lục, 4 Thu chương).

Tháng 11, Thượng thư bộ Lễ là Phan Huy Thực hồi hưu. Huy Thực ở bộ Lễ đến 30 năm, bây giờ già yếu xin về; Ngài thương là người kỳ cựu; cho con là thự Lang trung Phan Huy Vịnh đưa Thực về.

Có tàu Đại Pháp đậu tại vũng Sơn Chà thuộc tỉnh Quảng Nam, rồi đi ngay.

Nguyễn Tấn Lâm, Nguyễn Tri Phương phá tan giặc Thổ tại Súc Sâm. Nguyên khi trước giặc Thổ ở xứ Ba Xuyên lại nổi lên, Lâm và Phương từ Lạc Hóa đem quân thừa thắng đánh luôn, giặc đều trông chừng chạy trốn, lại về Súc Sâm lập đồn hiệp giao chống cự; Tấn Lâm và Tri Phương hai mặt đánh giáp lại, giặc liền tan. Ngài nghe báo tiếp, liền phân hạng ban thưởng; rồi truyền Tấn Lâm ở lại đồn đó tùy cơ đánh giặc yên dân, còn Tri Phương cứ ở tỉnh An Giang hội đồng với Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Trứ làm việc.

Có người con trai tự xưng là con ông Anh Duệ Hoàng Thái tử ngụ hiệu Hoàng Tôn, ở thành Nam Vang (Phnompenh) nhóm họp những quân Xiêm, Lào, Hán, Thổ đến vài ngàn người; những đứa trốn tội theo nhiều lắm.

Bộ Hộ tâu: năm nay hộ khẩu như đinh trong nước được 925.184 người.

Năm Nhâm Dần thứ II (1842), tháng Giêng, lãnh Tuần phủ Hà Tiên là Lương Văn Liễu tâu rằng: "giặc Xiêm đem 93 chiếc thuyền binh hoặc ở bãi biển Tiêu Liễu, hoặc ở cù lao Ô Mai Lam thả neo đậu lênh đênh. Bây giờ đồn Châu Nham mình đã có phòng bị, đắp thêm canh giữ cũng đã vững rồi; chỉ còn từ Giang Thành đến Đà Khẩu hai bên đều là rừng rậm, giặc thường vô ra. Xin lập thêm một đồn nữa như tên đất đó gọi là đồn Tiên Mỹ, để phái quân đóng giữ. Ngài phê rằng: "Quân Xiêm khác gì một con muỗi đội núi, một con sâu lội sông, thế cũng không làm gì được".

Tỉnh Hà Tiên lại tâu có 40, 50 chiếc tàu Xiêm và 1 chiếc tàu thức tây, xâm bức bãi Thiển Môn thuộc về cù lao Phú Quốc; lại thấy thuyền giặc chừng 30 chiếc tới cù lao Hùng Chương (tức là hòn Móng Tay) đuổi lính thú mình. Rồi có vài mươi chiếc thuyền giặc đến đánh đồn Phú Quốc. Ngài sai Nguyễn Công Trứ đem quân tới đánh; sai Lê Văn Đức đi thuyền qua tiếp, nhưng bị sóng gió ngăn trở.

Đảng ngụ ở Nam Vang (là tên ngụ xưng Hoàng Tôn) nhóm họp quân Xiêm, quân Lào đến 5.000 người kéo lên quan Sách Số (thuộc về phủ Nam Ninh). Lại có thuyền giặc Thổ hơn 10 chiếc tới đồn Cần Thăng có ý rình lén. Tổng đốc An Hà là Phạm Văn Điển phi tư cho Đoàn Văn Sách quản lãnh viện binh mau qua Hà Tiên điều độ, Nguyễn Văn Nhòn ngăn giữ đồn Vĩnh Thông, Nguyễn Công Trứ qua Tiền Giang đi tuần sát, còn Điển thời ở lại An Giang điều độ các việc. Việc ấy tâu lên, Ngài dụ rằng: "Nguyễn Tri Phương phải dự bị binh thuyền, đợi bao giờ nghe báo khẩn cấp, lập tức kéo tới đánh giặc; Lê Văn Đức (hiện ở Gia Định), Trương Văn Uyên (hiện ở Định Tường) cũng phải chỉnh bị quân lính, chứa nuôi sức mạnh và thám xét tình thế giặc hư thiệt thế nào". Rồi Nguyễn Tri Phương lại tâu rằng: "các tỉnh trong Nam Kỳ đều là liên tiếp với đất giặc; chỉ có một giải sông Tiền Giang là thông với giữa trung tim An Giang, Vĩnh Long, và Định Tường; xin đem binh thuyền qua những đồn Thông Bình, Hùng Ngự (thuộc về Định Tường) Tân Châu, Định Lạc (thuộc về An Giang) duyệt binh để nghiêm phòng bị". Ngài khen rằng: "làm vậy phải lắm, thiệt nhắm cơ nghi".

Quan thự Hữu quân đô thống chương phủ sự tước Văn Hội Nam và Nguyễn Tấn Minh mất! Ngài nghĩ Minh là người kỳ cựu; gia ân cho thiết họ.

Ngày Ất Sửu, đem việc bắt tuần ban chiếu trong ngoài. Ngày Tân Vị, đạo ngự từ Kinh khởi trình, đem Hoàng tử thứ hai đi theo.

Tháng 2, ngài ngự tới Hà Tĩnh, thuyền ngự từ sông Đại Nại qua núi Hồng Lĩnh, đòi quan tỉnh Võ Đức Nhu hỏi thẳng tích núi ấy thế nào. Nhu tâu rằng: "núi này bắt đầu từ huyện Nghi Xuân qua huyện Thiên Lộc (hiện bây giờ là huyện Can Lộc), quanh co dài dặc cả thảy 99 ngọn; người ta thường truyền ngày xưa có bảy huyền hạc đậu trên núi này, cho nên gọi là Hồng Lĩnh.

Ngài ngự tới Thanh Hóa, yết Nguyên Miếu; tới núi Triệu Tường, vọng bái lăng Trường Nguyên¹ và sai quan tới cáo miếu ngài Trùng Quốc Công. Ngài dạy chuyện cùng các Hoàng thân và Thị thần rằng: "Tốt thay núi sông này! Trời đất đúc khí thiêng, nước nhà gây phúc tốt; cũng như đất Thai, đất Mân đời Châu, đất Phong, đất Bái đời Hán²".

Ngài ngự tới Ninh Bình, lên núi Dục Thúy, ngự xem khắp đỉnh núi đầu non; truyền đổi tên núi là núi Hộ Thành.

Tướng Xiêm là bọn Ca La Hâm, Phì Phạt đem quân binh thuyền đậu tại cửa ải phủ Quảng Biên. Quan quân thứ Hà Tiên là Đoàn Văn Sách phi tư tình An Giang hội tiểu. Rồi Nguyễn Công Trứ đem quân qua; Đoàn Văn Sách đóng giữ trên đàng bộ, lại sửa sang binh thuyền đóng phòng triệt tại cửa ải tấn Kim Dự.

Binh thuyền của Ô Thiệt Vương nước Xiêm đậu tại mặt biển Quảng Biên, hòn Nhữ Dự và núi Bạch Mã; binh hơn vài vạn, mưu trước đánh lén lấy Lư Khê rồi lấy Tô Môn, sau kéo thẳng đến vây thành Hà Tiên. Quan tỉnh Hà Tiên sợ hãi, phi tư qua tỉnh Vĩnh Long mau mau đem binh thuyền tới cứu. Rồi giặc tràn ra khuấy rối miền sông Vĩnh Tế; Nguyễn Công Trứ lại trở về An Giang, Nguyễn Tấn Lâm và Nguyễn Lương Nhữ chia nhau qua Tiền Giang và Hậu Giang đánh giặc, Tôn Thất Nghị đón cự tại đồn Vĩnh Thông. Bọn Đoàn Văn Sách lại tâu rằng: "thuyền giặc càng ngày càng đông, xin tư qua Gia Định phái thêm binh thuyền mau qua hội với binh thuyền Kinh phái, trước sau hai mặt ra sức đánh". Ngài liền cho Tổng đốc Định Biên Lê Văn Đức thăng Thự Hiệp tá đại học sĩ sung Tổng thống tiểu bộ quân vụ, Thống chế Lê Văn Phú sung Tham tán đại thần, Đề đốc Kinh thành Tôn Thất Tường sung Tán lý đại thần, Thừa Thiên phủ thừa Lê Khắc Nhuận sung Tán tương quân vụ, đem binh thuyền tại Kinh chạy tới Gia Định hiệp với lính thú Quảng Nam, Quảng Ngãi, đều giao cho Đức và Phú thống quản, cho phép tiện nghi hành sự. Cho Đặng Văn Thiêm thay Đức quyền Tổng đốc Định Biên.

Ngày Đinh Dậu, Ngài ngự tới Hành Cung tại bến đò Hà Nội. Ngày Mậu Tuất, vừa sáng mai, Ngài vào thành tỉnh, các quan đi sứ Tàu là Lý Văn Phúc từ Bắc Kinh trở về, vào chầu.

Khiến Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Tấn Lâm cự giặc tại Tiền Giang, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Công Nhữ cự giặc tại Vĩnh Tế; Phạm Văn Điển, Nguyễn Lương Nhữ cự giặc tại Hậu Giang.

Đoàn Văn Sách, Lương Văn Liễu đánh đuổi giặc Xiêm, chạy cờ đỏ về báo tiệp. Ngài truyền chia hạng ban thưởng.

Tháng 3, lãnh An Hà Tổng đốc Tín võ hầu Phạm Văn Điển phá tan giặc Thổ tại xứ Hà Âm. Ngài nghe báo tiệp, khen rằng: "Tín võ hầu đánh được trận lớn, nên khen; thiệt xứng đáng một người tướng cũ".

Phạm Văn Điển, Nguyễn Công Nhữ phá tan giặc Xiêm và giặc Thổ tại xứ Hà Âm. Nghe báo tiệp, Ngài thưởng Phạm Văn Điển thăng Thọ quân đô thống, nhưng lãnh Tổng đốc; Nguyễn Công Nhữ thăng Đề đốc An Giang và một gia cấp quân công; còn mấy người dưới cũng chia hạng ban thưởng. Nguyễn Tri Phương đánh tại Tiền Giang cũng phá tan giặc. Ngài mừng, ban rằng: "Hà Tiên, Vĩnh Tế, Tiền Giang, Hậu Giang, giặc đều lần lần dẹp hết, thiệt thư lòng ta lo lắng việc Nam Kỳ!". Nguyễn Tri Phương và tướng sĩ ở quân thứ đều được phân hạng ban thưởng.

¹ Trường Nguyên là Lăng đức Triệu Tổ.

² Xưa ông Hậu Tắc ở đất Thái, ông Thái Vương ở đất Mân; hai ông ấy là tổ tôn gây dựng cơ nghiệp nhà Châu. - Phong Bái là nơi vua Cao Tổ đời nhà Hán gây dựng cơ nghiệp.

Khiến các đại thần ở Kinh và ở các tỉnh trừ nghĩ việc đàng đê sông Cửu An. Quan tỉnh Hưng Yên tâu xin đắp đập ngang cửa sông để ngăn giữ nước. Ngài cho. Từ đó dân ở về bên hữu sông ấy làm ăn mới được hơi thơi.

Sứ Tàu là Bửu Thanh đến Hà Nội. Ngài Bính Tý làm lễ sách phong. Lễ xong rồi; Ngài sai Hậu mạng sứ là Đào Trí Phú đưa Bửu Thanh ra cửa ải. Ngài Mậu Dần, Ngài ngự về đàng thủy.

Bộ Hộ làm sách tâu việc ân điển bắc tuần cả thảy 32 điều. Ngài truyền rằng: "bang giao là một lễ mừng, như mừng ban ơn, lễ vẫn nên thế; hưởng chi Thiên Gia¹ vui lòng thờ phụng, Chánh cung tuổi thọ ngày thêm, góp phước thiên hạ để dâng phước, hiệp vui thiên hạ để làm vui, tuy tốn mấy ngàn mấy vạn cũng không tiếc. Trên thời quan kính vâng, dưới thời dân theo trị, vui nào còn hơn vui này!".

Tháng 4, ngày Canh Thìn, Ngài ngự tới Hành cung tỉnh Ninh Bình, khiến các quan Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chánh, Àn sát ngoài Bắc Kỳ ai về tỉnh nấy làm việc. Trước khi về, Ngài đòi đến đình ninh khuyên dạy, lại ban bài thơ² mà dạy rằng: "bài thơ này cốt có bốn chữ "Trung, Tín, Thanh, Cần mà thôi; các người phải nên ghi lòng đùng quên mới đặng".

Ngày Canh Dần, Ngài ngự về tới Kinh Đô, ban thưởng các quan văn, võ theo hầu và các quan ở giữ Kinh thành, hoặc kỷ lục, hoặc gia cấp, hoặc tiền bạc khác nhau.

Thiếu bảo hậu quân đô thống phủ chương sự Hoảng Trung Bá Nguyễn Văn Trọng mất!, Ngài nghe, khóc rằng: "Nguyễn Văn Trọng là tôi huân cựu ba triều, trung thành đáng khen, ai ngờ một phút chán đời, lòng ta thiệt thương tiếc. Vậy cho truy tặng Thái bảo, phong tước Hoảng trung hầu".

Đề đốc Vĩnh Long, Diên Hựu Nam, Đoàn Văn Sách mất ! Sách khi ở quân thứ Hà Tiên bị đau về An Giang. Nay Ngài nghe Sách mất, bùi ngùi hồi lâu ! Cho tặng Tiệp phong đô thống anh dũng tướng quân, tấn phong Diên hữu bá.

Tổng thống Lê Văn Đức tấn binh tới Thất Sơn hội với binh Phạm Văn Điển, Điển ở lại Cấm Sơn phòng triệt phía sau, Lê Văn Đức và Lê Văn Phú kéo quân tới Núi Voi. Giặc nghe tiếng chạy trốn hết.

Lãnh Tổng đốc An Hà Phạm Văn Điển mất ! Điển ở quân thứ Thất Sơn bị đau về tới An Giang rồi mất, Ngài nghe thương tiếc lắm ! Cho truy tặng Tả quân đô thống phủ chương phủ sự.

Cho Nguyễn Công Nhòn làm Tổng đốc An Hà, Nguyễn Lương Nhòn làm Đề đốc An Giang.

Tháng 5, mới làm lịch Thất chánh (Khi ấy tòa Khâm Thiên tra cứu phép làm lịch và thiên văn, suy xét Nhật, Nguyệt, Tinh thần, ngày sóc, độ số và sao Ngũ hành ẩn hiện, làm thành lịch này. Ngài khen, truyền cho in phát).

Lê Văn Đức kéo quân tới Xà Tồn, vừa gặp Tán lý Tôn Thất Tường tới, liền chia thành 5 đạo, mỗi đạo 1.000 quân, đem súng lớn bắn phá đồn lũy giặc, giặc đều chạy tan. Rồi Nguyễn Tấn Lâm, Nguyễn Tri Phương cũng tới quân thứ, cùng nhau tấn binh tới Tô Sơn, giặc lại sợ trốn, người Tàu người Thổ ra thú rất nhiều. Đức và Phú qua kinh lược tỉnh Hà Tiên, rồi lại trở về An Giang; còn Tấn Lâm và Tri Phương cứ ở lại đó đàn áp và kiểm việc chiêu an.

Giặc ở Thất Sơn đã yên, người Tàu người Thổ đầu thú kể đến số ngàn. Ngài sai bọn Nguyễn Công Trứ thay đổi nhau qua đó sắp đặt; chia làng, lập ấp, khẩn ruộng, cho dân yên lòng làm ăn.

Tháng 6, Lê Văn Đức, Nguyễn Tri Phương kéo quân tới Sách Sô, từ cửa biển Thuận cảng qua Tiền Giang, theo ngược dòng sông đi lên, qua Tân Châu, An Lạc, và cửa biển Ba Nam; giặc đã bỏ đồn chạy tan rồi; quân đạo tiền phong ta vừa đến bến đò Sách Sô, thấy còn vài trăm tên giặc núp đó, liền đem súng lớn bắn vào, giặc tan ngay. Quân ta chia đạo tầm nã, bắt được 6 tên giặc Thổ, Tra nó, nó xưng rằng: "Trận đánh tại Hà Âm, quân Xiêm thua dữ, chết và bị thương nhiều lắm, tướng Xiêm là Chặt Tri đã đem tên ngự xưng Hoàng tôn giải về Trấn Tây". Bọn Lê Văn Đức liền tìm đàng kéo tới mấy chỗ đón mọi, thời giặc đã trốn xa, truyền quân đốt phá những lương thảo giặc còn chứa để. Rồi đem binh

¹ Thiên Gia nghĩa là nhà trời, nghĩa bóng là nhà vua; đây là nói Ngài vui thờ đức Thuận Thiên Cao Hoàng Hậu.

² Bài thơ ấy có biên trong tập thơ Thánh Chế.

thuyền trở về An Giang. Nguyễn Công Nhờn, Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Nghị đều về tỉnh lỵ làm việc, còn Lê Văn Đức, Lê Văn Phú, Lê Khắc Nhượng thời trở về Gia Định.

Lê Văn Đức đem quân về. Bao nhiêu lính mới đi thú thời để lại giữ An Giang và Hà Tiên, còn lính đi thú cũ vì đi đánh giặc đã lâu thời cho về nguyên ngũ.

Tháng 7, Thái bảo Tiền quân chưởng phủ sự lãnh Hà Ninh Tổng đốc Tân phước hầu Phạm Hữu Tâm¹ mất gia phong Tân phước quận công.

Tháng 8, Nghệ An bão to, nước biển tràn lên, nhà cửa đổ nát, người bị chết đê và chết đuối nhiều lắm. Ngaisai Thượng thư bộ Lại Tôn Thất Bạch ra Nghệ An và Hà Tiên chẩn cấp, xong rồi mới về. (Tỉnh Hà Tĩnh cũng bị bão).

Tháng 9, tỉnh Hà Tiên và An Giang đem việc thám xét biên tình tâu lên. Tỉnh Hà Tiên báo rằng: "quân Xiêm hơn 500 tên ngày đêm kết mây làm khiên, (để đỡ khí giới) ước giặc Tàu tới sanh sự với mình. Còn tướng Xiêm là Chất Tri khi trước bị thua tại Hà Âm, vua Xiêm đã bãi chức cho về ở phủ Chân Bôn. Tỉnh An Giang báo rằng: "Chất Tri đương ở thành Trấn Tây, đắp thêm đồn bảo; nghe quân sẽ kéo tới đánh, nó sai người đốc thúc quân Xiêm, quân Lào, quân Thổ tới thêm; lại đương đóng chiến thuyền tại cửa Quảng Biên". Hà Tiên lại báo rằng: "người Tàu và người Anh Cát Lợi toan mưu đánh Xiêm". Ngài nghe việc ấy, ban rằng: "Quả thiệt như lời tâu đó thời nó đương lo cơ nạn nước nó không rồi, còn lúc nào mưu xâm người ta nữa? Huống chi Ô Thiệt đã chạy về Xiêm thời Chất Tri còn ở lại Trấn Tây làm gì? Nhưng nay đã gần mùa đông, cần phải canh giữ, không nên nhờn vậy mà sơ phòng. Vậy nên phái người thám nữa, để cho rõ hết tình hình giặc".

Thự Hiệp tá đại học sĩ sung Sư bảo Hoàng tử hoàng đệ là Nguyễn Đăng Tuân xin cáo hưu. Ngài cho; Đăng Tuân là sư bảo cự thần, Ngài rất kính trọng.

Tháng 10, truyền khắc mấy bài thơ Ngài ngự chế Bắc tuần trong các địa phương. Vì Nội các có tâu rằng: "Chúng tôi trộm nghĩ: núi cao sông chảy, ngang dọc xen bày, là văn chương thánh nhưn. Nước ta bờ cõi muôn dặm, cảnh tốt núi sông, chỗ nào cũng có. Năm nay ngự giá Bắc tuần, thăm mùa màng, hỏi nông sự, xem dân phong, xét quan lại, ban ơn xuống phước, dạy chánh sự, duyệt binh nhưn. Ngài ngự tới đâu đều có thơ ghi đó, cả thảy 173 bài. Xin giao các tỉnh sở tại khắc bia, khiến cho núi sông thêm tươi tốt, quần hạt² càng vẻ vang, mà đại văn chương Thánh nhưn cùng với sông chảy núi cao lâu dài mãi mãi". Ngài cho.

Có người dâng cái nghiên xưa. (Dài 7 tấc 4 phân, rộng 4 tấc 7 phân, dày 5 phân). Chất bền mà láng bóng, kiểu xưa mà đơn sơ; rõ ràng một phiến ngói âm dương mà người xưa đã nhưn hình dạng đục ra chỗ chứa nước, chỗ mài mực. Đầu nghiên có khắc bài minh rằng: Kỳ sắc ôn nhuận, kỳ chế cổ phác, hã dĩ tri chí, Thạch cừ bí các, cải phong Tức mặc, Lan đài liệt tước, vĩnh nghi bửu chi, thơ hương thị thác. Nghĩa là: sắc nghiên ôn nhuận, kiểu nghiên cổ phác; nên đặt chỗ nào? Thạch cừ bí các. Tức mặc đổi phong, Lan đài dự tước;³ quý báu đời đời, thơ hương phú thác. Sau bài minh, ông Tô Thức⁴ xưa có khắc hai cái ấn: một cái khắc hai chữ "Kỳ trân" nghĩa là quý lạ; một cái khắc hai chữ "Tàng bửu" nghĩa là báu kín. Sau lưng nghiên có khắc 4 chữ "Thạch từ các ngổa" nghĩa là ngói các Thạch cừ. Dưới lạc khoản mấy chữ rằng: "nghiên này chế tại tháng 8 năm thứ 3 hiệu Nguyên Phù". Ngài truyền đem nghiên ấy dâng vào Kinh diên. Rồi Ngài bảo Nội các rằng: "nghiên này là nghiên các Thạch cừ xưa. Nguyên các ấy từ Tiêu Hà lập ra để chứa đồ tịch; đến năm thứ 3 hiệu Cam Lộ, vua Tuyên Đế nhà Hán hội các nho thần giảng ngũ kinh tại đó; từ năm thứ 3 hiệu Cam Lộ, đến năm thứ 3 hiệu Nguyên Phù đời Triết Tôn nhà Tống, Tô Thức mới được phiến ngói ấy đục làm thành nghiên, cả thảy 1.149 năm; từ khi ấy đến nay

¹ Phạm Hữu Tâm là người làng Cổ Lão phủ Thừa Thiên.

² Quần hạt là chỗ địa hạt mình coi sóc.

³ Đời xưa phong cái nghiên là Tức mặc hầu. Tức mặc là tên đất; mà nghĩa chánh: tức là tới, mặc là mực. Vậy nên đời xưa nhưn tên đất mà phong hầu cho cái nghiên; lại có ý nghĩa riêng là cái đựng mực. - Lan đài là nơi làm sách, nơi ấy phải cần nghiên, bút. v.v... nghiên là Tức mặc hầu, bút là Quần thành tử, đều dự tước trong Lan đài cả.

⁴ Tô Thức là người hay chữ đời Tống.

được hơn 740 năm nữa; thời nghiên này gốc tích từ đời Hán, làm thành ở đời Tống, mà xuất hiện ra đời nay, thiệt là một báu vật về hàn mặc. Bây giờ cách sau Hán, Tống đến hơn 2.000 năm, mà vẫn minh thạch hội cũng như Hán, Tống trước; há chẳng phải là vật quý báu trời đất để dành đợi thời mới bày tỏ ra hay sao? Trọng đạo chuộng văn, khác thời thế mà chung một vật báu, đời này cùng đời Hán đời Tống xưa, chừng có cơ duyên khế hiệp với nhau chăng? Âu Dương Tu đời Tống xưa có câu rằng: "Ai ứng vật gì, thời vật ấy thường tụ hội tới, nghĩa là vậy đó".

Tháng 11, sai Hiệp tá Thượng thư bộ Lễ là Lê Văn Đức sung Kinh lược đại thần trong Nam Kỳ. Thứ Hữu quân đô thống Tôn Thất Bật sung Tham tán đại thần, Tả tham tri bộ Binh Lâm Duy Thiếp sung Tán lý cơ vụ. Đức vào châu xin đi, Ngài trao cây gươm báu và ban áo ngự. Đức đi vừa tới Quảng Nam, đau rồi mất ! Ngài thương chảy nước mắt, truy tặng Thiếu bảo. (Đức ở trong Triều, ra ngoài tỉnh, đến 30 năm; không bao giờ nói gặt, có sắc dữ, người ta khen là nhà lượm).

Tháng 12, tha 3 tên tướng Cao Man là Trà Long, Nhâm Vu, La Kiến, giao cho Đại thần Phủ đô thống quản thúc, tùy việc sai phái chuộc tội.

Năm Quý Mão thứ III (1843), tháng giêng, quan tỉnh Hà Tiên tâu rằng: "Thuyền buôn nước Xích Mao chở nha phiến qua Xiêm, người Xiêm đốt thuyền lấy hết hàng hóa, nước Xích Mao lấy làm xấu hổ, lại mưu khởi quân đánh Xiêm báo thù; người Xiêm sợ, chớ đá lấp cửa Bắc Nam để chặn đàng tàu Xích Mao tới". Ngài dụ khiến các quan tỉnh phải hết lòng thám hỏi cho chắc, để rõ hết tình trạng ngoài biên.

Tháng 2, Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là Nguyễn Đăng Giai tâu rằng: "trong 2 phủ Lâm Thao và Đoan Hùng cả thảy 7 huyện, những dân ở trong rừng rú lâu nay bị tên Nhờn tên Thạch nạt dỡ, hoặc đưa tiền của, hoặc chứa gian nguy, thành ra một nơi ổ giặc. Tôi trộm nghĩ: dân cực khổ đã lâu, chưa có thể trong năm bầy ngày cứu đặng, giặc trốn tránh đã lâu, chưa có thể trong một vài hôm bắt đặng". Ngài phê rằng: "Lời tâu phải lẽ. Cho phát của kho cứu dân cực khổ". Được ít lâu, giặc trốn là Nguyễn Thạch với hai tên đồ đảng tới thú trước cửa quân.

Ngày Nhâm Thìn, có một dây bạch khí giăng ngang trời, (đầu từ tây bắc đuôi trở đông nam). Ngài không ngự chánh điện, bớt đồ thương thiện, bãi âm nhạc; xuống dụ cầu trực ngôn.

Tháng 3, giặc Sở Lao ở tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Thạch bị chánh pháp, Ngài ban thưởng Nguyễn Đăng Giai một cấp quân công, một đồng tiền vàng chạm hai con rồng và một cái đồng hồ.

Tháng 4, Ngài nghĩ rằng: xứ Tây Ninh là chỗ rất quan trọng, liền sai Đề đốc Gia Định là Ngô Văn Giai lập sở đồn điền, mộ dân lập ấp.

Tháng 6, Ngài khiến làm sách Đại nam hội điển¹.

Mọi Đá Vách tới cửa ải xin cầu thông thương và xin trả hết thảy những súc vật tài sản mà chúng nó đã ăn cướp. Việc ấy tâu lên, quan tỉnh và quan Sơn Phòng đều được ban thưởng.

Tháng 7, gặt khoa thi hương trường Thừa Thiên, Nguyễn Đăng Hành đậu cử nhơn thứ hai. Ngài ban rằng: "Thầy Thận Trai (là Nguyễn Đăng Tuân) là thầy học ta khi ở Tiềm đế; nay tuổi già về dưỡng nhàn; con trưởng là Nguyễn Đăng Giai làm Tổng đốc ba tỉnh, tiếng giỏi khen rầm; nay cháu là Đăng Hành lại nổi nghiệp nhà, ta khen lắm". Rồi ban một bài thơ đặng cho vinh hiển. (Sau Đăng Hành đậu Tấn sĩ).

Giặc trốn ở tỉnh Sơn Tây là Nguyễn Văn Nờn bị giết. Nờn là người Hưng Hóa, đảng tên Nùng Văn Vân. Khi tên Vân đã thua rồi, Nờn lại hiệp với tên Thạch, trốn tránh không ở một nơi. Đến bây giờ người tỉnh Sơn Tây mật báo, phái người thám nã bắt được. Ngài nghe việc ấy, đều cho tùy công thăng thưởng.

Tháng 7 nhuận, lại truyền dụ xuống các nha tra việc hình án tại Kinh và các tỉnh rằng: "Quan viên tra án phải thân hành đến nơi nhơn mạng, y phép khám nghiệm biên thương, không được khinh suất giao cho lại dịch".

¹ Hội điển là biên chép những thể lệ Lại, Hộ, Lễ, Học, Binh, Hình để làm phép thường.

Tỉnh Nghệ An tâu rằng: "4 huyện¹ thuộc về phủ Tương Dương dân Thổ đã hơi thắm nhuần giáo hoá. Xin chiếu theo như lệ phủ Quy Châu cứ 7 tên lựa một tên lính, cả thầy được 53 tên, sung làm lính phủ Tương Dương". Ngài cho.

Tháng 12, dời đồn Tĩnh Tuyên ở tỉnh Tuyên Quang qua phố Vân Trung. (Thuộc về tỉnh Ân Quang, huyện Để Định), đổi tên là đồn Ân Quang, cho người Thổ trước là Chánh đội Nguyễn Văn Biểu coi đồn ấy và mộ binh canh giữ. Ấy là theo lời Nguyễn Đăng Giai xin. Nguyên khi trước Giai có tha tên tù tội lưu là Ma Doãn Dưỡng, bị bộ Hình hạch tham; Ngài truyền Giai phải cho rõ. Giai tâu rằng: "giặc sót trong tỉnh Tuyên Quang nhiều đứa còn sợ tội trốn tránh; nếu không đem giặc tìm giặc, như chèo thuyền tìm thuyền, cỡi ngựa tìm ngựa, thời khác gì tìm loài thú vật trong rừng sâu, chưa dễ bắt được. Ma Doãn Dưỡng là người Thổ trước, tôi tha nó để khiến bắt giặc, cũng như thả chim trong lồng để dụ chim ngoài lưới mà thôi; tội thiện tiện vẫn tôi chẳng dám kêu oan, nhưng gắp vì dẹp giặc yên dân, nên dẫu biết tội cũng không thể tránh được". Ngài nghĩ Giai có công, cũng khoan dung cho.

Năm Giáp Thìn thứ IV (1844) tháng 3, sử Liệt Thánh thiết lục tiền biên làm rồi.

Tháng 4, mới lập sở buôn bán tại miền Thượng du đồn Đa Lộc về tỉnh An Giang; lại định nhật kỳ mỗi tháng 2 lần, mỗi lần 2 ngày, cho người Hán, người Thổ, người Tàu, người Chàm (là người Chiêm Thành) tới buôn bán.

Đặt lại Huất đạo huyện An Giang (khi trước học trò ít, nên giảm Huấn đạo; bây giờ học trò xứ Lạng Xuyên ngày càng đông, quan tỉnh xin đặt lại).

Sông Tân Châu trong tỉnh An Giang đào rồi. Tuần phủ Nguyễn Công Trứ xin dời đồn Châu Giang tới trên bờ sông ấy để tuần sát cho tiện. Ngài cho.

Dựng bia nơi mộ con voi Ô Long. Voi ấy là voi ngự; triều Minh Mạng nghĩ nó có công đánh giặc, sắc cho dựng bia. Ngài lại ban rằng: "thịt voi đủ mùi thịt trăm giống thú; nên chi cạp, beo, chó sói nghe hơi đều run sợ cả; nhưng người Thổ dùng mưu dụ nó, thời lui tới đều theo ý người. Vậy mới biết trị nó đúng phép, chỉ một thẳng nài khiến dễ như chơi; trị nó chẳng nhằm, tùy ngàn người chế cũng không lại; việc trị dân nên coi đó làm gương".

Cho Trà Long, Nhân Vua lại làm tù trưởng Suất đội. Nguyên khi trước bọn Trà Long được tha về Tây Ninh sai phái, chúng nó thiết lòng làm tội. Đến bây giờ Triều đình lấy vì cơ Long cứ ở Tây Ninh, còn Nhân Vua cho về An Giang sai phái.

Tháng 5, cho Nguyễn Tri Phương bổ thọ Tổng đốc An Hà, Doãn Uẩn cải thọ Tuần phủ An Giang, Nguyễn Bá Nghi thăng thự Bổ chánh An Giang. (nguyên khi ấy Tổng đốc Nguyễn Công Nhòn, Tuần phủ Nguyễn Công Trứ, Bổ chánh Phùng Nghĩa Phương, Đề đốc Đoàn Tiêm Mật, Bổ chánh Lê Quốc Trinh đều bị tội bãi chức).

Cho Nguyễn Đăng Tuân thiết thọ Hiệp tá đại học sĩ và cho tại quán ăn nửa bổng.

Khi trước Trấn Tây khởi loạn, tên Rum đem quân Xiêm tới chiếm giữ đất Cao Man, người Cao Man ghét quân Xiêm bạo ngược; có chức An phủ xứ Tuy Lạp là tên Bang không chịu theo Xiêm, đem dân vào rừng ở. Đến tháng 6 năm nay, nó lén sai tên Thổ mục đem hàng hóa tới buôn bán, tỏ ý muốn trở về nước cũ. Cao Hữu Dực đem việc ấy tâu lên, Ngài dụ Nguyễn Tri Phương nên yên nuôi chúng nó.

Tháng 7, Phái viên đi chiếc tàu Phấn Bông là Tham tri Đào Tri Phú từ nước Tây về, dâng một chiếc tàu hỏa giá 230.000 quan tiền, gọi là Điện phu hỏa cơ đại thuyền. Ngài ngự cửa Thuận An, thấy tàu ấy máy chạy mau mắn, qua lại như bay; Ngài ban khen, truyền các qua thị thần rằng: "Đời xưa nói rằng vua Hoàng đế mới chế ra tàu thuyền, cũng có người nói từ ông Bá Ích, phân vân không nhất định; lại xem trong sử Tây Tuần có phép vua Hiếu Võ đời Tống qua cửa biển Lục Hiệp, tàu rồng tàu phụng cả thầy 3.045 chiếc; tàu thuyền nhiều, dẫu đến Hạ, Thương, Châu xưa và Đông Kinh, Tây Kinh cũng không sánh bằng. Xưa nay lại có khen tàu nước Lương, thuyền nước Ngô đi trên mặt nước rất hay. Nay xem

¹ 4 huyện là Tương Dương, Vĩnh Hòa, Kỳ Sơn, Hội Nguyên.

một bộ máy chiếc tàu hỏa này rất khéo, không cần buồm gió mànhgựa chạy thua xa, tuy người đời xưa khéo mấy cũng không bì kịp".

Tháng 8, mới đặt tên các tổng trong mấy châu thuộc tỉnh Hưng Hóa, mỗi tổng đặt chức Tổng mục.

Ngoài Bắc Kỳ mưa mấy ngày luôn, nước sông Nhị Hà cao lên hơn 10 thước, huyện Giao Thủy và huyện Tiền Hải bị nước ngập, dân chết đuối rất nhiều.

Cái kênh ở cửa biển Lân thuộc tỉnh Nam Định mới khai ra. (Nguyên kênh ấy trước là sông nhỏ, nước từ sông Ba Lạt chảy xuống; nhưng vì cát ngày càng bồi cạn, đến bây giờ nước mưa xoai thành sâu, thuyền ghe ra vào tiện lắm).

Tháng 9, ngày Quý Dậu, Kinh thành gió mưa to lắm, (khởi từ tây bắc chuyển qua đông bắc). Cột cờ trước cửa Ngọ Môn gãy, đất bằng nước sâu hơn 10 thước, sở công nhà tư và ghe thuyền phần nhiều bị đổ nát và chìm úp, dân phủ Thừa Thiên chết đuối hơn 1.000 người. Cũng một ngày ấy, tỉnh Quảng Trị nước lên 16 thước, dân chết đuối cũng nhiều. Ngài sai quan chẩn thại và xuống chiếu cầu lời nói trực.

Tổng đốc An Hà Nguyễn Tri Phương và Tuần phủ An Giang Doãn Uẩn điều trần 3 việc:

1. Xin lược bớt các điều lệ thanh tra. 2. Xin tước trừ ngạch hư trước trong sổ bộ dân. 3. Xin tha các hạng thuế thiếu lâu nay.

Ngài ban rằng: "Sang năm tới lễ khánh tiết, lời tau đó đợi tới dịp ấy sẽ cho thi hành".

Tháng 10, khiến các văn võ đại thần bàn việc biên tình thành Trấn Tây.

Tháng 11, định lại lệ "cho thuê cho mượn công điền công thổ" (cứ theo như lệ triều Gia Long).

Mở mỏ vàng Phúc Vượng huyện Văn Quan tỉnh Lạng Sơn. (Mỗi năm lấy thuế 6 lượng kim sa).

Tháng 12, Hiệp tá đại học sĩ hưu trí Nguyễn Đăng Tuấn mất !.

Định lại ngạch thuế các cửa ải và các bến tàu. Bởi vì Ngự sử Võ Trọng Bình, Nguyễn Cư Sĩ tâu rằng: "từ tỉnh Hà Tĩnh trở ra các tỉnh ngoài Bắc, lâu nay thuế các cửa ải cứ mỗi năm ai đấu giá cao hơn thời cho lãnh trưng, vậy nên đua nhau lo lót, rồi thời trái phép đánh thuế cho nặng, rất là bệnh dân. Xin sắc cho bộ Hộ chiếu theo mấy năm trước già nào trưng bình thời lập thành lệ nhất định; còn như nghị định mỗi năm đấu giá thời xin đình bãi". Ngài giao đình thần hội nghị, đình thần đều xin y vậy thi hành, nhưng ai lãnh mãi phải theo y giá, nếu không thời giao thỉnh sở tại phái thuộc trưng thu.

Năm Ất Tỵ thứ V (1845) tháng giêng, Ngài ngự điện Đông Các, đòi đình thần vào chầu, cho ngồi, ban trà. Ngài ngự viết 4 chữ: "Trung, Cần, Phúc, Thọ" cho coi, rồi sắc xuống khắc in ban cấp, Ngài lại sai quan Thượng thư bộ Lễ là Nguyễn Trung Mậu tuyên đọc bài thơ ngự chế "Nguyên đán kỷ thắng". Trong bài thơ có câu rằng: Lộ bất thập di y thực túc; gia vô bế hộ quản huyện dinh. Nghĩa là: của rớt chẳng màng, cơm áo đủ; cửa ngoài không đóng sáo đờn vang. Ngài ban rằng: "nay trong yên ngoài lặng, mấy lâu chốn Kinh kỳ văn phong rất thịnh, con em nhà nào cũng theo đòi việc học, tiếng đờn tiếng sách dẫn ngoài giao giá cũng nghe rõ rõ văn học ngày càng tấn tới".

Tháng 2, định lại phẩm phục các quan văn võ: mũ, đai, hoặc bằng vàng, bằng bạc, bông lớn, bông nhỏ khác nhau. Áo xiêm, hoặc thêu tứ linh, hoặc hình con giao, hoặc các thứ bông; chất dùng đoạn hoặc trù; sắc dùng đỏ hoặc tía khác nhau. Hốt thời tam phẩm trở lên dùng hốt ngà, tứ phẩm trở xuống dùng hốt gỗ thếp bạc.

Tháng 3, khiến hỏi tìm con cháu họ Mạc. Bởi vì Đại học sĩ Trương Đăng Quế tâu rằng: "khi trước mở mang tỉnh Hà Tiên, công Mạc Thiên Tứ rất nhiều; xin nên lục dụng con cháu học Mạc". Ngài khiến xét hỏi con cháu Mạc Thiên Tứ có tên nào dùng đặt không? Lãnh Tuần phủ Hà Tiên Nguyễn Lương Nhòn cử tên Mạc Văn Phong là cháu chánh phái Mạc Thiên Tứ. Ngài cho Aám thọ Chánh thất phẩm đội trưởng tòng tỉnh sai phái.

Cấm chỉ sở buôn bán tại Tây Ninh. (Bởi vì khi ấy người Mọi sanh sự khởi hấn, cho nên cấm).

Thự tuyên phủ sứ xứ Tây Ninh là Cao Hữu Dực tâu rằng: "chiêu mộ được dân bao nhiêu, xin chia lập làng, ấp, để cấp cho trâu bò, cày, bừa đốc sứ chúng nó ra công khai khẩn, để cho vững chốn biên cương". Ngài cho.

Tháng 4, Đề đốc ở quân thứ Tuyên Quang Nguyễn Văn Đức triệt binh về; rồi bị đau mất ! (Đức vì tội thiện tiện rút quân về, phải cách chức).

Tháng 5, Ngài ngự lễ cày ruộng tịch điền. Lễ xong rồi, Ngài ngự nhà Chỉ Thiện. Bộ Lễ dẫn người con hiếu ở tỉnh Phú Yên là Nguyễn Văn Thiệu vào chiêm bái. Ngài khen rằng: "Cha tên Thiệu là tên Tự xưa có tiếng hiếu, nay con lại nối theo chữ hiếu, một nhà nối tốt, nhà khác khó tày; Triều đình dạy hiếu làm trung, cốt để sửa nhơn tâm chánh phong tục; không nên cho nó là một tên dân mà bỏ qua đi". Bèn ban thưởng tiền bạc và áo sa, cho về.

Xét dùng những con cháu các người trung hưng công thần và các người tiết nghĩa.

Tháng 6, sai đại thần là Võ Văn Giai đi kinh lược trong Nam kỳ. Nguyên khi trước quan Tổng đốc An Hà Nguyễn Tri Phương và Tuần phủ Doãn Uẩn có tâu việc ở Trấn Tây, xin phái đại thần tới đó xử trí trước. Đến bây giờ các tên Thổ mục Chân Lạp đưa thời tới cầu cứu, đưa thời đem cả gia quyến tới xin ở nước mình. Ngài nghĩ rằng cơ hội có thể làm được, rồi sai quan Hậu quân đô thống kiêm quản kỳ võ dinh Võ Văn Giai cứ nguyên hàm mà quyền lãnh Tổng đốc Định Biên, Thượng thư bộ Công Tôn Thất Bạch cải bổ Thượng thư bộ Binh quyền lãnh Tuần phủ Gia Định, Tổng đốc Định Biên cũ là Lê Văn Phú cải bổ Đề đốc Gia Định, nhưng phải hội đồng với Võ Văn Giai, Tôn Thất Bạch thương thỏa việc trong tỉnh. Bọn Văn Giai vào châu xin đi, Ngài truyền rằng: "Gia Định, Biên Hòa là hai tỉnh lớn trong Nam Kỳ, phủ ngự Xiêm La Chân Lạp là việc rất quan hệ; các người nếu có trù nghĩ sắp đặt việc gì, nên một lòng thương thỏa với nhau rồi sau sẽ làm. Cốt là trong dân có yên thời ngoài giặc mới phục; vậy các người phải lấy việc vỗ yên chúng dân làm trước".

Tuần phủ An Giang Doãn Uẩn và Đề đốc Nguyễn Văn Hoàng phân đạo đánh giặc Chân Lạp; giặc bỏ đồn chạy. Nghe báo tiếp, Ngài xuống dụ ban thưởng. Lại truyền dụ Võ Văn Giai, Tôn Thất Bạch, Tôn Thất Nghị rằng: "Bây giờ quân ta tới đánh, oai thanh rầm rộ, cơ hội có thể làm được. Các người phải lập tức kéo quân qua hội đồng với Nguyễn Tri Phương ở An Giang tùy cơ thương thỏa, vừa đánh giặc vừa yên dân, đừng để cho chúng nó dự bị được, rồi lại sanh ra một sự khó. Các người phải làm thế nào cho chắc được muôn phần, mau cáo thành công, dâng lãnh trọng thưởng".

Ngày Giáp Thìn, Ngài ngự chơi bờ biển, vừa rạng sáng, Ngài ngự kiệu lên chiếu lâu thuyền Thanh Yên, buổi sớm qua phá Hà Trung¹, ngự lên đỉnh núi Linh Thái² xem cửa biển Tư Hiền³ đến ngày mai ngự về.

Doãn Uẩn phá tan mọi Chân Lạp tại vùng Sách Nô. Mấy lâu quân ta tới đâu được đó, bây giờ lại nghe báo tiếp nữa, Ngài khen và ban thưởng. Lại dụ bọn Võ Văn Giai rằng: "nay giặc thường bị thua luôn, các người phải nên xét kỹ cơ nghi đốc thúc hai đạo quân, tùy thế đánh giặc yên dân, cho mau im lặng; rồi lại nên phân đạo kéo tới lấy thành Nam Vang dâng lập công lớn".

Mới đặt hai đội quân Bình Hải, Định Hải ở tỉnh Nam Định, để khiến khai khẩn những ruộng đất bỏ hoang và di lâu.

Tháng 7, Nguyễn Tri Phương và Tôn Thất Nghị tới quân thứ Ba Nam, sai người chiêu người Mọi, người Thổ. Chúng nó phần nhiều bị mấy tên đầu mục kiềm chế, nên không chịu ra. Giặc lại lập đồn đắp

¹ Tục truyền rằng: hơn 100 năm về trước, phá Hà Trung có 3 vị sóng thần: thuyền ghe qua đó, gặp sóng đều bị chìm cả.

² Linh Thái trước gọi là núi Hòa Vang, sau lại gọi là núi Quy Sơn và núi Hãn Môn.

³ Cửa biển Tư Hiền ở phía đông nam huyện Phú Lộc cách 41 dặm; đời Lý gọi là cửa Ô Long, đời Trần đổi là cửa Tư Dung; đời Mạc đổi là cửa Tư Khách; đến đời Lê đổi tên Tư Dung lại; lại có một tên gọi là cửa Ông, một tên gọi là cửa Bọn. Vua Thái Tôn, Thánh Tôn đời Lý và vua Anh Tôn đời Trần đi đánh Chiêm Thành, có đóng quân tại đó. Vua Thánh Tôn đời Lê đi đánh Chiêm Thành qua đó than rằng: "Tốt thay sông núi! Đời sau chắc có anh hùng giữ chỗ này". Đến năm thứ 1 triều Thiệu Trị, mới đổi tên là Tư Hiền. Cửa ấy rộng 8 trượng, khi thủy triều lên thời sâu 3 thước, khi thủy triều xuống thời chỉ sâu 2 thước; nước cạn thuyền lớn không vô được, vậy nên không lập đài thành, chỉ đặt một sở để binh ở canh giữ ngoài biển. Bên phía tây cửa ấy có lập sở Hành Cung ở trên núi Thúy Vân. Năm Minh Mạng thứ 6 có lập miếu thờ Thần cửa ấy.

lũy và giăng ngang giây sắt về phía thượng lưu vũng Ba Nam để giữ thành Nam Vang. Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn muốn phân đạo đánh gấp để cho dân Thổ hết lòng trông nom, rồi tư các quan Kinh phái đại thần thương nghị. Võ Văn Giải và Tôn Thất Bạch nghĩ rằng: bọn dân Thổ chưa hàng. Thời tới lấy thành Nam Vang e còn khó; liền đem việc ấy tâu lên. Ngài ban dụ khiến đem quân tới đánh. Rồi thời giặc Thổ lại tụ hội tại phía thượng lưu xứ Sách Sô, lập đồn giữ vững. Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn đem quân tới đó bắn chết hơn 10 tên giặc, giặc thua chạy; ta liền phá đồn, sai quân ở đó canh giữ.

Tuần phủ Hà Tiên là Nguyễn Lương Nhữn tâu có thám được tên đầu mục Chân Lạp là Nặc Ông Run tụ đảng khuấy rối đồn Vĩnh Điều và Tiên Mỹ. Ngài truyền dụ khiến đem quân tới đó thị oai và lùakhi bấy ý xông đột ra đánh, đừng nên làm bộ yếu ớt. Rồi giặc Mọi hơn 100 tên tới xâm nhiễu đồn Trường Lũy, quân ta đánh, chúng nó thua.

Tháng 8, Ngài truyền Nội các rằng: "theo lệ cũ, Hoàng Tôn từ 3 tuổi trở lên mới được ăn bổng. Nay Hoàng Trưởng tôn là Ứng Phước sanh ra vừa gặp khánh tiết đức Thái hoàng Thái hậu, ngũ đại đồng đăng nên ban ơn hậu, để tỏ điềm tốt lành nước nhà. Vậy cho gia ân Hoàng trưởng tôn Ứng Phước được chiếu lệ cấp bổng".

Khiển Hữu tư¹ chế đồ ký: khắc hiệu tàu và hạng tàu để cấp phát cho các tàu đồng và tàu máy làm tin. (Khi ấy tàu đồng đại hạng thời có hiệu: Bảo Long, Thái Loan, Kim Ứng, Linh Phụng, Phân bằng; nhứt hạng thời có hiệu: Vụ phi, Vân bằng, Thân giao, Tiên ly, Thọ hạc; nhị hạng thời có hiệu: Tinh dương, Bình dương, Định dương, Điem dương; tam hạng thời có hiệu: Thanh hải, Tinh hải, Bình hải, Định hải, An hải. Tàu máy thời có chiếc lớn hiệu Điện phi, chiếc trung hiệu Yên phi, chiếc nhỏ hiệu Vân phi. Sau có đóng thêm tàu nữa, cũng theo các ấy mà làm.

Các quan quân thứ ở Ba Nam là Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn đánh lấy đặng đồn Thiết Thăng, (đồn ấy giăng giây sắt). Thừa thắng lấy lại thành Trấn Tây. Khi trước mình đã lấy đặng thành Sách Sô, giặc chỉ cậy còn đồn Thiết Thăng liều mạng giữ đó. Các quan quân thứ bàn nên đánh cho gấp. Nguyễn Tri Phương và Tôn Thất Nghị đem 3.000 quân từ sông con kéo tới, Doãn Uẩn và Nguyễn Văn Hoàng đem 2.000 quân từ sông Tiên Giang kéo tới; đều đem theo các tên Thổ mục dẫn đường, chia quân tới thành Nam Vang, giặc đều bỏ thành ban đêm chạy trốn. Nghe báo tiếp, Ngài truyền các quan Đại thần rằng: "Lấy đặng không khó, giữ đặng là khó; các người phải nghĩ mưu kế cho trọn vẹn hồi sau". Đại học sĩ Trương Đăng Quế tâu rằng: "Bây giờ đất cũ chưa lấy lại hết; xin đợi khi nào việc đánh giặc yên rồi sẽ liệu". Ngài cho là phải.

Xét công các tướng lấy lại đặng thành Trấn Tây; ban thưởng từ Nguyễn Tri Phương trở xuống hoặc gia hàm, hoặc thăng thọ, hoặc thăng thự. Lại phát tiền bạc giao cho bọn Võ Văn Giải thân hành tới nơi quân thứ thường cấp và ban yến ủy lạo. Còn tướng sĩ có công trạng thời giao bộ Binh phân biệt nghĩ thưởng.

Ngài nghĩ rằng giặc Mọi đã bị thua, liền truyền dụ bọn Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn đem đại binh lập tức tới Vĩnh Long tùy cơ đuổi bắt. Lại sai Võ Văn Giải, Tôn Thất Bạch và Nguyễn Văn Hoàng đi khắp trong các xứ hiệu thị Thổ mục và Thổ dân nên đem nhau ra thú, hễ gặp người Xiêm thời bắt ngay giải nạp; còn việc nên sắp đặt thế nào là phải thời cho phép hội đồng trù nghị với nhau, rồi tâu lên Ngài xét. Được ít lâu, bọn Võ Văn Giải tâu xin lập con Nặc Yên là Nặc Ong Bướm làm vua Cao Man, nước mình phái binh phòng hộ; nhưng lấy xứ Vĩnh Long làm chỗ địa đầu, để quân ở lại giữ đó. Ngài giao xuống cho Đình thần hội bàn. Nhưng sau không thấy thi hành.

Kinh phái Đại thần là Võ Văn Giải, Tôn Thất Bạch đã tới thành Trấn Tây, liền thường ủy Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn hiệp với Chánh lãnh binh Hồ Đức Tú, Phó lãnh binh Nguyễn Công Nhữn kéo quân tới Vĩnh Long; còn Giải và Hoàng thời ở lại Trấn Tây để hiểu thị chiêu dụ. Được ít lâu, Thổ mục và Thổ dân đem nhau đầu thú hơn 23.000 người. Chúng nó đều nói: "vì bị quân Xiêm hiếp chế". Bọn Văn Giải cho chúng nó hàng. Việc tâu lên, Ngài ban rằng: "Triều đình dấy quân, chú ý để trừ đũa dữ, yên dân lành; cho nên việc dẹp giặc cứu dân, chỉ nên giết đũa cừu khô, còn những đũa bị hiếp theo thời không nỡ

¹ Hữu tư nghĩa là quan chuyên coi mỗi việc.

làm tội. Mấy tên Thổ mục Thổ dân đã ra hàng thú đó đều gia ân tha tội, phân tháp các nơi, đặng an sanh nghiệp".

Tháng 9, Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn đem quân tới Vĩnh Long. Giặc ở hai bên bờ sông, núp trong rừng bắn ra, quân ta không kéo tới được. Nguyễn Tri Phương truyền quân bỏ thuyền lên bờ mà đánh, giặc tan hết, lui về giữ thành Ô Đông (Oudong). Việc ấy tâu lên, Ngài dụ khiến các quan quân thứ đều nên hết lòng gắng sức đánh đuổi cho gấp, làm sao bắt cho hết bọn tướng Xiêm là Chắt Tri và đầu mục Cao Man Ong-Run cho đặng thành công.

Ngài ngự chế 4 bài châm "Kính thiên, Pháp tổ, Cẩn chánh, Ài dân". Nghĩa là: kính trời, bắt chước Liệt thánh, siêng chăm chánh sự, thương yêu chúng dân. Ngài đòi các Đại thần vào chầu, cho ngồi; truyền Lâm Duy Thiệp tuyên đọc bốn bài châm ấy. Rồi Ngài ban rằng: "đó là bốn việc rất lớn về đạo làm vua; ta từ mai tới xế và tới nửa đêm, siêng năm lo sợ, cũng chỉ có bốn việc ấy mà thôi".

Nước Anh Cát Lợi khiến sứ qua tạ ân¹. Ngài ban chiếu thơ đáp lại rất tử tế.

Cho tên Nặc Ong Bướm làm chức Tuyên phủ sứ. Bởi vì tên Bướm theo quân Triều đi chiêu dụ có công, các quan quân thứ tâu lên; cho nên được phong chức ấy.

Quân mình vây thành Ô Đông rất nguy cấp. Tướng Xiêm là Chắt Tri hai ba lần sai người đem thư xin hòa. Các quan quân thứ là bọn Võ Văn Giai đem việc tâu lên. Ngài truyền các Đại thần hội bàn việc ấy cho mau. Các Đại thần đều nói trước nên định ước nó đã, sau đó sẽ cho hòa. Ngài y theo. Bèn truyền dụ các quan quân thứ cứ theo vậy mà làm.

Tháng 10, cho quan Tổng đốc Định Biên là Lê Văn Phú làm chức Tổng thống tiễu bộ quân vụ và cho đem thuyền tốt binh mạnh lập tức qua tỉnh Vĩnh Long đánh giặc. Ấy là theo lời Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn tâu xin.

Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn tâu rằng: "dân Thổ thành Trấn Tây mới phục, xin chọn trong bọn Thổ biên Thổ mục chừng 20 người giỏi, cấp bằng cho làm chức Phủ úy và Huyện úy (6 phủ 14 huyện) để sai khiến chúng nó phủ dụ dân Thổ". Ngài cho.

Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn đánh được giặc Cao Man tại ngoài thành Ô Đông.

Khiến ngự Tổng đốc Long Tường Ngô Văn Giai qua thành Trấn Tây hội đồng với Tôn Thất Bạch tham tán việc quân cơ, thự Đề đốc Nguyễn Văn Hoàng qua Vĩnh Long hiệp đồng với Lê Văn Phú và Doãn Uẩn đốc binh đánh giặc. Lãnh binh Lê Đình Lý cũng lập tức tới quân thứ để chực sai phái.

Tháng 11, Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn với tướng Xiêm là Chắt Tri ước hoà tại Hội Quán. (Khi trước Chắt Tri đã sai người xin hòa, bây giờ lại xin hoãn binh, các quan quân thứ mới cho). Đến mai sau, tên Run sai người đem thư tới trước cửa quân xin thú tội; các quan nhận lời. Ngài nghe việc ấy, ban rằng: "tên Chắt Tri giúp Cao Man làm điều bạo ngược, thường bị quân mình đánh thua; bây giờ sức đuối kể cùng, bắt buộc phải xin hòa, còn có tên Rum nay đã trối mình thú tội, nên tha cho nó". Rồi sau tên Run và mấy tên Thổ mục đều được tha tội.

Bọn Nguyễn Tri Phương ở Vĩnh Long tâu rằng: "tên Chắt Tri đã chịu triệt đồn lui quân, nay hai bên đều cho quân nghỉ". Bọn Tôn Thất Bạch ở Trấn Tây tâu rằng: "có hơn 2.000 giặc Thổ khuấy rối đồn Ba My; người quản đồn đánh liều bị chết, quân lính nhiều tên bị thương". Ngài sai trách hỏi Cao Man. Chúng nó lấy đều chưa kịp báo cáo khắp, thưa lại: Triều đình cũng bỏ qua không hỏi nữa. Rồi Ngài truyền Nguyễn Tri Phương lui quân về Trấn Tây, để xem chúng nó động tĩnh thế nào. (Ngô Văn Giai về An Giang, Tôn Thất Bạch về Gia Định). Ngài lại truyền dụ phải trừ nghĩ việc nên xử trí thế nào tâu lên Ngài xét.

Tháng 12, Đề đốc Vĩnh Long, Tán lý quân vụ, Long Bình nam là Tôn Thất Nghị mất ! Tặng hàm đô thống, truy phong Long bình tử.

¹ Bởi vì năm ngoái tàu nước Anh gặp gió bão, trôi vào cửa biển Bình Thuận nước mình sai quân đưa về, cho nên bây giờ qua tạ ơn.

Định lại lệ "thường phạt về việc khẩn điền trong Nam Kỳ": (quan Tỉnh, Phủ, Huyện, Chánh, Phó tổng, Lý trưởng, ai khai khẩn thêm, thời được thưởng, nếu đã khẩn mà lại bỏ hoang, thời bị phạt; nhưng cách thưởng phạt nhẹ nặng phải đối chiếu theo số mẫu phân thành mà nghĩ định).

Năm Bính Ngọ thứ IV (1846) tháng giêng, gặp tiết Nguyên Tiêu, ngự chơi vườn Cơ Hạ. Nguyên trước Hoàng tử có dâng biểu xin Ngài ngự chơi tết dâng làm lễ chúc thọ. Ngài ban rằng: "Ta đương sức mạnh, chánh lá lúc thức khuya dậy sớm chăm lo, dầu đến bữa ăn cũng không thông thả; lễ nào bắt chước đời Đàng đời Tống xưa, làm bình núi ngao, làm cây treo đèn, để chúc thọ sao? Nhưng nghĩ rằng châu nuôi vui cười là đạo con hiếu thờ thân; và lại bây giờ trong ngoài yên lặng, chánh sự đơn giản, theo lời Hoàng tử xin, cũng không hại gì".

Triệt lính đóng các đồn bên bờ sông tỉnh Vĩnh Long về sở quân thứ Trấn Tây. Nguyên khi trước Chắt Tri cầu hòa, nó có chạy giặc về tâu vua nước nó; đến bây giờ nước nó đưa thư biểu nó phải tính liệu thế nào cho mẹ, con, vợ, cháu tên Nặc Ông Run được một nhà đoàn tụ, để mau rút quân về Xiêm. Chắt Tri sai người tới xin việc ấy. Bọn Võ Văn Giải tâu rằng: "Chắt Tri bị thua tại đồn Thiết Thăng, thế cùng sức đuối, kêu cầu xin hòa; đã mấy phen qua lại nói năng, chắc lòng nó cũng đã là chơn thành. Và lại quân ta đóng tại bờ sông đó cũng không phải là chỗ ở lâu đặng. Vậy xin triệt quân thứ Vĩnh Long về đóng tại thành Trấn Tây đặng xem tình thế; nhưng để Lãn binh An Giang là Lê Đình Lý, thự Phó lãnh binh Lê Viên quản đốc quân lính ở đó trấn áp. Lại xin tha mẹ tên Run về, để cho nó đem đức ý Triều đình báo cáo với nhau; còn vợ và cháu tên Run bãi đợi khi nào Chắt Tri về Xiêm rồi sẽ tha, để cho Chắt Tri không có thể làm ơn riêng nó. Nếu Cao Man oán Xiêm bạo ngược, vui mình khoan dung, thời nó sẽ bỏ Xiêm mà Xiêm giận nó; đến lúc ấy ta muốn khiến nó làm sao cũng đặng. Chúng tôi trộm nghĩ như vậy cũng là một mưu nghĩ sự binh cách mà yên lặng được lâu". Ngài phê "cho". Được ít lâu, Ông Run sai 5 tên quan Cao Man thay mặt tới quân thứ tạ ơn. Võ Văn Giải tha mẹ Ông Run tên là Đột cho về Cao Man và dâng sớ xin chịu tội thiên tiện. Ngài truyền dụ rằng: "Cứ các người tâu rằng tên Ông Run thấy mẹ nó chưa được tha về, nó sợ hãi lắm; thời các người làm vậy cũng không hại gì, để xem ý hướng nó thế nào cũng đặng. Chỉ có tình giặc khó lường. Mà chức trách các người giữ một phương diện là rất nặng; nên thường thường phòng bị thêm; nếu ngày sau nó sanh ra việc gì nữa, các người cũng nên biết trước chế ngự cho mau và cú thiết tâu lên, Triều đình sẽ có cách xử trí. Các người phải kính tuân điều ấy".

Khiến bộ Lễ chúc nghĩ lập miếu Hiền Lương và miếu Trung Nghĩa¹ (hai miếu ấy đến triều Tự Đức năm đầu mới tuân chỉ lập ra).

Truyền khắp hầu ngự chơi vườn Cơ Hạ, đòi các Hoàng thân và quan văn vào chầu thưởng bông mẩu đơn làm thơ tức cảnh. Ngài ban rằng: "nay làm thơ ứng chế² cả thầy 18 người, vừa đúng số 18 học sĩ đời nhà Đàng, được lên cũi Dĩnh Châu³. Ngài vui lòng, làm bài thơ có câu: "tán trị thần lân sum hội thương, nặng thi tử đệ bán diên trung", nghĩa là: thần lân giúp trị vầy trong việc, tử đệ hay thơ choán nửa giòng. Rồi Ngài ban cho mỗi người bút, giấy, mực và nghiên. Ngài lại truyền Nội các rằng: "Ta nay tuổi thọ bốn mươi, tháng năm gặp lễ Vạn thọ, mà năm nay lại thêm tháng năm nhuận nữa; nên chi ta lúc rảnh việc có nghĩ đặng câu rằng: "thụy ứng giai niên, trùng ngũ nhật, tăng trùng ngũ nguyệt; tường trung thọ đán, bát thiên xuân hựu bát thiên thu" nghĩa là: năm tốt ứng điềm hay, ngày trùng ngũ, tháng thêm trùng ngũ; phúc lành được tuổi thọ, xuân tám ngàn, thu lại tám ngàn. Lại có câu rằng: "kiết thái trưng đặng, phi tại nhứt nhưn chi dật lạc; hành khánh thi huệ, phổ triêm vạn tính chi thừa hựu kết đèn treo, chẳng phải một mình sung sướng. Ôn ban phúc xuống, muốn cùng muôn họ vui vầy. Rồi Ngài truyền lục các bài ấy ra, khiến Thị thần tuyên đọc. Đình thần đều lạ mừng.

Quan Quân thứ thành Trấn Tây là bọn Võ Giải dâng sớ tâu rằng: "hiện bây giờ thành Trấn Tây không có việc gì; chỉ có hai tỉnh An Giang và Hà Tiên báo có một vài trăm giặc Thổ kéo tới lũy dài sông Vĩnh Tế; quân ta giữ lũy chống cự, giặc liền kéo đi. Và chẳng tình giặc khó lường, chúng tôi đã trích 4 vệ lính thú cho về An Giang để làm thanh thế cứu viện". Ngài xuống dụ trách quở.

¹ Hiền Lương là miếu thờ các quan giúp vua trị nước có danh tiếng. Trung Nghĩa là miếu thờ các quan tử tiết.

² Ứng chế là vâng mạng vua mà làm văn chương.

³ Lên cũi Dĩnh Châu nghĩa là lên cũi trên. Đời Đàng xưa, 18 người quan văn được lựa vào chầu phủ Thiên Sách, người ta cho là vinh hiển cũng như lên cũi tiên vậy

Thượng thư bộ Lễ Nguyễn Trung Mậu mất ! Mậu người Nghệ An; làm quan hơn 40 năm, thanh thận giữ mình, quen thuộc việc lễ. Khi mất, tặng Hiệp tá đại học sĩ.

Ngài sắc xuống Nội các khiến thợ in Võ kinh¹ 45 bộ đặt ban phát cho các viên chức trong mầy Cơ, Đội, Dinh, Vệ ở Kinh và ngoài các tỉnh học tập. Bởi vì khi ấy bàn định lập khoa thi võ, cho nên Ngài xuống sắc ấy.

Tháng 3, Mỹ Lâm Quận chúa ở Trấn Tây là Ngọc Vân xin phép cho các quan Cao Man tới Kinh bái khánh. Ngài cho.

Tháng 4, hai nước Thủy Xá và Hỏa Xá khiến sứ tới cống, lại dâng đồ phẩm nghi làm lễ khánh hạ.

Lãnh tuần phủ Hà Tiên Nguyễn Lương Nhữ vào châu. Ngài ban hỏi rằng: "tên Chắt Tri còn ở O Đông là có sao vậy? - Nhữ trả rằng: nguyên trước Chắt Tri tới giúp Cao Man, thường bị quân mình đánh thua, khí giới mất hết, cho nên dùng dằng chưa về, là muốn bắt Cao Man đền bồi binh phí mà thôi; lâu nay hòa nghị chưa xong cũng vì có ấy. - Ngài ban rằng: lời người tâu cũng đúng như ý ta nghĩ".

Tháng 5, ngày Giáp Tý, rước đức Thái hoàng Thái hậu ngự trên Thái Lâu, tấu đủ các thứ âm nhạc. Đến ngày mai là ngày Ất Sửu, Ngài ngự đến Thái Hòa, Hoàng tử Hoàng thân, các quan trong Kinh và các tỉnh. Thổ ty các hạt, Sứ thần các thuộc quốc, người Quý Hương, người Thích Lý, đều dâng biểu chúc mừng. Truyền đọc ân chiếu trước cửa Ngọ Môn cả thảy 30 điều. Ngày Bính Dần ban yến tại đền Cồn Chánh; lại cho mầy người kỳ lão trong sáu huyện Thừa Thiên uống rượu 3 ngày.

Tháng 5 nhuận, bộ Hộ tâu lên: năm nay Thừa Thiên, Quảng Trị, Thanh Hóa, Ninh Bình, Bắc Ninh, Nam Định, Hải Dương, Quảng Yên, Thái Nguyên, Hưng Hóa, lúa mùa hạ mười phần an, Hà Tĩnh, Hà Nội, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, mười phần được đến tám, chín. Ngài thấy tâu, vui lòng ! Bèn ngự chế bài thơ để ghi việc ấy; có câu rằng: "Cửu quận giai trung nẫm, thập châu cánh thượng phong", nghĩa là: chính quận mùa hơi khá, mười châu lúa được nhiều.

Nghệ An và Hà Tĩnh bão lụt lớn: nhà cửa đổ nát, thuyền ghe chìm đắm. Truyền phát tiền gạo chẩn cấp cho dân.

Ngày Ất Vị, gặp lễ Trùng Khánh² Ngài ngự đến Cồn Chánh, các quan lạy mừng.

Truyền dụ các quan quân thứ thành Trấn Tây là bọn Võ Văn Giải rằng: "Tướng giặc Chắt Tri khi trước thấy người Cao Man thường tới buôn bán với ta, sợ ta được lòng Cao Man; nên nó xui dục Cao Man bắt người nước ta, đánh đồn bảo ta, ra vào dòm ngó, làm cho ta giận Cao Man; đó là mẹo khôn quyet của Chắt Tri. Các người nên nghĩ cho kỹ".

Tháng 6, Tuần phủ Biên Hòa là Hà Thúc Lương tâu rằng: "Lúc triều Minh Mạng, có 66 xóm mọi, số đinh 519 tên, tình nguyện xin theo về ngạch dân mình. Tinh thần trước đã phụng chỉ chia làng đặt tổng, hiện được 4 tổng, 48 xã thôn; xin đặt làm huyện Phước Bình; lại xin trích 16 xã thôn ở tổng Chánh Mỹ Hạ (thuộc về Huyện Phước Chánh) phụ vào đó; thuế thân dân Mọi 4 tổng ấy thời xin từ năm sau trở đi chiếu theo lệ dân Hán mà thu; còn ngạch thuế nó nạp lâu nay thời xin tha hết; ruộng đất xin đợi đủ 6 năm, khám đạc rồi, mới đánh thuế; ngạch lính xin triển hoãn 10 năm rồi mới chiếu lệ bắt điền. Nay đã tới kỳ khám đạc, tôi khám ruộng đất hiện được hơn 40 mẫu, xin chiếu theo số đó đánh thuế; đợi khi nào người sanh trưởng thêm, ruộng khai khẩn thêm; sẽ từng thiết biên vào sổ thuế". Ngài cho.

Ngài truyền Cơ mật và Nội các rằng: "Chánh sự Triều đình nên có phép nhứt định. Nay làm bộ Hộ điển, công phu khảo cứu vẫn cũng thiết phiền; nhưng bộ ấy làm rồi, thời phép lớn phép nhỏ phân binh, gặp việc theo đó mà làm, thiết ích lợi về việc chánh trị lắm. Các người phải cứu hết thảy những chánh lệnh từ năm đầu triều Gia Long đến bây giờ, việc gì đã phụng chỉ thi hành nhứt nhứt chia từng loài biên thành sách. Lại phải định lập trình hạn thưởng phạt, cho rõ người nhắc kẻ siêng".

¹ Võ kinh là sách dạy nghề võ.

² Trùng Khánh nghĩa là: mừng hai lần. Bởi vì ngày lễ Vạn Thọ về tháng 5 trước; đến tháng 5 nhuận lại lập ngày lễ nữa, cho nên gọi là lễ Trùng Khánh.

Tháng 7, mới mở mỏ vàng Hội Hoan tại tỉnh Lạng Sơn.

Mới mở trường thi Võ tại Kinh thành.

Tháng 8, thự Hiệp tá đại học sĩ lãnh Tổng đốc Hà Ninh Tôn Thất Lương mất ! Ngài thương tiếc lắm, cho thiết thọ Hiệp tá và cho Lương sẽ được dự tên trong miếu Hiền Lương.

Tháng 9, mới đặt chức Tấn thủ tấn Đại Giang và tấn Hiệp Phố¹ thuộc về tỉnh Hà Tiên, mà giám sở Tân Thú ở Giang Thành. Nguyên Hà Thiên có 5 cửa biển; thuộc về huyện Kiên Giang 2 cửa; cửa Cái Lớn và cửa Cái Bé; thuộc về huyện Long Xuyên 3 cửa: cửa Thông Đàm, cửa Cự Môn và cửa Bái Đáp. Các thuyền mành hay ra vào mấy cửa ấy. Khi trước nguyên lập 3 nơi tấn thủ: Nghi Giang, Trấn Di và Giang Thành. Đến bây giờ quan tỉnh là Phan Tùng xin đặt 1 chức Tấn thủ tại huyện Kiên Giang và huyện Long Xuyên: Tấn thủ Đại Giang (Cái Lớn) thời kiêm coi cửa Tiểu Giang (Cái Bé); Tấn thủ Hiệp Phố thời kiêm coi cửa Cự Môn; còn Tấn thủ Nghi Giang kiêm coi cửa Thông Đàm; đến như sở Tấn thủ Giang Thành cũ thời bây giờ đã có Tấn Thủ Trấn Di cũng đủ tra xét, vậy xin giảm bớt sở Giang Thành. Ngài cho.

Tháng 10, tướng cướp là Trương Trinh bị giết².

Tháng 11, bọn Võ Văn Giải tâu: "chúng tôi đã sai người tới thành Ô Đông, đem chuyện phân thiết³ nói cho Ông Run và Chắt Tri hiểu; mà Chắt Tri còn cứ kêu xin cho mấy tên cháu Ông Run được sum họp một nhà". Ngài truyền dụ rằng: "Chắt Tri vốn là một thằng xảo trá, bụng nó khó lường; việc xin hòa đã hơn một năm, nó cứ thường thường bày việc kêu nài, quân thứ đem việc tâu lên, Triều đình thương đến binh dân, đã chiều theo lời nó. Nay nó lại than vãn cố xin cho đặt một nhà Ông Run sum họp, qua lại nói năng, rày lẫn mai lừa, là có ý đợi dịp gió thuận nước êm để sanh sự, tình nó thiệt, dối, cũng chưa biết được. Còn như việc chia đất lập châu huyện, nó có kiếm điều kêu xin chi nữa, các người nhút thiết đừng nghe; nếu chiều theo lời nó xin, thời mai sau dẫu đánh dẫu hòa, chẳng khỏi thêm phiền một lần tru nghĩ nữa".

Võ Văn Giải tính đã đến kỳ nước Xiêm xin hòa⁴, liền sai người qua Hải Tây hỏi nó, để xem ý làm sao. Chắt Tri trả lời: nó đã tọc thơ về Xiêm, chừng trong một tháng, không dám sai hẹn. Bọn Võ Văn Giải còn chưa tin, rồi tâu rằng: "nếu nó sai hẹn, chúng tôi xin đến tháng sau chia đạo đem hết quân sĩ, thẳng tới đánh thành Ô Đông, để yên bờ cõi". Ngài khen lời tâu khẳng khái. Chắt Tri nghĩ rằng đã hết hạn một tháng, sợ nói không thiệt, sai một tên đầu mục nước Xiêm, 3 tên đầu mục Cao Man, tới xin các quan quân thứ kiểm xét trước, và xin sai Thổ mục tới Kinh xưng thần dâng đồ cống; còn xin nạp lại. Bọn Võ Văn Giải nghĩ rằng trước nó đã xin trước hãy dâng đồ cống, rồi sau sẽ trả lại dân mình, nếu y lời nó xin, cũng không hại gì. Đem việc tâu lên. Ngài cho là phải.

Định lệ "đình gian" cho các quan lại có làm con thừa tự người khác: (hễ các quan viên có ai làm con thừa tự người khác, gặp tang cha mẹ nuôi hay là tang cha mẹ sanh, nhứt phẩm được về 6 tháng trị tang; nhị phẩm 5 tháng, tam phẩm 3 tháng, tứ ngũ phẩm đến quan văn lục thất phẩm và Hành tẩu, Hậu bổ đều được về 2 tháng; Đốc học, và Giáo, Huấn đều được về 6 tháng; còn như văn tử bát phẩm, võ tử lục phẩm trở xuống, đều được về 1 tháng).

Tháng 12, vua Cao Man là Nặc Ông Run sai bầy tôi đem bài biểu và đồ phẩm nghi, tới quân thứ Trấn Tây, xin dâng biểu về Kinh xưng nạp thần cống. Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương dịch bài biểu dâng lên, Ngài truyền cho.

Bộ Hộ tâu rằng: "Cửa ải, bến tàu, thuế khóa quan hệ tại đó. Lâu nay ở ngoài Bắc Kỳ thuế ấy định theo giá hàng hóa; trong Nam Kỳ thuế ấy chiếu theo số thuyền bè. Chỉ có từ Thừa Thiên trở vô Biên Hòa, trở ra tới Quảng Bình, những sở Tuần Ti lập tại nguyên đầu; đánh thuế không có định lệ. Nay bộ tôi

¹ Tấn Đại Giang nguyên gọi là cửa Cái Lớn, thuộc về huyện Kiên Giang; Tấn Hiệp Phố nguyên gọi là cửa Bái Đáp, thuộc về huyện Long Xuyên.

² Trương Trinh đã nhiều phen chống cự quân Triều, nay mới bắt được chánh pháp.

³ Phân thiết là chia đất Cao Man đặt thành châu huyện.

⁴ Chắt Tri hẹn đến tháng 11, xin trả những người mình mà nó đã lừa bắt và xin sai người tới dâng đồ cống.

xét các tỉnh nguyên đầu trong năm tỉnh: Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định, Khánh Hòa hoặc cứ mấy tên lãnh trưng xuất đồ hàng hóa bán mà nạp, hoặc cứ dân Mọi chiếu theo thuế lệ nguyên chịu mà nạp, vẫn không đánh thuế như các chỗ khác. Vậy 5 tỉnh ấy xin cứ theo lệ cũ. Còn mấy sở đồn tuần các nơi nguyên đầu trong 5 tỉnh: Thừa Thiên, Quảng Trị, Bình Thuận, Phú Yên, Biên Hòa thời xin hể thấy khách buôn từ nguyên đầu chở hàng hóa xuống đi qua sở tuần, trừ chở gạo và các vật tầm thương tha khỏi chịu thuế, còn chở các đồ hàng hóa trên Mọi và sản vật trên rừng, thời xin trong mỗi vật chia làm 10 phần, thu thuế một phần; nếu ai muốn nạp tiền cũng cho. Còn các hàng hóa ở dưới hạ lưu mà chở lên nguyên đầu, xin tha khỏi thuế, để tỏ phép nhứt định". Ngài cho.

Năm Ất Vị thứ VII (1847), tháng giêng, Ngài ngự đền Văn Minh; các quan đồ các phục vào lạy. Lễ xong rồi, Ngài tùy bậc ban thưởng. Ngày ấy phủ Thừa Thiên tâu lúa má xanh tốt, Quảng Bình và Quảng Trị tâu dân gian ninh thiếp. Ngài ban rằng: "lúa là vật quý nuôi người, dân là cội gốc nhà nước; đầu năm tiếp phước, tốt gì lại hơn ! Được một hồi, tỉnh Gia Định tâu rằng: năm ngoài trong tỉnh ấy 4 phủ, 9 huyện đều được mùa, so với mấy năm khác lúa được xấp hai, xưa nay chưa có năm nào được mùa như vậy". Ngài xem lời tâu vui lòng, dạy bộ Hộ rằng: "Nam Kỳ khổ việc giặc giã đã lâu, 4,5 năm nay giá gạo cao lắm. Nay được tin tốt, coi một tỉnh ấy cũng đủ biết mấy tỉnh khác. Ta rất mừng cho dân xứ ấy!".

Cho Nguyễn Cửu Trường, làm Bố chánh Hà Nội. (Cửu Trường nguyên thụ Tả thị lang bộ Lại, Sung tá Các vụ). Ngài ban dụ rằng: "người làm quan đã lâu, mà chưa bỏ ra ngoài. Nay ta cho ra tỉnh ấy là xứ tiền của tụ hội, bốn phương ai cũng trông vào. Người là thanh giá đại khoa, lại là quan Nội các bổ ra trị tỉnh lớn. Phải nên gắng, không những chẳng phụ lòng ta ủy dụng, mà cũng không thẹn với khoa danh. Nếu được như vậy chẳng tốt lắm sao ! (Cửu Trường sau lại đổi về Thị lang bộ Hộ, sung tá Các vụ).

Khiến đình thần xét bàn về việc các đảng sông ngoài Bắc Kỳ. Nguyên khi ấy quyền Tổng đốc Hà Ninh là Nguyễn Đăng Giai dâng sớ xin bỏ đảng đê tiện hơn. Ngài giao đình nghị, rồi không thấy thi hành.

Tháng 2, Ngài ngự đền Cần Chánh. Sứ Cao Man vào làm lễ triều cống.

Ngài truyền Cơ mật đại thần rằng: "Phản phúc không thường là thói quân Mọi, thiệt hư không định là chức dùng binh. Cho nên xa ngàn dặm khó nổi liệu lường, dầu trăm nghe không bằng một thấy. Vậy thời mưu phải cho tròn, hỏi phải cho kỹ mới đặt. Nhon bây giờ hiện có sứ Cao Man ở đây, thời tình hình Xiêm La và Cao Man các người phải nên tùy sự đặt câu hỏi cho rõ hết thiệt trạng. Như hỏi mấy câu này: tên Ong Run phản anh bỏ nước trốn qua Xiêm, bây giờ trở về mà người trong nước phục lòng, ấy quả thiệt tình phục chẳng? Hay là sợ Xiêm La bạo ngược mà phải vậy chẳng? Xiêm cứu Cao Man, chắc cầu lợi to; Cao Man nhờ Xiêm, chắc phải báo hậu; núi Đâu Khâu thuộc về đất Cao Man, phía tây bắc giáp nước Xiêm, phía đông nam giáp nước mình; người Xiêm thêm núi ấy đã lâu; nay núi ấy còn thuộc về Cao Man hay là đã về Xiêm rồi? - Người trong nước đã lập Ong Run làm vua, mà chúa nó là nương Ngọc Vân vốn con vua trước, tuy là đàn bà, nhưng đã làm Quận chúa; Ong Run đó, Ngọc Vân cũng còn đó, trong nước toan theo ai? Nếu bây giờ ta phong cho chúng nó coi chung việc nước, chúng nó sẽ chia đất mà ở, một người ở Ô Đông, một người ở Ba Nam, hay là trị nước chung nhua như thói Xiêm trước có Vua Phật, vua thứ hai và vua thứ ba chẳng? - Ong Yêm là anh Ong Run, Ong Bướm là con Ong Yêm cháu Ong Run; nay Ong Run đã được làm vua, thời ở với cha con Ong Yêm quả thiệt lòng giúp nhau thương nhau mà không việc giúp Ong Run làm điều, nay Ong Run đã làm vua, thời Chắt Tri sẽ về Xiêm hay là cứ ở Cao Man đánh tiếng bảo hộ? Các người nên sai một người thuộc viên nói giỏi đem điều ta đã nghĩ đó thử hỏi Sứ Cao Man xem thế nào. "Khi ấy mình hỏi gì, sứ Cao Man thưa nấy, không có chút nào ngập ngừng. Ngài ban rằng: "xét lời nói nó thiệt quả chơn thành, không nên ngờ người Cao Man nữa".

Phong Ong Run làm Cao Man quốc vương, Mỹ Lâm quận chúa Ngọc Vân làm Cao Man quận chúa. Ban thưởng các quan đại thần ở quân thứ Trấn Tây (Võ Văn Giải và các ông khác).

Hai chiếc tàu binh nước Đại Pháp đậu tại cửa Hàn (Đà Nẵng) đưa một phong quốc thư bằng chữ Nho.

Tháng 3, tàu Đại Pháp gây việc tại cửa Hàn; rồi đi.

Ban chiếu truyền các tướng ở Trấn Tây đem quân về An Giang để nghỉ. Bọn Võ Văn Giải đem việc đánh giặc đã yên làm sớ bằng giấy đỏ dâng lên. Ngài ban khen, đòi các tướng về Kinh vào châu.

Ngài nghĩ rằng: giặc mới vừa yên, các việc cần sắp đặt phải có trọng thần mới trấn tĩnh được, liền sai thự Binh bộ thượng thư An tây mưu lược tướng là bọn Doãn Uẩn chia nhau kinh lý việc trong 6 tỉnh Nam Kỳ, những quân lính nguyên phái ở đó, nay lên lượng số để lại canh giữ, còn bao nhiêu cho về nghỉ.

Mới định lệ "các quan viên thừa trọng¹ phải về đình gian": (hễ các quan viên thừa trọng cho ông bà nội, gặp tang ông hay bà, thời nhứt phẩm được về 6 tháng; nhị phẩm 5 tháng; tam phẩm 3 tháng; tứ ngũ phẩm đến văn lục thất phẩm và Hành tẩu, Hậu bổ, đều được về 2 tháng; Đốc học, Phủ, Huyện, Giáo, Huấn, 6 tháng; văn từ bát phẩm, võ từ lục phẩm trở xuống đều 1 tháng).

Tháng 4, khiến lập 7 đồn giữ các bờ biển tỉnh Quảng Nam. (Vì Ngài lưu ý phòng bị các cửa biển, cho nên xuống chỉ ấy).

Bộ Hộ làm sổ tâu số đình năm ấy cả thảy là 1.014.388 người, Thừa Thiên 42.751 người, Quảng Nam 65.486 người, Quảng Nghĩa 25.766 người, Bình Định 52.110 người, Phú Yên 9.696 người, Khánh Hòa 10.426 người, Bình Thuận 17.570 người, Biên Hòa 16.949 người, Gia Định 51.788 người, Định Tường 26.799 người, Vĩnh Long 41.336 người, An Giang 22.998 người, Hà Tiên 5.728 người, Quảng Trị 33.169 người, Quảng Bình 22.438 người, Hà Tĩnh 45.678 người, Nghệ An 56.870 người, Thanh Hóa 63.353 người, Ninh Bình 30.350 người, Hà Nội 64.201 người, Hải Dương 49.475 người, Sơn Tây 51.304 người, Bắc Ninh 63.774 người, Nam Định 78.268 người, Hưng Yên 20.584 người, Tuyên Quang 6.734 người, Hưng Hóa 11.219 người, Quảng Yên 3.639 người, Lạng Sơn 11.224 người, Cao Bằng 11.013 người, Thái Nguyên 11.710 người. Cả thảy là được 1.024.388 người, so với số đình cuối năm ngoái chỉ có 986.321 người, thời năm nay thêm được 38.157 người.

Các quan văn tại Kinh và ngoài các tỉnh từ tam phẩm trở lên ai còn cha, mẹ tuổi đến 70, Ngài đều ban cho sâm, quế, bạc, lụa; cả thảy được 12 người. Ngài dụ rằng: "Triều đình phép lớn: dạy hiếu làm trung. Nhơn tử lòng vui: còn thân hưởng lộc. Năm ngoái gặp lễ Tôn sùng là lễ lớn, không phải như lễ tầm thường. Vậy nên ban ơn không nệ cách thường, để tỏ nước nhà dùng "Hiếu" mà trị thiên hạ".

Ong Run đã được phong vương, liền sai Phiên mục (một người thập phẩm, một người bát phẩm) qua quân thứ dâng biểu xin tới Kinh tạ ơn. Quận chúa Ngọc Vân cũng xin dâng biểu tạ. Việc ấy tâu lên, Ngài cho. Nhưng định lệ cho 3 năm tới cống một lần, kể từ năm Mậu Thân làm đầu, (mỗi năm ban cho Cao Man 1 quyển quan lịch, 100 quyển dân lịch).

Tháng 5, các tướng soái đánh Cao Man là bọn Võ Văn Giải thân quân về Kinh phục mạng. Ngài rót rượu ban cho và yên ủy hồi lâu, rồi thưởng các đồ vàng, ngọc; tì tướng và quân lính cũng được yên thưởng.

Định Thái Địa² phong cho mấy người công thần" (tước Quốc công và Quận công thời lấy tên phủ mà phong, tước Hầu lấy tên huyện, tước Bá lấy tên tổng, tước Tử lấy tên xã, tước Nam lấy tên thôn. Nếu sau được tấn phong, cũng cứ để tên đất nguyên phong khi trước, không được đổi tên khác).

Tháng ấy gặp lễ Vạn Thọ, vừa nhằm lúc ấn ngọc khắc rồi. Nguyên ngày lễ Vạn Thọ năm ngoái, có người dâng hòn lương ngọc lớn, Ngài truyền thợ ngọc đũa thành hình cái ấn. Ngày tế Giao năm nay, Ngài đem việc ấy mật cáo Trời, Đất; liền ngày ấy khởi công khắc 9 chữ: "Đại Nam thọ thiên vĩnh mệnh truyền quốc tử". Hơn một tháng khắc rồi. Nội các tâu rằng: "Ngọc lành xuất hiện, ứng về năm tốt; ấn thần khắc rồi, lại gặp lễ vui". Rồi đem ấn và sứ dâng lên. Ngài lấy làm vui lòng.

Ngày Giáp Ngọ, Ngài ngự cửa Thuận An, lên lần Lưỡng Kiền xem tập thủy trận; ngày ấy ngự về. Ngày mai, ban ra tám bài thơ vịnh cảnh Thuận An cho các quan xem: (1. Viên Thành trấn hải. 2. Kiểu Các quan lan. 3. Cao Lô lưỡng đặc. 4. Hành Điện song thanh. 5. Cáp Châu biểu tấn. 6. Giải chữ nhà dân. 7. Sa Cương bảo chướng. 8. Gia Thọ thanh tâm).

¹ Thừa trong nghĩa là cha đã mất rồi, mình là cháu đích tôn phải thay cha mà để tang ông, bà nội.

² Thái Địa là nơi phong cho các quan để làm lộc điền.

Tháng 6, định lệ cho dân Cao Man thông thương. Từ đó người Hán người Thổ lại cứ buôn bán như cũ.

Tháng 7, 12 khẩu súng bửu bác đúc rồi.

Khiến đình thần bàn định công trạng dẹp yên thành Trấn ấy, để khắc đá dựng bia. (Đến năm thứ 4 triều Tự Đức nghị định xong rồi, mới dựng bia).

Tháng 8, Ngài làm rồi tập thơ Ngự Chế nói về việc võ công (vịnh về mưu lược dẹp yên Xiêm La và Chơn Lạp, cả thảy 129 bài, 12 bài minh; vịnh về mưu lược dẹp giặc Mọi, giặc biển, giặc Thổ, cả thảy 12 bài. Cơ mật và Nội các dâng biểu xin cho khắc in ban cấp).

Tháng 9, ban 9 bài Hoàng huấn¹. Ngài thường nhơn khi rảnh việc theo thể thức Kinh Thi làm ra 9 bài thơ: 1. Cao Minh (nói về Trời), 2. Bác Hậu (nói về Đất), 3. Sủng Tuy (nói về đạo làm vua). 4. Trung Lương (nói về đạo làm tôi), 5. Từ Aùi (nói về đạo làm cha), 6. Hiếu Đễ (nói về đạo làm con em), 7. Tạo Đoan (nói về đạo vợ chồng). 8. Hữu Vu (nói về đạo anh em), 9. Chỉ Tín (nói về đạo bầu bạn). Khiến Nội các chú thích biên chép.

Sắc bộ Hộ làm sổ tổng cộng năm thứ XXI triều Minh Mạng và năm thứ VII triều Thiệu Trị (từ tháng 8 trở về trước), trong nước số đinh, điền thổ; và số tiền, lúa, vàng, bạc, trừ chi tiêu rồi còn lại bao nhiêu. (Năm thứ XXI triều Minh Mạng số đinh được 970.516 người, điền thổ 4.063.892 mẫu, lúa 2.804.740 hộc, tiền 2.852.462 quan, vàng hơn 1.470 lượng, bạc 121.114 lượng. Năm ấy gia số trâu vào rồi trừ số chi tiêu đi, hiện còn lại lúa gạo 6.544.376 hộc và phương, tiền 14.335.337 quan, vàng và các hạng tiền vàng 37.480 lượng, trong số vàng ấy để tại kho Nội vụ 31.261 lượng 2 đồng, các hạng bạc 2.506.670 lượng, trong số bạc ấy để tại kho Nội vụ 2.000.169 lượng. -năm Thiệu Trị thứ VII số đinh được 1.029.501 người, điền thổ 4.278.013 mẫu, lúa 2.960.134 hộc, tiền 3.108.162 quan, vàng 1.608 lượng, bạc 128.773 lượng. Kể từ tháng 8 trở về trước, gia số trâu vào rồi trừ đi số chi tiêu đi, hiện còn lại lúa và gạo 9.466.460 hộc và phương, tiền 12.234.358 quan, vàng 48.741 lượng 1 đồng 1 phân, trong số vàng ấy để tại kho Nội vụ 42.709 lượng 4 đồng 8 phân, bạc 3.265.346 lượng 9 đồng 7 phân, trong số bạc ấy để tại kho Nội vụ 3.000.169 lượng 3 đồng).

Có hai chiếc tàu binh nước Anh Cát Lợi tới cửa Hàn. (Người chủ tàu muốn tới Kinh dâng thơ, Triều đình không cho, cải lẽ đến hơn 10 ngày). Triều đình đưa tiền rất hậu, rồi 2 chiếc tàu ấy nhỏ neo chạy đi).

Ngài se, đòi Cỗ mạng lương thần Trương Đăng Quế và đại thần Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Lâm Duy Thiếp vào châu. Ngài truyền đuổi mấy người tả hữu, rồi ban rằng: "Ta nối nghiệp lớn đã 7 năm nay, ngày đêm lo lắng không dám thông thả vui chơi; mấy lâu se mình, hôm nay mệt lắm ! Ta lo nghiệp lớn tổ tông phó thác cho ta, nên ta phải lựa người nối nghiệp để yên xã Tắc. Trong mấy người con ta, Hường Bảo tuy lớn, nhưng vì thứ xuất², mà lại ngu độn ít học, chỉ ham vui chơi, nối nghiệp không đặng; con thứ 2 là Phước Tuy Công thông minh ham học giống in như ta, đáng nối ngôi làm vua; hôm trước ta đã phê vào tờ Di chiếu³ để tại trong long đồng⁴. Các người phải kính noi đó ! Đừng trái mạng ta !". Các đại thần đều khóc lạy vâng mạng, rồi lui ra. Đến ngày Quý Mão bệnh nặng lắm, Ngài băng tại cung Càn Thành ! Ngài có 64 ông Hoàng tử và Hoàng nữ. Liên ngày ấy các Hoàng thần và các quan văn, võ hội đồng tuyên đọc tờ Di chiếu tại đền Càn Chánh, Hoàng tử thứ hai là Ngài Phước Tuy công khóc lạy vâng mạng.

¹ Hoàng huấn nghĩa là vua ban lời dạy.

² Thứ xuất nghĩa là con các bà hầu sanh ra.

³ Di chiếu là tờ chiếu vua để lại khi Ngài gần băng.

⁴ Long đồng là ống chạm rồng.

QUỐC TRIỀU CHÍNH BIÊN TOÁT YẾU

Quyển thứ V

Dực Anh Tôn Hoàng Đế

Niên hiệu Tự Đức

Tên húy Ngài viết bằng chữ Hán:

Bên tả chữ

Bên hữu chữ.

Trên chữ Ngài viết bằng chữ Hán.

Bên tả chữ

Bên hữu chữ mà trên có chữ Hường làm chữ lót.

Ngài là con thứ 2 đức Hiến Tổ Hoàng Đế; đức Từ Dũ Hoàng thái hậu họ Phạm Đăng sanh Ngài trong năm Kỷ Sửu, niên hiệu Minh Mạng thứ 10 (1829). Đến năm Thiệu Trị thứ 3 (1843), Ngài được phong tước Phước Tuy Công. Khi ấy An Phong Công là Hường Bảo tuổi tuy lớn, nhưng về con giống thứ, lại ít học ham chơi; còn Ngài thời tánh như hiếu thông mẫn lại ham học; đức Hiến Tổ thương lắm, thường đòi vào châu, dạy Ngài những đạo học Đễ, Vương, đời trước, cho đến việc dân gian cày cấy khó nhọc, lại cho một bộ sách "Thánh chế chỉ thiên đàn thi văn hội tập", và dụ rằng: "bộ sách ấy là ý chỉ của đức Hoàng Tổ ta để lại, phép trị thiên hạ đều ở đó". Đức Hiến Tổ khi ấy đã có ý lập Ngài rồi.

Tháng 9, năm Thiệu Trị thứ 7 (1847), đức Hiến Tổ se, di chiếu lập Ngài nối ngôi. Ngài ở ngôi được 36 năm, thọ 55 tuổi. Lăng Ngài là lăng Khiêm Lăng.

Tháng 10, ngày Kỷ Sửu, Ngài lên ngôi tại điện Thái Hòa; đặt niên hiệu là Tự Đức, kể từ sang năm là năm Mậu Thân làm đầu, ban ân chiếu khắp trong ngoài.

Cho Cố mạng lương thần phụ trách chánh đại thần Trương Đăng Quế thăng Cần chánh điện đại học sĩ, tấn phong Tuy thành quận công; Phụ chánh đại thần Võ Văn Giải tấn phong An Viễn Hầu; Nguyễn Tri Phương phong Tráng Liệt Bá; Lâm Duy Thiếp thăng Hiệp tá đại học sĩ.

Truyền các quan địa phương tâu rõ tình trạng khốn khổ ngoài dân gian.

Tháng 12, thự Tả tham tri bộ Công là Trương Quốc Dung dâng sớ tâu 5 điều: 1. Bớt việc chi tiêu, 2. Cần việc hình ngục, 3. Chính đốn quan lại, 4. Giảm bớt văn án, 5. Sửa sang phép học. Trong sớ ấy lại nói: "tài lực trong dân, so với năm trước mười phần kém đến năm sáu, mà các quan địa phương thường hay traуu giới tiếng tốt: hỏi số dân thời tâu rằng tăng, hỏi mùa màng thời tâu rằng được, chỉ muốn cho mình được tiếng khen, mà lòng thiệt vì nước vì dân thời ít. Mới rồi đây, mống trên trời thường hiện ra, e khí âm dương hoặc có chưa hòa; vậy xin Hoàng thượng sắc cho các quan, bớt phiền văn, bỏ thói đối mà chăm điều thiện, cho đến việc công dịch, việc thu thuế, đều nên khoan giảm cho binh dân ít tổn của nhọc công, để cố kết lòng người thời khí hòa ứng mà tai dị khỏi được". Ngài dụ đình thần xét lời sớ ấy phúc tấu thi hành.

Mới lập nhà thờ Hiền Lương để thờ các hiền thần giúp trị, và nhà thờ Trung Nghĩa để thờ các trung thần. Hai nhà thờ ấy lập tại bên tả chùa Thiên Mụ.

Năm Mậu Thân hiệu Tự Đức thứ 1 (1848), tháng giêng, quan Nội các là bọn Nguyễn Bá Nghi thấy khi ấy các quan tâu việc thường dâng mật sớ, bèn tâu rằng: "các quan tâu việc, nếu không phải việc binh nhung, việc đại chánh trong nước và các việc không nên tiết lậu, thời xin không được dâng mật sớ, để cho khỏi tệ lên cáo giác nhau". Ngài chuẩn cho biên để làm lệ thường.

Cấp cho thuyền buôn nước Tàu bị gió xiêu, mỗi người một phương gạo. Ngài truyền chỉ từ nay về sau có thuyền bị tai nạn, đều chiếu lệ ấy chẩn cấp.

Vua Cao Man là Sá Ong Run sai sứ đệ đồ phẩm nghi làm lễ dâng hương, lễ khánh hạ và lễ tuế cống.

Ban sắc thơ, hàng lụa cho nước Thủy xá và Hỏa Xá. Hai nước ấy đều xin sai sứ đến làm lễ dâng hương và lễ khánh hạ. Ngài cho.

Tháng 2, Tuần phủ Ninh Bình là Ngô Kim Liên dâng sách Đại học diễn nghĩa bổ.

Quan tỉnh Bình Thuận dâng tập sớ "khẩn ruộng đất hoang". Ngài truyền dụ quan tỉnh phải gia tâm chuyên đốc khẩn trị, làm cho đất không bỏ hoang, dân được giàu có.

Tháng 3, tỉnh Hà Tĩnh gạo mất lăm, Ngài truyền phát lúa gạo kho, giảm giá bán cho dân; lại truyền dụ khiến nghiêm trấp người giữ kho không được kiểm điều lồi thối, tổng lý hương hào không được mỗ lãnh bao lợi, để cho dân nghèo được nhờ ơn.

Đông các đại học sĩ là Võ Xuân Cẩn dâng sớ xin ban ơn cho con cháu ông Anh Duệ thái tử (ông là con đức Thừa Thiên cao hoàng hậu, khi ông mới 4 tuổi, vâng mạng quan Tây, đến 6 năm mới về, đức Cao hoàng phong ông làm Nguyên soái và lập làm Đông Cung. Ông có công giữ thành Gia Định, trấn thành Diên Khánh, lấy tỉnh Bình Thuận, thu phục Phú Yên, công nghiệp rực rỡ, chẳng may mất sớm; con là Mỹ Đàng đã bị tội, Mỹ Thùy lại bị bệnh mất, chỉ còn một mình Lê Chung là con Mỹ Đàng được phong Cẩm Hóa Hầu để làm thừa tự. Xuân Cẩn thấy vậy nên mới tâu xin). Ngài chuẩn cho bộ Lễ phải ghi tên Lê Chung, rồi sẽ nghĩ. Xuân Cẩn lại xin lục dụng những con cháu Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt và Lê Chất. Trong lời sớ đại lược rằng: "bọn Văn Thành đều là gặp hội gió mây, xông trường tên đạn, mình làm đại tướng, tước đến quận công; trong năm Gia Long, Văn Thành vì cố chẳng hay cấm ước người con, tức giận tự tử, sau con cháu lại mắc án làm giặc, đều bị giết cả; còn Văn Duyệt, Lê Chất đều chết rồi mới phát ra án nặng, truy cách chức quan, từ đó về sau chưa đặt nhờ ơn nghĩa tới. v.v". Ngài thấy tâu vậy, cũng cảm động lăm, khiến hỏi con cháu bọn Văn Thành còn ai thời phải tâu lên. Được ít lâu Lê Chung tấn phong quận công; con cháu bọn Văn Thành cũng đều bổ chánh đội. Đó là theo lời Võ Xuân Cẩn tâu xin.

Hiệp tá đại học sĩ Lê Đăng Dinh mất; truy tặng Thiếu sư Văn minh đại diện đại học sĩ. Đăng Dinh là cử nhân tỉnh Quảng Trị, trải thờ 4 triều, tuổi cao đức dày, từng giúp Ngài học nhiều điều bổ ích, vậy nên Ngài lễ trọng hơn.

Tháng 4, Thị lang, sung Nội các Nguyễn Văn Trường dâng sớ tâu 3 việc: 1. Xin chuẩn tiền công phí cho lính; 2. Xin tha việc hòa mả cho dân; 3. Xin tăng giá thuê cho các thuyền chở, từ sớ ấy thi hành cũng nhiều.

Tháng 5, Thự hiệp tá Nguyễn Đăng Giai (con quan Hiệp tá Nguyễn Đăng Tuân) điều trần 10 khoản về việc hình án: 1. Tội làm giặc; 2. Tội ăn cướp; 3. Tội đánh chết người; 4. Nghiêm sức các sở tra án; 5. Lệ tra xét án kiện; 6. Phép đoán định tội danh; 7. Nghiêm nghĩ tội các quan viên; 8. Các án ban ra xét; 9. Quan viên bị kiện; 10. Quan viên can nghĩ. Ngài đều y cả.

Tháng 6, lập lại trường thi Thanh Hóa (năm Minh Mạng, tỉnh Thanh Hóa đặt riêng một trường thi chung với tỉnh Nghệ; đến đây quan tỉnh xin thi riêng, nên cho lập trường lại).

Ngài truyền dụ các quan rằng: "quan vui thời dân khổ, trên ích thời dưới tổn, chẳng qua vì quan lại võ văn lộng pháp, tạ sự hại dân; hoặc nhờn đoán ngục xét hình dụng tâm làm nặng nhẹ, mà sách người lấy của; hoặc nhờn bắt lính đòi thuế, giả đốc sức để kiếm miếng chia nhau; hoặc đem đồ thỉnh

thác quan trên, để nhờ nâng đỡ; hoặc sanh việc góp lướm người dưới, để lấy tiền riêng; tình tệ còn nhiều, ta thiệt lấy làm buồn lắm ! Người xưa có nói: "bày một điều lợi không bằng trừ một điều hại, sanh ra một việc không bằng giảm đi một việc". Bây giờ việc nên làm trước chi hơn hình thời khoan, chánh thời giảm, quan thời thanh, lại thời liêm. Các người phải nghĩ thể nào cho quan lớn giữ phép, quan nhỏ thanh liêm, đều bỏ hết thói tệ; thức khuya dậy sớm, lòng lo cẩn thận siêng năng; trên giúp ta những điều nghĩ chưa tới, dưới khiến cho trăm họ đều được yên vui; ấy là ta trông lắm mà thiên hạ càng may lắm !!!".

Cho thêm ngạch cử nhưn các trường thi.

Bọn Nguyễn Đăng Giai tâu 13 việc, như là định lệ duyệt tuyển dân đinh, báo khẩn ruộng đất hoang, vỗ yên dân điều háo, bắt điền lính thiếu ngạch, v.v.À Ngài đều theo cả.

Tháng 7, Tri huyện Duy Xuyên là Hà Học Hải (cử nhân Hà Tĩnh) được thăng Trước tác sung Biên tu Sử quán. Dân huyện ấy đến kinh kêu xin lưu lại; Ngài liền đòi Học Hải vào châu, ban hỏi phép "trị dân". Học Hải tâu lên, Ngài bằng lòng lắm, khen là hết lòng làm việc quan, có chánh trị hay, nên dân tín ái; liền cho thăng Thừa chỉ, nhưng lãnh huyện Duy Xuyên. Sau Học Hải mấy tại lý, dân huyện ấy lập nhà thờ; ít lâu lại cho truy thọ Thị độc.

Tháng 9, lập lại trường Đốc học tỉnh Phú Yên. (Tỉnh ấy trước đặt Đốc học, sau đổi đặt Giáo thọ; năm ấy quan tỉnh xin đặt Đốc học và làm nhà trường lại).

Tháng 10, khiến các quan tỉnh trong kinh và ngoài các tỉnh, mỗi ông đều phải cử tri một người.

Mới lập viện Tập Hiền (vì năm sau sẽ mở Kinh Diên, nên lập viện ấy, chức hàm mấy ông quan Khởi cư chú phải để ba chữ "Tập Hiền Viện" lên trên).

Tháng 11, định chương trình dạy lính Tuyển phong (trước dạy phép bắn súng trường thương và điều thương, sau dạy phép tàu bắn súng).

Năm ấy đến kỳ thu thăm¹ Ngài dạy rằng: "ta mới nổi ngôi, ban ơn khắp cả thiên hạ, mà đến việc hình, lại thương xót hơn". Ngài cho khoan giảm và hoãn tội phần nhiều.

Năm Kỷ Dậu thứ II (1849), tháng giêng, giảm thuế vàng mỏ Tĩnh Đà tỉnh Cao Bằng.

Mới định lệ "Aám thọ con các quan Tôn Thất" (phàm Tôn Thất người nào có công lao, đã được phong tước, thời con cháu cho tập phong; còn văn tứ phẩm, võ tam phẩm trở lên, đều chiếu hàm cho một người con ấm thọ: chánh nhứt con được ấm thọ chánh ngũ; tòng nhứt con ấm thọ tòng ngũ; nhị, tam, tứ phẩm cứ thứ giảm lần).

Tháng 2, mới mở sở Kinh Diên. Mỗi ngày giảng sách, Ngài cùng các quan bàn sách nghĩa, Ngài đều cắt nghĩa rõ ràng; nhưn bàn chánh sự thi chương, thiệt là thanh điển xưa nay chưa có.

Tháng 6, dựng bia "An Tây võ công". (Võ Văn Giải, Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn, Đoàn Văn Sách, Nguyễn Hoàng, Tôn Thất NGHị, cả thảy 6 người đều có công đánh giặc tại thành Trấn Tây; nên Ngài cho khắc bia ghi công.

Tháng 7, Sứ Tàu là Lao Sùng Quang đến Kinh làm lễ Tuyên phong. Lễ ấy giao tiếp rất thành, thể thống ra tôn, lâu nay chưa từng có. (Từ Thiệu Trị về trước, đều là lễ Tuyên phong tại thành Hà Nội; đến đây xin mời Sứ tới Kinh, vua Tàu nghe theo, tháng ấy Sứ bộ qua tới).

Tháng 8, Tham tri bộ Binh là Hoàng Tế Mỹ (hoàng giáp Hà Nội) mất. Tế Mỹ là văn thần châu sở Kinh Diên, một lòng siêng năng cẩn thận. Ngài tiếc lắm, tặng hàm Thượng thơ.

Tháng 10, Tổng đốc An Hà là Doãn Uẩn (cử nhưn Nam Định) mất. Ngài nghĩ Doãn Uẩn vì nước chịu khó nhọc, có tiếng liêm năng, cho tặng hàm Hiệp tá, cấp tuất và tứ tế rất hậu lại cho tiền gạo về đưa đám và nuôi vợ con, để khuyến kẻ thanh liêm, tỏ người tài giỏi.

¹ Thu thăm nghĩa là mùa thu khí trời nghiêm chỉnh, nên vua theo lệnh trời đến mùa ấy thời xét việc hình.

Tháng 12, định lệ "quan viên cách trừ", (người nào khoa mục, ẩm sanh xuất thân, nhơn việc công bị cách chức quan nhưng đều cho đứng vào hạng khoa mục, ẩm sanh, khỏi phải chịu thuế).

Năm Canh Tuất thứ III (1850), tháng giêng, Ngài chăm việc chánh trị; cách một ngày lại ngự triều bàn việc chánh thi hành. Ấy là muốn cho trên dưới tình thông mà không việc gì cản trở.

Nước Ma-li-căn (Amétique) sai Ba-ly-rì chạy tàu đến cửa Đà Nẵng, (thuộc tỉnh Quảng Nam) nói rằng đệ tử quốc thơ tạ lỗi (vì năm trước lỗi phép giết người) và xin thông thương. Quan Hậu quân lãnh Tổng đốc là Tôn Thất Bật xin quyền nhận tờ thơ, tùy cơ bề bác, Ngài không cho Ba-ly-rì xin lên chơi núi Ngũ Hành, rồi chạy tàu đi.

Tả Hữu trực kỳ và Nam Kỳ lục tỉnh lâu nay dân nhiễm bệnh dịch hơi nặng; (bộ Hộ thông tính cả Nam, Bắc các hạng bị bệnh hơn 589.460 người), lại bị mất mùa, Ngài thương lắm.

Cho Thượng thư bộ Công là Nguyễn Tri Phương sung Kinh lược đại sứ Nam Kỳ, lãnh Tổng đốc Định - Biên, kiêm Tổng đốc Long - An; cho Thượng thư bộ Hình là Nguyễn Đăng Giai sung kinh lược đại sứ Hữu Kỳ, lãnh Tổng đốc An - Tĩnh, kiêm Thanh Hóa; cho Thượng thư bộ Lại là Phan Thanh Giản sung kinh lược đại sứ Tả Kỳ, lãnh Tổng đốc Bình - Phú, kiêm Thuận - Khánh; đều lãnh cờ tiết mao tới lý, cốt để bày điều lợi, trừ điều tệ, cấm trấp quan lại, chiêu yên nhơn dân. Ngài lại khiến quan Phủ doãn và quan tỉnh Nam, Nghĩa phải xét trong dân đều chi lợi hại, quan lại người nào hay dở, tâu lên.

Tháng 2, lại mở mỏ vàng Gia Hưng. (Thuộc Hưng Hóa).

Tháng 3, Thự Tri phủ Tuy Biên (thuộc An Giang) là Võ Văn Hiệu (Tấn sĩ), Tri huyện An Xuyên là Nguyễn Duy Quang (Cử nhơn) đều hết lòng về việc trị dân. Người nào bệnh cho thuốc, người nào chết lo chôn, đứng bảo lãnh mượn của nhà giàu giúp cho nhà nghèo, thám bắt trộm cướp cho yên dân, dân đều tin và thương; Tổng đốc là Cao Hữu Bằng đem sự trạng tâu lên. Ngài ban khen, cho Văn Hiệu thiết thọ tri phủ; Duy Quang gia hàm Tri phủ, đều thưởng bạc và lụa khác nhau; Ngài khen Hữu Bằng có lòng tiến cử người giỏi, thưởng cho 3 cây sa.

Định lệ "quan lại về đình gian". (Văn võ quan viên, gặp tang cha mẹ, người nào chức trách long trọng và đương sai phái đánh giặc, nên đoạt tình¹ đòi ra làm việc quan, thời phải có lời đặc chỉ²; còn từ Cửu phẩm trở lên và Hậu bổ, Cử Nhơn, Aám sanh, Giám sanh, đều cấp hạn 12 tháng về nhà chịu tang).

Tháng 5, ngài mới ngự cày ruộng Tịch Điền.

Tháng 6, dời bớt các phủ, huyện, châu ở tỉnh Nghệ, Thanh và Quảng Yên. (Thuộc tỉnh Nghệ An: đem huyện Yên Thành giao về phủ Diễn Châu kiêm lý; huyện Nghĩa Đàn, Quế Phong, Túy Vân đều giao về phủ Quỳnh Châu kiêm lý; 4 huyện Tương Dương, Kỳ Sơn, Hội Nguyên, Vĩnh Hòa đều giao về phủ Tương Dương kiêm lý. Thuộc tỉnh Thanh Hóa; đem huyện Hậu Lộc giao về phủ Hà Trung kiêm lý; hai huyện Quảng Tế, Thạch Thành giao về phủ Quảng Hóa kiêm lý; hai châu Lương Chánh, Thường Xuân giao về phủ Thọ Xuân kiêm lý; hai huyện Hoảng Hóa, Mỹ Hóa hiệp làm huyện Hoảng Hóa, nhưng thuộc phủ Hà Trung huyện Cẩm Thủy và châu Quan Hóa hiệp làm huyện Cẩm Thủy, nhưng thuộc về phủ Quảng Hóa. Thuộc tỉnh Quảng Yên: đem châu Vạn Ninh đặt làm phủ Hải Ninh, nhưng trích châu Tiên An, nguyên thuộc phủ Sơn Định, bây giờ đổi thuộc phủ Hải Ninh; còn huyện Nghiêu Phong, An Hưng và Hoàn Bồ, nguyên thuộc phủ Hải Ninh, bây giờ đổi thuộc phủ Sơn Định, nhưng cho quan huyện Hoàn Bồ kiêm lý cả ba huyện).

Tháng 7, định lệ: các địa phương phạm bắt linh, phải nghiêm hạn cho sở tại dài đến, không được sai lính về các làng.

Tháng 12, giảm viên dịch các Bộ, nha ở Kinh và ở các phủ Hoàng thân.

Năm Tân Hợi thứ IV (1851), giáng giêng, mới định lệ "mỗi năm đến tháng 2, quan trên xét cử người thuộc viên". (Mỗi năm đến tháng 2, văn võ các quan trên đều phải xét ty thuộc, văn từ tứ phẩm

¹ Đoạt tình là đương ở chịu tang mà đòi ra làm việc quan.

² Đặc chỉ là vua phán ra một cách riêng.

đến lục phẩm, người nào có học hành, làm việc thanh liêm siêng giỏi; võ từ Quản vệ đến Suất đội, người nào võ nghệ am luyện, sai phái được việc, mà đều tại chức lâu năm, không tội lỗi gì, quan trên xét thiệt, làm tập tấu bảo cử).

Ngài ngự sông Lợi Nông xem ruộng lúa.

Tháng 2, đổi Phan Thanh Giản làm Kinh lược phó sứ Nam Kỳ, nhưng lãnh Tổng đốc Gia Định, kiêm Biên Hòa, Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên.

Định lệ "thuế các cửa ải, bến tàu ở các tỉnh Bắc Kỳ".

Tháng 4, lập nhà Tôn học (sau nhưn học trò nhạc học, triệt đi; đến năm thứ 19 lập lại).

Định lệ "Tôn sanh, Ấm sanh khiêu bổ". (6 năm hạch khiêu một lần).

Định lệ thuả ruộng công phủ Thừa Thiên, trong 10 phần tha 3 phần, kể từ năm nay làm đầu. (Là theo quan phủ Thừa Thiên Võ Trọng Bình xin).

Tháng 5, mới mở thi Chế khoa, (trường nhứt: 9 đề kinh nghĩa; trường nhì: 1 đề phú, 1 đề thi ngũ ngôn và 1 đề thi thất ngôn; trường ba: chiếu, biểu, luận, mỗi món 1 đề; trường tư: 1 đề văn sách; 4 trường đều ngự đề), Lấy đậu 7 người cho vào Đình, Ngài ngự ra đề văn đình. Đến khi ngự duyệt xong rồi, sắc cho Võ Duy Thanh Bác học hoành tài, cát sĩ cập đệ¹ nhị danh, Võ Huy Dực đệ tam danh²; còn mấy người kia, Ngài đều cho Xuất thân³ và Đồng xuất thân⁴ có thứ tự.

Tháng 6, định lệ "Quan viên phụ": văn lục phẩm, võ ngũ phẩm trở lên, cha được Quan viên phụ, tha khỏi đi lính, làm râu và nạp thuế thân cước miễn các hạng; văn thất phẩm, võ lục phẩm, cha cũng được Quan viên phụ, nhưng chỉ tha khỏi đi lính và làm râu, còn các hạng thuế cũng nạp như dân tráng.

Tháng 7, đổi tên núi Tá Ly làm núi Tá Linh, đem vào lệ quốc tế (núi ấy thuộc huyện Hướng Hóa tỉnh Quảng Trị, cao lắm, mạch núi nguồn sông trong hạt đều từ núi ấy mà ra).

Truyền quan bộ Hộ xét rõ sổ chi tiêu tẩn lẫm. Ngài bảo rằng: "tiền của là cội gốc trong thiên hạ, dân nhờ đó mà sống, nước nhờ đó mà đủ dùng, rất là hệ trọng, những người coi việc ấy, phải nghĩ cho xa, tính cho kỹ, nếu làm thình không biết lo liệu, thời phụ chức trách nhiều lắm".

Năm ấy chuẩn cho phủ Thừa Thiên cùng các tỉnh những ruộng đất hoặc bị lở, hoặc bị bỏ rậm, hoặc bị nước mặn hoặc đất sỏi, hoặc cát bồi bỏ hoang mà còn biên trong sổ thuế, tổng cộng là 104.016 mẫu, đều cho xóa sổ mà đem vào hạng khỏi thuế.

Truyền dụ thưởng Nguyễn Đăng Giai đồng quân công gia một cấp và ngọc đeo, tiền vàng, đoạn, sa, dâm, quế các hạng. Vì Đăng Giai từ khi lãnh cờ tiết mao tới lỵ sở, xét hỏi tình dân, sửa sang việc châu quận, cử người liên giỏi, truất người tham nhũng, tha thuế thiếu, vỗ yên chỗ điêu háo; bây giờ dân được đủ ăn, khỏi bị trộm cướp. Ngài cho là không kém với bực Tuần lương⁵ đời xưa, nên ban lời dụ khen tốt lắm.

Ngài nghĩ sứ Hữu Kỳ dân đã bớt khổ, đổi Nguyễn Đăng Giai lãnh Tổng đốc Hà Ninh, nhưng sung Kinh lược các tỉnh Hà Nội, Ninh Bình, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng. Ngài truyền dụ phải chăm việc điều tể binh dân và sửa trị bờ cõi.

Đổi phép thi Hương, thi Hội. (Thi Hương đậu 3 trường là Tú tài, 4 trường là Cử nhưn, thi Hội 4 trường đều đậu mà thông kể được được 8 phân trở lên là trúng cách, hoặc 3 trường kể được 9 phân trở lên, mới cho vào thi Đình).

¹ Cập đệ nhị danh là Bảng nhãn.

² Đệ tam danh là Thám hoa.

³ Xuất thân là Hoàng giáp.

⁴ Đồng xuất thân là Tấn sĩ.

⁵ Tuần lương là ông quan địa phương giỏi.

Dân tỉnh Hà Tĩnh là Hoàng Kim Thanh (người huyện Nghi xuân) ra sức cày ruộng, ham làm điều phải, như là khẩn ruộng hoang để phân cấp người trong làng, xuất của tư cấp cho dân nạp thuế, cho mượn không lấy lời, đắp đập giúp việc làm ruộng. Quan Tuần phủ đem việc tâu lên, Ngài khen, ban thưởng.

Tháng 11, có một chiếc tàu Đại Pháp tự phía đông chạy đến cửa Phước Thắng tỉnh Biên Hòa, thả neo đậu lại; người dưới tàu hoặc khi lên bờ mua đồ ăn, hoặc khi dạo bãn chim các làng gần biển, rồi liền xuống tàu.

Tháng 12, dời các phủ, huyện, châu thuộc tỉnh Vĩnh Long, Lạng Sơn, Hưng Yên, Hưng Hóa. (Thuộc tỉnh Vĩnh Long: đem huyện Duy Minh nhập về huyện Tân Minh; huyện Bảo An nhập vào huyện Bảo Hựu, quan phủ Hoảng Trị cứ kiêm lý huyện Bảo Hựu như cũ và nhiếp huyện Bảo An, lại thống hạt hai huyện Tân Minh và Duy Minh. Thuộc tỉnh Lạng Sơn: đem huyện An Bác giao về phủ Trường Khánh; châu Thoát Lãng giao về phủ Trường Định kiêm nhiếp. Thuộc tỉnh Hưng Yên: đem huyện Thiên Thi giao về huyện Phù Cừ, huyện Hưng Nhỡn giao về giao về huyện Diên Hà kiêm lý; còn nguyên Khoái Châu phân phủ thời bớt đi. Thuộc tỉnh Hưng Hóa: đem châu Đà Bắc hiệp về châu Mai, châu Yên hiệp về châu Mộc, Quỳnh Nhai hiệp về châu Lai; huyện Thanh Thủy nhập vào huyện Thanh Sơn; còn 3 làng Cao Phong, Thạch An, Quỳnh Lâm, nguyên thuộc về huyện Thanh Thủy, nhưng xét địa phận gần huyện Bất Bạt tỉnh Sơn Tây, cho nhập vào huyện Bất Bạt).

Năm Nhâm Tý thứ V (1852) tháng giêng, tướng giặc Tàu hiệu Quảng Nghĩa Đàng là Lý Đại Xương, hiệu Lục Thăng Đàng là Hoàng Thị Văn, hiệu Đức Thăng Đàng là Lưu Sĩ Anh đều tới hàng.

Lập phường¹ để thờ người xử sĩ Gia Định là Võ Trường Toản. Trường Toản đương hồi loạn Tây Sơn, ở ẩn dạy học, học trò thành lập đông. (Ngô Tùng Châu, Trịnh Hoài Đức, Phạm Đăng Hưng đều học trò cả). Trong năm Gia Long, đức Thế Tổ cho hiệu "Sùng Đức tiên sanh". Bây giờ Nguyễn Tri Phương lại xin sanh biểu. (Hiệu Sùng Đức sau đổi làm Tổ Đức).

Khi trước sai Hiệp tá lãnh Hình bộ là Đặng Văn Thiêm vào tỉnh Bình Định tra việc quan tỉnh gây lộn nhau và xét hỏi lợi hại trong dân gian tùy việc sửa sang. Đến đây về phục mạng, Ngài hỏi: "ruộng công ruộng tư tỉnh Bình Định sự thể thế nào?"- Văn Thiêm tâu: lối trước chia ruộng, trong 10 mẫu lấy 5 mẫu làm ruộng công, 5 mẫu làm ruộng tư; nhưng lâu nay ruộng công chỗ nào tốt thời hào cường chiếm lấy, hoặc có lẽ loi đám nào, lại bị Hương, Lý bao choán, còn dân thời chỉ được ruộng xấu mà thôi, nên tôi khiến sửa lại bờ bạn phân minh, để làm cho dân được lợi".

Kinh lược là Nguyễn Đăng Giai tâu xin phái trọng thần đặng giúp việc ngoài biên. Ngài liền cho Tổng đốc Sơn - Hưng - Tuyên là Ngụy Khắc Tuần sung Kinh lược phó sứ, kiêm lãnh Tổng đốc Ninh - Thái - Lạng - Bình. (Rồi Khắc Tuần liền thôi chức ấy, chỉ coi việc Sơn, Hưng, Tuyên; sau lại đổi làm Thượng thư bộ Hộ).

Tháng 2, Đông các đại học sĩ là Võ Xuân Cẩn về hưu, (tuổi 80) được gia hàm Thái bảo, cấp cho bán bổng, ngài ban cho bài thơ, (bài thơ ấy chép trong Thánh chế thi sơ tập) có câu rằng: "thiên hạ trung dung² suy Bá Thỷ³ thế gian đức vọng trọng Văn Công⁴; nghĩa là: thiên hạ trung dung tày Bá Thỷ, thế gian đức vọng sánh Văn Công. Tháng 4 năm ấy Xuân Cẩn mất. Ngài khiến dựng nhà bia ở cửa làng, chạm 4 chữ "Tứ triều nguyên lão", lại điệu bài thơ nữa.

Ngài dạy quan bộ Hộ là Hà Duy Phiên rằng: "ruộng công và ruộng tư các tỉnh sự thể thế nào?- Duy Phiên tâu: Thừa Thiên, Quảng Trị, ruộng công nhiều hơn ruộng tư; Quảng Bình ruộng công ruộng tư ngang nhau; còn các tỉnh khác ruộng tư nhiều ruộng công ít; Bình Định ruộng công càng ít hơn; nên chỉ năm trước Võ Xuân Cẩn xin chia hai ruộng tư, 10 phần lấy 5 phần làm ruộng công, quân cấp binh dân, để cho có chỗ ăn nhờ. - Ngài lại hỏi: lệ nạp thuế thế nào? - Tâu rằng: Hà Tĩnh trở ra Bắc, thuế ruộng

¹ Phường là xóm. Đời xưa các người có danh tiếng, đến khi mất rồi, Triều đình cho lập nhà thờ tại chỗ ở cũ, để tỏ người giỏi.

² Trung nghĩa là chánh giữa, không lệch phía nào; dung là đạo thường không khi nào đổi.

³ Hồ Quảng tên chữ là Bá Thỷ người nhà Hán.

⁴ Văn Công là thầy Tiên nho Châu Hy nhà Tống.

công nặng hơn ruộng tư; Quảng Bình trở vào Nam, công và tư thuế bằng nhau. - Ngài dạy rằng: lợi cho Nhà nước không mấy, và lại chia ruộng tư sung làm ruộng công, chỉ làm một tỉnh Bình Định, còn các tỉnh thời không, e chưa được công bằng; ta muốn trả lại hết số ruộng tư cho dân Bình Định, nên chăng? - Tâu rằng: ruộng công đã cấp cho binh dân rồi, nếu lấy lại gấp, e chúng nó mất sanh lý. - Ngài lại hỏi: như lấy 6 phần làm ruộng tư để 4 phần làm ruộng công, được không? - Tâu rằng: thêm bớt không bao nhiêu, sợ làm thêm rối". Nhưng Ngài còn muốn bộ Hộ, bộ Binh hội nghị thể nào cho binh dân đều lợi. Duy Phiên cùng Đặng Giai cố xin như cựu, Ngài cho.

Tháng 3, Ngài nghĩ việc chánh cốt tại nước giàu dân mạnh, mà nay tiền thời ít, lính thời thiếu, truyền Đình thần nghĩ thể nào để cứu tệ ấy. Đình thần nghĩ rằng: "tiền đồng không tiêu thời mòn, tiền kẽm đúc thời ít không đủ; bây giờ xin tiền đồng và tiền kẽm đều cho tiêu cả, mà đúc cho nhiều, để cho tiền đủ dùng. Còn như việc quân chánh, đặt lệ nhiều mà không kiểm hết, thời lính thường khuyết ngạch; số dân điều mà không xét rõ, thời lấy ai mà điền lính. Xin phân biệt làng nào trừ mật thời tăng ngạch lính, làng nào điều háo thời giảm; xét trong thể lệ, mà sức thị rõ ràng, thời tệ lính thiếu có thể khỏi được". Ngài theo lời xin.

Tháng 5, trong Kinh kỳ hạn lâu, Ngài lập đàn cầu mưa, đình việc công tác, ban ân dụ 10 khoản; lại khiến các quan tâu những việc lầm lỗi. Sáng ngày trời mưa.

Tháng 6, định giới hạn tỉnh Tuyên Quang. (Làng Bình Di tỉnh Tuyên Quang giáp giới với làng Đông Anh nước Tàu, lấy núi Đại Lãnh Can Lâm giới hạn).

Tháng 8, định lại lệ "An tứ thợ quan, thợ dân" (tùy hạng ban cho hoặc lụa hoặc vải).

Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản dân số tâu 8 việc: 1. Xin Thánh thể nên thận trọng; 2. Bãi hát xướng; 3. Xin ức chế kẻ hầu cận; 4. Xin chuộng điều tiết kiệm; 5. Xin giảm bớt cận thân; 6. Xin chăm việc tuyển cử; 7. Xin khoan việc làm xâu cho dân; 8. Xin thêm bổng hưởng các quan. "Ngài dạy rằng: các người đã tỏ lòng trung ái, sẵn có mưu kế gì hay, nên thường thường vào tâu. Tri Phương và Thanh Giản nhơn xin nạp cờ tiết mao từ chức kinh lược. Ngài dụ rằng: các người phải gắng ở đó, nghĩ việc sắp đặt về sau, khi nào thành hiệu, ta sẽ đòi về cũng không muợn chi".

Tháng 11, Ngài hỏi việc các cửa ải bến tàu trong nước. - bộ Hộ tâu: "nguyên trước 60 sở, gần đây giảm bớt, chỉ để 21 sở, hiệp cộng số bạc thuế hơn 455 lượng, số tiền thuế hơn 384.969 quan".

Truyền dụ quan phủ Thừa Thiên, chấn tuất dân cùng và nã bắt trộm cướp. Lời dụ rằng: "Sách Châu Quan nói việc cấm kẻ dữ, trước trọng chốn Bang Kỳ; phép nhà Hán chăm việc trị người gian, đầu nghiêm chỗ Kinh triệu; truyền phủ thần phải xét người nào cùng khổ, tâu xin chấn cấp; còn đũa nào chơi bời, nhắc nhởn, thời bắt mà trừng trị".

Tháng 12, ban thường bạc và lụa cho quan viên thợ phụ là Trương Quốc Hiền (thân phụ ông Trương Quốc Dụng, đã 80 tuổi). Nhơn truyền chỉ từ nay quan tứ phẩm trở lên, ai còn cha được 80 tuổi, phải tâu Ngài biết.

Hiệp tá lãnh Thượng thư bộ Hộ là Hà Duy Phiên mất. Ngài nghĩ Duy Phiên là đại thần kỳ cựu, bèn tặng hàm Thiếu bảo, Văn minh điện đại học sĩ, ban tiền tuất, cho tế rất hậu.

Năm Quý Sửu thứ VI (1853), tháng giêng, định lệ "khiếu bổ Anh danh và Giáo dưỡng". (3 năm khiếu bổ 1 thứ).

Chuẩn cho xứ Nam Kỳ làm phép đồn điền lập ấp. Đình thần tâu: "xin cho xứ Nam Kỳ cùng các tỉnh từ Bình Thuận trở ra Bắc, thông sức người bổn hạt, cho tình nguyên ứng mộ; mộ được bao nhiêu, giao cho 2 tỉnh An Giang và Hà Tiên; còn dư cho qua Vĩnh Tế, Ba Xuyên, Tỉnh Biên, chỗ nào đất hoang thời cứ ở mà cày. Như mộ người đồn điền, thời thúc lính đồn điền, chia 50 người Hán dân làm 1 đội, cho bổ Suất đội, được 1 cơ cho bổ Chánh đội thí sai phó quản cơ; Ngày sau thành căn cước, 1 đội làm ấp, 1 cơ làm tổng, còn Quản cơ, Suất đội đều lãnh chức Tổng trưởng, Aáp trưởng. Người nào mộ dân lập ấp, được 30 người thời tha xâu thuế trọn đời, được 50 người thời thưởng chánh cử phẩm, được 100 người thời thưởng chánh bát phẩm, nhưng lãnh chức Tổng lý. Còn thuế ruộng đất hiện khẩn và thuế đình, đều cho khoán hạn để khuyến khích cho người ứng mộ". Nguyễn Tri Phương lại tâu: "phủ Ba Xuyên và phủ Tỉnh Biên, dân Thổ mới theo về, nay chẳng cho hết lục tỉnh làm, mà chỉ cho 2 phủ, e hoặc sanh sự

chăng? Xin thông sức lục tỉnh, bao nhiêu người ứng mộ, ai muốn qua Tỉnh Biên, Ba Xuyên, ai muốn tìm đất không khoáng trong bốn hạt, khai khẩn lập ấp, đều cho tình nguyện, nhưng phải thuộc vào các tổng đã lập thành rồi. Lại xin cho tù phạm ở lục tỉnh, như có đũa nào xin mộ lập 1 đội, hoặc 1 thôn, đều được 50 người, thời cho làng họ chúng nó đứng bảo kết, sẽ tha tội, giao cho tỉnh An Giang phân tháp về chỗ Vĩnh Tế, hoặc giao Hà Tiên phân tháp về chỗ Giang Thành, ở đó cày ruộng, sau xét quá được thành hiệu sẽ nghỉ". Ngài đều cho thi hành cả.

Tháng 2, mở mỏ vàng Thượng Ân tỉnh Thái Nguyên.

Định lại lệ "hạch thuộc viên văn võ". (Lệ cũ: võ ban tạm phẩm trở xuống mà tại chức 3 năm, đều phải xét hạch ghi vào sách. Nay nghị lại 3 năm, đều phải xét hạch ghi vào sách. Nay nghị lại 3 năm một lần cống, văn cũng như võ).

Ban 2 bài thơ ngự chế cho các quan ở Kinh và ở ngoài các tỉnh. Trước khi ấy, ít mưa, Ngài lo lắng, làm bài thơ "vọng võ thuật hoài", đến khi tế Nam Giao rồi, Ngài ngự về, được trận mưa to luôn mấy ngày, lúa ruộng đều sanh sắc. Ngài mừng lắm; làm bài thơ "đắc vũ", để ghi nhớ ơn Trời. Trong hai bài thơ ấy là tỏ lòng kính sợ, và có ý vua tôi nên tu đức. Ngài tự viết giao ra khắc bản in, in ban khắp trong ngoài, văn từ Tứ phẩm ấn quan trở lên, võ từ Đốc phủ trở lên, ban mỗi người 1 tờ, để xem cho biết xét mình sợ trời.

Mở các mỏ kẽm ở tỉnh Thái Nguyên, Bắc Ninh, Lạng Sơn, để đúc tiền cho nhiều.

Mới định ngạch học sanh từ Quảng Bình trở vào Nam. (Tú tài, học trò, người nào tư chất tốt và ham học, hạch đậu bổ vào học sanh cho ăn lương học tập).

Đổi 3 tỉnh Quảng Trị, Phú Yên, Hà Tĩnh làm 3 đạo (vì nhiều người nói 3 tỉnh ấy nhỏ, việc ít, nên đổi làm đạo, để giảm bớt quan lại).

Tháng 3, khiến Nguyễn Tri Phương chuyên làm Kinh lược đại sứ trong Nam Kỳ, Tham tri Phạm Thế Hiển làm Tuần phủ Gia Định Tham tá kinh lược sự vụ. (Rồi sau Thế Hiển được thăng thọ Tổng đốc Định - An). Ngài đem 5 việc quan yếu xứ Nam Kỳ hỏi Thế Hiển: 1. Chiêu dụ lưu dân; 2. Luyện tập quân lính; 3. Bày mưu kế hay để giữ chốn biên cảnh; 4. Cấm hút nha phiến; 5. Trừ những tệ các quan lại. Thế Hiển kê khoản tâu lên, đại lược rằng: "lập ấp khẩn ruộng để dụ lưu dân về; cấm sách nhiễu; chăm luyện tập để đổi lần thói lính nhác; tính việc biên phòng, chi bằng mộ dân quan chốn biên cảnh, đóng đồn tập võ nghệ; muốn cấm nha phiến thời trước phải cấm quan lại hút; muốn trừ lại tệ thời trước nên bớt việc". Ngài dạy rằng: "người tâu vậy đã nhắm cội gốc đó, nhưng biết vậy mà nói không khó gì, chỉ có làm được như vậy là khó mà thôi".

Định lệ "cày mướn ruộng". (Phàm nhà giàu cho người ta cày mướn ruộng, gặt năm mất mùa, Triều đình giảm thuế, thời người cày mướn cũng được chiếu theo đó mà giảm số lúa nộp cho nhà giàu).

Chuẩn cho các Địa phương có làng nào xin trích ruộng công hoặc ruộng tư đặt làm ruộng hương học để nuôi thầy dạy con em trong làng, thời đều cho dân tùy tiện.

Tháng 11, An viễn hầu Võ Văn Giải mất, được tặng hàm Thiếu bảo.

Tháng 12, giảm 10 việc phí tổn công nhu. (Bãi thưởng sa khi Ngài cày ruộng Tịch điền, ban yến khi thi Hội, Hậu bổ ngoại ngạch và đúc bạc thức mới cả thảy 4 điều: giảm mỗi năm tiền dầu, sáp, thuốc bắc, cấp cho các sở cả thảy 5 điều; còn 1 điều là áo cứ 6 năm cấp 1 lần).

Năm Giáp Dần thứ VII (1854), tháng giêng, đào ruộng sông Nguyễn Đức (thuộc Bắc Ninh) để trở bớt nước sông Nhị Hà.

Hường Bảo mưu nghịch, tự tử. (Vì không được lập cho nên mưu nghịch. Khi có tội, Triều đình đổi ra họ Đinh). Con trai, con gái Hướng Bảo và người dự mưu là Tôn Thất Bật đều bị xóa tên trong sổ Tôn Thất.

Ngài ngự nhà Văn Miếu làm lễ xuân tế; rồi ngự qua Quốc Tử Giám, lên nhà Di Luân giảng học, xem lễ, ban yến cho Học thần và Sanh viên. Khi về, Ngài ngự chế 14 bài "Nhã thi" và bài tự (chép ở trong Thi văn sơ tập), truyền đem tuyên đọc tại trường Giám, cho tỏ ý răn dạy; rồi truyền in ban từ Học

thần, nho thần đến sanh viên mỗi người 1 bản. Lại chuẩn cho các quan mỗi người làm bài thơ hoặc bài tụng dâng lên, Ngài sẽ lựa bài nào hay hơn cho in tiếp theo các bài Ngự chế, đặt tên là "Bích ung canh tập"; rồi khắc vào bia dựng ở trường Quốc Tử Giám.

Giám Viên dịch ở ti Phiên, ti Niết, và các phủ, huyện xứ Nam Kỳ lục tỉnh cả thảy 168 người.

Tháng 4, Ngài truyền dụ răn dạy quan lại từ Quảng Nam trở vào, phải do việc nước trị dân.

Tháng 5, Bắc Ninh, Sơn Tây bị hoàng trùng làm hại. Ngài dạy tra phép bắt sâu đời xưa, lục ra các tỉnh ấy tuân hành.

Ban thường làng An Nghiệp và làng Mậu Tài thuộc tỉnh Phú Yên, mỗi làng 1 bức biển khắc 4 chữ "Thiên tục khả phong", thường Hương trưởng Nguyễn Văn Sĩ và Lê Văn Quang hàm Tùng cửu phẩm bá hộ. Vì dân 2 làng ấy, góp lúa mua ruộng, lập kho, nhường nhịn nhau, không tranh kiện, phong tục thuần lắm; là nhờ Văn Sĩ và Văn Quang xướng suất cho nên được vậy.

Tháng 7, Nghệ An tra đệ 1 án về việc mạo nhận dân phiêu lưu. Thượng thư bộ Hộ Ngụy Khắc Tuần nhơn xin phép cả các tỉnh, hễ làng nào dân phiêu lưu từ triều Gia Long về sau, thời phải để ruộng đất ở đó, chờ lưu dân trở về; còn làng nào phiêu lưu từ lúc Tây Sơn về trước, thời cho dân ở hạt đó lập bộ khẩn ruộng nạp thuế, để cho dân cùng có chỗ làm ăn, mà ruộng hoang ngày càng thêm khẩn trị. Ngài theo.

Khi trước xứ Nam Kỳ lục tỉnh làm việc đồn điền, nhiều người nói bất tiện, Ngài có truyền dụ quan kinh lược Nguyễn Tri Phương xét kỹ thế nào tâu lên. Đến đây Nguyễn Tri Phương tâu: "đất Nam Kỳ liền với giặc mọi, dân xiêu tán nhiều. Nay mượn điều chiêu mộ để dụ dân về, đốc việc khai khẩn để nuôi dân ăn, thiệ là một cách quan yếu giữ giặc và yên dân đó. Hiện bây giờ dân mới hồi phục đã thúc thành cơ, đội, được 21 cơ, lập thành làng xóm phỏng chừng 100 làng, chia ra đồn khẩn, thế đã nghiêm, hình đã vững, không đến nỗi ly tán; nhưng tôi xét việc đồn điền, vẫn lợi nước lợi dân, mà không lợi cho Tổng, Lý, vậy nên Tổng, Lý đặt điều để phỉnh dân, những người nói bất tiện đó, chẳng qua bị chúng phỉnh mà thôi". Ngài khen lời nói khẩn thiết, nghe theo; còn chương trình xét công thưởng phạt, chuẩn cho Tri Phương kê khoản tâu lên. Tri Phương tâu: "Chương trình mộ khẩn, xin chờ sắp đặt xong sẽ nghĩ, chỉ cần về tuần phủ, huyện khuyên đốc, hoặc siêng hoặc nhác phải nên xét, đáng thưởng đáng phạt phải nên định". Tri Phương nhơn dân chương trình xét công phủ, huyện, Ngài cho thi hành. (Các phủ, huyện đều chiếu hiện số mộ đình khẩn điền nhiều ít, chia làm 4 hạng, mỗi hạng chia làm 10 thành, hạng trong 3 năm, lập cho thành căn cứ).

Tháng 7 nhuận, quan tỉnh Định - An tâu: "Phủ huyện khuyên dạy dân trong hạt dự trữ lúa được 48.000 phượng, chờ khi phát mãi, lại sức dân trồng khoai lang, bắp, nưa, so với năm trước hơn xấp ba xấp bốn". Ngài ban thưởng quan tỉnh và quan phủ, huyện kỷ lục hoặc gia cấp.

Giám Viên dịch ở ty Phiên, ty Niết và các phủ huyện từ Bình Thuận trở ra Bắc, cả thảy 679 người.

Kinh lược Bắc Kỳ Nguyễn Đăng Giai mất, (cử nhơn Quảng Bình) được tặng hàm Thái bảo.

Tháng 10, Thượng thư bộ Hộ Ngụy Khắc Tuần mất, (Tấn sĩ Hà Tĩnh) được tặng hàm Hiệp tá.

Tháng 12, Phó lãnh binh Sơn Tây Lê Thuận phá hết đảng giặc ở núi An Sơn; Cao Bá Quát thua rồi chết, quân Triều bắt sống được tướng giặc và đảng giặc đem về. (trước khi ấy, Bá Quát làm giáo thọ phủ Quốc Oai, ý mình có tài làm quan nhỏ, bèn mưu nghịch, cùng người trong đảng tôn Lê Duy Cự làm minh chúa, mà mình làm quốc sư, rú nhau làm giặc ở miền Hà Nội, Sơn Tây, được vài năm, đảng ấy dần dần bị bắt giết hết).

Năm Ất Mão thứ VIII (1855), tháng 3, lại cho mở mỏ kẽm ở tỉnh Thái Nguyên và mỏ than ở tỉnh Hải Dương để đánh thuế.

Tháng 4, định lại lệ "bổ" quan các Tấn sĩ, Phó bảng, Tôn, Giám, Aám sanh". Phạm đậu Tấn sĩ, Phó bảng, sơ thọ Viện hàm một năm, Tôn, Giám, Ấm sanh, tọa Giám đậu Khiêu sơ thọ Viện hàm ba bốn năm, rồi bộ Lại chiếu theo số phủ, huyện, châu, trong các tỉnh lượng chỗ phân phái làm Hậu bổ, gặp việc sai phái, hoặc phái quyền nhiếp phủ, huyện, để học tập việc quan, rồi Tấn sĩ, phó bảng trong một năm, Tôn, Giám, Aám sanh trong 2 năm, gặp có chỗ khuyết, nên thăng, chiếu lệ xét bổ chỗ khác, cho khỏi

yêm trê. Lại xét lệ cũ: Phó bảng lệ thụ Đồng tri phủ, hoặc bổ Tri huyện, có hơi khác nhau; nay đều cho bổ Đồng tri phủ, hoặc bổ Tri huyện, có hơi khác nhau; nay đều cho bổ Đồng tri phủ, hoặc hàm Đồng tri phủ nhưng lãnh phủ huyện, hoặc quyền nhiếp để cho nhứt định).

Ngài bảo quan Nội các rằng: lúa là cây quý trong nước, dân nhờ đó mà sống. Bởi vậy đời xưa trọng việc nông. Nay nên thống dụ các địa phương, hết lòng khuyên dạy, làng nào dân xiêu tán, ruộng bỏ hoang, thời mộ dân cày làm, hoặc ruộng đất nào cày được mà còn bỏ hoang, thời sức người khẩn trị, mỗi đến cuối năm, làm sổ tư về bộ Hộ, chia hạng tâu lên, sẽ định thưởng phạt, để khuyên người siêng mà răn kẻ nhác".

Ngài nghe trong dân tục đua nhau ăn mặc xa xỉ, lễ hôn giá cũng chưa được đúng, truyền bộ Lễ xét khi trước định lễ hôn giá và cách ăn mặc thế nào, sau nghị định đổi lại thế nào, tâu lên. Bộ Lễ lấy luật lệ và nghị định trong năm Minh Mạng thứ 8 và thứ 19 tâu lên. Ngài dạy rằng: "lệ ấy chưa được đủ, phải nghị lại". Bây giờ mới chuẩn định lại cách thức quan dân ăn mặc khác nhau và lễ tang, tế, hôn thú, cùng các điều cấm quan hệ về việc phong tục, rõ và kỹ lưỡng.

Tháng 7, tàu Anh Cát Lợi tới đậu vũng Sơn Chà, người trong tàu lên coi núi Ngũ Hành.

Nguyễn Tri Phương ở Nam Kỳ lâu ngày, thường lấy điều nhớ cung khuyết tâu xin về Triều. Ngài muốn khiến tại chức cho lâu, để trông thành hiệu, mới ban lời dụ và bài thơ khuyên gắng ở lại.

Định lệ "tuyển cử Học thần". (Người nào khoa mục xuất thân, làm mục thước cho học trò được, mới đăng lựa bổ).

Ban cấp bài "Ngự chế quan châm", bài "Khuyết liêm châm" và sắc dụ cho phủ Thừa Thiên cùng các tỉnh, đạo, phủ, huyện, châu (mấy bài ấy đã chép trong Ngự chế văn tập).

Mới định lệ "thưởng phạt về sự chiêu dụ lưu dân". (Trong 10 thành mà thiếu đến 6 thành, thời quan địa phương bị phạt; trong 10 thành mà chiêu dụ được 6,7 thành trở lên, thời quan địa phương được thưởng).

Sách "Đại Nam hội điển" làm rồi.

Thêm ân bổng cho quan ở Kinh, cấp tiền dưỡng liêm¹ cho các quan tỉnh và cho thân tiên tưng lệ. (Kiện lớn 6 quan tiền, kiện nhỏ 4 quan).

Tháng 10, ban 2 bức Biển ngạch thưởng phong tục làng Liêm Công tỉnh Bình Thuận, và làng Diên An tỉnh Hưng Yên; (bức biển khắc 4 chữ "Thiện tục khả phong" lại thưởng người xướng suất cho trong làng làm điều phải. (Người làng Liêm Công là Nguyễn Văn Thơ trọng điều phải, hay châu cấp người cùng, lại đem lễ nghĩa dạy người làng, nên tục làng tốt lắm, được thưởng hàm Chánh cửu phẩm bá hộ. Người làng Diên An là Trần Tú Dĩnh cấp ruộng và lập kho cho làng, lại dạy kẻ con em, giúp người nghèo cực, trong làng nhờ được thịnh vượng, Triều đình cho khai phục Cử nhưn).

Mới đặt ngạch Học sanh ngoài biên tỉnh. (Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Quảng Yên, mỗi tỉnh 3, 4 tên hoặc 5,6 tên).

Mọi Đá Vách ở tỉnh Quảng Nghĩa xin hàng. (Buổi ấy giặc mọi làm loạn, quan quân đánh đã lâu, đến đây mới hàng).

Năm Bính Thìn thứ IX (1856), tháng 2, đến kỳ 3 năm xét công các quan. Bộ Lại làm sổ xét quan văn thời chỉ kể người tại chức mãn 3 năm, chớ không nệ trong 3 năm ấy hoán bổ những chức gì; còn bộ Binh làm sổ xét quan võ thời cũng kể người tại chức mãn 3 năm, nhưng trong 3 năm ấy phải thủy chung một chức mới được. Quan Nội các thấy hai bộ làm khác nhau, xin y theo lệ bộ Binh. Ngài nghe theo.

Truyền các quan coi làm bộ sách Việt sử.

¹ Dưỡng liêm là tặng bổng cho quan, để quan khỏi lấy của dân.

Định lệ "Lang trung, Viên ngoại được tùy ban tâu việc". (Người nào do khoa mục hoặc Tôn, Aám, Giám sanh, Tú tài xuất thân, đều được tùy ban tâu việc; còn Lại điển xuất thân thời chỉ cho chiếu ban vào trực mà thôi).

Truyền chỉ đổi Điện thí gọi là Phúc thí (chuẩn cho các Cống sĩ ngồi làm bài tại tả hữu trường lang, trước đền Khâm Văn. Lại định lệ: ai thi Hội 4 trường được 10 phân trở lên, thời được dự hạng trúng cách; 4 trường được 8,9 phân cùng 3 trường được 12 phân trở lên, đều phải trích ra, để hầu chỉ Ngài định).

Tháng 4, định lại chương trình xét công các quan. (Người nào hiền năng mẫn cán, hoặc ốm yếu, lâm thời sẽ xét nghĩ lại; lại lấy việc trị lại dân, việc binh, lương, hình, thông kể làm 4 điều, khấu tính thường phạt).

Định niên hạn cho các quan thụ hàm được thiết thọ, nhưng chia làm 2 hạng: 1 hạng ở phiên nha, 1 hạng ở giản nha¹; và định niên hạn các quan mắc tội công phải đình thăng. (Văn tứ phẩm, võ tam phẩm ấn quan trở lên, không kể chỗ phiên chỗ giản, thụ hàm được 2 năm mà không mắc xử phân khoản chi nặng, đều cho thiết thọ; văn tứ phẩm, võ tam phẩm thuộc viên trở xuống, ở phiên nha 2 năm, ở giản nha 3 năm, không có xử phân khoản chi nặng, đều cho thiết thọ. Còn trong số các quan nhờn mắc tội công mà phải đình thăng, người khoa mục hoặc võ cử xuất thân, và có công đánh giặc, thời miễn 2 hạng cũng cho thiết thọ, còn ngoài ra thời miễn 3 hạn mới cho).

Ban lời chiếu khiến quan địa phương phải chiếu dụ dân và khuyên dạy làm ruộng (vì các tỉnh số đình thiếu, ruộng bỏ hoang).

Lãnh Thượng thư bộ Hộ Đặng Văn Thiêm mất. Ngài cho thiết thọ Văn minh điện đại học sĩ, tặng hàm Thiếu bảo.

Tháng 7, xứ Bắc Kỳ mưa lụt lớn, các tỉnh báo tai. (Bao nhiêu làng đê bị phá lở nhiều, làng xóm đều nước ngập cả). Ngài thương xót lắm, truyền quan chẩn cấp.

Tháng 8, tàu Đại Pháp sanh sự tại vũng Sơn Chà, thuộc cửa Hàn tỉnh Quảng Nam. Khi ấy có một chiếc tàu chạy đến xưng rằng: "đệ tở Quốc thơ, xin qua buôn bán mà thôi". Rồi lại đến cửa Thuận phủ Thừa Thiên đưa một tập giấy rồi chạy đi. Ngày bữa sau, tàu ấy trở lại cửa Hàn, nói rằng: "đưa thơ xong rồi, chạy tới đây chờ quan chánh, phó sứ đến thương thuyết; nếu không chịu hòa thời trở về rửa nước Xích Mao qua, chắc sanh việc không tốt". Việc ấy tâu lên, Ngài giao quan bộ Binh nghị, lại truyền tỉnh ấy phái binh tuần phòng. Liền thấy tỉnh ấy dâng sớ tâu: "tàu Đại Pháp đã bắn phá các đài bảo ở vũng Sơn Chà rồi". Ngài dụ quan bộ Binh rằng: "cửa Hàn có việc, ta đã chuẩn cho quan tỉnh Quảng Nam đòi nhóm biên binh, tùy cơ chống cự; chỉ có ải Hải Vân là nơi thông với cửa Hàn, phải sai lính qua đó cho mau mà canh giữ".

Sai Hường lô tự Khanh Nguyễn Duy hiệp với quan Hữu dực Đào Trí trừ nghĩ việc ngăn giữ ngoài biển.

Hôm trước chiếc tàu Đại Pháp đưa thơ tại cửa Thuận An, Ngài đã chuẩn trả thơ lại, tỏ ý không chịu nhận lời, rồi tàu Pháp lại tư giấy cho quan giữ cửa Hàn, xin đệ tở thơ giao hảo thông thương: bây giờ lại có một chiếc tàu 3 cột buồm tiếp tới, cùng chiếc tàu trước hạ neo đậu một nơi. Ngài chuẩn phái thêm lính tuyển phong hiệp đồng toán quân trước, đóng giữ cho tráng thanh thế. Được vài ngày, chiếc tàu máy ra cửa chạy qua phía đông.

Bốn mỏ vàng xứ La Sơn, Phước Vượng, Na Ba, Đồng Bộc thuộc tỉnh Lạng Sơn, vàng lại sanh vượng như cũ. Ngài chuẩn cho mở mỏ trưng thuế.

Tháng 10, định lại lệ "con các quan Văn, võ được khai ấm thọ". (Văn, Võ về người Tôn Thất, từ tứ phẩm trở lên, cùng quan Văn bách táng từ tòng tam phẩm trở lên và quan Võ lục đẳng, thất đẳng, các công thần phong tước Nam, đều cho chiếu lệ khai người ấm thọ).

¹ Phiên nha là chỗ công việc nhiều; giản nha là chỗ công việc ít.

Tháng 11, quan Trấn dương đại thần¹ tâu: "2 chiếc tàu tây tới khi trước đó, một chiếc thời đậu giữa vũng, 1 chiếc thời lui tới không thường; chúng tôi đã sai người tới hỏi, thời họ thường kiểm điều nói rằng: "tới hỏi thăm quan Chánh, Phó sứ". Ngài khiến phải phòng bị cho nghiêm (2 chiếc tàu ấy là chiếc tàu 3 cột buồm và 1 chiếc tàu máy).

Kinh lược Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển tâu: "trong các cửa biển ở Nam Kỳ lục tỉnh, như cửa Cần Giờ, tỉnh Gia Định, đã sâu lại rộng, tàu lớn đi được, chỗ ấy quan yếu lắm; còn thứ nữa thời cửa Nhỏ tỉnh Định Tường. Vậy chúng tôi xin lựa chỗ hẹp dưới đôn Tam Kỳ (bờ bên tả thuộc làng Lương Thiện tỉnh Biên Hòa, bờ bên hữu thuộc làng Bình Khánh tỉnh Gia Định) lập 2 đôn ở phía tả và phía hữu để nương đỡ nhau; còn cửa Nhỏ tỉnh Định Tường, thời xin cho quan Tổng đốc Long - Tường tới khám chỗ nào nên lập đôn bảo thêm, tâu lên sẽ xét". Ngài nghe theo.

Tháng 12, Ngự sử Đặng Toán đem tình thế các đàng sông xứ Bắc Kỳ ngăn lấp tâu lên, xin truyền chỉ khởi đào cho thông đàng nước chảy. Ngài dụ rằng: "các tỉnh Bắc Kỳ thường bị nước sông làm hại, lòng ta thương dân, chưa khi nào năm yên, muốn tìm cách sửa trị, cốt tại đào thông dòng dưới. Nay Toán xin vét cửa biển và cấm ngăn đắp đàng nước, nói cũng có lý; vậy phải lục cho các tỉnh có sông, phàm chỗ nào có thể dẫn nước sông ra biển, đều phải vét đào cả".

Năm Định Tỵ thứ X (1857), tháng giêng, bọn Đào Trí tâu: "tàu Đại Pháp đến, xin ta phái quan giao hội hòa hảo, mà quan tàu tự xưng là quan nhứt phẩm mình hội nghị. Vậy xin lựa phái quan Đại thần tới hội". Ngài dạy rằng: "lời đó câu nệ quá chừng; truyền bộ phải lập tức cho Đào Trí hết lòng lo liệu làm sao cho nhằm sự cơ, mới xứng lòng ta ủy dùng, phải mượn người khác làm gì nữa".

Quan phủ Thừa Thiên tâu xin đắp 2 bờ lũy vòng cầu ở cửa Thuận An, bên bãi cát, phía nam và phía bắc để giúp việc phòng giữ. Ngài nghe theo.

Hai chiếc tàu đậu tại cửa Hàn khi trước, đến nay ra cửa chạy đi. Bọn Đào Trí tâu: "xin chia phái biên binh để lại cho đủ số phòng giữ, còn bao nhiêu đều triệt về cho nghỉ". Ngài cho; chỉ để 2 ban lính Long Võ và Hùng Nhụ ở lại phòng bị.

Ngài nghĩ cửa Hàn là chỗ cửa biển hệ trọng, bây giờ tàu Pháp tuy chạy đi rồi, mà những việc làm cho vững về sau, phải nên tính trước. Bèn khiến bọn Đào Trí hội với quan tỉnh kê khoản tâu lên, hậu chỉ thi hành. Bọn Đào Trí đem các sự nghi dâng sớ tâu: (1. Đặt đôn Trấn Dương ở chóp núi, để 20 khẩu súng đại bác; 2. Xin từ thành An Hải đến núi Sơn Chà, từ thành Điện Hải đến cửa Thanh Khê đều đắp lũy cát, trồng gai gốc ngăn giữ; 3. Xin triệt bãi đôn nhứt đôn nhĩ). Ngài truyền về Kinh ứng hậu.

Trung quân đô thống chương phủ sự, Võ lao Hầu Tạ Quang Cự (người phủ Thừa Thiên) xin về hưu. (Tuổi 86, được ăn nửa bổng). Ngài dụ rằng: "làm tôi thờ vua, phải cử người giỏi, người ở Triều đã lâu, xét người đã nhiều, Thống quản có tên nào xuất sắc, cho cử lên". Quan Cự cử 4 người là Đoàn Thọ, Đào Trí, Nguyễn Sơn, Hoàng Ngọc Chung. Ngài lại ngự chế bài thơ ban cho.

Tháng 4, truyền dụ răn dạy các quan trong ngoài, phàm việc gì chớ nên dối trá.

Kinh lược sứ Nguyễn Tri Phương vào châu, Ngài hỏi hết tình trạng đồn điền. Lại hỏi: "tuổi khanh đã cao, được khoẻ mạnh không? - Tâu rằng: "tôi nay 58 tuổi, sức trong mình hơi yếu". Ngài ban cho 1 tráp áo mặc mát. Tri Phương lại đem các điều tru nghị bổ cứu về việc đồn điền, kê khoản tâu lên. Ngài dạy rằng: "Thôi ! Cũng y cho người, để cầu cho nên việc".

Sai quan bộ Hộ Tôn Thất Cáp vào cửa Hàn, khám xét tru nghị các công việc. Khi trở về, Cáp tâu: "cửa ấy thiệt là chỗ hệ trọng, mấy khi đặt thêm các đôn nhứt, nhị, tam, tứ, xin nên để nguyên như cũ". Cáp lại tâu: "phía bắc thành Điện Hải, ngoài lũy cát, cát biển bồi ngằm dưới mặt nước, gần đến giữa vũng, xin đắp thêm một pháo đài tại chỗ ấy, để khi bắn dùng cho thông thả, mà pháo đài liên tiếp với Điện Hải thành, khi có việc cũng để giúp nhau". Ngài giao bộ nghị, Bộ xin theo cả, chỉ có khoản xin đặt pháo đài, thời công trình nặng nề quá, vả lại chỗ ấy cát mới bồi, làm gấp chưa tiện, xin chờ ít lâu sẽ làm. Ngài cho phải.

¹ Trấn dương nghĩa là trấn giữ ngoài biên.

Ngài nghĩ Hà Nội, Bắc Ninh thường năm bị đê vỡ, đã biết trời có khi lụt lội, nhưng vì người chưa hết sức dự phòng, mới dụ khiến Đình thần rằng: "trừ nghĩ thế nào, cho nước sông khỏi hại dân ở đặng yên, chút thư lòng ta lo việc phía Bắc Kỳ. Ta cũng cho Nguyễn Tri Phương được hội nghị, để cho nhiều người nhóm trí khôn với nhau, thời lo việc mới được chín chắn". Đình thần tâu: "bây giờ cứu nước lụt, nếu không đắp đê, thời cũng không có chước gì; xin đặt riêng nha Đê chánh, để chuyên trách cho nên việc". Bọn Phạm Chi Hương lại biệt nghị rằng: "phép trị hà trở nước với đắp đê, hai cách đều nên làm cả; vả lại, 2 con sông Thiên Đức và Hàm Long, từ phía bắc chảy đến, chừng hia ba ngày mới tới biển, trong đàng sông cũng có chỗ cạn hẹp ngăn lấp, nay nhưn đàng cũ xoi thông ra, để cho tiêu bớt nước sông Nhị Hà, còn bao nhiêu chảy xuống biển, thời thế nước đi tiện lắm". Ngài dạy rằng: "việc trị hà khó lựa người lắm, phải cần người siêng giỏi quen việc, mới xứng chức ấy. Lại như lời Phạm Chi Hương xin đó, sự thể nên làm vậy. Chờ lựa được người, sẽ giao xét nghĩ". Khi ấy các quan cử Hộ đốc Ninh, Thái là Võ Trọng Bình, Aùn sát Hà Nội là Nguyễn Văn Vĩ, Ngài cho Trọng Bình lấy hàm Tuần phủ quản lý Đê chánh tham tá. Lại truyền dụ rằng: "các người phải hết lòng sắp đặt, cho được thành hiệu, thời công các người đời đời hãy còn, chẳng những là được hậu thế thưởng mà thôi".

Trương Đăng Quế, Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản, Tôn Thất Cáp tâu công việc Nam Kỳ rằng: "các hạt Nam Kỳ, mấy năm trước nhờ ơn Triều đình điều tế, đã hơi sanh sắc, chỉ có một hai khoản nên tùy thời sửa sang". Nhưn lệ xin 4 việc: 1. Số thuyền tàu công trong Nam Kỳ, xin chiếu theo ngạch lính hiện tại để đủ dùng; 2. Xin đào rộng đàng sông ở 2 huyện Long Xuyên và Kiên Giang để cho thêm hiểm trở; 3. Tỉnh Gia Định, Vĩnh Long, Định Tường gạo nhiều, mà các tỉnh Nam Trực, Tả Kỳ kho tàng chứa gạo ít lắm, xin thuê thuyền buôn vận chở gạo Nam Kỳ ra, trữ cho đủ dùng; 4. Bình Thuận, Khánh Hòa, dân ở bìa núi, thường bị hổ hoạn khổ lắm, xin làm nhiều cách cứu giúp, cho dân khỏi cực. Còn như khoản giao hảo nước Xiêm, (quan Tuần phủ Nguyễn Tường Vĩnh xin giao hảo với Xiêm) thời xét ý Xiêm vẫn muốn giảng hoà, nhưng chưa có mối manh rõ ràng, xin chờ xét kỹ sẽ tâu). Ngài đều theo cả.

Tháng 7, định lại lệ "quan lại bị cách lưu¹ cho khai phục²" (trừ khi gặp Khánh tiết cho khai phục ngoại, còn thời chờ đủ 3 năm kê tâu lên, hậu chỉ).

Hai chiếc tàu máy Đại Pháp từ phía nam đến, ghé hòn La Dự tỉnh Quảng Bình, rồi trở ra cửa Ba Lạt tỉnh Nam Định đậu vài ngày chạy đi.

Tháng 8, gặp lễ Vạn thọ, nhưng khi ấy xứ Bắc Kỳ bị lụt bão, Ngài truyền giảm yến hạ, hát múa.

Khi trước Tri huyện Kỳ Anh (thuộc Hà Tĩnh) Nguyễn Mẫn được phép vào châu, có điều dâng rằng: "trong hạt nguyên có 1 con sông nhỏ, từ làng Hữu Lễ liên tiếp các huyện Cẩm Xuyên, Thạch Hà, Can Lộc, rồi chảy xuống biển, xin đào cho sâu, cho tiện việc nông thương". Tháng trước quan khoa đạo Nguyễn Đức Trứ lại tâu: "từ Ninh Bình qua Thanh Hóa, Nghệ An, đàng Càng đời Trần, đời Lê đào, dấu cũ đương còn, nhưn đó mà xoi vét ra, thời ghe thuyền đi thông được". Ngài nghĩ lời Nguyễn Mẫn và lời Nguyễn Đức Trứ tâu hơi giống nhau, rồi khiến quan tỉnh khám mà làm. Đến đây qua tỉnh Nghệ An tâu: "đàng Càng cũ ở hạt ấy, phía bắc từ cửa Xước cảng tiếp giáp biển Quảng Bình, nếu cho đào thời công từ đều tiện; chỉ có công trình trọng đại lắm, mà dân trong hạt cực khổ đã lâu, chưa được bình phục, xin hoãn 3 năm sẽ làm". Ngài ban rằng: Việc ấy tiện lợi lắm, ngày nào có thể khởi công được, cho phép phúc tấu, không cần chờ đến 3 năm".

Định lệ "trong ngoài phải đem 3 điều: đức, tài, lao mà xét cử các thuộc viên". Lại định lệ "bổ quan". (Cũng chiếu theo 3 điều trên mà làm).

Quang Lộc tự khanh Nguyễn Tư Giản (người Bắc Ninh) điều trần công việc trị hà: 1. Xin đắp đê ở biển để bớt thế nước, 2. Xin sửa bờ đập, cửa cống, để phòng khi nước to, 3. Xin ngăn con nhánh, để giữ đàng sông cái chảy cho mạnh; 4. Xin vét đàng cũ để trở nước; 5. Xin lấp đàng nước đục, cho khỏi bùn lầy; 6. Xin trữ của cho sẵn, để trừ việc chi phí; 7. Xin hậu cấp tiền công, để cứu dân khổ; 8. Xin quyên của cho nhiều, để giúp những công việc lớn; 9. Xin đặt hà đình để coi việc canh giữ cho chuyên). Ngài cho Nguyễn Tư Giản lấy bốn chức sung Hiệp lý để chánh sự vụ để cho được tỏ hết tài học.

¹ Cách lưu là bị cách mà còn để ở chức đó.

² Khai phục là cho phục lại chức cũ mà đã bị cách

Tháng 10, dụ các quan cử người có văn, võ tài lạ.

Tháng 12, ban cấp Kinh, Truyện, Sử cho các ông Hoàng đệ mỗi ông 1 bộ. Ngài dụ rằng: "xưa ông Đông Bình¹ ham học, vua nhà Hán ban cho sách Bí thư, ta cho việc ấy đáng khen lắm. Nay các em nếu thiết hay dụng tâm trong mấy bộ sách này, thời nghĩa đã rõ, đủ thấu biết tinh thần; nghe lại nhiều, đủ tu nên đức nghiệp; chớ để Đông Bình được tiếng tốt một mình, thời vui gì còn hơn"!.

Kinh lược xứ Nam Kỳ và Đốc phủ tỉnh An - Hà dâng sớ tâu: "tỉnh Hà Tiên là chỗ địa đầu quan yếu; (gần sát bờ biển, tiếp giáp nước Xiêm, nước Lạp) mà xưa nay chỗ Tỉnh, Phủ chỉ đặt tạm lỵ, chưa có đắp thành, bảo. Nay xin lập tỉnh bảo ở sau bảo Trấn Biên, dưới núi Ngũ Hồ; lập phủ bảo ở dưới núi Tô Châu cho vững bờ cõi". Ngài nghe theo.

Định lại lệ "đắp uynh mã các quan viên". (Mộ quan nhứt phẩm, được 90 thước²).

Năm Mậu Ngọ thứ XI (1858) tháng giêng, quan Đề chánh Võ Trọng Bình xin trừ kê công phí về việc đào sông Thiên Đức và đắp bờ đê ở Hà Nội, Bắc Ninh, Nam Định, Hưng Yên, Ninh Bình tâu lên, nhưng xin để tới năm sau sẽ khởi công, Ngài nghe theo.

Trương Đăng Quế tâu: "bờ đê Bắc Kỳ, chỉ có Hà Nội xung yếu hơn, tôi trước đã đến khám, (nguyên Đăng Quế đi Khâm sai về) thời các bờ đê tại Hà Nội, Hưng Yên thường bị xoi lở, tuy địa thế thấp, ngọn nước xung chọi nên thế, mà cũng tại bờ đê chưa được bền chặt, không nên đổ tại nước mà làm hại. Bây giờ phải lấy việc sửa bờ đê làm gấp, mà các bờ đê Hà Nội, Hưng Yên nên sửa trước, thuê dân làm công để thay việc chăn thả, hễ sửa đắp bền chặt cũng giữ được vài năm, rồi sẽ tính mở đàng sông khác, mưu việc trăm năm lâu dài, mới là vững vàng; còn như đàng cũ sông Thiên Đức, phải nên vét đào, mà cũng phải tùy thế mở cửa sông khác, dẫn nước về phía đông, mới giữ được cái lợi vô cùng; nếu chỉ lo đào một sông Thiên Đức, e chưa đủ bớt sức nước chảy; đến như sông Thanh Hương vẫn nên mở thông, nhưng chằng qua đờ bớt một ít mà thôi; chỉ có nghị đào sông Hoạch Giang tỉnh Ninh Bình, để trở bớt nước sông Hát Giang, việc ấy nên làm lắm". Ngài cho phải, khiến lục giao cho quan Đề chánh biết mà làm.

Tháng 6, truyền dụ quan địa phương phải mở điều lợi, trừ điều hại, cử người hiền, bỏ người tham.

Tháng 7, có 12 chiếc tàu Đại Pháp vào cửa Hàn, bắn phá các bảo đài. Việc ấy tâu lên, Ngài sai Đào Trí hội đồng với quan Tổng đốc Nam Nghĩa là Trần Hoảng cự đánh. (Rồi sau Trần Hoảng nhưn Hải Thành bị hãm, phải cách hiệu, Đào Trí được quyền Tổng đốc).

Quân Đại Pháp hãm lấy 2 thành An Hải và Điện Hải. Ngài sai Hữu quân Lê Đình Lý làm Tổng thống, đem cấm binh 2.000 cự đánh. (Từ khi 2 thành ấy thất thủ, lòng Ngài nóng nảy lắm, tiết thứ nghiêm dụ: hoặc khiến lựa chỗ đóng đồn, hoặc khiến lựa thế quyết đánh, hoặc khiến nhưn ban đêm vây đánh, hoặc quở trách các tướng dùng dằng. Ngài chỉ bảo, phương lược cũng đã nhiều lần).

Lính Đại Pháp vào làng Mỹ Thị nhỏ rào đồn, phá núi đất; Lê Đình Lý cự đánh tại làng Cẩm Lệ, bị đạn, thương nặng, lính tráng sảng sốt chạy hết; Đình Lý về tỉnh Quảng Nam trị bệnh, rồi mất. Ngài sai Thống chế Châu Phước Minh đến thay, rồi lại dùng Kinh lược Nguyễn Tri Phương sung chức Tổng thống, đổi Phước Minh làm Đề đốc.

Tháng 10, lính Đại Pháp vào sông Hàn và sông Thị Nại, bọn Đào Trí chia binh phục đánh, đuổi chạy.

Tháng 11, lính Đại Pháp thành lĩnh xông phá 2 đồn Hóa Quê và Nại Hiên, Hiệp quản Nguyễn Triều và Nguyễn An cự đánh hết sức, bị chết; bọn Phước Minh cứu viện không kịp. Việc ấy tâu lên, Ngài ban rằng: "quân đã cô, cứu viện lại không có, 1 quan Tướng đã khó tìm, huấn chi chết đến 2! Bọn Tổng thống không đau lòng hay sao?" Các Tổng thống đều bị giáng phạt, còn mấy người tử trận đều được tặng cấp. Bấy giờ Nguyễn Tri Phương phái lính sửa đồn lại, chia đặt vọng lâu xích hậu, để cứu ứng cho

¹ Đông Bình vương tên là Thương, em vua Hán Minh đế.

² 90 thước là kể từ nơi mộ trở ra, thành ra bề ngang và bề dài đều 180 thước.

mau. Bọn Phước Minh mỗi ngày chia quân qua các đồn, gặp lính Đại Pháp, quân mình cự bắn đuổi được. Ngài than rằng: "chưa được trận gì hơn, luống nhọc lòng ta trông đợi mà thôi!".

Nguyễn Tri Phương mới đến quân thứ, mật xét tình trạng, tâu sớ nên đánh nên giữ. Ngài dụ khiến Tri Phương vẽ địa đồ và bày mưu mẹo dâng Ngài xem. Tri Phương tâu: "bên họ đánh thời lợi, bên mình giữ thời hơn, bây giờ xin giữ cho vững để làm cách cự chiến: đắp thêm đồn lũy, lần lần xông tới". Ngài ban rằng: "bên đánh không bình, họ dễ cử động, mà mình khó châu đáo. Vậy việc giữ có 6 điều hại: (1. Động tĩnh không cần mật; 2. Khí cụ không tinh xảo; 3. Thám tử báo lầm; 4. Đồn, lũy không coi khắp; 5. Quân tâm nhút nhát, tướng lệnh không nghiêm; 6. Binh chia thời sức yếu, phòng chỗ nọ bỏ chỗ kia). Ngài đã ban lời dụ chỉ vẽ rồi, lại truyền Tri Phương phải tùy việc khuyên răn quân tướng, và nghĩ mưu này lập thể kia, phòng giữ các đạo binh, cho khỏi lo về sau, rồi sẽ chuyên ý xông tới, lần hồi dẹp yên, mới nên công lớn được.

Tháng 12, bọn Nguyễn Tri Phương đắp đồn Liên Trì. Lính Đại Pháp chia đạo đến đánh đồn Thạch Giảng và Nại Hiên; quân phục ta bắn lui được. Việc ấy tâu lên, Ngài ban rằng: "từ trước đến giờ chưa thấy dùng mưu gì lạ, từ nay về sau, nếu có giao chiến, phải chia lính mạnh phục các nẻo, để triệt đường quân họ trở lui".

Ngài ban cho Nguyễn Tri Phương 1 thanh ngự kiếm và sâm quế hạng. Tri Phương đắp lũy dài từ Hải Châu đến Phước Minh, Thạch Giản, ngoài lũy đào hào hình chữ phẩm, cắm chông, đổ cát và lấp cỏ lên trên, chia đặt quân phục, sát tới thành Điện Hải. Lính Đại Pháp chia 3 tiền đạo đến đánh, quan quân giữ lũy bắn, quân Pháp phải lui.

Khiến quan tỉnh Quảng Nam sắm đồ trâu rượu khao quân. (Tiết thứ đã thưởng bạc tiền quần áo, đến đây lại đãi trâu rượu).

Học trò tỉnh Bắc Ninh là Nguyễn Đức Y xuất của nhà lập nghĩa thương. Đặt hương điền giúp nuôi binh dân, châu cấp người nghèo, tiền lúa dùng được rộng rãi, các làng bàn cận đều tin phục. Quan Tỉnh đem việc ấy tâu lên, Ngài thưởng 1 đồng tiền bạc và cặp áo, tha binh điều thân thuế 8 năm.

Năm Kỷ Vị thứ XII (1859) tháng giêng, lính Đại Pháp bắn phá các đồn Lương Thiện thuộc tỉnh Biên Hòa, Phước Vĩnh, Danh Nghĩa thuộc tỉnh Gia Định; vào cửa Cần Giờ chặn sông Phú Giang thuộc tỉnh Biên Hòa, hãm lấy các đồn Tả Định, Tam Kỳ thuộc tỉnh Biên Hòa, Bình Khánh, Phú Mỹ, Hữu Bình thuộc Gia Định, liền tới bức thành Gia Định. Quan Hộ đốc Võ Duy Ninh chạy giấy các tỉnh hội binh cứu viện, Duy Ninh tự tử.

Lính Đại Pháp đánh hãm thành tỉnh Gia Định. Khi ấy luôn mấy ngày lính Đại Pháp đã bắn phá các đồn gần sông, như chạy tàu thẳng tới bến sông trước mặt tỉnh thành bắn vào; lại có 1 toán quân lên bộ quanh thành đuổi đánh, quan quân mình thua chạy hết, thành bị hãm, lại bắn phá thành, đốt dinh trại kho tàng, rồi lui tàu đậu tại con sông phía dưới đồn Hữu Bình. (Trước khi ấy, Ngài nghe báo thành Gia Định bị vây, lập tức sai các đạo quân binh tới cứu, quân mới ra đi thành đã hãm rồi).

Tháng 2, truyền dụ Nam, Bắc các địa phương phải dạy tập biển binh.

Khi ấy quan Thống đốc quân vụ đại thần Tôn Thất Cáp đóng binh tại Biên Hòa, Ngài truyền dụ quan qua tỉnh Gia Định phòng liệu.

Đặt súng đồng, địa lôi tại các đồn ở cửa Thuận An và thêm lính phòng giữ.

Tháng 4, tàu Đại Pháp bức tới bờ biển trước đồn Phước Minh và Thạch Giản, (tàu máy 9 chiếc, xam bản hơn 20 chiếc) chia binh bọc bắn, đạn xuống như mưa, tới hãm đồn Du Xuyên. Hiệp quản Phan Hữu Điển ra sức cự đánh bị chết, các đồn bị mất luôn. Bọn Nguyễn Tri Phương lui về đồn Nại Hiên, Liên Trì. Việc ấy tâu lên, Ngài dụ quan Thứ thần phải khích khuyến tướng sĩ, quyết đánh một trận để báo thù, nếu coi thế không được thời phải cố giữ, cho vững lòng quân.

Tháng 6, Đại Pháp sai người đến nghị hòa, xin ta phái quan tới hội. Quan quân thứ tâu lên, Ngài khiến Nguyễn Tri Phương chuyên coi việc ấy; lại truyền quan bộ Binh rằng: "Nước Pháp đã sai người đến nghị hòa, mà còn dung túng quân lính đốt phá (Quảng Nam Khánh Hòa) làm như vậy mà muốn nên hòa

cuộc được đâu?" Liễn truyền dụ quan Quân thứ lấy điều ấy hỏi lại; quan Tướng nước Pháp trả lời rằng: "từ rày về sau không làm thế nữa".

Ban thường Nghĩa dân tỉnh Vĩnh Long và Gia Định. (Mỗi làng 1 bức biển khắc 4 chữ "Hiếu nghĩa khả phong" vì dân ấy quyên tiền gạo giúp quân).

Tháng 7, Nguyễn Tư Giản dâng mật sớ tâu không nên nghị hòa. Ngài hỏi quan Cơ mật. Trương Đăng Quế, Phan Thanh Giản tâu rằng: "người Pháp nguyên xin có 3 khoản: 1. Khoản xin đất cắt, điều ấy quyết không nên cho; 2. Khoản thông thương, thời từ khi Quốc sơ đến nay, đã có định lệ; 3. Khoản dạy đạo Thiên Chúa, thời từ Trần, Lê cũng đã thế, như gần đây cấm ước nghiêm quá, nên chi họ phải xin, bây giờ ta nên tha điều nghiêm cấm, mà được nghị bình yên dân, thời hòa là tiện hơn".

Tổng đốc An Hà Cao Hữu Bằng mất (Hương cống phủ Thừa) Hữu Bằng trải thờ 3 Triều, một lòng kính cẩn từng đương chốn biên khốn, dân và mọi đều mến phục, Ngài thương lắm, cho tặng hàm Hiệp tá.

Truy tặng các quan tuấn tiết¹ rất triều Lê từ Lê Quýnh trở xuống, cả thảy 23 người, (đều được ban thụy hiệu lập nhà thờ tại Hà Nội).

Truyền chỉ dựng bia Liệt Nữ Phan Thị Thuần tại làng Thúy Aùi tỉnh Hà Nội. (Thị Thuần là người huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh, vợ hầu quan Quản tiền trạch đội nhà Lê là Ngô Cảnh Hoàn; khi ấy có giặc Tây Sơn, Cảnh Hoàn cự giặc tại sông Thúy Aùi, bị tử trận. Thị Thuần nghe tin không khóc cũng không để tang; hoặc có kẻ chê cười, Thị Thuần đáp rằng: "chồng tôi chết vì việc nước, chết vậy là sướng, còn buồn rầu làm chi nữa". Được hơn một tháng, Thị Thuần đến bờ sông ấy, đặt bài vị chồng lạy khóc, rồi nhảy xuống sông tự tử).

Tỉnh Quảng Nam dân đói, lòng Ngài thương xót lắm, truyền các quan rằng: "giời dân, giới lúa², đời xưa cũng có làm việc ấy". Liễn truyền dụ các tỉnh Bình Định, Phú Yên chở lúa ra Quảng Nam, lại đem dân đói vào Nam Kỳ.

Trước đã truyền dụ ân quan xét người có tài văn võ, mà các quan địa phương cứ chưa được người. Nay Ngài lại truyền dụ rằng: "trong mười bước chắc có một bụi cỏ thơm, trong ngàn ngựa có một con ngựa hay, lẽ đâu trong đời không có nhưn tài, e các người chưa biết mà thôi. Xưa Bách Lý Hề³ nếu không gặp Công Tôn cử lên, đến già cũng cứ nuôi trâu: Gia Cát Lượng⁴ nếu không có Thủy Cảnh tiến lên, trọn đời ở trong lều cỏ. Nên chi các tôi đời xưa như Ngu Doãn Văn⁵ có tài quán lục, Lữ Mông Chánh⁶ có giáp đại thơ, khẳng khẳng cầu người hiền, để dâng cho vua. Nay các người đã chẳng hay lấy mình đương việc, làm cho có công nghiệp to, lại chẳng hay vì nước cử người hiền, thời lấy ai giúp ta? Các người phải hết lòng hỏi xét, được người nào giỏi cử lên, chớ nên không".

Tháng 10, truyền trong ngoài bớt việc văn án. (Nếu chẳng phải việc gì trọng, án gì trọng, đều cho để đến rồi năm kê sách một lần).

Lính Đại Pháp bắn phá pháo đài Định Hải tỉnh Quảng Nam, chiếm đồn Chợ Sảng, đàng Hải Vân ngạnh trở. Ngài sai quan Thống chế Nguyễn Trọng Thao sugn chức Đề đốc quân vụ, đem binh cự đánh.

Nguyễn Tri Phương sửa đắp đồn lũy, chia quân đóng các nơi.

Tháng 12, truyền lập Nghĩa thương.

¹ Tuấn tiết là vì nước mà bỏ mình.

² Giới dân, giới lúa là cuc khi mất mùa dân đói việc ấy xưa vua Long Huệ Vương ở đời Chiến Quốc có làm, sách Mạnh Tử đã nói rõ.

³ Bách Lý Hề đời Xuân Thu, khi còn hàn vi phải nuôi trâu, Công Tôn Chi biết là người hiền cử lên vua Tần Mục Công dùng làm tướng.

⁴ Gia Cát Lượng tên chữ là Khổng Minh, đời Tam Quốc ở ẩn thảo lư, Tư Mã Huy hiệu Thủy Cảnh biết có tài, tiến cho Lưu Bị dùng làm Quân sư.

⁵ Ngu Doãn Văn làm tướng nhà Tống, nghe ai có tài, đều chép tên vào sổ, để cử dùng, kêu là Tài Quán lục.

⁶ Lữ Mông Chánh cũng làm tướng nhà Tống, nghe ai hiền biên tên bỏ dấy, tức là Giáp đại thơ, để nhớ mà cử lên.

Buổi ấy Cao Man ý muốn làm phản, Ngài khiến quan tỉnh An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long, Định Tường, Gia Định, phòng bị các chỗ địa đầu quan yếu.

Năm Canh Thân thứ XIII (1860), tháng giêng, tàubinh Đại Pháp ở vũng Sơn Chà chạy đi, nhưng còn ở lại Chơn Sáng và Đà Nẵng. Ngài dụ khiến 2 đạo quân thứ Quảng Nam và Hải Vân nhằm thế mà chinh bị.

Quan soái Đại Pháp Ba Dụ nhờ các quan Quân thứ Gia Định đưa tờ hòa thơ nói 11 khoản: (1. Đại Pháp cùng Đại Nam giao hiếu muôn năm cho tỏ nghĩa lớn; 2. Như có tờ quốc thơ thời sẽ giao tại cửa Hàn rồi đi đàng bộ để đến Kinh; 3. Nước ta giao hiếu với nước nào, thời Pháp cũng đãi như nước anh em; 4. Dân ngu đã chịu làm thuê với Pháp, xin đừng bắt tội; 5. Đại Pháp cùng Nguyên soái nước ta đóng ấn vào tờ hòa ước, rồi tàu binh liền ra khỏi cửa; 6. Người đạo Gia Tô làm quấy, thời theo luật trị tội, nếu biết giữ phép thời không được tra bắt; 7. Nếu bắt được cố đạo, xin tha xiềng giao về nước Pháp. 8. Tàu Pháp vào cửa buôn bán, không được ngăn đón bức sách; 9. Xin cấp một bồn hòa ước cho nước Y Pha Nho (Espagne); 10. Cho cố đạo qua lại các làng theo đạo khuyên dạy; 11. Xin đặt quan Sứ ở cửa biển lập phố buôn bán). Quan Quân thứ chước nghĩ trong mấy khoản, chỉ có 8 khoản trên không quan ngại chi lắm, quyền tạm biên nhận xin y; còn 3 khoản sau (cấp tờ hòa ước cho Y Pha Nho; cho cố đạo qua lại dạy đạo; quan Sứ lập phố buôn bán). Không dám y theo. Đem việc ấy tâu lên, Ngài khiến Đình thần hội nghị, mỗi người bàn mỗi khác.

Sách Khâm định như sự kim giám làm rồi. (Luân lý, hình thể, phẩm hạnh, cảnh ngộ, ngôn ngữ, văn học, võ lược, nghệ thuật, cả thầy 8 mục).

Nước Cao Man xâm tỉnh An Giang, Hà Tiên. (Khi ấy các tướng giặc ngoài Bắc đã bắt giết nhiều, mà An - Hà lại sanh giặc).

Tháng 3, Đại Pháp sai đốt các đồn An Hải, Điện Hải tại núi Sơn Chà, rồi những tàu binh đậu vũng Sơn Chà đều chạy đi hết. Ngài dụ quan Quân thứ và các địa phương chỗ nào có hải phòng phải phòng bị chi nghiêm ngặt.

Đốc học Nam Định là Phạm Văn Nghị khi trước có xin đem thân biên, binh đồng ứng mộ hơn 300 người, vào quân thứ Quảng Nam đánh giặc. Bây giờ Văn Nghị đem quân tới Kinh, vừa gặp tàu Đại Pháp đi rồi, Ngài truyền lệnh cho về hết, nhưng ban tiền bạc để khuyên người có lòng ứng mộ giúp nước.

Tháng 4, sao Thái Bạch hiện ban ngày, đến tháng 6 mới lặn.

Có 23 làng trong tỉnh Quảng Nam yên tiền lúa, đặt xã thương, Ngài ban thưởng có phân biệt.

Truyền đòi Tổng thống Nguyễn Tri Phương, Tham tán Phạm Thế Hiển thân quân về Kinh.

Tháng 5, tỉnh Bình Định gió bão.

Sao Chối mọc phía tây bắc, dài 5 thước, mỗi đêm cao lần lên.

Tháng 6, cho 5 người cháu các quan văn võ (Nguyên Thượng thơ Nguyễn Đình Đức; tặng Hiệp tá Hoàng Kim Xán; tặng Chương cơ Nguyễn Văn Tín và Ngô Thành) viện theo tổ ấm vào trường Giám học tập. Trước chưa định lệ ấm tôn, đến nay bộ Lễ tâu xin, Ngài gia ơn đều giao cho quan trường Giám hạch bổ vào Giám.

Tháng 7, cho quan Đông các đại học sĩ, Tráng Liệt Bá Nguyễn Tri Phương sung chức Gia Định quân thứ Tổng thống quân vụ đại thần, đổi Tôn Thất Cấp làm Tham tán. Trước khi ấy, Ngài đem việc trong Gia Định nên đánh nên hòa, hay là nên giữ, và những mưu mẹo nên xử trí thế nào mật hỏi Nguyễn Tri Phương và Phạm Thế Hiển - hai ông ấy tâu rằng: vừa giữ vừa đánh tiện hơn; lại đem những việc cần kíp nên xử trí thế nào bày tâu cả. Ngài cũng cho là phải. Đến nay Ngài bảo Tri Phương rằng: "Nguyên soái Nam Kỳ, hiện bây giờ không ai bằng người, từ Đình thần đến quân sĩ đều nói như thế, người không nên chối từ; còn như Quảng Nam nếu gặp việc gì, phải có 1 Đại viên vào đó coi sóc, người nên lựa người giỏi cử lên. - Tri Phương tâu: sự thế hồi nay, so với ngày trước khó xấp 3 xấp 5; vả lại, quân dân của đã hết, sức đã yếu, lại không ví như lúc trước được; khi tôi còn ở Quảng Nam, nghĩ thẹn không công trạng gì, nhưng chức phận làm tôi, dẫu sai đi đâu cũng phải vâng mạng còn coi sóc việc trong Quảng Nam, tôi xét có Phan Thanh Giản và Nguyễn Bá Nghi ở Chánh phủ đã lâu, quân cơ biết rõ, thiết tưởng 2 người ấy

sung chức ấy được". Ngài khiến Tri Phương đi. Lúc ra đi, Tri Phương lại mật tấu 6 việc: (1. Xin chăm việc binh, tài; 2. Xin yên ủy xứ Bắc Kỳ; 3. Xin bày cách chở súng; 4. Xin phái thêm Phạm Thế Hiển; 5. Xin kết hiếu với Xiêm La; 6. Xin trách hỏi Cao Man). Ngài đều nghe cả, lại dụ rằng: "việc ngoài biên khổ, ta giao cho người, phải hết lòng đánh dẹp, khiến cõi Nam êm lặng, để khoan lòng ta lo lắng đêm ngày". Ngài ban cho bài thơ để khuyến miễn và ban gấm, the, sâm, quế các hạng.

Truyền quan lại Bắc Kỳ phải chăm an dân và làm cho đủ thuế nhà nước. Lại truyền lục bài Lại Châm ban khắp cả trong ngoài. (Bài ấy chép ở trong Ngự chế văn sơ tập).

Trương Đăng Quế dâng sớ xin về hưu trí, Ngài chuẩn cho lấy nguyên hàm Quản lý Binh bộ, sung chức Cơ mật viện đại thần, Kinh diên giảng quan Đăng Quế duyệt trước, thự lên rồi sẽ tâu, nhưng cho ở nhà tư dưỡng bệnh; hoặc 10 ngày hay 5 ngày một lần vào chầu; nếu có việc chánh sự lớn cũng dự nghị; Ngài lại cho phép được đi vắng đến ngoài cửa Nhựt Tinh, Nguyệt Anh, để tiện tới chầu cho khỏi mệt nhọc.

Quan binh tình An Giang đánh đuổi quân Cao Man ở núi Thất Sơn.

Ngài thường kính đọc tờ Di chiếu mỗi tháng vài lần. Trong tờ chiếu có 16 chữ: kính thiên, pháp tổ, cần chánh, ái dân, thân hiền, đồ trị, chí thiện; đôn thân; nghĩa là: kính trời, bắt chước Liệt thánh, siêng việc chánh, thương dân, thân người hiền, lo trị nước, giữ điều phải, yêu bà con. Ngài nghĩ mấy chữ ấy là rất thiết yếu, như làm bài thơ kính ghi, để cho dễ đọc và nhớ lâu. (Bài thơ chép ở Thi sơ tập).

Tháng 10, mọi Quang Nghĩa thường xuống cướp bình dân, quan Tỉnh là Nguyễn Tăng Tín trừ nghĩ những cách phòng giữ tâu lên và nói một mình coi ngó không khắp, xin sung lãnh chức Tuần phủ, tới đó phòng giữ.

Tháng 11, binh Đại Pháp đánh lũy mới Gia Định, quân ta thắng trận, ngài chuẩn thưởng bọn Nguyễn Tri Phương và truy tặng cấp tuất các người tử trận.

Khiến trong và ngoài từ nay về sau không được mạo đặt các danh mục (như là các Tuần tổng, Tuần huyện, Cán tổng, Cán huyện. Nếu còn trái phép, trị tội).

Ngài nghĩ rằng an trên trị dưới, chẳng chi hay hơn lễ, truyền bộ Lễ châm chước nghĩ định trong Triều đình các Hoàng thân và các quan Văn, Võ khi yết kiến thế nào, khi gặp nhau thế nào; và lễ ngoài dân gian hương ẩm vị thứ thế nào, nam nữ hôn thú thế nào; kê khoản dâng lên. Ngài chuẩn cho biên làm lệ.

Có 4 chiếc tàu Đại Pháp chạy đến ngoài cửa Bàn Côn tỉnh Vĩnh Long thả neo đậu lại; rồi đến thêm 5 chiếc nữa đậu lại cửa biển Ngao Châu. Ngài nghe báo, truyền các cửa phòng bị cho nghiêm.

Năm Tân Dậu thứ XIV (1861), tháng giêng, quan Đề chánh Nguyễn Tư Giản xin vét thẳng sông mới (từ Phước Lại đến Tư Cang) cho thông đàng nước. Ngài nghe theo.

Khiến các quan sung khởi cư chú ở viện Tập Hiền hội làm sách sử yếu (khởi đầu từ Ngũ đế đến đời Nguyên, Minh, đại lược như thể sách Giám toát) mỗi 5 ngày một lần tẩn lãm.

Quân Đại Pháp tới đánh đồn Gia Định, quan quân ta lui đóng ở tỉnh Biên Hòa. Khi ấy tàu Pháp đến thêm 30 chiếc, lính hơn 10.000 người, châu súng bắn vào đồn, bắc thang leo lên lũy, quan quân đối địch không nổi, đồn bị phá, Nguyễn Tri Phương lui về tạm tỉnh¹; Đại Pháp lại đem vài ngàn lính ngày nào cũng bắn, quan quân ta không chống nổi, lại lui đóng tại tỉnh Biên Hòa, quan Tỉnh cũng dời tới đó ở chung. (Vừa rồi trận ấy, Phạm Thế Hiển mất).

Lính Đại Pháp đánh phá thành tỉnh Định Tường. Trước khi ấy có 14 chiếc tàu vào đậu vũng Cù Oác; sau vài ngày lại tới thêm một chiếc nữa; còn cửa Bé, cửa Lớn, đều có tàu Pháp đậu ở ngoài biển. Lãnh Tổng đốc Nguyễn Công Nhòn đưa thơ qua lại, quyền làm kế hoãn binh. Tàu Đại Pháp lại tới thêm 3 chiếc, đều vào đậu phần biển làng Tường Khánh. Bọn Công Nhòn xuất binh đồng qua đồn Tân Hương cứu viện; đạo binh Pháp xông đến ngàò lũy bắn luôn mấy ngày, quân ta bắn không lại, lui giữ đồn Tịnh

¹ Tạm tỉnh là đặt ra 1 chỗ như tỉnh lý để ở tạm, chứ không phải thiết tỉnh thành.

Giang, rồi cũng chạy tan, binh Pháp liền bức tới thành tỉnh, Công Nhờn nhảy xuống chiếc thuyền con lánh đi chỗ khác, quân lính chạy trốn hết thủy; lãnh Tuần phủ Nguyễn Hữu Thành mở cửa thành chạy. Ngài nghe việc 2 thành thất thủ, truyền đình thần định tội quan Quân thứ và quan tỉnh; nhưng trách giao mấy ông quan đó phải thân nhóm quân sĩ, để lo báo phục trận khác.

Ngài ngự cửa Thuận An, xem thấy cửa biển bồi cạn quanh co, ngày thêm yêu biển, cho là Thần biển linh thiên giúp nước, truyền quan tế miếu Long Vương; qua ngày sau ngự về.

Tháng 4, cho Tổng đốc Trương Văn Uyển, Tuần phủ Phan Khắc Thận sung chức Phòng tiểu quân vụ, Tả lý Đỗ Thúc Tĩnh Phủ thừa Nguyễn Túc Trưng sung chức Khâm phái quân vụ (rồi Văn Uyển, Khắc Thận, thúc Tịnh được lãnh Đốc, Phủ 4 tỉnh Long, Tường, Định, Hà).

Truyền dụ đem mười việc sau này xét cử những người có tài lạ: (1. Thuộc binh Pháp; 2. Mạnh bạo hơn người; 3. Võ nghệ hơn chúng; 4. Biết thiên văn; 5. Tinh địa lý; 6. Cơ biến tinh tường; 7. Nói phô lan lợi; 8. Học thuốc giỏi; 9. Thánh thính hay; 10. Kỹ nghệ khéo).

Khi trước Ngài cho Thượng thư bộ Hộ Nguyễn Bá Nghi làm Khâm sai đại thần. Bá Nghi đến Biên Hòa, nghĩ rằng đánh giữ chưa tiện, có xin ủy người tới giảng hòa, làm kế hoãn binh. Bấy giờ Bá Nghi đem hiện trạng tâu lên, Ngài đưa sớ ấy cho Trương Đăng Quế. Đăng Quế tâu: "người Pháp muốn ở Gia Định, lại toan lấy Định Tường, Biên Hòa, e hòa cuộc không xong; trừ việc đánh việc giữ, thời không có chức gì khác". Ngài lại dụ Bá Nghi hoặc có chủ ý gì cho phép tâu ngay. Bá Nghi lại tâu: "Sự thể Nam Kỳ, chỉ có hòa mới được, chẳng thể còn sanh điều ngại khác". Ngài truyền rằng: "sự thể khó làm, ta đã rõ rồi, người phải hết lòng hết sức, để cho tỏ tài giỏi trong lúc nguy biến, cũng như biết có cứng trong lúc gió to".

Tháng 5, mới định lệ "Tú tài tuổi 40 trở lên, hạch đậu được bổ quan". (Ai đậu ưu, đầu bổ chánh cử, thăng đến chánh thất là chỉ hàm; hạng bình, đầu bổ từng cử, thăng đến chánh bát là chỉ hàm; hạng thứ, đầu bổ Thừa phái thăng đến chánh cử là chỉ hàm; đã chỉ hàm rồi, thời sau theo lệ "quan nhơn" mà thăng).

Bản Thực lục chánh biên chép việc triều Thánh tổ Nhơn Hoàng đế đã làm rồi.

Nước Y Pha Nho phái 1 chiếc tàu tới nhờ quan Quân thứ Biên Hòa đệ thư cầu hòa. Quan quân thứ đem thư dâng lên. (Tờ thư nói: xin ở núi Đờ Sơn, lập sở Tuần ty tại huyện Nghiêu Phong tỉnh Quảng Yên, trong 10 năm sẽ trả lại; nếu không cho, thời gây việc tới Bắc Kỳ). Ngài không cho, dạy thư trả lại thư; rồi tàu ấy ra cửa Cần Giờ (thuộc tỉnh Gia Định) chạy đi. Việc ấy tâu lên, Ngài khiến quan Cơ mật lưỡng xét chú ý họ thế nào. Cơ mật tâu: "cứ như tin vừa báo đây, hoặc sanh sự ở hòn Cát Bà (thuộc tỉnh Quảng Yên) để chia thế quân ta, mà cho thiệt lời họ nói trước". Ngài khiến quan sở tại phải lo phòng bị.

Bạch khí và sao Trường tinh hiện ra trên trời.

Tháng 6, quan quân thứ Biên Hòa Nguyễn Bá Nghi cùng quan soái Đại Pháp thương thuyết, rồi đem việc cầu hòa mật tâu lên. (Cả thầy 14 khoản). Ngài dụ rằng: "Bá Nghi từ sai ra đến nay, chỉ thấy chú ý nghị hòa, bởi vì không biết lo giữ về sau là cốt tại lúc đầu, mà khinh suất nhận lời, nên chi việc càng thêm khó".

Nghiêm sức các quan địa phương phân tháp giáo dân.

Sao Thái bạch mọc ban ngày, đến tháng giêng năm thứ 15 mới lặn.

Tháng 7, cho Đoàn Thọ thăng Trung quân đô thống, sung chức Phòng hộ sứ cửa Thuận An, Tôn Thất Hàn thăng Hậu quân đô thống, Võ Phẩm gia thủy sư đô thống đều sung chức Phó sứ.

Bọn Nguyễn Bá Nghi dâng tập tâu: "tình hình tỉnh Biên Hòa suy yếu, đánh giữ đã không được, mà hòa lại không xong, xin giảm bớt quân thứ, phái người đi cầu viện nước khác". Ngài truyền dụ quở trách. (Sau tỉnh Biên Hòa thất thủ, Bá Nghi bị giáng Tham tri, hiệp cùng Nguyễn Tri Phương thương tá Bình Thuận quân vụ).

Phó quản cơ Gia Định là Trương Định, (người huyện Bình Sơn tỉnh Quảng Nghĩa, con quan Lãnh binh Trương Cẩm mộ binh đồng đông lắm, thường cự đánh binh Pháp. Việc ấy tâu lên, Ngài cho thăng Quản cơ, rồi lại cho lãnh Phó lãnh binh.

Tháng 9, nghiêm cấm các quân không được đóng góp.

Vua Cao Man là Ong Run chết, hai người con trai tranh chấp rồi trong nước nổi loạn.

Sanh biểu "trung tiết" cho người Gia Định là cử nhưn Phan Văn Đạt và Hương thân Lê Cao Dồng. Khi trước Văn Đạt và Cao Dồng mộ nghĩa đồng đánh giặc, chẳng may đều bị bắt, chẳng chịu khuất phục mà chết. Việc ấy tâu lên, nên Ngài cho sanh biểu, (Văn Đạt được truy thọ hàm Tri phủ, Cao Dồng được truy thọ hàm Suất đội).

Tháng 10, truyền chỉ các quan Tỉnh, Phủ, Đạo lựa lính trong các cơ, đội, tên nào sức vóc mạnh khoẻ, thúc làm lính Võ sanh.

Thúc quân Nghĩa Dũng tỉnh Vĩnh Long.

Tháng 11, binh Đại Pháp đến chỗ Suối Cầu tỉnh Biên Hòa, lính bộ biển ta 2 lần đánh lui được cả.

Binh Đại Pháp lại đến 2 làng An Thạnh và Bình Chuẩn thuộc Biên Hòa, Phó Đề đốc quân thứ là Lê Quang Tiến lừa ban đêm lén đánh.

Quân Đại Pháp đánh đuổi đạo quân thứ Biên Hòa, vào chiếm thành tỉnh. Khi ấy Nguyễn Bá Nghi ý chăm về việc giao hòa, nên không lo phòng giữ; đến đây Đại Pháp đem tàu binh đón đàng qua Gia Định, Định Tường, lại giữ 2 cửa Cần Giuộc và Phước Thảng, bắn luôn mấy ngày, phá chỗ Đá Hàn; đạo quân thứ rút lui giữ phủ Phước Tuy, tàu Pháp nhưn khi nước lên, chạy thẳng tới thành tỉnh, lấy súng bắn vào, quan Tỉnh thể không chống nổi, cũng lui đóng tại đồn mới Hồ Nhữ, Đại Pháp liền chiếm giữ thành, lại đánh phủ Phước Tuy; Bá Nghi lui quân ở rừng Long Kiên, Long Lập, (thuộc phủ Phước Tuy). Việc ấy tâu lên, Ngài thiết trách quan quân thứ và quan tỉnh, rồi gia ân cho cách lưu, và cho lập công chuộc tội. Lại đòi Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp ra sung chức Đồng nhưng quân thứ Biên Hòa. (Khi ấy Tri Phương và Cáp hiện đương hầu án, truyền chỉ đòi ra. Đến năm 15 Tôn Thất Cáp bệnh mất).

Tháng 12, tỉnh Quảng Yên nổi giặc biển. (Cổ đạo Trường làm mưu chủ giặc, tôn Tạ Văn Phụng làm Minh chúa; Văn Phụng mạo xưng con cháu Lê tên là Lê Duy Minh; bọn tên Ước, tên Độ làm tướng giặc, sau hiệp với các Thổ phi tỉnh Hải Dương, Bắc Ninh, Sơn Tây, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Thanh Hóa, Nghệ An, lại thông với giặc Cổ phi Tàu). Chúng nó tụ hội ở các phần biển châu Tiên Yên phủ Hải Ninh, ăn cướp của dân, quan binh đánh cũng có khi hơn, mà giặc ấy ngày càng thêm nhiều.

Chuẩn định lệ "nạp của chuộc tội" (các tù quân, lưu, đố, người nào bị tội rủi ro, hay là bị can liên, đều cho nạp của chuộc tội có phân biệt).

Năm Nhâm Tuất thứ XV (1862) tháng giêng, cho Tổng đốc Nam-Nghĩa là Đào Trí sung chức Kinh lược đại thần, đốc việc lương hướng khí giới, phòng bị từ Quảng Nam đến Bình Thuận.

Quảng Nam trở vào nam, dân bốn hạt và dân Minh, Thanh quyên của giúp quân nhu, đều được thưởng phẩm hàm.

Truyền chỉ hỏi các tỉnh cử người biết chữ và tiếng nước Pháp. Quan tỉnh Nghệ An và Lạng Sơn, Cao Bằng, tâu cử Nguyễn Trọng và Nguyễn Văn Thự. (Nguyễn Trọng người Nghệ An, đã theo qua Tây về nói: sách Tự vị Pháp chỉ có 27 chữ cái; từ đó bổ thêm, mới thành chữ khác; Văn Thự nguyên người Giáo dân, phạm tội ở tỉnh Lạng Sơn). Ngài khiến giao về Bộ xét hạch.

Ngài nghĩ giặc cướp biển hại, khiến quan Tổng đốc Định, An là Nguyễn Đình Tân sung chức Hải An kinh lược đại thần, Nguyễn Tư Giản làm Tham tá quân vụ. (Được ít lâu, Đình Tân bị triệt về, Tư Giản bị cách hiệu).

Bãi nha Đề chánh, khiến sở tại chiếu trường sửa đắp.

Tháng 2, khiến Phó lãnh binh Gia Định là Trương Định kiêm làm đầu mục mộ nghĩa. Trương Đăng Định đóng đồn tại Gò Công, thường lừa đánh quân Pháp, thân sĩ theo nhiều.

Truyền dụ Nam, Bắc lựa lập dân đồng, hương đồng, thổ đồng để chờ khi cần dùng.

Binh Đại Pháp lấy thành tỉnh Vĩnh Long. Khi ấy tàu Pháp hơn 10 chiếc đến đậu ở phía trên đồn Vĩnh Tùng (các đồn, bảo tử Vĩnh Tùng trở xuống đều thuộc tỉnh Vĩnh Long, đắp để phòng bị). Lính Pháp hơn 1.000 người lên bộ đắp lũy. Tổng đốc Trương Văn Uyển liền sức Lãnh binh Tôn Thất Thoan hết sức giữ đánh, còn Văn Uyển cùng Bồ chánh Lê Đình Đức sắp binh chực ứng tiếp. Quân Đại Pháp luôn mấy ngày bắn các đồn lũy, quan quân mình cự đánh không lại, lần lần chạy tan; tàu Pháp chạy thẳng đến bến Thành tỉnh, bắn hỏa hổ vào; Văn Uyển liệu thể khó giữ, như ban đêm đốt binh trại kho tàng, rút binh lui ra đồn Vĩnh Trị, qua đình trú tại huyện Duy Minh. Việc ấy tàu lên, bọn Văn Uyển đều bị cách lưu, nhưng khiến lựa chỗ mà đóng quân, để toan lập công ngày sau.

Tháng 3, có tên Chánh tổng là Nguyễn Thanh ở Bắc Ninh, tự xưng Nguyên soái, tôn giặc trốn là tên Huân làm nịnh chúa. (Khi trước năm thứ 8, tên Huân đã mạo xưng con cháu Lê, tự lập làm minh chúa, rồi sau đảng nó tan hết, nó trốn đi, nhiều thứ nã bắt chưa được). Lại thông với đảng giặc biển Quảng Yên, tụ hội đến vài ngàn người, xâm các phủ, huyện Lạng Giang, Yên Dũng, rồi tới vây thành tỉnh. Bồ chánh Hà Nội Nguyễn Khắc Thuật, Bồ chánh Sơn Tây Lê Dũ, Phó lãnh binh Hưng Yên Võ Tảo hội 3 đạo binh tới đánh. Võ Tảo đánh tiếp hơn 10 trận đều thắng cả, Tảo liền kéo quân lướt tới, quân trong thành ra giáp đánh, Thanh thua chạy, rồi giải vây Bắc Ninh. Tờ báo tiếp tàu lên, Ngài cho Võ Tảo tới trước đánh công đầu, thưởng thọ Lãnh binh, gia thưởng bài vàng, tiền vàng, nhưng lãnh chức cũ; lại truyền chỉ Tổng đốc quân vụ đại thần Tôn Thất Hàn thống quản biên binh lập tức đuổi theo, dẹp yên giặc ấy.

Tháng 4, lãnh Tuần phủ Định Tường Đỗ Thúc Tĩnh mất (Tấn sĩ Quảng Nam) được truy tặng hàm Tuần phủ. Khi trước Thúc Tĩnh thấy thành Gia Định thất thủ, tâu xin quan đó hiểu thị tướng sĩ, chiêu dụ binh dân, để toan khôi phục; có chí mà làm chưa nên. Ngài tiếc lắm.

Quan soái Đại Pháp là Phổ Na khiến Xuy Mông chạy tàu vào cửa Thuận An, đưa thơ nghị hòa. Việc ấy tàu lên, Ngài hỏi Đình thần; bọn Trương Đăng Quế xin sai Sứ quan giao thông là phải. Khi ấy Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp xin đi, Ngài chuẩn cho sung Nghị hòa chánh phó sứ toàn quyền đại thần; lại khiến Đình thần nghị định đại ý trong điều ước rồi Ngài lại định thêm, giao cho 2 ông. Đến khi đi, Ngài rút tửu ban cho. Lúc 2 người đến Gia Định, đem đất Gia Định, Định Tường, Biên Hòa nhường cho Pháp, lại chịu bồi 4.000.000 đồng bạc, và cho lập nhà Giảng đạo, mở phố thông thương, cả thảy 12 khoản, biên vào hòa ước; vừa 20 ngày chạy tàu về, đem sự trạng tâu lên. Ngài cho Thanh Giản lãnh Tổng đốc Vĩnh Long, Duy Thiếp lãnh Tuần phủ Thuận Khánh, để cùng quan soái Pháp thương thuyết cho tiện.

Tri huyện Gia Lộc thuộc Hải Dương là Đặng Lang (cử nhưn, người Nam Định) gốc binh đánh giặc, bị bắt, giặc muốn để sống, Lang nhịn ăn đến 7 ngày mà không chết tức lắm, mắng chửi giặc hết sức, bị giặc giết. Khi gần chết, Lang viết tờ thủ thơ có câu rằng: "Ngữ viết thành nhưn, Mạnh vân thủ nghĩa, tích hữu Văn Sơn¹, kim khả vô quý. Nghĩa là: trong sách Luận ngữ đức Khổng có nói: chịu liều chết để trọn điều nhưn; trong sách Mạnh Tử thầy Mạnh có nói: thà bỏ sống mà được điều nghĩa; xưa Văn Sơn cũng không hổ gì". Việc ấy tàu lên, Ngài cho truy tặng Hàm lâm thừa chỉ.

Tháng 5, quan Soái Đại Pháp vào cửa Hàn. Tổng đốc Đào Trí xin để lính hạ ban ở lại nghiêm giữ. Ngài truyền rằng: "quan Soái Pháp đến lúc này, chỉ coi tình hình mình mà thôi, mình không nên bức họ, cũng không nên sợ hãi, chớ để binh nhiều, nên cho về nghỉ, để dưỡng sức quân". Lại truyền dụ từ Nghệ An trở vào Nam, mộ lính đồng để chực sai phái.

Giặc vây thành tỉnh Hải Dương, quan tỉnh dâng số cáo cấp, Ngài sai Thượng thư bộ Hộ là Trương Quốc Dụng làm Thống đốc Hải An quân vụ đại thần, Thị lang bộ Hộ Phan Tam Tỉnh làm Hộ lý tổng đốc, Chương vệ Đặng Hạnh, Lê Xuân đều sung chức Đề đốc, đem lính Kinh và lính Thanh Nghệ đi đánh giặc. (Có cử nhưn Trương Quốc Quán là con Quốc Dụng đem lính mộ theo quân thứ, Ngài đặc cách cho thăng chức Chủ sự) Ngài lại sai Đào Trí làm Hải Yên tham tán đại thần, đem lính thứ ra Bắc, còn Tổng đốc Nam Nghĩa thời cho Nguyễn Hiên làm Hộ lý.

¹ Văn Sơn là hiệu ông Văn Thiên Tường làm Thừa tướng nhà Tống.

Truyền dụ cho bọn giặc Hải Yến, Bắc Ninh, Cao Bằng, Thái Nguyên ra đầu thú và lập điều khoản minh bạch giao quan Quân thú và quan Tỉnh sao niêm yết khắp nơi, để chiêu dụ quân giặc.

Tháng 6, cho Nguyễn Bá Nghi (Bá Nghi từ Quân thú Bình Thuận đòi về) sung chức Bắc thú tham tán đại thần, lại cho lãnh Tổng đốc Sơn-Hưng-Tuyên.

Giặc biển vây phá thành tỉnh Quảng Yên, Thương tá Nguyễn Tấn Lục vì giặc đông mà quân mình ít, địch không lại, lui về Nam Định, tâu xin làm mưu nửa đêm đánh lén. Ngài truyền rằng: "Tấn Lục còn biết bày mưu, vậy giao cho Tấn Lục thu thập quân thất tán qua đánh giải vây cho mau".

Dựng nhà thờ Trần Xuân Hòa (con Trần Tuyên, cử nhơn tỉnh Quảng Trị) mùa đông năm ngoái, lính Đại Pháp vào xứ Mỹ Trang và xứ Bang Lãnh thuộc tỉnh Định Tường, quan binh chia đạo tới đánh. Thị độc học sĩ Trần Xuân Hòa coi đạo binh phòng bị, bị lính Pháp bắt được, Xuân Hòa cắn lưỡi chết. Đến đây Ngài cho truy tặng Quang Lộc tự khanh, lại truyền quan Tỉnh Quảng Trị lập nhà thờ, khiến quan đến tế.

Tháng 7, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp thương thuyết việc trả 3 tỉnh, quan Soái Pháp không chịu; Trương Đăng Quế xin phái người qua hỏi thăm vua nước Pháp, nhơn đưa ra cái lẽ cho rõ ràng việc Pho Na cưỡng bức và Phan Thanh Giản khinh suất nghe lời; nhưng việc ấy rồi bỏ lờ.

Từ khi đã định hòa ước rồi. Ngài truyền dụ Nam Kỳ nghỉ binh và đòi Trương Định ra Phú Yên. Khi ấy trong các tỉnh Gia Định, Định Tường, Biên Hòa những người ứng nghĩa rủ nhau đoàn kết, tôn Trương Định làm Đại đầu mục, xin cho ra đánh, Đình thần nghị rằng: "bây giờ việc Bắc Kỳ đương khẩn, mà Nam Kỳ chưa có cơ hội gì, xin giao Phan Thanh Giản hiểu dụ". Nhưng Trương Định đã lâu mà không chịu về cung chúc, bị cách chức hàm.

Nguyễn Tri Phương từ Bình Thuận về châu.

Các giặc Mán giặc Nông bên Tàu qua cướp huyện Tùng Hóa và Đại Từ, quan binh thua chạy, giặc liền vây tỉnh Thái Nguyên, đánh phủ Bình Phú, Tri phủ là Doãn Chánh (con Doãn Uẩn) cự đánh, hơn 3 tháng giặc không lấy được thành. Khi ấy phía tây bắc đàng đi ngành trở, quân cứu đã không mà lương lại hết, Doãn Chánh nhơn ban đêm ra khỏi vây, nhảy xuống sông Hanh Giang mà chết. Ngài nghe, khen rằng: "Tri phủ như vậy, thiệt ít có lắm ! Không thẹn với người đời xưa, cũng không thẹn là con nhà danh thần". Cho truy tặng Thị độc học sĩ.

Bọn Trương Quốc Dụng, Đào Trí, Phan Tam Tĩnh từ Hưng Yên đem quân qua phía đông, tiếp đánh 1 trận, đại thắng, lấy lại phủ Bình Giang rồi tới cứu tỉnh; quân tỉnh ở trong thành ra giúp đánh, giặc thua chạy, liền mở cửa thành phía tây rước quân mình vào. Khi ấy, 4 mặt thành nhiều ụ súng và hầm chông của giặc, quân thủy quân bộ nó còn đông, đàng trạm chưa thông được, quan quân mới vào thành, sắp bàn việc đánh, thời giặc đã tới vây lại.

Tháng 8, giặc Huân cùng Nông Hùng Thạc là Thổ phủ tỉnh Tuyên Quang và bọn Hoàng Anh là giặc Cổ Phi bên Tàu, hiệp đảng lửa hơn 10.000 người vây tỉnh Tuyên Quang. Bỏ chánh Nguyễn Tất Tố, Aùn sát Nguyễn Văn Tố nạp thành cho giặc, rồi chạy; giặc liền vào cứ thành. (Rồi sau Tất Tố và Văn Tố đều chết, Ngài dạy dựng bia nơi mà để răn người sau).

Khiến Nguyễn Tri Phương sung chức Tây bắc tổng thống quân vụ đại thần (rồi thăng Hiệp tá), Phủ doãn Phan Đình Tuyển làm Tán lý, Chương vệ Tôn Thất Huệ làm Đề đốc (rồi sau Huệ chết, Ngài nghĩ có công đánh giặc, cho truy tặng Thống chế. Đình Tuyển nhơn gặp binh phục giặc mà chết, Ngài cho thiết thọ hàm Tuần phủ).

Bọn giặc Cổ phi Tàu là tên Lý Hiệp Thăng vây tỉnh Cao Bằng, quan tỉnh là bọn Lê Văn Phổ lui giữ đồn Kho, (rồi dời tỉnh lỵ qua đó) để toan xin quân cứu viện. Tuần phủ Lạng Bình là Phạm Chi Hương đem binh tới cứu, lấy lại thành tỉnh, dâng tờ báo tiệp, Ngài thưởng kỷ lục gia cấp và tiền bạc.

Bọn Trương Quốc Dụng, Đào Trí ở thành Hải Dương đem quân ra đánh, phá giặc tan hết, giải vây tỉnh thành. Trước khi ấy, đã hai lần chia quân đánh phá từng ngả; nhưng không hơn được; các quan lập mưu; ngày nào cũng chia quân làm 2 hàng, hàng trước thời bắn giặc, hàng sau thời lần lần phá ụ đất, lấp hầm chông của giặc, như vậy trót 1 tháng mới rồi; khi ấy quân mình đã có nơi xuất trận, liền ra sức đánh 2 trận, thế mạnh như gió mưa, chém hơn 450 đầu giặc, bắt sống giặc hơn 100 người; rồi đàng

đi từ thành tỉnh đến phủ Bình Giang mới thông được; chạy cờ đỏ báo tiếp. (Quốc Dụng liền được thăng Hiệp tá, Đào Trí được thăng Thống chế).

Tháng 9, Ngài cho Cần chánh điện đại học sĩ Trương Đăng Quế thôi coi việc bộ Binh, nhưng còn sung Cơ mật viện đại thần (vì Đăng Quế từ đã 2,3 lần); rồi nhưn Đăng Quế đến thất thập thọ, Ngài cho 1 bài thơ (chép trong Thi sơ tập), và các đồ phẩm hạng để dưỡng, coi sách.

Bọn giặc Thanh lại vây tỉnh Bắc Ninh, dân phụ quách chẳng chịu theo giặc hơn 2.200 người, cùng người ở chung quanh thành trước bị giặc đốt phá tan đi, nay mới về; quan tỉnh và quan quân thứ đều cấp lương cho. Rồi các quan lại đem quân ra đánh đuổi giặc.

Quan Soái Pháp là Phô Na tư tờ nói: "vua 2 nước (Đại Pháp và Y Pha Nho) đã đóng ấn vào tờ hòa ước rồi, hẹn đến tháng 11, sai Sứ đệ tới Kinh, dâng Ngài ngự xem, rồi để 2 đàng giao tờ cho nhau". Ngài bảo rằng: "trong tờ hòa ước, nhiều chỗ không tiện, mới rồi đây ta đã trách Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp phải ra sức lo liệu cho xong, mà chưa thấy làm được việc gì; nay đã vội hẹn giao tờ hòa ước, thời chẳng biết 2 người ấy thương nghị thế nào?".

Tháng 10, Võ lao hầu Tạ Quang Cự mất. (Tuổi hơn 90, được tặng hàm Thái bảo).

Tháng 11, dựng nhà thờ Bồ chánh Trần Tuyên và Tri phủ Hoàng Hữu Quang. (Năm đầu hiệu Thiệu Trị, giặc thổ dấy loạn, 2 người ấy hết sức đánh, bị chết). Trần Tuyên người tỉnh Quảng Trị, sanh ra Trần Xuân Hòa. Ngài thường dạy bộ Lễ rằng: "cha con Trần Tuyên đều có danh thơm tiết nghĩa, rục rở sử biên, thiệt là khó đặng lắm!".

Định lại lệ "thăng trật các quan"; vì mới gần đây, các quan hàm thấp mà sung lãnh chức cao, có người 2 năm được thăng thự, có người 3 năm được thăng thọ, đến đây đổi định lại: (người nào mà không có quan trên xét cử, thời ở phiên nha được 3 năm, hay là ở giản nha được 4 năm, hạn châu đều được thăng thọ; còn lệ 2 năm thăng thự thời bãi; nhưng người nào đã có quan trên xét cử, thời cứ chiếu lệ cũ mà làm).

Thự Tổng đốc An Tĩnh là Võ Trọng Bình dâng sớ tâu 3 khoản đều thuộc về việc tuy phủ xứ Bắc Kỳ: (1. Trừ lệ quan lại; 2. Tha binh lương; 3. Tha tội người ra thú). Ngài cho phải. (Trọng Bình rồi được đổi về Thượng thư bộ Hộ, sau lại đổi làm Tổng đốc Ninh Thái, sung Kinh lược Lạng Bình).

Đạo quân thứ tỉnh Đông (Hải Dương) đánh giặc tại phủ Nam Sách và phủ Kinh Môn, đến đâu được đó; quân giặc thủy bộ đều trốn hết, quan quân liền kéo thẳng đến tỉnh Quảng Yên. Khi ấy tỉnh đã giải vây, giặc tới hàng nhiều lắm, tên Minh, tên Ước, tên Độ trốn ra chiếm cứ Đồ Sơn, Cát Bà; Trương Quốc Dụng, Đào Trí đóng quân ở thành tỉnh Quảng Yên, sai Nguyễn Dõng và Nguyễn Tấn Lục phòng triệt con đàng giặc tỉnh Bắc Ninh trốn xuống (khi ấy quân thứ tỉnh Bắc đương đánh giặc tại phủ Lạng Giang). Lại sai đạo quân thủy là Lê Quang Tiến và Bùi Huy Phiên chạy tâu ra đánh bọn giặc trốn ngoài cù lao.

Tháng 12, giặc Huân, giặc Trịnh đóng đồn ở làng Thượng Gia, chận sông Bình Kỳ, Nguyễn Tri Phương nghĩ rằng đồng giặc mặt trước có đàng thông với tỉnh Thái Nguyên, chắc nó phòng giữ kỹ, chi bằng tìm con đàng tắt lén đánh phía sau; Tri Phương liền kéo binh tới đò Kim Anh phía trên sông Bình Giang đánh phá được giặc, lần tới các hạt Hiệp Hòa, Việt An, An Thế, đến phủ Lạng Giang bắt được tên Cận và 7 tên tướng giặc, nhưn dời phủ lỵ Lạng Giang qua làng Cao Thượng, rồi chia 3 đạo binh đánh đàng giặc còn sót.

Năm Quý Hợi thứ XVI (1863) tháng giêng, quan Soái Pháp sai người đến báo rằng: "trong tháng 2 An Nam, Sứ sẽ tới Kinh, và nói những điều khoản Sứ bộ nên làm. Ngài xét trong mấy điều khoản, còn có chỗ chưa thỏa, liền sai Phạm Phú Thứ sung Khâm sai tới Nam Kỳ hội với Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp để thương thuyết cùng quan Soái Pháp, hể thương xong rồi, thời 3 người đều phải đi trạm về trước cho gặp, dâng sung làm chức Tiếp sứ. Đến Gia Định, 3 người hội thương với quan Soái Pháp và quan đại thần nước Y Pha Nho hội bàn phép tắc vào châu thế nào, rồi về tâu trước. Ngài chuẩn y nghị mà làm.

Tháng 2, Sứ Đại Pháp và Sứ Y Pha Nho là Phô Na, Pha Lăng Ca đến Kinh làm lễ triều yết. Trước 1 ngày, 2 quan Sứ đều đem tờ quốc thư và phẩm hạng của vua 2 nước nhờ các quan ta dâng lên, lại xin

lãnh tồ quốc thơ nước ta. Đến ngày vào triều, Ngài ngự đềm Thái Hòa, 2 quan Sứ làm lễ chiêm cẩn rồi, đãi yến tiệc tại Sứ quán, trả bạc bồi 186.111 đồng, đem phẩm vật tặng hảo vua 2 nước và từ quan Soái Sứ trở xuống. Hai quan Sứ xin về Gia Định, Ngài sai Phan Thanh Giản đi theo. Vì khi ấy quan Sứ có nói: "rồi sẽ giao lại tỉnh Vĩnh Long, vậy nên Ngài sai Phan Thanh Giản theo quan giao nhận cho rồi việc trước. (Sau Phan Thanh Giản thương thuyết không được việc gì, bị cách lưu).

Tháng 3, quân thứ Sơn Tây lấy lại được thành tỉnh Tuyên Quang. Khi ấy Đề đốc Phạm Hữu Xuân, Phó đề đốc Võ Tảo, Thương tá Nguyễn Hữu Tạo chia đạo tấn binh, xông tới thành tỉnh, đảng giặc không kịp vào thành, chạy tan hết thảy, giặc ở trong thành cũng đều chạy trốn; quan quân vào thành, bắt tên Huân bỏ vào cũi giải nạp. Rồi để bọn Võ Tảo ở lại đạo quân thứ Tuyên Quang. Ít lâu, Đề đốc đạo quân thứ tỉnh Bắc Ninh là Nguyễn Diên, bắt được những đảng giặc còn sót, giặc ấy đều yên. (Võ Tảo sau bị giặc bắt, được truy tặng Thống chế).

Lãnh Tuần phủ Lâm Duy Thiếp mất. Sau Triều đình nghĩ Duy Thiếp thương thuyết không được việc gì, truy cách chức hàm.

Trương Đăng Quế về hưu, Ngài ban cho 1 bài thơ và sâm, quế, vàng, lụa, các hạng. Khi về, Ngài khiến Đình thần làm tiệc đưa; lại cho lúc về nhà rồi, mỗi năm được lãnh bán bổng, quan Tỉnh sở tại phải thường tới thăm hỏi. Ngài lại dạy Đăng Quế từ rày nếu có biết điều gì, hay là nghĩ ra điều gì, mà quan hệ về việc lợi hại lớn trong nước, cho phép phát trạm tâu lên. Rồi sau Đăng Quế tâu 5 điều: (1. Dùng người giỏi giúp việc chánh trị; 2. Lo Ngài chưa có Hoàng tử; 3. Các Tri huyện nhiều người chưa thuộc việc; 4. Tiền của nhà nước chưa đủ dùng; 5. Nên tùy thời định ngạch quân lính lại). Ngài đều xem cả. Khi về Ngài ban cho bài thơ rằng: "Kê đồn hữu thực thượng phi an, thần thị hi ngư sức mĩ quan; hác hiểm giang thâm hoàn hải khoát, xuân thư hạ mậu phục đông hàn; lâm trung dị thể trường sanh được, lâu thượng nan cầu bất lão đơn; vị thức chi cùng sơn thủy tú, Long Thanh Trúc dự khảng hồi khan. Nghĩa là: gà lợn vì nuôi sợ có ngày, hưởng gì trâu tế trọng lâu nay; khe, sông đến biển càng lai láng, xuân, hạ rồi đông vẫn đổi thay; hái thuốc trường sanh về núi dễ, tìm phương bất lão ở lâu gay; biết chẳng chống gậy vui non nước, còn nhớ Thành Long, dự Trúc này?"¹.

Tháng 4, chuẩn cho Định An Tổng đốc Nguyễn Đình Tân (thân phụ bà Thiên phi) chiêu hàm Binh bộ Thượng thư vâng lễ Triều sảnh²; vì Đình Tân là người thân trong Nội đình, nên không được dự việc chánh sự.

Cho Thống chế Nguyễn Doãn sung Hải Yên quân thứ Thống quản thủy đạo đại thần.

Tá lý Trần Đình Túc (người Quảng Trị) xin mộ người khẩn ruộng hoang trong hạt Thừa Thiên và Quảng Trị. Ngài cho Đình Túc làm Dinh điền sứ.

Thành tỉnh Thái Nguyên khi trước bị giặc Cổ phi Tàu hiệp với quân Mán, Nồng, vây đã 8 tháng, đến đây Nguyễn Tri Phương đã dẹp yên phía Bắc, mới cùng Bang tá Nguyễn Văn Vĩ đem quân tới đánh lấy thành tỉnh lại, bắt sống ngụy Thanh, ngụy Đắc đem về, lại bắt được giặc trốn ở Bắc Ninh là bọn ngụy Văn, đều đem giết cả.

Bọn Nguyễn Văn Vĩ đem lính và voi tới phá sào huyết giặc tại núi Ma Hiên châu Bạch Thông.

Phía tây bắc giặc đều yên cả, thân quân về, từ Đề đốc đến lính tráng đều được thưởng 1 tháng lương, rồi lính cho về đội vệ, dân tráng cho về làm ăn.

¹ Kinh Dịch ý bài thơ: câu thứ 1 là ám chỉ các quan nhỏ, nói: gà lợn vì ăn của người, còn sợ có ngày không yên được. - Câu thứ 1 chỉ các quan khanh tướng, hi ngư là con trâu để tế Giao; chữ sách Trang Tử nói: hưởng chi con trâu tế Giao nuôi đến vài năm, mặc gấm vóc, sự thể trang trọng thời lo sợ biết chừng nào. - Câu thứ 3 chỉ thời cuộc, nói: càng mở rộng chừng nào, thời càng hiểm nghèo chừng nấy, chẳng khách chi khe hiểm, sông sâu; đến biển lại càng rộng lắm. - Câu thứ 4 là ám chỉ vận nước có lúc thanh thời có lúc suy, người sanh có hồi tráng thời có hồi lão, chẳng khác chi mùa xuân khí trời thư hòa, mùa hạ vật thanh tốt, qua mùa đông thời lại lạnh rồi. - Câu thứ 5 nói: ông về chốn lâm hạ, thông thả dưỡng được tuổi trời, tức là hái thuốc trường sanh dễ. - Câu thứ 6 nói: Ngài lo việc quân quốc khó nhọc, thêm mau già, tức là cầu thuốc bất lão khó. - Câu kết là nhơn khi ấy Nam, Bắc đương có việc, Long Thành là thành Thăng Long ở Hà Nội ngoài Bắc Kỳ. Trúc dự là hòn cù lao ở Nam Kỳ, nói: chẳng biết ông từ rày về sau ở nhà chống gậy dạo chơi non nước, có còn nhớ lại chốn Long Thành, Trúc dự hay không?.

² Triều sảnh là triều kiến vua, hoặc thỉnh mạng việc gì.

Tháng 5, Ngài nghĩ tướng giặc trốn ở hòn Cù Lao đã lâu, sai Nguyễn Tri Phương đổi làm Tổng thống Hải Yên quân vụ, nhưng cho đem lính Bắc và thuộc viên hiện phái đi qua tỉnh Đông, đổi Trương Quốc Dụng làm Hiệp thống. Ngài dạy phải giúp nhau cho mau rồi việc đánh giặc.

Hải Yên thủy đạo thống chế Lê Quang Tiến đuổi giặc tại phủ Hà Nam thuộc tỉnh Quảng Yên.

Sai Hiệp tá đại học sĩ Phan Thanh Giản, Tả tham tri bộ Lại Phạm Phú Thứ, Aùn sát Quảng Nam Ngụy Khắc Đản qua Sứ Tây, truyền đem đồ thương phương làm đồ tặng hảo. Trần Đình Túc tâu rằng: "phen này, cốt việc gì xin trả lại 3 tỉnh và triển bạc bồi, vậy xin phải chi thêm vàng bạc trong kho, giao cho Sứ trữ riêng, để tùy cơ thương thuyết, cốt làm sao cho được việc". Ngài nghe theo. Ba quan sứ vâng mạng đến Gia Định, cùng Sứ nước Pháp và nước Y Pha Nho đều xuống tàu đi.

Tháng 7, Đê đốc Sơn Tây, Tân Phước Bá, Phạm Hữu Xuân mất, được tặng Thống chế. (Hữu Xuân có tài làm Tướng).

Tháng 8, mới lập trường thi Văn và thi Võ ở tỉnh An Giang.

Tháng 9, tàu Đại Pháp vào cửa Bình Thuận, đo nước cạn sâu.

Giặc biển Hải Yên từ khi bị thua tại Hà Nam, đem hơn 500 chiếc thuyền chia ở hòn Cát Bà và Đồ Sơn, 2 lần gặp gió bão, thuyền giặc bị chìm hư nhiều lắm, rồi tên Độ chết. Đê đốc Lê Quang Tiến, Tuần phủ Bùi Huy Phiên nghĩ rằng: bây giờ thẳng tới sào huyệt giặc, thời có thể mau dẹp yên; 2 người mới chia binh mạo hiểm mà tới, không dè binh Hậu đạo gặp giặc đã bỏ chạy trước, Trung đạo và Tiền đạo bị giặc giáp đánh, Quang Tiến và Huy Phiên nhảy xuống biển tự tử. Ngài nghe tin, tiếc lắm, cấp tuất rất hậu, lại trọng trị những người chạy trước (rồi đảng giặc cũng bị quan binh bắt nhiều).

Tháng 12, mới đặt chức Tịnh man tiểu phủ sứ ở tỉnh Quảng Nghĩa, dùng người bốn hạt là Nguyễn Tấn làm chức ấy, Nguyễn Tấn trước làm Aùn sát Thái Nguyên, nghe tin trong tỉnh nhà giặc Mọi dữ tợn, (đốt cướp Hán dân, đón giết lính tự ban) xin về giúp việc, ước 1, 2 năm có thể dẹp yên. Ngài cho thăng Thị độc sung lãnh Tiểu phủ. Nguyễn Tấn tâu bày mưu mẹo nói về việc binh dân đồn bảo, lại xin cho Kiều Lâm (Tấn sĩ Quảng Nghĩa) thự hàm Thị giảng sung Bang tá quân thứ, ngài cho cả).

Quan Soái Đại Pháp là Phô Na về Tây, Gia Lăng Gi Y đến thay.

Năm Giáp Tý thứ XVII (1864), tháng 2, khiến quan Địa phương Bắc Kỳ chiêu dụ dân điêu hạo.

Sứ bộ qua Tây về đến Kinh. Ngài cho Phan Thanh Giản lãnh Thượng thư bộ Lại, Phạm Phú Thứ làm Tả tham tri, Ngụy Khắc Đản làm Tá lý bộ Binh.

Tháng 3, Dinh điền sứ Trần Đình Túc xin mộ dân lập ấp để khai khẩn các chỗ ruộng hoang làng Lương Điền huyện Phú Lục và xin cho mỗi tên đinh mượn 20 quan tiền. Ngài cho.

Nguyên Cửu Phẩm Lê Văn Giai, Thông phán bị cách Võ Đăng Thiệu, Tú tài Bùi Duy Liễu xin mở mỏ sắt, khẩn ruộng hoang tại các chỗ gần núi sông tỉnh Quảng Bình. Ngài truyền cấp lương cho làm, nhưng giao nha Dinh Điền chuyên đốc.

Định lại lệ "thưởng người khẩn ruộng" (chiếu theo số đinh điền mộ khẩn đó; hễ số ít thời người mộ khẩn được tha binh thuế; số nhiều thời được thưởng chức hàm).

Tháng 4, định lại lệ "khẩn ruộng trước tịch". (Người nào xuất của nhà ra làm, cho nhận làm ruộng tư; còn người nào quan cho mượn tiền mà làm, thời trong số ruộng đã khẩn đó, lấy 2 phần làm ruộng công, 1 phần làm ruộng tư).

Định lại lệ "bổ ấm". (Quan viên tử chiếu phẩm hàm cha mà tập ấm; hễ người nào đáng bổ ấm, mà đã thi đậu, hoặc đã bổ quan rồi, thời người em thứ được phép tập ấm; còn ông quan nào chỉ có 1 người con, mà chẳng may chết đi, chưa được thừa ấm cha, thời cho người cháu tập ấm, nhưng thua 1 trật).

Hiểu sức quan lại phải chia nhau đi phát chẩn cho dân, vì bấy giờ tại Kinh và các tỉnh đều mất mùa.

Ngài truyền sắc từ rày những tâu sớ các Bộ Viện và các tỉnh phải nói cho hiệp thể và cho gọn (nếu muốn dẫn lệ thời phải lựa lệ nào cho thiết đáng, không vậy thời thôi).

Tháng 5, Toàn quyền Đại Pháp Hà Ba Lý (Aubaret) đến Kinh định hòa ước. Ngài khiến Phan Thanh Giản sung Toàn quyền chánh sứ, Trần Tiễn Thành, Phan Huy Vịnh sung Phó sứ hội thương. Khi trước Thanh Giản đi Sứ Tây về (nói việc chuộc lại 3 tỉnh), đem dâng 2 tờ quốc thư của nước Pháp và nước Y Pha Nho, ước thêm về việc sanh lý. (Mỗi tờ 31 khoản). Nên bây giờ Ngài sai 3 người ấy hội thương lại với Hà Ba Lý. Rồi 3 người tâu rằng: "tiết thứ cùng Hà Ba Lý bàn nói, việc cắt đất, bồi bạc, đã có châm chức, đến như khoản đặt Lãnh sự ở Huế, thời họ cố chấp không chịu đổi, còn trong các khoản khác, họ cũng sửa đổi 1,2 điều mà thôi".

Tháng 6, Pháp sứ đến Kinh, thường thường cố xin y theo bản nghị đó. Các thuộc viên Bộ, Viện, Quán, Các điều tâu: "hòa ước sau rất quan ngại, không bằng cứ giữ hòa ước cũ, (12 khoản) còn việc chuộc lại 3 tỉnh, thời chờ sau sẽ tính". Ngài dạy quan bộ Công là bọn Nguyễn Văn Phong rằng: "thuộc viên đều có mật tấu, ta há lại chẳng biết giữ việc thường là phải; nhưng sự thế cũng nên theo thời châm chức mà làm". (Rồi đến năm thứ 18, cũng vẫn theo hòa ước cũ).

Trả bạc bồi quân phí năm trước cho Đại Pháp 400.000 đồng.

Bọn Phan Thanh Giản cùng Hà Bá Lý đem sắc văn giao cùng nhau. Quý sứ xin vào châu, từ giã về nước, Ngài khiến đem phẩm hạng gửi tặng vua Đại Pháp. Ngài ngự đến Càn Chánh, Hà Bá Lý và thuộc quan tới trước sân làm lễ 3 khấu, Ngài truyền mời lên đền, cho ngồi, ban trà. Ngài dạy rằng: "gởi lời thăm quốc chúa an hảo, từ nay về sau, 2 nước ta giữ điều hòa hảo". Quý sứ thưa rằng: "xin vâng lời". Rồi khấu từ lui ra.

Tiểu phủ sứ Nguyễn Tấn đem lính hơn 2.000 tới đánh giặc Mọi, hàng Man là tên Cấp xin đem hơn 200 quân Mọi theo đánh giặc. Nguyễn Tấn xin trích tiền gạo của dân lạc quyền cấp cho chúng nó, (lúc ấy gạo mất, nên cho quyền).

Đạo quân thứ Hải Yên đánh giặc tại La Khê và Hà Bắc. Vì quân giặc đông mà quân mình ít, không thể địch lại, bọn Hiệp thống Trương Quốc Dụng (sau truy tặng Đông các), tán lý Văn Đức Khuê (Tấn sĩ Nghệ An) Tán tướng Trần Huy Sách đều bị hại; biên binh bị thương chết và thất lạc nhiều lắm; Chưởng vệ Hồ Thiện bị giặc bắt không chịu khuất mà chết. Việc ấy tâu lên, Ngài cho táng tế và truy tặng rất hậu.

Tháng 7, sai Thị lang bộ Hộ Trịnh Lý Hanh qua quân thứ Hải Yên, hội đồng với quan quân thứ thuê tàu khách đánh giặc. Ngài thấy các nha việc dồn chứa nhiều, truyền dụ các quan trong ngoài rằng: "đời xưa có nói: cha tuy lành, chẳng thương chi con vô ích; vua tuy nhơn, chẳng nuôi chi tôi vô dụng; cho nên vua không đặt quan ở nể, mà quan không chịu chức ăn không; các người phải sâu nghĩ lời ấy, chớ nên theo đòi lui tới; nếu xét mình không kham, chẳng bỏ ích gì, thời phải nhường người hiền, cử người tài, mong giúp việc nước, trừ điều loạn, làm điều trị, ấy cũng là tôi trung. Và lại, chỗ quan trường không phải là nơi nạp của lót và nuôi người dờ, các người phải nghĩ, có lỗi thời đổi đi, không thời gặng thêm".

Truy tặng Tri huyện Lục Ngạn là Đinh Hữu Hoạch hàm Hàn Lâm Viện thị giảng. Vì Hữu Hoạch bị giặc bắt, mắng giặc hết sức, giặc giận giết ngay.

Tháng 8, định lệ thưởng phạt người học tập chữ và tiếng Đại Pháp. (Người thông hiểu được thưởng tiền, người trễ nhác bị đánh đòn).

Tháng 9, Thừa Thiên, Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Quảng Trị, Quảng Bình, Hà Tĩnh, Nghệ An bị bão lụt, dân bị thương và chết nhiều lắm, Ngài cho chẩn cấp.

Ngài nghĩ của dùng không đủ, truyền dụ các quan trong ngoài hết lòng việc quan, chỉnh đốn các việc làm, có điều lỗi phải làm hẳn, có điều tệ bỏ ngay.

Chuẩn định lệ "quyên tiền được thưởng hàm và được chuộc tội", kể từ Hoàng thân, Công chúa, quan, lại, đến tổng, lý, sĩ, dân.

Ngài thấy mấy năm bị mất mùa luân, đã cần phải chẩn cấp cho dân, lại tổn về việc giao thiệp cũng nhiều, khiến Đình thần trù tính, làm cách nào cho đủ dùng. Các quan tâu: "việc cho quyền, tuy không phải là vương chánh, nhưng còn hơn kiếm điều để bác tước¹ người dưới. Ngài mới chuẩn nghĩ định điều khoản cho thi hành, đợi khi nào việc yên và năm được mùa thời thôi. (Chiếu theo số quyền tiền lúa nhiều ít, hoặc gia trật, hoặc gia ấm, hoặc tha binh diêu, hoặc chuẩn khai phục nguyên hàm, đều có phân biệt).

Chuẩn lựa Vạn Niên cát địa² tại núi Dương Xuân thượng huyện Hương Thủy, sắc cho quan Đốc công khởi làm, đặt tên là Khiêm cung.

Chuẩn cho Trần Hoán thiết thọ Thị lang lãnh Tuần phủ Hà Tiên, kiêm sung chức Dinh điền An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long.

Tháng 10, các quan tỉnh Thái và tỉnh Lạng tâu: "trong hạt đã gần yên lặng, dân xiêu lưu đã dần dần trở về". Ngài truyền chỗ nào còn đáng chẩn cấp cứ phải làm, chớ nên tiếc của.

Định lại lễ "giá thú ngoài dân gian" (từ lễ hỏi đến lễ cưới, hạn cho 6 tháng, các lễ đều nên giản ước, không được xa xỉ quá; còn tiền cheo thời bậc giàu nạp 1 quan 2 tiền, bậc thứ thời 6 tiền, bậc nghèo thời 3 tiền, người làng khác phải nạp xấp hai).

Nghiêm cấm bán riêng ruộng công. (Ruộng công không được bán riêng; như có việc công khẩn trọng, thời Lý trưởng được phép hội đồng dân mà cho thuê mướn, nhưng không được quá hạn 3 năm).

Tháng 11, khiến vệ Thủy sư và sở Võ khố lựa 8 người hào cần thận siêng khéo và mạnh mẽ, để phái theo tàu máy học tập chế tạo; cho Viện ngoại Hàng Văn Xương, Chánh đội Lê Văn Mân sung chức Chánh, Phó, Quản lý.

Tháng trước Ngài nghĩ giặc biển đã gần đến lúc túng đói, thể tất chia nhau đi ăn cướp, Ngài đã sắc các tỉnh duyên hải phòng giữ. Đến bây giờ, thuyền giặc phần nhiều chạy qua phía nam.

Tháng 12, quan tỉnh Nam Định đem việc lập xã thương (thông tính được hơn 20.000 quan tiền) và việc đào dòng nước các khe hói, đắp bờ đập, vẽ đồ tâu lên. Ngài khen, khiến quan Bộ nghĩ thưởng để khuyến trước, chớ đến khi có thành hiệu, lại thưởng thêm nữa.

Công tử Hường Tập mưu làm việc trái phép, bị xử trảm quyết; các người đồng mưu cũng bị tội, (mưu giết Phan Thanh Giản và Trần Tiễn Thành, nhưng việc chưa làm, đã bị quan Phủ doãn trích giặc).

Năm Ất Sửu thứ XVIII (1865), tháng giêng, tiết nguyên đán, Ngài ngự triều, ban các quan 1 bài thơ, (chép ở Thi sơ tập) chú ý khuyến các quan về việc "thọ quốc thọ dân"³. Ngài lại nhưn mấy năm bị mất mùa luân, ban ân dụ cho trong ngoài cả thảy 14 khoản, ngụ ý thể nguyên dục vật⁴.

Ban thể thứ xe trâu kéo nước vào ruộng. (Khiến sở Đốc công phỏng theo cách Tây, chế tạo 27 cỗ, chia phát từ Bình, Phú, đến Thanh, Nghệ, sức các nhà làm ruộng y thức mà làm, để cứu ruộng bị hạn).

Quan Pháp soái là Gia Lăng Hy Y khiến Sơ Ba Ly chạy tàu đến cửa Thuận, đưa thơ xin làm lễ triều yết và tâu việc định hòa ước. Ngài ban rằng: "quan Pháp soái phái người đến, chắc là cố giữ lời trước mà thôi". Bèn khiến bọn Phan Thanh Giản; phủ úy. Sơ Ba Ly lại nói: "chuyến này cứ giữ lời hòa ước năm Nhâm Tuất, (năm Tự Đức thứ 15) xin Ngài dụ cho các tỉnh cấm mộ dân và giao bạc bồi; nhưng giấy tờ làm ngày nào rồi, xin trả lời mau để về nước". Thanh Giản tâu lên, Ngài chuẩn đem 12 khoản ước cũ, hiểu thị sĩ dân 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, khiến đều an nghiệp; lại sức trong hạt có người nào đánh tiếng tòng mộ thời cấm không được vào trong cõi; hễ thấy người nào thời bắt giải liền, ai mà dung ẩn cũng trị tội.

¹ Bác tước nghĩa là lấy của dân, chẳng khác lột da xẻ thịt.

² Vạn niên cát địa là sở lăng của vua.

³ Thọ quốc thọ dân làm cho nước được lâu dài, làm cho dân khỏi tật bệnh đói rách, để dài hưởng tuổi đời.

⁴ Thể nguyên dục vật là mùa xuân đầu năm, khí trời ôn hòa, sanh nuôi vật, Vua thể theo trời mà gia ơn cho thiên hạ.

Mới đánh thuế Nha phiến, (năm ấy khởi trưng thuế đồng niên cộng tiền 302.200 quan. Khi trước có lệ cấm Nha phiến, nay tha cấm mà đánh thuế rất nặng, để cho người bán ít mà người hút cũng ít, ấy là không cấm mà cấm).

Tháng 2, thưởng quan Thông phán hưu trí thọ đến 100 tuổi, người tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Văn Ninh.

Kiên Dinh diên sứ Trần Hoán xin đặt viên dịch nha Dinh diên và lựa tùy binh. Bộ Lại tâu: "Vĩnh Long, An Giang nhiều chỗ đất hoang, mấy năm nay gạo mất, người ta ai cũng ưng làm ruộng, nhưn chỗ chúng nó ưng mà chỉ vẽ lần, thiết tưởng cũng là một cơ hội nhóm đồng dân và mở ruộng đất đó. Số người làm việc và tiền bút chỉ đồng niên mà Trần Hoán xin, thời nên giao cho tỉnh Vĩnh Long chi cấp". Ngài nghe theo.

Buổi ấy trời hạn lâu, (từ đông qua xuân) cầu mưa nhiều lần mà chưa ứng, dân có sắc đói, Ngài khiến chẩn cấp. Ngài lại xuống dụ trách mình và lời nói trực, liềnặng mưa to. (Sau vì mưa lạnh, ruộng lại bị tổn).

Định lại lệ "Tấn sĩ, Phó bảng bổ quan". (Tôn, Aám, Giám sanh, Cử nhơn, và Huấn đạo, Giáo thọ mà thi đậu Tấn sĩ Phó bảng, khi bổ quan đều có khác nhau).

Cần chánh điện đại học sĩ, Tuy Thạnh quận công trí sĩ Trương Đăng Quế mất. Ngài bãi triều 3 ngày, tặng hàm Thái sư, cấp thêm tiền lụa, sai đem rượu Thượng phương và bài thơ (chép ở Thi sơ tập) tới nhà ban tế, dựng bia ở phần mộ khắc 11 chữ: "Lưỡng triều cố mạng lương thần Trương Văn Lương chi mộ". (Thụy hiệu ông là Văn Lương). Và truyền chỉ chờ kết tang sẽ vâng lời Tiên đế cho tòng tự Thế Miếu.

Tháng 3, định lại lệ "thi Hội trúng cách" (4 trường thông tínhặng 8 phân trở lên, đều cho Trúng cách;ặng 7 phân đến 4 phân và 3 trườngặng 10 phân trở lên, đều cho Phó bảng; khoa nào số Trúng cách ít, sẽ lấy thêm Phó bảng cho vào Đình thí, hể quyển Đình được 3 phân trở lên, thời cho đậu Tấn sĩ, còn 1,2 phân thời để xuống Phó bảng, bắt cập phân thời truất về nguyên hạng).

Ngài bảo quan bộ Lại rằng: "quan không nên năng đổi, phải để ở chức cho lâu, mới thấy hay dở, nếu thường cử người trong ý riêng mình, thời làm không được việc gì; chi cho khỏi bệnh dân". Rồi chuẩn lời Bộ nghị, cứ y phép cũ 3 năm xét công 1 lần, nếu Bộ xét có người nào nên để lại chức cũ, thời phải tâu lên.

Khiển Tổng đốc Vĩnh Long Trương Văn Uyển kiêm việc giao thiệp An - Hà.

Mọi Đá Vách lại xuống cướp phá, Nguyễn Tấn đem binh đánh tại sách Lang Lui, đuổi được. Rồi Nguyễn Tấn lại tới đánh các mọi Nước Sông, Nước Trang, Nước Nể; chúng nó trốn xa, chạy lên núi Cao Muôn.

Tuyên Quang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Cao Bằng, Quảng Yên, Sơn Tây đều đói. Ngài khiến dùng nhiều cách để chẩn cấp.

Tháng 4, tỉnh Hải Yên bị hạn. Nguyễn Tri Phương cầu mưa tại núi Đàng Sơn, liền được mưa mấy ngày luôn. Tri Phương dâng sớ tâu rằng: "Ngài có lòng thành cảm động, vậy nên Trời và Thần phò giúp". Lại đem bài văn cầu võ dâng lên. Ngài phê rằng: "đọc bài chúc văn của khanh, thấy khanh lòng thành chan chứa, đến nỗi ta phải chảy nước mắt, nức nở, cảm thương trong dạ. Ta lúc bình nhựt đọc sách, mỗi gặp việc tội trung con hiếu, thường thường cảm khóc, bởi vì lòng ấy lẽ ấy, ai cũng như ai; và lại khanh vốn xứng trung liệt, không từ khó nhọc; nếu taặng nhiều người như khanh, bỏ ra các chức, nào còn lo chi việc nước chẳng nên, dân sanh chẳng thỏa". Liền ban cho 1 bài thơ (chép ở Thi sơ tập), gia thưởng 1 cấp "Trác dị"¹ để tỏ người giỏi.

¹ Trác là giỏi hơn cả; dị là khác biệt tầm thường.

Tàu giặc biển hơn 300 chiếc từ các cù lao Phò Long, Cát Bà, chia 3 đạo đến nổi nhiễu hại. Nguyễn Tri Phương khiển Nguyễn Văn Vĩ đốc thuyền nước Tàu đến đánh, bắt sống và chém nhiều lắm, giặc sợ hãi chạy tan. Ngài nghe tin thắng trận, ban dụ khen.

Hậu quân đô thống lãnh Tổng đốc Hà Ninh Tôn Thất Hàn mất, được tặng Chương phủ sự.

Vua thứ 2 nước Xiêm là Ô Thiệt đưa thơ chiêu dụ vua Cao Man là Ong Lân; vua Cao Man nghi sợ, cầu cứu với quan Soái Đại Pháp; Pháp Soái đem tàu binh đến cửa Cần Bột bảo hộ.

Giặc biển tràn vào sông Võ Định xứ Lang Thâm thuộc tỉnh Hải Dương, dùng mưu hỏa công đánh đạo quân thủy ta ở nơi sông Cấm, quan binh chạy tan cả, Thống chế Nguyễn Doãn bị bắt (rồi bị hại được tặng Đô thống), Nguyễn Tri Phương đốc lính bộ đánh đuổi giặc lui.

Thị lang bộ Công Lê Đình Đức tâu rằng: "hạt Ba Xuyên tỉnh An Giang, lợi muốn gạo hơn các tỉnh, nước Cao Man nhận làm đất cũ, xui dân mọi nhơn dịp sanh việc, nay vua Cao Man là Ong Lân cậy nước Đại Pháp cứu viện. Chúng tôi nghe phong thanh rằng quan Pháp soái sắp sanh việc ở An Giang, thâu lại đất cũ giao cho Cao Man, việc ấy hư thiệt chưa biết được, mà sự thể cũng nên lo lắng; tỉnh Hà Tiên gần biển, một xứ xa cách, mà liên tiếp với hạt Ba Xuyên, nếu có việc chi phải vận lương đòi lính, tưởng cũng mau hơn. Xin dời thành tỉnh Hà Tiên qua xứ Sóc Trăng hạt Ba Xuyên, Vĩnh Định, Phong Thạnh, Phong Phú, thuộc An Giang, với 2 huyện Long Xuyên, Kiên Giang, thời xin hiệp về phủ An Biên (nguyên thuộc Hà Tiên), đặt quan Lãnh binh, quan Tri phủ và 200 lính giữ đó, hiệp với hòn Phú Quốc giao về tỉnh An Giang quản hạt. Nếu Đại Pháp xin đất ấy cho Cao Man, thời ta lấy điều đặt tỉnh thành mà trả lời". Việc ấy giao xuống Đình nghị. Đình thần tâu: "chuyện dời đổi người ta dễ sanh nghi, xin giao qua Tỉnh xét lại cho kỹ, rồi sẽ nhơn chỗ hào lũy cũ xứ Ba Xuyên, chiếu theo quy thức thành tỉnh phải lính trú làm". Ngài nghe theo.

Tháng 5, giặc biển phạm các đồn Quỳnh Lâu, An Trì thuộc tỉnh Quảng Yên, Tán lý Đặng Trần Chuyên đánh đuổi được luôn. Đốc binh là Ông Ích Khiêm lại đánh đuổi được giặc tại khe Vị Dương. Bọn Đề đốc Mai Thiện chia quân đón các xứ Hạ Đoạn, Lang Thâm, lớn nhỏ đánh hơn 10 trận đều được cả. Việc ấy tâu lên, Ngài khen.

Chuẩn định lệ "thi Hội trúng cách và thứ trúng cách". (Quyển nào 4 trường cọng được 8 phân thời đem vào hạng Trúng cách, 7 phân đến 4 phân và trường được 10 phân đều đem vào hạng Thứ trúng cách, cũng đều dán tên chung một bảng nội, nhưng có thứ tự trước sau; đều cho vào Đình thí, chớ không được xưng trước rằng Phó bảng, chờ Đình thí rồi mới định Chánh, Phó).

Tháng 5 nhuận, tấn phong Hoàng đệ Kiến quận công làm Kiên quốc công; Hường Diêu làm Phú Lương quận công; Hường Dật làm Văn Lãng quận công. Từ năm Tự Đức thứ 1 đến nay, các Hoàng đệ mới phong, đều tước Quận công; nhưng nay 3 ông Hoàng đệ ứng chế¹, Ngài xét ông Kiên quốc công học hạnh hơn hết, nên cho đặt cách ấy. Ngài lại ban lựa con trưởng ông Kiên quốc công (là đức Cảnh Tôn Thuần Hoàng đệ) nuôi tại trong cung. Khi ấy đức Cảnh Tôn mới 2 tuổi, bà Thiện phi họ Nguyễn Đình phụng mạng nuôi làm con.

Ban sách Nông tang y thực và Châu huyện đề cương, sách Bồ hoàng khảo (dạy phép bắt sâu keo) cho các hạt Nam, Bắc. Ngài dụ khiển các phủ huyện phạm những chuyện Tuần lương² mà bình nhật đã đọc, phải gắng làm cho được như lời trong truyện dạy.

Mới định niên lệ phong tặng cha mẹ các quan viên. Lệ cũ định rằng: ân điển phong tặng phải chờ khi Đại khánh tiết mới cho. Mùa đông năm ngoái, Ngài nghĩ rằng nếu chờ năm Đại Khánh, thời có người gặp, có người không gặp, ân điển chưa đều; nên Ngài mới chuẩn; phạm đến năm sừ vị, thìn, tuất, Bộ phải hội kê sách văn, võ ân quan trở lên, người nào được phong tặng cha mẹ; tỵ trung có người hoặc đã về, hoặc đã chết, cũng cho cha mẹ đặt dự, nhưng lấy hiện hàm năm ấy làm chừng; còn người nào nhơn có tội lỗi bị giáng, đến hàm thuộc viên, thời sắc phong tặng truy đoạt lại³, chờ khai phục

¹ Ứng chế là được xướng họa thơ với Hoàng thượng.

² Tuần lương là chỉ về quan Phủ, Huyện đời trước, trị dân có tiếng tốt.

³ Truy đoạt đó nghĩa là cha mẹ đã được phong tặng rồi, nhơn con bị giáng phải thâu sắc lại.

đến hàm được phong tặng, sẽ chiếu lệ cho lại; kể từ năm nay làm đầu, sau có aiặng phong tặng thêm nữa, thời phải chờ năm khánh tiết sẽ cho. Việc ấy biên để làm lệ.

Mới mở khoa thi Tấn sĩ võ, cho bọn Võ Văn Đức cả thảy 2 người đậu Võ tấn sĩ, Đồng võ tấn sĩ xuất thân, khoa Võ Tấn sĩ mở đầu từ đây.

Tể tửu trường Quốc Tử Giám là Nguyễn Dục cáo bệnh xin về. Ngài dụ rằng: "nghe nhà người có học hạnh, làm thầy được, người phải gắng siêng tác thành nhưn tài, cho Nhà nước dung, chức trách Tể tửu chẳng phải nhỏ đâu, chớ cho là một chức quan lãnh đạm".

Tháng 6, Ngài nghỉ giặc biển ở Hải Yên (là bọn nguy Phong nguy Ước) vẫy vùng ba bốn năm nay, gần đây nghe đã cùng ngặt, cố giữ hạt Hải Ninh; phía ngoài có thuyền nước Tàu và thuyền dân đón đánh, phía trong có quan binh Đoàn Đồng, thổ Đồng đi đàng bộ kéo tới. Bây giờ phải quyết đánh, khiến chúng nó trước sau bị địch, thời một trận chắc là bắt được. Nhưn dụ Nguyễn Tri Phương, Phạm Chi Hương phải nghiêm tướng lệnh, tính chức hay, đốc quân thủy đạo là bọn Nguyễn Văn Vĩ, quân lục đạo là bọn Mai Thiện để tấn tiện cho mau.

Sai Tổng đốc Trương Văn Uyển vào Gia Định hội thương và kiểm kho 3 tỉnh An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long. Kiểm được hơn 10.000 đồng bạc, hơn 100.000 quan tiền, 500.000 hộ lúa, định giá khẩu bạc bồi khoản. Lại khiến quan Thương bạc viết thơ thăm Quý soái.

Định lại lệ "quân cấp công điền" (lâu nay đều định hạn 3 năm cấp lại một lần, đến đây chuẩn định 3 năm hoặc 6 năm, tùy theo dân nguyện).

Mới đặt nha Dinh Điền trong các tỉnh Bình Thuận, Khánh Hòa, Phú Yên; cho Ngự sử Nguyễn Văn Phương làm Khâm sai dinh điền, đốc làm việc ấy.

Tháng 7, khiến bộ Hộ và Nội vụ kiểm đồ khí mẫn và các hạng bạc khối bạc dính (cộng 72.000 lượng, tính thành 100.000 đồng) rồi tư cho quan Soái đến Kinh tính khẩu được phần nửa bạc hồi 1 kỳ. Nhưng sai quan Thương bạc viết thơ phủ ủy.

Lại sai Trương Văn Uyển vào Gia Định kiểm kho 3 tỉnh, kiểm được vàng hơn 920 lượng, bạc lượng hơn 2.220 lượng, bạc đồng 10.500 đồng, chiếu theo tờ thương ước định giá khẩu bạc bồi còn thiếu. Ngài lại truyền viết thơ phủ ủy.

Tàu giặc biển 100 chiếc đậu tại sông Thác Hàn ngoài thành Hải Ninh. Tán lý quân thứ Đặng Trần Chuyên (nguyên Tri phủ phái đi) khiến Đốc binh Ông Ích Khiêm, Phó vệ úy Phan Đình Thảo đem binh nhưn ban đêm phục lại La Phù, ước với quan Tàu ở Khâm Châu là Lý Yên Văn giáp đánh. Sáng ngày tới lấy lại được thành Hải Ninh, Ích Khiêm thừa thắng đuổi giặc đến núi Thác Hàn, giặc thua, lui thuyền đậu vũng Ngọc Sơn. (Ước chừng 70, 80 chiếc). Chạy cờ đỏ về báo tiếp, Ngài vui lắm, thưởng Trần Chuyên hàm Tham Tri, Ích Khiêm hàm Thị độc sung Tán tương, Đình Thảo hàm Vệ úy, đều gia thưởng kim khánh kỷ công.

Tháng 8, định thuế đồng niên người Minh Hương; người nào vật lực thời nạp 2 lượng bạc, người vô lực nạp 1 lượng; nhưng phải nạp thiệt sắc như lệ thuế người Tàu.

Tiểu phủ sứ Nguyễn Tấn lại chia đạo đánh phá giặc mọi Lang Y, từ khi ấy dân hơi được yên.

Định lại lệ "các quan được phong tước thời con cháu được tập tước"; (người phong tước Công, thời con cháu được tập tước 5 đời; tước Hầu thời 4 đời, tước Bá thời 3 đời, tước Tử thời 2 đời, tước Nam thời 1 đời, nhưng đều thua lần).

Đạo quân thứ Hải Yên đuổi giặc biển tại sông Gia Luận xứ Hà Lai. (Bọn nguy Phụng, nguy Ước trốn ở biển Thanh, Nghệ, bọn nguy Sắt, nguy Vinh lén ẩn ở các cù lao). Nguyễn Tri Phương phái Tri huyện Nguyễn Hữu Thuận đem binh thuyền đi đàng sông thám thính, tình linh gặp thuyền Đô thống giặc là Phan Văn Khương, quân mình đánh bắt được, lại bắt được bọn nguy Oánh và đảng lửa, thuyền, pháp. Tri Phương giết nguy Oánh, còn nguy Khương nhốt cũi giải về Kinh. Ngài dạy thưởng trước Hữu Thuận 1 cái kim khánh, còn bao nhiêu sẽ nghị thưởng; lại sắc Tri Phương dẹp yên đảng giặc còn sót và nghĩ mưu giữ yên hồi sau.

Mới mua chiếc tàu đồng lớn hiệu Mẫn Thỏa giá 135.000 đồng bạc.

Chuẩn cho Võ Ban thuộc viên tòng tam phẩm trở lên dâng dự phong tặng cha mẹ.

Giặc Cổ phi Tàu khuấy rối các phủ huyện tỉnh Cao Bằng. Lãnh binh Bùi phó đem binh tấn tiêu, giặc liền kéo binh đánh hãm thành tỉnh. Bổ chánh Nguyễn Mẫn, Aùn sát Dương Gia Huấn lui đóng ở làng Cung Cao, nhóm lại những quân còn sót; thự Tuần phủ Lạng Bình Trịnh Lý Hanh nghe báo, liền phái 400 lính đóng triệt chỗ Bông Phong và đem việc ấy tâu lên. Ngài nghiêm dụ Kinh lược Võ Trọng Bình và Tuần phủ Trịnh Lý Hanh phái gấp đại binh qua Cao Bằng hiệp cùng đạo binh Bùi Phó mà đánh giặc, hoặc qua Bông Phong điều độ; còn Nguyễn Mẫn, Dương Gia Huân hãy cho tòng quân hiệu lực, nếu 2 người ấy xét sức chẳng kham, thời phải cử người giỏi khác, chớ để sanh rối chốn biên cảnh.

Tháng 9, mới định lệ "Ấm tôn" (phàm Văn, Võ người nào tiết liệt huân lao dâng tòng tự ký công, và người nào tháo hạnh đoan trang lương dâng dự thờ miếu Hiền Lương, thời cháu được tập ấm: chánh nhứt đến chánh nhì, cháu được 2 người, tòng nhì đến đến chánh tam, cháu được 1 người; còn tăng tôn thời chánh nhứt đến tòng nhì, được khai ấm 1 người. Lệ ấm tôn từ đây là đầu).

Võ Trọng Bình đem đại binh qua tỉnh Lạng, xin cho nguyên Aùn sát Ngô Văn Độ sung chức Tấn lý, Tri phủ Nguyễn Cao Bính, Trần Văn Mỹ sung Tấn tương, Đốc đồng bọn tùy phái Võ Huy Thụy, Đốc binh Hoàng Ninh chia coi các đạo quân. Ngài cho, nhưn dụ rằng: "nay binh đã nhóm đông, phải hết lòng hiệp sức dẹp yên, cho thư lòng ta lo lắng phía Bắc".

Nước Y Pha Nho phái A Răng Đa đưa thư xin cho đặt Lãnh sự ở cửa Đà Nẵng. Ngài khiến quan Thương bạc viết thư khước đi.

Bang thuyền nước Tàu đánh giặc biển ở ngoài Hải Ninh và hòn thảo Dự ở Quảng Bình, bắt hết bọn tướng giặc bỏ cũi giải về Kinh (ngụy Phụng, ngụy Ước và đảng lửa đều bắt được, rồi đem về chánh pháp cả).

Cho lính Kinh và lính Tĩnh ở Thủy quân Hải Yên đều về đội ngũ và thưởng tiền.

Nguyễn Tấn điều trần cách sửa sang 6 cơ lính và việc xử trí trên mọi. Trong tờ điều trần đại lược nói: "trên mọi ruộng đất tốt, vật sản trong rừng núi nhiều; xét chỗ lợi hại, thời nên lập sở buôn trâu, đánh thuế mọi và bãi các nhà lái buôn". Ngài cho làm thử để xem thành hiệu.

Tháng 10, Võ Trọng Bình đến thành tỉnh Lạng Sơn, làm lời hịch báo cho Thân, Biền, Hào mục ở tỉnh Cao Bằng nhóm quân Hương đồng án cứ địa phận. Trọng Bình liền đem đại binh đóng đồn tại Bông Phong, phái Ngô Văn Độ, Nguyễn Cao Bính tới đóng ở trạm Cao Nhã và Cao Phước, hội lính tỉnh Cao Bằng định ngày đánh lấy thành tỉnh.

Khiến quan tỉnh Vĩnh Long sức khách buôn là Nha Vạn Hiệp nạp bạc thuế 300.000 đồng, tư tờ cho quan Soái Đại Pháp nhận khấu số bạc bồi.

Nguyễn Tri Phương phái Phó đề đốc Nguyễn Hữu Thận, Đốc binh Nguyễn Văn Tư đem 500 binh, 1 con voi, qua tỉnh Thái Nguyên bắt giặc. (Khi ấy Nguyễn Văn Vĩ ở Bang Thuyền nước Tàu chưa về).

Mới mở khoa Nhã sĩ, cho Đặng Văn Kiêu cả thảy 5 người đậu Nhã sĩ và Đồng nhã sĩ xuất thân. (Khoa này là Đặc cách).

Trương Văn Uyển mật đem lời quan Soái Đại Pháp và tình hình 3 tỉnh trong Nam Kỳ vào tâu. Ngài liền sai Phan Thanh Giản cứ nguyên hàm Hiệp tá bộ Hộ, sung Kinh lược đại thần 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên.

Tháng 11, làm nhà nuôi tằm ở chỗ Thái Thường Tự.

Mới đặt quan Điển học 3 đạo Hà Tĩnh, Quảng Trị và Phú Yên. (Trật tòng lục phẩm, được dịch thể với quan Đạo như quan Đốc học các tỉnh).

Mới định lệ "Ấm sanh các tỉnh đạo" (con quan văn mà đàng xa nhà nghèo, nhập Giám không được, cho phép do quan Học thần tỉnh, đại hội hạch).

Nguyễn Tri Phương tâu xin khiến Đặng Trần Chuyên qua tỉnh Thái Nguyên cho gấp, thương tá quân vụ, để tỏ ý chăm lo tỉnh Cao Bằng, tùy cơ tính việc đánh giữ. Ngài cho.

Tháng 12, các quan quân thứ Hải Yên đánh giặc trở về, Ngài cho Bộ nghị người nào đáng thưởng công, người nào đáng phong tặng cứ theo lệ mà làm.

Trịnh Lý Hanh cùng Lãnh binh Đặng Văn Hợi đem binh đánh giặc tại phố Đồng Bộc, thắng trận, lại tới đánh đồn Khôn Quang, đảng giặc đều lui ra khỏi bờ cõi.

Định lại chương trình "con các quan viên được ấm thọ". (Văn tòng tam, Võ tòng nhị trở lên, đều chiếu nguyên hiệu chức hàm, phân biệt người có công, hoặc người không công, cho 1 người con Ấm thọ).

Năm Bính Dần, thứ XIX (1866), tháng giêng, quan quân lấy lại phố Bông Phong (thuộc tỉnh Cao Bằng) chạy cờ đỏ báo tiệp. Ngài mừng, ban rằng: "phố Bông Phong là đàng sau phía sau tỉnh Cao Bằng, nay đã lấy lại, thời tỉnh thành cũng lần lần yên được". Nờn khiến lấy cờ báo tiệp truyền ra cho thần dân biết; và dụ khen thưởng các quan binh. (Võ Trọng Bình, Phạm Chi Hương và tử Đề đốc đến binh đồng đều được thưởng cả).

Tháng 2, quan tướng nước Xiêm là La Hàm tỉnh Hà Tiên đưa thơ tới trình; Quan cơ mật tâu xin phái người qua lại, để tỏ tình thân thiết, còn thuyền Xiêm như có đến buôn, xin khoan các điều cấm ước, để rõ ý mình không nghi ngờ chi. Ngài nghe theo, khiến lục cơ tỉnh Hà Tiên tuân làm, để thông hảo với nước lân quốc.

Đại binh ở Cao Bằng tới lấy được 2 đồn Thượng Hà và Thổ Sơn, chỉ còn đồn Kho, đất hiểm thành bền, lấy chưa được; xin thêm binh Thanh, Nghệ 1.500, cho Định Hội quyền làm Đề đốc quản đem lính ấy qua quân thứ sai phái. Ngài cho. Lại khiến quan quân thứ phủ ủy khuyến khích người Thổ, lo giữ gìn lấy, khỏi phiến lính xa kéo tới; công đã gần nên phải gắng cho rồi mới được.

Đặt quyển sách¹ cho dân Thổ cơ Tịnh Nam tỉnh Quảng Nghĩa. Vì khi trước Nguyễn Tấn nghĩ dân Thổ ở gần lũy, nhà cửa linh tinh, đất đã cách, người lại sửa, gặp hội giặc giã, tiếp ứng không tiện, xin y theo dân chỗ tỉnh Lạng Sơn đặt quyển sách, sức dân nhóm ở. Đến bây giờ Ngài mới cho làm.

Quan Soái Pháp phái tàu đến cửa Thuận đưa thơ nói rằng: "3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên, địa thế xa cách, bọn trộm cướp thường qua lại, hai Nhà nước đều không tiện, xin cho Đại Pháp quản luôn đất ấy đặng trừ hết giặc biển và đình hết khoản bạc bồi". Ngài liền sai bọn Phan Huy Vịnh, Phạm Phú Thứ qua Sứ quán tặng hảo phủ ủy, nhưng xin giữ ước cũ lâu dài; lại tư cho Kinh lược Phan Thanh Giản đến Gia Định thương thuyết với Pháp Soái. Tàu quan Pháp phải ở vài ngày rồi xin chạy ra Quảng Bình chờ Giám mục Ngô Gia Hậu qua Nghệ An, rồi mới về.

Khiến 2 tỉnh Vĩnh Long, An Giang lựa thuộc viên công tượng hoặc học trò, người nào siêng giỏi, có tứ khéo, chừng 20 người, cấp cho lương ăn, áo mặc rất hậu, tới Gia Định học tập các nghề công xảo.

Tướng giặc là Trương Cầm Bang tới hàng; quan quân lấy lại tỉnh Cao Bằng, chạy cờ đỏ về báo tiệp. Trước khi ấy, giặc chiếm trạm Cao Phước, Cao Nhã, quan quân thứ là bọn Võ Trọng Bình, Phạm Chi Hương mật sai các tướng hiện giữ đồn Lạc Dương là bọn Nguyễn Cao Bính đón chỗ hiểm yếu, trong thời phòng giữ rất nghiêm, ngoài thời giả bộ thông thả; bởi thế bọn giặc đánh cướp lấy không được mấy, người đông lương thiếu, đưa thơ xin hàng, quan quân thứ cho. Bây giờ bọn Trương Cầm Bang đến cửa quân chịu tội, nạp lại thành tỉnh, đại binh vào thành đóng giữ, quân giặc lui ra, đều cho về Tàu, chỉ cho bọn Cầm Bang ở lại làm dân, cày ruộng buôn bán để sanh lý; khi nào có việc, sẽ cho hiệu phái. Ngài được tin báo tiệp, liền làm bài thơ "hỉ tiệp" (chép ở Thi sơ tập); lại truyền dụ khen thưởng các quan binh.

Năm ngoái Bang tá huyện Thanh Xuyên² là Trần Tấn, Phó tổng Phan Điểm nghe Linh mục Châu qua dạy đạo tại các buôn Bàu Thạch, Mai Vinh, bên xưởng sắt dân phu ngăn đón không cho giảng đạo. Việc phát ra, Tấn và Điểm đều phải xử tội.

¹ Quyển là rào ngăn từng ô; sách là rào cây xung quanh để giữ cho dân.

² Thanh Xuyên là huyện Thanh Chương thuộc tỉnh Nghệ An.

Tháng 4, mọi Mèo ở tỉnh Hưng Hóa đem nhau tới hàng (khi ấy mọi Mèo biến động, quan binh chiêu dụ mới phục).

Tháng 5, quan Pháp Soái mở trường Đấu xảo, đưa thơ muốn cho dân ta đến hội.

Tá lý bộ Hộ Đặng Huy Trứ tâu xin đặt nha Bình chuẩn sứ. Trong tờ tâu nói: "việc buôn bán từ nghề mỏ, mà ích nước lợi dân, thiết là việc chánh lớn Triều đình". Ngài nhơn cho Huy Trứ lãnh chức ấy.

Quan quân thứ Võ Trọng Bình, Phạm Chi Hương về Bắc Ninh nghĩ tâu 4 việc nên làm, để giữ cho tỉnh Cao Bằng về sau cho được yên lặng: (1. Cho dân mượn tiền để mua đồ làm ruộng; 2. Phái lính Bắc Ninh đóng giữ, đổi lính Nghệ về; 3. Triển ngạch hương binh thiếu và lập đồn bảo canh giữ; 4. Khuyến kẻ thổ hào nạp lính đồn điền). Ngài chuẩn cho làm.

Tháng 6, sai Dinh điền sứ ở Thuận Khánh là Nguyễn Văn Phương hội đồng quan Pháp soái khám địa giới đồn Bảo Chánh ở tỉnh Bình Thuận, vẽ sơ đồ dâng lên Ngài xem. Vì quan Soái nói địa giới không phân minh, xin quan ta hội khám. (Rồi khiến dời các người đầu mục qua khẩn đất Khánh Hòa, Phú Yên cho Đại Pháp khỏi nghi).

Ngài bảo Viện Cơ mật rằng: "Ta xem dịch sách Tây cùng sách chữ Hán hơi khác, ấy là một việc khó lắm, phải làm thế nào cho tiện"? Cơ mật tâu: "sách Thái Tây dịch ra chữ Hán phải trước dịch ra tiếng La Tinh, lại dịch ra tiếng Đại Pháp rồi mới dịch ra tiếng nước ta, sau mới dịch ra chữ Hán mà cách chữ Tây, đặt câu không giống chữ Hán; có chỗ nó trùng nhau mà cũng một ý. Nay người tập thuộc chữ Tây, không phải cố đạo thời cũng học trò đạo; chúng tôi xét chỉ có Nguyễn Hoằng là người đạo hơi biết chữ Hán và lại thông chữ Tây, xin sức đòi đến Kinh dịch sách Tây, kèm dạy học trò". Ngài cho.

Tháng 7, mới đánh thuế rượu trong 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. (Khi ấy người buôn Tàu xin trưng đồng tiền 2.500 quan. Triều đình cho chước định điều ước, trong 40 phần lấy thuế 1 phần).

Đổi quan Tham tán Lạng Bình là Phạm Chi Hương làm Tổng đốc Ninh Thái, kiêm coi việc biên phòng 2 tỉnh Lạng, Bình.

Năm ấy, các hạt ruộng đất bỏ hoang mấy lâu biên số không mà bây giờ khẩn thêm, trưng thuế lại, và ruộng đất ngoại lật báo trưng, cát bồi cải trưng, cả thảy được 12.326 mẫu; còn ruộng đất hiện trưng bị lở, và chỗ đất lập huyện lỵ với đào đàng sông lấn vào ruộng đất, cho khỏi nạp thuế, cộng 759 mẫu.

Tháng 8, nghịch dân là Đoàn Trưng cùng đảng nó phạm chốn cung khuyết, đều bị chánh pháp. Nguyên khi trước Trưng với em là Đoàn Hữu Aùi, Đoàn Tư Trực cùng Trương Trọng Hòa, Phạm Lương kết làm hội Đông Sơn thi tửu, để tìm mưu làm loạn, mượn tiếng phò lập Đinh Đạo¹, lại có Hữu quân Tôn Thất Cúc làm nội ứng. Tên Aùi mật giao với thầy tu chùa Long Quang là Nguyễn Văn Quý chiêu dụ đồ đảng tại chùa Pháp Vân. Lúc ấy Tá lý Nguyễn Văn Chất đốc công làm sở Khiêm cung, nghiêm khắc quá, quân lính ta oán, bọn Đoàn Trưng nhơn cơ ấy tính rằng: "rao một tiếng thời có thể nên việc được". Nó mới nhóm chúng tại chùa Pháp Vân, mật ước với Tôn Thất Cúc khắc kỳ khởi sự, trước khiến người qua chỗ công sở chức làm tiếp ứng. Ngày mùng 8 tháng ấy, Cúc vào trực, bọn tên Trưng đêm ấy suất đồ đảng qua công sở, tìm Nguyễn Văn Chất không được, liền trối Đồng lý Nguyễn Văn Xa và giả truyền lời sắc: "bãi việc công tác, rút quân về thành, phò lập Đinh Đạo". Lính theo nó kể đến 1.000 người; Trưng chia từng đạo qua sông, nhơn khi súng nổ mở cửa thành, chúng nó từ cửa Chánh nam vào cửa Ngọ môn, chia qua 2 dãy trại thâu lây đồ khí giới; Tôn Thất Cúc từ cửa Đại cung qua môn đi ra, gập giặc, rồi trở qua cửa Tả Dịch; tên Trực xuất đảng nó đi theo, vừa có quan Phó vệ úy Nguyễn Thạnh lướt đến cùng Chỉ huy Phạm Viết Trang đóng cửa giặc, giặc chặt cửa, bọn Thạnh đều bị thương, giặc phá cửa kéo quân vào, đến nhà Duyệt Thị, có Quyền Chương Long võ dinh Hồ Oai cản cự, Trực chém oai đứt tai bên hữu, Oai la to, kêu Nội giám; "đóng cửa Tả Sương cho vững". Trực tìm bắt trung quân Đoàn Thọ, có người nói Thọ ở điện Thái Hòa, Trực liền trở lui, hiệp nhau với Trưng ở đạo trung; khi ấy Hồ Oai chạy ra kêu Thị vệ và Cận Tín tới cho mau bắt giặc, bọn Trưng đương ở trước sân Thái Hoà sắp hàng, Trưng kêu quân Loan giá, lấy kiệu ra rước Đinh Đạo, kiệu ra được nửa đàng, Hồ Oai nạt lui, lại chỉ lính công sở rằng: "bọn mà"

¹ Đinh Đạo là con Đinh Ngốc.

đành theo giặc sao?". Lính nghe tháo lui tan đi hết, chỉ còn đảng nghịch ước chừng 30 người; Oai lướt tới đâm Trục, Chánh đội Cáp Văn Sum đâm tiếp luôn, Trục nhào xuống. Lính bỏ biên chạy tới Trục Trưng đều bị bắt, Ái chạy vào nhà bếp sở Hộ vệ tự đâm cổ, đảng nghịch là tên Võ nháy xuống ao Thái Dịch. Võ cử Nguyễn Văn Thích chạy theo bắt được. Đạo hậu giặc đến bờ phía nam sông Hương Giang, Nguyễn Văn Quý nghe việc không xong, trốn về; Trương Trọng Hòa còn chưa biết, đem đảng nó thẳng vào trại lính Thần cơ thâu lấy đồ binh trượng, Hiệp quản vệ ấy là Võ Giác, đánh trống làm lệnh, bọn Nguyễn Hùng, Lê Bình suất binh ra ngoài cửa Chương Đức hiệp cùng Lê Sĩ bắt đảng nghịch Hòa, lại phái người qua chùa Pháp Vân soát bắt Nguyễn Văn Quý giải về, đảng nó còn bao nhiêu tan hết, hoặc lui về đội cũ, hoặc tan về chỗ công sở. Khi ấy đóng hết các cửa thành, quan binh chia từng đạo soát bắt hết cả.

Đình Đạo mắc bọn nghịch phạm chiêu xướng, xử tội giảo quyết và thân thuộc con trai con gái cũng đều bị tội; Nguyễn Cúc¹ tự tử, truyền chỉ đem thầy làm tội; bọn nghịch phạm đều bị chánh pháp Nguyễn Văn Xa, Nguyễn Văn Chất giao bộ nghị tội, quan phủ Thừa Thiên cùng quan Hộ thành đều bị cách giáng.

Khiến Giám mục Hậu cùng học trò là Nguyễn Trường Tộ và Nguyễn Điều qua Tây thuê thợ và mua đồ máy.

Lập nhà dạy học võ tại Kinh, ở góc thành phía tây đặt quan Chánh Phó học chánh.

Quan quân thứ Đông bắc là Nguyễn Tri Phương, Võ Trọng Bình thâu quân về, vào châu. Ngài ban lời phủ ủy, sắc chế đồ y phục ban cấp; rồi cho Tri Phương lãnh Thượng thư bộ Binh, kiêm kinh kỳ hải phòng sứ, Trọng Bình lãnh Thượng thư bộ Lại kiêm Quốc tử giám; 2 ông đều sung Cơ mật viện đại thần.

Truyền khiến Đình thần xét tâu công trạng các viên biên bắt được bọn nghịch Trưng. Cho Hồ Oai thăng chức Đô thống dinh Long Võ, tấn phong Nghĩa dũng tử, nhưng sung Quản lãnh Thị vệ đại thần, thường thêm bài vàng, ngọc đeo các hạng; còn từ Lê Sĩ trở xuống, đều được thăng thưởng cả.

Tháng 9, quan Soái Đại Pháp ở Gia Định là Gia Lăng Gi Y về Tây, Ô Khởi qua thay.

Quan Khâm sứ Thượng thư Đại Pháp ở Gia Định là Vi An cùng cố đạo Dương đến Kinh, lại xin đất 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Đình thần nói rằng: "Hình thế 3 tỉnh ở xa cách, khó giữ lắm, chỉ vì việc quan hệ về thổ địa như dân, không nên dễ dàng; xin khiến Phan Huy Vịnh, Phạm Phú Thứ qua Sứ quán, tùy cơ đối đáp cho khéo. Khi qua đến nơi, Phan Huy Vịnh và Phạm Phú Thứ thương nói với Khâm sứ Pháp Vi An hoải; Vi An trả lời rằng: "nếu bây giờ không chịu giao cho xong, e những người ứng mộ ngày càng thêm lung, rồi gây ra việc binh cách". Vi An đã về Gia Định, Ngài dạy Hoàng thân, Đình thần hội nghị, lại hỏi các tỉnh nghị thế nào phúc về, và tư cho Phan Thanh Giản, Trương Văn Uyển cùng quan tỉnh An Giang và Hà Tiên châm chước trừ nghĩ cho kỹ lưỡng rồi phúc tấu lên.

Khi ấy những người Lục tỉnh mộ nghĩa lần lần đầu thú tại nha Dinh Điền ở Bình Thuận, Khánh Hòa cả thảy 500 người. Ngài khiến đều cấp cho tiền gạo đi khẩn ruộng.

Tháng 10, thưởng người có công đánh dẹp giặc phía Tây Bắc, hoặc gia cấp kỷ lục, hoặc cho tiền vàng, tiền bạc khác nhau.

Cho Tham tri Nguyễn Chánh sung Dinh điền sứ ở Nam Định, Hương lộ tự khanh là Đỗ Phát làm Phó sứ.

Quan soái Đại Pháp phú thơ xin định tờ hòa ước mới cho mau. Đình thần xin phái Tổng đốc Nguyễn Hữu Cơ cùng quan Kinh lược qua thương nghị. Ngài ban rằng: "Nguyễn Hữu Cơ là người thế nào mà chống với người ta nổi?. Ngài không theo lời Đình thần xin.

Ngài nghĩ võ công xứ Bắc Kỳ đã xong rồi, tướng sĩ kéo về, chuẩn cho Nguyễn Tri Phương và Võ Trọng Bình phục mạng. Khi hai người vào châu, Ngài rót ngự tửu ban cho, và cho ăn yến, tấu nhạc, tướng sĩ biên binh đều cho dự yến, coi hát, cho thỏa tình trên dưới; lại ban tiền vàng và ngọc đeo các

¹ Nguyễn Cúc là Tôn Thất Cúc, vì có tội bị đổi theo họ mẹ.

hạng cho các quan Quân thứ và các quan Tỉnh mà có dự việc đánh giặc. Nhơn ban ân chiếu cả thầy 22 khoản.

Lập cửa Nhu Viễn tại sông Cấm (ở tỉnh Hải Dương) định ngạch thuế, lựa chọn người giỏi để coi việc (vì có các thuyền bang nước Tàu lúc trước có giúp đánh giặc bây giờ xin ở lại buôn bán).

Tháng 12, đình bãi lệ "quyên tiền cho thăng hàm, cho phục chức và cho ra làm việc quan".

Phục lại lệ "Phủ cống Giám sanh" từ Quảng Bình trở vào Nam. (Lệ cũ thời các tỉnh trong phía Nam, mỗi phủ hạt được phép cống 1 người Giám sanh; đến năm Tự Đức thứ 6, lệ ấy đình bãi; bây giờ truyền dụ cho phục lệ lại cũ, cũng các tỉnh ngoài Bắc).

Năm Đinh Mão thứ XX (1867), tháng 2, các tướng giặc lần lần tới hàng; Ngài khiến phân tháp mỗi đũa ở mỗi nơi.

Mới mở trường thi Võ tại Hà Nội và Bình Định.

Mọi ở Quảng Nghĩa thường nhiễu hại dân, Tiểu phủ sứ Nguyễn Tấn sai người chiêu dụ, các Mọi đều hàng, chỉ Mọi Nước Tổ chưa phục, Tấn liền đem quân đi tuần tiễu. Khi ấy nhơn đũa Man đình là tên Mông trốn đi, Tấn đòi các Mọi đến hiểu dụ chúng nó an nghiệp, rồi đem quân về. Ngài khen phái đi hiểu dụ có công, tuyền ban thưởng tiền bạc.

Khi trước Kinh lược Phan Thanh Giản có đem 2 khoản mật thương với quan Pháp Soái cũ: 1. Chuộc lại 3 tỉnh; 2. Đổi tỉnh Biên Hòa. Quan Soái cũ trả lời rằng: "việc đó khó tính trước đặng". Đến đây quan Soái mới tới thay, viện Cơ mật xin sai Thanh Giản vào Gia Định thám thính ý quan Soái mới thể nào phúc tấu.

Tháng 3, Dinh điền sứ Trần Đình Túc xin mở mỏ sắt ở làng Lưu Biểu về huyện Hương Trà, phủ Thừa Thiên. Ngài truyền đem nấu thử, sắt tốt dùng được. Ngài cho làm.

Nguyễn Tri Phương và Võ Trọng Bình từ khi về tham dự việc Cơ mật, cùng các quan Đại thần nghị luận có điều trái ý không hòa nhau. Ngài nghe, ban rằng: "người Quân tử hòa mà có chỗ không đồng, chớ không phải việc chi cũng đồng mới gọi lên điện cãi nhau, đến khi xuống điện vẫn hòa như thường, kẻ làm tôi phải bắt chước như thế, nếu trên dưới lồi đồng, không phải là phước nhà nước. Các người bàn việc, nếu có ý kiến gì khác, cứ cãi lẽ không hại gì, nhưng chỉ trong khi đó mà thôi, không nên có hơi hình tích". Nhơn khi ban trái vài cho đình thần dạy rằng: "trái này ngọt lắm, đức Tiên đế từng tự tay lấy ban cho Thân công và Đình thần, cũng là rõ ý thân nhau, các người nên nhớ chuyện ấy".

Tháng 6, thường Tá lý Ông Ích Khiêm thăng Binh bộ Thị lang và cho một cái khánh vàng chạm 2 chữ "Hiếu nghĩa". Vì Ông Ích Khiêm trước ở quân thứ Hải Dương mộ binh đồng đánh giặc có công.

Nước Đại Pháp lấy 3 tỉnh Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên. Khi ấy quan Pháp Soái đem tàu binh nhiều lắm, chạy đến bến Vĩnh Long, khiến người đem thơ mời Phan Thanh Giản tới nói chuyện; Thanh Giản xuống tàu bàn nói thể nào, quan Pháp Soái cũng không nghe. Thanh Giản mới thương rằng: "xin Quý Soái chớ cho nhiễu hại nhơn dân, còn tiền lúa trong kho cứ để nước tôi coi ngó". Quan Pháp Soái thuận nghe. Trong giây phút Thanh Giản trở về, thời binh Đại Pháp đã vào bốn phía thành rồi. Quan Pháp Soái lại chia binh qua An Giang, Hà Tiên, cũng làm giống như tỉnh Vĩnh Long vậy; rồi đem các quan 3 tỉnh ấy để ở tại dinh Tổng đốc Vĩnh Long và sai tàu ra cửa Thuận báo tin. Ngài khiến Cơ mật và Thương bạc làm thơ thương thuyết, xin họ đưa các quan 3 tỉnh về Kinh. Thanh Giản nghĩ mình không công, đem tiền lúa 3 tỉnh chiếu khấu số bạc bồi năm ấy; rồi đem triều bào ấn triện và làm tờ sớ để lại gửi về dâng, liền không ăn mà chết.

Cho Phan Khắc Thận khởi phục hàm Binh bộ Thượng thư lãnh Tuần phủ Nam Nghĩa. Vì lúc trước Khắc Thuận bị tội cách chức, đến đây sự thể hơi khác, Ngài đòi Khắc Thuận về Kinh để hỏi tình hình ngoài biên. Khi Khắc Thuận vào chầu, Ngài hỏi việc nước Cao Man gần đây thế nào? - Khắc Thuận tâu rằng: "Việc Cao Man đều là quan Đại Pháp coi ngó, tô thuế cũng phái người coi trâu".

Tháng 7, quan tỉnh Bắc Ninh tâu rằng: "Giặc trốn người nước Tàu là bọn Vi Tái Thọ thông mưu sanh sự, xin thêm binh để phòng giữ". Ngài khiến phái lính Thanh, Nghệ 500 tên lập tức ra Bắc Ninh; lại sai Ông Ích Khiêm sung Tiểu phủ sứ (sau Ông Ích Khiêm bắt giặc được 65 tên).

Tháng 8, bãi ty Bình Chuẩn và Dinh Điền Sứ ở Bắc Kỳ (vì có hại kẻ buôn và hại dân).

Làm Khiêm Cung rồi. Ngài ngự chế bài ký để chạm vào đá dựng nhà bia. Ngài nhơn làm bài minh để răn mình, lời minh rằng: "Dương Xuân chi thượng hễ, duy dư chi trạch hỹ, sơn ti nhi địa tịch hễ, diệc trạng dư khiêm ý dĩ tự trách hỹ, thù dữ dư đồng tâm dĩ hoàn dư chí bề, y cầu chi nhi vị hoạch hỹ, duy thiên kỳ giám hễ, ngã tâm hữu như thử hạch hỹ". Nghĩa là: Trên Dương Xuân kia, kiếng nhà ta ở đấy ! Núi thấp mà đất quạnh xa, cũng giống ý ta khiêm ty để trách mình vậy. Ai cùng ta đồng tâm cho thỏa chí ta? Tha ôi ! Cầu mà chưa được đấy ! Xin Trời soi xét cho, lòng ta có như vừng đá ấy !

Tháng 9, khiến phủ Tôn Nhơn và Đình thần nghị công tội bọn Nguyễn Tri Phương, Phan Thanh Giản. Ngài dụ rằng: "Xứ Nam Kỳ 6 tỉnh, khi đầu bởi tại Nguyễn Tri Phương, Tôn Thất Cáp, Phạm Thế Hiển và Nguyễn Bá Nghi tiểu phòng không hết sức; khi giữa bởi tại Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp nghị hòa khinh bỏ; khi sau bởi tại Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ và Ngụy Khắc Đản đi sứ không được việc gì; khi sau hết lại bởi tại bọn Phan Thanh Giản, Trương Văn Uyển, Nguyễn Hữu Cơ và Trần Hoán nhơn tuần nhác nhóm; nên đến nổi mất 6 tỉnh ấy. Truyền lập tức nghị tội bọn ấy dâng lên, ta sẽ đoán định".

Tháng 10, đặt thêm huyện Hương Khê. Vì quan tỉnh Nghệ An tâu rằng: "Trong huyện Hương Sơn, nguồn Phổ và nguồn Sâu chia ra 2 ngã, địa thế xa cách, mà trên nguồn Sâu đàng sông chảy qua huyện Minh Chánh thuộc tỉnh Quảng Bình. Bây giờ muốn mở thông đàng đi bộ và dự trữ đàng vận chở, xin chia huyện Hương Sơn làm 2 huyện (Hương Sơn và Hương Khê) để tiện phòng giữ". Ngài cho.

Tỉnh Thái Nguyên thế giặc lừng lẫy, quan quân bị thua. Ngài cho phái quân giở ở tỉnh Bắc và lựa một viên Phó lãnh binh qua cho gặp, còn Tổng đốc Phạm Chi Hương thời ở xa điều độ. Chi Hương lại xin đổi Ông Ích Khiêm sung Ninh Thái Tiểu Phủ sứ, hội đồng Đề đốc Nguyễn Hữu Thận, Lãnh binh Lê Quang Nhung đem hết lính và voi đi tuần tiểu; lại đòi lính Hưng Yên và Ninh Bình 500 tên đi theo sai phái. Ngài cho.

Tháng 11, Ngài theo lời bộ Hộ tâu, cho đặt sở đánh thuế muối tại Bình Định và Bình Thuận. Vì mấy tỉnh ấy muối nhiều.

Lúc trước Ngài có truyền chỉ các xã thôn ở Phủ Thừa Thiên: mỗi 100 mẫu ruộng công, lấy 10 mẫu giao dân làm chung, lúa chín thâu cắt, làm kho chứa riêng, để phòng cứu năm mất mùa. Đến năm nay quan phủ Thừa Thiên tâu rằng: "lúa kho thâu trữ, lý dịch trong làng không khỏi na đi lấy lời. Xin xét hỏi các xã dân lâu nay đã cày ruộng trữ lúa, làng nào ưng để tại xã thương đặng đều nhờ lợi, thời cho như cũ; làng nào không tình nguyện, thời số ruộng nguyên trích bao nhiêu, giao lại quân cấp cho dân". Ngài dạy làm cho thỏa đáng, để cho được thuận tiện mà có thành hiệu.

Ngài khiến Hiệp tá đại học sĩ Trần Tiến Thành vào Gia Định, Bang tá huyện Thanh Hóa là Nguyễn Văn Tường sung tùy phái, đều ban cho bạc. Vì Ngài nghĩ nước ta cùng Đại Pháp đã định hòa ước, bây giờ việc Nam Kỳ nên châm chước nghị lại, mà giấy tờ tư qua lại không bằng điện thương thời hơn, nên khiến Tiến Thành sung Khâm sai vào định lời ước mới. Khi đi, Ngài lại cho một bài ca để khuyên gắng. (bài ca ấy chép trong văn tập).

Năm Mậu Thìn thứ XXI (1868), tháng giêng, ngày 1. Ngài ngự đền Cồn Chánh, cho Đình thần làm lễ mừng Tứ tuần đại khánh tiết; rồi ban ân chiếu 15 điều khắp trong ngoài.

Quan quân thứ Thái Nguyên là Phạm Chi Hương tâu việc khu xử bọn giặc hàng. Lời tâu rằng: "bọn Châu Tường Lân, Đặng Vạn có lòng thiệt đầu thú, xin cho chúng nó hàm Bát phẩm bá hộ và cấp cho tư bản để mở mỏ và khẩn ruộng". Ngài dạy rằng: "giặc hàng hiện hơn 300 tên, phải lượng chỗ phân tháp, chớ cho nhóm ở với nhau; và lập điều ước rõ ràng, bắt chúng nó hết sức ngăn giữ giặc ngoài".

Giặc Cổ phi nước Tàu là Bàn Văn Nhị, Lương Văn Lợi treo hiệu cờ trắng cướp phá châu Lục An. (thuộc tỉnh Tuyên Quang).

Tỉnh Ninh Bình bị bão lụt. Ngài khiến đong lúa xã thương 10.600 học và lúa kho 15.000 học cho dân mượn.

Tháng 2, nghiêm định trình hạn về việc đình nghị. Ngài dụ rằng: "từ Tham tri, Chưởng vệ đến Tá lý, đều phải hết sức lo nghĩ, việc khó mà gấp, hạn trong 2 ngày phải cho rồi; việc khó mà hoãn trong ba ngày phải cho rồi; nếu đại thần có ức chế, mà đình thần nhờn tuần làm thỉnh, đến nỗi việc lâu không quyết được; như việc ấy không phải việc mật, thời cho Ngự sử và quan đương trực đàn hạch, nếu việc mật thời giao cho Bộ chủ thảo¹ chỉ tên người có lỗi mà nghiêm tham. Đến như người ở chỗ công thời làm thỉnh, lui về thời bàn riêng, đem việc bật tiết lộ ra ngoài, sẽ bị tội nặng".

Khiến các, tỉnh đạo, tìm mỏ than đá. Quan tỉnh Thái Nguyên đem khiếu than đá làng Sa Lung và làng Phú Xuân thuộc huyện Phú Lương đệ về, rồi qua đó đào lấy. Sau nhờn công trình hơi khó, than đá khôngặng bao nhiêu, lại cho đình bãi.

Ngài nghĩ Nguyên khâm mạng toàn quyền đại thần Phan Thanh Giản công tội thể nào lâu nay chưa định rõ, bèn dạy đình tội Phan Thanh Giản; còn các quan Đốc, Phủ, Bố, Aùn, Lãnh binh, nguyên lý 4 tỉnh Vĩnh Long, Định Tường, An Giang, Hà Tiên, người nào chưa cách chức thời cách ngay, nhưng tuân theo chỉ trước nghiêm nghị.

Giặc hàng là Ngô Côn lấy tỉnh Cao Bằng, Bố chánh Nguyễn Văn Vĩ bị bắt. (Vì giặc hàng là bọn Tạ Tịnh Xuyên lén dẫn Ngô Côn và đoàn binh giả đồ vào yết, Văn Vĩ tin lầm, bọn nó nhờn khi không phòng bị kéo vào đánh, thành liền mất). Việc ấy tâu lên, Đình thần tâu xin giao cho Phạm Chi Hương đốc quân tiền đạo đánh giặc, đợi Văn Vĩ như thoát về được sẽ xét trị tội. Ngài nghe theo. (Ngô Côn trước ở Tàu nhiều hại xứ Quy Thuận, quan quân Tàu đuổi bắt, nó mới trốn theo giặc Cổ phi, đã xin đầu thú nước mình, đẩy đây lại phản).

Khi ấy binh dân phần nhiều bị giặc bắt bán cho ngoại quốc. Thông ngôn Nguyễn Đức Hậu tìm được 92 người chở về Hương Cảng (khi ấy Hậu tùy phái qua Tây), Tổng đốc nước Anh thuê giúp tàu chở về Quảng Nam. Quan tỉnh tâu lên, Ngài thưởng Hậu hàm Cửu phẩm hành nhờn, lại khiến Thị lang bộ Hộ là Trần Đình Túc đem đồ thổ sản qua Hương Cảng đáp ơn.

Tháng 3, đào lấy mỏ than đá ở núi thuộc tỉnh Quảng Yên.

Lúc trước quan Pháp Soái đã lấy 3 tỉnh An Giang, Hà Tiên, Vĩnh Long, đổi làm hòa ước mới ép ta áp ký, rồi sẽ sai sứ qua Tây luận. Đình nghị cho Lễ bộ thượng thư Nguyễn Văn Phong, Thị lang Phan Đình Bình, Thị độc học sĩ Thành Hóa huyện Bang tá Nguyễn Văn Tường sung sứ bộ qua Đại Pháp và qua luôn Anh Cát Lợi, Y Pha Nho, xét hiện tình về phúc tấu. Nhưng rồi không đi. Ngài khiến tòa Thương bạc làm thơ đưa cho quan Pháp Soái biết và gởi tờ quốc thư nhờ quan Soái đưa về Pháp đình.

Tháng 4, phái bọn Lê Văn Hiến cả thầy 5 người vào trường Gia Định học tập chữ Pháp với giáo sư Trương Vĩnh Ký.

Tướng giặc Ngô Côn vây đồn Lạc Dương. Ngài dụ khiến Phạm Chi Hương tư cho quan quân Tàu hội tiểu.

Nước Tàu sai biên binh hơn 4.000 người đến xứ Khâu Thường thuộc tỉnh Lạng Sơn hội tiểu. Ngài khiến lựa lính tinh tráng tới gặp hội với quân Tàu đánh giặc.

Truy phục chức hàm cho các ông Vọng Các Công thần là Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt đều cho liệt tự miếu Trung hưng công thần. (ông Thành truy phục Chưởng trung quân đại tướng quân Quận công, ông Duyệt truy phục Chưởng tả quân đại tướng quân).

Tháng 4 nhuận, Tán lý Ông Ích Khiêm và Đề đốc Nguyễn Việt Thành đem quân hội đồng với Phó tướng Tàu là Tạ Kế Quý đánh phá giặc ở xứ Thất Khê, giải vây đồn Lạc Dương. Đặng tin thắng trận, Ngài dụ ra khen thưởng và khiến qua gấp lấy lại tỉnh Cao Bằng.

Tỉnh Sơn Tây mưa đá giọt to như trứng gà, giọt nhỏ như bột ngô đồng.

Quan phủ Thừa Thiên là Tôn Thất Tư dâng lộc nhưng làm lễ chúc hộ. Ngài khước đi, dạy rằng: "các người làm cho xứng chức, không để lo cho ta, thời hơn chúc hộ nhiều lắm".

¹ Bộ chủ thảo là bộ làm giấy mực về việc ấy.

Khiến tỉnh Khánh Hòa đào lấy than đá ở núi Diên Cơ, rồi nhen than ấy nhiều đá cứng, lửa đốt không cháy, liền đình bãi.

Tháng 5, mở mỏ sắt Phổ Lý thuộc tỉnh Thái Nguyên, mỗi năm lấy thuế 300 cân.

Ngài nghĩ mấy khoa thi Hội mới rồi, từ tỉnh Quảng Bình vào Nam người đậu Tãn sĩ ít lắm, và lại thi Hương thời bên lương bên giáo hay làm náo trường, bèn sức các học thần phải thường dạy học trò những điều binh, tài, thao lược, nông điền, thủy lợi; nhưng giao cho các thượng ty ở phủ Thừa Thiên, Quốc tử giám, các tỉnh, các đạo, xét hạch những giá chức tâu lên.

Ngài nghĩ gần đây trong nước nhiều việc, dụ rằng: "tháng 8 năm nay gặp lễ Tứ tuần đại khánh tiết, những việc chi cáo¹ đằm ân² đều theo lệ cũ mà làm, còn lễ triều, hạ, tấn hiến, Yên nhạc, trần thiết mấy sự phù phí ấy đều bãi cả".

Thủy Xá và Hỏa Xá dâng lễ hạ, xin đến ngày lễ vào lạy khánh tiết. Ngài chuẩn giao cho đạo Phú Yên nhận đệ phẩm nghi mà tha hai nước ấy khỏi tới Kinh làm lễ.

Đào lấy than đá núi Hoàn Ngạc, thuộc tỉnh Quảng Yên (chất đá bền chắc, khi đốt cháy có ngọn lửa).

Giặc Cổ phi cướp phá, tỉnh Lạng Sơn tư qua phủ Thái Bình thuộc tỉnh Quảng Tây đem binh tới hội tiễu.

Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng Thăng Lợi hiệp với giặc trốn là Hoàng Tân Hưng toan đánh phủ Bảo Thăng (thuộc tỉnh Hưng Hóa). Ngài khiến quan tỉnh là Nguyễn Huy Kỳ và Tổng đốc thống hạt là Nguyễn Bá Nghi phải điều độ cho yên. (Vĩnh Phúc tiết thứ đánh giặc, được thưởng Bá hộ, Thăng Lợi đánh được giặc một trận; rồi chúng nó lại đem bè bạn qua Hưng Hóa).

Phát chẩn cho dân châu Tiên Yên thuộc tỉnh Quảng Yên (dân tổng Bác Vọng bị giặc đốt nhà cướp của).

Tháng 6, khiến Lê Toán, Nguyễn Tư Giản, Hoàng Tịnh đi sứ Tàu. Khi ra đi, Ngài cho bài thơ khuyên gắng.

Tàu nước Xích Mao vào đậu cửa Quy Nhơn thuộc tỉnh Bình Định.

Định lệ "thăng trật cho Các sĩ, Nhã sĩ, văn võ Tãn sĩ và Phó bảng". Ngài dụ rằng: "phàm Cát sĩ, Nhã sĩ, văn võ Tãn sĩ, Phó bảng, trừ người nào đã xét đáng thăng ngoại, còn bao nhiêu thời tại chức đủ 3 năm mà can công tội hoặc tư tội chưa đến giáng điệu trở lên, quan thượng ty phải tâu cho thăng 1 trật, đến ấn quan thời thôi, từ đó về sau thăng trật sẽ theo lệ khác; còn như người bị tội giáng điệu, hoặc đơi giáng mà thuộc về công tội, không phải các tội nặng như tội "thất thủ" và tội "thua giặc", thời cũng cho đủ 3 năm tâu xin khai phục, từ đó về sau cũng lần lần thăng được; nếu can tội về mấy khoản nặng đó, thời phải có thiết trạng hiệu lực chuộc tội, mới đặng khai phục, rồi cũng chiếu thứ thăng lên. Từ nay về sau lấy đó làm lệnh".

Tháng 7, quan quân bị thua tại đồn Tú Sơn thuộc tỉnh Lạng Sơn, Tham tán Nguyễn Mại (Tãn sĩ, người tỉnh Sơn Tây) và Phó đề đốc Nguyễn Viết Thành đều tử tiết, Thống đốc Phạm Chi Hương bị giặc bắt. Nay Nguyễn Tri Phương xin đi ra bắc. Ngài nghĩ Tri Phương đã từng khó nhọc, muốn để ở triều cho trân trọng, nên không cho đi.

Đảng giặc đánh lấy đồn Lạc Dương. Ngài khiến Thảo nghịch hữu tướng quân Phan Khắc Thận tới Lạng Sơn thương đồng với Tuần phủ và đạo quan quân mới phải hết sức phòng giữ, đơi Bình khấu tướng quân Đoàn Thọ tới, rồi sẽ về Tuyên Quang.

Tỉnh Hải Dương đói. Ngài khiến quan tỉnh chia chỗ lập nhà tạm cho dân đói ở, chiếu lệ cấp nuôi. (Đàn ông và đàn bà mỗi người mỗi tháng cấp 1 quan tiền, 15 bát gạo; con trẻ 5 tiền, 10 bát gạo).

¹ Chi cáo là kính cáo nhà Tôn Miếu.

² Đằm ân là ban ơn cho thần dân.

Thường Ngự sử đạo Hà Ninh là Phạm Doãn Dịch gia 2 trật. Vì khi trước Doãn Dịch làm Tri huyện Nông Cống, (thuộc tỉnh Thanh Hóa) mộ dân đình mới và chiêu dụ dân cũ xiêu tán về lập đặng 9 ấp, số đình được 41 người, trưng thêm ruộng đất lậu và khai hoang được 1.579 mẫu, lập Nghĩa thương 37 sở, chứa tiền được hơn 3.400 quan, lúa ho8n 4.700斛. Đến bây giờ quan tỉnh tâu lên. Ngài khiến gia thường để khuyên kẻ làm Phủ Huyện xứng chức.

Khi ấy công tác luôn luôn. Quan Tổng đốc Bình Phú là Thân Văn Nhiếp tâu rằng: "Tôi xem sự thế ngày nay, đất cũ phía Nam bị mất, giặc giã phía Bắc càng nhiều, bão lụt và hạn chỗ nào cũng báo, mà làm sở Vạn Niên cơ tổn xấp mười lăm Thiên Thọ; và lại, ngói sắt mua ở Hạ Châu, hia hốt mua bên Hương Cảng, gấm tốt và đồ đựng rượu năm nào cũng phá người đi mua, đờn tây và đồ vẽ tây năm nào cũng có giấy trả tiền; nay lâu trong cung vừa rồi, lại làm lâu ngoài bờ sông, hay là Ngài nghĩ rằng làm vậy cũng không hại chi chẳng? - Ngài ban rằng: người trách mấy chuyện, đều là lỗi tại ta, chỉ vì nay nhiều việc, ta lại lắm bệnh, nếu câu thúc quá, thời ta chịu không kham, còn có sức nào trị nước được? Hễ người ta đến khi thác rồi thời tâm tích hay dở mới rõ, không đợi ai nói. Nhưng đạo làm tôi thường nên can gián khiến ta được nghe điều lỗi là phải, chớ lòng ta giữ gìn vốn không dám sai, lúc bình sanh ta đã học thế nào mà bây giờ ta toan đổi ai?"

Ngài thường có bài thơ "thuật hoài" rằng: "Tuy vô Đàng thái tài, diệp hữu Hán văn chất. Nan tị Nhan tử ngu, cảm vị Bá Ngưu tật, Thâm quý Y Xuyên dưỡng. An đắc Võ Hầu bật. Hạnh ngộ Tạ Huyền hạc, Hựu phùng Giản dịch ất. Miễn như Phi tướng số, duy vọng Linh y thuật, Thâm giới Lý Quý ngôn, nguyên giám Thành Thang thất". Nghĩa là: Tuy không tài Đàng Thái, cũng có chất Hán văn. Nhan Tử ngu, khôn kịp: Bá Ngưu tạ, chữa từng. Hồ với Trình hàm dưỡng. Cầu đặng Lương trung thuận. Tiếng hạc reo quân Tấn. Trúng én nở lòng Ân. Khó như người số lẻ, mong được thuật y thần. Kiệt lời kiêu, nào dám; Thang trách lỗi, xin tuân. "Kinh dịch ý bài thơ - Ngài nói: Ngài tuy không tài dẹp loạn như Đường Thái Tôn, cũng có tư chất tốt như Hán Văn đế. Ngu đâu sánh thầy Nhan Tử, nghe một biết mười; bệnh không đến như Bá Ngưu, người ấy tật ấy. Hồ với Y Xuyên, chủ lý học để dưỡng tánh trời. Ước đặng Võ hầu, tài vương tá để ra giúp nước. Đánh giặc Tần có tướng Tạ Huyền, mượn tiếng hạc mà trợ oai quân Tấn. Sanh ông Kiệt là bà Giản Định, nuốt trứng chim mà mở nghiệp nhà Ân. Tài giỏi số cùng, khó như Phi Tướng (Lý Quảng); thuốc hay chữa bệnh, trông được linh y. chỉ mặt trời nói khoe, dám răn lời Hạ Kiệt; cầu trời mưa tự trách, xin bắt chước Thành Thang".

Mùa thu trời lạnh, Ngài thương tướng sĩ xông pha sương tuyết, rồi sai thị vệ đem áo mặc lạnh ra ban cho hưởng soái 3 đạo quân thứ và những tướng tá văn từ Thất phẩm võ từ Suất đội trở lên, mỗi người 1 cái. Lại khiến 6 tỉnh ngoài Bắc Kỳ may áo mặc lạnh cấp cho binh đồng.

Khâm phái Trần Đình Túc từ Hương Cảng về (trước qua tạ ơn nước Anh), Ngài khiến lại coi việc đồn điền. Trần Đình Túc và Nguyễn Huy Tế tâu rằng: "chúng tôi xét cửa biển Trà Lý thuộc tỉnh Nam Định, bãi cát cao rộng, nhà cửa ở được yên ổn; cửa biển hơi sâu, tàu thuyền đậu được vững vàng; đàng thủy thông với tỉnh Nam Định, cũng là một chỗ rất quan yếu; còn đàng biển thời thuyền Thanh Hóa, Nghệ An, Hải Dương và các xứ Nam Bắc đều tới đó nhóm đậu được; đàng sông thời từ Nam Định đến mấy hạt miền thượng du các tỉnh Hưng Yên, Ninh Bình, Bắc Ninh, Hà Nội, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, qua lại đều được tiện lợi. Gần đây tàu buôn các nước tới đậu nhiều, chỗ ất cũng là chỗ tốt. Vậy xin cho mở hàng buôn bán, cho dân tới buôn và nhóm cửa thiên hạ để tính việc lâu dài". Ngài giao đình thần nghị, nhưng rồi không thấy thi hành.

Gặp lễ Vạn thọ tứ tuần đại khánh tiết, ban ân chiếu cả thày 34 điều.

Sách Đại Nam hội điển sự lệ in rồi, truyền ban cấp cho các nha môn ở Kinh và ngoài các tỉnh.

Tháng 9, thường tên Bùi Đức Trường người làng Tam Đẳng tỉnh Nam Định. Vì Đức Trường lập xã thương có thành hiệu. (Đức Trường xướng suất người lành lập nghĩa thương, để gặp năm mất mùa trích tiền lúa chẩn cấp cho dân nghèo khỏi xiêu tán, mà việc binh lương cũng không thiếu. Quan tỉnh tâu lên, Ngài thưởng Tùng cửu bá hộ).

Tháng 10, cho Võ Trọng Bình lãnh Tổng đốc Hà Ninh, nhưng sung Khâm sai đại thần 3 đạo quân thứ Tuyên, Thái, Lạng. Vì Ngài nghĩ Trọng Bình khi trước đã làm Tổng đốc Ninh Thái và Kinh lược Lạng Bằng, tình thế giặc và địa thế vẫn rõ hơn, nên Ngài sai đi.

Giáo dân Đinh Văn Điền, người huyện Yên Mô tỉnh Ninh Bình, mật tâu sự nghi như sau này: "lập sở Dinh Điền, mở mỏ vàng, làm tàu hỏa, rước người Thái tây qua dạy; kết với nước Anh làm viên, lập nhà thông thương hàng hóa; tha cấm binh thơ binh pháp, cho người trong nước học tập; quân lính thời khiến chuyên tập nghề bắn, bớt làm việc quan và thêm lương ăn để chúng nó duyệt tập cho siêng, khi lâm sự thời thưởng phẩm hàm cho hậu, tử trận thời xét cho cháu mà dùng, tên nào bị tật bị thương thời cấp lương nuôi trọn đời". Đình thần nghị rằng mấy điều ấy chưa hiệp thời thế, bỏ qua không làm.

Đào các đàng sông thuộc 2 làng An Phú và Lương Điền về phủ Thừa Thiên.

Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Tạo trước làm Tri huyện Phù Cát, (thuộc tỉnh Bình Định) thanh liêm, công bằng, lại và dân đều tín phục, ruộng đất ngày càng mở mang, trộm cướp cũng đều yên lặng; trong huyện có 2 làng An Lạc và Vĩnh Thắng dân nhiều ruộng ít, Nguyễn Tạo hiểu khuyên làng Chánh Lợi nhượng ruộng công cho làng An Lạc 15 mẫu, làng Vĩnh Thắng 10 mẫu, cộng 25 mẫu. Quan tỉnh là Thân Văn Nhiếp tâu lên, Ngài thưởng 1 cái khánh tử kim hạng nhứt, trong khắc 4 chữ "liêm bình cần cán" và cho thăng Tri phủ nơi tối yếu khuyết; lại truyền thông lục việc ấy cho các phủ huyện trong ngoài đều biết để mà gắng sức. Còn làng Chánh Lợi cũng được thăng thưởng 1 bức biển gạch khắc 4 chữ "Mỹ tục khả phong".

Tháng 11, Ngài nghĩ việc hình án trong ngoài phần nhiều thường để trì trệ, truyền các quan Bộ, Phủ, Tỉnh, Đạo đem các án liên tra xét lại, y kỳ hạn kết nghị cho rồi, hễ tên nào còn giam lại, để chờ án, cũng phải làm cho mau xong, tên nào không tội, nên tha cho về làm ăn. Lại sức các nha môn coi việc hình án tại Kinh và các tỉnh cứ tuân vạy mà làm.

Đình thần tâu công tội Nguyễn Tri Phương, Nguyễn Bá Nghi, Võ Trọng Bình. Sớ ấy chia làm 2 tập: 1 tập nghị xử tội về việc mất 3 tỉnh Nam Kỳ, 1 tập nghị thưởng công về việc dẹp yên giặc Bắc Kỳ. Ngài nghĩ đình nghị chưa được minh chánh, mới sửa lại rằng: Tri Phương và Bá Nghi cho khỏi giáng, nhưng đình phong tước; Phan Thanh Giản và Lâm Duy Thiếp đều bị truy đoạt chức quan, lại đục tên trong bia Tấn sĩ, ghi tội "trảm giam hậu" đời đời; Võ Trọng Bình xử trí giặc hàng không xong, cũng đình phong tước.

Lựa con thứ hai ông Hoàng đệ Kiến Thụy công Hường Y vào ở viện Tập Hiền cũ, khiến quan Nội các dạy học. Khi ấy ông đã 17 tuổi (tức là ngài Cung Huệ hoàng đệ).

Tháng 12, ba người Giám mục là Đông, Hậu, và Bình do bộ Lễ kêu đơn xin tha gọi Giáo dân bằng "Dậu dân"¹. Bộ Lễ nghĩ tâu rằng: "Triều đình thương dân như một, xin đừng phân biệt Lương Giáo làm gì". Ngài cho.

Lại định lệ thuế nhập cảng ở sông Cấm. Vì lệ mới hơi nặng, người Tàu không muốn buôn bán, cho nên định lại.

Năm Kỷ Tỵ thứ XXII (1869), tháng giêng, mở rộng đàng sông huyện Hương Trà (Từ cửa Nham Biều đến làng Vân Cù).

Lại định lệ "các quan Phủ, Huyện lỵ chức triệt lưu:" (Phàm các quan Phủ, Huyện, Châu thăng bổ chức khác hễ có việc quan khẩn lằm, mới cho lỵ chức cũ, quan thượng ti liên phái người quyền nhiếp; như được thăng, khi tiếp chỉ lục, quan thượng ti liên sức cứu 3 viện Binh, thuế, án kiện, xem khi ở nguyện lỵ có làm thanh thỏa hay không, đáng lỵ chức hay là đáng triệt lưu, lập tước tư cho Bộ biết; nếu quan nguyên lỵ lệ đáng lỵ chức, thời chỗ khuyết đó quan thượng ti lựa người bảo cử, hoặc tư lựa bổ, khi có chỉ rồi liền sức quan mới mau đến, hai bên giao nhận cho xong, quan cũ mới đặt lỵ chức; như quan cũ lệ đáng triệt lưu, thời hạn cấp cho ở lại, sẽ chiếu theo lệ mà làm).

Khi ấy Phùng Tử Tài nước Tàu vâng lời dụ qua cửa ải đi hội tiểu giặc Ngô Côn. Ngài nghĩ quân tình bấy lâu báo chậm, bèn khiến các quan 3 đạo quân thứ Tuyên, Thái, Lạng, cứ 10 ngày một lần đem hiện tình tâu lên.

¹ Dậu nghĩa là cỏ lác, thường làm hại lúa.

Tháng 3, khiến Lang Trung Lê Huy qua Hạ Châu mua tàu máy. (Sau vì không biết tàu máy hạng cũ mới thế nào, lại đưa thơ nhờ Pháp Soái chiếu cố).

Đề đốc Tàu là Phụng Tử Tài đánh phá 2 đồn giặc ở Khô Châu và Lăng Mẫn thuộc Cao Bằng, đưa thơ khiến ta hội quân phá đồn Thông Huệ, tới đánh Mộc Mã và Kỳ Lừa, Bản Đại, thắng lấy đất Phong Lạc. Ngài khiến Võ Trọng Bình, Nguyễn Hiền đem binh đến hội.

Tháng 4, lại cấm chở gạo bán ra ngoại quốc.

Lại định lệ "sát hạch người học chữ Tây" chia hạng thưởng phạt.

Tháng 5, lại định lệ "thưởng phạt người cử tri": (người được cử như sau làm việc giỏi, được thưởng 2 cấp, thời người đứng cử được thưởng 1 cấp; nếu người được cử sau bị tham tang tội nặng, thời người đứng cử chiếu theo tư tội giáng 1 cấp điệu; còn đình thần công cử, thời thưởng phạt cứ người đứng đầu giấy và người chuyên cử).

Lấy lại tỉnh Cao Bằng.

Lập nhà Dục Đức ở ngoài cửa Hiển Nhơn. Tháng 7, Ngài cho Hoàng trưởng tử ra ở đó đọc sách.

Thủy Xá và Hòa Xá khiến Chánh sứ Kiều Linh và Phó sứ Sơn Lý dâng phẩm nghi mừng lễ Đại khánh tiết. (Mỗi nước dâng 1 ngựa voi).

Tháng ấy gặp lễ Lục tuần đại khánh tiết đức Hoàng thái hậu, ban ân chiếu 21 điều khắp trong ngoài.

Đào kênh sắt ở Nghệ An, 4 tháng mới rồi (từ tháng 5 đến tháng 9). Ngài khiến quyền lãnh Thượng thư bộ Công là Nguyễn Chánh ra đó phúc khám.

Tháng 6, cho Aùn sát Hải Dương là Tôn Thất Thuyết sung Tán tướng đạo quân thứ Thái Nguyên.

Tháng 7, Viên ngoại bộ Binh Trương Văn Đễ và Tú tài Trương Quang Đản (con quan Cần chánh đại học sĩ Trương Đăng Quế) xin ra Sơn Tây, Bắc Ninh mộ quân nghĩa đồng đánh giặc. Ngài cho.

Tháng 8, quan quân đánh phá giặc Thổ ở phủ Phú Bình, Hiệp quản Phan Văn Đồng được thăng Vệ úy (vì chém được quân cờ đầu giặc).

Tháng 9, lựa lập Hoàng tử: con trưởng tử Ngài Kiên quốc công (tức là đức Cảnh Tôn) năm Tự Đức thứ XVIII, Ngài vào cung mới có 2 tuổi, bây giờ Ngài đã 6 tuổi; với con thứ 2 Ngài Kiến thụy công (tức là đức Cung Huệ) lúc ấy đã 18 tuổi.

Phú Yên, Bình Định, Quảng Nghĩa, Bình Thuận lại bị tai Hoàng trùng.

Thương tá Nam Định Hải Phòng lãnh Đốc học Doãn Khuê xin từ chức Đốc học để đi khuyến quyên mộ dân khẩn đất Long Sai gần biển, hể trong 3 năm thành điền, thời để một phân làm ruộng công, hai phân làm ruộng tư nhưng chiếu số quyên nhiều ít xin thưởng phẩm hàm và bổ làm việc. Ngài cho. Cho Doãn Khuê làm Dinh điền sứ, Đỗ Phát làm Phó sứ.

Tháng 10, đình thần tâu rằng: "đạn trái phá là đồ lợi khí việc binh, xin hỏi cả các địa phương có người nào quen nghề chế đạn và tính chừng độ đạn đi được mấy, đều cho tới bộ Binh đầu đơn, Bộ sẽ xét Công xảo tại sở Đốc công, hể người nào biết rõ máy móc tàu hỏa, chế máy cửa và biết nấu đồ đồng đúc súng, thời không nệ nội ngoại tịch dân, đều mộ cho đông để sung vào sở ấy". Ngài cho.

Tán lý quân thứ Tuyên Quang là Trần Đình Túc tâu: "phố Bảo Thắng là một chỗ buôn bán có lợi, mà Lưu Vĩnh Phúc tánh dữ tợn khó kiềm chế; vậy xin giao Tổng đốc Sơn Tây là Nguyễn Bá Nghi thương với Phùng Tử Tài sức Lưu Vĩnh Phúc về Tàu". Ngài cho.

Bộ Hộ tâu rằng: "Lợi trong 10 năm chi bằng trồng cây, xin tư các quan địa phương sức khắp trong hạt lựa mấy chỗ đất hoang để trồng chè, dưa, mít, hạn trong 50 năm giao cho quan địa phương khám thiết thành hiệu sẽ nghĩ cách thưởng". Ngài cho.

Tháng 11, nước Đại Pháp sai Quan Năm đến Kinh đưa quốc thư nói việc giao lại 3 tỉnh An Giang, Hà Tiên và Vĩnh Long. Phủ Tôn Nhơn và đình thần xin làm thơ đáp lại, mà trong thơ nên nói 2 nước phải

định ước cùng nhau cho hiệp lễ công bằng và xin trả tỉnh Biên Hòa cho ta quản hạt, còn thiếu bạc bồi bao nhiêu cũng xin đừng tính nữa". Ngài y theo.

Năm Canh Ngọ thứ XXIII (1870), tháng giêng, quan Pháp Soái mới ở Gia Định là Co No đưa thơ nói nghị định ước mới. Ngài truyền hỏi Tổng đốc Bình Phú Thân Văn Nhiếp và Tổng đốc An Tĩnh Hoàng Tá Viêm. Hai ông đều tâu: "Xin đưa thơ cãi lẽ và xin nhờ các nước hội đồng làm chứng (như các Trấn mục ở Hạ Châu, Hương Cảng, hoặc các nước bên Thái Tây) để cho lời hòa ước được chắc chắn". Đình thần là bọn Trần Tiễn Thành đều tâu: "Xin đợi nước Đại Pháp đáp thơ lại, mới hiệp sự cơ; lại xin đợi định lời ước rồi, giao cho quan Khâm sứ thương với quan Pháp Soái". Ngài y theo.

Lựa con thứ ba ngài Kiến quốc công đem vào trong cung và truyền bà Khiêm phụ họ Nguyễn Văn nuôi làm Hoàng tử, (tục là đức Giản tôn Nghị hoàng đế).

Tháng 3, quyển Hình bộ tiểu sách làm rồi (trong quyển ấy chép các điều lệ mới nghị lại hay là bổ thêm), dâng Ngài ngự lãm. Quyển sách ấy làm từ năm Tự Đức thứ 8 đến năm thứ 12 lại làm nối theo.

Nước Y Pha Nho sai sứ A Đôn Pho Bắc Xu đến Kinh đáp lễ. Sứ thần xin vào châu dâng tờ quốc thư, trong thư đại ý nói rằng: "nước ta năm thứ 16 và năm thứ 21 có đưa thơ qua nước ấy, vậy nay đến đáp lễ và xin thông thương; và lại các nước có vào ước hội thời mới tin nhau mà giúp nhau vãn vãn". Nước ta nghĩ thơ ấy nói không chắc chắn việc gì, nên không trả lời.

Tháng 4, mua chiếc tàu đồng máy hiệu Đăng Huy giá bạc 72.824\$.

Tùng Thiện công Miên Thẩm mất. (Tên tự ông là Trọng Uyên, hiệu là Thương Sơn, ham học, làm thơ nhiều lắm; sau được tặng Quận vương).

Tháng 5, An Tĩnh Tổng đốc Hoàng Tá Viêm vào châu. Khi ấy Ngài thường ngự bắn nơi Thuận Trực, Tá Viêm dâng sớ can; rồi lại ở Kinh vài tháng đợi thương thuyết việc Thái Tây, sau mới về trấn.

Đổi 4 tổng Đan Niệm, Trú Bảo, Bắc Lũng. Trạm Điền nguyên thuộc về huyện Lục Ngạn, nay cho thuộc về phủ Lạng Giang tỉnh Bắc Ninh.

Tuần phủ Quảng Tây nước Tàu đưa công văn nói rằng:

"Từ nay phàm dân Tàu đem hàng hóa tới nước ta buôn bán, ta phải xét có giấy tờ quan địa phương bốn xứ nhận thiệt mới được; nếu không giấy tờ mà lén vào địa phận nước ta, thời không kể có phải bọn giặc hay không, đều bắt trị tội". Ngài khiến sao công văn ấy giao ra Cao Bằng, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Quảng Yên, Thái Nguyên mỗi tỉnh một tờ, đăng biết mà làm.

Tháng 6, khi ấy giặc trốn còn chưa yên hết, nhưng quan Soái Phùng Tử Tài sợ chỗ hiểm trở lam chướng, đã phá được đồn Hà Dương, nhưn gặp hồi mưa lụt, quân khó kéo tới, mới tư cho ta xin triệt quân về Tàu.

Truyền chỉ từ nay phàm các nhà giam ở trong Kinh và ngoài các địa phương, hễ gặp mùa đông lạnh đều phải kiểm soát tù phạm, đưa nào cùng nghèo, cho trích tiền công may áo quần ban cấp, để rõ lòng thể tất.

Tháng 7, hiệp 2 đạo quân thứ Lạng Sơn và Bắc Ninh làm một, cho Đoàn Thọ làm Tổng thống Bắc Kỳ quân vụ.

Tháng 9, nước Đại Pháp đánh với Phổ Lỗ Sĩ, quan Pháp soái hương ta cho biết, Ngài khiến quan Thương bạc làm thơ hỏi thăm.

Tháng 10, sai sứ qua Tàu: Ngài nghĩ tên Ngô Côn đã chết. Nên khiến bọn Nguyễn Hữu Lập đệ biểu văn và thổ sản qua tạ.

Lại định lệ "xã thương và nghĩa thương" (trích ruộng cày cấy thân lúa trữ lại, gọi là xã thương; quyền tiền lúa chức lại gọi là nghĩa thương. Quan tỉnh hoặc quan đạo tùy thời thân phát, chẩn cấp cho dân; hễ làng nào làm có thiệt hiệu, thời thưởng cho bức biển gạch khắc 4 chữ "Thiện tục khả phong").

Đảng giặc Tô Tứ ban đêm lấy tình Lạng Sơn, Đoàn Thọ bị chết, Võ Trọng Bình, Nguyễn Văn Tường và Đặng Toán trèo thành chạy; liền đưa thơ qua Tuần phủ Quảng Tây và Đề đốc Phùng Tử Tài nhờ thỏa liệu cho.

Cho Hoàng Tá Viêm sung Lạng Bằng Ninh Thái Thống đốc quân vụ đại thần, Tôn Thất Thuyết sung Tán tướng. Ngài ban cho Tá Viêm 1 cây gươm Thượng phương và 5 lá cờ Quân lệnh mà dụ rằng: "Ta ban gươm cho Khanh, cũng như vua Thái tổ nhà Tống ban gươm cho Tào Bân vậy¹."

Tháng 11, Định An Tổng đốc Nguyễn Hiên tâu rằng: "sông Ngự Long và sông bán Thuý về huyện Tiền Hải, đều hấp nước cửa biển Lân, xin ngăn đắp lại cho nước mặn đừng tràn vào; và lại sông Liêm trên từ cửa sông Nguyệt Lâm suốt đến cửa khe Trình Phố, chảy xiên ra sông Bán Thuý, xin mở đào từ đoạn về rộng cho được 8 trượng, bề sâu cho được 5 thước, hai bên đều đắp bờ nhỏ, để phòng nước lụt; chỗ nào lấn vào công tư điền thổ bao nhiêu, thời trừ ngạch thuế cho dân".

Năm Tân Vị thứ XXIV (1871), tháng giêng, khiến các quan văn võ ấn quan ở Kinh đều phải xét kê thuộc viên.

Tỉnh Quảng Bình đói, Ngài khiến 2 tỉnh Thanh, Nghệ, trích 20.000 phượng gạo chở vào chẩn cấp và sức thuyền buôn chở gạo tới bán.

Tháng 2, dân làng Ngoại Lãng Điền thuộc tỉnh Nam Định cảm mộ quan An tây mưu lược tướng quân Hiệp tá đại học sĩ Doãn Uẩn là người khi sống làm quan có tiếng danh tiếng, xin lập nhà thờ. Quan tỉnh đem việc tâu lên, Ngài truyền cho.

Hoàng Hữu Tài đánh giặc Bắc ở xứ Quán Tư, bị chết trận. Ngài cho truy tặng Thị giảng học sĩ, ban tiền tuất xấp hai và cho con cháu chiếu lệ khai ảm.

Hoàng Tá Viêm cùng Bồ chánh Bắc Ninh là Phạm Thận Duật phá tan đảng giặc.

Tháng 3, Ngài ngự duyệt binh thủy, binh bộ sớ sông Kim Long với cầu Bạch Hổ; trước diễn thủy trận, sau diễn voi trận.

Lãnh Aùn sát Cao Bằng là Đặng Duy Trinh lấy lại thành tỉnh. Ngài cho thăng Bồ chánh, Lãnh binh và các tướng hiệu đều được thăng thưởng.

Tháng 4, cho quan thự Hình bộ Thượng thư Lê Toán sung Khâm sai thị sự.

Tháng 5, quân Tàu tới đồn Quang Lang thuộc tỉnh Lạng Sơn, giặc Cổ phi sớ, chạy tan, đàng chở lương mới thông.

Ngài truyền quan phủ Thừa Thiên là Nguyễn Hanh rằng: "Đất bồi ở sông còn có chỗ cày được, người phải hết lòng khuyên dân khẩn trị, nếu chúng có tư bốn không đủ, thời cho lãnh tiền công mà làm, khiến có thành hiệu, để được lợi ích muôn đời.

Khiến các văn võ ấn quan trong ngoài xét cử người hiền tài, chia làm 8 hạng (Ngài nghị khoa mục còn có khi làm sót kê nhưn tài, vậy nên Ngài khiến xét: 1. Những người đức hạnh hiền lành; 2. Tài trí rộng sâu; 3. Giỏi việc trị dân; 4. Giỏi việc trị binh; 5. Giỏi việc thương thuyết; 6. Giỏi việc

Lý tài; 7. Văn học rộng thông; 8. Kỹ nghệ khéo, biết chế đồ khí vật, hay là tinh nghề thuốc, nghề bói, coi thiên văn và làm lịch. Những mấy hạng ấy các quan phải hết lòng xét kỹ tâu lên).

Thị lang Tham tá Nội các Trần Hy Tăng tâu xin thân sức trong ngoài phàm cử ấn quan và phủ huyện các nơi rất phiền kịch phải tuân chỉ dụ khi trước: "Người nào chắc có tài đức xuất chúng, đáng bổ nha nào hoặc bộ nào, hay là có sự trạng thiết thiết làm được nơi phủ huyện phiền kịch, thời đừng phân biệt trung châu hay là biên châu; tựu trung có điều gì kém chững nên chỉ nói rõ ràng; như không người bậc ấy thời thôi. Khi nào cần lựa người bổ, thời những kẻ tài thức cao xa lâm thời hầu chỉ Ngài lựa dùng, còn những phủ, huyện, giáo, huấn ở ngoài, cũng xin hạn đủ 3 năm mới được thăng chuyển; như khuyết

¹ Xưa vua Thái tổ ban gươm cho Tào Bân mà dạy rằng: "Từ phó tướng trở xuống, ai không nghe lời thời chém ngay".

ấn quan, thời lựa mấy người đương làm Lang trung, Chưởng ấn mà bổ". Hy Tăng dâng sớ lên, Ngài dạy rằng: "Lời tâu ấy hiệp ý ta lắm, giao bộ Lại và bộ Binh phúc lại rồi cho thi hành".

Tháng 6, ban cấp bài ca "Diễn nghĩa ngự chế huấn dịch" 10 điều khắp trong ngoài.

Tháng 7, Bồi chánh Khánh Hòa là Đoàn Văn Hội lại xin đặt thầy học và lượng trích học điền trong dân gian (mỗi tổng đặt 2, 3 thần hoặc 5, 6 thầy, mỗi thầy cấp ruộng công hoặc ruộng tư 3 mẫu). Quan bộ Lễ xin ý cho (đó là theo nghị định về việc hưởng học năm Tự Đức thứ 1 châm chước mà làm) Ngài dụ rằng: "lúc trước Văn Ông nhà Hán đem văn học trị đất Thục mà dân hóa theo, thế thời chỗ nào không người tài, người nào lại không học, cốt ở thú mục và học thần hay dở đó thôi".

Chánh tổng Trần Văn Y ở tỉnh Hà Tiên khiến người đem đồ sản vật (chiếu bông, mật ong, sáp, nước mắm, cá khô, lông chim) nhờ đạo Phú Yên dâng lên. Ngài dạy rằng: "Lòng dân như thế, thiệt bởi đức trạch Triều đình đã sâu". Ngài nhơn làm bài phú "Nam Kỳ thổ sản".

Tháng 9, Hoàng Tá Viêm và Lê Toán tâu việc đáng làm cả thảy 9 khoản (1. Đắp thành cũ tỉnh Cao Bằng; 2. Lựa người thổ trước bổ làm châu, huyện; 3. Kết tổng đoàn để cứu ứng nhau; 4. Cho tổng đoàn nhóm ở với nhau để phòng giữ cho tiện; 5. Thúc lính các bảo, đặt chức Bảo mục, khiến ở thường canh giữ; 6. Mộ lính thổ sung vào cơ vệ, để ở tỉnh chực sai phái; 7. Các tỉnh ở chốn biên nên mua lúa của dân trữ lại; 8. Lựa người Bắc Kỳ và người Thanh, Nghệ sung bổ văn võ ấn quan và phủ, huyện hiện khuyết ở các tỉnh ngoài biên; 9. Các đảng thủy bộ quan yếu nên xét hỏi người Tàu ai có giấy thông hành mới cho qua). Ngài chuẩn cho làm.

Tháng 11, giặc Hoàng Tề quán thông với đảng giặc Tô Tứ dụ bọn giặc biển người Tàu hơn 70 chiếc thuyền đến đậu vũng Cát Bà (về Hải phận Nghiêu Phong) tràn vào trong sông cướp hại nhiều lần. Ngài sai đem tàu hỏa hiệu Mẫn Thỏa, hiệu Đăng Huy và tàu đồng hiệu Tịnh Hải, hiệu Tường Nhạn kéo tới hội tiễu.

Cho bán ruộng đất công lưu hoang làm ruộng đất tư, để lấy tiền trợ quân phí. Đó là theo lời quan Thị sư Lê Toán nghị tâu. (Ngài chuẩn từ nay phạm các tỉnh ngoài Bắc Kỳ, có ruộng đất công và các hạng đất lưu hoang, không nệ người trong làng hoặc người làng khác huyện khác, như có ai tình nguyện mua mà khẩn được bao nhiêu, chiếu mỗi mẫu giá là mấy mà nạp tiền, việc xong rồi sẽ phái khám, quan tỉnh cho bằng, biên vào điền bộ, y theo ngạch cũ đánh thuế, chiếu theo chỗ khó dễ hạn cho mấy năm thành ruộng khởi thu thuế, biên theo hạng ruộng tư để làm của mình. Hễ mua ruộng đã thành thuộc mỗi mẫu giá 120 quan tiền, ruộng hoang để khẩn giá 60 quan, khó khẩn giá 30 quan; từ Thanh Hóa trở vào Nam, đất nhiều chỗ xấu, giá đều đều chước giảm một nửa).

Tháng 12, tỉnh Bắc Ninh động đất, tiếng kêu như sấm.

Đảng giặc nhiều hại phủ Từ Sơn, lãnh Tri phủ Trương Quang Đản đem binh đồng đi đánh, bắt được tướng giặc tên Chích. Ngài cho đặc cách thưởng thăng Tu soạn.

Năm Nhâm Thân thứ XXV (1872), tháng giêng, cấp tiền gạo quần áo và bổ trợ buồm lái cho tàu nước Lưu Cầu bị gió xiêu đến hải phận nước ta, rồi phái tàu hỏa đưa quan tỉnh Quảng Đông đặng về nước nó cho tiện.

Xử trí lưu dân châu Khâm nước Tàu (hễ đưa lương thiện cho ở làm thuê, đũa bắt lương đuổi về nguyên quán).

Ngài ngự tới làng Kim Đồi và làng Vân Trình thuộc phủ Thừa Thiên, thấy đảng sông chảy thẳng ra tỉnh Quảng Trị, trong sông Vĩnh Định nhiều chỗ bồi cạn, thuyền bè qua lại không tiện, bên bờ sông ruộng đất thời khô. Ngài truyền quan tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên mở đào cho rộng.

Tháng 2, Ông Ích Khiêm, Nguyễn Di đánh phá sào huyệt giặc tại Quán Tư, lấy lại huyện lỵ Trấn An. Ngài khen, ban thưởng.

Đạo quân thứ Hải Dương đánh giặc ở xứ Thanh Lâm, bắn chết giặc Hoàng Tề. Quan Thị sư Lê Toán và các quan ở quân thứ khi trước bị giáng nay đều cho khai phục.

Tháng 3, Tham tán Ông Ích Khiêm vẽ địa đồ tỉnh Hưng Hóa, giáp 2 tỉnh Sơn Tây và Tuyên Quang dâng lên. Ngài xem rồi dạy rằng: "nay tính mưu đánh giặc, nên trước tỉnh Hưng, sau tới tỉnh Tuyên".

Quan Pháp soái ở Gia Định là Du Bi Lê về Tây, quan Quyền Soái Đa (hay là Bờ Ra) tới thay.

Các tỉnh Sơn Tây, Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên và Hải Dương dân đói xiêu tán, Ngài dạy quan tỉnh lo việc chẩn cấp.

Tháng 4, Ngài sắc các quan địa phương miền duyên hải từ nay về sau phải nghiêm sức các cửa tẩn trong thuộc hạt hết lòng tra xét dân trong hạt không được dổ đàn bà con gái đem bán cho thuyền nước Tàu.

Đạo quân thứ Bắc Ninh nã được tên Ngụy Tịch, đóng cũi giải về Kinh. Từ quan Tổng đốc trở xuống đều được thưởng.

Tháng 6, bờ đê mới ở huyện Văn Giang thuộc tỉnh Bắc Ninh bị lở hơn 20 trượng.

Quan quyền soái Đa ở Gia Định đưa thơ cho Thượng bạc xin sao cấp luật lệ để các quan tra án trong hạt ấy coi đó làm phép. Ngài nghĩ các nha trong 6 tỉnh Nam Kỳ đã có luật lệ để lại, không phải sao biên làm gì, truyền làm thơ đáp lại.

Quản đạo Phú Yên là Lê Văn Phổ tâu rằng: "Tổng lý và các chủ ruộng huyện Đồng Xuân xin mỗi mẫu ruộng nạp 2 thăng lúa, mỗi mẫu thổ nạp 2 tiền, làm huyện thương thu mua trữ lại, để phòng khi phát chẩn". Ngài cho.

Tháng 7, Ngài khiến Nguyễn Tri Phương sung Tuyên sát đồng sức đại thần thẳng tới quân thứ Sơn Tây và Hải Dương truyền nhóm các quan, từ Thống đốc Hoàng Tá Viêm đến Đồng vận, Thương tá, sắp hàng quỳ trước bàn án, tuyên lời dụ răn dạy khiến thêm gắng sức, cốt làm sao cho trong tiết thu, đồng dẹp yên hết giặc.

Đốc binh Nghệ An là Tạ Hiến đánh phá giặc Tàu tại sông Cam Giang. Nghe tin thắng trận, Ngài thưởng thẳng Phó quản cơ.

Tàu Đăng Huy hư, Ngài khiến đem qua Hương Cảng tu bổ lại.

Tháng 9, mua tàu hỏa nước Phổ, đặt tên là tàu Viễn Thông (Lúc ấy nước Phổ qua Hương Cảng, quan Lãnh sự Măng Cờ đưa thơ qua Thương Bạc ý muốn thông hòa hảo với nước ta. Ngài khiến Thị lang Nguyễn Chánh qua Hương Cảng thương thuyết, đến đây mua tàu đem về).

Khi ấy, các tỉnh ngoài Bắc Kỳ đều điều trần về việc đàng đê, nhưng ý kiến khác nhau: (Hà Nội xin nhơn đê cũ sửa đắp, đợi sau sẽ tính dời bờ đê cách bờ sông vài trăm dặm. Sơn Tây xin miễn thượng du thời sửa đắp đê cũ, nhưng trước phải mở thông mấy chỗ dòng nước hạ du, đợi trong 2,3 năm sẽ lần thôi. Nam Định xin buộc đồ máy vào tàu hỏa và tàu đồng, đem vét đào cửa biển để cho nước chảy thông, đợi năm sau sẽ lần lần thôi đắp đê. Hưng Yên xin nhơn vũ đắp thêm. Bắc Ninh xin tùy thể bồi đắp, ở miền hạ lưu các đàng sông có chỗ nào ngăn lấp thời nhơn đàng cũ mở đào thêm ra để nước chảy cho thông, không nên mở đàng mới nữa). Ngài nghĩ lời tỉnh Bắc Ninh tâu xin tiện hơn, y cho làm.

Tháng 10, chuẩn cho các tỉnh đạo xét các viên biên binh đồng mấy lâu đánh giặc và chở vật hạng ra đàng biển, hoặc bị chết trận, chết bệnh, chết chìm, người nào còn cha mẹ và ông nội, bà nội, thời mỗi tháng quan sở tại phải cấp mỗi người 1 quan tiền và 1 phượng gạo; đến khi chết, lại tùy bậc lương cấp tiền và vải. (Cha mẹ thời cấp 5 quan tiền, ông nội, bà nội 3 quan tiền, còn vải đều mỗi người nửa cây). Con trẻ mồ côi từ 15 tuổi trở xuống, mỗi đứa mỗi tháng cấp 5 tiền và nửa phượng gạo.

Khiến Nghệ An đúc súng thần công 500 khẩu, súng điều thương 2.000 khẩu.

Tri phủ Hoài Nhơn thuộc tỉnh Bình Định là Tôn Huy Diệm và Binh đồng Quản cơ Nguyễn Đức Thận đốc khẩn ruộng thôn Định Bình và thôn Thiết Đính thành điền được 114 mẫu. Ngài cho phân hạng thưởng cấp.

Tháng 11, người Đại Pháp là Đồ Phổ Nghĩa đi 3 chiếc tàu đến cửa Cấm thuộc tỉnh Hải Dương xin mượn đàng qua tỉnh Vân Nam. (3 chiếc tàu ấy tự xưng là hiệu tàu Đô Phối; chủ tàu là một người tự xưng Lãnh sự nước Pháp tên Đồ Phổ Nghĩa, một người tự xưng là người nước Anh mà làm quan võ nước Tàu tên Kiều Nhĩ Trì, một người tự xưng Trì phủ nước Tàu tên Lý Ngọc Trì). Ngài khiến tư tở qua Lưỡng Quảng nhờ tư hỏi Vân Nam, chờ trả lời lại sẽ hay.

Tàu Đồ Phổ Nghĩa từ Hải Dương qua Bắc Ninh, đến Hà Nội, phát súng, rồi thuê thuyền qua Vân Nam. Thự Tổng đốc Bùi Thức Kiến đem việc thuê tàu tâu lên. Ngài dụ các quan quân thứ từ Hà Nội trở lên các tỉnh tùy cơ ứng tiếp, tuân thể lời dụ mà làm cho khéo.

Chẩn cấp cho người nước Anh Cát Lợi đi tàu bị gió tên là Xa Le.

Tháng 12, Cơ mật và Thương bạc xin mở sở buôn bán ở 3 cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, và Đồ Sơn. Đình thần bàn mở cuộc buôn bán có 5 điều lợi mà cũng có 8 điều khó, chưa nên làm vội; việc ấy bèn thôi. (5 điều lợi: 1. Nhóm dân ở bờ biển, như đó bền vững bờ cõi ta; 2. Chứa của ở nơi dân, ngụ binh ở việc buôn; 3. Hăng buôn dọc bờ biển, tin tức thông nhau, đông tây tiếp ứng, ngăn được giặc biển; 4. Hăng buôn lập ra, thuyền chiến phải nhóm tại đó, đã đuổi được giặc cũng bảo hộ được tàu vận tải nữa; 5. Ta với ngoại quốc thông thương, chúc các hàng hóa, lâu ngày tin nhau, như đó mà xét được tình trạng các nước. - 8 điều khó: 1. Mở hăng buôn, nhóm kẻ giàu, tất phải có thành quách, súng ống, binh bộ, tàu thủy, mới nương cậy được, mà ta nay của hết sức cùng, chi phí không đủ; 2. Binh thủy và binh bộ phòng ngoài biển, phải cấp lương hậu hơn cách thường, nay lính theo đánh giặc lương ăn như lệ cũ, thành ra kẻ hậu người bạc sanh điều ta oán; 3. Phải cần người tài giỏi trí cao quản đốc việc buôn, mới có thể phủ ủy các người buôn xa và ứng tiếp các nước; 4. gắng gượng mở hàng, linh tinh từng phố, sao cho bền vững được; 5. Vượt biển buôn bán phải xuất tiền công bốn thời dân mới vui theo, mà bây giờ nhiều việc, không nên phí của kho và ép dân; 6. Chức của nơi xa xôi, chắc chắn là dân giàu sợ không tới, chỉ những nhà buôn nhỏ nhỏ chịu mở cửa hàng, thời lại làm mồi cho giặc; 7. Nhóm dân ở bờ biển mà không người trọng tẩn để giữ trị, nếu có người khác tới giành, ở trong bọn buôn chắc có kẻ tỏ tình với giặc, để lo cho nhà nước về sau; 8. Lâu nay ta chưa lập cuộc buôn, mà còn có kẻ chở trộm đồ quân trang vào sông và đem lén đồ cần thiết cấm ra biển, huống chi nay mở cuộc buôn tụ hội người các xứ, thời chứa kẻ gian dối sẽ gây họa chiến tranh).

Năm Quý Dậu thứ XXVI (1879), tháng giêng, quyền Pháp soái Đa về Tây, quan Soái cũ Du Bi Lê tới thay.

Ngài dụ khiến các đại thần trong ngoài xét kỹ nếu có người nào học thức tài trí, hiểu hết tình thế công việc, chữ nghĩa và tiếng nói ngoại quốc, hoặc bàn nói, hoặc ra làm, có thể đáng đáng được việc lúc bấy giờ, thời phải tâu lên.

Tháng 2, khiến sứ qua Tàu dâng đồ cống (Phan Sĩ Thuộc, Hà Văn Quan, Nguyễn Tu sung sứ bộ). Ngài nghĩ một dải duyên biển ngoài Bắc Kỳ tiếp giáp với Tàu, mấy lâu quan quân Tàu qua ta không chịu hết sức giúp đỡ đánh giặc. Ngài khiến làm biểu văn nói việc phía Bắc, giao cho bọn Sĩ Thuộc đệ tâu vua Tàu.

Tháng 3, khiến quan quân thứ vẽ toàn bộ giáp giới bốn bên xứ Tam Tuyên (Tuyên Quang, Hưng Hóa, Sơn Tây) dâng lên. Trong đồ bản ấy phải ghi rõ chỗ phủ, huyện, châu, tổng, đồn quân; với chỗ giặc ở, đàng núi, sông cho rõ.

Tháng 5, mới định ngạch thuế quế châu Quan Hóa thuộc tỉnh Thanh. (Quế thượng hạng 1 cân, nhứt hạng 1 cân, nhị hạng 2 cân, tam hạng 3 cân).

Quan Soái Pháp đưa thơ xin lập ước mới, ép ra nhượng tỉnh Vĩnh Long, Hà Tiên và An Giang. Đình thần bàn xin cho sứ qua Tây hỏi cho rõ, trở về sẽ hay. Ngài cho phải, mới đòi bọn Lê Toán, Nguyễn Văn Tường, Trần Hy Tăng về Kinh hậu phái.

Tháng 6, lại định lệ "cấm nói quan lại quân binh, chưa từng nói các danh sắc. Đến đây lại định: hễ Cử nhưn, Tú tài, học trò có hút, thời cho hạn trong một năm phải chữa ngay, ai không tuân thời tước tịch bắt chịu xử thuế, học trò không được dự thi khóa nữa).

Cho Lê Toán, Nguyễn Văn Tường, và Nguyễn Tăng Doãn sung sứ bộ qua Tây; nhưng trước phải qua Gia Định cùng quan Pháp soái Du Bi Lê hội định hòa ước.

Tháng 6 nhuận, tàu Đồ Phổ Nghĩa ở Hà Nội đã lâu, quyết ý thông thương; vừa gặp quan tỉnh Nghệ An là Tôn Thất Triệt được thơ Phổ Nghĩa trả lời cho Giám mục Hậu nói rằng: "hiệp vốn mở sự buôn bán, tự Bắc Kỳ đến Vân Nam" Triệt liền dịch thơ ấy tâu lên. Ngài khiến sao thơ ấy giao cho Nguyễn Tri Phương và các tỉnh Bắc Kỳ hết lòng phòng bị, rồi tàu ấy chạy lên thượng du tỉnh Hưng Hóa.

Tháng 7, Cơ mật tâu rằng: "tàu Từ Phổ Nghĩa từ mùa đông năm ngoái chạy tới Hà Nội, bởi bọn khách buôn Bành Lợi Ký và Quan Tá Đình mưu lợi làm võ dục cho nó, mấy lâu nay ta đã gửi thơ cho quan Pháp soái và tư di cho quan Lương Quảng xử trí. nay xin sắc cho Khâm mạng Nguyễn Tri Phương xét bọn Bành Lợi Ký quả thiệt đồng đảng, liền xiềng lại giao tỉnh Sơn Tây nghiêm cấm, thời Đồ Phổ Nghĩa không người chỉ dẫn, may bớt việc chăng?". Ngài dạy giao Nguyễn Tri Phương xét kỹ mà làm cho phải.

Tháng 8, Nguyễn Tri Phương ủy Võ Đàng mời Đồ Phổ Nghĩa tới công quán hội nghị, Phổ Nghĩa đi khỏi, Lý Ngọc Trì bị bệnh, thuộc viên ở trong tàu là bọn Ưng Sư Gia, Hà Sần thay mặt tới hội. Võ Đàng nói: "Đồ quân khí lệ phải triệt để lại, các ông bằng lòng. Việc ấy tâu lên, Ngài quở quan Khâm mạng không được khiêu khích sanh sự.

Khiến Binh bộ Tham tri Phan Đình Bình sung Khâm phái ra Hà Nội hiệp đồng Nguyễn Tri Phương xử trí việc Đồ Phổ Nghĩa.

Tàu Đồ Phổ Nghĩa chở súng ống và gạo muối lên Vân Nam, rồi chạy đến Hạ Hòa thuộc tỉnh Sơn Tây.

Gần đây quan Pháp soái có đưa thơ nói rằng ông ấy ủy phái một viên Pháp quan đem 60 người chạy tàu ra Bắc Kỳ bảo hiệu tàu Đô Phối (là tàu Đồ Phổ Nghĩa) lui ra và bà định điều lệ thông thương. Đến đây, nước Pháp sai quan Ba An Nghiệp (Francis Garnier) đi tàu tới cửa Đà Nẵng, rồi chạy ra bến Hà Nội.

Quan Khâm mạng Nguyễn Minh Phương, Bồi chánh Võ Đàng, Lãnh binh Nguyễn Đăng Nghiễm qua trú quán đón rước. Ngài khiến quyền tạm dọn dẹp nơi trường thi để khoản đãi An Nghiệp.

Quan Năm nước Pháp đem 5 chiếc tàu hỏa tiếp đến Đồ Sơn nói rằng: "1 chiếc chạy lên Hà Nội, còn 4 chiếc rồi cũng tới đó". Bọn Trần Tiến Thành tâu rằng: "nên giao cho Khâm mạng trách An Nghiệp rằng: quý quốc khi mới tới chỉ vì việc đuổi tàu Đồ Phổ Nghĩa, nếu tàu ấy muốn đi tới buôn, hãy chờ điều ước xong mới tiện; quý phái nên sức gấp cho tàu ấy lui ra, như trái phép cấm, làm điều cướp hại, thời xin quý phái đuổi bọn ấy đi cho rõ phép công". Ngài nghe theo.

Tháng 10, quan Pháp là An Nghiệp đánh hãm thành Hà Nội. Khi trước An Nghiệp muốn mau mở việc buôn, thường bị quan ta ngăn trở (Khâm mạng, Khâm phái và quan tỉnh), không bằng lòng, mới dự định hòa ước (trong tờ ước nói việc thông thương) giao tỉnh niêm yết, quan ta đáp lại rằng: "chưa có Triều mạng, không dám thiện hành". An Nghiệp giận, mừng 1 tháng ấy thành lĩnh đánh tỉnh thành, Khâm mạng Nguyễn Tri Phương với con là Phò mã Nguyễn Lâm (Lâm ra thăm cha) giữ cửa đông nam, binh Pháp phá cửa ấy trước, Lâm bị đạn chết, Tri Phương bị thương, thành liền mất. Việc tâu lên, Ngài khiến giao lại thành Hà Nội mới tiện định ước. Vừa gặp báo rằng An Nghiệp xin đặt quan mới làm việc tỉnh Hà Nội, để tiện bàn việc thông thương. Ngài giao đình thần lựa người giỏi đặt làm quan tỉnh để coi việc, còn quan tỉnh Hà Nội cũ và quan Khâm mạng, Khâm phái, không kể người còn kẻ mất, đều phải cách chức tra cứu; lại khiến Trần Đình Túc, Trương Gia Hội cùng Giám mục Bình, Linh mục Đăng qua tỉnh ấy hội nghị. Nhưng binh Đại Pháp đã đặt quan trị tỉnh Hà Nội và làm lời hịch báo các tỉnh cả thảy 3 khoản: 1. Triệt lính giữ cửa ải bến tàu; 2. Nhổ cừ dưới sông; 3. Yết điều thông thương. Rồi lại toan mưu tới lấy các tỉnh. Ngày 15, đánh lấy tỉnh Hải Dương; ngày 16, đánh lấy tỉnh Ninh Bình; ngày 21, hãm tỉnh Nam Định; 4 tỉnh nổi nhau thất thủ. Ngài khiến Hoàng Tá Viêm kiêm sung Tiết chế Bắc Kỳ quân vụ, thương đốc việc phòng giữ các tỉnh chờ coi Đình Túc thương thuyết thế nào.

Phát giao sắc phong cho Sứ thần Lê Toán làm quyền đại thần, Nguyễn Văn Tường làm Phó sắc ấn phát đến Gia Định, quan Pháp soái nghe tin liền tới mừng. Sứ thần thương rằng: "điều ước mới nay có thể định được, nhưng xin xử trí việc ngoài Bắc cho mau xong, sẽ định điều ước". Quan Soái liền chạy

giấy sức An Nghiệp lui quân để quân ta vào thành làm việc. Lại thương nhờ Nguyễn Văn Tường dẫn quan Thống sát Hoắc Đạo Sinh (Philastre) đi tàu hỏa đến cử Đà Nẵng. Khi đến Kinh, Ngài khiến Nguyễn Văn Tường sung Khâm sai đại thần, hiệp đồng Hoắc Đạo Sinh hẹn đến ngày 1 tháng 6 lại tới Đà Nẵng đi tàu ra Hà Nội thương thuyết; nhưng khiến làm thơ báo cho quan Soái biết, và làm thơ giao cho quan Thống sát cứ đó mà làm.

Ngài nghỉ Kinh sư là nơi căn bản, từ Kinh Thành, Hoàng thành, đến Hải Phòng (là cửa Thuận) khiến đều phải hết lòng phòng giữ cho được mười phần vững bền.

Tháng 11, quan Tổng đốc mới Hà Ninh là Trần Đình Túc tuân lời chỉ chuẩn trước đương bệng găng đi, cùng quan Tuần phủ mới là Nguyễn Trọng Hiệp đến thành Hà Nội; quan Án mới là Trương Gia Hội, Lãnh binh Hoàng Đồn Điển và Giám mục Bình, Linh mục Đàng cũng đều tới một lần. An Nghiệp rước vào thành cùng nhau thương thuyết.

Nguyên Hiệp tá đại học sĩ sung Khâm mạng đại thần bị cách Nguyễn Tri Phương mất ở nhà trú thự thành Hà Nội. Trước như bị thương ở tại đó, đến đây không chịu ăn uống, người Đại Pháp đưa cháo và thuốc, ông đều phun ra cả, rồi mất.

Đạo quân thứ đồn Hương Canh lén đánh giết An Nghiệp ở ngoài La Thành. Việc tau lên, Ngài nghỉ gần đây thương thuyết đã gần thành, toàn cuộc xử trí không phải cậy bọn quân Lưu Vĩnh Phúc mà làm xong được, nên khiến bọn quân ấy về phòng triệt miền thượng du là phải. (Binh đồn Hương Canh tức là quân quan hai biên coi việc, tới thương với Trần Đình Túc rằng: "Xin Đình Túc nghỉ người ta đã thôi đánh, ta đã triệt quân Lưu Vĩnh Phúc về quân thứ giữ bờ cõi, để nghị hòa ước cho tiện. Liên ủy Nguyễn Trọng Hiệp, Trương Gia Hội đến quân thứ diện thương với bọn Hoàng Tá Viêm, Tôn Thất Thuyết, Viêm và Thuyết đều thuận nghe, đóng quân không đánh nữa. Gặp khi quan nước Đại Pháp là quan ba E Mê từ Gia Định tới. (Quan Soái nghe An Nghiệp chết. Sai E Mê đi tàu hỏa tới thay). Bọn Đình Túc hội thương với công E Mê và ông Biên).

Cho Trần Đình Túc vẫn lãnh Tổng đốc Hà Ninh mà sung chức Khâm sai phỏng định thương ước Toàn quyền đại thần, Nguyễn Trọng Hiệp nhưng lãnh Tuần phủ, hội đồng với Khâm sai đại thần Nguyễn Văn Tường nghị định thương ước.

Khâm sai Nguyễn Văn Tường đi tàu với quan Thống sát Hoắc Đạo Sinh đến cửa Cấm. (Ngày 3 tháng 11 từ Đà Nẵng ra đi, đến ngày 5 tới nơi). Vừa lúc ấy quan Pháp ở Hà Nội đem thơ báo rằng quân ta đánh thành, An Nghiệp với quan Một, quan Hai ra đánh đều bị chết. Hoắc Đạo Sinh và quan dưới tàu đều đập tay tức giận, bảo Văn Tường rằng: "Việc chắc không xong, phải phi báo quan Pháp Soái, không nên ở lâu". Văn Tường thấy đương giận lắm, e hư việc lớn, mới thông thả nói: "Việc lấy Hà Nội, Quý soái đã nói không phải bốn ý; còn như sức binh cả 4 tỉnh cũng mạnh, mà nước tôi cũng không đem ra tranh hoành, thiệt là hai bên đều không trái ý nhau; đến như việc An Nghiệp chết, hoặc tại kẻ trộm cướp nơi khác đến, hoặc tại dân bốn xứ khích giận, việc chưa rõ ràng; huống chi trả thành để mau định ước, là lệnh Quý soái; nhận thành rồi mới nghị hòa, là mạng vua nước tôi; chúng ta chỉ nên cần mạng lệnh ấy; còn như việc Hà Nội giết An Nghiệp, cũng như An Nghiệp giết Tri Phương, đều là việc tình hình không phải chúng ta làm ra, nay chưa từng tới nơi biết việc thế nào, mà chỉ truyền nghe báo khống, không những Quý soái ở xa khó tính trước, mà chúng ta đi chuyến này thiệt là phụ chức trách lắm. Chi bằng phi thơ ra Hà Nội đem tàu hỏa nhỏ rước chúng ta tới nơi như nên theo mạng lệnh trước, hội đồng mà làm thời càng hay, hoặc nên hỏi rõ cố An Nghiệp vì sao mà chết, rồi sẽ báo, vậy chẳng ổn tiện lắm sao?". Hoắc Đạo Sinh muốn đi tàu ấy mà cho chiếc tàu đưa mình ra là hiệu Đát Tờ Gi về Gia Định báo. Văn Tường lại thương rằng: "Tàu quý quốc đã tới lại lui ra, e sĩ dân nghe tin, ắt bắt chước làm như Hà Nội, ai cấm ngăn được, sợ khi sau tổn hại càng lắm, lấy gì thừa lại với quý soái?. Nay nên khiến tàu Đề Ta Gi ra cửa đón triệt giặc biển, còn chiếc tàu Đát Tờ Gi nên cứ chạy luôn tới Hải Phòng, trước giao lại thành Hải Dương, hiểu thị sĩ dân để rõ tình tin thiệt, rồi qua Hà Nội giao hết các tỉnh thành và hỏi việc An Nghiệp, xong sẽ chạy giấy báo cả một lần, mới trọn vẹn". Hoắc Đạo Sinh nghe theo, mới chạy tàu ra Hải Phòng đánh dẹp giặc biển, liền giao lại 4 tỉnh cho quan ta coi trị, quan quân Đại Pháp ra thành lui về ở Hải Phòng, đoàn tàu Đồ Phổ Nghĩa cũng qua đó. Hoắc Đạo Sinh định ngày về, còn việc thương ước thời về Gia Định sẽ định. (Vi Pháp Soái kỳ về Tây gấp quá, nên chi muốn mau vào Gia Định định ước, không được lâu).

Tháng 12, quan Pháp soái định qua đầu năm sau về Tây, phái Lê Na ra thay cho Hoắc Đạo Sinh về và dục Nguyễn Văn Tường đi luôn cho kịp định ước.

Việc nước đã yên, Ngài nhớ đến Nguyễn Tri Phương một nhà tử tiết, truyền quan tỉnh Hà Nội sai dân phu hộ tống quan tài ông Tri Phương và Phò mã Lâm về làng an táng; và tặng Phò mã Lâm hàm Binh bộ Thị lang để khuyên người trung hiếu.

Lúc ấy Khâm sai Nguyễn Văn Tường đi tàu đã về, nhưng vì đau nên trễ, mà đã gần kỳ Pháp soái về Tây. Ngài dụ Sứ thần Lê Toán, Nguyễn Tăng Doãn phải chờ Văn Tường đến thương thuyết định ước sẽ hay; đến như khoản đặt Khâm sứ ở Kinh, thời nên thương với Pháp soái ở trong tờ ước nói rõ các sắp đặt, nhưng đợi các cửa biển ngoài Bắc đặt chức Lãnh sự xong rồi, trong một vài năm nữa tình ý qua lại tin nhau, khi ấy ở Kinh nên đặt Lãnh sự hay là Khâm sứ tùy đó mà làm.

Năm Giáp Tuất thứ XXVII (1874); tháng giêng, chuẩn phong con cháu nhà Lê là Lê Duy Kiến (hiện tháp ở Bình Định) làm Phó quản cơ, Diên Tự Nam, cho đi trạm về Thanh Hóa để chủ tự nhà Lê. Duy Kiến tâu rằng: "năm trước tháp ở Bình Định, chỗ đã yên, nay cho về Thanh được gần tiên tổ, vẫn là muốn lắm, nhưng e hoặc có kẻ nhờn đó sanh sự, lại thêm tội cho tôi. Phụ ơn triều đình châu toàn. Tôi xin ở lại Bình Định để nhờ ơn lâu dài". Ngài cho, nhưng đình việc tập tước và giám tự, còn việc tế tự miếu vua Lê với các đời vua trước, thời thuộc về quốc tế. Rồi chuẩn cho Lê Duy Kiến được tha thuế trọn đời.

Quan Thống soái Hoắc Đạo Sinh với Khâm sai Nguyễn Văn Tường từ Bắc Kỳ đến sứ quán. Ngài sắc các quan Cơ mật, Thương bạc, tới hỏi thăm và ban cho một đạo sắc dụ để tỏ công lao.

Ngài nghĩ Hà Nội ở giữa coi ngó bốn phía, việc quan nhiều lắm, mà Tổng đốc Trần Đình Túc già yếu, cho Bố chánh Bắc Ninh là Phạm Thận Duật thụ Tuần phủ Hà Nội để giúp việc.

Hoắc Đạo Sinh và Nguyễn Văn Tường lại vào Gia Định hội đồng Lê Toán cùng Pháp soái định ước.

Nghệ An có bọn Trần Tấn, Đặng Như Mai nhóm đảng làm giặc, rồi đều tan hết. (Hai tên ấy trốn lên trên Mọi, Tấn bị chết, Mai bị bắt).

Hòa ước mới đã thành. Quan soái Du Bi Lê về Tây, Quyền soái Ga Răng tới thay.

Ngài rất lo nghĩ về việc nuôi dân, nhờn coi sách Đại Thanh khâm định khương tế lục (Hiệu Càn Long thứ 4 nhà Thanh, quan Cấp sự trung Nghệ Quốc Liễn dâng sách Cứu cơ của nguyên Giám sanh Lục Tăng Vũ làm ra; trong sách ấy đầu thời thuật việc cứu cơ đời xưa; thứ thời thuật việc phòng bị trước khi hoang khiếm, việc cần làm đương khi hoang khiếm, việc làm sau khi hoang khiếm; mà sau cùng thời trích lục những điều ước để dễ xem; mỗi khoản trước dẫn kinh sử, sau thêm lời bàn, đại ý đều nói việc cứu dân; vua Tàu đặt tên là "Khương tế lục", 1 bộ 6 quyển). Ngài liền trích việc nào làm được châu điểm tiêu lên, tất cả 116 khoản, khiến sao lục những chỗ có châu điểm chia từng loại làm 3 quyển giao Sứ quán in cấp các bộ, nha, tỉnh, đạo mỗi nơi mỗi bộ (mỗi bộ 3 quyển).

Tặng quan Pháp soái 1 đồng tiền vàng nhứt hạnh (vì Bắc Kỳ nghị hòa đã rồi). Lại nghĩ Giám mục Bình và Linh mục Đăng có giúp đỡ việc ấy nhiều, đều hậu thưởng để đền công lao.

Sắc quan Cơ mật và Thương bạc vẽ 2 bức địa đồ nước ta: 1 bức để ngự lãm, 1 bức đưa cho Pháp soái.

Tháng 2, lãnh Hình bộ Thượng thư sung như Tây Chánh sứ Lê Toán mất ở Gia Định. Ngài tặng hàm Hiệp tá và ngự chế bài văn điếu, sai Hoàng trưởng tử đến tế. Sau cho Lê Toán liệt tự vào nhà thờ Hiền Lương.

Tháng 3, tướng giặc Trần Quang Cán khởi loạn ở huyện Hương Khê (cán là người huyện Hương Sơn tỉnh Hà Tĩnh).

Man tù tỉnh Quảng Bình là Trương Quang Thủ làm giặc ở Tân Ve mưu đánh thành Hà Tĩnh để cứu thoát tên Nguyễn Huy Điển (tục danh là Tú Khanh).

Viện Cơ mật tâu rằng: "tên Hoàng Anh cướp hại các hạt, binh đồng ở quân thứ Tuyên Quang kể vạ người, không phải thiếu người đánh giặc, thế mà quân thứ Tam Tuyên lại trừ nghĩ muốn đòi binh đồng tỉnh Cao, tỉnh Lạng; Hà Nội thời muốn mượn binh thuyền Đại Pháp; tỉnh Lạng Sơn thời tư nói Lưu Ngọc Thành thác tử triệt binh về Tàu; lời chúng nghị phân vân, thiệt là khó tính. Viện tôi trộm nghĩ kế An Biên chỉ có đánh dẹp và vỗ yên mà thôi; nay xin: 1. Truyền Nguyễn Uy phúc thư cho Lưu Ngọc Thành nói rằng: "nước ta kết hòa với Đại Pháp mới hơn 10 năm, mà quan Pháp soái còn muốn đem binh đánh giặc giúp, ấy là quân giặc thời ai cũng giặc; quý Tổng thống trước sau coi việc đó, nay muốn vội triệt binh về, sao gọi là tình nghĩa hai nước ta đã đến trăm ngàn năm nay?. 2-. Truyền tỉnh Hà Nội tư hỏi quan Đại Pháp là Lê Na có ứng giúp ta đánh giặc để thông đường buôn bán không? Để xem đáp lại thế nào sẽ nghĩ". Ngài chuẩn y.

Tháng 4, Sứ thần Nguyễn Văn Tường, Nguyễn Tăng Doãn dâng 20 tập sách tây. Ngài ban rằng: "Hai người dâng sách ấy thiệt có lòng và có ích; giao viện Cơ mật giữ, dịch cho rõ ràng tẩn lãm". (20 tập sách ấy là: 4 tập Khung giang hác vật đồ chí, 3 tập Đại pháp kỳ tăng hiệu, 11 tập Nam Kỳ điều lệ, 1 t65p Thuế lệ, 1 tập Binh thuyền).

Khiến thông sứ các địa phương từ nay dân Tàu nếu có ai xin ở lại nước ta, hễ số nhiều thời do Bang trưởng ký sổ phát giấy, số ít thời do Lý trưởng nhận thiệt biên riêng ra.

Vì lâu nay số người Tàu kiều ngụ chưa rõ.

Tướng giặc Trần Quang Cán hiệp với giặc mọi Trương Quang Thủ đánh hãm thành Hà Tĩnh, mở giam cho tên Nguyễn Huy Điển, cùng nhau chiếm giữ tỉnh thành. Ngài khiến Lễ bộ Thượng thư Lê Bá Thận đem binh đánh; lại khiến quan binh đón giữ tỉnh Quảng Bình. Rồi bắt đặng Quang Cán và Huy Điển đều đem chánh pháp.

Tháng 5, Ngài nghĩ Lê Bá Thận cầm binh mấy tháng dùng dằng không tới, mới sai Nguyễn Văn Tường sung Khâm sai ra quân thứ Quảng Bình hiệp cùng Lê Bá Thận trừ tính việc phòng tiểu.

Tháng 6, lấy lại thành Hà Tĩnh, Ngài khiến thưởng quân công cho Văn Tường và Bá Thận.

Khiến Hình bộ Thượng thư Nguyễn Văn Tường, Lại bộ Thị lang Nguyễn Tăng Doãn đều sung giáng định thương ước.

Toàn quyền đại thần Nguyễn Trọng Hiệp lại vào Gia Định, cùng quan Toàn quyền Ga Răng, Du Ly Phi Lang Sa E My Ly hội định thương ước.

Giặc biển Hải Dương là tên khách Công kết đảng vào sông ăn cướp, Án sát Nguyễn Hữu Hoán đem binh cùng với viện binh các tỉnh hiệp đánh; Đại Pháp phái La Đăng đánh giúp, giặc lui chạy ra biển.

Tháng 7, Pháp soái Ga Răng sai Tham tá Sô Ma Rô đem thư đi với Nguyễn Tăng Doãn đến Kinh nói trong khoản thương ước xin bổ thêm việc mở phố buôn và đặt Lãnh sự ở Hà Nội. Ngài cho. Khi ấy thương ước mới rồi.

Tháng 8, khiến Nguyễn Tăng Doãn làm Khâm phái đem thư của Pháp soái ra Hải Dương thương thuyến với La Đăng. (Trong thư nói giúp đánh giặc biển). Rồi liền xét địa thế Hải Dương và ngoài thành Hà Nội lựa chỗ làm nhà để Pháp binh ở.

Nguyễn Văn Tường tâu rằng: "Hà Nội là nơi người Tàu tụ hội buôn bán, như mở chợ chứa đồ hàng hoá ở Ninh Hải và Cẩm Giang, lập phố buôn bán làm thành chỗ vui, người Tàu đã ở đó thời người Tây không lẽ bỏ nơi ấy mà tìm nơi khác. Xin mật tư Hà Nội và Nam Định sức khách buôn trong hạt ai có tình nguyện lập phố buôn bán ở cửa biển Ninh Hải, hạn trong 3 tháng do quan tỉnh Hải Dương đầu đơn mà xin lập phố mở chợ từ đồn Ninh Hải trở lên, theo hai bên bờ sông cấm". Lại xin lựa người đồng lý việc buôn. Ngài cho.

Khi trước miền thượng du hạt Tuyên Quang giặc thường khuấy rối, vậy nên miều sông Lô sông Thao đều cấm không cho thuyền bè đi lại. Đến đây Thống đốc Hoàng Tá Viêm tâu xin tha cấm cho thông thương. Ngài dụ rằng: "như quả kh6ong ngại gì thời ch tha cấm". (Nguyên lời Tá Viêm xin tha) Cấm dòng sông Thao mà giao quân Lưu Vĩnh Phúc xem coi; còn dòng sông Lô từ thành Tuyên Quang trở lên, xin cứ cấm nghiêm như cũ. Từ thành trở xuống thời cho thông thương).

Tháng 9, ban cấp bốn hòa ước và bốn thương ước ra các địa phương.

Khiến Hải Dương Khâm phái Nguyễn Tăng Doãn khám xét chỗ quan Đại Pháp đóng quân ở Hải Phòng hình thế thế nào, giáp giới tỉnh nào, cửa biển nào, xa hay gần; vẽ hết toàn đồ tỉnh ấy và bốn phía tiếp giáp dâng lên ngự lãm.

Tháng 10, cho thự Hộ bộ Thượng thư Phạm Phú Thứ cải thự Tổng đốc Hải Yên, kiêm sung Tổng lý thương chánh đại thần; cho Khâm phái Hải Dương Nguyễn Tăng Doãn lãnh Tuần phủ Hải Dương; cho lãnh Trị, Bình Tuần phủ Trần Hy Tăng cải lãnh Tuần phủ Hà Nội; phạm việc buôn bán do Tăng Doãn và Hy Tăng phải trình với Phạm Phú Thứ thương thoả mà làm. (Khi ấy Ngài nghĩ việc buôn bán mới làm, các nước nhóm họp chắc nhiều, mà qua lại ứng tiếp sự thế khó khăn, phải được người thông hiểu siêng năng mới mong có lợi mà không tê. Vậy nên Ngài mới sai Tăng Doãn và Hy Tăng sung chức ấy).

Tháng 11, sắc các quan Thương bạc đưa thơ nhờ Đại Pháp soái mua tàu hỏa để đánh giặc biển.

Phạm Phú Thứ từ Quảng Nam tới Kinh bá mạng (trước xin về nhà tình thám 1 tuần) sẽ tới Hải Dương cung chúc, dâng sớ xin cho Ông Ích Khiêm theo đến tỉnh ấy, quyền cấp cho hàm Tán tương hay là Đốc binh để ủy phái chuộc tội. Ngài cho.

Án định tội các quan tỉnh Nghệ An đã làm rồi. (Vì tên Mai tên Tấn làm giặc). Tổng đốc Tôn Thất Triệt phải tội trượng, phát viễn biên sung quân, (là tội không khéo xử đến nỗi sanh giặc); Bồi chánh Phạm Hy Lượng và An sát Nguyễn Đôn đều bị tội trượng đồ.

Quyền soái ở Gia Định là Ga Răng về Tây, quan Soái cũ Du Bi Lê tới thay.

Tháng 12, cho đoàn tàu Đồ Phổ Nghĩa chở thuê hàng hóa nước Tàu để lấy lợi làm lộ phí, nhưng phải chiếu lệ nạp thuế.

Mới đặt huyện Minh Hóa ở Quảng Bình (miền thượng du phủ Quảng Trạch có nguồn Kiêm Linh và nguồn Cơ Sa cả thảy 2 nguồn 7 sách, địa thế xa cách, phủ ấy khó coi khắp. Gần đây quan tỉnh xin đem 2 nguồn 7 sách ấy hiệp với mấy tổng thượng du huyện Minh Chánh đặt làm huyện Minh Hóa. Đến bây giờ mới dùng người thổ trước bổ quan).

Lúc ấy sứ bộ là những Phan Sĩ Thuộc từ Tàu về vào tạ (Sĩ Thuộc chưa phục mạng mà đã ghé về thăm nhà, và lại mua vật hạng nhiều đồ không trúng dụng; Ngài chuẩn đều giáng 1 trật). Ngài hỏi việc nước Tàu xử trí các nước Âu Châu và chánh sự vua Đồng Trị hay dở, quan ại giỏi không, thế nước thanh hay suy thế nào? Sĩ Thuộc tâu đủ cả, nhưn dâng ngọc trai và phương thuốc tiên để chữa bệnh đau mắt. (Ngọc trai đem soi ngọn đèn hoặc mặt trời mà thấy trong ngọc có 2 bóng ấy là thiệt, dùng rửa mắt khỏi được khí nhiệt. Phương thuốc tiên nói: Người già đau mắt mù đã lâu, dùng vị Thanh Bì rửa xong vài ngày, sạch bụi trong con mắt, dùng đến hơn trăm ngày, mạng che trong mắt đều tan; phương ấy nhiều người dùng nghiệm lắm).

Lúc ấy quan tỉnh Hải Dương trích những làng bị tàn phá chia làm 2 hạng: hạng thiệt hại lắm và hạng thiệt hại vừa, cộng 126 xã thôn, tâu xin tha thuế và những tiền lâu nay còn thiế. Ngài đã có chỉ chuẩn khoan tha; nhưng ý Ngài còn chưa ưng, liền dụ khiến từ nay phạm các xã thôn trong mấy tỉnh Bắc Kỳ như quả giặc không xâm được và không theo giặc, xét có thiệt trạng, tâu cho tha thuế, để khuyên kẻ hiếu nghĩa; còn xã thôn nào ngày thường có dẫn giặc và theo giặc, dung ẩn cho nhau, đến nỗi bị giặc cướp hại, đều không được tâu xin, để tỏ ý khuyên kẻ lành răn kẻ dữ.

Năm Ất Hợi thứ XXVIII (1875), tháng giêng, khiến bộ Binh tư ra tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, Bình đều vẽ địa đồ các miền thượng du chỗ châu, phủ mọi thổ, đến các nơi tiếp giáp. (Như là giáp sông Khung, Nam Chưởng, Vạn Tượng, Xiêm La, Ai Lao, Tàu ...), vẽ cho kỹ, chú cho rõ những tên núi sông và đàng xá xa gần, đệ về tấn lãm.

Ban cân, trượng, thước, cho các nha Thương chánh. (Vì trong thương ước có nói: các sở lấy thuế cửa ải và bến tàu đều phải lẫn cân, trượng thước bộ Hộ nước ta).

Cho Ông Khiêm quyền cấp Tán tương ra quân thứ Bắc Kỳ đánh giặc. Ngài nghĩ Ông Khiêm đồng mà không lễ, nhưn rằng: "Người có lễ thời mới được yên, phải hiểu nghĩa lý Thi Thơ mới cho là nho tướng".

Khi trước bộ Lại đem dâng 16 bốn sách tây: Cổ kim võ bị 1 bộ 2 quyển, Tây thơ quốc ngữ luật lệ 1 bộ 2 quyển, Binh thơ tập yếu 1 quyển, Thần lao thơ 1 quyển, Chế phá tử đạn phát hỏa 1 quyển, Kỵ mã pháo thủ luật pháp thơ 1 bộ 4 quyển, Bộ binh luật pháp 1 bộ 2 quyển, Thao luyện kỵ mã binh luật pháp thơ 1 bộ 3 quyển. Ngài khiến bộ Lễ sức bọn Nguyễn Hoảng (Chủ sự ty Hành Nhơn) phiên dịch. Bọn Nguyễn Hoảng bẩm rằng: "Những bộ sách ấy đều là nói kỹ nghệ cơ xảo, chữ nghĩa khó, không hiểu được, xin giao viện Cơ mật nhận giữ, chờ các người đi học bên Tây về sẽ dịch". Bộ tâu lên, Ngài cho.

Tháng 2, cho nguyên Cần chánh điện đại học sĩ Trương Đăng Quế tòng tự Thế Miếu.

Quan tỉnh Tuyên Quang trước đã đem tình hình trong thuộc hạt 3 châu huyện là: Hàm Yên, Thân Châu, Chiêm Hóa bị giặc phá, dân tan trốn đi các nơi, xin tha thuế mùa hạ năm trước. (Lệ thuế các hạt ấy tiền nạp về mùa hạ, bạc và lúa nạp về mùa đông) với thuế năm trước thiếu lại. Tháng 10 năm ngoái, Ngài đã chuẩn cho tha cả. Đến đây quan tỉnh lại đem tình hình thiệt hại hiện bây giờ (3 huyện châu ấy dân cực khổ không lấy đâu nạp thuế được; và lại 5 xã về châu Triêm Hóa số đinh điều háo, hạn tiêu không điền được), xin tha thuế mùa đông năm ngoái, 1.449 hộ lúa, 311 lượng bạc, Ngài gia ân tha cho; nhưng nghĩ quan tỉnh ấy không được việc gì, ngồi xem dân tan thuế thiếu, cũng là khoáng chức lắm. Quan tỉnh ấy là Mai Quý, Ngô Xuân Quỳnh, Tôn Thất Môi cùng các quan huyện châu trong 3 hạt ấy đều phải giáng lưu, khiến thêm gắng sức.

Tháng 3, khiến quan Khâm phái đại thần Nguyễn Văn Tường, Phó khâm phái Phạm Ý cùng quan Chánh Khâm sứ nước Pháp là Ba Long Bô và Phó Khâm sứ Lê Na giao hòa ước với nhau ở trước Ngọ Môn.

Khiến Quốc tử giám Tế tửu Nguyễn Quang Bích kiểm duyệt sách Khâm định việt sử cương mục.

Khiến định 14 khoản sự nghi về việc quan Khâm sứ nước Pháp ở Kinh.

Khiến quan Thương bạc làm thơ đưa cho Pháp soái nói 3 việc: 1. Nhờ Đại Pháp đánh đuổi giặc biển; và nay Bắc Kỳ đói, nhờ sức cho Nam Kỳ chở nhiều gạo ra bán. 2. Lưu Vĩnh Phúc cũng là tôi con trong nước, xin đừng nghi ngại. 3. Tuần phủ tỉnh Quảng Tây có đưa thơ nói chờ Tam Tuyên yên rồi, quân Tàu mới về Vân Nam.

Tháng 4, khiến Lang trung Cao Hữu Sung vào Quảng Nam hội khám tỉnh thành và đàng sông. Khi trước Phạm Phú Thứ nói hạt ấy xây tỉnh thành và đàng sông Vĩnh Điện không hiệp phép địa lý, nên người và vật không yên. Sơn Phòng sứ tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Tạo dâng sớ xin dời tỉnh thành về địa phận huyện Quế Sơn, hoặc huyện Duy Xuyên; lại xin lấp sông Vĩnh Điện đàng sông Ái Nghĩa. Nên Ngài sai Hữu Sung hội khám.

Khiến giải nguyên quyền Tán tương quân thứ Bắc Ninh là Ông Ích Khiêm về Kinh chờ án. (Đến sau Ích Khiêm về Kinh bị chứng điên, rồi cho về nhà).

Mở đàng cảng bãi Vạn Phước, đào cho thông nước để phòng khi lụt (cảng ấy thuộc phía đông bắc huyện Thượng Phước tỉnh Hà Nội).

Khiến các quan và dân ai có phương thuật tài năng cho phép tự tiến.

Tháng 5, người Pháp làm nhà Thương chánh ở Hải Dương, tại làng Gia Viên để cho quan Lãnh sự và quân lính ở.

Lúc trước Cử nhơn tỉnh Bình Thuận là Nguyễn Hữu Huân là Âu Dương Lâm hội văn thân 6 tỉnh với người Tàu tụ chúng đến 3.000 người, thường chống cự binh Pháp, cũng có trận được. Bây giờ Pháp soái bắt được giết ngay.

Khiến in tờ hòa ước và thương ước cả thảy 200 bốn, cấp cho Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên, Nam Định, Hà Nội, Hải Dương để phát cho các thuyền buôn người Tàu.

Làm sở Thương Bạc ở cửa đông nam.

Tháng 6, khiến các tỉnh từ nay thuyền dân trong hạt có qua Nam Trung và thuyền Nam Trung có đến các hạt buôn bán, mỗi năm mấy chiếc, tư về bộ Hộ tâu lên.

Lập nhà thờ Trung hiếu tại Đàng Long phủ Thừa Thiên. Khi ấy Ngài nghĩ Nguyễn Tri Phương (tặng Binh bộ Tả Tham tri) và em là Nguyễn Duy (tặng Binh bộ Tả tham tri) con là Nguyễn Lâm (tặng Binh bộ Tả thị lang), hoặc vì nước bỏ mình, hoặc vì cha tuấn tiết, trung hiếu tiết nghĩa nhóm về một nhà, họ Bọn¹ đời xưa cũng không hơn được, cho nên đặc mạng lập nhà thờ ở làng, tuế thời khiến quan Huyện sở tại đến tế.

Lại định lệ "phái thuyền qua các nước thông thương". Khi trước triều Minh Mạng, Thiệu Trị, thường phái thuyền qua ngoại quốc buôn bán và thám xét. Từ khi ấy đến nay đình bãi, cho nên không rõ việc các nước giao hội. Nên bây giờ Ngài mới sắc các quan Cơ mật, Thương bạc, bộ Hộ, bộ Công, bàn cho thỏa đáng, định sang năm lại làm.

Sứ nước Pháp là ông Lê Na tới Huế, do sở Thương Bạc đệ giao tờ quốc thư.

Tháng 7, Ngài nghĩ quan phủ Nam Sách (thuộc tỉnh Hải Dương) là Võ Túc vốn có tiếng giỏi xuất sắc hơn các phủ, huyện, giữ lòng không nhiều hại dân, làm việc siêng năng, cho thưởng thọ Thị độ nhưng lãnh, để khuyến kẻ hết lòng trị dân.

Khiến trong ngoài nghiêm cấm đánh bạc: (Bộ Hình nghị định: nhà oa chủ phải tịch gia sản; kẻ oa chủ ở trong Kinh thành thời bắt tội "trượng bát thập đồ nhị niên"; tội bọn đánh bạc giảm tội oa chủ một bậc, quan dân cũng thế).

Khiến từ Hà Tĩnh ra Bắc thuế ruộng công và ruộng tư y theo lệ thuế từ Quảng Bình vào Nam mà thu, định sang năm là đầu. (Từ Quảng Bình vào Nam, ruộng công và tư, nhứt đặng mỗi mẫu nạp 40 thăng lúa, nhị đặng 30 thăng, tam đặng 20 thăng. Từ Hà Tĩnh trở ra bắc, ruộng công nhứt đặng mỗi mẫu nạp 80 thăng lúa, nhị đặng 56 thăng, tam đặng 33 thăng; ruộng tư nhứt đặng 26 thăng, tam đặng 13 thăng; so với Quảng Bình vào nam, thuế ruộng công nặng quá, mà ruộng tư hơi nhẹ; nên nay lấy thuế cho đều nhau).

Khiến Thương bạc đại thần Nguyễn Văn Tường cùng Khâm sứ Lê Na giao tờ thương ước ở sở Thương Bạc.

Tháng 8, đạo quân thứ Tuyên Quang bắt sống được tướng giặc Hoàng Anh, đem chém rồi đưa đầu rao khắp xứ Bắc Kỳ, bỏ và thùng phát qua Tàu.

Khiến làm thơ đưa qua Lương Quảng Tổng đốc nhờ phái viên đốc đồng với quan ở Châu Khâm mau tới tỉnh Quảng Yên hội với quan Tuần phủ xử trí bọn lưu dân. (Lưu dân nguyên tháp ở Châu Khâm, từ khi qua ở Hải Ninh, cướp giết bình dân, chiếm đoạt ruộng đất).

Tháng 9, định lệ "thưởng bọn nghiệp hộ dật nhưng ở Hà Nội". (Khiến quan tỉnh Hà Nội hiểu sức dân làng Giao Cầu: hễ người nào dật hàng tinh xảo thời nguyên cấp Tùg cửu phẩm hộ trưởng, cho mộ dân lập thành hộ; xét trong một năm dật được tinh xảo sẽ thưởng Tùg cửu phẩm, còn hộ phụ tha khỏi binh diêu; nhưng mỗi năm phải nạp thuế mỗi tên 4 thước nhưng).

Tháng 10, mới định thuế vải và bông.

Mở mỏ bạc Thạch Lâm thuộc về Cao Bằng.

Hình bộ Thượng thư Trần Bình tâu về việc bỏ đê (xin thôi đê mà nhưng cự đắp ngăn các chỗ nước xung phá và đào cho sâu rộng các sông ngoài gần cửa biển). Ngài nghĩ lời tâu rõ ràng, truyền lục giao những tỉnh có đàng đê xét kỹ, có thể làm được không, tâu lên Ngài định. Từ đó quan tỉnh Hải Dương, Hà Nội, Bắc Ninh, Hưng Yên hội tâu xin làm như thế, nhưng xin đắp đập tại chỗ lở. (Trên từ làng Công Luận huyện Văn Giang, dưới đến làng Hương Trù huyện Đông An, dài hơn 3.800 trượng) để giữ lúa mùa hạ, còn nước lụt mùa thu thời để cho chảy tràn qua. Ngài giao các quan Đình thần duyệt lại. Đình thần tâu rằng: "Đắp đập dài quá, sau chưa chắc vững, xin cứ chỗ đê cũ bị vỡ từ làng Phi Liệt (thuộc tỉnh Bắc Ninh) đến làng Nhạn Tháp (thuộc tỉnh Hưng Yên), lập thế đắp lại, dài chỉ 70.80 trượng, còn dọc mé

¹ Bọn Khôn đời Tấn đương đau gắng ra đánh giặc bị chết, hai con là Chân và Hu thấy cha tử trận, liền ra đánh, đều bị hại cả. Vợ Bọn Khôn là Bùi Thị vỗ tay hai con khóc rằng: "cha là trung thần, con là hiếu tử, còn phàn nàn gì!".

ngoài đê dài hơn 600 trượng, thời lấy thêm ống tre dựng đất, hoặc lấy đá đắp vào, ngoài cắm cừ gỗ để giữ chơn đê và đắp mũi hàn để ngăn nước xung vào, thời công trình cũng bớt mà tiện". Ngài cho làm.

Nguyễn Hữu Độ từ Hải Dương về Kinh, vào châu. (Hữu Độ làm Quản lý Thương chánh và coi việc Hải phòng). Ngài nghĩ Hữu Độ ở ngoài đã lâu, nhơn hỏi việc Bắc Kỳ. Hữu Độ có tâu 3 điều khó làm: 1. Đê chánh, 2. Lư dân, 3. Thương Chánh. Lại điều trần những việc nên làm và nói ngày sau chắc phải khai khoáng, đến khi ấy xin phái nhiều người siêng năng thao việc hiệp với Đại Pháp đốc làm, cốt khiến cho ta giữ lấy lợi quyền. Ngài khen phải, cho thăng thư Hường lô tự khanh sung Tham tá Thương bạc sự vụ.

Tháng 11, tàu Đại Pháp ở Hà Nội thẳng qua miền thượng du về địa đồ, rồi qua núi Kim Bôi (gọi là Bến Thị) đào thăm được mỏ vàng. Quan tỉnh sở tại tâu lên, Ngài khiến từ nay tàu Pháp có xin qua nữa, nên thương cho khéo, đừng để họ đi.

Mới định thuế dâu cây hồi ở Lạng Sơn (cây hồi trồng 1 năm trở bông, 1 năm có trái; giáp giới phủ Bằng Tường bên Tàu trồng thứ Đại Hồi làm dâu bán, nước Tàu được lợi nhiều lắm.

Đặt nha Sơn Phòng ở Hà Nội (sau đổi làm đạo Mỹ Đức).

Tha thuế chở bạc nhập cảng cho những người Tày buôn, để người buôn cho đông và hàng hóa cho nhiều.

Tàu hỏa hiệu Mẫn Thỏa bị vỡ ở tấn Thai Dương (cửa Thuần, thuộc phủ Thừa Thiên).

Khi trước quan Thương bạc tiếp thư người nước Ý Đại Lợi nói về khoản thông thương ở Địa Trung Hải, quan Thương bạc đã đem việc hỏi quan Sứ Đại Pháp, quan Sứ Đại Pháp nói rằng: "Tên ấy là người làm thuê không biết lai lịch thế nào". Lại tiếp thư người làm công ở tàu Đồ Phổ Nghĩa tên là Ba Rang xin coi giúp việc tàu hỏa cho ta, quan Thương bạc hỏi quan Pháp sứ nếu co chịu kết nhận thời ta mới thuê". Quan Thương bạc đem việc tâu lên, Ngài phê rằng: "Nước ta giao tiếp thấy nghe chưa rộng, nên phải người ta ngăn chẽ; ta vốn không muốn người ngoài đến, cũng như người các nước muốn đến mà lại bị kẻ khác ngăn trở đó thôi".

Lại đổi 3 đạo Quảng Trị, Phú Yên, Hà Tĩnh làm tỉnh. (3 hạt ấy triều Minh Mạng đã cải trấn làm tỉnh, đến triều Tự Đức năm đầu, xét các tỉnh ấy ít việc, lại cải tỉnh làm đạo, quyền phép đã khinh, kiểm chế lại khó; đến đây đình thần bàn xin như cựu cải làm tỉnh, Ngài cho).

Năm Bính Tý thứ XXIX (1876), tháng giêng, Hưng Yên Tuần phủ Nguyễn Đức Đậu tâu ngạch thuế ruộng mới định đó, xin khoan cho 3 năm sẽ thi hành. Ngài không cho, giáng Đức Đạt 2 cấp lưu. Rồi Đức Đạt cáo bệnh.

Tháng 2, Pháp soái ở Gia Định là Du Bi Lê về Tây, quyền Soái Bô Giảng đến thay.

Lập đồn ở Cù Lao Cát Bà thuộc tỉnh Quảng Yên (Cát Bà là nơi hình trăng, làm đồn ở chỗ cao trông bốn phía phòng giữ được, lại có binh Đại Pháp giữ giúp, tiếp ứng cùng nhau).

Cho đem 2 chiếc tàu hỏa hiệu Thuận Thiên và hiệu Đăng Huy đi tuần tiểu biển Nam và biển Bắc (vì giặc biển thường cướp thuyền buôn, thuyền tải).

Tháng 3, Lãnh sự Đại Pháp ở Hải Dương xin qua huyện Đông Triều và tỉnh Quảng Yên để tìm mỏ than. Ngài cho.

Đắp đê giữ nước mặn tại huyện Giao Thủy dài hơn 3.000 trượng. Lại lấp cửa sông Ngư Dũng (về huyện Tiền Hải) để ngăn nước mặn, và mở cổng ở phía bắc nơi Long Hầu để tiêu nước ứ.

Trích huyện Phong Dinh và huyện Ý Yên cải thuộc tỉnh Ninh Bình (1 huyện ấy nguyên thuộc Nam Định, đến đây xét địa thế liền với Ninh Bình, nên trích về đó, do phủ Yên Khánh kiêm lý).

Cho tất cả các hạt xét kỹ các hạng tù sung quân và phát lưu, có đứa nào nên tha cho đi khai khẩn, thời đều giao cho Sơn Phòng Điển nông sứ ở các tỉnh gần quanh, phân tháp cho đi khẩn ruộng.

Tha cấm "ra biển đi buôn".

Đào sông Ba Sát ở Nam Định (vì nước ứ lại ruộng).

Khiến thuê người đóng tàu hỏa để chuyên chở; còn thuyền dân cho về đi buôn, đánh thêm thuế.

Tháng 4, cho y quan Khâm sứ Lê Na làm Sứ quán ở phía nam sông Hương Giang, ngoài Kinh thành. (Bồn bên vừa 6 mẫu 6 hào 14 thước 6 tấc).

Đại Pháp đưa thư xin ủy quan Lãnh sự Hà Nội qua xét miễn thượng du. Ngài cho.

Tháng 5, khiến các địa phương sửa sang phong tục; lại răn cấm những thói tệ như bọn đồng bóng, thầy bói, và thói dâm loạn, xa xỉ.

Tháng 5 nhuận, khiến Thương bạc Tham tá Nguyễn Hữu Độ vào Gia Định nhận chiếc tàu trận của Đại Pháp tặng hảo. (Khi ấy Đại Pháp tặng chiếc tàu máy và súng ống, thuốc đạn, hiện ở Gia Định, xin ta phải quan tới nhận).

Quyền Pháp Soái ở Gia Định là Bô Giảng về Tây, quan Soái cũ Du Bi Lê tới thay.

Tháng 6, khiến Bùi Ân Niên, Lâm Hoảng, Lê Cát sung Sứ bộ qua Tàu dâng đồ cống.

Tháng 7, phủ Thừa Thiên có bệnh dịch, ai đau thời cho thuốc, ai chết thời cho tiền tuất.

Tàu hỏa hiệu Đăng Huy mắc cạn, chìm vỡ tại Vũ Áng thuộc hải phận Hà Tĩnh.

Tháng 8, lãnh Sơn phòng Dinh điền sứ tỉnh Quảng Nam là Nguyễn Tạo dâng sớ xin đào sông Ái Nghĩa, lấp sông Vĩnh Điện. Ngài khiến quan Nội các là Nguyễn Thuật duyệt lại; Thuật tâu xin theo như lời quan Khâm phái Cao Hữu Sung năm ngoái đi khám về có xin: "Trước hãy đào xứ Tam Bào thuộc sông Ái Nghĩa, để cho nước thượng lưu chảy bớt về sông Cẩm Lệ; lại đào một đoạn cảng ở làng Cẩm Lộ và làng Thi Lai cho nước chảy thẳng về sông Chợ Cui; lượng đắp 2 đoạn mũi hàn để chia thể nước và cho xoi cát bồi lên". Như thế thời tốn công không bao nhiêu; còn như sông Vĩnh Điện thời chờ bốn năm năm sau bồi cát bồi lấp, cửa sông cạn lặn, rồi sẽ lấp, mới có thể thành công được. Ngài khen phải.

Tháng 9, Lãnh sự Pháp ở Hà Nội là Kê La Đích định ngày qua sông Thao xem đàng sông thông thương. Ngài khiến đưa thư qua Quảng Tây để cho biết trước mà liệu.

Đặt tên 5 chiếc tàu hỏa của nước Pháp tặng hảo: 1. Lợi Tài, 2. Lợi Tế; 3. Lợi Đạt, 4. Lợi Dụng, 5. Lợi Phiếm. Sau Ngài ngự chế bài ký "Ngũ lợi thuyền".

Lại định lệ "Bình dân kêu kiện": Phạm bình dân và giáo dân có sự gì oan ức, trước phải do tổng lý và huyện nha mà kêu; nếu xử không minh mới được tới phủ, tỉnh mà kêu; phủ và tỉnh cũng còn xử chưa minh, thời cho niêm đơn tới kêu tòa Tam pháp; như việc khống hay là không tới quan sở tại mà tới kêu nơi khác, thời chiếu luật "Việt khống" trị tội; nếu nó đã kêu mà quan trên không minh xử cho, thời chiếu luật "Cáo trạng bất thọ lý" mà xử phân các quan. Đến Giáo, Huấn, Giám mục, Linh mục đi kiện thể hay là xin việc giúp cho ai, thời chiếu luật "Giáo tòa từ tụng" và luật "Thuyết sự", luật "Thính tụng hồi tự" mà nghĩ xử. Như phạm mấy điều trên đó, thời đã chiếu bốn luật ấy mà lại gia tăng làm tội.

Khiến trong ngoài tìm thầy thuốc hay. (Không kỳ quan, lại, sĩ, dân xa hay gần, đàn ông hay đàn bà, người nào chữa được bệnh đau mắt và làm thuốc cầu tự mà chắc khiến hiệu, thời thưởng cho chức quan tam phẩm và cho 5.000 lượng bạc).

Phái Lại bộ Lang trung Nguyễn Hữu Thanh vào tỉnh Quảng Nam thám xét các mỏ vàng, bạc, đồng, sắt.

Lãnh sự Đại Pháp đến cửa Thi Nại (Quy Nhơn) thuộc tỉnh Bình Định lập sở Thương Chánh.

Đặt thêm huyện Đông Anh, thuộc phủ Từ Sơn. Vì khi ấy bọn giặc ở miền thượng du tỉnh Bắc Ninh nhóm họp, nên đặt thêm huyện ấy để phòng giữ.

Khiến quan tỉnh Hải Dương và tỉnh Quảng Yên khu xử lưu dân làng Hà Cối.

Tháng 10, cho Tả tham tri bộ Lại là Phạm Thận Duật sung Khâm sai kinh lý hà đê sứ, (Đến tháng 8 năm thứ 31, Thận Duật tâu rằng: "liệu làm không nổi", Ngài mới dụ bãi nha Đê chánh).

Quyền Khâm sứ Hoắc Đạo Sinh đến ở Kinh, (vì Lê Na đau về Tây).

Mới đánh thuế cánh kiến và hoàng thảo ở Nghệ An (hoàng thảo tục danh thanh học, là vị thuốc mát).

Tháng 11, Hoắc Đạo Sinh muốn học sách nho, đưa thơ qua Thượng bạc xin rước thầy dạy. Ngài cho thuộc viên nha Thượng bạc là Cao Hữu Trung (Cử nhơn) qua Sứ quán ở dạy học; lại tặng những đồ dùng về việc học như: nghiên mực, giá, gác bút v.v... để khuyên gắng học.

Tháng 12, đào các sông ở làng Ái Nghĩa, Cẩm Lậu, Thi Lai, thuộc tỉnh Quảng Nam.

Tha thuế các làng bị tàn phá thuộc tỉnh Nghệ An.

Năm Đinh Sửu thứ XXX (1877), tháng giêng, Ngài ban dụ khuyên răn các thần công trong ngoài.

Tháng 2, khiến đình thần hội nghị cho rõ phép "thẩm bình". Đình thần tâu xin: "từ nay phạm các nha coi việc hình, mỗi kỳ thẩm tù phạm nên chiếu theo lệ cũ chia làm 3 số: 1. Số Tình chơn. 2. Số Hoãn quyết, 3. Số Cặng nghi; hể mưu sát, cố sát, hung cường, cố phạm¹ mà tang chứng đã xác thiết, hoặc cướp trộm hộ chung² làm hại đã nhiều lần, hoặc gian hoạt vũ văn³ xâm của kho nhiều, các khoản ấy tình tội không còn ngờ, thời biên vào sổ Hoãn quyết, giam lại chờ thẩm. Hể tình nên thương, tội nên giảm, thời biên vào sổ Cặng nghi mà xin giảm, chúc định từng việc cho thỏa đáng mà đệ về; đến khi tòa Pháp tư xét bàn dâng lên và đình thần phụng chỉ xét lại, hể tình tội nên giảm hoặc nên quyết, mà nguyên án nghĩ chưa hiệp, thời cứ trích từng khoản tâu lên. (Như tình tội thiết nên thương nên giảm, mà nguyên án nghĩ lưu giam, thời tâu xin xử trị, không được theo nguyên án làm cầu thả cho rồi việc, cũng không kỳ đã phát thẩm mấy lần hay chưa, phải cứ trích từng khoản tâu lên). Còn bao nhiêu tội nên lưu giam thời làm riêng ra một sổ, tâu lên chờ chỉ. Đến như các phạm tội chưa nên quyết (như bệnh điên giết người, nên giam cấm lâu, và nguyên án định tội trăm giảm mà tạm tha về nuôi cha mẹ, với lại can bồi chưa thanh thời do các địa phương và tòa Pháp tư làm riêng ra một sổ, để đăng án đình thẩm cho bớt phiền, đợi sau sẽ hay. (Các phạm bệnh điên, khi nào khỏi thời tha ngay; các phạm tạm tha về nuôi cha mẹ, xong rồi thời giải tới quan giam lại) Ngài y theo.

Tháng 3, tỉnh Sơn Tây có mưa đá to như nắm tay, như cái đầu, sấm gió nổi lên, dân gian tổn hại nhiều.

Tháng 4, có 1 chiếc tàu hỏa nước Xích Mao chạy vào cửa biển Hải Dương. Khi ấy Thượng Chánh làm rồi, tàu các nước đến buôn, y trong lời ước kiểm hàng hóa mà đánh thuế.

Mới định lệ "thuế đình điền bốn ban lưu dân" (Tân Mỹ, Tân Hỷ, Tân An, Tân Bình ở Quảng Yên).

Tháng 5, tỉnh Cao Bằng mưa xuống như hột gạo đen.

Tháng 6, Pháp Soai sai chiếc tàu hỏa hiệu Bô lim đi tuần trấp giặc biển.

Khiến các tỉnh Bắc Kỳ thân sức các cửa Ải, cửa Biển xét hỏi những người buôn nước Tàu, không có văn bằng thời bắt giải ngay.

Đưa một bộ luật cho quan Khâm sứ Hoắc Đạo Sinh. Ông ấy có nói bộ luật nước ta tinh tường và đích đáng lắm, muốn mua mà học, nên Ngài truyền đưa cho một bộ.

Tháng 7, bộ Ngự chế việt sử tổng vịnh làm rồi, ban cấp cho trong ngoài.

Tháng 8, khiến Lãnh sự ở Gia Định là Nguyễn Thành Ý đem các đồ thổ nghi qua nước Pháp đấu xảo (trường đấu xảo tại thành Pha Lê); nhưng chờ đến tháng 10 đi với Sứ bộ qua tặng hào một lần cho luôn.

Tháng 9, Pháp soái ở Gia Định là Du Bi về Tây, ông La Phong tới thay.

¹ Mưu sát: lập mưu giết người. - Cố phạm: cố tâm giết người. - Cố phạm: cố ý phạm phép luật.

² Hộ: cây thế làm hại người. - Chung: phạm tội nhiều lần.

³ Vũ văn: sính nghề văn án.

Ngài nghĩ quan Khâm sứ Hoắc Đạo Sinh biết ham học, khiến đưa bộ Ngự chế viết sử tổng vịnh qua tòa Sứ.

Tháng 10, cho Nguyễn Tăng Doãn và Tôn Thất Phan Hoàng Văn Vân sung sứ bộ qua Tây. (Khi trước đình thần cử Trần Hy Tăng làm Chánh sứ, rồi bị đau mắt); cho đem theo đạo sắc dụ Toàn quyền đại thần để phòng khi giao thiệp cho tiện. (Ngài nghĩ năm trước nước Pháp tặng cho tàu, súng, ta chưa có lễ đáp lại, nên nay mới khiến sứ qua).

Tháng 11, thự Tuần phủ Hà Nội Nguyễn Hữu Độ tâu sửa chánh trị trong nước và phòng bị giặc ngoài. Đại lược rằng: "việc nước cũng như việc nhà, trong nhà mà rào đậu bền vững, con em khỏe mạnh, thời nếu trộm cướp ở bên, cũng phải xếp mưu gian. Hiện bây giờ giặc giã luôn năm, của hết sức yếu, mà ý người ta lại muốn trái lời thề, kiếm chuyện sanh hiểm khích, thế ta chưa làm chi được. Vậy xin mở lòng thành thiệt, tỏ lễ công bằng, ngoài thời khoản tiếp cho khéo để yên lòng người ta, trong thời nuôi dân ta và vững bờ cõi ta, để dưỡng cho con em sức mạnh, giữ cho rào đậu vững vàng. Lại xin chia trong nước làm 5 đạo: Thừa Thiên, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Nghĩa, làm đạo Kinh trực; Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa làm một đạo; Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Hà Nội, Ninh Bình làm một đạo; Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hải Dương, Hưng Yên, Nam Định, Quảng Yên làm một đạo; Bình Định trở vào nam làm một đạo; mỗi đạo xin đặt quan Tuyên sát kinh lược truất đại thần, phàm việc thuộc về đạo nào giao cho quan Tuyên sát kinh lược đạo ấy coi xét, những kẻ thân hào thổ trước người nào dùng được thời quan tuyên sát kinh lược tâu xin lục dụng; khiến cho trong ngoài có người ký thác, giữ gìn mà tiếp ứng với nhau". Ngài khen. Nhưng rồi không thấy thi hành.

Tháng 12, khiến tư các tỉnh Nam, Bắc hỏi tìm những sách sót của các đế vương nước ta xưa làm ra. (Vua Nhơn Tôn nhà Trần khi ở chùa làm ra bộ Đại Hương Hải ấn thi tập, vua Anh Tôn làm bộ Thủy văn tùy bút 2 quyển, vua Thánh Tôn nhà Lê làm bộ Văn minh cổ xúy 2 quyển).

Năm Mậu Dần thứ XXXI (1878), tháng giêng, ngày mùng 1, bản ân chiếu Ngũ tuần cả thảy 17 điều ra khắp trong ngoài.

Cấp phát ra Hà Nội những súng, đạn, của Đại Pháp tặng hảo (100 khẩu súng).

Tháng 2, cho Phạm Văn Nghị khai phục Hàn Lâm viện thị giảng, vì Văn Nghị là người có học hạnh tiết nghĩa, làm khuôn phép cho tỉnh Nam.

Tháng 3 đào sông Thông Thương ở tỉnh Hưng Yên. (Theo trong thương ước khoản thứ 10, thuê đào hết mả, trích khâu tiền thuế).

Tỉnh Quảng Trị có Linh mục người nước ta tên là Lê Án can án "mưu tụng giao thoan¹ tỵ chúng hiếp quan", (làng Xuân Hòa kiện, tra ra tên Án thú nhận). Triều đình theo luật "giáo toa" định tội mẫn trượng lưu². Khi ấy các Cổ đạo và dân đạo phạm phép, quan Soái nước Pháp thường đưa thơ xin ta tra hỏi, cứ chiếu theo lời hòa ước và luật lệ mà trị tội).

Mới đánh thuế mỏ than tỉnh Quảng Yên (khách buôn nước Tàu là Ngô Nguyên Thành xin lãnh trưng. Triều đình lại khiến quan tỉnh Thái Nguyên khám các mỏ vàng, bạc, chì, diêm khi trước đã cấp lại, nay có nên mở, thời cho người lãnh trưng, để thâu hết địa lợi).

Tháng 4, mới mở nha Thương chánh và trường học chữ Tây ở Hải Dương.

Bùi Ân Niên đi sứ Tàu về. (Tháng 8 năm Bình Tý qua Nam Quan, tháng 3 năm nay về đến Nam Quan).

Người nước Pháp là Bô Đi, Mã Đô, người nước Y Ta Ly là Lạc Ô, Kha Na Cờ Ly Ô, mấy lần đưa thơ đến. (Bô Đi xin khai trưng mỏ than ở Quảng Yên, Mã Đô xin làm đàn, nấu rượu và làm rượu mạch nha (là rượu bia), nhưng xin cấp tiền công, sau sẽ làm đồ máy dưng nạy; Lạc Ô xin nước ta đặt chức Lãnh sự coi việc nước nó; Ly Ô xin đặt nó làm Thống lãnh sự nước nó). Đều do quan Khâm sứ Đại Pháp

¹ Giao thoan: là thầy kiện; mưu tụng: mưu cho người ta đi kiện.

² Mẫn trượng lưu: tội đánh một 100 trượng và phát lưu 3.000 dặm.

đệ qua quan Thương bạc, quan Thương bạc hỏi quan Khâm, quan Khâm trả lời: "bọn ấy nói không căn cứ vào đâu, không cần phúc thơ làm gì". Rồi bọn ấy lại đưa thơ xin ta phúc cho, ta lại thương qua Khâm, quan Khâm phúc lại bảo ta đừng cho.

Tháng 6, Tổng đốc Hải Dương Phạm Phú Thứ xét con sông chảy qua làng Quang Dực, Đông Lôi (thuộc tỉnh Bình Giang) nhỏ hẹp và quanh co, bắt dân đào để thông đàng vận tải, đào rồi mới tâu. Ngài quở rằng: "Phạm Phú Thứ nghĩ của dân và sức dân là nhỏ mọn hay sao?". Truyền chỉ giáng lưu.

Tháng 7, Tuy Lý quận vương Miên Trinh soạn dâng thơ "Tự Đức thánh đức" và bài tựa để chúc khánh tiết. Ngài ban khen.

Tháng 8, Sứ bộ qua Tây về. Gặp tiết Đại Khánh, Ngài ngự điện Cần Chánh làm lễ Khánh hạ, ban 34 điều ân chiếu ra khắp trong ngoài.

Tháng 9, bọn tướng nước Tàu là Lý Dương Tài (nó nguyên là Hiệp trấn châu Tầm, khi trước sai người qua Hà Nội, Sơn Tây hỏi việc mật mà không có văn bằng, ta đưa thơ qua quan Đốc phủ Quảng Đông và Quảng Tây tra hỏi, vậy nên nó phải cách chức) đánh cướp thành Lạng Sơn, quan quân ta đánh đuổi được.

Tháng 10, cho thông lục các điều khoản nghị định học chữ và tiếng nói các ngoại quốc (từ đệ nhà quan chừng 20 tuổi, hễ qua Hương Cảng và Tây đi học, thời chiếu theo lệ cấp tiền lộ phí, hạn cho 5 năm thời về; Triều đình sẽ xét như học được chữ, tiếng một nước, hay là học được một nghề như: đóng tàu, đúc súng, chế đồ binh khí, khai mỏ, tập quân, thời chiếu lệ Tú tài hạch đậu bổ cửu phẩm; học được chữ và tiếng 2 nước hay là học được 2 nghề, thời chiếu lệ "cử nhưn không phân số" mà bổ; học được chữ và tiếng 3 nước hay là học được 3 nghề, thời chiếu lệ "Cử nhưn có phân số" mà bổ; đều cho ra làm quan ngay).

Tháng 11, cho Nguyễn Hiệp làm Chánh sứ qua Xiêm. (Vì mới rồi đây tỉnh Nghệ An có sai Cao Bình Tâm qua Trấn Ninh, bị binh Xiêm bắt lầm, Xiêm khoản đãi đưa về, đến đây lại đưa thơ xin hòa hảo như cũ, nên ta khiến Sứ qua).

Tháng 12, mới đánh thuế mỏ sắt Bàn Giăng thuộc về huyện Lập Trạch tỉnh Sơn Tây (đồng niên nạp 300 cân sắt).

Ngài hỏi Nguyễn Tấn Doãn, Nguyễn Thành Ý việc qua Tây thế nào, hai ông ấy đem đầu đuôi phúc tâu lên.

Cấp tiền gạo cho người Bút Tu Kê bị phong nạn. (Bút Tu Kê là nước Bồ Đào Nha, tiếp giáp với nước Y Pha Nho).

Quan Đê đốc tỉnh Quảng Tây Phùng Tử Tài đem 26 đình quân qua cửa ải hội đánh giặc Lý Dương Tài.

Năm Kỷ Mão thứ XXXII (1879), tháng giêng, nhưn năm ấy gặp tiết Hoàng thái hậu thất tuần đại khánh, ban xuân thu ân chiếu 14 điều.

Khiến nguyên Khâm phái qua Tây đẩu xảo là Nguyễn Thành Ý đem đồ đệ qua học trường Cơ khí ở cửa Thu Long nước Pháp.

Tháng 2, cho ngài Hoàng tử thứ 2 ra ở nhà Chánh Mông (Làm ở mé tả nhà Duyệt Thị).

Ngày Bính Thân, Hoàng Tôn Sanh. (Tức là đức Thành Thái).

Tháng 3 nhuận, Ngài nghĩ năm nay gặp thánh nhuận, lúa cấy sớm tổn nhiều, sắc xuống Khâm thiên giám phải dự tính lịch năm sau, như nhuận về tháng nào, thời trong tháng 6, tháng 7 năm nay phải xét trước tâu lên, rồi chuẩn cho thông lục khắp trong ngoài, để biết thời hậu mà làm ăn. Ngài lại nghĩ các sách Tây như: sách Bác vật tân biên nói thiên văn địa khí có quan hệ với phép làm lịch; cùng các sách Vạn quốc công pháp, Hàng hải kim châm, Khai môi yếu pháp đều là học thiết thời vụ, khiến quan tỉnh Hải Dương in cho nhiều mà bán, để quan, lại và học trò học tập cho biết mà dùng. (Đến năm thứ 34, tháng 7 nhuận, lại khiến tỉnh Hải Dương khắc in bốn bộ sách ấy ban cấp cho các trường học trong ngoài).

Tháng 4, lại nghiêm cấm gạo Bắc Kỳ không cho chở xuất cảng.

Tháng 5, Nguyễn Hiệp đi sứ Xiêm về, Ngài hỏi tình thế nước Xiêm, Hiệp tâu: "chúng tôi hỏi thăm nước ấy khi trước có người nước Bút Tu Kê ở đó buôn bán, thời tình thế phương Tây cũng đã hơi biết; đến khi người nước Anh đến cầu thông thương, nước ấy hòa với nước Anh, nên Anh không gây oán được; vì thế đã không mất đất, mà lại được giảng hòa với chín nước (Pháp, Y, Phổ, Ý, Tây Ba Nha, Hà Lan, Bút, và Anh). Chúc Lãnh sự thời cho Anh làm đầu, qua lại giao tiếp, không trở ngại gì cả, mà nước Xiêm vẫn giữ quyền, người ngoài không hiệp chế được." Ngài truyền rằng: "bọn Nguyễn Hiệp đi sứ chuyển này khó nhọc". Cho tùy bực ban thưởng.

Tháng 6, quan Pháp soái ở Gia Định là La Phong về nước, Lư My Đa đến thay; quan Khâm ở Kinh là Hoắc Đạo Sinh về nước, Lê Na đến thay.

Khi trước đình thần trừ nghĩ việc xử trí giặc Tàu: hoặc xin trích giao quan Tàu xét nghĩ, hoặc xin giao các tỉnh ngoài biên nghiêm nghĩ, cả thầy 5 khoản: 1. Rõ bày phép quan cấm; 2. Xử trí bọn lưu đồng; 3. Lượng để quân lại đóng giữ; 4. Chiêu dụ bọn giặc đầu thú trở về; 5. Ngăn rào từng đám, để dân đồng ở đoàn kết với nhau. Ngài khiến giao cho Tổng đốc Hoàng Tá Viêm duyệt lại, Tá Viêm xin theo như lời đình thần bàn; Ngài mới truyền làm thơ đưa qua tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và quan Đề đốc Phùng, xin xét từng khoản mà làm.

Khiến các địa phương xét mộ người nào ứng học tập chữ và kỹ nghệ nước Pháp thời kê tên tâu lên.

Tháng 7, cho làng Bồ Đề tỉnh Quảng Nghĩa quyền mượn 350 quan tiền kẽm để chế xe nước làm ruộng.

Sách Thiệt lục chánh biên triều Hiến Tổ Chương Hoàng để làm rồi.

Tháng 8, khiến các địa phương khuyến dân khẩn ruộng.

Tháng 9, sứ nước Ý là Đôn Man Cô Ra Đô Nê đến Kinh. Ngài cho Thượng thư Đổ Đệ và Tham tri Hoàng Diệu sung làm Chánh, Phó Toàn quyền đại thần, hội bàn thương ước.

Cấp tự điền để thờ quan Trung quân Nguyễn Văn Thành và Tả quân Lê Văn Duyệt.

Quan quân ta cùng quân Tàu bắt sống được tướng giặc Lý Dương Tài ở sau núi Giả Nham (Thái Nguyên) giải về Tàu.

Tháng 10, tha giảm thuế ruộng mùa thu bị tai cho các địa phương.

Tháng 11, cấm tiêu hiệu tiền ngụy của khách buôn nước Tàu.

Tháng 12, nước ta cùng nước Y Pha Nho định thương ước rồi (12 khoản).

Năm Canh Thìn thứ XXXIII (1880), tháng giêng, ngày mùng 1, quan Khâm sứ Lê Na vào làm lễ mừng.

Mới đặt cho Lạng Giang và đạo Đoan Hùng; cho Hoàng Tá Viêm kiêm làm Tịnh Biên sứ hai đạo ấy. (Trương Quang Đản làm Tịnh Biên phó sứ đạo Đoan Hùng).

Tháng 2, Tổng đốc Quảng Đông, Quảng Tây đưa thơ nói việc thám bắt những giặc còn sót. Ngài khiến đình thần phúc thơ lại cho khéo.

Quan Khâm sứ xin lập sở Điện báo tại Bắc Kỳ. (Từ Hà Nội qua Hải Dương và Ninh Hải thẳng đến Đồ Sơn). Ngài khiến Viên ngoại bộ Công Lê Văn Xuân quan hội đồng với phái viên các tỉnh khám mà làm.

Tháng 5, quan Soái Pháp ở Gia Định là Lư My về nước, Lê My đến thay.

Tháng 6, khiến Sứ qua cống Tàu. (Cho Nguyễn Thiện Thuật, Trần Khánh Tiến, Nguyễn Hoang sung Sứ bộ).

Sứ nước Y lại đến, cùng nước ta hai bên giao tờ thương ước.

Tháng 9, Tổng đốc Sơn Tây Võ Trọng Bình vào chầu, Ngài hỏi: "Khanh trị dân thế nào mà dân yêu?- Tâu rằng: tôi chỉ cấm ngăn thuộc lại, nghiêm trấp trộm cướp và sức phủ huyện phạm tạt tụng không được giam lâu; mỗi năm đến kỳ thuế, cũng phải đi đi đến đến nơi mà coi ngó; tôi chỉ làm những việc tôi biết đó mà thôi".

Tháng 10 ở tổng Canh Nông tỉnh Hưng Yên, lúa đã cắt rồi lại mọc lên, ước chừng năm sáu mẫu, tốt lạ lắm. Tuần phủ Nguyễn Văn Thận đem việc lúa ngoài đồng sanh lại tâu lên. Đến khi lúa chín, Tú tài Nguyễn Hữu Đôn đem dâng, Ngài ban thưởng tiền bạc.

Mới đặt đạo Mỹ Đức, bãi 2 nha Sơn Phòng ở Hà Nội, Sơn Tây.

Chức Quảng đới đạo Tuyên Quang là Hoàng Thủ Trung đánh phá đồn giặc ở Đông Viên.

Tháng 11, khiến quan quân thứ Thái Nguyên vẽ đồ xứ Ba Để dâng Ngài xem.

Truy thọ cho Thị giảng Nguyễn Mậu Kiến hàm Bồi chánh sử. Vì khi trước Kiến có xin quyên hơn 200 mẫu ruộng tư để làm lương điền nuôi lính, việc chưa rồi mà mất, người con cứ số ruộng ấy đem cho các làng. Quan tỉnh Nam Định tâu lên, Ngài khen có lòng hiếu nghĩa, nên truy thọ để khuyến khích người khác.

Năm Tân Tỵ thứ XXXIV (1881), tháng giêng, khiến bộ Hộ trừ nghĩ lấy các mỏ vàng, bạc, đồng trong nước.

Tháng 2, quan Khâm sai nước Pháp Lư Kỳ Lô đến Hải Dương thương thuyết việc buôn.

Hàn Lâm viện tu soạn Phan Liêm mật tâu các việc như là: mở trường cuộc học vốn đi buôn, mở các mỏ, học tập tiếng nói và kỹ nghệ cơ xảo ngoại quốc. Ngài khiến Cơ mật duyệt lại. Rồi Cơ tâu: "khoản khai thương không tiện, còn các khoản kia xin tư các tỉnh hiểu xét, có ai xin đi mở mỏ và đi học thời tâu về sẽ nghĩ". Ngài ban rằng: "kẻ lão thành lo việc nhà nước, chẳng việc gì là chẳng xét kỹ, nhưng nên làm thế nào cho nàgy càng tấn tới, nếu không tới thời tấp phải lui".

Tháng 3, quan Đại Pháp là Cư Cờ Rút đến cửa biển Bình Định kiểm xét thuế lệ.

Người coi thuộc Chiêu Thương là Đàng Đình Canh đến Kinh xin lãnh việc vận chở, Ngài khiến đi yển ở bộ Lễ và ban cho vật hạng.

Nguyên Hiệp đốc Tôn Thất Thuyết (năm Tự Đức 32 xin về Thanh Hóa dưỡng bệnh) từ Thanh Hóa, về, xin vào chiêm bái. Ngài nghĩ Thuyết còn thác cố tránh việc, chưa chịu biết lỗi. Không cho vào chầu. Thuyết sợ, liền tâu xin chịu tội. Ngài ban rằng: "tánh mầy kiên cẳng mà lượng mầy nhỏ, nên cố công học vấn hàm dưỡng, mới thành người khác được".

Khiến Thị lang bộ Lễ Phạm Bính qua Hương Cảng bán tàu hiệu Lợi Tài, hiệu Thuận Tiếp, mà đặt làm tàu hỏa hạng trung, đem 12 tên học trò nhỏ giao cho người Tàu ngụ ở Hương Cảng là Thạch Thanh Tuyên dẫn tới học trường nước Anh.

Khiến Tu soạn Phan Liêm qua Quảng Yên hội khám mỏ than.

Tháng 6, tạm tha cấm thuyền buồm mua gạo (từ tháng 7 nhuận đến tháng 8 hết hạn) ở các tỉnh: Nam Định, Hải Dương, Ninh Bình, Hà Nội; sau vì sứ nước Pháp thương thuyết lại, thì cấm thêm một tháng nữa.

Tháng 7, nước Y Pha Nho đưa thư cho quan Thương bạc nước ta. (Trong thư nói việc bồi bạc và điều ước việc buôn mới định đó) vua nước ấy còn chờ bộ Bách tánh cộng đồng nghị định lại, rồi sẽ trả lời).

Khâm sứ Lê Na đến cửa Thuận. (Ông Sâm Bô đổi làm Lãnh sự Ninh Hải). Khi đến sứ quán rồi, có dâng tờ chúc, Ngài khiến quan ban trú đáp tạ lại.

Tháng 7 nhuận, quan Thủy sư Tổng thống Pháp là Đa Phù Cô đến Hải Phòng, Hải Dương làm việc quan; rồi qua Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Sơn Tây, Hưng Hóa, Mỹ Đức đi du thám, lại khiến quan Thương tá Ô Một qua Lạng Sơn.

Khiến các quan chánh khanh thường khi qua lại thăm viếng quan sứ Đại Pháp (mỗi tháng một lần, hoặc hai tháng một lần).

Tháng 8, bàn định việc chiêu thương và thu tải đồ hàng hóa. Vì năm sau quan Tàu là Đàng Đình Canh lãnh việc vận chở, nên Ngài khiến các quan bộ định trước.

Tháng 9, xét hạch các người được dự cử có văn học là Võ Như, Nguyễn Hoàn Hoàn, Đỗ Huy Liêu để siêu thăng bổ dụng.

Tháng 10, Phái viên đi khám mỏ Quảng Yên là Phan Liêm đem phép thí nghiệm than mỏ trình viện Cơ mật, (nói than mỏ có 2 thứ: một thứ than cứng, một thứ than mềm; lại nói than khô nên dùng dầu thông và dầu hoặc ngà luyện thành miếng mà dùng). Quan Cơ mật tâu xin chờ lấy được sẽ giao cho tàu hỏa y phép thí nghiệm.

Khiến Tả thị lang bộ Lễ Trần Thúc Nhẫn vào Gia Định. Khi ấy thơ nước Pháp nói quân Lưu Vĩnh Phúc trở việc buôn, nên Ngài khiến Thúc Nhẫn vào cũi lễ.

Nước Pháp phái người quan xem các mỏ ở Quảng Nam và Bắc Kỳ.

Tháng 11, khiến Thống đốc Tam Tuyên là Hoàng Tá Viêm xử trí việc Lưu Vĩnh Phúc; là vì sứ Pháp nói trở việc buôn.

Khiến Thượng thư bộ Hình Phạm Thận Duật kiểm lại bộ Việt sử cương mục. (Đến tháng 5 năm thứ 35 kiểm xong, xin giao tỉnh Hải Dương khắc bản in phát).

Tháng 12, nước Y dâng tặng khánh vàng hạng nhất, lại gởi tặng khánh vàng cho các quan đại thần là Trần Tiễn Thành, Nguyễn Văn Tường, Phạm Phú Thứ, Hoàng Diệu.

Khoa đạo Lê Đình từ Hương Cảng về. (Khi trước cùng với Phạm Bính qua Hương Cảng) Ngài hỏi: "có nghe thấy gì và người ta có nói đến việc gì ở nước ta không?. Đình tâu: các nước bên Thái tây giàu mạnh chẳng qua nhờ việc buôn và việc binh mà thôi; dùng binh để giữ nghề buôn, dùng nghề buôn để nuôi binh, nên chính đốn việc thông thương là cần thấp hơn. Gần đây nước Nhật Bản bắt chước Thái Tây, thông thương khắp các nước, nước Tàu cũng làm theo cách ấy, lần lần cường thịnh được, hoặc có kẻ nói sản vật nước ta vẫn nhiều. (Như vàng, bạc, than mỏ), người thông minh cũng đông, nếu hay gắng sức mà làm, thời việc giàu mạnh cũng chẳng khó gì, chỉ vì văn thơ phiền quá và việc làm hay câu nệ lắm thôi".

Khi trước Tổng đốc Quảng Đông, Quảng Tây là Trương Thụy Thanh tư tở nói ủy Đàng Đình Canh đốc đồng với tỉnh thuộc là bọn Mã Phúc Bý qua xét đàng sông và tính việc vận chở. Đến đây Đàng Đình Canh tới Kinh, Ngài khiến quan Thương Bạc là Trần Thúc Nhẫn khoản tiếp. Đàng Đình Canh nói: "quan Khâm sai nước Tàu tới trú ở nước Anh tên là Tăng Ký Trạch có báo rằng: Lãnh sự Pháp là Thoát Lăng đã xin một hai ngàn quân đánh lấy đất Đông Kinh nước Nam, Nghị viện đã y rồi; nay mai sẽ đem binh Pháp qua và các đạo binh ở Tây Cống đến một lần, đánh tiếng nói đuổi Lưu Vĩnh Phúc chẳng qua thác từ đó thôi; nước Nam nên chóng bàn mưu mà giữ nước".

Năm Nhâm Ngọ thứ XXXV (1882), tháng giêng, tàu nước Pháp đến cửa Lục tỉnh Quảng Yên tìm lấy mỏ than ở Hà Lâm.

Khiến Lang trung bộ Binh là Nguyễn Lịch đi từ Quảng Nam trở vào, vẽ hình thế núi sông và đàng sá các tỉnh, hạn 6 tháng thời về; nhưng khi về lại phải vẽ đồ phủ Thừa Thiên từ núi đến biển và tiếp giáp Quảng Trị, Quảng Nam rồi đều biên rõ ràng.

Tàu Pháp đến Bình Định, Phú Yên thám đo cửa biển và vẽ đồ.

Tháng 2, nước Xiêm đưa thơ và dâng đồ thổ sản. (Thuê thuyền chở vàng, bạc, vải, dầu, chiểu, đến nước ta đáp lễ).

Tàu hỏa nước Xích Mao đến cửa Cù Mông (Phú Yên) xét đo vẽ đồ.

Quan Soái nước Pháp sai tàu binh qua Bắc Kỳ đánh tiếng đuổi bọn Lưu Vĩnh Phúc bảo hộ việc buôn. Ngài khiến Tả thị lang bộ Hộ là Nguyễn Thành ý vào Gia Định đem nguyên ủy phải trái về việc Lưu Vĩnh Phúc và lợi hại ở Bắc Kỳ bàn nói với quan Soái Pháp.

Ba chiếc tàu hỏa của Pháp đậu ở núi Nẹ (về biển Ninh Bình).

Tháng 3, khiến quan tỉnh Ninh Bình đưa thơ trách quan Pháp bội ước, còn ở Kinh thời cũng khiến quan Thương Bạc đem việc hiện tại trách quan Khâm sứ.

Binh Pháp hãm thành Hà Nội, Tổng đốc Hoàng Diệu tử tiết. (Khi ấy binh Pháp xông bấn, Hoàng Diệu chia binh cự chiến đã lâu, quân ta cùng quân Pháp đều có bị thương và chết, rồi cháy kho thuốc súng, quân loạn, thành hãm. Hoàng Diệu đến thắt cổ dưới gốc cây trước miếu quan Thánh). Rồi quan Pháp rước quan Aùn sát tỉnh ấy là Tôn Thất Bá về. (Bá chạy qua làng Nhân Mục mà giao thành tỉnh lại, Bá vào thành cùng Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng cố sức thương thuyết quyền nhận tỉnh thành. (Hữu Xứng chạy vào thành cũng bị quân Pháp bắt giữ lại). Khi ấy binh Pháp cư trú ở hành cung. Ngài nghĩ Hà Nội đã sanh sự, khiến Nguyễn Chánh lập tức về đạo Mỹ Đức hoặc phủ Nho Quan chọn nơi trú, cùng Hoàng Tá Viêm kiểm coi việc phòng tiễu.

Ngài nghĩ địa đầu tỉnh Bình Thuận là nơi quan yếu, mới khiến quan tỉnh phòng ngự cho cẩn mật.

Khiến quan nguyên Tổng đốc Hà Ninh về hưu trí là Trần Đình Túc sung Khâm sai đại thần đi tàu hỏa Đại Pháp ra Hà Nội, Tịnh Biên phó sứ Nguyễn Hữu Độ làm phó Khâm sai, hội đồng thương thuyết nhận lại tỉnh thành. (Khi ấy Lê Na đưa thơ cho Thương bạc nói: nước Pháp vốn muốn mau xong hòa hảo, xin khiến Tổng đốc mới đi tàu hỏa ra mau mà nhận tỉnh thành).

Khi bấy giờ Pháp phái tuy đã trả thành Hà Nội, mà quân vẫn còn đóng giữ; Thống đốc Hoàng Tá Viêm, Kinh lược Nguyễn Chánh, Bùi Ân Niên dâng sớ xin đánh, Ngài không cho.

Đòi Ông Ích Khiêm đến Kinh. (Khi ấy Ông Ích Khiêm đang cáo bệnh ở nhà, đòi đến Kinh khởi phục hàm Hường lộ tự khanh làm Tá lý bộ Hộ).

Truyền dụ quan tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, hiểu dụ bình dân và giáo dân khiến đều an phận.

Khâm sứ Lê Na đưa thơ nói việc phòng bị cửa Thuận An, quan Cơ mật và Thương bạc là Trần Tiễn Thành tâu rằng: "làm rõ hình tích ra, e chỉ thêm điều người ta ngờ; vậy xin thôi việc đắp lũy, mà luyện tập quân ta, khiến cho người ngoài không lường được". Ngài nghe theo.

Tháng 4, Nguyễn Thuật đi sứ Tàu về.

Truyền tứ tế cho quan Tổng đốc Hà Ninh tử tiết là Hoàng Diệu và cấp 1.000 quan tiền.

Khi ấy quan Đại Pháp thường nói: "phải đuổi Lưu Vĩnh Phúc để thông đàng buôn bán, mới chịu triệt binh". Ngài khiến Hoàng Tá Viêm tuân lời dụ về đồn Thuộc Luyện, Lưu Vĩnh Phúc đem hết quân về tỉnh Thái, để tính việc giặc Khách hiểu sức đồn Bảo Thắng dời đi nơi khác.

Tháng 5, Ngài khiến giải quan tỉnh Hà Nội về Kinh hầu án. (Cho Hoàng Diệu được liệt tế nhà thờ Trung Nghĩa; còn Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng, Aùn sát Tôn Thất Bá đều bị cách chức hiệu lực, Bồ chánh Phan Văn Tuyển cách về làm dân).

Tháng 6, khiến Cử phẩm Y sanh Nguyễn Văn Tâm qua Hương Cảng học phép trồng đậu ở viện Y Đông Ba.

Mới đặt nha Sơn Phòng tỉnh Hà Tĩnh. (Thuộc địa phận huyện Hương Sơn và Hương Khê, ở khoảng giữa đồn Quy Hợp và đồn Hà Tân).

Bản thảo bộ "Đại Nam nhất thống chí" làm rồi. Ngài nghĩ bản ấy làm từ năm Tự Đức thứ 18 về trước, còn tứ đó về sau, các địa phương xếp đặt thay đổi mới và trung thần nghĩa sĩ cũng còn nhiều, chưa kịp biên nối vào, rồi khiến chép thêm từ năm Tự Đức 34 trở về trước.

Nước Pháp xin lập đồn ở sông Bạch Hạc, Ngài không cho.

Tháng 7, biển Bình Thuận có tiếng kêu như sấm lớn, (tiếng vang suốt ra Bắc Kỳ).

Khi bấy giờ nước Tàu nghe tỉnh Hà Nội có việc, Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam đều đem đại binh đóng giữ các nơi dọc biển Tàu; quan Vân Nam Tạ Kính Bưu đem dinh quân qua đến Quán Ty (về huyện Trấn An tỉnh Hưng Hóa), quan Pháp nghe binh Tàu đóng nhiều, cũng đem thêm tàu binh tới đậu tại Sơn Tây, Hưng Hóa và Bạch Hạc. Hoàng Tá Viêm lại gấp đòi Lưu Vĩnh Phúc về đồn Thuộc Luyện.

Tháng 8, ngày Quý Hợi sao sa có tiếng như sấm.

Sao cờ (sao phướn) mọc ở phương đông. (Nửa canh năm mọc ở phạm dã sao Dực, sao Chấn, từ dưới mà lên, dưới sắc đỏ trên sắc trắng, dài như tấm lụa, hơn một tháng mới vãn lần, đi đến sao Thiên Lang thời lặn).

Cho ông Hoàng tử thứ ba ở nhà Dưỡng Thiện.

Bộ sách "Minh mạng chánh yếu" thảo lại rồi. Trong sách ấy cả thảy 20 mục: 1. Kính trời; 2. Bắc chức tổ tiên; 3. Hậu đãi kẻ thù; 4. Thề tất các quan; 5. Cầu người hiền tài; 6. Đặt chức quan; 7. Chăm việc chánh; 8. Thương dân; 9. Trọng việc làm ruộng; 10. Chuộng điều kiện ước; 11. Lễ, nhạc, giáo hóa; 12. Chính đốn việc binh; 13. Cần việc hình; 14. Chăm tài chính; 15. Định pháp độ; 16. Chuộng việc văn; 17. Sửa việc võ; 18. Rộng phép cho người ta can nói; 19. Giữ vững bờ cõi; 20. Võ yếu chốn biên thù và khoan đãi người nước xa.

Tháng 10, cho quyền Tổng đốc Hà Ninh Trần Đình Túc lại được về nhà hưu trí như trước; Tịnh Biên phó sứ Nguyễn Hữu Đồ đổi qua Hộ lý tổng đốc Hà Ninh.

Tu chính miếu các đế vương đời trước ở tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Bắc Kỳ.

Tướng giặc Đàm Chí Thành (tức là Đàm Tứ Tỷ) tới đầu thú tại dinh quan Tàu là Tạ Hữu Công.

Tháng 11, khiến quan tỉnh Lạng Sơn gửi qua Hương Cảng mua 200 khẩu súng tây, 2 rương thuốc đạn dùng để dùng việc quân.

Năm Quý Vị thứ XXXVI (1883), tháng giêng, quan Pháp soái ở Gia Định là Lê Mi về Tây, Tầm Xung đến thay.

Phong ông Hoàng Trưởng tử làm Thụy Quốc Công, ông Hoàng tử thứ hai làm Kiên Giang quận công.

Tháng 2, thuyền binh nước Pháp đánh hãm thành Nam Định (Đề đốc Lê Văn Diển, Án sát Hồ Bá Ôn) ra ngoài thành đánh với quân Pháp từ giờ mao đến giờ ngọ; còn Kinh lược Nguyễn Chánh đóng quân ở làng Đặng Xà (về huyện Mỹ Lộc không dám cứu viện; Điểm chết trận, Ôn bị thương, thành liền hãm).

Quân Khâm sứ Lê Na hạ cờ Khâm sứ về nước.

Hai chiếc tàu hỏa nước Pháp tới đậu ở cửa Lục tỉnh Quảng Yên, quân Pháp lên núi lập đồn dựng cờ.

Tổng đốc Bắc Ninh Trương Quang Đản, Phó kinh lược Bùi Ân Niên đánh quân Pháp ở Gia Lâm, tàu binh Đại Pháp chạy về đồn Thủy Hà Nội.

Tháng 3, đặt thêm súng lớn ở cửa đông bắc kinh thành và hai đồn trước và sau bãi Lộ Châu.

Giáng Nguyễn Chánh làm Quang lộc tự khanh, còn Võ Trọng Bình, Đồng Sĩ Vịnh thời cách chức hiệu lực; truy tặng Đề đốc Lê Điểm hàm Thống chế và cho dự thờ trong miếu Trung Nghĩa, cấp cho Bá Ôn 30 lượng bạc để uống thuốc. Ngại lại nghĩ tuy chưa lấy lại được thành tỉnh, nhưng các quan coi việc không nên để khuyết, cho Tuần phủ Hà Tĩnh là Tôn Thát Trường làm Hộ lý Định An Tổng đốc, còn Bồ chánh, Aùn sát, Lãnh binh thời cũng lựa đặt cho đủ chức quan, khiến lập tức tới Nam Định lựa nơi mà ở, để làm việc quan.

Bồ chánh Quảng Tây nước Tàu là Từ Diên Húc đem quân đóng giữ tại cửa Aùi.

Tháng 4, quan Đại Pháp coi thủy là Vi Ê (lại một tên là Lý Bà Lợi) khiến người bán gạo hiện trữ ở cuộc Chiêu thương tỉnh Hải Dương và thu các thuế nha phiến thuế gạo xuất cảng, nhập cảng.

Quan quân ở quân thứ Sơn Tây đánh quân Pháp tại Cầu Giầy, quân Lưu Vĩnh Phúc đi tiên phong; quan năm là Vi ê bị chết trận.

Tháng 5, quan Pháp sai người về Gia Định đem thêm tàu binh ra Bắc Kỳ.

Tháng 6, Khâm phái Gia Định là Nguyễn Thành Ý về Kinh. (Quan Pháp Soái sai người bảo Thành Ý rằng: "Mấy lâu ông làm việc ở đây, không bớt được sự biến gì cả; nếu để ông ở lại, sợ hại việc trong 6 tỉnh này, xin ông về ngay". Ngài cho Thành Ý cải thụ Binh bộ hữu tham tri).

Ngài se, dự làm tờ Di chiếu lập ông Hoàng trưởng tử nối ngôi.

Ngày 16, giờ thìn, Ngài băng tại chánh điện Cần Thành.

Đọc tờ Di chiếu tại điện Cần Chánh, Tự quân Hoàng trưởng tử khóc lậy thọ mạng, rồi vào điện Hoàng Phúc cư tang.

QUỐC TRIỀU CHÍNH BIÊN TOÁT YẾU

Quyển thứ VI

Phế Đế

Niên hiệu Hiệp Hòa.

Tên húy Ngài là Hường Dật, con thứ 29 đức Hiến tổ (Thiệu Trị), bà Thụy Tân họ Trương sanh Ngài trong tháng 9 năm thứ 7 triều Thiệu Trị (1847). Ngài trước được phong tước Lãng quốc công, nhưn khi tự quân là ông Dục Đức bị bỏ, đình thần lập Ngài làm vua, đặt niên hiệu Hiệp Hòa. Được ít lâu, cũng bị thí. Đến năm thứ 2 triều Đồng Khánh (1887), có chỉ cho được phép đời xưa biên là Phế Đế.

Năm Quý Vị hiệu Tự Đức thứ XXXVI (1883), tháng 6, ngày Mậu Thìn, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết phế Ngài Dục Đức mà lập Ngài. Khi ấy có quan Ngự sử Phan Đình Phùng can ngăn việc ấy, phải bị Tường và Thuyết bắt giam vào ngục Cẩm Y, rồi cách chức cho về nguyên tịch¹.

Ngày Ất Hợi, làm lễ tấn hôn tại đền Thái Hòa. Khi các quan đương sắp hàng lạy, có một con chim đậu trên ngọn cây trước đền kêu bốn tiếng lớn. Đến khi đọc di chiếu, lại có một đoàn dê đi qua cầu Kim Thủy. Người ta cho là điềm không tốt.

Đời Đề đốc ở quân thứ Bắc Kỳ là Trần Xuân Soạn và Thương tá Thanh Hóa là Trương Văn Đệ về Kinh. Bởi vì khi ấy trong Kinh phòng bị khẩn lắm, chơi nên đòi về. Được ít lâu Trần Xuân Soạn được bổ Kinh thành phó Đề đốc.

Cho Đề đốc Lưu Vĩnh Phúc được phong tước Nghĩa lương nam; vì nhưn lễ tấn tôn, nên ban ơn phong tước.

Tháng 7, cho Tuần phủ Lạng Bình là Lã Xuân Oai làm chức Hậu mạng sứ, Trực học sĩ Toàn tu sử quán là Nguyễn Khuyến làm Phó sứ.

Tàu binh Đại Pháp tới Trà Úc thường đi gần cửa Thuận An. Ngài sai Chưởng vệ Nguyễn Văn Sĩ đem một cây cờ lệnh và một cái bài "dùng việc binh" giao tướng quân Tôn Thất Thuyết được phép tùy tiện làm việc.

Tàu binh Đại Pháp đánh thành Trấn Hải (ở cửa Thuận An), Harmand đưa thơ giảng hòa. Ngài sai Hiệp tá hưu trí là Trần Đình Túc làm Toàn quyền đại thần, Thương thơ bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp làm phó Toàn quyền, qua lâu sứ giảng định hòa ước, khi ấy thương thuyết đến 2,3 lần, mãi đến tháng 5 hiệu Kiến Phước (1884) mới giao tờ hòa ước với nhau.

Quan quân ở quân thứ Sơn Tây hiệp cùng quân Tàu đánh nhau với binh Đại Pháp tại xứ Hương Canh và xứ Phú Diễn đều được thắng trận. Nhưng khi ấy Hải Phòng đã mất rồi, nên nghe báo tiếp cũng không lấy chi làm mừng.

Oâng Sâm Bô (Paiasne de Champeaux) bên Đại Pháp lại qua làm Trú kinh Khâm sứ.

¹ Nguyên tịch nghĩa là danh sắc khi mới xuất thân. Thí dụ: như người Tấn sĩ xuất thân, sau ra làm quan bị tội cách mất chức quan, cho về nguyên tịch Tấn sĩ, Phó bảng, Cử nhưn, Tôn sanh, Ấm sanh xuất thân cũng vậy.

Nguyễn Văn Tường, Tôn Thất Thuyết xin sắc phế Ngại tự quân là Thụy Quốc công xuống Công tử, cho ra ở nhà Giảng Đàng viện Thái Y.

Truy tặng những tướng sĩ tử trận tại các cửa biển, cho chiếu theo hàm tặng mà cấp tiền tuất và khai âm cho con cháu, lại cấp thêm tiền lụa, khiến các tiinh cho tế một lần nữa; sau lại cho mấy người tử tiết ấy đều được dự miếu Trung Nghĩa.

Quân Đại Pháp vào huyện An Dương (Hải Dương) bắt Tri huyện Trần Đôn xuống tàu; Trần Đôn nhảy xuống sông.

Ngày Bính Thìn, mặt trời biển ra sắc xanh. (Buổi mai sắc xanh, rồi đổi ra sắc trắng; người đi không có bóng, suốt ngày không sáng).

Khi ấy các sở Quân thứ Bắc Kỳ chưa lui hết binh. Ngại ban rằng: "nếu Hoàng Tá Viêm làm không khéo, e lại sanh ra một sự khó khăn". Ngại lại truyền dụ: "lập tức triệt binh đồng lui, để tỏ điều tin với Đại Pháp. Còn như toán quân Lưu Vĩnh Phúc và quân Tàu, không phải quyền mình sai khiến được, nên đã giao ước để mặc quân Đại Pháp làm sao thời làm, không can thiệp gì nước mình; nên đem thiệt tình viết thư cho quý Toàn quyền rõ. Như vậy mới hiệp thời thế".

Cho quan Thượng thư bộ Lại là Nguyễn Trọng Hợp làm Khâm sai đại thần, Thượng thư bộ Công là Trần Văn Chuẩn và Tham tri bộ Lại là Hường Phi làm Phó Khâm sai. Tá lý bộ Lễ là Đinh Văn Giản làm Tham tá, ra Bắc Kỳ thương thuyết với quan Toàn quyền Đại Pháp về việc giao nhận tỉnh thành, hiểu trấp chúng dân và triệt bãi binh đồng.

Đại Pháp sai quân bắt các quan tỉnh Hải Dương đem xuống Hải Phòng; Bõ chánh là Võ Túc¹ tức giận mà chết.

Các quan Sơn Phòng tỉnh Nghệ là bọn Lê Doãn Nhã mộ được 90 tên dân mọi, khai khẩn được hơn 2.070 mẫu ruộng đất. Ngại ban thưởng Lê Doãn Nha kỷ lục 2 thứ, Nguyễn Tài Tuyển gia 1 cấp, Hồ Duy Tĩnh thăng 1 trật. Các quan tỉnh cũng được thưởng kỷ lục 2 thứ. Ngại lại truyền cho quan tỉnh và quan Sơn Phòng xét kỹ các hạt trên miền thượng du, tùy chỗ lập đồn, phái lính giản và lính mộ tới đó tùy thế khai khẩn, và hiểu dân Thổ, dân Mọi nhóm thành thôn ấp, biên vào sổ đình, để chúng cày ruộng nạp thuế; cho đặt thành hiệu.

Quan Tuần phủ Quảng Tây (nước Tàu) là Nghê Văn Uỳ phúc thư báo tin có Sứ Tàu qua phong²; Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Hữu Cư đem việc ấy qua lầu Sứ thương cùng quan Đại Pháp biết.

Đòi Đề đốc Nam Định là Tạ Hiện, Đề đốc Hải Dương là Tôn Thất Hòe về Kinh. Tạ Hiện liền theo quân Tàu làm Đề đốc, đi chiêu tập những quân nghĩa đồng, không chịu về.

Quan Tán tương quân thứ Sơn Tây là Nguyễn Thiện Thuật³ lãnh bằng quan Tàu đem quân Tàu về Hải Dương củ tập những quân nghĩa đồng. Khi ấy các xứ khởi nghĩa đều nhờ Nguyễn Thiện Thuật đem lãnh bằng cấp quan Tàu.

Ngày Đinh Sửu, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết thí Ngại Hiệp Hòa và giết đại thần là Trần Tiến Thành. Rước ông Hoàng tử thứ ba vào ở đền Hoàng Phước.

¹ Võ Túc quê ở Nam Định.

² Nguyên khi trước nước mình có báo quốc tang với Tàu.

³ Nguyễn Thiện Thuật quê ở Hải Dương.

Giản Tôn Nghị Hoàng Đế

Niên Hiệu Kiến Phước

Tên húy : Trên chữ, dưới chữ.

Tên chữ 1. Bên tả chữ, bên hữu chữ.

2. Bên tả chữ, bên hữu chữ

Hai tên chữ đều có chữ đứng trên làm chữ lót.

Ngài là Hoàng tử thứ 3 đức Dục Tôn, nguyên Ngài là con thứ 3 ngài Hoàng thúc phụ Thuần Nghị Thái Vương, phủ thiếp là Bùi Thị Thanh sanh ngày trong năm Kỷ Tỵ (1869). Năm thứ 23 triều Tự Đức, tháng giêng, đức Dục Tôn truyền đem vào cung nuôi làm Hoàng thiếp tử. Khi ấy ngài mới 2 tuổi, bà Học phi Nguyễn Văn Thị phụng mạng nuôi Ngài. Đến năm Tự Đức thứ 35, Ngài ra đọc sách tại Giảng đường bên tả nhà Duyệt Thị; Giảng đường ấy đức Dục Tôn mạng danh là Dưỡng Thiện đường. Năm thứ 36 hiệu Tự Đức (1883), tháng 10, Lăng Quốc công bị phế, Ngài đương ở Khiêm cung, các quan rước về tôn làm vua. Ngài trị vì 1 năm; Lăng Ngài là Bồi Lăng.

Năm Quý Vị (1883), tháng 11, mùng 3 là ngày Canh Thìn, Ngài lên ngôi Hoàng đế tại đền Thái Hoà, đặt niên hiệu là Kiến Phước, kể từ sang năm Giáp Thân làm đầu; ban ân chiếu cả thảy 26 điều.

Truyền chỉ các quan Cơ mật và Thương bạc qua thương với quan Khâm Sứ Đại Pháp là ông Sâm Bô về việc thông đường vận tải các cửa biển. (Bởi vì năm ấy cửa Thuận An bị quân Đại Pháp cấm giữ không cho các nơi tàu buôn vào ga, còn ở cửa Hàn thời thâu cả bộ máy tàu đồng và các hiệu súng).

Truyền chỉ ra ân tha tội hay giảm tội các quan bị thất thủ tỉnh Hà Nội, Nam Định, Hải Dương và thua tại cửa Thuận An, cửa Hải Phòng. (Bởi vì Triều đình nghĩ rằng: Khi ấy nên đánh hay nên hoà chưa có nhứt định, và vạ sự biến thành linh giữ gìn cũng khó, cho nên gia ân khoan giảm). Quan Tổng đốc Hà Ninh là Hoàng Diệu đã tử tiết rồi, cho cứ nguyên hàm được thờ trong miếu Trung Nghĩa, để tỏ người tiết liệt.

Truyền dụ đòi Tổng thống ở quân sứ Bắc Kỳ là Hoàng Tá Viêm, Tổng đốc Ninh Thái kiêm việc quân thứ là Trương Quang Đản, các Đề đốc là Ngô Tất Ninh, Lê Văn Hổ Nguyễn Văn Chư, Tán lý là Lương Quy Chánh, Tán tương là Nguyễn Thiện Thuật đều phải về kinh. Bởi vì từ khi quân Đại Pháp đã lấy Hà Nội rồi, nước Tàu thường phái quân đóng tại giáp giới đất Tàu và hai tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, tuy đánh tiếng cứu viện nước ta, mà thiệt chủ giữ nước nó. Đến nay tàu binh Đại Pháp tới đánh cửa Thuận, định hoà ước, Triều đình đã truyền các tỉnh và các sở quan thứ đều triệt binh về, nhưng mà các quan tỉnh và các quan quân thứ còn bị quân Tàu giữ lại. Bây giờ quan toàn quyền Đại Pháp là Hà Rờ Măng hai lần đưa thư về quan Khâm sứ Sâm Bô ở Huế nói rằng: "Đại Pháp toan đánh quân Tàu xin Triều đình truyền các quan mình đừng giao thông với các qua Tàu nữa; nếu còn ở lại giúp chúng nó, ấy là trái mạng triều đình. Còn các quan ở quân thứ Sơn Tây và Bắc Ninh xin cũng kê tên định tội giáng cách". Quan Khâm sai là Nguyễn Trọng Hợp cũng tâu rằng: "cự Đại Pháp hay là cự Tàu cũng đều nguy hiểm, nhưng xin chọn điều nào nguy hiểm nhẹ hơn thời dùng. Vậy xin đòi Hoàng Tá Viêm về Kinh, để mặc quân Đại Pháp tự liệu, thế mới bớt việc". Các quan Cơ mật tâu xin lấy lẽ phải cãi lại; nhưng xin đòi Hoàng Tá Viêm về Kinh để cho người ta khỏi nói. Ngài cho. Cơ mật liền tuần chỉ trả lời cho quan Khâm sứ, quan Khâm sứ cũng bằng lòng. Cho nên mới có chỉ đòi mấy ông ấy về. (Nhưng các ông ấy cũng vì quan Tàu nên còn ở lại; mãi đến khi Đại Pháp lấy tỉnh Sơn Tây, Bắc Ninh, Hưng Hóa, các ông ấy mới dần dần trở về hoặc có người bỏ đi xứ khác).

Quan Đề đốc Nam Định là Tạ Hiện, Án sát Phạm Vụ Mẫn, Tri phủ Kiến Xương là Hoàng Văn Hòe đều nạp ấn bỏ đi.

Cho quan Hộ lý Tổng đốc Lạng Bằng là Lã Xuân Oai làm Chánh sứ, Aùn sát Hoàng Xuân Phong làm Phó sứ, đệ biểu qua Tàu. Nhưng rồi quan Đại Pháp thương rằng: ta nên tuyệt giao với Tàu, rồi không sai hai ông ấy đi nữa.

Quân Đại Pháp đánh tỉnh Sơn Tây, quân Tàu thua. Quân Đại Pháp vào tỉnh, quan Tổng thống là Hoàng Tá Viêm trở về đóng tại đồn Thuộc Luyện. Từ khi tỉnh Sơn Tây mất rồi, quan tỉnh bỏ đi không ai về tỉnh. Quan tướng Đại Pháp là Cô Bê (Courbet) tư dục quan Tổng đốc Hà Nội là Nguyễn Hữu Độ lựa cử quan khác. Hữu Độ tư cử Trực Học sĩ là Nguyễn Khuyến lãnh Tổng đốc. Thị độ Thành Ngọc Uẩn quyền lãnh Bồ chánh; nhưng hai ông ấy không đến. Mới cho Tú tài là Nguyễn Hậu làm quyền sung; việc ấy tâu lên, Cơ mật xin đừng cho. Thương với quan Khâm sứ Sâm Bô nhờ gửi thư ra đình bãi việc ấy.

Tháng 12, lại xuống dụ truyền khắp Nam Kỳ, Bắc Kỳ khiến bình dân và giáo dân đều nên yên phận. Bởi vì khi ấy Công tử Hường Thành (con Ngài Trấn Định Quận công) tụ đảng đốt nhà giết giáo dân làng Dương Hòa, (thuộc về huyện Hương Trà), việc ấy phát ra, Hường Thành nghĩ án trầm quyết. Triều đình nghĩ rằng trong Nam ngoài Bắc bình dân và giáo dân phần nhiều còn đương phân đảng ghét nhau, cho nên xuống lời dụ ấy.

Quan Khâm sứ Bắc Kỳ là Lại bộ Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp và thự Công bộ Thượng thư Trần Văn Chuẩn nghĩ rằng vâng mạng đi thương thuyết không được việc gì, đều xin nhận lỗi. Ngài truyền chỉ trước phải giải chức về Kinh, đợi Triều đình sẽ nghĩ.

Dời nha Sơn phòng Quảng Trị và lý sở phủ Cam Lộ tại làng Bằng Sơn. Bởi vì các quan Sơn Phòng tâu rằng: "Làng Bằng Sơn đất rộng, xin dời nha Sơn Phòng tới đó và phủ lý cũng xin dời về trong Sơn Phòng". Ngài cho.

Xuống chỉ cho các biên binh tử trận tại cửa Thuận An được tặng hàm, cấp tuất, khai âm tử và nhiều ấm. Bởi vì các quan tử tiết tại trận ấy như Lê Sĩ, Lê Chuẩn, Lâm Hoàn, Nguyễn Trung đã được tặng hàm cấp tuất rồi, còn từ Hiệp quản, Suất đội trở xuống, đến bây giờ bộ Binh mới cứu rỗi tâu lên cả thảy 256 người. Cho nên mới có chỉ ấy.

Xuống chỉ cho các quan quân có công đánh giặc tại tỉnh Hà Nội được thưởng hàm và được truy tặng. Tỉnh ấy từ tháng 10 tới nay, bọn giặc thừa cơ xâm cướp, hai lần vây phủ Ứng Hòa, quan Phủ đem binh đồng giữ vững thành trì; rồi sau giặc tự giải vây bỏ đi. Mấy lần đánh giặc, bắt sống và chém chết đều có thiệt trạng. Cho nên có chỉ cho chiếu lệ nghĩ thưởng: (lãnh Tri phủ Cao Xuân Dục được thăng thọ Tri phủ, Suất đội Nguyễn Văn Nhung được tha tội cách lưu, tên Phó tổng Nguyễn Đình Toán bị chết trận được truy tặng hàm tòng bát phẩm bá hộ).

Sao chổi mọc ra: (đầu ở phương tây na, đuôi trở qua đông bắc; sắc hơi mờ mờ; dài 6,7 tấc, giáp cung Tí Hợi và ở dưới sao Bích. Được vài ngày rồi lặn).

Năm Giáp Thân hiệu Kiến Phước thứ 1 (1884), tháng giêng, khiến các quan Thống chế, Chưởng vệ đem quân các dinh vệ sửa bốn mặt Kinh thành, các cửa thành và cửa Trấn Bình đài.

Cho quan Thượng thư bộ Lại kiêm quản bộ Binh là Nguyễn Văn Tường đổi qua Thượng thư bộ Lại, Phạm Thận Duật đổi qua Thượng thư bộ Hộ, Châu Đình Kế đổi qua Tả tham tri bộ Hộ, Nguyễn Thành Ý qua thự Tả tham tri bộ Công.

Tháng 2, Hộ lý Tổng đốc Thanh Hóa là Tôn Thất Trường, Chánh sứ Sơn Phòng là Hồ Tư Cung, Phó sứ Đỗ Huy Toàn bị tội về việc phá đốt giáo dân.

Tướng Đại Pháp là My Lô đánh quân Tàu hiện đóng tại tỉnh Bắc Ninh, rồi vào thành tỉnh, lại kéo tới đánh tỉnh Thái Nguyên, đem hết cả tiền, bạc, đồ đồng chở về Bắc Ninh. Từ đó trong tỉnh Thái Nguyên bị quân Tàu tan ra tàn phá rất cực khổ. Đến tháng 5, Đại Pháp mới chia binh đóng giữ.

Phủ Tương phủ Quỳ thuộc về tỉnh Nghệ bị giặc Xá thông đồng với giặc Tàu kéo tới xứ ấy ăn cướp.

Tháng 3, quân Đại Pháp đánh lấy tỉnh Hưng Hóa. Ngài truyền đòi quan quân thứ Sơn Tây là Hoàng Tá Viêm, Lương Tư Thứ, Ngô Tất Ninh, Nguyễn Đình Nhuận và quan tỉnh Hưng Hóa là Nguyễn Quang Bích¹ đều phải về Kinh đợi chỉ. Nguyễn Quang Bích sai người nạp ấn, bỏ lên thượng du để qua nước Tàu, rồi mất tại trên miền rừng tỉnh ấy; còn Hoàng Tá Viêm, Lương Tư Thứ, Ngô Tất Ninh thời dần dần về Kinh, Nguyễn Đình Nhuận qua Tàu; Nguyễn Văn Giáp và Nguyễn Thiện Thuật cũng đều bỏ đi.

Định lệ phúc hạnh thi Hương và thêm số giải ngạch Tú tài nguyên lệ một Cử nhưn thời hai Tú tài; bây giờ một Cử nhưn thời ba Tú tài, để rộng đường cho học trò.

Định lại lệ thi đình và thi hội.

Tháng 4, truy thụy vua Xuất Đế² nhà Lê là Mẫn Hoàng đế. Trong bài Sách phong có câu rằng: Mạng thường giả mạng, nan vi phục Hạ chi Thiếu Khương³. Bất tử kỳ tâm⁴, vô quý tuần Minh chi Trang Liệt⁵ nghĩa là: mạng có thường đâu, khôn sánh Thiếu Khương đem lại Hạ; tim còn sống đó, nào thua Trang Liệt thách theo Minh.

Tháng 5, quan Đại Pháp đem quân tới đóng tại tỉnh Tuyên Quang. Tuần phủ là Hoàng Tường Hiệp bị tướng tàu là Hoàng Thủ Trung đem qua Long Châu, rồi mất. Đến triều Đồng Khánh, Tường Hiệp được truy tặng hàm Lễ bộ Thượng thư.

Quan Toàn quyền Đại Pháp là Ba Đức Na và Giám đốc là Lê Na tới định hòa ước mới. Nguyên khi trước đức Giám quốc Đại Pháp tiếp thư nước ta rồi trả lời thăm và nói hòa ước đã định trước đó xin châm chước lại cho đặng công bình; và lại nói việc ấy tháng trước đã cho quan Toàn quyền tới nói rồi. Ngài bèn sai quan Thượng thư bộ Hộ là Phạm Thận Duật làm Khâm sai toàn quyền đại thần, Tham tri bộ Công là Tôn Thất Phan quyền sung Thượng thư bộ ấy mà làm Phó toàn quyền đại thần, Tham tri Châu Đình Kế và Thị lang Lương Thành đều làm chức Hộ tiếp để phòng khi tiếp ứng. Lại cho dự nghĩ các sự nghi cả thầy năm điều để đợi khoản tiếp quý Toàn quyền. Đến bây giờ ông Ba Đức Na và ông Lê Na đem các quan tùy phái và quân lính tới lần sứ, rồi đem sắc thư Đại Pháp dâng lên ngự lãm. Ngài sai Phạm Thận Duật và Tôn Thất Phan đem sắc thư ra tiếp, hai bên so sánh in nhau, rồi truyền chỉ hỏi thăm, thương định hòa ước. Ngày 13 tháng ấy là ngày Đinh Hợi hòa ước rồi. Liên ngày ấy hội đồng đem phá cái ấn Tàu phong cho mình khi trước. Rồi quan Toàn quyền cho ông Lê Na ở lại làm Khâm sứ Huế, thay ông Ba Rô.

Quan Lãnh sự Đại Pháp là ông Na lại tới làm việc tại sở Thương chánh Quy Nhơn. (thuộc về tỉnh Bình Định). Nguyên trước khi ấy ông bỏ đi làm việc sở khác, thuế sở Quy Nhơn quan mình cứ thu; bây giờ ông ấy trở lại, biểu các quan biên bạc thuế mấy lâu mình đã thu giao lại cho ông ấy.

Khiến đặt thêm chức Tham tá và chức Lãnh binh nha Sơn Phòng Quảng Trị. Bởi vì khi ấy việc dẹp giặc yên dân hơi phiền, cho nên đặt thêm.

Quan Khâm sứ Đại Pháp ở Huế là ông Lê Na đưa tờ điện báo của Hải bộ Thượng thư nước Pháp điện qua nói rằng: "Đại Pháp với Tàu hiện đương giảng hòa ở Thiên Tân; tờ hòa ước mới quy định, còn chưa giao nhận với nhau". Nhờ Cơ mật đem việc ấy tâu lên Ngài rõ.

Quân Đại Pháp đánh nhau với quân Tàu tại cầu Quan Âm, (thuộc về tỉnh Lạng Sơn) lấy lại được đồn Bắc Lê.

Tháng 6, cho các quan tỉnh và quan Quân thứ bị tội mất thành tỉnh Lạng Sơn, Bắc Ninh, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Hải Dương được khỏi tội giáng tội cách khác nhau.

Ngài se, ngày 10 là ngày Nhâm Ngọ Ngài băng ! Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết truyền lời chỉ rước Ngài Hoàng đế Ứng Lịch vào nối ngôi.

¹ Nguyễn Quang Bích là người làng Trình Phố, tỉnh Nam Định.

² Xuất Đế là vua Chiêu Thống.

³ Vua Thiếu Khương xưa chỉ còn có một đám đất và một đạo quân mà khôi phục được cơ nghiệp Hạ.

⁴ Khi đưa tang vua Chiêu Thống từ bên Tàu về, còn trái tim cứ đỏ không tan.

⁵ Trang Liệt là vua Sùng Trinh nhà Minh, khi Minh mất nước tự tử theo nước.

HÀM NGHI ĐẾ

Tên chữ Ngài là Ứng Lịch.

Ngài là con thứ 5 đức Hoàng thúc phụ Thuần Nghi Kiên thái vương. Bà sanh mẫu húy là Phạm Thị Nờn sanh Ngài trong năm Tân Vị (1871).

Năm Giáp Thân (1884), Ngài lên ngôi tại đền Thái Hòa. Đặt niên hiệu Hàm Nghi, lấy sang năm làm Hàm Nghi năm đầu.

Tháng 7, sửa nha Sơn phòng Quảng Nam. Bởi vì quan Đốc tiểu sứ là Trần Văn Dư xin sửa cho kỹ để vững mặt tả kỳ, cho nên có chỉ cho sửa.

Tháng 8, truyền cho đặt Bang tá châu Lương Chánh và châu Thường Xuân¹ cho con tên Thổ ti tổng Trịnh Vạn là Cẩm Bá Thước làm chức ấy. Đó là theo lời quan Tổng đốc Tôn Thất Triệt tâu xin.

Tháng 9, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đem tự quân cũ là ngài Thụy quốc công giam cầm, rồi thí tại ngục kín.

Quan Khâm sứ Lê Na ở Kinh đưa thơ nói rằng: "Đại Pháp và nước Tàu giảng hòa tại Bắc Kinh, nhờ có nước Nga điều đình. Xin các quan Cơ mật và các quan Thương bạc tâu lên Ngài rõ".

Chủ buôn người Tàu là tên Lý Thành Long chở trộm tiền đồng dị dạng tới vùng tàu Yên Vĩnh thuộc về tỉnh Quảng Nghĩa; việc ấy phát giác, tên Long bị tội trầm quyết. Sau lại có mấy người buôn Tàu là bọn La Đậu cũng đem tiền ấy ra buôn bán, đều bị tội trầm cả.

Quan Khâm sứ kiêm chức Bắc Kỳ toàn quyền là ông Lô Mi Ơ tới Huế làm Khâm sứ thay cho ông Lê Na về Đại Pháp.

Tháng 12, quan Thống binh Đại Pháp là ông My Lô đánh được quân Tàu tại đồn Đống Hoàn thuộc về tỉnh Lạng Sơn; rồi vào đóng trong thành tỉnh ấy.

Năm Ất Dậu (1885), bãi chức Chánh, Phó sứ nha Hải Phòng Quảng Nam. Bởi vì tháng chạp năm ngoái Đại Pháp phái quan lập sở Thương Chánh tại đó, để thu thuế xuất cảng nhập cảng các thuyền buôn Tàu và thuế nha phiến. Nha Hải Phòng mình không dự nữa; cho nên đình bãi.

Tháng 2, triệt mấy khẩu súng đại bác để trên mặt Kinh thành mà chỉ qua lâu sứ. Vì nơn khi ấy Đại Pháp sai người đóng đình lấp các lỗ ngòi súng bác cả thảy 45 khẩu.

Tháng 4, quan Khâm sứ Đại Pháp ở Huế là ông Sâm Bô đưa thơ nói: "Đại Pháp và Đại Thanh giảng hòa tại Bắc Kinh, ngày 28 tháng này hai bên đã ký tờ hòa ước giao nhận xong rồi; nhờ tư ra các tỉnh ngoài Bắc Kỳ biết".

Tháng 5, ngày 23 là ngày Ất Mão, Kinh thành hữu sự. Tôn Thất Thuyết đem ngài và Tam cung² ra Bắc. Ngày 24, Ngài và Tam cung tới tỉnh Quảng Trị đóng tại Hành cung. Ngày 27, Ngài ngự tới Sơn Phòng Quảng Trị; còn Tam cung thời cứ trú tại Hành cung. Nguyễn Văn Tường tâu xin Tam cung ngự về Khiêm cung để cho yên lòng thần dân. Khi ấy Nguyễn Văn Tường ở lại thương thuyết với quan Đại Pháp, hẹn trong hai tháng xin rước ngài về Kinh.

Tháng 6, ngày 3, Tam cung từ Quảng Trị ngự về, ngày 5 tới Khiêm cung. Tôn Thất Thuyết phò Ngài ở lại Sơn Phòng Quảng Trị. Thuyết thiện tiện truyền mạng Ngài dụ khắp trong nước khởi nghĩa cần vương; lại truyền một tờ dụ cho Nguyễn Văn Tường, một tờ dụ cho các Hoàng phái ở Kinh, đều phát trạm đưa về Kinh cả. Mấy việc ấy đều là việc từ ngày 7 tháng 6 trở về trước.

Tam cung truyền dụ chỉ sai người tới Sơn Phòng Quảng Trị rước Ngài về Kinh.

¹ Lương Chánh là Thường Xuân thuộc về phủ Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa.

² Tam cung là đức Từ Dũ thái hoàng thái hậu, đức Thuần Hiếu hoàng thái hậu và bà Học Phi.

Ngày 9, Ngài ngự tới Bửu Đài, nghe tàu Đại Pháp đóng tại cửa Nhứt Lệ (Quảng Bình), đạo ngự liền trở lại Sơn Phòng để đi đàng Thượng Đạo. Ngày 11, ngự tới thành cũ phủ Cam Lộ.

Ngày 15, Ngài ngự đàng Thượng Đạo qua Mai Lãnh tới Lao Bảo.

Ngày 20, Ngài ngự tới sách Bạ Cạn; rồi ngự tới xứ Hàm Tháo (Hàm Tháo ở gần phía Bắc sông Không (Mékông), từ đó tới Sơn Phòng Hà Tĩnh đàng đi 7 ngày); truyền sắc các quan Sơn Phòng Hà Tĩnh chở lương lên và dọn đàng rước Ngài về Sơn Phòng. Các quan tỉnh Hà Tĩnh đem việc ấy tâu vào Huế; Tam cung phê rằng: mừng lắm, và truyền ý chỉ ai mà rước Ngài về đặng sẽ được hậu thưởng tiền bạc, để cho đua nhau rước Ngài về mau, khỏi điều quan ngại. Quan Khâm sai là Tôn Thất Phan đem 350 tên quân Hà Tĩnh và 1 quan Lãnh binh tới Sơn Phòng rước Ngài. Người ta đồn rằng quân Đại Pháp tới, Thuyết phò Ngài đi nơi khác, nên rước không được.

Tam cung truyền chỉ dụ trong Kinh và các tỉnh hết thầy thân hào và Giám mục, lương dân giáo dân, đều nên yên phận.

Quan Đô thống Đại Pháp là ông Cô Ra Xy (De Courcy) bắt Nguyễn Văn Tường xuống tàu chở vào Gia Định. Rồi chở Nguyễn Văn Tường và Phạm Thận Duật, Lê Đính¹ qua nước Đại Pháp; nhưng đi giữa đàng, Phạm Thận Duật bị bệnh mất, ném thầy xuống biển.

Tam cung xuống chỉ nhờ quân Đại Pháp đóng giữ các tỉnh. Bởi vì quan Đô thống Đại Pháp thương xin chia quân đóng phía nam từ tỉnh Quảng Nam đến Bình Thuận, phía Bắc từ tỉnh Quảng Trị đến Thanh Hóa, để canh giữ cho đặng yên dân; đợi khi nào giao lại Kinh thành và đủ ngạch lính giảm, thời sẽ triệt binh Pháp về, để khỏi người ta nghi hoặc. Cho nên mới có dụ chỉ ấy.

Rước ngài Kiên Giang quận công vào nối ngôi.

¹ Lê Đính nguyên họ Tôn Thất, là phụ thân Tôn Thất Thuyết, bởi vì Thuyết có tội, cho nên cha con đều phải đổi theo họ mẹ.

Cảnh Tôn Thuần Hoàng Đế

Niên Hiệu Đồng Khánh

Tên húy Ngài là:

Trên chữ, dưới chữ.

Tên chữ Ngài:

1. Bên tả chữ, bên hữu chữ.

2. Bên tả chữ, bên hữu chữ

Hai tên chữ đều có chữ đứng trên làm chữ lót.

Ngài là con trưởng đức Hoàng thúc phụ Thuần nghị Kiên Thái vương. Sinh mẫu là bà Bùi Thị sanh Ngài năm thứ XVII triều Tự Đức là năm Giáp tý (1864). Đến năm thứ XVIII (1865), Ngài mới có hai tuổi, đức Dục Tôn truyền Bà Thiên phi họ Nguyễn nuôi Ngài tại trong cung làm Hoàng tử thứ hai. Năm thứ XXXII triều Tự Đức (1879) Ngài ra đọc sách tại Chánh Mông đàng. Năm thứ XXXVI (1883), tháng giêng, phong tước Kiên Giang quận công. Năm Ất Dậu (1885), Ngài lên ngôi trị vì được 3 năm; hưởng thọ 25 tuổi; lăng Ngài là Tư lăng.

Tháng 8, ngày Đinh Sửu, Ngài lên ngôi tại đền Thái Hòa. Đặt niên hiệu Đồng Khánh, kể từ năm Bính Tuất (1886) làm đầu. Ban ân chiếu 12 điều.

Truyền làm quốc thư đưa qua Đại Pháp cảm ơn. Tặng Toàn quyền là ông Cô Ra Xi tước Bảo hộ quận vương, Khâm sứ là ông Sâm Bô tước Bảo hộ công.

Quan Đại Pháp giao lại 20.000 lượng bạc và 20.000 quan tiền đồng. Trong số tiền bạc ấy dâng lên trong Nội một nửa, dâng lên Lưỡng cung một nửa. (Khi ấy Kinh thành mới chỉnh đốn lại, nên quan Đại Pháp giao lại số tiền bạc ấy để dâng trong Nội dùng. Còn kho tàng thời quan quân Đại Pháp canh giữ, cứ mỗi tháng chiếu số lượng bổng hết bao nhiêu tiền gạo, thời giao cho các người giữ kho nhận phát).

Phong ông Nguyễn Hữu Độ làm Cố mạng lương thần, gia hàm Thái tử Thái sự, Cẩn chánh điện đại học sĩ, Bảo quốc huân thần, nhưng kiêm Cơ mật đại thần, sung Bắc Kỳ Kinh lược đại sứ, tấn phong Vĩnh Lại Bá; Phan Đình Bình làm Cố mạng lương thần, thăng thọ Hiệp tá đại học sĩ, thự Văn minh điện đại học sĩ, Tá quốc huân thần, lãnh Lại bộ Thượng thư, nhưng sung Cơ mật đại thần, quản lý Khâm thiên giám sự vụ, tấn phong Phò nghĩa tử.

Thân hào tỉnh Quảng Nam kết nhau làm nghĩa hội, cử Chánh sứ Sơn Phòng là Trần Văn Dư làm Thủ hội nhóm chúng chiếm giữ tỉnh thành. Quân Đại Pháp kéo tới đuổi đi. Hà Tĩnh Lê Ninh (người huyện La Sơn, con Bố chánh Lê Kiên) nhóm chúng chiếm giữ thành. Quan Bố chánh Lê Đại bị giết, Án sát Trịnh Văn Bưu bị bắt, rồi phát bệnh mất; các quan phủ, huyện bỏ thành chạy trốn; cả tỉnh đều khởi binh ứng tiếp nhau. Tỉnh ấy bị nạn binh hỏa so với các tỉnh khác thiệt là khổ hơn.

Thân hào tỉnh Phú Yên chiếm giữ tỉnh thành, quan Bố Chánh Phạm Như Xương bị chúng nó bắt giam, còn Án sát và Lãnh binh đều bỏ trốn.

Đức Hàm Nghi tới Sơn Phòng Hà Tĩnh, quan Chánh sứ Sơn Phòng là Nguyễn Chánh đem quân tới rước, thân hào cũng nhiều người tới châu, rước Ngài về đóng tại nha Sơn Phòng. Khi ấy các quan chức bắt dân đồng, lập thêm tạm xá để toan ở lâu. (Được ít hôm, Nguyễn Chánh trốn bỏ về tỉnh Nghệ).

Quan Khâm sứ Đại Pháp là ông Sâm Bô về nghị, ông Ba Duy Đàm quyền Khâm sứ.

Tặng quan quyền Khâm sứ Đại Pháp là ông Ba Duy Đàm tước Bảo quốc công, quan Tham tán Đại Pháp là ông Phan Nê tước Dực quốc công, quan Thượng thư Đại Pháp là ông Sanh Bích tước Vệ quốc công.

Thổ tù ở tỉnh Thanh Hóa là Hà Văn Mao đem giặc Tàu về huyện Cẩm Thủy dụ dân Thổ lừa dịp khuấy rối ăn cướp.

Giặc Bãi sậy hiệp đảng với những tên bị tội bỏ trốn tại huyện Thanh Trì, Thanh Oai, phủ Ứng Hòa, Thường Tín, về khuấy rối tỉnh Hà Nội, quan Bố chánh là Cao Xuân Dục thân hành đốc suất người trong tỉnh là tên bát phẩm Nguyễn Chúc, tên cửu phẩm Phùng Văn Thoan, đem các toán binh đánh nhau với giặc, giặc thua trốn, chém và bắt sống rất nhiều, lấy lại đặng các phủ, huyện. Việc ấy tâu lên, Ngài truyền chỉ thưởng Cao Xuân Dục quân công kỷ lục 2 thứ, 1 cái khánh vàng quân công và giây đeo; bọn tên Chúc tên Thoan cũng được thưởng mỗi tên 1 cái bài tử kim và thăng trật. Ngài lại truyền chỉ thông lục việc ấy khắp cả Tả Kỳ, Hữu Kỳ¹ đều biết.

Ngài truyền từ ngày 1 tháng 10 năm ấy cho tới cuối năm, niên hiệu viết: "Đồng Khánh Ất Dậu niên", thông lục trong ngoài đều biết.

Truyền tước tên Tôn Thất Thuyết trong sổ Tôn Phổ.

Tháng 10 năm ấy, Ngài khiển từ Thanh Hóa trở vào Bình Thuận phải kén lính tập. Đó là theo điều khoản trong hòa ước mới.

Tỉnh Quảng Trị phái quân hiệp với quân Đại Pháp đánh đặng thân hào tại miền rừng phủ Cam Lộ và huyện Do Linh. Từ đó đảng cái quan mới đi thông được. Đầu mục thân hào là Trương Đình Hội, Nguyễn Tự Như đều chạy trốn cả.

Thân hào trong các phủ, huyện tỉnh Nghệ đều khởi nghĩa, cử Đốc học Nguyễn Xuân Ôn và Chánh sứ Sơn Phòng là Lê Doãn Nhã làm đầu. Quan Đại Pháp kéo quân tới đánh, được luôn. Ngài truyền Cơ mật làm thơ ủy lạo các quan Đại Pháp.

Ngài nghĩ rằng khi Kinh thành hữu sự, vua Hàm Nghi ngự ra ngoài, cho nên thân hào sĩ dân có lòng cần vương khởi nghĩa, không phải ứng làm loạn; mới xuống dụ hiểu thị bọn ấy phải mau tỉnh ngộ, trở đầu về với Triều đình. Lại truyền dụ sĩ, dân Bắc Kỳ đều biết những việc Tôn Thất Thuyết chuyên quyền trộm phép giả danh nghĩa mà nói dối dân.

Thân hào ở phủ Quảng Trạch, huyện Tuyên Hóa, huyện Bồ Trạch, thuộc về tỉnh Quảng Bình đều khởi nghĩa; cử Tri phủ Nguyễn Phạm Tuấn làm đầu, dựng hiệu cờ "Cần Vương" và cờ "Cử nghĩa". Bố chánh Quảng Bình là Nguyễn Đình Dương bị hại.

Chế 8 lá cờ Bảo hộ (phát cho sáu Bộ, Cơ mật, ti Hành Nhon để dùng treo khi lễ mừng, lễ Nguyên đán, lễ Chánh trung).

Quân Đại Pháp kéo tới Sơn Phòng Hà Tĩnh. Tháng trước đức Hàm Nghi tới đó, truyền chiếu chỉ đòi các thân hào, đặt quan đóng đồn giữ các nơi hiểm yếu để toan ở lâu. Đến bây giờ tên Thuyết phò đức Hàm Nghi về cửa Ve², để Ngài ở đó; còn Thuyết với Trần Xuân Soạn thời ra Bắc. Các người mới giữ tỉnh đó nghe nói Sơn Phòng mất rồi, đều bỏ tỉnh chạy trốn; tỉnh thành cũng lấy lại được, mấy người khởi nghĩa biết việc không thể làm được, đều về nhà làm ăn, cũng có người tới tỉnh đầu thú. Chỉ có Phan Đình Phùng không chịu về.

Quân Đại Pháp đánh lấy lại nha Sơn Phòng Quảng Nam, bắt được Chánh sứ Trần Văn Dư giết ngay. Nguyên khi ấy Trần Văn Dư toan về Kinh đô chỉ, vừa tới tỉnh Quảng Nam, bị quân Đại Pháp bắt được.

Hà Văn Mao khuấy rối phủ Thọ Xuân và huyện Cẩm Thủy. Quan tỉnh Thanh và quan Đại Pháp đánh phá tan được.

¹ Tả Kỳ là từ Bình Định đến Bình Thuận; Hữu Kỳ là từ Hà Tĩnh đến Thanh Hóa.

² Cửa Ve thuộc tỉnh Quảng Bình, chỗ tên Thổ Ty Trương Quang Thủ ở.

Ngày Giáp Dần, sao Thái Bạch mọc giữa ban ngày; lại có sao chổi mọc phương đông nam đuôi trỏ qua tây bắc dài chừng 7,8 thước.

Khiến quan Hiệp tá đại học sĩ lãnh Lại bộ Thượng thư là Phan Đình Bình đi Kinh lược Quảng Bình.

Mới cho lãnh trưng thuế quế trong tỉnh Quảng Nam.

Năm Bính Tuất niên hiệu Đồng Khánh năm đầu (1886), tháng giêng, Nguyễn Loan¹ ở Quảng Ngãi hiệp với Bùi Điền, Đặng Đễ ở Bình Định tụ đảng chia làm ba đạo, kéo tới khuấy rối tỉnh Quảng Ngãi. Quan Sơn Phòng là Nguyễn Thân đón đánh phá tan.

Ngài cho Nguyễn Hữu Độ làm Toàn quyền đại thần, Nguyễn Thuật làm Phó toàn quyền đại thần, đưa tờ hòa ước về việc khai khoáng, qua lâu sứ cùng quan Khâm sứ Hách Tô hai bên giao thuận với nhau.

Khi hòa ước rồi, Ngài truyền làm quốc thư, sắm phẩm vật tặng hảo đức Giám quốc Đại Pháp và các quan Đại Pháp ở Bắc Kỳ. Sai Nguyễn Hữu Độ ra Hà Nội tuyên ý chỉ Ngài cho các quan Đại Pháp rồi.

Từ khi Kinh thành có việc, mấy đảng giặc ngoài Hải Dương hoành hành trong các phủ huyện; hoặc yên bức huyện Mỹ Hào và huyện Cẩm Giàng, hoặc đánh đuổi huyện Bình Giang, bắt quan huyện Gia Lộc; còn các phủ huyện khác cũng dần dần mất cả. Quan Tổng đốc là Nguyễn Thành Ý đem việc ấy tư Cơ mật xin tâu Ngài rõ.

Tháng 2, tỉnh Thanh Hóa có hơn 300 tên dân (nhơn bữa chợ phiên, giả cách cu ly, giấu dao vào trong đòn ồng) mưu vào trong thành đánh lén. Việc ấy phát giác, chúng nó bị bắt, liền chạy trốn cả.

Khiến Phan Liêm làm Khâm sai đại thần, Phạm Phú Lâm làm phó Khâm sai, cầm cờ tiết mao đi từ Quảng Nam trở vào, khắp trong các tỉnh hiểu dụ thân hào phải nên về thú. Lại cho hai ông Khâm sai nghĩ thảo một tờ cáo thị dưng Ngài ngự bút sửa lại. Rồi truyền Sứ quán in ra 100 tờ dụ và 100 tờ cáo thị giao hai ông Khâm sai tới đâu yết đó.

Tháng 3, tặng hảo đức Giám quốc và các quan Đại Pháp 112 cái Long bội tinh (mày đay rồng).

Quan Quyên kinh lược Bắc Kỳ là Nguyễn Trọng Hợp đem tình thế ngoài ấy tư Cơ mật viện. Khi ấy sự thế Bắc Kỳ đã khác, không thể mỗi việc tâu báo được, cho nên mỗi năm chỉ một hai lần tư vào Cơ mật tâu lên Ngài rõ.

Đảng thân hào Bình Thuận phá phủ Ninh Thuận, kéo tới vây tỉnh thành; Tuần phủ, Bỏ chánh, Aùn sát đều bỏ trốn; chúng nó liền giữ tỉnh.

Tháng 4, đảng thân hào Quảng Bình bắt giết quan Khâm phái là Võ Bá Liêm. Truy tặng Võ Bá Liêm hàm Thị giảng học sĩ, bọn Suất đội cũng được truy tặng.

Quan Thương tá Quảng Trị là Lê Thâm phó Lãnh binh Lê Xuân Tranh đi tuần trấp đến làng. Võ Xã (thuộc về phủ Triệu Phong) bị giặc đánh; Lê Thâm bị bắt, Lê Xuân Tranh bị giết.

Ngài nghĩ rằng: phía Nam phía Bắc lâu nay chưa yên, nhưng từ Quảng Nam trở vào đã sai Khâm sai đi phủ trấp rồi; Ngài muốn ngự về Thanh Hóa trở vào phía Nam dần dần tới đâu dẹp loạn yên dân đó. Truyền Cơ mật tư ra quan Toàn quyền Bắc Kỳ. Được ít lâu, thấy trả lời rằng: "thành Hà Nội đã triệt phá rồi, xin đạo ngự đóng tại Thanh Hóa thời yên ổn vững vàng hơn".

Tháng 5, cho quan Sứ Sơn Phòng Nghĩa Định là Nguyễn Thân thăng hàm Tham tri bộ Binh, phong tước Diên Lộc Nam, sung chức Nghĩa Định chiêu thảo xử trí sứ.

Ngài 16 là ngày Đinh Vị, đạo ngự từ Kinh đô khởi hành.

Quan Toàn quyền đưa thư nói: "trong số tiền bạc xin chia một nửa giao lại nước mình, một nửa chở về quý quốc đúc bạc đồng để cấp lương lính tập trong hai năm và chi phí về việc công tác". Ngài truyền Thị lang bộ Hộ là Hồ Lệ kiểm nhận. Hai bên biên giao với nhau làm bằng.

¹ Loan người huyện Mộ Đức, con quan Tổng đốc Nguyễn Bá Nghi.

Ngài ngự đóng tại Châu Thị, truyền sấp ngự xem dân phong, ban bạc cho Linh mục ở làng Yên Ninh và các giáo dân xứ ấy; còn mấy người tị nạn thời ban cho một trăm đồng bạc.

Quan tỉnh Quảng Bình cấp 800 phượng gạo cho các giáo dân bị đốt phá, quan Đại Pháp cũng cấp cho 250 đồng bạc. Linh mục Bùi Quang Lộc lại xin trừ tế nữa. Cơ mật đem việc ấy thương với quan Khâm sứ, quan Khâm sứ trả lời: không cho, nhưng sức cho các người Linh mục và các quan Đại Pháp ở tỉnh ấy biết.

Ngài ngự tới Quảng Bình, truyền yết sức những tên cừ mục phải ra đầu thú.

Đảng thân hào trong Bình Định phân tạo ra khuấy rối tỉnh Quảng Ngãi. Chiêu thảo sứ Nguyễn Thân đánh phá chạy tan.

Tháng 8, Ngài định ngự về Kinh; vì Thánh thể hơi se, ở lâu không tiện. Rồi cho ông quan Ba ra Hà Nội thương với quan Toàn quyền cho tàu hỏa tới cửa Nhật Lệ rước Ngài. Ngày 7 là ngày Đinh Mão, quan quân theo hầu Ngài ngự xuống tàu; ngày mai tới Kinh.

Tỉnh Quảng Trị hiệp với quan Đại Pháp đánh phá giặc tại phía Nam cửa Việt, bắt được tướng giặc là Hoàng Văn Phúc, đem chém ngay.

Tháng 9, cho ông Hoàng Tá Viêm khai phục hàm cũ mà sung Hữu trực kỳ yên phủ kinh lược sứ¹ lãnh cờ tiết mao, được phép tự tiện làm việc; nhưng trước phải ra Quảng Bình xử trí cho yên, rồi tới Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa tùy nghi sấp đặt. Ngài dụ các thân hào rằng: "Hào kiệt biết thời mới phải, quân tử đổi lỗi là hơn. Năm ngoái Kinh thành có việc, vua Hàm Nghi ra đi. Trong các thân hào có người tức vì việc nước, khởi lên giúp vua, như người trót cỡi cọp, bước xuống cũng gay, nên phải trốn trong rừng rú, thường thường mượn tiếng phò vua Hàm Nghi. Đã mấy phen xuống dụ rước vua Hàm Nghi về, phong cho tước Công hoặc làm Tổng trấn Bắc Kỳ; còn thân hào ai ra thú, đều được tha tội. Mới đây, ta lại ngự ra đồng nhưng, tới Quảng Trị trước, hào mục phần nhiều cứ còn tụ hội, Vã chẳng, trong Triều có lời chiếu khoan dung mà ngoài dân không chút lòng thành ứng, bụng nghĩ làm sao? Hay là bảo rằng: nước mình không thể bảo toàn được chẳng? Sao không nghĩ bây giờ đại cuộc thiên hạ đã định, cách chánh trị đổi mới, hòa với Đại Pháp đều giữ như cũ, chánh lệnh thi hành đều là quyền mình tự chủ, nào có ai trở ngại? Sao còn mấy điều làm ngờ mà thập thò như chuột? Hay là chúng mày bảo rằng nếu bây giờ vua Hàm Nghi trở về, e không quyền lộc, chúng mày cũng không được nhờ gì chẳng? Chúng mày phải biết thời muốn giàu; Hàm Nghi là em ta, ta nay suy rộng tỉnh Thanh, Nghệ, Tĩnh, cấp bổng lộc rất hậu, đồ thường dùng cũng như vua, chớ có biếm truất gì đâu? Nay ta cho tôi cũ là Hoàng Tá Viêm khai phục hàm Đông các đại học sĩ, sung làm Hữu trực kỳ Yên phủ kinh lý đại sứ; thế là lòng ta muốn xếp cho yên, không phải muốn đánh cho được. Từ nay trở đi, thân hào chúng mày nên mau tỉnh ngộ, đuổi hết quân lính bó thân về với Triều đình, hoặc tới tỉnh, hoặc tới các sở quân thú đầu thú. Trừ ra tên Lê Thuyết (tức là Tôn Thất Thuyết) Triều đình không thể dùng lại được, nhưng nếu nó biết trở về, thời cho nó chức quan cũ như: Trương Văn Ban, Nguyễn Trực, Nguyễn Chư, Lê Mô Khởi, Nguyễn Nguyên Thành, Phan Trọng Mưu, Nguyễn Xuân Oân, Lê Doãn Nhã, Ngô Xuân Quỳnh, sẽ cho chiếu theo nguyên hàm bổ làm quan từ Quảng Bình, Quảng Trị trở vào mấy tỉnh phía nam, để lo báo bổ về sau. Còn mấy tên trước chưa có chỉ tha như Trần Xuân Soạn, Nguyễn Phạm Tuân, Phan Đình Phùng, nếu biết về thú, quả có thiệt trạng, xét như thiệt sẵn lòng đổi lỗi, thời cũng khoan giảm tội cũ, sẽ thưởng phẩm hàm, để yên người phản trắc. Còn mấy tên khác, khi nào về thú, xét quả thiệt lòng, rồi sẽ nghĩ. Những mấy khoản nói trên đó, khi trước quan Toàn quyền Côn Pha (Paul Bert) tới Kinh vào yết, ta đã thương miệng, ông ấy cũng đã bằng lòng; chắc là không nói sai đâu. Chúng mày còn dùng dằng không quyết, ngu đại, không biết lo trước, đến khi đại binh kéo tới, ngọc đá đều phải ra tro, ta tuy sẵn lòng thương, cũng không biết nghĩ sao cho chúng mày nhờ được!".

Nhường sở Trấn Bình đài cho Pháp, phá súng đồng đúc tiền để tiêu việc công tác.

Khiến Quang lộc tự khanh Hoàng Hữu Xứng coi làm sách Địa dư nói về giới hạn nước mình. Sách làm rồi, các người dự làm sách đều được thưởng.

¹ Hữu trực là Quảng Trị, Quảng Bình, Hữu kỳ là Hà Nội, Nghệ An, Thanh Hóa.

Quân Đại Pháp đi tuần tiễu trong huyện Quế Sơn tỉnh Quảng Nam, đánh phá tan đồn Trung Lộc.

Tháng 11, quan Phó Khâm sứ Tả trực kỳ là Phạm Phú Lâm có tội bị cách chức, cho sai phái chuộc tội. (Phạm Phú Lâm sợ quá, không kịp đợi chỉ đã về Kinh chịu tội trước).

Cho ông Nguyễn Tri Phương dự thờ trong miếu Hiền Lương, Phan Thanh Giản, Lâm Duy Thiếp, Trương Văn Uyển đều được khai phục nguyên hàm.

Cho quan Hữu trí là Võ Trọng Bình mỗi tháng được lãnh hưu bổng 20 quan tiền và 3 phương gạo¹.

Tháng 12, các Cù mục trong bọn thân hào Bình Định tới tỉnh đầu thú rất nhiều. Truyền ân chỉ cho 7 người được chiếu theo nguyên hàm bổ làm việc tỉnh ấy, còn bao nhiêu cho về làm ăn.

Cù mục tỉnh Quảng Bình trở vào đều được yên lặng.

Năm Đinh Hợi thứ II (1887), tháng giêng, cho Tuần phủ Hưng Yên Hoàng Cao Khải thực thọ Tổng đốc kiêm chức Tiểu phủ sứ. Khi ấy giặc Bãi Sậy kéo tràn qua phía đông bắc; quyền Kinh lược là Nguyễn Trọng Hợp tâu: "Hoàng Cao Khải có tài cán mưu lược, lại quen thuộc tình thế xứ đó". Cho nên Ngài xuống chỉ ấy.

Quân Đại Pháp ở tỉnh Thanh phá tan toán quân Phạm Bành² tại đồn Ba Đình (thuộc về huyện Nga Sơn). Nguyên khi trước Phạm Bành, Hoàng Bật Đạt, Đinh Công Tráng giữ chỗ hiểm lập đồn, quân Đại Pháp đánh không được, kéo về; rồi phi tư ra Ninh Bình, Nam Định lấy thêm quân vào hội vây đến vài tháng, bọn Phạm Bành xông vây chạy ra; Quân Đại Pháp phá được đồn ấy.

Tháng 2, chấn cấp các dân mọi phiêu lưu thuộc về phủ Tương và phủ Quỳ. Bởi vì hai phủ ấy thường bị giặc phá, dân mọi chạy vào huyện Hương Sơn, (tỉnh Hà Tĩnh). Cho nên truyền chỉ ban cấp.

Tháng 3, quan Đại Pháp ở đồn Minh Cầm (thuộc về huyện Tuyên Hóa tỉnh Quảng Bình) bắn chết Nguyễn Phạm Tuấn. Triều đình tặng hảo một cái Kim Khánh trung hạng.

Tháng 4, Phạm Bành ở tỉnh Thanh thấy con là Phạm Tiêu bị bắt, Bành tới tỉnh đầu thú; Phạm Tiêu được tha; liền đêm ấy Phạm Bành tự tử. Hoàng Bật Đạt bị dân bắt giải tới, quan Đại Pháp giết ngay, Đinh Công Tráng sau trốn vào phủ Tương tỉnh Nghệ, cũng bị quan quân bắn chết.

Lập trường dạy chữ và tiếng Đại Pháp. Cho Diệp Văn Cương làm Chương giáo, Nguyễn Hữu Mẫn làm Trợ giáo³.

Tháng 4 nhuận, quan Đại Pháp ở Hà Nội bắt quan Bồi chánh cũ là Nguyễn Cao; Nguyễn Cao không chịu khuất, tự tử.

Quan Đại Pháp ở Nghệ An bắt được Đốc học Nguyễn Xuân Ôn. Tháng 4 năm sau giải về Kinh, các quan thương với quan Khâm sứ cho ở ngoài khỏi giam. Được ít lâu, Nguyễn Xuân ôn bị bệnh mất.

Quan Đại Pháp ở Bình Định bắt được Mai Xuân Thưởng⁴, Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận và từ Phó tướng trở xuống cả thảy 11 người, đều chém cả.

Tháng 5, đòi Hữu trực kỳ Khâm mạng đại sứ là Hoàng Tá Viêm về Kinh đợi chỉ.

Lại cho ông Nguyễn Hữu Độ ra làm Kinh lược đại sứ ngoài Bắc Kỳ.

Tỉnh Thanh bắt được Tú tài Nguyễn Phương và con là Nguyễn Quỳnh⁵. Nguyễn Phương liền tự tử.

¹ Khi ấy chưa có lệ được ăn hưu bổng.

² Phạm Bành nguyên Thị độc lãnh Án sát Nghệ An, khi khởi sự xưng Tán lý.

³ Diệp Văn Cương hàm kiểm thảo, kiêm quản sở Hành Nhon, Nguyễn Hữu Mẫn làm Tư vụ sở Hành Nhon.

⁴ Mai Xuân Thưởng đậu Cử nhơn khi khởi nghĩa tự xưng Nguyên soái.

⁵ Nguyễn Phương tự xưng phó Đô thống, Nguyễn Quỳnh tự xưng Lãnh binh.

Gặp ngày Chánh trung, quan Khâm sứ xin duyệt binh trước lầu Ngọ Môn, rước Ngài lên Ngũ phụng lâu xem duyệt binh. Ngự xem duyệt binh từ đây là đầu.

Tháng 6, Nguyễn Thân đánh phá toán quân Nguyễn Hiệu tại núi An Lâm, chém những người cừ mục, lấy được khí giới tiền lương nhiều lắm. (Hiệu đậu Phó bảng, hàm Hường lô tự khanh).

Tháng 7, ngày Nhâm Tuất, có vì sao chạy, tiếng kêu như sấm. (Sao ấy từ đông nam chạy qua tây bắc rồi rớt xuống, sắc xanh xen sắc đỏ, khi đầu nghe ầm một tiếng như súng lớn, rồi sau nổ hai ba tiếng như sấm nhỏ).

Nguyễn Thân tìm ra bọn Nguyễn Hiệu ở miền thượng nguyên Phước Sơn, bắt sống được 8 người cừ mục và thân quyến.

Nguyễn Thân sai người bắt được Nguyễn Hiệu, chạy cờ đỏ về báo tiệp, bỏ Nguyễn Hiệu vào cũi giải về Kinh. Khoản trong 10 ngày, cừ mục ra thú rất nhiều. Tỉnh Quảng Nam yên lặng.

Thân hào tỉnh Nghệ ra thú 442 người; đều cho về nhà làm ăn.

Cho Khâm sai đại thần là Nguyễn Thân gia hàm Thượng thư nhưng sung Nghĩa Định Tiểu phủ sứ; lại thưởng thêm một cái Kim khánh hạng lớn khắc 4 chữ "Lao năng khả tướng".

Cho Nguyễn Thuật làm chức Tả trực kỳ¹ Tuyên ủy xử trí đại thần, Nguyễn Thuật đem tình hình điều háo trong tỉnh Quảng Nam tâu lên, xin rằng trong năm Hàm Nghi, tỉnh ấy còn thiếu thuế đinh và thuế các hạng bao nhiêu xin gia ân tha hết. (Trừ thuế nha phiến, thuế yển sào, thuế mỏ than và thuế rượu thời phải chiếu lệ nộp đủ). Ngài cho.

Tháng 10, quan Văn minh điện đại học sĩ tước Phò nghĩa tử là Phan Đình Bình bị việc, định tội chết.

Tháng 11, người tỉnh Nghệ là Hường lô tự thiếu khanh Nguyễn Thành ra thú. Được ít lâu, bị bệnh mất.

Tháng 12, quan Đại Pháp giao lại miếu Công thần và các đại trại lính ở trong Kinh thành từ cửa tây nam đến cửa Chánh Tây, còn các sở chưa giao lại.

Năm Mậu Tý thứ III (1883), tháng giêng, đặt nha Kinh lược ngoài Bắc Kỳ.

Tháng 2, quan Toàn quyền là ông Công Tăng tới Kinh vào yết và dâng quốc thư nước Đại Pháp. Trong thư đại ý nói rằng: đức Giám quốc mới thiết sẵn lòng về việc giao hiếu. Ngài ngự qua lầu sứ hỏi thăm, truyền phủ Tôn Nhơn và Đình thần làm thư đáp lại.

Cho học trò trường Hành nhơn được ăn lương và được trừ xâu thuế. Ấy là theo lời Diệp Văn Cương xin.

Tháng 3, đặt tỉnh Phương Lâm ngoài Bắc Kỳ. Tỉnh lỵ đóng tại làng Phương Lâm thuộc về huyện Bất Đạt. Dem đạo Mỹ Đức trong tỉnh Sơn Tây và các hạt dân Mọi, dân Thổ trong tỉnh Ninh Bình lập thành tỉnh ấy, giao quan Công sứ quản trị.

Tháng 4, quan Đại Pháp mới lập sở Đại Nam nhật báo.

Sai các quan thầy thuốc mình qua lầu sứ học phép trồng đậu.

Trong tỉnh Nghệ đất mọc lông (dài hơn 2 tấc, sắc đen).

Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh bị chứng dịch.

Đặt nha Điển Nông trong tỉnh Quảng Ngãi. Vì các quan tỉnh tâu rằng: "người tỉnh ấy có quan quyền Bồi chánh cũ là Võ Duy Tính trình rằng: trong hạt ấy những đất ruộng bỏ hoang và những chỗ đầm lầy cát bồi có thể khai khẩn được hãy còn nhiều lắm, xin khai khẩn hết để thêm địa lợi. Võ Duy Tính lại xin làm chủ việc ấy và xin lựa một người Thổ trước đặt làm Bang tá, phái thêm vài người tỉnh thuộc

¹ Tả trực là tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi; Tả kỳ là tỉnh Bình Định, Phú Yên.

với Hiệp quản, Suất đội đem 100 quân đóng thành một sở để làm việc. Còn bổng hưởng, trâu bò, cày bừa, xin quyền thại mà cấp. Đợi ba năm rồi sẽ chiếu sổ thành hiệu nghĩ định thưởng phạt".

Tháng 5, chuẩn cho đem tiền nạp thuế; cứ mỗi hộ lúa nạp 8 quan tiền.

Tháng 6, Tây buôn tên là Đô Phối xin rằng: trước ông ấy đã lãnh trưng thuế gỗ, nứa, mây, thuộc về tỉnh Thanh, tỉnh Nghệ. Bây giờ xin trưng hạn trong ba năm hết thầy các thuế sản vật trên rừng. Ngài xuống chỉ giao bộ Hộ bàn định điều lệ giao cho ông ấy nhận làm.

Tháng 7, quan Khâm sứ Hách Tô giao lại một quyển sách chữ Pháp đã dịch rồi của ông quan ba Lô Sơ coi về việc địa đồ. Cơ mật tâu xin giao cho quan tỉnh xét trong tỉnh người nào quan thuộc tình thế trên mọi, thời cho phẩm hàm, phái lên các xứ mọi thám xét.

Tháng 8, đem xứ Hàn (Tourane) làm đất nhượng, địa Đại Pháp.

Tháng 9, đổi nha Kinh lý An Khê làm huyện Bình Khê (thuộc tỉnh Bình Định) đặt quan lại coi việc huyện ấy.

Tháng 10, quan Đại Pháp đóng đồn ở Quảng Bình rước ngài Hàm Nghi về cửa Thuận An; rồi rước lên tàu hỏa qua ở xứ Anh Xe Nhi (Algérie). Nguyên khi trước Trương Quang Ngọc và Nguyễn Đình Trình tới đồn Đại Pháp đầu thú, xin dẫn quan Đại Pháp qua miền Thượng nguyên huyện Tuyên Hóa gọi là xứ Thăng Cuội, rước Ngài Hàm Nghi về Cửa Thuận; rồi quan Toàn quyền tới thương xin rước qua ở xứ khác, đợi khi nào trong nước yên lặng rồi sẽ đưa về. Ngài ngự truyền quan Cơ mật là Đoàn Văn Bình tới cửa Thuận hầu thăm, về tâu. Rồi tàu hỏa nhổ neo đi ngay.

Tháng 11, người tỉnh Quảng Bình tên là Lê Trực¹ đem hơn 100 quân và khí giới tới đồn Thuận Bài đầu thú.

Các quan Cơ mật thấy biên lời khẩu cung Lê Trực nói nhiều câu vô phép, liền thương hỏi quan Toàn quyền xử trí thế nào. Quan Toàn quyền thương rằng: "khi Lê Trực ra thú quý quan trót đã hứa cho tha tội mà lại hậu thưởng; nay nên đừng thưởng nữa, nhưng tha nó khỏi tội, để khiến nó dụ giặc ra thú, chắc rằng nó cũng hết lòng gắng sức". Quan Cơ mật đem việc ấy tâu lên, Ngài cho.

Quan Toàn quyền là ông Lê Na thương rằng: tiền chi phí về khoản đức Hàm Nghi đi thời nước ta cứ mỗi năm chịu 4.981 đồng bạc, và 1 tên bồi hầu mỗi năm cấp lương 299 đồng.

Tháng 12, Ngài se, ngày 27, Ngài băng ! Ngài có 6 ông Hoàng tử và 3 Công chúa. Các quan thấy mấy ông Hoàng còn nhỏ chưa nối ngôi được, mới rước con thứ bảy đức Cung Huệ Hoàng Đế² vào nối ngôi.

¹ Lê Trực trước đậu Tiến sĩ võ, sau làm quan đến Đề đốc.

² Cung Huệ Hoàng Đế là ông Dục Đức. Đến triều Thành Thái mới truy tôn, chớ khi trước bị bỏ chưa có miếu hiệu.